

R

THANH TRA CHÍNH PHỦ

ĐỀ TÀI KHOA HỌC CẤP BỘ TRỌNG ĐIỂM
“TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CÔNG TÁC THANH TRA”

CÁC CHUYÊN ĐỀ NGHIÊN CỨU

Chủ nhiệm đề tài: Quách Lê Thanh
Tổng thanh tra
Thanh tra Chính phủ

Hà nội, tháng 05 năm 2006

6083 - 3

579/06

MỤC LỤC

1. Suy nghĩ về định hướng nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác thanh tra 1
ThS. Đinh Văn Minh
Phó Viện trưởng Viện Khoa học Thanh tra, Thanh tra Chính phủ
2. Quá trình nhận thức tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác thanh tra 8
Nguyễn Duy Quang
Nguyên Giám đốc Trung tâm NCKH & TT, Thanh tra Chính phủ.
3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò, vị trí công tác thanh tra trong công tác lãnh đạo Đảng, quản lý của Nhà nước, những giải pháp, kiến nghị vận dụng trong tình hình hiện nay 31
TS. Lê Mạnh Luân
Chánh Văn phòng, Ban Nội chính TW.
4. Tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng cộng sản Việt Nam về công tác kiểm tra và việc thi hành kỷ luật trong Đảng 44
Cao Văn Thống
Phó Vụ trưởng Vụ Nghiên cứu, Ủy ban Kiểm tra TW
5. Nhân dân giám sát nhà nước, nhà nước thực hiện kiểm tra, thanh tra, một quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân - sự vận dụng của Đảng và Nhà nước ta..... 76
PGS. TS. Nguyễn Khánh Bật
Viện trưởng Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng và Nhà nước Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
6. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân..... 87
ThS. Nguyễn Tuấn Anh
Chuyên viên Vụ II, Thanh tra Chính phủ
7. Tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác thanh tra, một nội dung quan trọng trong hệ thống các quan điểm xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân 98
Trương Quốc Hưng
Viện Khoa học Thanh tra, Thanh tra Chính phủ

8. Quan điểm của Hồ Chủ tịch về công tác thanh tra với sự thành lập Ban Thanh tra đặc biệt 112
Nguyễn Thị Ánh Tuyết
Phó Trưởng phòng Tổng hợp, Thanh tra Chính Phủ
9. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chống tham ô lãng phí, quan liêu, những biện pháp, kiến nghị vận dụng trong tình hình hiện nay 121
PGS.TS. Lưu Văn Sùng
*Viện trưởng Viện Khoa học Chính trị,
Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh*
10. Tìm hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh về chống tham ô, lãng phí, chống bệnh quan liêu..... 136
Nguyễn Vũ Quỳnh Lâm
Viện khoa học Thanh tra, Thanh tra Chính phủ
11. Tìm hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo 152
ThS. Đinh Văn Minh
Phó Viện trưởng Viện Khoa học Thanh tra
12. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại tố cáo và chống tham nhũng 161
Vũ Văn Chiến
Phó Tổng biên tập Tạp chí Thanh tra, Thanh tra Chính phủ
13. Tư tưởng Chủ tịch Hồ Chí Minh về yêu cầu đối với cán bộ thanh tra - Những biện pháp kiến nghị trong tình hình hiện nay 1721
Nguyễn Khắc Hoàng
Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Thanh tra Chính phủ
14. Yêu cầu đối với cán bộ thanh tra..... 186
Nguyễn Lê Thanh
Viện Khoa học Thanh tra
15. Một số nội dung trong tư tưởng Hồ Chí Minh về thanh tra 202
ThS. Nguyễn Sỹ Giao
Viện Khoa học Thanh tra, Thanh tra Chính phủ

16. Tư tưởng Hồ Chí Minh về nguyên tắc, phương pháp thanh tra, kiểm tra 215
Phạm Quốc Khánh
Viện Khoa học Thanh tra, Thanh tra Chính phủ
17. Quán triệt các quan điểm, tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác thanh tra trong đổi mới tổ chức, hoạt động của các cơ quan thanh tra nhà nước..... 227
Trần Đức Lượng
Vụ trưởng Vụ II, Thanh tra Chính phủ
18. Kết hợp giữa thanh tra, kiểm tra của nhà nước với giám sát của nhân dân, một luận điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng, hoàn thiện nhà nước của dân, do dân, vì dân..... 248
ThS. Nguyễn Đình Quyền
Vụ trưởng Vụ Pháp luật, Văn phòng Quốc hội
19. Cùng cố tổ chức, tăng cường chỉ đạo hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân, sự cụ thể hoá và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về nhân dân giám sát nhà nước, cán bộ nhân viên nhà nước..... 263
Đỗ Duy Thường
Phó Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam
20. Thanh tra nhân dân, sự vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng, Nhà nước đối với quan điểm Hồ Chí Minh về “nhân dân giám sát nhà nước” ở cơ sở 278
Phạm Thị Huệ
Viện Khoa học Thanh tra, Thanh tra Chính phủ

SUY NGHĨ VỀ ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CÔNG TÁC THANH TRA

*Ths. Đinh Văn Minh
Phó Viện trưởng Viện KHTT
Thanh tra chính phủ*

“Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm lý luận chính trị toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của Cách mạng Việt nam, là kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác- Lê nin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa của nhân loại.”

(Chỉ thị số 23-CT/TW ngày 27/3/2003 về đẩy mạnh nghiên cứu, tuyên truyền, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn mới)

Nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh khá rộng lớn, phong phú, thể hiện từ đường lối cách mạng chung đến từng lĩnh vực, từ tư tưởng đến đạo đức phong cách, từ lời nói đến việc làm, đến tấm gương con người Hồ Chí Minh. Trong lĩnh vực về thanh tra, Hồ Chủ tịch cũng đã dành rất nhiều sự quan tâm và thể hiện thái độ, quan điểm của mình một cách có hệ thống hết sức sâu sắc. Từ trước đến nay chúng ta đã có nhiều bài nói, bài viết tìm hiểu quan điểm của người về các mặt liên quan đến công tác thanh tra, từ nhận thức thái độ về vai trò vị trí của công tác thanh tra, chức năng nhiệm vụ của ngành Thanh tra thông qua việc nghiên cứu quá trình hình thành và phát triển của ngành thanh tra Việt Nam kể từ Sắc lệnh số 64 lịch sử, đến phương pháp tiến hành thanh tra, phẩm chất người cán bộ thanh tra...

Tất cả những kết quả nghiên cứu đó từng bước làm sáng rõ quan điểm của Người đối với công tác thanh tra và có ý nghĩa lý luận to lớn trong việc định hướng cho quá trình phát triển của ngành thanh tra. Tuy nhiên những nghiên cứu đó mới chỉ dừng lại ở việc làm rõ những quan điểm cụ thể của Người về công tác thanh tra, thực sự chưa tương xứng với tầm vóc và ý nghĩa của tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác thanh tra, với tư cách là một bộ phận hợp thành tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường cách mạng Việt Nam.

Tư tưởng của một con người vĩ đại, một bậc thánh nhân như Hồ Chí Minh phải được nghiên cứu một cách toàn diện và sâu sắc, từ sự hình thành, phát triển và nguồn gốc đến các nội dung của tư tưởng đó, đồng thời tìm ra được cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc vận dụng sáng tạo tư tưởng đó trong điều kiện và hoàn cảnh cụ thể trong từng lĩnh vực với một mục tiêu bất di bất

dịch của tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường cách mạng Việt Nam là con đường đi lên chủ nghĩa xã hội “ai cũng được cơm no, áo mặc, ai cũng được học hành”

Vậy thì nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác thanh tra cũng cần phải hướng vào việc làm sáng rõ quá trình hình thành, nguồn gốc những quan điểm, quan niệm của Hồ Chí Minh về công tác thanh tra và các luận điểm cơ bản của Người về thanh tra nói chung và về những mặt cụ thể trong công tác thanh tra. Đây là vấn đề hoàn toàn không đơn giản và vì thế nên chẳng cần đặt một loạt các vấn đề cần nghiên cứu sáng tỏ:

Vì sao trong quá trình xây dựng và hoàn thiện nhà nước dân chủ nhân dân Hồ Chủ tịch lại đặc biệt quan tâm đến công tác thanh tra?

Vì sao Hồ Chủ tịch đã ký Sắc lệnh số 64 thành lập Ban thanh tra đặc biệt chỉ hai tháng sau khi nhà nước non trẻ ra đời với bao công việc bộn bề và trong hoàn cảnh thù trong giặc ngoài, tình hình trong nước và quốc tế cực kỳ phức tạp?

Vì sao Người luôn luôn nhắc nhở thanh tra là tai mắt của trên là người bạn của dưới?

Những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác thanh tra là gì?

Để trả lời những vấn đề nêu trên thiết nghĩ trước hết cần thống nhất về mặt phương pháp luận trên hai khía cạnh sau đây:

Một là nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác thanh tra phải xuất phát từ tư tưởng Hồ Chí Minh về việc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước dân chủ nhân dân, nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, chỉ có như vậy mới thấy được vị trí vai trò và ý nghĩa của công tác thanh tra. Nguồn gốc của tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước lại xuất phát từ tinh thần yêu nước thương dân, một tinh thần dân tộc cao cả và sâu sắc của người. Người từng nói: *“Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc là làm sao cho nước ta hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành...Nếu cần có đảng phái thì sẽ là đảng của dân tộc Việt Nam, đảng đó chỉ có một mục đích làm cho dân tộc ta hoàn toàn độc lập...”* Người đến với Chủ nghĩa Mác Lê nin từ tấm lòng của một người yêu nước, bởi vì Người thấy đó là chủ nghĩa duy nhất đúng đắn, giúp cho dân tộc, cho nhân dân Việt Nam thoát khỏi ách nô lệ, “tự do là đây, cơm áo là đây”, Chủ nghĩa đó không chỉ nhằm giải phóng giai cấp mà còn giải phóng các dân tộc bị áp bức với khẩu hiệu “Giai cấp vô sản trên toàn thế giới và các dân tộc thuộc địa đoàn kết lại” và Người khẳng

định: “*Con đường giải phóng dân tộc không có con đường nào khác là con đường cách mạng vô sản.*”. Từ chủ nghĩa yêu nước chân chính Người đã đến với chủ nghĩa Quốc tế vô sản.

Sau khi lãnh đạo Cách mạng giành chính quyền thì vấn đề xây dựng và củng cố chính quyền nhân dân được đặt lên hàng đầu. Vấn đề giành chính quyền là vấn đề cơ bản của mọi cuộc cách mạng. Nhưng với Hồ Chí Minh cách mạng không chỉ giành chính quyền mà quan trọng hơn nữa là phải xây dựng chính quyền đó thực sự là của dân, do dân và vì dân, đó mới chính là mục tiêu cao nhất của Người “*Chính phủ là công bộc của dân vậy. Các công việc của Chính phủ làm phải nhằm một mục đích duy nhất là mưu tự do hạnh phúc cho mọi người. Cho nên Chính phủ nhân dân bao giờ cũng phải đặt quyền lợi dân lên trên hết thảy. Việc gì có lợi cho dân thì phải làm. Việc gì có hại cho dân thì phải tránh*” (HCM toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 1995, Tập 4, tr.22-23) “*Muốn cho dân yêu, muốn được lòng dân, việc gì có lợi cho dân phải hết sức làm, việc gì có hại cho dân phải hết sức tránh... Nói tóm lại, hết thảy những việc có thể nâng cao đời sống vật chất tinh thần của dân phải được ta đặc biệt chú ý*” (Sách đã dẫn tập 4 trang 47 - 48). Không thể kể hết những điều tâm huyết của Người khi nói về việc xây dựng một nhà nước của dân và thực sự vì dân. Vì vậy cần phải xây dựng chính quyền thực sự vì dân cũng như có độc lập thì nền độc lập đó phải mang lại hạnh phúc cho nhân dân mới có ý nghĩa “*nếu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc, tự do thì độc lập cũng chẳng có ý nghĩa gì*” (sách đã dẫn Tập 4 trang 56-58).

Và với nhãn quan cách mạng sáng suốt cùng với sự tiếp thu có chọn lọc tinh hoa của triết học pháp quyền phương tây, Người đã nhìn thấy trước những vấn đề có thể nảy sinh, những khuyết tật bẩm sinh của quyền lực. Quyền lực nhà nước bắt nguồn từ nhân dân nhưng nếu không có những cơ chế giám sát, kiểm soát, quyền lực đó rất dễ bị tha hoá, Chính phủ từ chỗ là của dân sẽ trở thành Chính phủ cai trị dân, cán bộ đảng viên từ chỗ là công bộc của dân nếu không biết tự rèn luyện thường xuyên và không được kiểm soát tốt sẽ trở thành các quan cách mạng chỉ lo “*vinh thân phì gia*”, “*xung quanh các Ủy ban nhân dân, một vài nơi tiếng phàn nàn oán thán nhiều hơn tiếng khen. Những Ủy ban đó không những không được dân yêu còn bị dân khinh, dân ghét là khác nữa*”. (Báo Cứu quốc số 65 ngày 12 tháng 10 năm 1945). Tất cả mối quan tâm lo lắng đó cùng với những biểu hiện của bệnh quan liêu mất dân chủ, lợi dụng chức quyền để mưu lợi cá nhân, ức hiếp quần chúng xuất hiện ngay từ những ngày đầu giành chính quyền đã thôi thúc Hồ Chủ tịch tìm ra một cơ chế thích hợp để giám sát các cơ quan thực hiện quyền lực nhà nước. Quá trình thảo luận đề ban hành Sắc lệnh số 64 thành

lập Ban thanh tra đặc biệt đã lý giải cho điều này. Điều đầu tiên của Sắc lệnh số 64 là *“Chính phủ sẽ thành lập ngay một Ban thanh tra đặc biệt có uy nhiệm là đi giám sát tất cả các công việc và các nhân viên của các Ủy ban nhân dân và các cơ quan của Chính phủ”*. Toàn bộ những nhiệm vụ của ban thanh tra đặc biệt qui định tại Điều 2 của Bản sắc lệnh quan trọng này (giải quyết khiếu nại của dân, xem xét, xử lý những cơ quan và cá nhân phạm lỗi, đề nghị lên chính phủ những điều cần sửa đổi trong các cơ quan đều thống nhất trong một mục tiêu duy nhất: **bảo đảm các cơ quan nhà nước và cán bộ, nhân viên nhà nước thực hiện đúng trách nhiệm của mình, bảo đảm sự liêm chính và phục vụ nhân dân**

Hai là, nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác thanh tra trong sự thống nhất giữa các quan điểm của Người về công tác thanh tra với các quan điểm về công tác kiểm tra của Đảng, giữa sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Bộ máy nhà nước

Đây cũng là vấn đề hết sức quan trọng về phương pháp luận cần phải lý giải và thống nhất về nhận thức. Do đặc điểm của cách mạng Việt Nam, sự hình thành nhà nước dân chủ nhân dân gắn bó chặt chẽ với sự ra đời và quá trình lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam. Quá trình hoàn thiện nhà nước dân chủ nhân dân cũng là quá trình khẳng định vai trò to lớn, sự lãnh đạo, toàn diện tuyệt đối của đảng. Đảng ta là đảng cầm quyền. đảng lãnh đạo thông qua việc đề ra đường lối chủ trương trong các Nghị quyết, thông qua hoạt động của các cán bộ đảng viên trong bộ máy nhà nước. Nhà nước ta là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, một nhà nước của dân do dân và vì dân, tất cả quyền lực thuộc về nhân dân. Chính vì vậy, ở nước ta có sự thống nhất hữu cơ giữa sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước và việc thực hiện quyền lực nhân dân. Cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ thể hiện tinh thần đó. Một mặt Đảng tăng cường năng lực lãnh đạo của mình, mặt khác Đảng lãnh đạo xây dựng và nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước. Chính vì vậy giữa lãnh đạo và quản lý, giữa tổ chức Đảng và các cơ quan nhà nước, giữa công tác thanh tra nhà nước và công tác kiểm tra của đảng, giữa việc tăng cường giáo dục và kiểm soát việc thực hiện chức trách công vụ để bảo đảm tính liêm chính của đội ngũ cán bộ công chức nhà nước với việc giáo dục phẩm chất chính trị và tính tiên phong gương mẫu của người đảng viên...luôn gắn bó chặt chẽ với nhau. Đặc biệt trong thời gian mới giành được độc lập, chính quyền còn non trẻ sơ khai, sự lãnh đạo của đảng là trực tiếp và cụ thể, khi đó *“đảng, chính quyền, đoàn thể”* là một thể thống nhất biểu hiện cho sự đại diện quyền lực của nhân dân. Chính vì lẽ đó *nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác thanh tra cần được đặt trong sự thống nhất giữa các quan điểm của Người về*

công tác thanh tra với các quan điểm về công tác kiểm tra của Đảng, giữa sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Bộ máy nhà nước.

Chính vì vậy không thể trên cơ sở sự phân tích các từ ngữ, thuật ngữ, khái niệm mà Hồ Chủ tịch đã dùng để phân tách các vấn đề bao trùm có tính chất hệ thống thể hiện tư tưởng về nhà nước và cách mạng của Người.

Hồ Chủ tịch nói:

“Lãnh đạo đúng nghĩa là:

- 1. Phải quyết định mọi vấn đề một cách cho đúng...*
- 2. Phải tổ chức sự thi hành cho đúng;*
- 3. Phải tổ chức sự kiểm soát...”*

Trong “Một việc mà các cơ quan lãnh đạo cần thực hành ngay”, Người nói: *“Khi có chính sách đúng, thì sự thành công hoặc thất bại của chính sách đó là do nơi tổ chức công việc, nơi lựa chọn cán bộ, và do nơi kiểm tra”*

Tại Sắc lệnh số 64 thành lập Ban thanh tra đặc biệt lại qui định Ban thanh tra đặc biệt có nhiệm vụ là “giám sát”...Bác Hồ còn dùng nhiều thuật ngữ khác như “cử soát” “theo dõi”...tùy từng chỗ, đối với từng lĩnh vực hoạt động khác nhau: tại các hội nghị của đảng, đối với cơ quan nhà nước hoặc các tổ chức xã hội đoàn thể. Tóm lại, mặc dù dùng nhiều cách nói khác nhau nhưng tựu trung lại đó đều thể hiện tư tưởng của Hồ Chủ tịch về công tác kiểm soát hoạt động của cơ quan đảng, bộ máy nhà nước và các cán bộ, đảng viên trong các cơ quan tổ chức đó, những người thực hiện quyền lực nhà nước. Đây là một vấn đề không thể bỏ qua khi nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác thanh tra.

Ba là, nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh cần nghiên cứu hệ thống quan điểm của Người về công tác thanh tra, kiểm tra nói chung và những mặt công tác có tính chất truyền thống của ngành thanh tra, đó là công tác thanh tra, công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo và công tác đấu tranh chống tham nhũng

Đây là vấn đề hệ trọng cần được thống nhất về mặt nhận thức ngay từ đầu để có định hướng nghiên cứu và xác định được phạm vi nghiên cứu. Trên thực tế công tác thanh tra, kiểm tra, công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân và công tác chống tham nhũng (mà Hồ Chủ tịch thường gọi là nạn tham ô, nạn lãng phí và bệnh quan liêu) đều là những mảng công tác hết sức quan trọng trong hoạt động lãnh đạo của đảng và sự quản lý điều hành của Nhà nước. Khác với các lĩnh vực công tác khác, chẳng hạn lĩnh vực xét xử chỉ do Toà án thực hiện, lĩnh vực điều tra chỉ do các cơ quan điều tra tiến hành,

công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại tố cáo và đấu tranh chống tham nhũng lại thuộc trách nhiệm của toàn đảng toàn dân, của toàn bộ hệ thống chính trị. Tuy nhiên, nhìn từ phương diện lịch sử sẽ thấy rằng, các tổ chức thanh tra chính là người đóng vai trò quan trọng nhất trong công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và đấu tranh chống tham nhũng. Sắc lệnh số 64, văn bản đánh dấu sự ra đời của ngành thanh tra mặc dù còn rất sơ khai nhưng có những qui định về chức năng nhiệm vụ, quyền hạn bao hàm đầy đủ các phương diện hoạt động này của ngành thanh tra. Nói một cách khác, nội hàm của khái niệm công tác thanh tra đã bao hàm các lĩnh vực thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và đấu tranh chống tham nhũng.

Chính vì vậy nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác thanh tra phải kết hợp giữa việc nghiên cứu hệ thống quan điểm của Người về công tác thanh tra kiểm tra đấu tranh chống tham nhũng với tư cách là những nhiệm vụ quan trọng của quá trình xây dựng bộ máy nhà nước của dân do dân vì dân với việc nghiên cứu hệ thống quan điểm của người về các chức năng nhiệm vụ của ngành thanh tra Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử được thể hiện trong các bài nói, bài viết, những lời huấn thị cán bộ thanh tra tại các Hội nghị ngành thanh tra và cả trong các văn bản pháp luật qui định chức năng nhiệm vụ của các tổ chức thanh tra nhà nước trong các thời kỳ lịch sử. Đó là những nội dung không thể tách rời trong quá trình nghiên cứu. Điều đó cũng thể hiện sự nhất quán trong tư tưởng quan điểm của người về xây dựng nhà nước cũng như phản ánh sự gắn bó hữu cơ giữa công tác thanh tra với các mặt công tác khác trong hoạt động tổng thể của bộ máy nhà nước ta.

Bốn là, khi nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác thanh tra cần quán triệt tinh thần của Chỉ thị số 23, đó là cần phải làm rõ những quan điểm tư tưởng của Người về công tác thanh tra “ *là kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác- Lê nin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa của nhân loại.*”

Điều đó đòi hỏi khi nghiên cứu đánh giá những luận điểm của Người cần đánh giá sự kết hợp giữa về vấn đề quyền lực nhân dân, về nhà nước và Cách mạng, về thanh tra và kiểm kê, kiểm soát và các vấn đề lý luận khác của chủ nghĩa Mác Lê nin, các tư tưởng triết học và pháp quyền của phương Tây, các giá trị nhân văn cao cả của triết học phương Đông cũng như những giá trị tinh hoa mang tính truyền thống của Việt Nam với sự vận dụng sáng tạo của Hồ Chủ tịch vào điều kiện hoàn cảnh cụ thể của cách mạng Việt nam trong từng giai đoạn lịch sử. đồng thời các quan điểm tư tưởng đó thể hiện nhân quan thiên tài, sáng suốt cùng với cốt cách nhân ái của một hết mực yêu nước, thương dân của cá nhân con người Hồ Chí Minh.

Việc nghiên cứu không chỉ giản đơn trong việc phân tích những quan điểm của người mà còn đào sâu hơn nữa trong việc tìm hiểu nguồn gốc và quá trình hình thành phát triển tư tưởng đó cũng như tính thực tiễn trong hệ thống quan điểm của Người. Đặc biệt là cần thấu triệt các quan điểm đó trong tư tưởng Hồ Chí Minh để soi sáng những vấn đề lý luận đang đặt ra trong tình hình hiện nay và có những giải pháp định hướng để nâng cao hiệu quả, hiệu lực của công tác thanh tra đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ và tình hình mới

Chỉ có như thế việc nghiên cứu với xứng ngang tầm yêu cầu tìm hiểu tư tưởng một con người vĩ đại như Hồ Chí Minh.

Tóm lại: *Nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác thanh tra là nghiên cứu hệ thống các quan điểm của Người về công tác thanh tra, kiểm tra, khiếu nại, tố cáo và đấu tranh chống tham nhũng, với tư cách là những nhiệm vụ quan trọng của Đảng và Nhà nước, là một khâu không thể thiếu trong công tác lãnh đạo quản lý, kết hợp với việc nghiên cứu các quan điểm chỉ đạo của Hồ Chủ tịch về hoạt động của ngành thanh tra trên các phương diện hoạt động thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và đấu tranh chống tham nhũng, trên cơ sở đó có những vận dụng sáng tạo tư tưởng của người để đề ra các giải pháp cho các vấn đề thực tiễn hiện nay nhằm nâng cao hiệu quả hiệu lực của công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và đấu tranh chống tham nhũng góp phần vào quá trình đổi mới, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, vì sự nghiệp dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.*

QUÁ TRÌNH NHẬN THỨC TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CÔNG TÁC THANH TRA

Nguyễn Duy Quang

Nguyên Giám đốc Trung tâm NCKH & TT¹, TTCP

Nghiên cứu các văn kiện của đảng, các tác phẩm, bài viết, bài nói và hoạt động thực tiễn của Chủ tịch Hồ Chí Minh về xây dựng, hoàn thiện Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, nay là Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, cho thấy Đảng và Hồ Chủ tịch luôn luôn quan tâm và coi trọng không những công tác kiểm tra của Đảng, đặc biệt khi đảng là đảng cầm quyền, mà thường xuyên quan tâm và coi trọng công tác kiểm tra, thanh tra của Chính phủ, của chính quyền các cấp và việc kiểm tra, giám sát của nhân dân đối với hoạt động của bộ máy nhà nước và cán bộ, công chức nhà nước, cũng như việc thực hiện phối, kết hợp giữa thanh tra, kiểm tra của Nhà nước với kiểm tra, giám sát của nhân dân nhằm xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân ngày một hoàn thiện.

I. CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG VÀ CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỀ NHÀ NƯỚC THỰC HIỆN KIỂM TRA, THANH TRA VÀ NHÂN DÂN KIỂM TRA, GIÁM SÁT NHÀ .

1. Nhà nước thực hiện kiểm tra, thanh tra và văn tắt sự hình thành hệ thống các cơ quan kiểm tra, thanh tra nhà nước.

Ngay từ những ngày đầu tiên của chính quyền dân chủ nhân dân mới được thành lập, Đảng Cộng sản Đông Dương đã triệu tập "Hội nghị cán bộ Bắc Kỳ của Đảng Cộng sản Đông Dương" làm việc trong hai ngày 10 và 11 tháng 9 năm 1945 thảo luận về "Tình hình thế giới", "Tình hình Đông Dương" và quyết định chủ trương về "Nhiệm vụ chính trong lúc này", "Vấn đề chính quyền". Đảng Cộng sản Đông Dương đã ra "Nghị quyết án" về những nội dung trên.

Về vấn đề chính quyền, Đảng Cộng sản Đông Dương đã có những chủ trương quan trọng được ghi trong Nghị quyết án trên gồm nội dung sau:

- Huy động các nhân tài và chính trị phạm ra giúp việc;
- Cấp tốc tổ chức các Ủy ban nhân dân: tổ chức các Ủy ban không được hẹp hòi. cô độc, quan liêu; chính quyền là của toàn thể nhân dân, không phải là của đoàn thể Việt Minh; cần lấy những những người đứng đắn, có tín nhiệm

¹ Nay là Viện Khoa học Thanh tra, Thanh tra chính phủ

đưa vào, đề phòng bọn phản động, đầu cơ chui vào, coi chừng bọn đầu cơ lén lút ăn tiền của nhân dân, tẩy trừ bọn phản động trong Ủy ban, bài trừ những ông quan cách mạng; đối với tổng lý và quan cai trị cũ, nếu không phản động thì nên đưa vào hoặc làm cố vấn cho các tiểu ban như cứu tế... để lợi dụng hết khả năng của họ và để tránh những sự chia rẽ không có lợi; tổ chức Ủy ban nhân dân từ 5 đến 7 người, những bộ phận quan trọng Việt Minh cần phải nắm giữ;

- Thống nhất giữa các Ủy ban nhân dân các cấp (xã, huyện, tỉnh...). *Ủy ban nhân dân tỉnh phải phái người đi củ soát các Ủy ban nhân huyện và làng.* Mở các lớp huấn luyện cách thức tổ chức ủy ban nhân dân ở huyện và làng;

- Việc thi hành chung trong chương trình Việt Minh phải cho thống nhất và do Chính phủ định đoạt;

- Việc tiêu trừ Việt và Pháp gian phải căn cứ vào hành động chính trị phá hoại nền độc lập. Quyền bắt Việt và Pháp gian của Ủy ban nhân dân địa phương, chứ không phải của Việt Minh. Không được bắt bố vợ con, cha mẹ Việt hay Pháp gian;

- Việc tịch thu tài sản của Việt hay Pháp gian phải thi hành cho đúng đắn, những nhà cửa, đồ đạc khi tịch thu phải niêm phong để bán đấu giá rồi bỏ tiền vào quỹ của Ủy ban nhân dân địa phương hoặc dùng vào công việc chung. Cấm ngặt cá nhân không được lấy để dùng bừa bãi. Sự tịch thu tài sản của Việt hay Pháp gian phải để lại một phần cho vợ con họ đủ sống;

- Đối với sự kiện tụng trong địa phương phải đặt một ban tư pháp xét xử những việc lặt vặt, còn những việc quan trọng thì trình lên Ủy ban nhân dân tỉnh. Hơn hết trong lúc này những việc kiện tụng nên dàn xếp cho qua đi và chú ý vào vấn đề chính quyền².

Như vậy, Đảng Cộng sản Đông Dương đã có những chủ trương quan trọng về tổ chức và hoạt động ban đầu, trong đó có hoạt động kiểm tra, thanh tra của chính quyền dân chủ nhân dân các cấp ngay từ những ngày đầu tiên khi mới giành được độc lập dân tộc, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà được thành lập. Một trong những chủ trương quan trọng ban đầu đó đối với Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà do Đảng Cộng sản lãnh đạo là *Ủy ban nhân dân cấp trên phải đi củ soát các Ủy ban nhân dân cấp dưới*. "*Củ soát*" là một từ đọc chệch của từ Hán-Việt "Củ soát": *Củ soát* có nghĩa là *xem xét, sát có* nghĩa là *thấy rõ*³. Chủ trương đó, chủ trương chính quyền cấp trên phải

² Hội nghị cán bộ Bắc Kỳ của đảng Cộng sản Đông Dương, ngày 10 và 11. 9. 1945, Văn kiện Đảng toàn tập, NXB Chính trị quốc gia (sau đây sẽ viết tắt là VKĐ), tập 8, tr 7-9

³ Xem: Từ và ngữ Việt Nam của Nguyễn Lân, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, tr 439

đi cù soát chính quyền các cấp dưới đã được ghi trong một văn kiện của Đảng, đó là "Nghị quyết án" do "Hội nghị cán bộ Bắc Kỳ của Đảng Cộng sản Đông Dương" họp trong những ngày 10 và 11 tháng 9 năm 1945 thảo luận, biểu quyết quyết định.

Là người lãnh đạo cao nhất của Đảng và Chính phủ, đã nghiên cứu sâu và có kiến thức uyên bác về các kiểu Nhà nước⁴, có tầm nhìn xa, trông rộng⁵, ngay từ những ngày đầu tiên mới thành lập Chính phủ và trong quá trình thiết lập chính quyền dân chủ nhân dân ở các địa phương, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn quan tâm, hướng dẫn, giao nhiệm vụ và chỉ đạo những người đứng đầu cơ quan chính quyền các cấp từ trung ương đến cơ sở thực hiện chức trách thanh tra, đốc suất, cù soát các công việc và nhân viên. Hướng dẫn "Cách tổ chức các Ủy ban nhân dân" Hồ Chủ tịch chỉ đạo: "Chủ tịch, người đứng đầu Ủy ban có nhiệm vụ tổ chức và giám đốc các cơ quan y tế, vệ sinh, cứu tế, bài trừ hủ tục... Đầu tháng 11 năm 1945, tại một cuộc họp Chính phủ, Hồ Chủ tịch yêu cầu: *"Các Bộ trưởng có thể chia nhau mỗi người đi thanh tra một khu gần Hà Nội, Bộ Nội vụ khảo cứu và lập một chương trình về việc này. Có nhiều việc thụt két ở một vài công sở. Mỗi Bộ có trách nhiệm điều tra và đề nghị với Chính phủ nghiêm trị những người làm bậy"*⁶.

Qua sự hướng dẫn, chỉ đạo và đưa ra yêu cầu trên đây ngay từ những ngày đầu thành lập Chính phủ lâm thời ở trung ương và chính quyền địa phương các cấp cho thấy, Hồ Chủ tịch đã xác định kiểm tra, thanh tra là một nhiệm vụ, một hoạt động không thể thiếu trong việc thực thi công vụ của người lãnh đạo cơ quan chính quyền các cấp.

Chỉ nửa tháng sau khi được thành lập và hoạt động của chính quyền dân chủ nhân dân, là người lãnh đạo sáng suốt và sâu sát thực tiễn, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sớm nhận ra và chỉ rõ những khuyết điểm của một số cán bộ chính quyền trong việc điều hành hoạt động Ủy ban nhân dân các cấp cần phải được sửa chữa kịp thời, như "lạm dụng hình phạt bắt bớ lung tung, tịch thu vô lý, làm cho dân sợ hãi; "kỷ luật không nghiêm, để cho bọn giả mạo tiếng Chính phủ hoặc tên Việt Minh ức hiếp dân, xoáy tiền dân, lấy đồ đạc của dân, làm cho dân oán"; "cũng có người hủ hoá lên mặt làm quan cách mạng, hoặc là độc hành, độc đoán, hoặc là dĩ công dinh tư. Thậm chí dùng phép công để báo thù, làm cho dân oán đến Chính phủ và Đoàn thể". Tại cuộc họp Hội đồng chính phủ ngày 4 tháng 10 năm 1945 sau khi nghe báo cáo về ủy ban nhân dân tỉnh Kiến An, tỉnh Phú Lý "đã làm nhiều việc đáng tiếc", dưới sự điều hành

⁴ Xem: (1) Đường Cách Mạng, 1927, Hồ Chí Minh toàn tập, NXB Chính trị quốc gia, xuất bản lần thứ 2, 1995-1996 (sau đây sẽ viết tắt là HCM), tập 2, tr269-280; (2) Tuyên ngôn độc lập 1945, HCM, tập 4, tr 1-4

⁵ Xem luận cương cách mạng Việt Nam, 1951, tập 12, tr 172-174

⁶ Biên bản họp Hội đồng Chính phủ ngày 13-11-1945

của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Chính phủ đã thảo luận về vấn đề "ai có quyền trừng phạt các Ủy ban nhân dân địa phương?" Về vấn đề này Chính phủ cho rằng có liên quan đến "vấn đề phân quyền", và phải do Hiến pháp định đoạt. Trong lúc đợi chờ một Hiến pháp, vấn đề này có thể giải quyết như sau: *Chính phủ giao cho cấp trên quyền xử cấp dưới; giao cho Bộ nội vụ lập một Ủy ban Thanh tra hành chính để đi điều tra việc hành chính ở các địa phương.* Bộ Nội vụ đã cử ba người đi thanh tra ở Bắc Bộ. Như vậy, lần đầu tiên do thực tiễn đặt ra, Chính phủ đã cử người đi thanh tra ở Bắc bộ và thảo luận, giao cho Bộ Nội vụ thành lập Ban Thanh tra đi kiểm tra hành chính ở các địa phương. Trong tình hình đất nước "nội loạn, ngoại xâm không lúc nào không có, nên còn nhiều việc đáng làm mà Chính phủ trung ương không làm được, có nhiều cái biết là hay, nhưng cơn việc gấp phải làm gấp cái đã... Còn những việc làm, mà chưa làm được thì xin đồng bào nguyên lượng". Ngay trong những ngày tháng "còn nhiều việc gấp phải làm gấp cái đã" ấy, nhưng do thực tiễn đặt ra Chính phủ lâm thời do Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo cũng đã dành nhiều thời gian bàn về công tác kiểm tra, thanh tra. Trong hơn 10 cuộc họp của Chính phủ tại Hà Nội dưới sự chủ trì của Hồ Chủ tịch vào các ngày 6, 7, 13, 14, 19, 21, và 23 tháng 11 năm 1945 Chính phủ đã thảo luận về sự cần thiết, về nhiệm vụ, quyền hạn, về nhân sự ... của tổ chức thanh tra.

Qua thảo luận về thanh tra tại các cuộc họp nêu trên Chính phủ cho rằng:

- Chính phủ cần phải kiểm soát và đốc thúc công việc các bộ;
- Cần phải kiểm tra việc hành chính ở các địa phương;
- Cần phân biệt công việc kiểm tra là công việc thường xuyên của người phụ trách, còn công việc thanh tra là công việc của cấp trên xem xét công việc của cấp dưới;
- Cần phải thành lập tổ chức thanh tra của Chính phủ, Ban Thanh tra ở một số bộ, như Bộ Nội vụ, Bộ Quốc dân kinh tế, Bộ Tài chính, v.v..
- Thanh tra có quyền phạt những người làm sai, khen thưởng những người làm tốt⁷.

Trong thời gian chưa thành lập tổ chức thanh tra của Chính phủ, Hồ Chủ tịch đã giao cho Bộ Nội vụ thành lập một Ban Thanh tra hành chính có nhiệm vụ đi kiểm tra công việc hành chính của các địa phương, giao cho Bộ Quốc dân kinh tế kiểm soát việc sản xuất giấy, bìa trong toàn quốc, giao cho

⁷ Xem các Biên bản họp Hội đồng Chính phủ ngày 13, 14, 19 và 21/11/1945, đầu tháng 10/1949

Bộ Tuyên truyền và Cổ động kiểm soát giấy, bìa nội, nhập cảng và phân phối các sản phẩm đó đến nơi tiêu thụ.

Như vậy, do tình hình thực tiễn hoạt động của Ủy ban nhân dân các cấp đặt ra, Hội đồng chính phủ do Hồ Chủ tịch lãnh đạo đã phải dành nhiều cuộc họp bàn về việc kiểm tra thanh tra của Chính phủ và chính quyền các cấp, các ngành. Sau nhiều lần thảo luận về sự cần thiết, về nhiệm vụ, quyền hạn, về nhân sự... Chính phủ đã nhất trí phải thành lập Ban Thanh tra đặc biệt của Chính phủ và một số Ban Thanh tra của bộ. Sau khi được Hội đồng chính phủ thoả thuận, ngày 23 tháng 11 năm 1945 Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký sắc lệnh số 64/SL thành lập Ban Thanh tra đặc biệt có uy nhiệm đi giám sát tất cả các công việc và các nhân viên của các Ủy ban nhân dân và các cơ quan của Chính phủ. Theo Sắc lệnh, Ban Thanh tra đặc biệt phải "có uy nhiệm" của Chính phủ "đi giám sát tất cả các công việc và nhân viên của Ủy ban nhân dân và các cơ quan của chính phủ". Điều này có một ý nghĩa về lý luận và thực tiễn ngay từ ban đầu khi thành lập. Đảng và Hồ Chủ tịch đã xác định cơ quan thanh tra là công cụ của cơ quan quản lý nhà nước. Theo Sắc lệnh 64/SL một Toà án đặc biệt cũng được thành lập do Chủ tịch Chính phủ lâm thời làm Chánh án và Bộ trưởng Bộ Nội vụ. Bộ trưởng Bộ Tư pháp làm Hội thẩm để xét xử những nhân viên phạm lỗi của các Ủy ban nhân dân hay các cơ quan của Chính phủ do Ban Thanh tra đặc biệt qua kiểm tra phát hiện, chuyển sang. Cùng ngày 23 tháng 11 năm 1945, trước khi ký Sắc lệnh số 64/SL thành lập Ban Thanh tra đặc biệt, Hồ Chủ tịch đã ký Sắc lệnh số 63/SL về tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền các cấp. Theo Sắc lệnh, "Để thực hiện chính quyền nhân dân địa phương trong nước Việt Nam, sẽ đặt hai thứ cơ quan: Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính. Ở hai cấp xã và tỉnh có Hội đồng nhân dân và ủy ban hành chính; ở cấp huyện và kỳ chỉ có Ủy ban hành chính. Ủy ban hành chính do Hội đồng nhân dân bầu ra là cơ quan hành chính vừa thay mặt cho dân vừa đại diện cho Chính phủ ở địa phương.

Về quyền hạn kiểm soát của Ủy ban hành chính các cấp, Sắc lệnh 63/SL ngày 23 tháng 11 năm 1945 quy định:

- Ủy ban hành chính xã kiểm soát các cơ quan chuyên môn cấp xã về cách thừa hành chức vụ; hoà giải về tất cả các việc; xử các việc vi cảnh, nhưng chỉ được phạt tiền.

- Ủy ban hành chính cấp huyện kiểm soát sự thi hành mệnh lệnh của các cấp trên, kiểm soát các Ủy ban hành chính và Hội đồng nhân dân xã; kiểm soát các cơ quan chuyên môn về cách thừa hành chức vụ.

- Ủy ban hành chính cấp tỉnh kiểm soát các Ủy ban hành chính và Hội đồng nhân dân các cấp dưới; kiểm soát các cơ quan chuyên môn về cách thừa hành chức vụ.

- Ủy ban hành chính cấp kỳ kiểm soát các Ủy ban hành chính và Hội đồng nhân dân các cấp dưới; kiểm soát các cơ quan chuyên môn về cách thừa hành chức vụ.

Sáu tháng sau khi thành lập Ban Thanh tra đặc biệt và quy định nhiệm vụ quyền hạn kiểm soát của Ủy ban hành chính các cấp, ngày 3 tháng 5 năm 1946 Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 57/SL quy định cơ cấu tổ chức bộ máy của mỗi bộ của Chính phủ Việt Nam. Việc tổ chức, nhiệm vụ của thanh tra bộ. Sắc lệnh số 57/SL ngày 3 tháng 5 năm 1946 có những quy định sau :

- Trong mỗi bộ của Chính phủ Việt Nam, Bộ trưởng và Thứ trưởng có thể có một cơ quan Thanh tra.

- Nếu cần, mỗi bộ đặt ra một Nha Thanh tra do một ông Tổng Thanh tra điều khiển và có một số thanh tra giúp việc.

Tổng Thanh tra và các Thanh tra do Sắc lệnh bổ nhiệm theo đề nghị của Bộ trưởng. Sắc lệnh sẽ đưa ra Hội đồng Chính phủ thông qua.

- Nha Thanh tra có nhiệm vụ kiểm soát các công việc của các cơ quan các cấp thuộc bộ về mọi phương diện

Thực hiện Sắc lệnh số 57/SL, Ban Thanh tra của Bộ Quốc dân kinh tế, Nha Thanh tra tài chính của Bộ Tài chính và một số tổ Chức thanh tra bộ, như Bộ Canh nông, Bộ Quốc gia Giáo dục. Bộ Quốc phòng, v.v., đã lần lượt được thành lập⁸.

Như vậy, sau khi dành được chính quyền, thành lập Nhà nước dân chủ nhân dân, trong hoàn cảnh vừa chống ngoại xâm, vừa chống nạn đói, vừa thiết lập, xây dựng. củng cố chính quyền các địa phương rộng khắp cả nước từ cấp kỳ, tỉnh, thành phố, huyện đến cấp xã, làng trong quá trình đó do tình hình thực tiễn đặt ra, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kịp thời vừa có “nghị quyết án” quyết định chủ trương, vừa lãnh đạo, hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện và đến tháng 6 năm 1946 đã thiết lập được trên thực tế một hệ thống các cơ quan kiểm tra, thanh tra nhà nước độc kiểm soát toàn bộ hoạt động của hệ thống các cơ quan nhà nước từ trung ương đến cấp xã.

Hệ thống các cơ quan nhà nước làm nhiệm vụ kiểm soát đó gồm:

⁸ Xem sắc lệnh số 61/SL ngày 6/5/1945, Sắc lệnh số 75/SL ngày 29/5/1946, Sắc lệnh 87/SL ngày 30/5/1946, Sắc lệnh số 225/SL ngày 26/11/1946, Sắc lệnh số 299/SL ngày 18/7/1947.

- Ban Thanh tra đặc biệt: Ban Thanh tra đặc biệt của Chính phủ có nhiệm vụ “đi giám sát tất cả các công việc và các nhân viên của các Ủy ban nhân dân và các cơ quan của Chính phủ”, “có toàn quyền: nhận các đơn khiếu nại của nhân dân; điều tra, hỏi chứng, xem xét các tài liệu, giấy tờ của các Ủy ban nhân dân hoặc các cơ quan của Chính phủ cần thiết cho công việc giám sát; đình chức, bắt giam bất cứ nhân viên nào trong Ủy ban nhân dân hay của Chính phủ đã phạm lỗi trước khi mang ra Hội đồng chính phủ hay Tòa án đặc biệt xét xử”; “có quyền đề nghị lên Chính phủ những điều cần sửa đổi trong các cơ quan”.

- Ban Thanh tra bộ: Ban Thanh tra bộ đã được thành lập ở một số bộ, như Ban Thanh tra của Bộ Nội vụ, Ban Thanh tra của Bộ Quốc dân kinh tế, Nha Thanh tra tài chính của Bộ Tài chính, v.v.. Ban Thanh tra bộ có nhiệm vụ “kiểm soát các công việc của các cơ quan các cấp thuộc bộ về mọi phương diện”, Ban Thanh tra Bộ Nội vụ còn có nhiệm vụ thanh tra hành chính ở các địa phương.

- Ủy ban hành chính các cấp: ủy ban hành chính các cấp có nhiệm vụ, quyền hạn “kiểm soát các cơ quan chuyên môn về cách thừa hành chức vụ”, “kiểm soát sự thi hành mệnh lệnh của các cấp trên” và “kiểm soát các Ủy ban hành chính và Hội đồng nhân dân các cấp dưới”

Đảng và Hồ Chủ tịch luôn luôn quan tâm và chỉ thị cho cấp ủy đảng và chính quyền các cấp “tăng cường công tác kiểm tra của cán bộ lãnh đạo các ngành, các cấp” và “kiện toàn tổ chức thanh tra chuyên nghiệp ở các ngành, các địa phương cho đủ khả năng đảm nhiệm chức năng của nó” để thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, thanh tra việc chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật, nhiệm vụ của Nhà nước đối với các cơ quan nhà nước, các tổ chức và cá nhân có trách nhiệm.

Nhà nước thực hiện việc kiểm tra, thanh tra là một chủ trương quan trọng, một quan điểm nhất quán của Đảng Công sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh trong hệ thống những chủ trương và quan điểm xây dựng, hoàn thiện Nhà nước Việt Nam của dân, do dân, vì dân.

2. Nhân dân kiểm tra, giám sát Nhà nước

Ngay từ những ngày mới thành lập, về phương diện chính trị Đảng Cộng sản Việt Nam đã chủ trương “làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng” để “a) đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp, b) làm cho nước Nam được hoàn toàn độc lập, c) dựng *ra Chính phủ công nông binh*”. Từ thời còn là một thanh niên yêu nước đi tìm đường làm cách mạng, qua nghiên cứu “Lịch sử cách mệnh Mỹ”, “Cách mệnh Pháp” Nguyễn ái Quốc đã rút ra kết

luận: 'Chúng ta đã hy sinh làm cách mệnh, thì nên làm cho đến nơi, nghĩa là làm sao *cách mệnh rồi thì quyền giao cho dân chúng số nhiều* ... thể dân chúng mới được hạnh phúc'. Từ "cách mệnh rồi thì quyền giao cho dân chúng số nhiều", "dựng ra Chính phủ công nông binh" đến thành lập Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà - một Nhà nước "Tất cả quyền bính trong nước là của toàn thể nhân dân Việt Nam, không phân biệt nòi giống, gái trai, giàu nghèo, giai cấp tôn giáo" (Điều 1, Hiến pháp nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà năm 1946) là sự hoàn thiện về lý luận và được thực hiện trên thực tế quan điểm Nhà nước của dân, do dân, vì dân. Xuất phát từ bản chất đó của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và Đảng Cộng sản lãnh đạo. Vì vậy, Đảng và Hồ Chủ tịch có những chỉ thị và luôn luôn nhắc nhở lãnh đạo chính quyền các cấp không những phải thực hiện đúng đường lối quần chúng, mà phải hoan nghênh quần chúng nhân dân kiểm tra, giám sát, phê bình và tiếp thu, sửa chữa những khuyết điểm mà quần chúng nhân dân đã phê bình cơ quan và cán bộ nhà nước⁹. Đảng và Hồ Chủ tịch còn chỉ rõ, rất cụ thể quần chúng nhân dân là công nhân, nông dân, trí thức, các tầng lớp nhân dân ở các khu dân cư xóm, làng, bản, phố phường; đại diện các đoàn thể như Công hội, Nông hội, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ.... Bác Hồ nói: "Quần chúng tức là toàn thể chiến sĩ trong quân đội, toàn thể công nhân trong xưởng, toàn thể nhân viên trong cơ quan, v v.. rồi đến toàn thể nhân dân". Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn khẳng định, trong chế độ dân chủ, quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân, nhân dân là chủ, người chủ thật sự, vì vậy người dân có quyền kiểm tra, giám sát mọi hoạt động của Nhà nước, mọi hành vi của cán bộ, công chức, có quyền phê bình cán bộ nếu cán bộ làm sai. Trong buổi tiếp nông dân và điền chủ tỉnh Hưng Yên. Hồ Chủ tịch nói: "Dân chúng có quyền kiểm soát việc làm để đề phòng những việc những lạm có thể xảy tới" Bác Hồ còn viết: "Dân phải biết quyền hạn của mình, phải biết kiểm soát cán bộ để giúp cán bộ thực hiện chữ Liêm"¹⁰. "Nhân dân thì giúp Chính phủ và Đoàn thể kiểm tra công việc và hành vi của các cán bộ". Hồ Chủ tịch còn hướng dẫn: "Quần chúng và cán bộ kiểm soát sự sai lầm của người lãnh đạo và bày tỏ cái cách sửa chữa sự sai lầm đó. Cách này là cách tốt nhất để kiểm soát các nhân viên".

Về chủ trương, quan điểm nhân dân kiểm tra, giám sát Nhà nước, Đảng ta còn chỉ rõ: "Kiểm soát để tín nhiệm nếu làm đúng, để chỉ trích nếu làm sai, để không tín nhiệm và bầu người khác nếu thật là không xứng đáng"

⁹ Chớ kiêu ngạo, phải khiêm tốn, 1945, HCM toàn tập, tập 7, tr 295

¹⁰ Thực hành tiết kiệm chống tham ô, lãng phí, chống bệnh quan liêu, 1952, HCM tập 6, tr 495

3. Thực hiện sự phối, kết hợp kiểm tra, thanh tra của Nhà nước với kiểm tra, giám sát của nhân dân đối với Nhà nước

Từ năm 1947, trong tác phẩm nổi tiếng "Sửa đổi lối làm việc" Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề cập đến hai cách kiểm soát: một là, kiểm soát của người lãnh đạo từ trên xuống đối với kết quả những công việc của cán bộ; và cách nữa là, kiểm soát từ dưới lên của quần chúng cán bộ đối với những sai lầm của người lãnh đạo và bày tỏ cách sửa chữa sự sai lầm đó. Người cho rằng cách kiểm soát từ dưới lên của quần chúng và cán bộ là cách tốt nhất để kiểm soát cán bộ lãnh đạo và công chức, nhân viên nhà nước. Hồ Chủ tịch viết: "Kiểm soát có hai cách: một cách từ trên xuống. Tức là người lãnh đạo kiểm soát kết quả những công việc của cán bộ mình.

Một cách nữa là từ dưới lên. Tức là quần chúng và cán bộ kiểm soát sự sai lầm của người lãnh đạo và bày tỏ cái cách sửa chữa sự sai lầm đó. Cách này là cách tốt nhất để kiểm soát các cán bộ lãnh đạo"

Năm 1951, tại Đại hội lần thứ II của Đảng Cộng sản Đông Dương, Luận cương cách mạng Việt Nam đã khẳng định chủ trương không những về vấn đề Nhà nước thực hiện thanh tra, kiểm tra và nhân dân kiểm tra, giám sát Nhà nước. mà còn chủ trương thực hiện phối, kết hợp hai loại hình thanh tra, kiểm tra này. Trong Luận cương viết: "Thực hiện đúng mực việc nhân dân phê bình, kiểm soát chính quyền, giúp đỡ ý kiến cho các cơ quan chính quyền. Thực hiện việc phối hợp kiểm tra của Chính phủ từ trên xuống với việc kiểm tra của nhân dân từ dưới lên"

Có thể thấy rất rõ ràng, chủ trương và quan điểm của Đảng, của lãnh tụ Hồ Chí Minh về Nhà nước thực hiện thanh tra, kiểm tra; nhân dân kiểm tra, giám sát Nhà nước và thực hiện phối, kết hợp giữa hai loại hình thanh tra, kiểm tra, giám sát ấy trong việc xây dựng hoàn thiện Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà - Nhà nước của dân, do dân, vì dân, là thống nhất, là một. Đó là một luận điểm quan trọng trong hệ thống những luận điểm của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh về xây dựng, hoàn thiện Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, nay là nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, một Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trương và xác định, lãnh đạo đảng và chính quyền các cấp không những có trách nhiệm tổ chức, thực hiện việc kiểm tra, thanh tra nhà nước, mà còn đồng thời có trách nhiệm tổ chức, hướng dẫn, giáo dục, tạo mọi điều kiện thuận lợi, và vận động quần chúng nhân dân làm công tác kiểm tra, giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước và hành vi của cán bộ, công chức, nhân viên nhà nước, nhất là ở cơ sở. Cơ sở ở đây được hiểu không chỉ gồm các đơn vị hành chính cấp cơ sở như xã, phường, thị

trần, mà bao gồm cả cơ quan quản lý nhà nước cơ quan hành chính các cấp, các ngành và các đơn vị sự nghiệp doanh nghiệp Nhà nước.

Trong 60 năm qua, quá trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước dân chủ nhân dân, quan điểm của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh về Nhà nước có trách nhiệm tổ chức và thực hiện thanh tra, kiểm tra và quyền kiểm tra, giám sát của nhân dân đối với hoạt động của chính quyền các cấp cũng như hành vi của cán bộ, công chức và sự phối, kết hợp giữa hai loại hình thanh tra, kiểm tra này đã được thể hiện bằng pháp luật và được vận dụng ngày một hoàn thiện, có hiệu quả hơn. Hiến pháp nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 là sự kế thừa, phát triển các Hiến pháp 1946, 1959, 1980 đã quy định Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân. có quyền giám sát tối cao đối với toàn bộ hoạt động của Nhà nước; các cơ quan và cán bộ viên chức nhà nước phải tôn trọng, tận tụy phục vụ nhân dân, phải lắng nghe và chịu sự giám sát của nhân dân; Chính phủ có nhiệm vụ, quyền hạn tổ chức và lãnh đạo, chỉ đạo công tác thanh tra, kiểm tra nhà nước. Luật Giám sát của Quốc hội năm 2003, trong đó quy định chi tiết những công cụ giám sát đối với hoạt động của Chính phủ, các thành viên Chính phủ và cơ quan hành chính cấp tỉnh, như chất vấn, bỏ phiếu tín nhiệm, bãi bỏ văn bản pháp luật trái pháp luật Luật Thanh tra năm 2004 đã quy định rất cụ thể, chi tiết về tổ chức và hoạt động của cả hai loại hình thanh tra, Thanh tra nhà nước và Thanh tra nhân dân

II. QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG VÀ CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỀ KIỂM TRA, THANH TRA NHÀ NƯỚC.

Mỗi khi đề cập đến việc đảm bảo hiệu lực, nâng cao chất lượng hoạt động quản lý ở bất kỳ lĩnh vực nào của các cơ quan nhà nước các cấp và việc thực thi nhiệm vụ của cán bộ, công chức nhà nước trong việc thực hiện chủ trương, nghị quyết, chính sách, chỉ thị của Đảng và Pháp luật, nhiệm vụ của Nhà nước, các văn kiện của Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đều luôn luôn nhấn mạnh đến vai trò quan trọng của công tác thanh tra, kiểm tra của Chính phủ, của chính quyền các cấp. Coi thanh tra, kiểm tra nhà nước là một trong ba bộ phận cấu thành của công tác lãnh đạo, công tác quản lý nhà nước, là một hoạt động không thể thiếu của lãnh đạo cơ quan nhà nước các cấp nói chung, của người đứng đầu chính quyền các cấp nói riêng, và là một trong ba yếu tố quyết định thành công hay thất bại của việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, v.v., đã ban hành.

Chính phủ và chính quyền các cấp thực hiện thanh tra, kiểm tra là sự tự kiểm soát của bản thân cơ quan hành pháp, nó có ý nghĩa dùng quyền lực kiểm soát quyền lực, chống lại sự lạm quyền rất dễ xảy ra ở các cơ quan hành

pháp, làm cho cán bộ, công chức, nhân viên nhà nước, nhất là những cán bộ có chức vụ, quyền hạn, thực thi nhiệm vụ đúng quy định của pháp luật, trong sạch về đạo đức.

Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh về Nhà nước thực hiện thanh tra, kiểm tra nhà nước được thể hiện ở một số nội dung cơ bản sau đây:

1. Kiểm tra, thanh tra là một trong ba bộ phận cấu thành của công tác lãnh đạo, công tác quản lý nhà nước, là một nhiệm vụ quan trọng của người đứng đầu cơ quan nhà nước các cấp và là một biện pháp đảm bảo cho công tác lãnh đạo không bị sai lệch.

Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đều cho rằng, kiểm tra, thanh tra là một nhiệm vụ không thể thiếu của cơ quan lãnh đạo và chỉ đạo là một trong ba việc phải làm của cơ quan lãnh đạo đảng và chính quyền các cấp và là một bộ phận hợp thành của công tác lãnh đạo của Đảng và Nhà nước. Đó là những hoạt động (1) quyết định đường lối chủ trương, chính sách, pháp luật..., (2) tổ chức thực hiện và (3) kiểm tra, thanh tra việc thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách. pháp luật... đã ban hành.

Trong tác phẩm nổi tiếng "Sửa đổi lối làm việc" viết từ năm 1947. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đưa ra và giải nghĩa đầy đủ không dừng lại ở khái niệm "lãnh đạo" chung chung, mà một khái niệm "lãnh đạo đúng".

Người viết:

"Lãnh đạo đúng nghĩa là:

1 Phải quyết định mọi vấn đề một cách cho đúng. Mà muốn thế thì nhất định phải so sánh kinh nghiệm của dân chúng. Vì dân chúng chính là những người chịu cái kết quả của sự lãnh đạo của ta.

2. Phải tổ chức sự thi hành cho đúng. Mà muốn vậy, không có dân chúng giúp sức thì không xong.

3. Phải tổ chức sự kiểm soát, mà muốn kiểm soát đúng thì cũng phải có quần chúng giúp mới được"¹¹.

Từ khái niệm "lãnh đạo đúng" trên đây, có thể rút ra hai nội dung chính sau: một là, công tác lãnh đạo gồm ba bộ phận cấu thành theo một trình tự và không thể tách rời, không thể thiếu một bộ phận nào hợp thành, đó là (1)"Phải quyết định mọi vấn đề (2), "phải tổ chức sự thi hành" mọi vấn đề đã quyết định, và (3) "Phải tổ chức sự kiểm soát" việc thi hành mọi vấn đề đã quyết định đó; và hai là, muốn "quyết định mọi vấn đề một cách cho đúng", "tổ chức

¹¹ Sửa đổi lối làm việc, 1947, HCM, tập 5, tr 285, 286

sự thi hành cho đúng và "kiểm soát đúng". Thì phải dựa vào quần chúng nhân dân. Đó là sự thể hiện tư tưởng "dân và gốc" hay "quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân".

Đảng ta cũng nhiều lần khẳng định, "Từ trước đến nay Đảng ta luôn luôn coi trọng công tác kiểm tra, coi đó là một bộ phận rất quan trọng trong công tác xây dựng Đảng cũng như trong toàn bộ công tác lãnh đạo của Đảng. Trong điều kiện Đảng lãnh đạo chính quyền càng phải tăng cường công tác kiểm tra của Đảng, công tác kiểm sát, thanh tra của Nhà nước". "Công tác kiểm tra là một công tác quan trọng và có tính chất thường xuyên của cơ quan lãnh đạo và chỉ đạo". Ở đây, "cơ quan lãnh đạo" được hiểu là cơ quan lãnh đạo của tổ chức đảng các cấp từ trung ương đến cơ sở; "cơ quan chỉ đạo" được hiểu là cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan hành chính nhà nước các cấp từ trung ương đến cơ sở.

Hồ Chủ tịch cho rằng, kiểm tra, thanh tra còn giúp công tác lãnh đạo, công tác quản lý, chỉ đạo không bị sai lệch. Người thường xuyên nhắc nhở, chỉ đạo, hướng dẫn cán bộ lãnh đạo các cấp phải coi trọng, quan tâm công tác thanh tra, kiểm tra. Bác Hồ nói: "làm mà không kiểm tra thì không biết kết quả công việc ra sao, không hiểu sai lệch thế nào để kịp thời sửa chữa". Người cũng nhắc nhở cán bộ lãnh đạo: "Không phải ngày nào cũng kiểm tra. Nhưng thường kiểm tra để giúp họ rút kinh nghiệm, sửa chữa khuyết điểm, phát triển ưu điểm. Giao công việc mà không kiểm tra, đến lúc thất bại mới chú ý đến. Thế là không yêu cầu cán bộ". Phải kiểm tra công tác của cán bộ, nếu chỉ nghe báo cáo, có khi cán bộ báo cáo không đúng thì lãnh đạo sẽ sai lệch".

Quan điểm của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng như những lời chỉ giáo trên đây của Hồ Chủ tịch về công tác thanh tra, kiểm tra, đối với chúng ta hiện nay càng có giá trị không những chỉ về lý luận, mà đặc biệt là trong hoạt động thực tiễn, nhất là đối với lãnh đạo đảng và chính quyền các cấp.

2. Kiểm tra, thanh tra là một trong ba yếu tố quyết định thành công hay thất bại của chính sách đúng và là một biện pháp quan trọng để bổ sung, hoàn thiện chủ trương, chính sách, pháp luật đã ban hành.

Từ những tháng năm đầu mới thành lập, chính quyền dân chủ nhân dân cơ sơ sơ có kinh nghiệm quản lý, như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói với các thành viên Chính phủ tại phiên họp đầu tiên của Hội đồng chính phủ ngày 3 tháng 9 năm 1945 sau khi thành lập: "Các bạn và tôi, chúng ta đều chưa quen với kỹ thuật hành chính". Hồ Chủ tịch đã viết bài "Một việc mà các cơ quan lãnh đạo cần thực hành ngay" để hướng dẫn, chỉ đạo kịp thời lãnh đạo chính quyền các cấp thực hiện, hay dùng chính từ của Người để chỉ đạo là "thực

hành ngay" công tác kiểm tra, vì theo Người, kiểm tra là một trong ba yếu tố quyết định sự thành công hay thất bại của chính sách đúng đã ban hành.

Hồ Chủ tịch viết: "Chính sách đúng là nguồn gốc của thắng lợi. Song từ nguồn gốc đi đến thắng lợi thực sự, còn phải tổ chức, phải đấu tranh. Khi đã có chính sách đúng, thì sự thành công hay thất bại của chính sách đó là do nơi cách tổ chức công việc, nơi lựa chọn cán bộ, và do nơi kiểm tra. Nếu ba điều ấy sơ sài, thì chính sách đúng mấy cũng vô ích". Người giải thích cụ thể rõ thêm: "Mục đích sự tổ chức công tác là: động viên toàn thể nhân dân hăng hái thi hành chính sách đã định. Mục đích lựa chọn cán bộ là dùng nhân tài cần phải hợp lý, chớ dùng thợ mộc làm nghề thợ rèn và cho họ hiểu rõ mọi mặt các công việc họ phải phụ trách. Mà muốn biết sự động viên ấy và sự thực hành ấy đã đến mức nào thì phải có kiểm tra".

Là người lãnh đạo cao nhất của Đảng và Nhà nước, trong thực tiễn công tác lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức thực hiện... cho đến tổng kết công việc, Hồ Chủ tịch luôn luôn quan tâm đến "ba điều ấy": "cách tổ chức công việc", "lựa chọn cán bộ" và "kiểm tra". Trong "thư gửi đồng bào Liên khu IV" sau khi nhận được báo cáo kết quả thanh tra phát hiện chính quyền ba tỉnh Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh có nhiều sai lầm nghiêm trọng trong việc thực hiện tổng động viên, như huy động nhân lực, vật lực của dân một cách ồ ạt, một số nơi còn có hành vi quân phiệt dọa dẫm, truy bức... làm cho nhân dân có nhiều khó khăn trong cuộc sống, nhất là những gia đình có con đi bộ đội chiến đấu ở chiến trường, Bác Hồ viết: "Nghe các ông thanh tra báo cáo lại những việc đó, tôi rất đau lòng! Dù Chính phủ đã ra lệnh trừng trị những cán bộ đó, tôi phải thật thà xin lỗi những đồng bào vì những cán bộ sai lầm mà bị oan ức. Tôi thật thà tự phê bình khuyết điểm của tôi là giáo dục và lựa chọn cán bộ chưa được chu đáo. Các cấp liên khu và tỉnh cũng phải chịu một phần trách nhiệm vì thiếu sót sự kiểm tra chặt chẽ các cán bộ cấp dưới "

Lịch sử và kinh nghiệm thực tiễn đã ghi nhận, tuyệt đại đa số các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước ta ban hành đều đúng, hợp lòng dân và thành công trong đời sống cộng đồng xã hội. Tuy nhiên, cũng phải thừa nhận rằng có một số ít chính sách, quy định của pháp luật chưa đi được vào cuộc sống người dân, hoặc có những sai lầm trong quá trình thực hiện... Nếu nghiêm túc đánh giá một cách khách quan, trung thực thì sự chưa thành công, hoặc có sai lầm gây ra tổn thất xong việc thực hiện những chính sách hoặc quy định pháp luật đó đều do "ba điều ấy sơ sài", nhất là khâu kiểm tra, thanh tra. Về kiểm tra, thanh tra, cấp uỷ đảng và chính quyền các cấp thường không quan tâm đúng mức, thực hiện không được thường xuyên, thường bị sao lãng, buông lỏng, như Bác Hồ nhiều lần nhận định: "Nhiều nơi cán bộ lãnh đạo chỉ lo khai hội và thảo nghị quyết, đánh điện và gửi chỉ thị,

sau đó, thì họ không biết gì đến những nghị quyết đó đã thực hành đến đâu, có những khó khăn trở ngại gì, dân chúng có ra sức tham gia hay không. Họ quên mất kiểm tra. Đó là một sai lầm rất to. Vì thế, “đầy túi quần thông báo, đầy túi áo Chi thị mà công việc vẫn không chạy”. Đảng cũng nhận định: “kế hoạch đặt ra lại không có kiểm tra, thúc giục. Bao nhiêu chỉ thị, nghị quyết từ trung ương cho đến các cấp, không mấy khi kiểm điểm lại xem đã thi hành được những gì để rút kinh nghiệm. Cứ buông trôi làm được đến đâu hay đến đó, nên không sao biết được chủ trương đúng hay sai để sửa chữa kịp thời”.

Bằng những kết luận thanh tra đánh giá đúng thực trạng việc thực hiện chủ trương, chính sách, pháp luật ở một địa phương, một ngành hoặc ở những đơn vị cơ quan được thanh tra, kiểm tra với những nhận xét ưu, khuyết điểm; làm rõ những nguyên nhân và có những kiến nghị sửa chữa, khắc phục những khuyết điểm, thiếu sót mà thanh tra đã phát hiện và cơ quan được thanh tra thừa nhận, trong đó có những sơ hở, khiếm khuyết của chủ trương, chính sách, pháp luật, cơ chế quản lý... giúp cho cơ quan lãnh đạo của Đảng, Nhà nước không những nắm được tình hình thực hiện chủ trương, chính sách, pháp luật, chỉ thị, mệnh lệnh... mà còn có cơ sở thực tiễn để nghiên cứu, bổ sung, sửa đổi hoàn thiện chủ trương, chính sách, pháp luật, cơ chế quản lý... đã ban hành. hoặc ban hành chính sách, cơ chế quản lý mới phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hội nhập khu vực và thế giới.

Về vấn đề vai trò của công tác kiểm tra, thanh tra giúp lãnh đạo đảng và nhà nước nghiên cứu để sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện chính sách, cơ chế quản lý đã có hoặc ban hành chính sách, cơ chế quản lý mới đã được Bác Hồ đề cập đến nhiều lần. Hồ Chủ tịch viết, có kiểm soát “mới biết rõ ưu điểm, khuyết điểm của các mệnh lệnh và nghị quyết”. Người chỉ thị cho cán bộ lãnh đạo đảng và chính quyền các cấp: “Cán bộ thanh tra giúp mình xem xét lại chủ trương, chính sách đúng hay không, được thực hiện hay không, nên từ trung ương trở xuống cần giúp đỡ, xem trọng thanh tra”. Trong văn kiện của Đảng đã ghi nhận và chỉ rõ điều đó: “Khi đã có chủ trương, chính sách đúng đắn rồi... Trong công tác lãnh đạo, tổ chức thì công tác kiểm tra là khâu rất quan trọng. Muốn được chấp hành nghiêm chỉnh chủ trương, chính sách đã có và bổ sung cho chủ trương, chính sách đó được đầy đủ, cụ thể hơn, phải có sự theo dõi, đôn đốc, kiểm tra chặt chẽ từ đầu đến cuối”

Có thể khẳng định, quan điểm của Hồ Chủ tịch “*kiểm tra mới huy động được tinh thần tích cực, lực lượng to tát của nhân dân và là thể hiện yêu cầu cán bộ của người lãnh đạo*” chưa được nghiên cứu sâu sắc và phần lớn cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý, công chức chưa nhận thức, quán triệt được đầy đủ.

3. Kiểm tra, thanh tra là một biện pháp quan trọng góp phần xây dựng bộ máy và sửa đổi lối làm việc của cơ quan Nhà nước; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức trong sạch, vững mạnh.

Tác phẩm nổi tiếng của Hồ Chủ tịch "Sửa đổi lối làm việc"- Một tác phẩm được viết từ năm 1947 vừa mới xuất bản đã được Đảng ta dùng làm tài liệu để tất cả các cấp bộ đảng và cán bộ, đảng viên học tập, nghiên cứu nhằm "sửa đổi lối làm việc", xây dựng lối làm việc khoa học, có hiệu quả hơn. Trong tác phẩm này, Chủ tịch Hồ Chí Minh dành nhiều trang viết và nhấn mạnh về vai trò quan trọng, sự tác động mạnh mẽ của thanh tra, kiểm tra đến lối làm việc của cán bộ, công chức, cũng như về vai trò của công tác thanh tra, kiểm tra trong hầu hết các lĩnh vực của công các lãnh đạo, như sửa đổi lối làm việc, tổ chức việc học tập, cách huấn luyện cán bộ, cách đối với cán bộ, trong công tác của Đảng, cách lãnh đạo, cách phòng và sửa chữa những khuyết điểm... nhất là về chống bệnh quan liêu, mệnh lệnh, chống nạn tham ô, lãng phí.

Muốn xây dựng được bộ máy cơ quan nhà nước tinh gọn và đội ngũ cán bộ, công chức, nhân viên nhà nước tinh thông nghiệp vụ, có phẩm chất đạo đức cách mạng, tận tụy phục vụ nhân dân thì những người lãnh đạo có trách nhiệm trước hết phải biết đánh giá đúng tình hình, thực trạng ưu, khuyết điểm của cơ cấu tổ chức bộ máy cơ quan và những ưu khuyết điểm của đội ngũ cán bộ công chức, qua đó tìm ra nguyên nhân, đặc biệt là phải nghiên cứu kỹ các nguyên nhân dẫn đến những khuyết điểm. Từ đó sẽ có những chủ trương, biện pháp cụ thể kịp thời sửa chữa, khắc phục những sơ hở, khuyết điểm.

Qua các cuộc kiểm tra, Ban Bí thư đã nhận định, nhiều cơ quan nhà nước và hợp tác xã vi phạm dân chủ và kỷ luật việc chấp hành các nghị quyết chính sách, chỉ thị của Đảng và pháp luật, nhiệm vụ của Nhà nước chưa được nghiêm chỉnh và đầy đủ; tác phong quan liêu, mệnh lệnh, xa rời quần chúng; hiện tượng lãng phí, tham ô xảy ra ở nhiều nơi, có trường hợp nghiêm trọng; có nơi cán bộ đã tự động khám nhà, tịch thu của cải, trói người v.v... Ban Bí thư cũng chỉ rõ: "một trong những nguyên nhân chủ yếu của tình hình trên là do các cơ quan lãnh đạo các cấp, các ngành chưa quan tâm đầy đủ đến công tác kiểm tra". Nhận định về cách làm việc của nhiều cán bộ lãnh đạo và vai trò quan trọng của công tác kiểm tra, thanh tra đối với sửa đổi lối làm việc, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: "Hiện nay, nhiều nơi cán bộ lãnh đạo chỉ lo khai hội và thảo nghị quyết, đánh điện và gửi chỉ thị, sau đó thì họ không biết gì đến những nghị quyết đó đã thực hành đến đâu, có những sự khó khăn trở ngại gì, dân chúng có ra sức tham gia hay không. Họ quên mất kiểm tra. Đó là một sai lầm rất to. Vì thế mà "đầy túi quần thông báo, đầy túi áo Chỉ thị" mà công việc vẫn không chạy".

Đối với cán bộ, công chức Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng, "có kiểm tra mới biết rõ năng lực và khuyết điểm của cán bộ, mới sửa chữa và giúp đỡ kịp thời"¹²; kiểm tra không phải chỉ để giúp họ sửa chữa khuyết điểm, mà còn để phát triển những ưu điểm mà họ đã có và thể hiện sự chăm lo, yêu mến cán bộ của người lãnh đạo. Bác Hồ viết: "Không phải ngày nào cũng kiểm tra. Nhưng thường thường kiểm tra để giúp họ rút kinh nghiệm, sửa chữa khuyết điểm, phát triển ưu điểm. Giao công việc mà không kiểm tra đến lúc thất bại mới chú ý đến. Thế là không biết yêu cầu cán bộ" .

Thấy rõ vai trò quan trọng và hiệu quả thiết thực của công tác kiểm tra, thanh tra đối với việc hoàn thiện cơ cấu tổ chức bộ máy cơ quan nhà nước, Hồ Chủ tịch đã giao nhiệm vụ, quyền hạn cho Ban Thanh tra đặc biệt: "có quyền đề nghị lên Chính phủ những điều cần sửa đổi trong các cơ quan". Đến thăm và nói chuyện với cán bộ thanh tra dự Hội nghị tổng kết công tác thanh tra toàn miền Bắc năm 1960, Hồ Chủ tịch chỉ thị: "Các cơ quan Thanh tra nhà nước chẳng những kiểm tra chống lãng phí, tham ô mà còn phải chống bệnh quan liêu mệnh lệnh để giúp các cơ quan nhà nước cải tiến công tác, giữ gìn kỷ luật, thực hành dân chủ, góp phần củng cố bộ máy nhà nước".

4. Kiểm tra, thanh tra là một biện pháp quan trọng, có hiệu quả góp phần tích cực phòng, chống bệnh quan liêu, nạn tham ô, lãng phí và các hành vi vi phạm pháp luật khác.

Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn luôn cho rằng lãnh đạo, quản lý mà thiếu kiểm tra, thanh tra thì đó chính là một biểu hiện bệnh quan liêu. Bệnh quan liêu, một căn bệnh mà từ năm 1950, Hồ Chủ tịch đã nhận định: "Ai cũng biết bệnh quan liêu mệnh lệnh là nguy hiểm. Nhưng trong công tác thực tế, như trong việc tạm vay thóc chiêm vừa rồi, nhiều cán bộ ta còn mắc bệnh ấy. Miệng thì nói dân chủ, nhưng làm việc thì họ theo lối quan chủ. Miệng thì nói phụng sự nhân dân, nhưng họ làm trái ngược với lợi ích của nhân dân, trái ngược với phương châm, chính sách của Đảng và Chính phủ", "có nơi, bệnh quan liêu mệnh lệnh trầm lắng đến nỗi cán bộ lừa phỉnh dân, dọa nạt dân". Người cho rằng, bệnh quan liêu là nguyên nhân, là nguồn gốc làm nảy sinh và ngày một trầm trọng hơn của các bệnh nguy hiểm khác như tham ô, lãng phí...

Hồ Chủ tịch viết: "Những người và những cơ quan lãnh đạo mắc bệnh quan liêu thành thử có mắt mà không thấy suốt, có tai là không nghe thấu, có chế độ mà không giữ đúng, có kỷ luật mà không nắm vững. Kết quả là những người xấu, những cán bộ kém tha hồ tham ô, lãng phí. Thế là bệnh quan liêu đã ấp ủ, dung túng, che chở cho nạn tham ô, lãng phí"¹³.

¹² Một việc mà các cơ quan lãnh đạo cần thực hành ngay, 1948, HCM, tập 5, tr 520, 521

¹³ Thực hành tiết kiệm, chống tham ô, lãng phí, chống bệnh quan liêu, 1952, tập 6, tr 490

Về bệnh quan liêu Người chỉ rõ: "Quan liêu là cán bộ xa rời thực tế không điều tra, nghiên cứu đến nơi đến chốn những công việc cần phải làm, việc gì cũng nắm không vững, chỉ đạo một cách đại khái, chung chung. Quan liêu là xa rời quần chúng, không đi sâu đi sát, không hiểu rõ lai lịch, tư tưởng và công tác của cán bộ mình. Không lắng nghe ý kiến của quần chúng. Sợ phê bình và tự phê bình. Tác phong của những "ông quan liêu" là thiếu dân chủ, không giữ đúng nguyên tắc lãnh đạo tập thể, phân công phụ trách.

Vì vậy bệnh quan liêu là nguồn gốc sinh ra lãng phí, tham ô. Kinh nghiệm chứng tỏ rằng: ở đâu có bệnh quan liêu thì ở đó chắc có tham ô, lãng phí; nơi nào bệnh quan liêu càng nặng thì nơi đó càng nhiều lãng phí, tham ô. Cho nên, muốn triệt để chống tham ô, lãng phí thì phải kiên quyết chống nguồn gốc của nó là bệnh quan liêu".

Về biện pháp chống nạn tham ô lãng phí chống bệnh quan liêu và các sai phạm khác, cũng như để thấu hiểu được cán bộ và mọi tình hình thực thi chính sách, pháp luật Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng cách tốt nhất, có hiệu quả nhất là phải kiểm tra, thanh tra có hệ thống, thường xuyên. Người khẳng định: "Muốn chống bệnh quan liêu, bệnh bàn giấy; muốn biết các nghị quyết có được thi hành không; thi hành có đúng không; muốn biết ai ra sức làm, ai làm qua chuyện, chỉ có một cách, là khéo kiểm soát. "Kiểm soát khéo, bao nhiêu khuyết điểm lòi ra hết, hơn nữa kiểm soát khéo về sau khuyết điểm nhất định bớt đi".

Người viết tiếp: "Song muốn kiểm soát có kết quả tốt, phải có hai điều: một là việc kiểm soát phải có hệ thống, phải thường làm. Hai là người đi kiểm soát phải là những người rất có uy tín. Kiểm soát cách nào? Cổ nhiên, không phải cứ ngồi trong phòng giấy mà chờ người ta báo cáo, mà phải đi tận nơi, xem tận chỗ".

Vậy hiểu thế nào là "kiểm soát phải có hệ thống, phải thường làm"? Bác Hồ cũng đã giải thích cụ thể về điều này: "Không phải ngày nào cũng kiểm tra" và kiểm tra có hệ thống nghĩa là khi đã có nghị quyết, thì phải lập tức đốc thúc sự thực hành nghị quyết ấy, phải biết rõ sự sinh hoạt và cách làm việc của cán bộ và nhân dân địa phương ấy. Có như thế mới kịp thời thấy rõ những khuyết điểm và tìm cách giúp đỡ, vượt qua mọi sự khó khăn" Người viết tiếp: "Tổ chức việc kiểm tra cho chu đáo thì cũng như có ngọn đèn pha. Bao nhiêu tình hình bao nhiêu ưu điểm và khuyết điểm, bao nhiêu cán bộ chúng ta đều thấy rõ. Có thể nói rằng, chín phần mười khuyết điểm trong công việc của chúng ta là vì thiếu sự kiểm tra. Nếu tổ chức sự kiểm tra được chu đáo, thì công việc của chúng ta nhất định tiến bộ gấp mười, gấp trăm".

Trong thực tiễn chỉ đạo thanh tra, Hồ Chủ tịch đã thể hiện "kiểm soát phải có hệ thống, phải thường làm". Chỉ hơn hai tháng sau khi ký Sắc lệnh số 20/SL ngày 12 tháng 2 năm 1950 về tổng động viên nhân lực, vật lực, tài lực trong nhân dân chuẩn bị cho tổng phản công, thì ngày 1 tháng 5 cùng năm Người ký Sắc lệnh thành lập Phái đoàn thanh tra của Chính phủ đi thanh tra việc thực hiện tổng động viên ở Liên khu Việt Bắc, đã nghe báo cáo kết quả thanh tra việc thực hiện huy động nhân tài, vật lực ở Liên khu IV và có những quyết định xử lý kịp thời, thấu lý đạt tình sau thanh tra.

5. "Thanh tra là tai mắt của trên, là người bạn của dưới".

"Thanh tra là tai mắt của trên, là người bạn của dưới"- Lời dạy của Bác Hồ với cán bộ thanh tra tại Hội nghị tổng kết công tác thanh tra lần đầu tiên toàn miền Bắc năm 1957 đã trở thành khẩu hiệu và phương châm hoạt động thanh tra mà toàn thể cán bộ, thanh tra viên ngành Thanh tra phấn đấu thực hiện trong suốt gần 60 năm qua đến nay. Lời dạy nổi tiếng đó phản ánh một cách đầy đủ chính xác và sâu sắc về vị trí. Vai trò của tổ chức thanh tra, của cán bộ, thanh tra viên. Như Đảng đã ghi nhận: "Tổ chức thanh tra chuyên nghiệp là tai mắt của cơ quan lãnh đạo các cấp". Có thể nói, thanh tra, kiểm tra - theo quan điểm của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, như một chiếc cầu nối giữa lãnh đạo cơ quan cấp trên và cơ quan cấp dưới, giữa cơ quan ban hành chính sách và cơ quan thực hiện chính sách, giữa trung ương và địa phương, giữa người lãnh đạo, chỉ đạo và người thực hiện. Hồ Chủ tịch cho rằng, thanh tra giúp lãnh đạo cấp trên "hiểu thấu" cấp dưới và cấp dưới "hiểu thấu, lãnh đạo cấp trên. Bác Hồ nói: "Nếu như Trung ương đảng, Chính phủ có nghị quyết, chỉ thị đưa về các ngành, các địa phương, kết quả thế nào không có thanh tra khó mà biết được địa phương làm tốt, làm vừa, làm xấu, có làm hay không làm trên không biết; địa phương nhiều khi tự mình cũng không biết; trên không thấu dưới, dưới không thấu trên"¹⁴.

Có thể khẳng định, quan điểm "*thanh tra tai mắt của trên, là người bạn của dưới*" là rất độc đáo, sâu sắc và riêng có của Việt Nam.

Vị trí "Thanh tra là tai mắt của trên, là người bạn của dưới" được hiểu hai khía cạnh sau:

a. Vị trí "thanh tra là tai mắt của trên": "Trên" trong nhóm từ "*tai mắt của trên*" được hiểu là lãnh đạo tổ chức đảng các cấp, lãnh đạo cơ quan quản lý nhà nước các cấp các ngành; "*trên*" là chủ thể lãnh đạo, chủ thể quản lý nhà nước. Thanh tra đóng vai trò như một bộ phận cấu thành công tác lãnh đạo

¹⁴ Hồ Chủ tịch huấn thị về công tác thanh tra tại Hội nghị cán bộ thanh tra toàn miền Bắc lần thứ I ngày 19 tháng 4 năm 1957. Chủ tịch Hồ Chí Minh với công tác thanh tra, Thanh tra nhà nước, 2002, tr 71

một bộ phận hợp thành công tác quản lý nhà nước, thu nhận, phân tích và xử lý thông tin phục vụ chủ thể lãnh đạo, chủ thể quản lý nhà nước.

Bằng những việc cụ thể Hồ Chủ tịch đã giải thích rõ "thanh tra là tai mắt của trên" là thế nào. Người nói: "trong khi và sau khi các bộ, các ngành, các cấp đang chấp hành hoặc đã chấp hành các chính sách, chỉ thị... của Đảng và Chính phủ, các Ban Thanh tra có nhiệm vụ kiểm tra xem họ chấp hành ra sao", "cán bộ thanh tra giúp trên hiểu biết tình hình địa phương và cấp dưới", "biết được địa phương làm tốt, làm vừa, làm xấu, có làm hay không làm".

Vì vậy, việc thu nhận, tổng hợp, phân tích, xử lý thông tin của thanh tra phải đúng pháp luật, trung thực, chính xác, khách quan, khoa học và có những kiến nghị đạt lý, thấu tình và kịp thời để phục vụ chủ thể lãnh đạo, chủ thể quản lý nghiên cứu, xử lý đúng, chính xác, kịp thời.

b. Vị trí thanh tra "là người bạn của dưới": "*dưới*" trong nhóm từ "*người bạn của dưới*" được hiểu là địa phương, ngành, cơ quan, đơn vị được thanh tra. Hồ Chủ tịch cũng đã giải thích cụ thể, rõ ràng về điều này: "Là người bạn", "thanh tra không phải chỉ đi xem địa phương thực hiện nghị quyết, chỉ thị thế nào. Nếu họ làm sai hay gặp khó khăn cần giúp đỡ họ làm cho đúng với nghị quyết, chỉ thị của trên đưa xuống". "phát hiện những việc tham ô, lãng phí chẳng những báo cáo với Trung ương và Chính phủ biết và giải quyết, mà còn giúp cho các cấp lãnh đạo các ngành, các cấp và cán bộ, công nhân viên tìm ra những nguyên nhân của nó, những biện pháp tích cực để khắc phục và cải tiến công tác", "giúp cho các địa phương kịp thời sửa chữa, uốn nắn nếu làm sai, hoặc làm chậm". Người cho rằng, địa phương nhiều khi tự mình cũng không biết. Trong thực tiễn lãnh đạo, chỉ đạo công tác thanh tra, Hồ Chủ tịch thể hiện rất rõ phương châm "thanh tra là tai mắt của trên, là người bạn của dưới". Việc Chủ tịch Hồ Chí Minh quyết định và giao nhiệm vụ cho Phái đoàn thanh tra của Chính phủ đi thanh tra việc thực hiện Lệnh tổng động viên ở Liên khu Việt Bắc là một ví dụ. Theo Sắc lệnh số 65/SL ngày 1 tháng 5 năm 1950, Phái đoàn thanh tra của Chính phủ đi thanh tra việc thực hiện tổng động viên ở Liên khu Việt Bắc có nhiệm vụ: (1) giải thích và kiểm tra việc tổng động viên; (2) Điều tra tình hình dân sinh. Về thành viên Phái đoàn thanh tra cũng đáng lưu ý: Trong tổng số 18 thành viên, chỉ có 3 thành viên là cán bộ của Ban Thanh tra chính phủ, trong đó có tổng Thanh tra Hồ Tùng Mậu làm trưởng Phái đoàn thanh tra; có tới 10 thành viên là đại biểu của dân (đại diện của Quốc hội, Hội Nông dân cứu quốc, Hội liên hiệp Phụ nữ, Mặt trận Việt Minh); 2 thành viên là đại diện của Ủy ban kháng chiến - Hành chính (KCHC) Liên khu Việt Bắc, địa phương được thanh tra, trong đó có Phó Chủ tịch Ủy ban KCHC Liên khu Việt Bắc làm Phó trưởng Phái đoàn thanh tra; 3 thành viên đại diện Bộ quốc phòng. Bác Hồ còn viết thư gửi đồng bào Việt Bắc

trong dịp Phái đoàn Chính phủ đến thanh tra ở Liên khu Việt Bắc. Bác viết: "Phái đoàn sẽ giải thích cho đồng bào rõ. Có vấn đề thắc mắc, thì đồng bào cứ thật thà hỏi Phái đoàn".

Như vậy, Phái đoàn thanh tra không chỉ có nhiệm vụ kiểm tra, xem xét, đánh giá tình hình việc thực hiện, mà còn giải thích, hướng dẫn, giúp đỡ các địa phương thuộc Liên khu Việt Bắc thực hiện cho đúng chủ trương, chính sách tổng động viên. Phái đoàn thanh tra còn có nhiệm vụ điều tra, xem xét, đánh giá đúng tình hình đời sống thực tế mọi mặt của nhân dân thuộc các dân tộc sinh sống trên địa bàn Liên khu Việt Bắc sau hơn hai tháng thi hành lệnh tổng động viên để báo cáo với lãnh đạo Đảng Chính phủ và Hồ Chủ tịch.

III. MẤY SUY NGHĨ VỀ VIỆC NGHIÊN CỨU VÀ VẬN DỤNG QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG VÀ CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỀ KIỂM TRA, THANH TRA.

Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh xây dựng nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước của dân, do dân, vì dân tất cả quyền lực Nhà nước thuộc về nhân dân. Vì vậy, Đảng và Hồ Chủ tịch chủ trương và thi hành trên thực tế "Nhà nước thực hiện kiểm tra, thanh tra" và "nhân dân kiểm tra, giám sát Nhà nước". Đồng thời thực hiện phối, kết hợp giữa kiểm tra, thanh tra nhà nước với kiểm tra, giám sát của nhân dân đối với nhà nước. *Thực hiện phối hợp giữa kiểm tra, thanh tra của Nhà nước từ trên xuống với kiểm tra, giám sát của nhân dân từ dưới lên đối với Nhà nước là một luận điểm* quan trọng không thể tách rời trong hệ thống những luận điểm của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh về xây dựng, hoàn thiện Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Có thể khẳng định, đó là một luận điểm rất độc đáo riêng có ở Việt Nam mà Đảng ta và Bác Hồ đã vận dụng rất sáng tạo quan điểm của Lênin về kiểm kê, kiểm soát của Nhà nước Xô-viết và điều kiện cụ thể vào Việt Nam¹⁵.

Trong những năm qua, luận điểm quan trọng này chưa được nghiên cứu sâu hoặc mới bước đầu được nghiên cứu, chưa làm sáng tỏ về lý luận và thực tiễn, đặc biệt là chưa được vận dụng nhiều, có kết quả vào thực tiễn cuộc sống xã hội hiện nay trong điều kiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Có chăng mới chỉ là hình thức, nhất là sự kiểm tra, giám sát của quần chúng nhân dân đối với hoạt động của cơ quan nhà nước và hành vi của cán bộ, công chức nhân viên, nhà nước. Sự kiểm tra, thanh tra nhà nước và giám sát của quần chúng nhân dân đối với sự sai lầm của người lãnh đạo, nhất là những người có chức vụ, quyền hạn cao, vẫn chưa có cơ chế cụ thể, chưa được thực hiện có hiệu lực trong đời sống xã hội.

¹⁵ Xem: V.I. Lê Nin bàn về kiểm kê, kiểm soát, NXB Chính trị quốc gia, 1998

Việc nghiên cứu và vận dụng luận điểm trên đây trong điều kiện cụ thể hiện nay có một số vấn đề phải được nghiên cứu sâu hơn, tìm được những giải pháp cụ thể, có hiệu quả, được thi hành trên thực tế. Một số vấn đề sau:

1. Cơ chế nhân dân (hoặc đại biểu của nhân dân) tham gia trực tiếp vào hoạt động kiểm tra, thanh tra nhà nước đối với cơ quan Nhà nước các cấp, các ngành trong việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Về vấn đề này, từ năm 1950 Hồ Chủ tịch đã đưa ra một cơ chế rất đơn giản và dễ dàng thực hiện trên thực tế. Cơ chế đó tuy chưa thành văn bản, nhưng đã được thực hiện trên thực tế trong sự nghiệp kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta. Và chính Người đã thực hiện cơ chế đó bằng Sắc lệnh số 65/SL ngày 1 tháng 5 năm 1950 về việc cử một Phái đoàn chính phủ đi thanh tra việc thực hiện tổng động viên của Ủy ban Kháng chiến - Hành chính Liên khu Việt Bắc. Bằng Sắc lệnh này Hồ Chủ tịch đã cử 10 đại biểu của dân trong tổng số 18 đại biểu là thành viên của Phái đoàn chính phủ đi thanh tra việc thực hiện một chủ trương lớn rất quan trọng, bí mật đối với kẻ thù của Đảng và Chính phủ - chủ trương tổng động viên nhân lực, vật lực, tài lực trong nhân dân để chuẩn bị tổng phản công kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp - Mười đại biểu của dân đó gồm: 2 đại biểu quốc hội (khoá I) 2 đại biểu của Nông dân cứu quốc, 4 đại biểu của Mặt trận Việt Minh-Liên Việt và 2 đại biểu của Phụ nữ Liên Hiệp.

Có thể gọi việc 10 đại biểu của dân tham gia Phái đoàn chính phủ được thành lập theo Sắc lệnh số 65/SL ngày 1 tháng 5 năm 1950 đi thanh tra việc thực hiện tổng động viên của Ủy ban Kháng chiến - Hành chính Liên khu Việt Bắc là cơ chế “nhân dân tham gia trực tiếp vào hoạt động kiểm tra, thanh tra nhà nước đối với cơ quan Nhà nước các cấp, các ngành trong việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước”. Cơ chế này thể hiện sinh động một nội dung rất quan trọng và cụ thể đường lối, chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam và tư tưởng Chủ tịch Hồ Chí Minh về “Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân” và “Tất cả quyền lực Nhà nước thuộc về nhân dân”, đó là “Thực hiện việc phối hợp kiểm tra của Chính phủ từ trên xuống với việc kiểm tra của nhân dân từ dưới lên”, hoặc như Bác Hồ viết: “Kiểm soát có hai cách: một cách là từ trên xuống, tức là người lãnh đạo kiểm soát kết quả những công việc của cán bộ mình. Một cách nữa là từ dưới lên, tức là quần chúng và cán bộ kiểm soát sự sai lầm của người lãnh đạo và bày tỏ cái cách sửa chữa sự sai lầm đó. Cách này là cách tốt nhất để kiểm soát các nhân viên”

Cơ chế “nhân dân tham gia trực tiếp vào kiểm tra, thanh tra nhà nước đối với cơ quan nhà nước các cấp, các ngành trong việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước” cần được Thanh tra chính phủ nghiên cứu sâu, viết thành một quy phạm pháp luật, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

2. Cơ chế chỉ đạo, hoạt động và xử lý kiến nghị của Thanh tra nhân dân.

Đây là một vấn đề cần sớm được nghiên cứu sâu và đưa ra cơ chế thực hiện được trên thực tế và có hiệu lực. Có như thế mới tránh được tình trạng phổ biến hiện nay là Ban Thanh tra nhân dân chỉ là hình thức, nhất là ở các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước, thậm chí trở thành bình phong cho một số người có chức vụ, quyền hạn. Về Thanh tra nhân dân, có mấy nội dung cần được tiếp tục nghiên cứu sâu và đề xuất thành cơ chế.

- Về đối tượng giám sát của Ban Thanh tra nhân dân: Vấn đề này chưa được làm rõ, chưa được xác định rõ, cụ thể trong Luật Thanh tra năm 2004. Với những quy định về Thanh tra nhân dân tại các điều 2, 11, 58 đến 67 Luật Thanh tra năm 2004 rất có thể dẫn đến các thành viên Ban Thanh tra nhân dân cho rằng, hoạt động của Ủy ban nhân dân và hành vi của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã (phường, thị trấn), thủ trưởng cơ quan nhà nước (đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước) không phải là đối tượng cần được giám sát của Ban Thanh tra nhân dân. Thực tiễn hoạt động của nhiều Ban Thanh tra nhân dân ở xã (phường, thị trấn), nhất là ở các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước, trong những năm qua cũng cho thấy như vậy.

Đây là vấn đề quan trọng, và thực ra đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh xác định trong nhiều tác phẩm, bài viết, bài nói về kiểm tra, kiểm soát, thanh tra. Hồ Chủ tịch cho rằng nhân dân có quyền kiểm tra, giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước các cấp, các ngành và hành vi của cán bộ, công chức, nhân viên nhà nước. Bác Hồ viết: “Dân phải biết quyền hạn của mình, phải biết kiểm soát cán bộ để giúp cán bộ thực hiện chữ Liêm”¹⁶.

- Về quyền hạn của Ban Thanh tra nhân dân: quyền hạn của Ban Thanh tra nhân dân cần nghiên cứu, đề xuất cụ thể và có cơ chế thực hiện quyền hạn đó, như cơ chế hoạt động để: (1) “giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật việc giải quyết khiếu nại, tố cáo việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở” (điểm 1, Điều 59 Luật Thanh tra 2004), “phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật”, “giám sát thực hiện kiến nghị đó” (điểm 2, điều và luật đã dẫn), (3) Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã (phường, thị trấn), người đứng đầu cơ quan nhà nước

¹⁶ Cần, kiệm, liêm, chính, 1949, HCM, tập 5, tr 641, 642

(đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước biết "những vụ việc nhất định" là những vụ việc gì, thuộc lĩnh vực nào và mức độ nào là "cần thiết" (điểm 3, điều và luật đã dẫn), v.v.. Chỉ với những nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 59 không có cơ chế thực hiện cụ thể và cách quy định hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân còn chung chung tại các điều 61, 65 Luật Thanh tra năm 2004 thì những đại biểu của dân, do nhân dân bầu vào Ban Thanh tra nhân dân sẽ không biết phải làm gì, làm như thế nào để giám sát, xác minh, kiến nghị; và như vậy, việc giám sát của Ban Thanh tra nhân dân không thể được gọi là kiểm soát "từ dưới lên tức là quần chúng và cán bộ kiểm soát sự sai lầm của người lãnh đạo bày tỏ cái cách sửa chữa sự sai lầm đó. Cách này là cách tốt nhất để kiểm soát các nhân viên".

- Về cơ chế thực hiện kiến nghị của Ban thanh tra nhân dân: cũng cần được nghiên cứu sâu và có cơ chế thực hiện cụ thể, có hiệu lực hơn.

- Để có cơ sở lý luận và thực tiễn nghiên cứu có chất lượng một số vấn đề trên, cần thiết phải tổng kết công tác lãnh đạo, tổ chức, chỉ đạo và hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân ở cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước.

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VAI TRÒ, VỊ TRÍ CÔNG TÁC THANH TRA TRONG CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO ĐẢNG, QUẢN LÝ CỦA NHÀ NƯỚC - NHỮNG GIẢI PHÁP, KIẾN NGHỊ VẬN DỤNG TRONG TÌNH HÌNH HIỆN NAY

*TS. Lê Mạnh Luân
Chánh Văn phòng
Ban Nội chính Trung ương*

Ngay sau khi lãnh đạo nhân dân ta tiến hành Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, giành chính quyền về tay nhân dân, Chủ tịch Hồ Chí Minh vận dụng Chủ nghĩa Mác – Lênin, nhanh chóng bắt tay vào xây dựng và lãnh đạo hoạt động của bộ máy Nhà nước ta. Trên cơ sở luận điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về Nhà nước và pháp luật, căn cứ vào thực tiễn đất nước, Người đã chỉ đạo xây dựng bộ máy của cơ quan hành chính, các cơ quan tư pháp; ban hành các sắc lệnh, nghị định của Chính phủ; tổ chức tổng tuyển cử bầu ra Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà; soạn thảo Hiến pháp 1946.

Trong những năm tháng đầu tiên của chính quyền mới, kinh nghiệm lãnh đạo Nhà nước chưa nhiều, nhưng Chủ tịch Hồ chí Minh đã đề ra và chỉ đạo thực hiện đúng đắn về nhiệm vụ, hoạt động, phương thức quản lý của bộ máy nhà nước, trong đó có cơ quan thanh tra.

Mặc dù phải tập trung lãnh đạo đấu tranh với thù trong giặc ngoài; đẩy mạnh sản xuất để chống đói nghèo, chăm lo giáo dục để nâng cao dân trí nhưng Người đã quan tâm đến công tác thanh tra, kiểm tra; chỉ đạo lĩnh vực công tác này của Đảng và Nhà nước để góp phần bảo vệ thành quả cách mạng và phát triển kinh tế, phát huy dân chủ.

Trên 20 năm với cương vị Chủ tịch Đảng và Chủ tịch nước, Bác Hồ đã chỉ rõ mục đích, nhiệm vụ của các cơ quan thanh tra; trực tiếp tổ chức và chỉ đạo hoạt động của các cơ quan thanh tra phục vụ cách mạng, phục vụ công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Những quan điểm, tư tưởng Hồ Chí Minh về kiểm tra, thanh tra có ý nghĩa cực kỳ quan trọng trong sự lãnh đạo của Đảng, trong quản lý Nhà nước nói chung và trong tổ chức, hoạt động của các cơ quan thanh tra nói riêng.

Dưới đây, chúng tôi xin trình bày một số nội dung của tư tưởng Hồ Chí Minh về thanh tra, kiểm tra và có một số kiến nghị để tăng cường hiệu quả

công tác thanh tra trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

I. MỘT SỐ NỘI DUNG TRONG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ THANH TRA.

1. Thanh tra phục vụ cho sự lãnh đạo của đảng; là nội dung, công cụ quản lý Nhà nước và xã hội.

Trong chế độ ta, Đảng Cộng Sản Việt nam là Đảng cầm quyền có sứ mạng lãnh đạo Nhà nước và xã hội.

Để lãnh đạo Nhà nước và xã hội, Đảng ta:

- Đề ra đường lối, chủ trương, chính sách xây dựng đất nước, bảo vệ Tổ quốc trong từng thời kỳ cách mạng.
- Giáo dục, tuyên truyền, vận động, tổ chức nhân dân thực hiện đường lối, chính sách của Đảng.
- Cử cán bộ của đảng làm việc trong bộ máy Nhà nước, trong các tổ chức xã hội, đoàn thể quần chúng.
- Kiểm tra việc thực hiện đường lối, chính sách của Đảng.

Hồ Chủ Tịch luôn căn dặn đối với một Đảng cầm quyền muốn lãnh đạo thành công sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước thì phải có chính sách đúng, phải biết cách tổ chức thực hiện công việc, chọn đúng người và phải thường xuyên kiểm tra việc thực hiện chính sách của mình. Người viết: “khi đã có chính sách đúng thì sự thành công hoặc thất bại của chính sách đó là do nơi cách tổ chức công việc, nơi lựa chọn cán bộ và do nơi kiểm tra” (Hồ Chí Minh, toàn tập, tập 5; nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội – 1995, tr.520).

Nhà nước thể chế hoá đường lối, chính sách của Đảng thành pháp luật. Pháp luật chính là sự cụ thể hoá, quy phạm pháp luật hoá đường lối, chính sách của Đảng. Như vậy, muốn kiểm tra việc thực hiện đường lối, chính sách của đảng thì phải thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật. Kiểm tra, thanh tra việc thực hiện pháp luật chính là việc kiểm tra, thanh tra việc thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Đảng. Công tác thanh tra chính là công tác kiểm tra việc thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, phục vụ cho công tác kiểm tra của Đảng. Như vậy, công tác thanh tra là phục vụ cho sự lãnh đạo của đảng. Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn luôn xác định nhiệm vụ của thanh tra là phải xem xét, đánh giá việc thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Người dặn dò cán bộ thanh tra: “Thanh tra là nhiệm vụ vẻ vang và quan trọng, nó theo dõi, xem xét việc chấp hành đúng đắn đường lối, chính sách,

ng nghị quyết, chỉ thị của Đảng và Chính phủ” (xem Hồ Chí Minh toàn tập, tập 10; nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 275)

Trong các bài viết, lời phát biểu của chủ tịch Hồ Chí Minh, công tác kiểm tra của Đảng và công tác thanh tra của Nhà nước luôn luôn gắn bó chặt chẽ, liên hệ mật thiết với nhau với nhiệm vụ chung là phục vụ cho sự lãnh đạo của đảng và công tác quản lý của Nhà nước.

Nhà nước có chức năng quản lý xã hội. Để thực hiện chức năng đó của mình, Nhà nước phải có chính sách quản lý (chủ yếu là thông qua các văn bản pháp luật); phải lập nên bộ máy để thực hiện chính sách quản lý và thường xuyên kiểm tra, thanh tra việc thực hiện chính sách quản lý đó.

Thanh tra, kiểm tra là một nội dung của quản lý Nhà nước, là công cụ, phương tiện để quản lý các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội của đời sống đất nước.

Thấy được vai trò, sự cần thiết của thanh tra trong công việc của Chính quyền, ngay trong ngày tháng đầu tiên trên cương vị Chủ tịch nước và người đứng đầu Chính phủ, Hồ chủ tịch đã yêu cầu các vị Bộ trưởng phải đi kiểm tra công việc mà mình phụ trách. Đồng thời Người đã chỉ đạo việc xây dựng, thành lập một cơ quan thanh tra chuyên trách. Tại phiên họp Chính phủ ngày 4- 10 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã giao cho Bộ Nội vụ lập một uỷ ban thanh tra hành chính có nhiệm vụ điều tra công việc hành chính của địa phương. Tháng 11 – 1945, Chính phủ dưới sự chủ trì của Hồ chủ tịch thảo luận việc thành lập một Ban thanh tra đặc biệt có nhiệm vụ đi giám sát tất cả công việc và các nhân viên của các Uỷ ban nhân dân và các cơ quan của Chính phủ. Ngày 23-11-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh 64/SL về thành lập ban thanh tra đặc biệt với nhiệm vụ, quyền hạn sau:

- Nhận các đơn khiếu nại của nhân dân.
- Điều tra, hỏi chứng, xem xét các tài liệu giấy tờ của các Uỷ ban nhân dân hoặc các cơ quan của Chính phủ cần thiết cho công việc giám sát.
- Đình chức, bắt giam bất cứ nhân viên nào trong Uỷ ban nhân dân hay của Chính phủ phạm lỗi trước khi mang ra Hội đồng chính phủ hay Toà án đặc biệt.
- Tịch biên hoặc niêm phong những tang vật và dùng mọi cách điều tra để lập một hồ sơ mang một phạm nhân ra Toà án đặc biệt.

Sau này, Người tiếp tục chỉ đạo xây dựng và kiện toàn hệ thống các cơ quan thanh tra Nhà nước. Bên cạnh cơ quan thanh tra của Chính phủ, Hồ chủ tịch còn ký các sắc lệnh thành lập các cơ quan thanh tra của các bộ, thanh tra chuyên ngành (Nha thanh tra, Tổng thanh tra tài chính, giáo dục, lao động...)

Những điều trình bày ở trên cho thấy Hồ Chủ Tịch coi trọng đến công tác thanh tra; quan tâm xây dựng, kiện toàn các cơ quan thanh tra Nhà nước để góp phần vào cuộc đấu tranh bảo vệ thành quả cách mạng, giải phóng đất nước; phát triển kinh tế; giữ gìn kỷ cương, trật tự xã hội.

2. Thanh tra là công cụ sắc bén trong đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí góp phần xây dựng Đảng, Nhà nước trong sạch, vững mạnh

Trong quá trình tìm đường cứu nước, Bác Hồ đã thấy được và vạch trần tệ tham nhũng trong bộ máy chính quyền thực dân ở Việt nam. Trong tác phẩm “bản án chế độ thực dân”, Người đã lên án những hành vi tham nhũng của những kẻ tự xưng là “quan phụ mẫu” của dân:

- Phung phí tiền của dân;
- Nhận thầu các công trình, làm đường;
- Khai man để chi tiêu;
- Sử dụng nhân viên Nhà nước vào việc riêng.

Thấy được bệnh tham nhũng trong bộ máy Nhà nước cũ, cho nên ngay sau khi giành được chính quyền, Hồ chủ Tịch đã nhắc nhở: “... song cái tệ tham ô, những lạm chưa được quét sạch” (xem Hồ Chí Minh toàn tập, tập 4; nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 166).

Người coi tham nhũng cũng như các hành vi lãng phí, quan liêu là kẻ thù của nhân dân, là thứ giặc trong lòng; coi nagnng với giặc ngoại xâm là nội xâm. Người tuyên bố sẽ trừng trị những kẻ nhận hối lộ, tham ô.

Hồ chủ Tịch cho rằng nguyên nhân của lãng phí, tham ô là bệnh quan liêu, mệnh lệnh. Người chỉ rằng, nếu cán bộ lãnh đạo, quản lý cứ làm việc như các ông quan ngày xưa, chỉ ngồi trong phòng làm việc, không chịu đi thực tế để kiểm tra, thanh tra công việc thì sẽ không phát hiện được tham nhũng, lãng phí. Do vậy, muốn chống bệnh quan liêu, chống tham nhũng, lãng phí thì phải thường xuyên kiểm tra, thanh tra.

Đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, của cả hệ thống chính trị, của tất cả các cơ quan, nhân viên Nhà nước. Trong các cơ quan Nhà nước thì thanh tra có vai trò quan trọng đối với đấu tranh chống tệ lãng phí, tham nhũng. Hồ chủ Tịch chỉ thị cho các cơ quan thanh tra: “...các Ban thanh tra phải chú ý kiểm tra chống lãng phí, tham ô. Phát hiện ra những lãng phí, tham ô, chẳng những cần báo cáo với Trung ương và Chính phủ giải quyết mà còn phải giúp các cấp lãnh đạo địa phương tìm ra

được những biện pháp tích cực chống lãng phí, tham ô” (xem Hồ Chí Minh toàn tập, tập 10; nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 81).

Năm 1949, trong sắc lệnh 138b/SL về thành lập Ban thanh tra Chính phủ do Hồ chủ tịch ký đã quy định một nhiệm vụ của Ban thanh tra Chính phủ là phải thanh tra chính quyền, viên chức về phương diện liêm khiết.

Chống tham ô, lãng phí là một trong những nhiệm vụ của Ban Thanh tra Trung ương của Chính phủ được thành lập theo quy định tại Sắc lệnh 261/SL do Hồ Chủ Tịch ký ngày 28-3-1956.

Như vậy, nhiệm vụ đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí của các cơ quan thanh tra đã được Hồ chủ tịch xác định ngay từ đầu của chính quyền cách mạng và luôn luôn được Người chỉ đạo trong hoạt động Nhà nước. Tư tưởng đó của Người được quán triệt sâu sắc, thể hiện đầy đủ trong tổ chức và hoạt động của cơ quan thanh tra trong các thời kỳ cách mạng. Pháp lệnh chống tham nhũng 1998, Luật Thanh tra 2004 đã quy định nhiệm vụ chống tham nhũng của các cơ quan thanh tra.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình, các cơ quan thanh tra đã đóng vai trò nòng cốt trong đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí. Thông qua các cuộc thanh tra về kinh tế, xã hội, qua việc giải quyết các khiếu nại, tố cáo của nhân dân, các cơ quan thanh tra đã phát hiện nhiều vụ tham nhũng, lãng phí làm thất thoát hàng chục tỷ đồng của Nhà nước. Qua việc thanh tra, các cơ quan thanh tra đã thu hồi hoặc trả lại cho Nhà nước, cá nhân, tổ chức nhiều tài sản có giá trị hàng tỷ đồng bị chiếm đoạt, yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền xử lý nghiêm những công chức Nhà nước, cán bộ, đảng viên tham ô, nhận hối lộ, làm thất thoát tài sản của Nhà nước.

Những năm gần đây, theo sự chỉ đạo của Bộ chính trị, Ban bí thư, chính phủ, các cơ quan thanh tra đã tiến hành nhiều cuộc thanh tra về xây dựng cơ bản, quản lý, sử dụng đất đai. Qua thanh tra, cơ quan thanh tra đã phát hiện sự lãng phí rất lớn, thất thoát nhiều trong việc sử dụng vốn của Nhà nước. Năm 2003, các đoàn thanh tra của Thanh tra Nhà nước thanh tra một số dự án, công trình, đã phát hiện ra nhiều sai phạm trong quản lý đầu tư. Thanh tra dự án tuyến ống kho, cảng LPG Thị Vải do Tổng công ty Dầu khí làm chủ đầu tư, đoàn thanh tra đã phát hiện do kéo dài thời gian thi công, đã lãng phí 4,2 triệu USD và hơn 50 tỷ đồng. Do không thực hiện đúng quy chế đấu thầu nên Dự án mở rộng năng lực sản xuất của công ty giấy Bãi Bằng đã mất thêm 8,2 triệu USD so với giá xét thầu. Do tiến độ chậm, nên dự án cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước của thành phố Hồ Chí Minh đã lãng phí 82,7 tỷ đồng... Trong năm 2004, qua công tác thanh tra các đoàn của Thanh tra Nhà nước đã

phát hiện tình trạng lãng phí của Dự án đánh bắt cá xa bờ ở một số địa phương.

Thông qua việc thực hiện nhiệm vụ của mình, các cán bộ thanh tra đã tham gia tích cực vào công cuộc xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh.

3. Thanh tra bảo vệ quyền dân chủ của người dân

Nhân dân là người chủ của quyền lực Nhà nước. Các Hiến pháp của Nhà nước ta đều ghi nhận quyền lực Nhà nước đều thuộc về nhân dân. Nhà nước ta là Nhà nước của dân, do dân và vì dân. Hồ Chủ Tịch luôn khẳng định bao nhiêu quyền hạn đều của dân.

Trong quá trình hoạt động của các cơ quan Nhà nước cũng nảy sinh việc lạm dụng quyền lực để o ép, những nhiều người dân, xâm phạm quyền dân chủ của người dân. Hồ Chủ Tịch luôn phê phán những ông quan cách mạng làm điều trái ngược với tính chất dân chủ của Nhà nước ta, có những hành động cưỡng bức, bắt bớ, xúc phạm người dân. Bác Hồ nghiêm khắc phê bình “có cán bộ, đảng viên lợi dụng quyền thế của Đảng và Nhà nước làm những việc trái với chính sách và pháp luật, xâm phạm với lợi ích vật chất và quyền tự do dân chủ của nhân dân...” (Hồ Chí Minh toàn tập, tập 11, nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội – 1995, tr. 574).

Hồ Chủ Tịch trong cuộc đời cách mạng của mình luôn đấu tranh để thiết lập và bảo vệ quyền dân chủ của người dân. Bảo vệ các quyền về chính trị, kinh tế, xã hội của người dân là một trong những nhiệm vụ mà Hồ Chủ Tịch giao cho các cơ quan thanh tra.

Thông qua việc tiếp nhận và giải quyết khiếu nại, tố cáo các cơ quan thanh tra đã góp phần quan trọng vào việc bảo vệ quyền lực và lợi ích hợp pháp của công dân. Ngay từ tháng 10 – 1945, Hồ Chủ Tịch đã chỉ ra nhiệm vụ giải quyết các đơn thư của nhân dân: “Muốn cho dân yêu, muốn được lòng dân, việc gì có lợi cho nhân dân thì phải hết sức làm, việc gì có hại cho dân phải hết sức tránh. Phải chú ý giải quyết các vấn đề đau khổ đến đâu mặc lòng, những vấn đề quan hệ tới đời sống của dân. Phải chấp đơn, phải xử kiện cho dân mỗi khi người ta đem tới” (Hồ Chí Minh toàn tập, tập 4, nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội – 1995, tr. 47).

Thấy được tầm quan trọng của việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của nhân dân, Hồ Chủ Tịch đã quy định nhiệm vụ đầu tiên của Ban Thanh tra đặc biệt là nhận các đơn khiếu nại của nhân dân. Quán triệt tư tưởng đó của Hồ Chủ Tịch, từ đó đến nay, việc giải quyết khiếu nại tố cáo của nhân dân luôn

được đảng và Nhà nước ta xác định là nhiệm vụ hàng đầu của các cơ quan thanh tra và được tập trung chỉ đạo thực hiện có kết quả.

Trong những năm cuối thế kỷ 20 và những năm đầu thế kỷ 21, do biến đổi của cơ chế thị trường, do những hạn chế, yếu kém trong quản lý Nhà nước, tình hình khiếu nại tố cáo ở nước ta có những diễn biến phức tạp và có xu hướng tăng. Nhiều “điểm nóng” xuất hiện ở một số địa phương gây nên những hậu quả nghiêm trọng, ảnh hưởng xấu tới phát triển kinh tế, đến an ninh, trật tự.

Được sự chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Chính phủ, các cơ quan thanh tra Nhà nước đã chủ trì nghiên cứu, đề xuất những giải pháp để giải quyết có kết quả khiếu kiện của nhân dân. Năm 1998, Thanh tra Nhà nước chủ trì xây dựng và trình Quốc Hội ban hành Luật khiếu nại, tố cáo. Trong hai năm 2000 và 2001, Thanh tra Nhà nước đóng vai trò nòng cốt trong các đoàn công tác liên ngành, các đoàn kiểm tra của Chính phủ và của chính quyền địa phương kiểm tra thanh tra công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo ở nhiều tỉnh, thành phố; trực tiếp giải quyết khiếu nại, tố cáo phức tạp, kéo dài. Đó là điểm nóng khiếu kiện của 20/22 xã thuộc huyện Giao Thủy, Nam Định; khiếu kiện về đất đai của 2000 hộ dân ở 3 huyện Ba Tri, Giồng Trôm, Thạnh Phú, Bến Tre; khiếu kiện của nhiều hộ Khơme ở tỉnh An Giang; khiếu kiện ở Thị trấn Sao Đỏ, Chí Linh, Hải Dương...

Năm 2002, Ban cán sự Đảng Thanh tra Nhà nước đã phối hợp với ban Nội chính Trung ương xây dựng, trình Ban Bí Thư ban hành chỉ thị 09-CT/TW về “Một số vấn đề cần thực hiện trong công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo hiện nay”. Chỉ thị này đã quán triệt, nâng cao trách nhiệm của các cấp uỷ Đảng, chính quyền trong công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo. Thực hiện Chỉ thị và các kế hoạch của Ban bí thư về kiểm tra công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc giải quyết khiếu nại tố cáo, các cơ quan thanh tra Nhà nước đã xây dựng, chương trình, kế hoạch thanh tra để đôn đốc thúc đẩy việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của các Bộ, ngành, chính quyền các cấp và trực tiếp giải quyết nhiều vụ khiếu kiện kéo dài nhiều năm. Năm 2003, Thanh tra Nhà nước đã trực tiếp kiểm tra trách nhiệm giải quyết khiếu nại, tố cáo tại các tỉnh Tiền Giang, Hà Tây, Hải Phòng, Bắc Ninh, Sóc Trăng, Lạng Sơn, Thanh tra Bộ, ngành, địa phương đã tiến hành 1.295 cuộc kiểm tra trách nhiệm giải quyết khiếu nại tố cáo của thủ trưởng 3.177 cơ quan, đơn vị. Trong năm 2003, các cơ quan thanh tra đã thẩm tra, xem xét, tham mưu cho chính các cấp giải quyết được 77.221 vụ khiếu nại, tố cáo 6 tháng đầu năm 2004, các cơ quan thanh tra tham mưu cho lãnh đạo các bộ, ngành, UBND các cấp, thủ trưởng các cơ quan đơn vị giải quyết được 40.000 vụ khiếu nại, tố cáo. Sự cố gắng nỗ lực của các cơ quan thanh tra Nhà nước đã góp phần cùng các cơ quan, tổ chức hữu quan

giải quyết được nhiều vụ việc phức tạp và làm cho tình hình khiếu kiện trong hai năm 2003 và 2004 có chiều hướng giảm, nhất là các vụ khiếu kiện đông người, vượt cấp.

Nhằm giải quyết một số bất cập trong giải quyết khiếu nại, tố cáo hiện nay, bên cạnh việc tổ chức nghiên cứu cơ bản về cơ chế giải quyết các khiếu kiện hành chính, năm 2004, Thanh tra Nhà nước đã soạn thảo và trình Quốc hội thông qua Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật khiếu nại, tố cáo của Thủ tướng Chính phủ. Luật sửa đổi này đã điều chỉnh thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo của Thủ tướng Chính phủ, các Bộ trưởng và Tổng Thanh tra Chính phủ; quyền khởi kiện ra toà án đối với một số khiếu kiện đã có quyết định giải quyết của Bộ trưởng. Những sửa đổi trên đã hạn chế tình trạng khiếu nại, tố cáo vượt cấp, đề cao trách nhiệm của các Bộ trưởng, chủ tịch UBND cấp tỉnh, Tổng Thanh tra Chính phủ và bảo đảm quyền của cá nhân, tổ chức yêu cầu toà án xét xử một số khiếu kiện hành chính.

4. Cán bộ thanh tra phải là người mẫu mực về đạo đức, có bản lĩnh và có năng lực trình độ cao:

Trong quá trình lãnh đạo Đảng ta, nhân dân ta đấu tranh giành chính quyền và xây dựng, bảo vệ đất nước, Bác Hồ luôn chú trọng đến vấn đề cán bộ. Người coi vấn đề cán bộ là vấn đề cốt tử quyết định sự nghiệp cách mạng của Đảng.

Với tinh thần đó, Hồ chủ Tịch luôn quan tâm đến vấn đề đức, tài của cán bộ, công chức nói chung và của cán bộ thanh tra nói riêng. Theo Người, cán bộ của Đảng, chính quyền không phải là “ông quan cách mạng” mà là đầy tớ của nhân dân. Phẩm chất, đạo đức, tinh thần trách nhiệm của cán bộ, Đảng viên phải rèn luyện, phấn đấu thực hiện lời chỉ dạy của Hồ Chủ Tịch: “Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư”.

Nghiên cứu tư tưởng của Hồ Chủ Tịch về thanh tra, có thể khái quát những yêu cầu của Người đối với cán bộ thanh tra như sau:

- Cán bộ thanh tra phải trong sáng, mẫu mực về đạo đức để cho nhân dân noi theo;
- Cán bộ thanh tra phải có năng lực, trình độ để thực sự là “tai mắt” của Đảng, Nhà nước và “bạn” của người dân;
- Cán bộ thanh tra phải có bản lĩnh kiên quyết đấu tranh với tệ tham nhũng, quan liêu, lãng phí, lộng quyền.

Hồ Chủ Tịch căn dặn nhiệm vụ của cán bộ thanh tra là phát hiện và kiến nghị xử lý những kẻ tham ô, nhận hối lộ, đục khoét tài sản Nhà nước và của nhân dân. Tính chất của nhiệm vụ này đòi hỏi cán bộ thanh tra phải liêm khiết.

Cán bộ thanh tra liêm khiết thì mới chống lại được mọi sự cám dỗ, mua chuộc để vạch mặt, chỉ tên, trừng trị những kẻ tham lam, đồi bại trong bộ máy Nhà nước.

Đạo đức trong sáng của người cán bộ thanh tra không chỉ giúp họ hoàn thành nhiệm vụ mà còn là chuẩn mực để người khác noi theo. Sự thanh liêm của cán bộ thanh tra tác động đến suy nghĩ, hành động của những cán bộ, công chức khác, nó góp phần hạn chế, tiếp theo loại bỏ sự bất liêm: “tham tiền của, tham địa vị, tham danh tiếng, tham ăn ngon...” (Hồ Chí Minh toàn tập, tập 5, nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội – 1995, tr. 640) và lối sống chạy chức, chạy tội... trong bộ máy Nhà nước.

Liêm khiết của cán bộ thanh tra còn là nguồn động viên để nhân dân dũng cảm đấu tranh với các hành vi lạm quyền, ức hiếp, nhũng nhiễu nhân dân. Với lòng tin vào cán bộ thanh tra, người dân sẽ phát hiện và tố cáo những kẻ tham nhũng, giúp cán bộ thanh tra vạch trần được sâu mọt trong bộ máy chính quyền. Chủ tịch Hồ Chí Minh nhắc nhở: “Vì vậy, cán bộ phải thực hành chữ Liêm trước, để làm kiểu mẫu cho dân” (Hồ Chí Minh toàn tập, tập 5, nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội – 1995, tr.641).

Tiêu chuẩn hàng đầu của cán bộ thanh tra là đạo đức trong sáng, là liêm khiết. Những mới có liêm thì chưa đủ. Người cán bộ thanh tra tốt, có đức thì chưa thể hoàn thành nhiệm vụ vô cùng khó khăn, phức tạp mà Nhà nước giao cho. Như vậy, người cán bộ thanh tra phải có đức, có tài. Tài của người cán bộ thanh tra là sự hiểu biết vững chắc về lĩnh vực mà mình sẽ thanh tra; là sự vận dụng đúng đắn những quy định của Nhà nước trong công việc của mình. Năng lực, trình độ của cán bộ thanh tra thể hiện ở sự chính xác, khách quan đúng đắn của các kết luận thanh tra và những kiểm nghị với cơ quan có thẩm quyền.

Muốn có năng lực, trình độ thì cán bộ thanh tra phải luôn học tập và rèn luyện. Hồ Chủ tịch yêu cầu cán bộ thanh tra: “các cô, các chú cũng là cán bộ cách mạng, quyết tâm rèn luyện, học hỏi nhất định làm hoàn thành nhiệm vụ”. Cán bộ thanh tra muốn nâng cao trình độ, năng lực thì phải học tập lý luận, học ở nhà trường và học qua thực tế, kinh nghiệm công tác. Bác Hồ ví cán bộ thanh tra như con dao. Con dao đó phải sắc để hoàn thành nhiệm vụ. Muốn dao sắc thì phải rèn luyện, học tập để mài sắc.

Một yêu cầu nữa của cán bộ thanh tra là bản lĩnh. Trong cuộc đấu tranh với những quan chức sai phạm, tham nhũng, cán bộ thanh tra không những phải trong sáng, giỏi và có tinh thần dũng cảm; kiên quyết. Ngoài sự mua chuộc, cám dỗ các loại, cán bộ thanh tra phải đối đầu với nhiều sức ép rất quyền lực. Bên cạnh đó, người cán bộ thanh tra còn gặp phải những vấn đề tế

nhị, khó xử khác từ các quan hệ xã hội. Do vậy, muốn hoàn thành nhiệm vụ của mình thì người cán bộ thanh tra phải có bản lĩnh.

Hồ chủ Tịch thường xuyên nhắc nhở cán bộ thanh tra phải rèn luyện ý chí bản lĩnh của mình. Tại Hội nghị Thanh tra năm 1961, Bác Hồ phê bình: “Một số cán bộ thanh tra còn rụt rè nể nang với một số cán bộ cao cấp của các cơ quan được kiểm tra...” (Hồ Chí Minh toàn tập, tập 10, nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội – 1995, tr.275). Trung thực, kiên quyết đấu tranh với những hành vi sai phạm, tham nhũng, lạm quyền... chính là đạo đức cách mạng của người cán bộ thanh tra trong tư tưởng Hồ Chí Minh.

Quán triệt tư tưởng của Hồ Chủ Tịch, Luật Thanh tra đã quy định Thanh tra viên phải: “Trung thành với Tổ quốc và Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; có phẩm chất đạo đức tốt, có ý thức trách nhiệm, liêm khiết, trung thực, công minh và khách quan”.

II. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

Hồ Chủ Tịch là người sáng lập ra cơ quan thanh tra; đề ra nguyên tắc, phương châm hoạt động của các tổ chức thanh tra. Dưới ánh sáng của tư tưởng Hồ Chí Minh, các cơ quan thanh tra không ngừng phát triển, trưởng thành, góp phần quan trọng vào công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa.

Sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam đòi hỏi các cơ quan thanh tra phải được tiếp tục xây dựng, kiện toàn mới đủ sức để hoàn thành nhiệm vụ mà Đảng và Nhà nước giao cho, đáp ứng lòng mong đợi của nhân dân.

Để quán triệt sâu sắc tư tưởng của Hồ Chí Minh về công tác thanh tra, về tổ chức và hoạt động của các cơ quan thanh tra, để thanh tra thực sự là tai mắt của Đảng, Nhà nước, là bạn của người dân, chúng tôi có một số kiến nghị như sau:

1. Tiếp tục quán triệt, nâng cao nhận thức của các cấp uỷ, chính quyền, của toàn xã hội về kiểm tra, thanh tra:

Kiểm tra, thanh tra là một nội dung trong sứ mệnh lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và xã hội, là nội dung của quản lý Nhà nước. Kiểm tra bảo đảm, tăng cường và nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng. Thanh tra bảo đảm kỷ cương, kỷ luật, hiệu quả quản lý Nhà nước. Kiểm tra, thanh tra bảo đảm phát huy quyền dân chủ của nhân dân.

Như vậy, kiểm tra, thanh tra là nhiệm vụ của cấp uỷ Đảng, của thủ trưởng cơ quan Nhà nước. Nghiên cứu, đánh giá việc thực thi nghị quyết, chỉ thị của đảng; xem xét đánh giá hoạt động của các tổ chức Đảng, các đảng viên

phải làm nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên của các đồng chí lãnh đạo cấp uỷ. Các đồng chí lãnh đạo Chính phủ, bộ trưởng, chủ tịch UBND các cấp, giám đốc sở... phải trực tiếp, thường xuyên kiểm tra, thanh tra việc thi hành pháp luật, nhiệm vụ của cấp dưới. Trong chương trình công tác hàng năm, quý, tháng của Bộ trưởng, chủ tịch UBND các cấp, giám đốc sở... phải có nội dung thanh tra, kiểm tra. Các cơ quan thuộc quyền quản lý của Bộ trưởng, Chủ tịch UBND... chỉ giúp Bộ trưởng, chủ tịch UBND trong hoạt động kiểm tra, thanh tra chứ không kiểm tra, thanh tra thay thủ trưởng của mình.

Khi thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, thanh tra, thủ trưởng các cơ quan quản lý Nhà nước phải có phương pháp tốt để bảo đảm hiệu quả kiểm tra, thanh tra. Nếu khi kiểm tra, thanh tra mà Bộ trưởng, Chủ tịch UBND chỉ nghe cấp dưới báo cáo thì có thể chỉ thu được thông tin một chiều, chủ yếu là thành tích, kết quả. Điều đó làm cho thủ trưởng cơ quan Nhà nước không nắm được thực chất của tình hình, quan liêu, chủ quan và không có được những quyết định đúng đắn về quản lý và cán bộ. Như vậy, phương pháp đúng đắn làm cho sự quán triệt về tính chất thường xuyên, trực tiếp của nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra của thủ trưởng cơ quan Nhà nước trở thành hiện thực, có hiệu quả thực tế.

2. Xác định rõ vai trò, vị trí, phạm vi nhiệm vụ của các cơ quan thanh tra:

Trong bộ máy Nhà nước, các cơ quan có nhiệm vụ và tính chất hoạt động khác nhau. Ngay trong các cơ quan trực thuộc Chính phủ và UBND các cấp cũng vậy. Có những cơ quan làm nhiệm vụ quản lý kinh tế, văn hoá, xã hội. Bên cạnh đó có những cơ quan có nhiệm vụ chủ yếu là phòng chống vi phạm, tội phạm, bảo vệ trật tự xã hội. Do vậy, tính chất, tổ chức và hoạt động của các cơ quan Nhà nước có sự khác nhau.

Cũng như một số cơ quan khác (Công an, kiểm lâm...), cơ quan thanh tra có nhiệm vụ phát hiện và đấu tranh với những vi phạm pháp luật, những hành vi lạm quyền, những nhiễu nhương nhân dân. Cán bộ thanh tra phải đấu tranh với những quan chức tham nhũng, vừa có quyền vừa có tiền và có nhiều thủ đoạn tinh vi, thậm chí xảo quyệt. Như vậy, tính chất của công tác thanh tra là rất phức tạp; trong hoạt động thanh tra chứa không ít những mối “nguy hiểm”, cam bẫy. Điều đó, đòi hỏi cán bộ thanh tra phải có lòng dũng cảm, dám chịu đựng, thậm chí bị thiệt thòi. Để tìm ra kết luận được những sai phạm của những người bị thanh tra, các cán bộ thanh tra phải dày công nghiên cứu tài liệu, kiểm tra xác minh thực tế, đối chiếu, so sánh, thảo luận, tranh luận quyết liệt.

Với nhiệm vụ và tính chất hoạt động như vậy, các cơ quan thanh tra không thể là cơ quan chuyên môn như nhiều cơ quan hành chính khác. Cơ

quan thanh tra phải xác định là cơ quan bảo vệ pháp luật, cơ quan nội chính, có tính chất hoạt động như cơ quan công an, kiểm sát...

Xác định đúng vị trí, vai trò của cơ quan thanh tra sẽ làm cơ sở cho việc quy định về tổ chức, quyền hạn và mối quan hệ giữa cơ quan thanh tra Nhà nước với các cơ quan khác.

Theo chúng tôi, cần nghiên cứu tổ chức lại các cơ quan thanh tra hiện nay. Nên có cơ quan thanh tra bên trong hệ thống cơ quan hành chính Nhà nước và cơ quan thanh tra bên ngoài cơ quan hành chính Nhà nước.

Có thể nghiên cứu thành lập một cơ quan thanh tra mà các thanh tra viên do Quốc hội bầu. Cơ quan thanh tra này có nhiệm vụ thanh tra hoạt động của Chính phủ, các cơ quan tư pháp Trung ương, các bộ và chính quyền cấp tỉnh. Chính phủ, các bộ và chính quyền địa phương có thể có bộ máy thanh tra hoạt động của các cơ quan thuộc quyền quản lý. Để đảm bảo hiệu lực của các cơ quan đó, nên nghiên cứu đề cao trách nhiệm và quyền hạn của các cơ quan đó, cơ quan thanh tra có quyền điều tra, kết luận và xử lý.

3. Xây dựng đội ngũ cán bộ thanh tra trong sạch, vững mạnh:

Hồ Chủ tịch đã đề ra những tiêu chuẩn có tính nguyên tắc đối với cán bộ thanh tra. Trên cơ sở đó cần nghiên cứu nâng cao tiêu chuẩn của các thanh tra viên. Thanh tra viên phải là người có phẩm chất đạo đức tốt, kiên quyết đấu tranh với những hành vi tham nhũng, vi phạm pháp luật và có trình độ chuyên môn cao.

Đội ngũ cán bộ thanh tra hiện nay vừa yếu vừa thiếu, vừa hạn chế về năng lực. Một số cán bộ thanh tra sa sút về phẩm chất. Ngoài việc Nhà nước tăng thêm biên chế cho các cơ quan thanh tra, cần phải có chính sách tiền lương và đãi ngộ khác để thu hút những cán bộ giỏi, liêm khiết ở những cơ quan khác về công tác ở cơ quan thanh tra, để động viên, hỗ trợ cho các cán bộ thanh tra hoàn thành nhiệm vụ.

Kinh phí hoạt động của các cơ quan thanh tra phải căn cứ vào tính chất công việc của các thanh tra viên, chứ không thể tính theo số biên chế như các cơ quan hành chính khác. Chi phí cho các đoàn thanh tra phải bảo đảm cho các cán bộ thanh tra không bị ảnh hưởng, tác động của các cơ quan, đơn vị là đối tượng thanh tra.

Một trong những điều kiện để đảm bảo cho chất lượng, hiệu quả của các cán bộ thanh tra là phải thường xuyên bồi dưỡng cho các cán bộ thanh tra. Trong nền kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế rất nhiều vấn đề mới phát sinh và phức tạp thêm. Điều đó đòi hỏi cán bộ thanh tra phải có kiến thức theo kịp cuộc sống, hoạt động kinh doanh và phải có tư duy quản lý, kinh tế, pháp lý

cho phù hợp. Cán bộ thanh tra phải bám sát cuộc sống, thực tiễn quản lý xã hội, không đi sau và không thể thay đổi quá chậm.

Như vậy, việc cập nhật những kiến thức mới về kinh tế, xã hội, pháp luật góp phần cho cán bộ thanh tra nắm nhanh chóng, đầy đủ về những lĩnh vực thanh tra; kết luận được sự đúng hoặc sai, mức độ vi phạm của đối tượng thanh tra; chỉ rõ những sơ hở, bất cập trong chính sách, cơ chế quản lý, thấy được sự năng động, sáng tạo trong kinh doanh. Từ đó các thanh tra viên có các quyết định, kiến nghị, đề xuất đúng đắn, được các cán bộ thanh tra “tâm phục, khẩu phục”, góp phần hoàn thiện cơ chế quản lý, giữ vững trật tự xã hội, kỷ cương.

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VÀ QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VỀ CÔNG TÁC KIỂM TRA VÀ VIỆC THI HÀNH KỶ LUẬT TRONG ĐẢNG

*Cao Văn Thống
Phó vụ Trưởng vụ Nghiên cứu
Ủy ban Kiểm tra TW*

I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CÔNG TÁC KIỂM TRA VÀ VIỆC THI HÀNH KỶ LUẬT TRONG ĐẢNG.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác kiểm tra và thi hành kỷ luật trong Đảng chiếm một vị trí cực kỳ quan trọng trong toàn bộ di sản tư tưởng của Người về Đảng và xây dựng Đảng Cộng sản cầm quyền. Hồ Chí Minh không chỉ vận dụng trung thành tuyệt đối những nguyên lý lý luận của Mác - Ăngghen - Lênin mà Người còn sáng tạo, bổ sung, phát triển làm phong phú thêm những nguyên lý đó, phù hợp với thực tiễn cách mạng Việt Nam trong hơn bảy thập kỷ qua kể từ khi thành lập Đảng. Quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác kiểm tra và thi hành kỷ luật gắn với quá trình hình thành và phát triển tư tưởng của Người về Đảng nói chung, xây dựng Đảng cộng sản cầm quyền nói riêng.

Tư tưởng trên của Hồ Chí Minh được hình thành rất sớm, biểu hiện rõ nét nhất ở trong hai văn kiện quan trọng. Một là, "Án nghị quyết Hội nghị trù bị toàn quốc đại biểu đại hội", ngày 23 tháng Giêng năm 1929, Hồ Chí Minh đã đề cập đến vấn đề "đặt ra đặc biệt ủy viên hội để điều tra và xử đoán" những đồng chí kiện cáo nhau. Hai là, trong "Điều lệ của Hội Việt Nam cách mệnh thanh niên", đã đề cập tới các hình thức kỷ luật đối với các hội Việt Nam cách mạng thanh niên phạm sai lầm, khuyết điểm. Tiếp đó, trong các văn kiện, bài viết, bài nói từ năm 1930 đến năm 1969, tư tưởng của Hồ Chí Minh về công tác kiểm tra và kỷ luật đã không ngừng được bổ sung, phát triển hoàn thiện hơn.

Nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác kiểm tra và kỷ luật được biểu hiện rõ nét ở các nội dung chủ yếu sau:

1. Sự cần thiết phải tiến hành công tác kiểm tra và việc thi hành kỷ luật trong Đảng.

Học thuyết Mác - Lênin về chính đảng cách mạng của giai cấp công nhân đã khẳng định: sự ra đời của một chính đảng là một tất yếu lịch sử, là đòi

hỏi tất yếu khách quan của cuộc đấu tranh giai cấp, cần có lực lượng lãnh đạo giai cấp thực hiện thắng lợi sứ mệnh lịch sử thế giới của giai cấp mình. Như vậy, lãnh đạo là chức năng bao trùm của Đảng. Chức năng ấy được quy định bởi ngay từ quy luật ra đời của Đảng.

Yêu cầu cao nhất của một chính đảng là phải lãnh đạo đúng. Vì vậy, trong tác phẩm "Sửa đổi lỗi làm việc", Hồ Chí Minh đã luận giải hết sức rõ ràng "lãnh đạo đúng" có nghĩa là: 1- Phải quyết định mọi vấn đề một cách cho đúng. 2- Phải tổ chức sự thi hành cho đúng. 3- Phải tổ chức sự kiểm soát... Như vậy, sự lãnh đạo của Đảng không phải chỉ là việc ban hành nghị quyết và ra chỉ thị, mà điều quan trọng, lãnh đạo còn là tổ chức thi hành và kiểm tra thực hiện, đưa nghị quyết, chỉ thị thực sự đi vào cuộc sống.

Do đó, quy trình lãnh đạo của Đảng rất hoàn chỉnh, không thể cắt xén hoặc giảm bớt, xem nhẹ bất cứ khâu nào. Sự chia tách quy trình lãnh đạo đó thành các khâu cũng chỉ mang tính tương đối mà thôi, vì kiểm tra không chỉ là khâu cuối cùng của quy trình, mà nó đã đan xen vào tất cả các khâu, tạo nên sự hoàn chỉnh của cả quy trình lãnh đạo; là một trong những nội dung quan trọng trong phương thức lãnh đạo của Đảng. Lãnh đạo là kiểm tra, lãnh đạo mà không kiểm tra coi như không có lãnh đạo. Điều đó hoàn toàn chính xác cả về lý luận và thực tiễn. Hồ Chí Minh đã yêu cầu: "Đảng phải luôn xét lại những nghị quyết và những chỉ thị của mình đã thi hành thế nào. Nếu không vậy thì những nghị quyết và chỉ thị đó sẽ hóa ra lời nói suông mà còn có hại đến lòng tin cậy của nhân dân đối với Đảng". Sự đúng đắn, chính xác của các quyết định của các cấp ủy đảng phụ thuộc vào nhiều yếu tố, trong đó có một yếu tố rất quan trọng là công tác kiểm tra. Theo Hồ Chí Minh: "Đảng có hiểu rõ tình hình thì đặt chính sách mới đúng"... Nếu không biết rõ tình hình mà đặt chính sách thì kết quả là "nồi vuông úp vung tròn" không ăn khớp gì hết.

Kiểm tra là một tất yếu khách quan còn ở chỗ, muốn biến ý chí, trí tuệ, mục tiêu, lý tưởng của Đảng thành hiện thực trong cuộc sống thì phải thường xuyên quan tâm đến công tác quan trọng này. Trong tác phẩm "Một việc mà các cơ quan lãnh đạo cần thực hiện ngay" Hồ Chí Minh đã khẳng định:

"Chính sách đúng là nguồn gốc của thắng lợi.

Song từ nguồn gốc đi đến thắng lợi thực sự, còn phải tổ chức, phải đấu tranh.

Khi đã có chính sách đúng, thì sự thành công hoặc thất bại của chính sách đó là do nơi cách tổ chức công việc, nơi lựa chọn cán bộ và do nơi kiểm tra. Nếu ba điều ấy sơ sài thì chính sách đúng mấy cũng vô ích".

Điều đó cho thấy, Hồ Chí Minh đã vận dụng trung thành, sáng tạo tư tưởng của Lênin: khi mục đích, nhiệm vụ chính trị đã được xác định, quyết định đã được thông qua, thì nhiệm vụ tổ chức thực hiện phải đặt lên hàng đầu. Điều chủ yếu là chuyển trọng tâm từ việc soạn thảo các sắc lệnh và mệnh lệnh sang việc lựa chọn người và kiểm tra sự thực hiện. Đó là vấn đề then chốt nhất đối với Đảng tiên phong, nhất là trong điều kiện Đảng cầm quyền- Tìm người, kiểm tra công việc - tất cả là ở đó. Cần phải ưu tiên thời gian, trí tuệ thích đáng, vì nếu không làm như vậy thì "tất cả mọi mệnh lệnh và quyết định sẽ chỉ là mớ giấy lộn".

Hồ Chí Minh cũng chỉ rõ sự cần thiết phải kiểm tra là phát hiện ưu điểm để phát huy, tìm ra thiếu sót, khuyết điểm và có biện pháp uốn nắn, sửa chữa, khắc phục kịp thời. Người chỉ rõ: Chín phần mười khuyết điểm trong công việc của chúng ta là vì thiếu sự kiểm tra.

Cũng như công tác kiểm tra, thi hành kỷ luật trong Đảng là một tất yếu khách quan. Tính tất yếu này được quy định bởi ngay từ quy luật hình thành và phát triển của Đảng ta. Hồ Chí Minh luận giải rất rõ ràng những căn nguyên của những khuyết điểm, sai lầm trong Đảng. Người viết : "Đảng ta là một Đảng rất to lớn, bao gồm đủ các tầng lớp trong xã hội. Vì vậy có nhiều tính cách rất trung thành, rất kiên quyết, rất vĩ đại. Song cũng không tránh khỏi những tập tục, những tính nết, những khuyết điểm của xã hội bên ngoài, nó lây, ngấm vào trong Đảng".

Hồ Chí Minh cũng chỉ rõ: Trong Đảng ta gồm những người có tài, có đức, phần đông những người hăng hái nhất, thông minh nhất, yêu nước nhất, kiên quyết dũng cảm nhất. Tuy vậy, không phải là người người đều tốt, làm việc đều hay. Trong Đảng chưa hoàn toàn tránh khỏi một vài kẻ vu vơ, những việc không chính đáng. Do đó, kỷ luật trong Đảng là một tất yếu khách quan, để ngăn chặn khuyết điểm, sai lầm; sửa chữa thói hư, tật xấu; thải loại những kẻ thoái hóa biến chất; xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

Hồ Chí Minh cũng chỉ rõ sự cần thiết của việc thi hành kỷ luật trong Đảng, tác hại của việc không xử phạt và xử phạt không đúng cũng như hậu quả do việc xử phạt không đúng là: "Sửa chữa sai lầm, cố nhiên cần dùng cách giải thích, thuyết phục, cảm hóa, dạy bảo. Song không phải tuyệt nhiên không dùng xử phạt. Lầm lỗi có việc to, việc nhỏ. Nếu nhất loạt không xử phạt thì sẽ mất cả kỷ luật, thì sẽ mở đường cho bọn cố ý phá hoại. Vì vậy, hoàn toàn không dùng xử phạt là không đúng. Mà chút gì cũng dùng đến xử phạt cũng không đúng".

2. Nội dung, mục đích, ý nghĩa tác dụng của công tác kiểm tra và việc thi hành kỷ luật trong Đảng.

Phạm vi, nội dung của công tác kiểm tra rất rộng, nhưng tập trung nhất là kiểm tra *việc* và kiểm tra *người*. *Việc* ở đây chủ yếu bao gồm các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước...; *Người* ở đây là cá nhân đảng viên của Đảng. Hồ Chí Minh nêu chỉ rõ mục đích, tác dụng của công tác kiểm tra là giúp cho các cấp ủy, tổ chức đảng nắm chắc được tình hình lãnh đạo, chất lượng của các nghị quyết, chỉ thị...; tình hình thực hiện như thế nào, có gì đúng đắn, có gì sai lệch; ai chấp hành tốt, ai chấp hành chưa tốt, năng lực thực tế của mỗi người,... từ đó mà phát huy ưu điểm, thành tích, có biện pháp khắc phục, sửa chữa thiếu sót, khuyết điểm để tiến bộ.

Theo Hồ Chí Minh: Có kiểm soát như thế mới biết rõ cán bộ và nhân viên tốt hay xấu. Mới biết rõ ưu điểm và khuyết điểm của các cơ quan. Mới biết rõ ưu điểm và khuyết điểm của các mệnh lệnh và nghị quyết. Muốn chống bệnh quan liêu, bệnh bàn giấy, muốn biết các nghị quyết có được thi hành không, thi hành có đúng không; muốn biết ai ra sức làm, ai làm cho qua chuyện, chỉ có một cách là khéo kiểm soát. Kiểm soát khéo bao nhiêu khuyết điểm lòi ra hết, hơn nữa kiểm tra khéo về sau khuyết điểm nhất định sẽ bớt đi. Người còn cho rằng: "Có kiểm tra mới huy động được tinh thần tích cực và lực lượng to tát của nhân dân, mới biết rõ năng lực và khuyết điểm của cán bộ, mới sửa chữa và giúp đỡ kịp thời".

Cũng như Lenin, Hồ Chí Minh phê phán rất nghiêm khắc những cơ quan, cán bộ mắc phải bệnh quan liêu, bệnh bàn giấy, chỉ lo khai hội và thảo nghị quyết, đánh điện và gửi chỉ thị... Họ quên mất kiểm tra. Do đó mà "đầy túi quần thông báo, đầy túi áo chỉ thị"; "Có mắt mà không thấy suốt, có tai mà không nghe thấu, có chế độ mà không giữ đúng, có kỷ luật mà không nắm vững...". Người cho rằng, những người đó "không làm được việc, phải thái đi".

Từ đó, Hồ Chí Minh yêu cầu: phải nghiêm ngặt kiểm tra, các địa phương phải kiên quyết thực hành những nghị quyết của Đảng. Kiên quyết chống lại cái thói nghị quyết một đường, thi hành một nẻo. Mặt khác, Người cũng đưa ra "bí quyết" chống bệnh quan liêu, bệnh bàn giấy của các "quan cách mạng" là: Muốn chống bệnh quan liêu, bệnh bàn giấy; muốn biết các nghị quyết có được thi hành không, thi hành có đúng không; muốn biết ai ra sức làm, ai làm cho qua chuyện, chỉ có một cách, là khéo kiểm soát. Bởi vì theo Người: Kiểm soát khéo, bao nhiêu khuyết điểm lòi ra hết, hơn nữa kiểm tra khéo, về sau khuyết điểm nhất định bớt đi. Ngoài ra, Hồ Chí Minh còn lưu ý đến hai hạng người:

Một là, những người cậy mình là công thần cách mạng rồi đâm ra ngang tàng, không giữ gìn kỷ luật, không thi hành nghị quyết của Đảng và Chính phủ. Họ kiêu ngạo, bất chấp kỷ cương. Với những người này, theo Người: "cần phải mời các ông đó xuống công tác hạ tầng, khép họ vào kỷ luật" để chữa tính kiêu ngạo, thói quan liêu cho họ và để giữ vững kỷ luật của Đảng và Chính phủ.

Hai là, hạng người nói suông. Hạng người này tuy thật thà, trung thành nhưng không có năng lực làm việc, chỉ biết nói suông.

Hồ Chí Minh đánh giá rất cao ý nghĩa, tác dụng của công tác kiểm tra, đặc biệt là kiểm tra việc và kiểm tra người. Người thường xuyên nhắc nhở: Những phần tử đầu cơ vào Đảng có sự đôn đốc, kiểm tra của Đảng và nhân dân, sẽ bị lật ra và Đảng sẽ thành trong sạch, kiểu mẫu, thành tâm thành ý phụng sự nhân dân, cách mạng và tất cả các đảng viên mới thành người kiểu mẫu, đoàn kết giúp đỡ được anh em ngoài Đảng"[9, 40]. Các cấp, các ngành nếu tổ chức tốt việc kiểm tra thì "cũng như có ngọn đèn pha", bao nhiêu tình hình, bao nhiêu ưu điểm và khuyết điểm, bao nhiêu cán bộ chúng ta đều thấy rõ. Có thể nói rằng: chín phần mười khuyết điểm trong công việc của chúng ta là vì thiếu sự kiểm tra. Nếu tổ chức sự kiểm tra được chu đáo thì công việc của chúng ta nhất định tiến bộ gấp mười, gấp trăm. Trong công tác cán bộ, nếu giao công việc mà không kiểm tra, đến lúc thất bại mới chú ý đến. Thế là không biết yêu cầu cán bộ.

Ý nghĩa của công tác kiểm tra còn được người chỉ rõ qua nhiệm vụ của cán bộ lãnh đạo là phải kiểm tra, phải sát thực tế, không chỉ nghe cán bộ báo cáo, mà: Lãnh đạo quan trọng nhất là *lãnh đạo tư tưởng*, phải hiểu tư tưởng của mỗi cán bộ để giúp đỡ thiết thực trong công tác; vì tư tưởng thông suốt thì làm tốt, tư tưởng nhầm lẫn thì không làm được việc. Phải *kiểm tra* công tác của cán bộ, nếu chỉ nghe báo cáo, có khi cán bộ báo cáo không đúng thì lãnh đạo sẽ sai lệch.

Kiểm tra không chỉ giúp cho lãnh đạo nắm chắc chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên, ngăn ngừa khuyết điểm, sai lầm, giúp đỡ sửa chữa mà còn khơi dậy được tính tích cực, sức mạnh to tát của nhân dân, củng cố tín nhiệm của Đảng trước quần chúng. Vì vậy, để xây dựng Đảng, Chính phủ trong sạch vững mạnh của dân, do dân, vì dân, thì ngoài việc kiểm tra của Đảng đối với cán bộ, đảng viên, cần phải có sự kiểm tra của quần chúng nhân dân đối với Đảng, có như vậy mới thắt chặt mối liên hệ giữa Đảng với nhân dân. Hồ Chí Minh chỉ rõ ý nghĩa, vai trò, tác dụng của việc nhân dân tham gia giám sát, kiểm tra: "Chính phủ ta là chính phủ của nhân dân, chỉ có một mục đích là ra sức phụng sự lợi ích của nhân dân. Chính phủ rất mong đồng bào giúp đỡ, đôn

đốc, kiểm soát và phê bình để làm tròn nghĩa vụ của mình là người đầy tớ trung thành tận tụy của nhân dân" [10 362]. Người còn chỉ rõ mối quan hệ giữa kiểm tra trong nội bộ Đảng và kiểm tra, giám sát, góp ý của nhân dân đối với Đảng có ý nghĩa, tác dụng giáo dục rất quan trọng. Đó là: "Gần đây Đảng có thể công khai triệt để. Trừ một số việc thật là trong Đảng không đưa ra ngoài. Còn phần nhiều việc mà hầu hết các cán bộ khi khai hội sẽ mời anh em ngoài tham gia, phát biểu, phê bình, như vậy làm cho ngoài Đảng càng gần gũi Đảng và đó cũng là mong muốn của Đảng.

Làm như vậy thì:

-Một mặt trong có Đảng kiểm tra đôn đốc.

-Một mặt có anh em ngoài kiểm tra đôn đốc.

Như thế đảng viên và cán bộ ngoài Đảng cùng được giáo dục"[8, tr 39].

Khi Đảng ta trở thành Đảng cầm quyền, lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội thì công tác kiểm tra càng có tác dụng, tầm quan trọng đặc biệt. Tại hội nghị tổng kết công tác kiểm tra của Đảng, ngày 19-7-1964, Hồ Chí Minh yêu cầu phải tăng cường công tác kiểm tra của Đảng và chỉ rõ ý nghĩa, tác dụng của công tác này là: "Công việc của Đảng và Nhà nước ngày càng nhiều. Muốn hoàn thành tốt mọi việc, thì toàn thể đảng viên và cán bộ phải chấp hành nghiêm chỉnh đường lối và chính sách của Đảng. Và muốn như vậy, thì các cấp ủy đảng phải tăng cường công tác kiểm tra. Vì kiểm tra có tác dụng thúc đẩy vào giáo dục đảng viên và cán bộ làm tròn nhiệm vụ đối với Đảng, đối với Nhà nước, làm gương mẫu tốt cho nhân dân. Do đó mà góp phần vào việc củng cố Đảng về tư tưởng, về tổ chức".

Kỷ luật gắn liền với kiểm tra, nhưng không đồng nhất. Theo Hồ Chí Minh, kiểm tra và kỷ luật đều mang tính tích cực, chủ động và đều có chức năng ngăn ngừa, giáo dục là chính. Kiểm tra và kỷ luật không phải là "vạch lá tìm sâu", truy tìm khuyết điểm, sai lầm để xử phạt, si nhục. Điều quan trọng hơn, kiểm tra và kỷ luật đều nhằm để sửa chữa một cách chính xác và kịp thời những sai lầm, khuyết điểm, vi phạm của tổ chức đảng và đảng viên.

Kỷ luật Đảng có tầm quan trọng đặc biệt. Nó đảm bảo cho sự hoạt động bình thường và phát triển của Đảng. Hồ Chí Minh đã khẳng định: "Đảng ta tuy nhiều người, nhưng khi tiến đánh thì chỉ như một người. Đó là nhờ có kỷ luật". Nội dung của kỷ luật đảng bao gồm kỷ luật trong nội bộ Đảng, kỷ luật của chính quyền và kỷ luật của các đoàn thể. Người phê phán rất nghiêm khắc một số cán bộ, đảng viên "tưởng là đảng viên thì muốn làm trời làm đất gì thì làm", đi không xin phép, về không báo cáo, phớt lờ kỷ luật của các đoàn thể. Kỷ luật của Đảng là "kỷ luật sắt, nghĩa là nghiêm túc và tự giác", ai ai cũng

phải phục tùng kỷ luật và chịu các hình thức kỷ luật, nếu có khuyết điểm, sai lầm. Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề này, thể hiện rõ tính dân chủ, lòng bao dung, độ lượng cao cả và rất sâu sắc. Theo Người: Người đời ai cũng có khuyết điểm (chỉ có trẻ em mới sinh ra và người chết mới không có khuyết điểm). Có làm việc thì có sai lầm. Từ đó, Người khuyên phải tự giác nhận rõ sai lầm, khuyết điểm để sửa chữa, đồng thời nêu rõ cách xử lý và mục đích xử phạt đối với người có khuyết điểm một cách rất công minh. Đó là: Chúng ta không sợ có sai lầm và khuyết điểm, chỉ sợ không chịu cố gắng sửa chữa và cũng sợ những người lãnh đạo không biết tìm cách để giúp cán bộ sửa chữa những khuyết điểm, sai lầm. Phải căn cứ vào nội dung, tính chất, mức độ, tác hại và nguyên nhân của vi phạm để có hình thức kỷ luật thích đáng.

Để bảo đảm xử phạt được công minh, chính xác, cần phân tách rõ ràng cái có sai lầm, phải xem xét kỹ lưỡng việc nặng hay nhẹ. Một mặt, Người nhấn mạnh đến biện pháp thẩm tra, xác minh; mặt khác, Người nhấn mạnh đến biện pháp dân chủ, đề cao tự phê bình và phê bình, nêu cao ý thức tự giác, tính chiến đấu cao, nhằm đạt được mục đích làm cho người có lỗi lầm "tâm phục, khẩu phục".

Phương châm thi hành kỷ luật trong Đảng phải thực sự dân chủ và bảo đảm công minh, chính xác, kịp thời. Mọi vi phạm đều phải được xem xét, nếu đến mức phải thi hành kỷ luật thì xử lý thích đáng không có "vùng cấm", không được che đậy, thiên lệch, nể nang. Hồ Chí Minh yêu cầu: "Nơi nào làm sai, ai sai lầm thì lập tức phải sửa chữa. Kiên quyết chống thói nể nang và che giấu. Kỷ luật đảng phải được thi hành từ trên xuống dưới, mọi người đều bình đẳng trước kỷ luật của Đảng. Thường phạt phải nghiêm minh, chớ vì ưa mà thường, ghét mà phạt".

3. Phương pháp kiểm tra và người kiểm tra.

Hồ Chí Minh coi kiểm tra như là một phương tiện, một liều thuốc đặc hiệu chống lại các căn bệnh: "nghị quyết một đằng, thi hành một nẻo" và bệnh quan liêu, giấy tờ.... Song, muốn đạt hiệu quả cao thì phải "khéo kiểm soát". "Khéo" tức là phải trên cơ sở khoa học, có hình thức, phương pháp kiểm tra linh hoạt, đa dạng. Người phê phán nghiêm khắc lối làm việc quan liêu; thiếu kiểm tra, kiểm soát cụ thể; thích làm việc bằng giấy tờ thật nhiều; ngồi một nơi chỉ tay năm ngón. Cách làm việc như thế ắt có hại. Nó làm cho lãnh đạo không đi sát với phong trào, không hiểu rõ được tình hình bên dưới, cho nên phần nhiều chủ trương, nghị quyết không được chấp hành đến nơi, đến chốn; làm giảm niềm tin của nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng.

Theo Hồ Chí Minh, khéo kiểm tra còn có nghĩa:

+ Kiểm tra phải có hệ thống, nghĩa là khi đã có nghị quyết thì phải lập tức đốc thúc sự thực hành nghị quyết ấy, phải biết rõ sự sinh hoạt và cách làm việc của cán bộ và nhân dân địa phương ấy. Có như thế mới kịp thời thấy rõ những khuyết điểm và những khó khăn, để sửa đổi các khuyết điểm và tìm cách giúp đỡ để vượt qua mọi sự khó khăn.

+ Kiểm tra không chỉ kiểm tra hình thức bên ngoài, mà phải kiểm tra nội dung, bản chất của sự việc, của vấn đề, xem xét trong cả mối liên hệ của các sự việc, trong cả quá trình. Người chỉ rõ: Xem xét cán bộ, không chỉ xem xét mặt ngoài, mà còn phải xem xét tính chất của họ. Không chỉ xem xét một việc, một lúc, mà phải xem xét toàn cả lịch sử, toàn cả công việc của họ.

+ Kiểm tra không nên chỉ căn cứ vào giấy tờ báo cáo, ngồi trong phòng giấy mà chờ người ta báo cáo mà phải đi đến tận nơi, xem tận chỗ. Kiểm tra không phải ngày nào cũng kiểm tra. Nhưng thường thường kiểm tra để giúp họ rút kinh nghiệm, sửa chữa khuyết điểm, phát huy ưu điểm.

+ Kiểm tra phải dùng cách thức *thật thà tự phê bình và phê bình*, để tỏ rõ mọi khuyết điểm và tìm cách sửa chữa những khuyết điểm ấy. Như thế, thì cán bộ càng thêm trọng kỷ luật và lòng phụ trách. Người chỉ rõ cách phê bình: Phê bình mình cũng như phê bình người phải ráo riết, triệt để, thật thà, không nể nang, không thêm bớt. Phải vạch rõ cả ưu điểm và khuyết điểm. Đồng thời chớ dùng những lời lẽ mỉa mai, chua cay, đâm thọc. Phê bình việc làm chứ không phải phê bình người. Người yêu cầu việc phê bình phải thường xuyên, hàng ngày: Mỗi cán bộ, mỗi đảng viên, mỗi ngày phải tự kiểm điểm, tự phê bình, tự sửa chữa như mỗi ngày phải rửa mặt. Được như thế thì trong Đảng không có bệnh mà Đảng sẽ mạnh khỏe vô cùng.

Mặt khác, theo Người, "khéo" kiểm tra tức là phải biết kết hợp linh hoạt các hình thức, phương pháp kiểm tra: kiểm tra từ dưới lên, từ trên xuống; kiểm tra thường xuyên, bất thường, định kỳ, kiểm tra trực tiếp, gián tiếp v.v...

Người lý giải rất rõ ràng hai cách kiểm tra: Kiểm tra từ trên xuống, tức là người lãnh đạo kiểm tra kết quả những công việc của cán bộ mình. Kiểm tra từ dưới lên, tức là quần chúng và cán bộ kiểm tra sự sai lầm của người lãnh đạo và bày tỏ cái cách sửa chữa sự sai lầm đó. Cách này là cách tốt nhất để kiểm tra các nhân viên.

Theo Hồ Chí Minh, có hình thức, phương pháp kiểm tra đúng, điều đó rất quan trọng, nhưng yếu tố quyết định hiệu quả của mỗi cuộc kiểm tra là ở người kiểm tra. Vì hình thức, phương pháp kiểm tra mới chỉ là phương tiện, cái quyết định là ở người sử dụng các phương tiện ấy. Do đó, Người cho rằng: "Không thể gập ai cũng phải đi kiểm tra. Người lãnh đạo phải tự mình làm việc kiểm tra, mới đủ kinh nghiệm và oai tín.

Nhưng người lãnh đạo cần phải có một nhóm cán bộ nhiều kinh nghiệm và giàu năng lực để giúp mình đi kiểm tra. Ai đi kiểm tra việc gì, nơi nào nếu có sơ suất thì người ấy phải chịu trách nhiệm".

Như vậy, tư tưởng Hồ Chí Minh đã bắt gặp tư tưởng của Lênin là các đồng chí lãnh đạo chủ chốt phải đích thân tiến hành kiểm tra, chứ không phải chỉ giao cho những người "ở vị trí thứ yếu".

Trong các hình thức, phương pháp kiểm tra, Người nhắc nhở cần đặc biệt đề cao kiểm tra thường xuyên và kiểm tra trực tiếp. Người thường nhắc nhở: các đồng chí phụ trách ở các bộ, các ban, các ngành ở Trung ương cần phải thường xuyên đi kiểm tra và giải quyết các công việc tại chỗ, phải chống bệnh giấy tờ, hội họp nhiều, đi kiểm tra giúp đỡ ít. Cách nhắc nhở và phê bình cán bộ, đảng viên có khuyết điểm của Hồ Chí Minh cũng rất độc đáo, vừa rất nghiêm khắc nhưng lại rất độ lượng, chan chứa tình người: "các đồng chí ở huyện phải đi xuống xã mà xem xét, kiểm tra, chớ làm theo lối quan liêu, tình gửi giấy về huyện, huyện gửi giấy về xã. Giấy không thể che rét cho trâu bò được. Làm như vậy, trâu bò sẽ bị gầy đi vì đói, vì rét, ảnh hưởng rất lớn đến sản xuất".

Trong công việc thường ngày, Hồ Chí Minh lấy tấm gương mẫu mực về cách làm việc có kiểm tra, tôn trọng kỷ luật của Đảng. Dù bận "trăm công nghìn việc" nhưng Bác vẫn thường xuyên đến với quần chúng, công nhân, nông dân, bộ đội...; trực tiếp xem và nghe người thật, việc thật, trên cơ sở đó hình thành những chủ trương, quyết sách lớn, có liên quan đến vận mệnh của Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa. Hồ Chí Minh yêu cầu kiểm tra phải chặt chẽ, sâu sát. "Các cấp từ Trung ương đến huyện phải lãnh đạo chặt chẽ, thiết thực, phải đến tận nơi kiểm tra, đôn đốc và phải đi đúng đường lối quần chúng, không được quan liêu, chỉ lãnh đạo phong trào trên giấy tờ" [12, 136]. Người cũng chỉ rõ phải chống bệnh kiêu ngạo và dựa vào quần chúng để kiểm tra: "Chúng ta phải tuyệt đối chống bệnh kiêu ngạo, phải luôn luôn khiêm tốn. Mọi công tác phải dựa vào quần chúng, hoan nghênh quần chúng đôn đốc, và kiểm tra".

Theo Hồ Chí Minh, kiểm tra và kỷ luật phải được tiến hành thường xuyên, chứ không phải lúc làm, lúc bỏ, "đánh trống bỏ dùi"; phải trở thành công việc thường ngày của các cấp ủy đảng, nhất là các đồng chí cán bộ chủ chốt. Mỗi cuộc kiểm tra đều phải có chương trình, kế hoạch cụ thể, xác định rõ nội dung, đối tượng, thời gian, cách kiểm tra và phân công trách nhiệm rõ ràng. Thực hiện đúng các nguyên tắc: công khai, công bằng; dân chủ gắn liền với kỷ luật. Khi chưa quyết định thì tha hồ bàn cãi, nhưng khi đã quyết định

rồi thì không được cãi nữa, có bàn cãi cũng chỉ là bàn cách thi hành cho được, cho nhanh, không phải để đề nghị không thực hiện.

II. QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VỀ CÔNG TÁC KIỂM TRA VÀ VIỆC THI HÀNH KỶ LUẬT TRONG ĐẢNG.

1. Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt nam về công tác kiểm tra và thi hành kỷ luật trong Đảng.

Ngay từ khi mới thành lập, Đảng Cộng sản Việt nam đã coi trọng công tác kiểm tra và giữ gìn kỷ luật. Điều lệ Đảng năm 1930 ghi rõ: Cái trách nhiệm của đảng viên và các đảng bộ là giữ theo kỷ luật Đảng một cách nghiêm khắc. Tất cả đảng viên đều phải chấp hành các nghị quyết của Quốc tế, của đảng đại hội, của Trung ương và của thượng cấp cơ quan... Đối với vấn đề phạm kỷ luật thì do toàn bộ chi bộ hoặc các cấp đảng bộ tra xét. Các cấp ủy viên có thể đặt ra các đặc biệt ủy viên để tra xét những vấn đề phạm kỷ luật của Đảng.

Đại hội lần thứ nhất của Đảng, ngày 29-3-1935 đã thông qua Điều lệ Đảng, trong đó ghi rõ: Muốn cho sự chỉ đạo Bôn -sê- vích được phát triển thì các cơ quan thượng cấp (từ Trung ương cho tới tổng bộ, khu bộ) kinh thường có thể gửi người xuống hạ cấp kể đó (Trung ương xuống xứ ủy, xứ ủy xuống tỉnh...) để kiểm tra và chỉ đạo công tác của các địa phương... Các cấp ủy viên có thể đặt ra Ban Đặc biệt ủy viên để tra xét những vấn đề phạm kỷ luật của Đảng.

Cùng với quá trình xây dựng, trưởng thành và phát triển của Đảng, nhận thức của Đảng ta về công tác kiểm tra và kỷ luật của Đảng ngày càng toàn diện, đầy đủ và hoàn thiện hơn. Điều lệ Đảng Lao động Việt Nam do toàn quốc đại hội đại biểu lần thứ 2 của Đảng thông qua (2-1951) đã dành chương thứ chín quy định về Ban Kiểm tra các cấp và nêu rõ:

- Ban Chấp hành Trung ương, các xứ ủy, khu ủy (hoặc liên khu ủy, thành ủy, tỉnh ủy phải cử ra một số ủy viên thành lập ban kiểm tra của cấp mình.

Nhiệm vụ của Ban kiểm tra là:

- Xem xét tư cách và cách làm việc của cán bộ, đảng viên, chống quan liêu, hủ hóa, lạm dụng chức vụ;

Kiểm tra cách thi hành dân chủ, giữ gìn kỷ luật ở các cấp, xét đơn khiếu nại của các đảng viên và các vụ thi hành kỷ luật ở các cấp dưới.

- Kiểm tra tài chính của Đảng;

Giúp cấp ủy kiểm tra sự hoạt động của các cấp dưới".

Báo cáo chính trị ở Đại hội lần thứ 2 của Đảng cũng nêu rõ sự cần thiết của công tác kiểm tra của Đảng: "...Đảng cách mạng cần phê bình và tự phê bình cũng như người ta cần không khí. Và kiểm tra chặt chẽ thì có thể tránh được nhiều khuyết điểm nặng nề... Phải mở rộng phong trào phê bình và tự phê bình ở trong Đảng, ở các cơ quan, các đoàn thể, trên các báo chí cho đến nhân dân. Phê bình và tự phê bình phải thường xuyên, thiết thực, dân chủ, từ trên xuống và từ dưới lên. Sau hết là Đảng phải có sự kiểm tra chặt chẽ".

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng khẳng định: "*Lãnh đạo mà không kiểm tra thì sẽ trở thành quan liêu*". Đồng thời nêu rõ: "Các cấp ủy đảng phải thực hiện đúng chế độ lãnh đạo tập thể và cá nhân phụ trách, phải giữ vững những nguyên tắc sinh hoạt của Đảng, phát huy dân chủ, mở rộng phê bình và tự phê bình, định rõ các chế độ, như chế độ kiểm tra... ". "*Muốn lãnh đạo tốt, tổ chức cơ sở của Đảng còn phải tăng cường việc kiểm tra, xem xét công tác của tổ chức chính quyền và của tổ chức quần chúng trong mọi mặt công tác của đơn vị cơ sở, đặc biệt là trong công tác sản xuất và chuyên môn, để kịp thời phát hiện những khuyết điểm và khó khăn mà có chủ trương uốn nắn và khắc phục, kịp thời phát hiện những kinh nghiệm thành công hoặc thất bại mà bồi bổ cho công tác lãnh đạo của mình*".

Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng khẳng định vị trí, vai trò công tác kiểm tra của Đảng và yêu cầu phải thực hiện công tác kiểm tra thường xuyên, có hệ thống: "*Tổ chức chu đáo, thường xuyên và có hệ thống công tác kiểm tra việc thực hiện đường lối, chính sách, ngăn ngừa xảy ra sai lầm, ngăn ngừa các vụ vi phạm nguyên tắc. Không kiểm tra coi như không lãnh đạo*".

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng đã khẳng định: "*Công tác kiểm tra là một trong những chức năng lãnh đạo chủ yếu của Đảng; không kiểm tra coi như không có lãnh đạo*".

Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng tiếp tục khẳng định: "*Kiểm tra là một chức năng lãnh đạo chủ yếu của Đảng. Lãnh đạo mà không kiểm tra cũng bằng không, coi như không có lãnh đạo*". Trung ương Đảng và các cấp ủy phải nắm chắc công tác kiểm tra, sử dụng kết quả kiểm tra vào việc thực hiện chỉ đạo các nghị quyết. Mỗi cấp ủy đảng trong từng thời kỳ đều phải có chương trình kiểm tra, tập trung vào những công tác chủ yếu, những đơn vị trọng điểm, sử dụng và phát huy vai trò của Ban Kiểm tra và các ban của Đảng với thanh tra Nhà nước và kiểm tra của quần chúng. Kiểm tra phải đi đôi với kết luận rõ ràng và xử lý đúng đắn.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng tiếp tục khẳng định lại vị trí, tầm quan trọng đặc biệt của công tác kiểm tra. Trong bối cảnh quốc tế,

trong nước có nhiều biến động phức tạp; những thời cơ và thách thức lớn đan xen vào nhau. Đảng ta đứng trước hai tình huống - hoặc là tiếp tục giữ vững vị thế của Đảng cầm quyền, hoặc là biến chất, đổi màu, mất quyền lãnh đạo như các Đảng Cộng sản ở Đông Âu và Liên Xô. Đảng ta khẳng định sự kiên định trung thành với "chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lấy đó làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động". Để đảm đương được vai trò lãnh đạo, Đảng phải vươn lên vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, phải thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, ra sức nâng cao trình độ trí tuệ, năng lực lãnh đạo. Giữ vững truyền thống đoàn kết thống nhất trong Đảng, bảo đảm đầy đủ dân chủ và kỷ luật sinh hoạt Đảng. Thường xuyên tự phê bình và phê bình, đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa cơ hội và mọi hành động chia rẽ, bè phái. Đảng chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên trong sạch, có phẩm chất, năng lực, có sức chiến đấu cao.... Trong xây dựng Đảng, phải coi trọng các mặt công tác, trong đó đặc biệt quan tâm đến công tác kiểm tra, phát huy đến mức cao nhất hiệu quả công tác kiểm tra lãnh đạo thực hiện nghị quyết, chỉ thị và giữ gìn kỷ luật, kỷ cương của Đảng.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng tiếp tục xác định: Công tác kiểm tra có vị trí cực kỳ quan trọng trong toàn bộ hoạt động lãnh đạo của Đảng. Kiểm tra và giữ gìn kỷ luật là nhiệm vụ của toàn Đảng. *Kiểm tra là một trong những chức năng lãnh đạo của Đảng. Tổ chức Đảng phải tiến hành công tác kiểm tra. Mọi tổ chức Đảng và đảng viên chịu sự kiểm tra của Đảng.*

Chỉ thị số 29-CT/TW, ngày 14-2-1998 của Bộ Chính trị khóa VIII về tăng cường công tác kiểm tra của Đảng khẳng định: *Kiểm tra là một trong những chức năng lãnh đạo của Đảng, một bộ phận quan trọng trong toàn bộ công tác xây dựng Đảng. Các cấp ủy đảng và người đứng đầu cấp ủy có trách nhiệm lãnh đạo và trực tiếp thực hiện nhiệm vụ kiểm tra.*

Để đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng ở các cấp từ Trung ương đến cơ sở, thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng, đối ngoại... trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Chỉ thị nhấn mạnh: trong tình hình hiện nay, công tác kiểm tra của Đảng cần tập trung vào một số nội dung sau đây:

1- Kiểm tra việc chấp hành Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII, các nghị quyết, chỉ thị của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và của cấp ủy các cấp về kinh tế - xã hội, công tác xây dựng Đảng, an ninh - quốc phòng, đối ngoại, phát hiện những điển hình tốt và chỉ ra những khuyết điểm, lệch lạc cần uốn nắn nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả lãnh đạo của các tổ chức Đảng.

2- Thông qua các tổ chức của Đảng, kiểm tra việc chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng về sản xuất, phân phối, vật tư, tài chính, tiền tệ... trong các ngành, các đơn vị trên địa bàn không phân biệt thuộc địa phương hay Trung ương quản lý. Kiểm tra thu, chi ngân sách bảo đảm thu đủ, đúng mục đích, tiết kiệm, có hiệu quả; kiểm tra việc huy động vốn và cho vay vốn đúng chính sách, sử dụng vốn đầu tư có hiệu quả. Kiểm tra khắc phục những tiêu cực, tham ô, lãng phí, gây thất thoát tiền của, tài sản Nhà nước và nhân dân.

3- Kiểm tra công tác cán bộ, trước hết tập trung kiểm tra việc quán triệt và thực hiện nghị quyết Hội nghị Trung ương III về "Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước". Chú trọng kiểm tra về quan điểm đánh giá cán bộ, việc quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, lựa chọn, bố trí, đề bạt... nhất là đối với cán bộ chủ chốt trong các cơ quan đảng, cơ quan quản lý Nhà nước, quản lý kinh tế - xã hội trong các đơn vị sản xuất kinh doanh, bảo đảm đúng tiêu chuẩn và chính sách cán bộ của Đảng.

Qua kiểm tra phát hiện và biểu dương mặt tốt, uốn nắn sai lệch, xử lý nghiêm minh, kịp thời những sai phạm, đúng chức năng và thẩm quyền của từng cấp, nếu quá thẩm quyền phải báo cáo với tổ chức đảng cấp trên xử lý. Nếu vi phạm thất thoát tiền của của Nhà nước phải xác định trách nhiệm đền bù và thu hồi cho Nhà nước.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng (2001) nhấn mạnh: Tăng cường công tác kiểm tra của các cấp ủy, của ủy ban kiểm tra các cấp, tập trung vào các nội dung chủ yếu: thực hiện các nghị quyết, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ và quy chế làm việc; củng cố đoàn kết nội bộ, giáo dục, rèn luyện, nâng cao phẩm chất đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên.

Như vậy, có thể thấy, quan điểm nhất quán, xuyên suốt của Đảng ta luôn khẳng định vai trò, ý nghĩa to lớn của công tác kiểm tra; xác định kiểm tra là nhu cầu và là yêu cầu không thể thiếu đối với hoạt động của tổ chức đảng và đảng viên; kiểm tra là chức năng và là nội dung lãnh đạo quan trọng của Đảng, góp phần đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng.

Là một trong hai bộ phận quan trọng nhất của công tác kiểm tra của Đảng, công tác kiểm tra của Ủy ban kiểm tra các cấp cũng được Đảng ta quan tâm thường xuyên với nhận thức ngày càng đầy đủ, đúng đắn hơn. Từ trước năm 1948, do hoàn cảnh hoạt động và điều kiện thực tế, Đảng ta chưa thành lập cơ quan kiểm tra chuyên trách của Đảng. Công tác kiểm tra và việc thi hành kỷ luật lúc đó do cấp ủy và chi bộ thực hiện. Cuối năm 1948, Ban Thường vụ Trung ương ra Quyết nghị số 29-QN/TW, ngày 16-10-1948, do

Đồng chí Thận, tức Trường Chinh ký thành lập Ban Kiểm tra Trung ương. Tiếp đó, các ban kiểm tra các Khu ủy, Liên Khu ủy cũng được thành lập.

Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ nhất (Khóa II), tháng 3-1951 đã cử ra Ban Kiểm tra Trung ương. Ban Kiểm tra kiêm luôn cả Ban Thanh tra của Chính phủ, có trách nhiệm kiểm tra cả trong quân đội.

Tháng 3-1956, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 04-NQ/TW về việc tăng cường công tác kiểm tra và thành lập Ban Kiểm tra các cấp.

Tháng 4-1957, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Chỉ thị số 16-CT/TW về nội dung công tác và tổ chức bộ máy Ban Kiểm tra các cấp. Chỉ thị quy định: về nội dung công tác, Ban Kiểm tra của Đảng ở các cấp hiện nay chỉ chuyên trách kiểm tra việc giữ gìn kỷ luật của các cấp và xét đơn khiếu nại của các đảng viên về các vụ thi hành kỷ luật ở các cấp dưới. Còn vấn đề kiểm tra việc chấp hành các chủ trương, chính sách của Đảng, Chính phủ... sẽ do Ban Thanh tra của chính quyền ở các cấp giúp cấp ủy và Ủy ban hành chính tiến hành. Về tổ chức bộ máy, Ban kiểm tra của Đảng chịu sự lãnh đạo trực tiếp của cấp ủy đảng; ban thanh tra của chính quyền cũng chịu sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng nhưng qua Đảng đoàn chính quyền.

Điều lệ Đảng (do Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng thông qua) quy định Ban Chấp hành Trung ương, các ban chấp hành khu tự trị tỉnh, thành phố trực thuộc, huyện, quận, thị, thành phố và khu phố (thuộc thành phố trực thuộc) cử ra Ủy ban kiểm tra của cấp mình gồm một số ủy viên trong Ban chấp hành. Ngoài ra có thể một số ủy viên ngoài ban chấp hành. Danh sách ủy ban kiểm tra cấp dưới được cấp ủy cấp trên chuẩn y.

Điều lệ Đảng (do Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng thông qua) bổ sung thêm: Hội nghị toàn thể Ban Chấp hành Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc, thành phố, thị xã, huyện, quận hoặc khu phố thuộc thành phố trực thuộc và cấp tương đương cử ra ủy ban kiểm tra của cấp mình gồm một số ủy viên trong ban chấp hành và một số ủy viên ngoài ban chấp hành. Ở các tổ chức cơ sở đảng có từ 500 đảng viên chính thức và dự bị trở lên, nếu được tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc đồng ý thì đảng ủy cơ sở cũng được cử ủy ban kiểm tra. Ở các tổ chức cơ sở khác, đảng ủy cơ sở phân công một đảng ủy viên giúp đảng ủy theo dõi vấn đề thi hành kỷ luật đảng viên, giải quyết thư tố cáo và khiếu nại về thi hành kỷ luật đối với đảng viên.

Điều lệ Đảng (do Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V và VI của Đảng thông qua) chỉ có thay đổi một số điểm về tổ chức ủy ban kiểm tra các cấp và các chức danh đứng đầu: Ở tổ chức cơ sở đảng, đảng ủy được cử ủy ban kiểm tra (không quy định phải có 500 đảng viên trở lên như khóa IV); chức danh

trưởng ban và phó trưởng ban được đổi thành Chủ nhiệm và phó chủ nhiệm ủy ban.

Đến nhiệm kỳ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII và lần thứ VIII của Đảng, tổ chức ủy ban kiểm tra các cấp vẫn thực hiện theo quy định của Điều lệ Đảng do Đại hội VI thông qua.

Về nhiệm vụ của ủy ban kiểm tra các cấp, qua mỗi kỳ Đại hội đều có sự sửa đổi, bổ sung phù hợp với tình hình mới. Trước Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng (1951), nhiệm vụ của các cơ quan kiểm tra tập trung vào "tra xét những vấn đề phạm kỷ luật đảng". Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng thông qua Điều lệ Đảng, trong đó xác định nhiệm vụ của ủy ban kiểm tra các cấp là "Xem xét tư cách và cách làm việc của cán bộ, đảng viên, chống quan liêu hủ hóa, lạm dụng chức vụ". Điều lệ Đảng (do Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng thông qua) quy định nhiệm vụ của ủy ban kiểm tra các cấp là: "Kiểm tra những vụ đảng viên làm trái Điều lệ, kỷ luật của Đảng, trái với đạo đức cách mạng và pháp luật Nhà nước". Đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng, nhiệm vụ của ủy ban kiểm tra các cấp được quy định: "Kiểm tra đảng viên (kể cả cấp ủy viên cùng cấp) vi phạm Điều lệ, kỷ luật của Đảng và pháp luật của Nhà nước". Nhiệm vụ này đã được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng bổ sung thêm: Kiểm tra những vụ đảng viên (kể cả cấp ủy viên) vi phạm Điều lệ Đảng, nhằm vào những vụ vi phạm nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, vi phạm kỷ luật của Đảng và pháp luật Nhà nước, tư cách đảng viên... Đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng, nhiệm vụ này được sửa đổi, bổ sung thành: kiểm tra đảng viên (kể cả cấp ủy viên cùng cấp) chấp hành Điều lệ Đảng, nhằm vào việc chấp hành nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, chấp hành kỷ luật của Đảng và pháp luật Nhà nước, tư cách đảng viên; kiểm tra việc thi hành kỷ luật của tổ chức đảng ở cấp dưới; kiểm tra tài chính của Đảng; giải quyết thư tố cáo đối với đảng viên về những vấn đề có quan hệ đến công việc nói trên và thư khiếu nại về thi hành kỷ luật trong Đảng.

Đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng, nhiệm vụ của ủy ban kiểm tra các cấp lại được bổ sung thêm những nhiệm vụ mới:

- Kiểm tra đảng viên (kể cả cấp ủy viên cùng cấp) và tổ chức đảng cấp dưới chấp hành nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, giữ gìn phẩm chất đạo đức cách mạng của đảng viên; xem xét, kết luận những trường hợp vi phạm kỷ luật và căn cứ thẩm quyền quy định tại Điều 36 Điều lệ Đảng mà quyết định hoặc đề nghị cấp ủy quyết định thi hành kỷ luật.

- Kiểm tra việc chấp hành quy chế làm việc của cấp ủy cấp dưới.

- Kiểm tra việc thi hành kỷ luật của tổ chức đảng cấp dưới.

- Kiểm tra tài chính của cấp ủy cấp dưới và của cơ quan tài chính cấp ủy cùng cấp.

- Giải quyết thư tố cáo về những nội dung quy định tại Điều 1, Điều 33 Điều lệ Đảng đối với đảng viên và tổ chức đảng cấp dưới.

- Giải quyết thư khiếu nại về việc thi hành kỷ luật trong Đảng theo thẩm quyền quy định tại Điều 36 Điều lệ Đảng.

Đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII và lần thứ IX của Đảng, nhiệm vụ của ủy ban kiểm tra các cấp đã được sửa đổi, bổ sung thêm những nội dung mới:

+ Kiểm tra đảng viên, kể cả cấp ủy viên cùng cấp *khi có dấu hiệu vi phạm* tiêu chuẩn đảng viên, tiêu chuẩn cấp ủy viên và trong việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên.

+ Kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới *khi có dấu hiệu vi phạm* trong việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, các nguyên tắc tổ chức của Đảng; kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra và thi hành kỷ luật trong Đảng.

+ Xem xét, kết luận những trường hợp vi phạm kỷ luật quyết định hoặc đề nghị cấp ủy thi hành kỷ luật.

+ Giải quyết tố cáo đối với tổ chức đảng và đảng viên; giải quyết khiếu nại về kỷ luật đảng.

+ Kiểm tra tài chính của cấp ủy cấp dưới và của cơ quan tài chính cấp ủy cùng cấp.

2. Một số vấn đề cơ bản về quan điểm, lý luận.

2.1 Công tác kiểm tra của Đảng.

Bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, rất nhiều vấn đề phát sinh; đối tượng, phạm vi, nội dung lãnh đạo của Đảng ngày càng đa dạng, phong phú, phức tạp hơn thời kỳ trước. Để có chủ trương, quyết định đúng, giải pháp thực hiện tối ưu, kịp thời phát hiện sai sót, hoàn chỉnh các quyết định, phát huy những mặt tích cực và hạn chế tiêu cực thì công tác kiểm tra cần phải được tiến hành thường xuyên. Do đó, kiểm tra là một trong những chức năng lãnh đạo, là nội dung không thể thiếu trong hoạt động lãnh đạo của mỗi tổ chức đảng và đảng viên.

Quy trình lãnh đạo của một cấp ủy đảng được chia thành ba khâu chủ yếu: ra quyết định, tổ chức thực hiện quyết định và kiểm tra sự thực hiện. Do đó, khi đánh giá sự lãnh đạo của một cấp ủy, nhất thiết phải căn cứ vào kết

quả đánh giá ở cả ba khâu đó. Kiểm tra không chỉ là khâu cuối cùng của quy trình lãnh đạo, mà nó đan xen vào tất cả các khâu, góp phần tạo nên sự hoàn thiện của cả quy trình.

Sự lãnh đạo của Đảng không chỉ là ra quyết định và tổ chức thực hiện, mà còn kiểm tra nhằm phát hiện ưu, khuyết điểm; uốn nắn, bổ sung, hoàn chỉnh quyết định, hoàn thiện quy trình lãnh đạo; giáo dục, bảo vệ đội ngũ đảng viên.

Quán triệt, vận dụng sâu sắc quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác kiểm tra, Đảng ta xác định "kiểm tra là một chức năng lãnh đạo chủ yếu của Đảng". Lãnh đạo cũng có nghĩa là kiểm tra; lãnh đạo mà không kiểm tra thì coi như không có lãnh đạo. Cấp ủy nào buông lỏng kiểm tra là đã để mất một công cụ quan trọng giúp cấp mình trong công tác lãnh đạo. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng chỉ rõ: *"Công tác kiểm tra có vị trí cực kỳ quan trọng trong toàn bộ hoạt động lãnh đạo của Đảng. Kiểm tra và giữ gìn kỷ luật của Đảng là nhiệm vụ của toàn Đảng"*.

Điều 30 Điều lệ Đảng khóa IX cũng xác định: Kiểm tra là một trong những chức năng lãnh đạo của Đảng. Tổ chức đảng phải tiến hành công tác kiểm tra. Tổ chức đảng và đảng viên chịu sự kiểm tra của Đảng.

Tuy nhiên, từ nhiệm kỳ VII trở về trước, Đảng ta có quy định nhiệm vụ công tác kiểm tra của Đảng, của các cấp ủy, các tổ chức đảng ở một số điều trong Điều lệ Đảng. Từ nhiệm kỳ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng đến nay, Đảng ta đã xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của Đảng, của các cấp ủy, tổ chức đảng các cấp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của ủy ban kiểm tra các cấp về công tác kiểm tra. Lần đầu tiên Điều lệ Đảng dành 1 điều (Điều 30) quy định rõ việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác kiểm tra của cấp ủy các cấp. Tại điểm 2 Điều 30, Điều lệ Đảng khóa VIII và khóa IX nêu rõ: "Các cấp ủy đảng lãnh đạo công tác kiểm tra và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra các tổ chức đảng và đảng viên chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng".

Đối với công tác xây dựng Đảng, công tác kiểm tra là một bộ phận quan trọng, nhất là trong hoàn cảnh Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị, đồng thời là một trong những chủ thể của hệ thống ấy. Công cuộc đổi mới càng đi vào chiều sâu, càng đòi hỏi vai trò lãnh đạo của Đảng một cách toàn diện. Hơn bất cứ lúc nào, trong điều kiện Đảng ta xác định phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, thì công tác xây dựng Đảng thật sự trở thành nhiệm vụ then chốt. Để hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình, Đảng phải không ngừng tự đổi mới, tự chỉnh đốn, trước mắt thực hiện tốt những vấn đề cơ bản và cấp bách của

công tác xây dựng Đảng do Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII đã xác định và 4 công tác quan trọng do Đại hội IX đã chỉ ra, trong đó coi trọng việc kiểm tra nghiêm ngặt công tác lãnh đạo, hoạt động của đội ngũ đảng viên.

2.2 Công tác kiểm tra với công tác tổ chức, cán bộ và xây dựng Đảng.

Trong xây dựng đảng, công tác tổ chức, cán bộ và công tác kiểm tra có vai trò rất quan trọng và quan hệ khăng khít với nhau. Qua các thời kỳ cách mạng, Đảng ta đều quan tâm đặc biệt đến công tác tổ chức, cán bộ và công tác kiểm tra đồng thời, thường xuyên coi trọng giải quyết tốt các mối quan hệ giữa chúng.

Quan điểm nhất quán của Đảng là đồng thời với việc xây dựng, chỉnh đốn về chính trị, tư tưởng, phẩm chất đạo đức cách mạng, phải kiên quyết, kịp thời xây dựng và chấn chỉnh về mặt tổ chức, cán bộ và tăng cường kiểm tra, kỷ luật. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ của Đảng được đổi mới, tăng cường là một nhân tố bảo đảm thống nhất ý chí và hành động, tạo nên sức mạnh của toàn Đảng, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của Đảng trong thời kỳ mới. Song, để xây dựng được tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu thì phải tiến hành đồng bộ nhiều biện pháp, trong đó nâng cao chất lượng công tác kiểm tra là một biện pháp rất quan trọng. Ngày 5-5-1999, Bộ Chính trị khóa VIII đã ban hành Quy chế số 53-QĐ/TW về chế độ kiểm tra cán bộ và công tác cán bộ, nêu rõ: "Các cấp ủy và tổ chức đảng phải thường xuyên lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức kiểm tra cán bộ và công tác cán bộ.

Kiểm tra để đánh giá đúng cán bộ và công tác cán bộ, kịp thời nêu gương cán bộ và tổ chức đảng làm tốt, giúp đỡ cán bộ và tổ chức đảng gặp khó khăn, ngăn chặn những biểu hiện lệch lạc của cán bộ (về phẩm chất, chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, trách nhiệm...) và công tác cán bộ (thực hiện các nguyên tắc, quy chế, chế độ đã quy định về phát huy dân chủ, đoàn kết nội bộ....) phát hiện những kinh nghiệm tốt, uốn nắn những sơ hở, thiếu sót trong công tác cán bộ, kịp thời xử lý những vi phạm".

Về lý luận cũng như trong thực tiễn, công tác kiểm tra không chỉ là một biện pháp để nâng cao chất lượng công tác tổ chức, cán bộ mà nó còn là một mắt khâu cực kỳ quan trọng nằm ngay trong quy trình của những công tác đó. Để có được những quyết định đúng về công tác tổ chức, cán bộ thì phải chủ động tiến hành công tác kiểm tra, xử lý các "kênh" thông tin; và để thực hiện tốt các quy trình trong quá trình tổ chức thực hiện cũng phải làm tốt công tác kiểm tra. Chính vì vậy mà Đảng ta đã khẳng định: Công tác kiểm tra là một khâu quan trọng hàng đầu của công tác tổ chức và cán bộ.

Kiểm tra được tiến hành thường xuyên, đúng quy trình sẽ giúp cho các cấp ủy đảng đánh giá đúng chất lượng công tác tổ chức, cán bộ, kịp thời phát huy những ưu điểm, hạn chế, sửa chữa những khuyết điểm; khắc phục những khuyết tật của bộ máy và thải loại những cán bộ suy thoái về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, yếu kém về năng lực... ra khỏi các cơ quan đảng.

Hiện nay, đất nước ta đang tiến hành sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, việc kiện toàn tổ chức bộ máy của Đảng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ trở thành nhiệm vụ vừa cơ bản, vừa cấp thiết. Đây là nhiệm vụ cực kỳ khó khăn, phức tạp. Do đó, khi thực hiện những nhiệm vụ này phải hết sức thận trọng, tính toán kỹ lưỡng, tuân thủ nguyên tắc "thà ít mà tốt" và phải trên cơ sở tính khoa học cao. Việc kiện toàn công tác tổ chức, nâng cao chất lượng công tác cán bộ trước hết phải nhằm giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng; giữ vững bản chất giai cấp công nhân công nhân của Đảng và bản chất xã hội chủ nghĩa của Nhà nước ta; giữ vững ổn định chính trị; tạo động lực lớn mạnh hơn cho việc thực hiện phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, xây dựng, chỉnh đốn Đảng là nhiệm vụ then chốt.

Công tác kiểm tra có vị trí, vai trò rất quan trọng trong sự lãnh đạo của Đảng, trong công tác xây dựng Đảng, đặc biệt là đối với công tác tổ chức và cán bộ. Do vậy, cần phải thường xuyên quan tâm nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, góp phần nâng cao chất lượng công tác tổ chức, cán bộ và công tác xây dựng Đảng.

2.3 Về xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra.

Xuất phát từ yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng Đảng trong tình hình mới, năm 1948, Ban Thường vụ Trung ương ra Quyết nghị số 29-QN/TW, ngày 16-10-1948 thành lập Ban Kiểm tra Trung ương gồm có 3 đồng chí, do đồng chí Trần Đăng Ninh làm Trưởng ban. Bộ máy giúp việc có hai bộ phận: bộ phận thường trực do một ủy viên phụ trách và một số phái viên; bộ phận đi kiểm tra các khu cũng do một ủy viên phụ trách và một số phái viên. Sau đó, các ban kiểm tra các khu ủy, liên khu ủy lần lượt được thành lập.

Ngày 3-12-1960, Ban Bí thư trung ương Đảng ra Thông tri số 12-TT/TW về việc tổ chức ủy ban kiểm tra các cấp quy định:

- Thành phần của ủy ban kiểm tra: ngoài một số ủy viên chuyên trách ra, các ủy viên kiêm chức có thể chọn trong các đồng chí phụ trách các ngành có quan hệ nhiều với công tác kiểm tra của Đảng...

Số cán bộ giúp việc ủy ban kiểm tra, mỗi ủy ban kiểm tra phải có một số cán bộ đủ đảm bảo nhiệm vụ; nhưng trong tình hình cán bộ còn thiếu, hãy định như sau:

Các khu, tỉnh nhiều cơ sở, đảng viên phải có ít nhất 11 cán bộ, các tỉnh trung bình cũng phải có từ 9 đến 11 cán bộ. Các tỉnh ít đảng viên cũng phải có ít nhất 7 cán bộ.

Các huyện, quận, thị tùy theo số lượng đảng viên, cơ sở nhiều ít mà có 2 hoặc 3 cán bộ, ít nhất cũng phải có 1. *Tất cả cán bộ giúp việc ủy ban kiểm tra phải là những cán bộ tốt, đảm bảo về chính trị, đạo đức, tư tưởng, tác phong tương đối thuần.*

Ngày 30-4-1963, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 79-NQ/TW về công tác kiểm tra của Đảng. Nghị quyết nêu rõ:

Để bước đầu ổn định tổ chức bộ máy của ủy ban kiểm tra, cần thiết phải tăng thêm số ủy viên chuyên trách cho các ủy ban kiểm tra các cấp: Ủy ban Kiểm tra Trung ương cần phải có 5 Ủy viên chuyên trách; ủy ban kiểm tra khu ủy, thành, tỉnh và Đảng ủy trực thuộc Trung ương phải có một số ủy viên chuyên trách ít nhất từ 2 đến 3 đồng chí, trong số đó nhất thiết phải có cấp ủy viên thực sự chuyên trách. *Đồng thời, bổ sung ngay cho đủ số cán bộ theo biên chế đã định, tạo điều kiện chuyên môn hóa để cán bộ có thể đi sâu vào nghiệp vụ công tác kiểm tra của Đảng.*

Ngày 22-12-1967, Ban Bí thư ra Thông tri số 210-TT/TW về tăng cường tổ chức ủy ban kiểm tra của Đảng và đẩy mạnh công tác thanh tra của các cơ quan Nhà nước. Thông tri viết:

...Về biên chế, ủy ban kiểm tra ở các cấp thành, tỉnh sẽ phân làm ba loại, một loại có 25 cán bộ; một loại có 19 cán bộ; một loại có 15 cán bộ. Ủy ban kiểm tra Khu Việt Bắc có 19 cán bộ và Khu Tây Bắc có 15 cán bộ. Ủy ban kiểm tra cấp huyện có từ 4 đến 5 cán bộ, thị xã có 3 cán bộ, các thành phố trực thuộc tỉnh, khu phố... có từ 5 đến 7 cán bộ. Ủy ban kiểm tra của đảng ủy trực thuộc Trung ương sẽ tùy theo số lượng đảng viên và cơ sở đảng mà định từ 9 đến 15 cán bộ. Các đảng bộ cơ sở có trên 500 đảng viên thì có 1 hoặc 2 cán bộ chuyên trách công tác kiểm tra.

Về tiêu chuẩn cán bộ làm công tác kiểm tra, Đảng ta xác định phải bảo đảm cả đức và tài, đức là gốc, và phải chuyên môn hóa cán bộ kiểm tra. Thông tri viết: Lựa chọn cán bộ làm công tác kiểm tra cần phải chú ý chất lượng và phải đảm bảo các tiêu chuẩn: *có ý thức tổ chức kỷ luật, có tinh thần trách nhiệm, kiên quyết bảo vệ nguyên tắc, chính sách của Đảng, chưa phạm sai lầm nghiêm trọng; lịch sử chính trị rõ ràng, không có vấn đề phức tạp, có tác*

phong thái độ đứng đắn, được cán bộ, đảng viên yêu mến và có năng lực nhất định. Phải chuyên môn hóa cán bộ kiểm tra, trường hợp thật cần thiết mới điều động sang công tác khác.

Từ đó đến nay (năm 2004), đội ngũ cán bộ kiểm tra luôn luôn được các cấp ủy đảng quan tâm tăng cường cả về số lượng và chất lượng, tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị mà Đảng và nhân dân giao phó.

2.4 Đổi mới công tác kiểm tra và kỷ luật của Đảng.

Từ khi thành lập đến nay, Đảng ta luôn quan tâm đến công tác kiểm tra và kỷ luật của Đảng, đã có nhiều nghị quyết, chỉ thị, thông tri về đổi mới tăng cường công tác kiểm tra của Đảng để góp phần đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, nâng cao sức chiến đấu là năng lực lãnh đạo của các tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên trong từng thời kỳ cách mạng. Điều lệ Đảng các nhiệm kỳ thường xuyên bổ sung nhiệm vụ kiểm tra của các cấp ủy, tổ chức đảng; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của ủy ban kiểm tra các cấp. Các văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc của Đảng các khóa cũng đề cập đến việc tăng cường công tác kiểm tra của Đảng.

Đặc biệt, đến Đại hội VIII của Đảng, Đảng ta đã giành một mục nói về đổi mới công tác kiểm tra của Đảng. Trong đó nêu rõ vị trí, mục đích, ý nghĩa của công tác kiểm tra, nội dung, nhiệm vụ kiểm tra của các cấp ủy, tổ chức đảng, xây dựng đội ngũ cán bộ kiểm tra đáp ứng yêu cầu sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân, thực hiện phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, xây dựng, chỉnh đốn Đảng là nhiệm vụ then chốt. Đó là:

"Công tác kiểm tra có vị trí cực kỳ quan trọng trong toàn bộ hoạt động lãnh đạo của Đảng. Kiểm tra và giữ gìn kỷ luật của Đảng là nhiệm vụ của toàn Đảng.

Nội dung kiểm tra bao gồm việc kiểm tra chấp hành đường lối, chính sách và nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chấp hành nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, giữ gìn phẩm chất đạo đức cách mạng của đảng viên. Thông qua kiểm tra mà phát huy ưu điểm, phát hiện nhân tố mới, khắc phục khuyết điểm, bổ sung, phát triển hoặc điều chỉnh chủ trương, chính sách, xử lý sai phạm.

Các tổ chức đảng, trước hết là các cấp ủy đảng, Bộ Chính trị và các ban thường vụ cấp ủy, cần tự mình tiến hành kiểm tra và sử dụng các ban để tổ chức thường xuyên việc kiểm tra.

Công tác kiểm tra kỷ luật phải có chương trình, kế hoạch, có trọng tâm trọng điểm; phải kết hợp chặt chẽ với công tác thanh tra của Nhà nước, thanh

tra nhân dân để có kết luận rõ ràng và có chủ trương xử lý đúng đắn, nhất là đối với những đảng viên vi phạm pháp luật.

Cùng cố, kiện toàn bộ máy kiểm tra các cấp, chú trọng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ kiểm tra về đường lối, quan điểm, pháp luật, kinh tế, về nghiệp vụ và phong cách làm việc. Xây dựng đội ngũ cán bộ kiểm tra có phẩm chất chính trị tốt, công tâm, trong sạch, đủ năng lực, kể cả năng lực kiểm tra việc chấp hành đường lối chính sách của Đảng".

III. KẾT LUẬN

Từ khi thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Hồ Chí Minh rất quan tâm chăm lo xây dựng Đảng ta là một Đảng chân chính, Đảng Cộng sản cầm quyền vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức, đủ sức lãnh đạo thực hiện thắng lợi sự nghiệp cách mạng trong từng thời kỳ. Trong đó, Hồ Chí Minh rất quan tâm đến công tác kiểm tra, coi công tác kiểm tra là một trong những chức năng lãnh đạo của Đảng. Trong các Điều lệ Đảng, các văn kiện của Đảng do người chủ trì và chỉ đạo soạn thảo trong các bài viết, bài nói của Người, đều đề cập đến công tác kiểm tra và việc giữ gìn kỷ luật của Đảng. Đồng thời, Người vận dụng quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về công tác kiểm tra của Đảng một cách sáng tạo, phù hợp với điều kiện thực tiễn cách mạng Việt Nam.

Kế thừa và tiếp nối sự lãnh đạo của Người, Đảng ta trong suốt hơn bảy thập kỷ lãnh đạo sự nghiệp cách mạng, cũng luôn chăm lo xây dựng Đảng ta trong sạch, vững mạnh toàn diện về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Đảng ta luôn khẳng định sự cần thiết phải tiến hành công tác kiểm tra và việc giữ gìn kỷ luật trong Đảng. Đồng thời, khẳng định kiểm tra là một trong những chức năng lãnh đạo của Đảng; lãnh đạo mà không kiểm tra coi như không lãnh đạo. Đồng thời luôn phát triển sáng tạo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác xây dựng Đảng nói chung, công tác kiểm tra, kỷ luật của Đảng nói riêng, phù hợp với điều kiện hoàn cảnh cách mạng nước ta từng thời kỳ. Coi đổi mới công tác kiểm tra và thực hiện có chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra là một trong những nội dung của đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, nâng cao sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của các tổ chức đảng và đảng viên.

Những quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh và của Đảng ta về công tác kiểm tra và việc thi hành kỷ luật trong Đảng đã được làm sáng tỏ ở hai phần trên. Qua đó, giúp chúng ta hiểu sâu thêm một cách có hệ thống về công tác kiểm tra và việc thi hành kỷ luật trong Đảng từng thời kỳ cách mạng cả về lý luận và thực tiễn. Từ đó, vận dụng thực hiện tốt trong tình hình hiện nay, Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo sự nghiệp đổi mới, phát triển kinh tế thị

trường định hướng xã hội chủ nghĩa, thực hiện sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng nhà nước Việt Nam pháp quyền xã hội chủ nghĩa, vì mục tiêu, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Do đó, đòi hỏi công tác kiểm tra phải không ngừng được đổi mới, phát triển, nâng tầm lý luận, góp phần thực hiện thắng lợi phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt

**** Những đề xuất, kiến nghị tiếp tục nghiên cứu, bổ sung lý luận, hoàn chỉnh cơ chế kiểm tra trong tình hình hiện nay***

Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ 9 đã nêu: "...Đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, tư tưởng cơ hội, thực dụng, tệ tham nhũng, quan liêu, làm trong sạch đội ngũ đảng viên. Củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan kiểm tra đảng, thanh tra nhà nước và thanh tra nhân dân".

Xuất phát từ tình hình thực hiện nhiệm vụ công tác kiểm tra và kỷ luật của Đảng theo quy định của Điều lệ Đảng, quy định của Bộ Chính trị các khóa VIII, khóa IX, đồng thời xuất phát từ yêu cầu của nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng Đảng trong tình hình mới, chúng tôi xin kiến nghị những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu đổi mới, nhằm nâng cao chất lượng công tác kiểm tra và kỷ luật của Đảng, như sau:

1- Đổi mới lý luận và nhận thức về công tác kiểm tra và kỷ luật của Đảng.

Đổi mới lý luận, nhận thức một cách toàn diện, triệt để trong toàn Đảng, trước hết là cấp ủy, tổ chức đảng ở các cấp phải thống nhất nhận thức và nhận thức đúng quan điểm của Đảng kiểm tra là một trong những chức năng lãnh đạo của Đảng. Trong điều kiện Đảng lãnh đạo tiến hành sự nghiệp đổi mới, có rất nhiều vấn đề mới nảy sinh, đòi hỏi nhận thức về công tác kiểm tra và kỷ luật của Đảng cũng phải thay đổi cho phù hợp.

Cấp ủy các cấp phải tổ chức nghiên cứu lý luận công tác kiểm tra bằng nhiều hình thức phù hợp, đưa kết quả nghiên cứu lý luận công tác kiểm tra áp dụng vào thực tế bằng các nghị quyết, chỉ thị, quy định, quy chế của Đảng, của cấp ủy, tổ chức đảng các cấp. Bộ Chính trị, Ban Bí thư chỉ đạo Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và các ban xây dựng Đảng liên quan tiến hành nghiên cứu hoàn chỉnh lý luận công tác kiểm tra và kỷ luật của Đảng thành một chuyên ngành riêng, đưa vào giảng dạy trong thời gian tới.

Phải đưa lý luận vào hoạt động thực tiễn. Ủy ban kiểm tra các cấp phải tham mưu cho cấp ủy ban hành các văn bản pháp quy về công tác kiểm tra.

Chú trọng tổng kết công tác kiểm tra, kỷ luật đảng để rút ra các bài học trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức và kiểm tra việc thực hiện.

Những nội dung cần được nghiên cứu về mặt lý luận có nhiều, trước mắt tập trung vào một số nội dung cụ thể có tính chất cấp thiết sau đây:

- Ủy ban kiểm tra các cấp do đại hội đảng bầu thay việc ban chấp hành bầu để khắc phục hạn chế theo nguyên tắc do ban chấp hành bầu như hiện nay khi thực hiện nhiệm vụ, nhất là khi cấp ủy (ban thường vụ cấp ủy) ít quan tâm hoặc buông lỏng vai trò lãnh đạo đối với công tác kiểm tra. Để nâng cao vị thế, vai trò của ủy ban kiểm tra hệ thống lãnh đạo của Đảng cũng như trong hệ thống chính trị hiện nay, cơ cấu tổ chức, chức năng của ủy ban kiểm tra các cấp phải đảm bảo sự lãnh đạo toàn diện, thống nhất của Đảng trong công cuộc đổi mới. Về tổ chức, ủy ban kiểm tra các cấp phải do đại hội đảng bầu, đặt dưới sự lãnh đạo song trùng của cấp ủy cùng cấp và của ủy ban kiểm tra cấp trên.

Về nguyên tắc tổ chức UBKT các cấp, đề nghị Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét quyết định phương án UBKT các cấp do Đại hội đảng cùng cấp bầu, với số lượng đông hơn hiện nay, gồm những đồng chí tuyệt đối trung thành với mục tiêu, lý tưởng của Đảng, trung thực, khách quan, có trình độ, năng lực và kinh nghiệm về công tác xây dựng Đảng, có khả năng thực hiện nhiệm vụ công tác kiểm tra theo đúng tinh thần của Đảng. Cơ cấu có thể có chuyên trách, có kiêm chức (gồm một số cán bộ có uy tín, có năng lực của các ngành có liên quan đến công tác kiểm tra tham gia).

Có ý kiến cho rằng UBKT các cấp không nên do Đại hội bầu vì:

+ Nếu UBKT do Đại hội bầu thì cả Ban Chấp hành và UBKT đều là cơ quan lãnh đạo cao nhất, như vậy toàn Đảng biết phục tùng ai; giữa Ban Chấp hành và UBKT có ý kiến khác nhau thì ai giải quyết, như vậy có mâu thuẫn với nguyên tắc tập trung dân chủ không?

+ Nếu UBKT có vi phạm thì ai kiểm tra?

+ Về phân bổ nhân sự giữa Ban Chấp hành và UBKT cùng cấp như thế nào? Nếu bầu Ban chấp hành trước (tất nhiên như vậy) thì số có phẩm chất và năng lực tốt sẽ vào Ban Chấp hành cả, số còn lại bầu vào UBKT thì sẽ rất hạn chế, không đủ sức thực hiện nhiệm vụ.

Nhưng, số có ý kiến và theo chúng tôi UBKT các cấp do Đại hội bầu thì thấy rằng:

+ UBKT dù do Đại hội bầu cũng không phải là cơ quan lãnh đạo mà chỉ là cơ quan chuyên trách của Đảng về công tác kiểm tra, xét xử kỷ luật theo nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo quy định của Điều lệ Đảng được Đại

hội thông qua. Cơ quan lãnh đạo cao nhất giữa hai kỳ đại hội chỉ là và vẫn là cấp uỷ đảng. Do đó, về nguyên tắc, giữa hai kỳ đại hội, UBKT vẫn đặt dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo và kiểm tra (chung) của cấp uỷ. Gặp trường hợp cấp uỷ và UBKT có ý kiến khác nhau trong công tác kiểm tra và xử lý kỷ luật thì UBKT phải phục tùng sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ. Trường hợp cần thiết, đến Đại hội, UBKT được đưa vấn đề ra để Đại hội xem xét, quyết định. Như vậy, không có gì mâu thuẫn với nguyên tắc tập trung dân chủ.

+ Khi bầu ban chấp hành và UBKT cùng cấp sẽ có yêu cầu về tiêu chuẩn, cơ cấu cụ thể của từng tổ chức, có sự chuẩn bị của cấp uỷ và của uỷ ban kiểm tra, có sự lựa chọn sáng suốt của Đại hội, không thể nghĩ là tổ chức nào bầu trước thì thu hút hết người tốt, tổ chức nào bầu sau thì chỉ còn lại những người không đủ tiêu chuẩn.

+ Có một thực tế từ trước đến nay, ở trung ương Ban Chấp hành TW vẫn bầu Bộ Chính trị, Ban Bí thư và uỷ ban kiểm tra; ở đảng bộ các cấp ban chấp hành bầu ban thường vụ và uỷ ban kiểm tra, song không tạo ra hai hay ba "trung tâm quyền lực"; việc lo lắng đại hội bầu ban chấp hành và uỷ ban kiểm tra sẽ sinh ra hai "trung tâm quyền lực" là không có cơ sở, vì mỗi tổ chức đã được Điều lệ Đảng quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn riêng và phải chấp hành nghiêm chỉnh nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt động.

- Đề nghị nghiên cứu quy định Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Trung ương phải là Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Chủ nhiệm Thường trực là Ủy viên Ban Bí thư và nên cơ cấu chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra của cấp uỷ các cấp là phó bí thư cấp uỷ cấp đó.

Hiện nay, Hướng dẫn thực hiện Chương VII, chương VIII Điều lệ Đảng về công tác kiểm tra và thi hành kỷ luật trong Đảng (ban hành kèm theo Quyết định số 10-QĐ/TW ngày 25-9-2001 của Ban Bí thư) quy định chủ nhiệm UBKT các cấp là uỷ viên ban thường vụ. Tuy nhiên chưa có văn bản nào của Trung ương quy định cụ thể Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương là Ủy viên Bộ Chính trị hoặc Ủy viên Ban Bí thư. Vì vậy, nên nghiên cứu quy định trong Điều lệ Đảng hoặc trong Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương do Ban Chấp hành Trung ương ban hành, Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Trung ương là Ủy viên Bộ Chính trị và Phó Chủ nhiệm Thường trực là Ủy viên ban Bí thư thì phù hợp với vị thế và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban Kiểm tra Trung ương được Quy định trong Điều lệ Đảng và do Ban Chấp hành Trung ương hoặc do Đại hội bầu.

- Nghiên cứu làm rõ việc giao chức năng giám sát cho uỷ ban kiểm tra các cấp, trước hết cho Ủy ban Kiểm tra Trung ương và việc thực hiện quyền giám sát của nhân dân đối với Đảng trong điều kiện Đảng cầm quyền.

- Tăng cường năng lực hoạt động của uỷ ban kiểm tra các cấp đáp ứng yêu cầu công tác kiểm tra trong tình hình mới.

Đề nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư quan tâm chỉ đạo kiện toàn bộ máy giúp việc UBKT ngang tầm với nhiệm vụ. Chỉ đạo Ủy ban Kiểm tra Trung ương phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương nghiên cứu, xây dựng tiêu chuẩn cán bộ kiểm tra và có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chính trị, văn hoá, các kiến thức cần thiết và xây dựng Đảng, kinh tế, luật pháp và nâng cao năng lực nghiệp vụ cho cán bộ kiểm tra. Đồng thời, quan tâm trang bị các phương tiện kỹ thuật và thực hiện tốt chế độ, chính sách bảo đảm về đời sống vật chất, tinh thần, tạo điều kiện để cán bộ kiểm tra yên tâm thực hiện nhiệm vụ. Xem xét một định xuất biên chế cán bộ uỷ ban kiểm tra đảng uỷ cơ sở để đủ điều kiện thực hiện tốt nhiệm vụ công tác kiểm tra ở cấp này đang là khâu yếu nhất hiện nay.

- Để khắc phục tình trạng uỷ ban kiểm tra các cấp "vừa điều tra, vừa truy tố, vừa xét xử" trong việc thi hành kỷ luật đảng như thời gian qua, cần ban hành quy định xử lý kỷ luật để thực hiện thống nhất trong toàn Đảng.

Việc thi hành kỷ luật trong Đảng phải thực hiện theo đúng phương hướng, phương châm, nguyên tắc và thủ tục đã quy định. Trong tình hình hiện nay cần:

Xử lý công minh, chính xác, kịp thời mọi trường hợp vô tổ chức, vô kỷ luật, cố tình không chấp hành Cương lĩnh, nghị quyết, chỉ thị, của Đảng; gây chia rẽ, bè phái, làm suy yếu Đảng; tham nhũng, làm ăn phi pháp; vô trách nhiệm gây tổn thất lớn tài sản của nhà nước và tiếp tục đưa những người thoái hoá, biến chất không còn đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng. Tập trung lực lượng xem xét, xử lý những vụ vi phạm nghiêm trọng kỷ luật Đảng và pháp luật Nhà nước, không phân biệt người vi phạm ở cương vị, cấp bậc nào để đề cao kỷ luật Đảng và củng cố lòng tin của quần chúng đối với Đảng.

Kiên quyết khắc phục tình trạng hữu khuynh, buông lỏng cuộc đấu tranh giữ vững nguyên tắc tổ chức và khắc phục khuynh hướng sai lầm trong việc thi hành kỷ luật của Đảng (chủ yếu là buông lỏng, nhẹ trên nặng dưới, hữu khuynh, nể nang, dung túng, bao che cho nhau), đồng thời chú ý khắc phục hiện tượng khắt khe, quá mức, hoặc tình trạng "*nhẹ trên, nặng dưới*".

Vì vậy, đề nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư chỉ đạo nghiên cứu xây dựng và ban hành quy định cụ thể về việc thi hành kỷ luật đối với các tổ chức đảng và đảng viên vi phạm trong tình hình hiện nay (gồm cả chế tài xử lý) để có cơ sở áp dụng thống nhất trong toàn Đảng.

- Quy định cấp giải quyết khiếu nại cuối cùng đối với đảng viên theo hình thức xử lý và cấp quản lý cán bộ theo hướng bảo đảm dân chủ, kịp thời, giảm bớt cấp xem xét, giải quyết khiếu nại kỷ luật, theo hướng: Cấp trên cách một cấp của cấp quyết định kỷ luật là cấp cuối cùng giải quyết khiếu nại; trường hợp do Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương quyết định kỷ luật thì Ban Chấp hành Trung ương là cấp cuối cùng giải quyết khiếu nại kỷ luật.

- Về thẩm quyền thi hành kỷ luật:

Đối với chi bộ: Điều 36, Điều lệ Đảng quy định: "Chi bộ quyết định khiển trách, cảnh cáo đảng viên trong chi bộ". Cần nghiên cứu đề nghị bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng cho phù hợp với tình hình hiện nay.

- Về hình thức kỷ luật: cần nghiên cứu các hình thức kỷ luật đối với đảng viên chính thức, vì có ý kiến cho rằng quy định hình thức kỷ luật đối với đảng viên như hiện nay là chưa công bằng; đảng viên không giữ chức vụ chỉ có 3 hình thức kỷ luật là: khiển trách, cảnh cáo, khai trừ; đảng viên giữ chức vụ có 4 hình thức kỷ luật (thêm hình thức cách chức). Vì vậy, khi xử lý kỷ luật những đảng viên có cùng nội dung, mức độ, tính chất, tác hại như nhau, thì đảng viên không giữ chức vụ có thể bị khai trừ, còn đảng viên giữ chức lại vụ có thể chỉ bị cách chức. Có thể bỏ hình thức kỷ luật cách chức. Nếu đảng viên có chức vụ bị thi hành kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo thì phải xem xét chức vụ trong Đảng, chính quyền, đoàn thể, nếu không còn đủ tiêu chuẩn thì cho thôi giữ các chức vụ đó.

2- Đối mới công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy và sự chỉ đạo, hướng dẫn của ủy ban kiểm tra các cấp đối với ủy ban kiểm tra cấp dưới.

Cấp ủy các cấp khi ban hành quy chế làm việc của cấp mình, cần quy định rõ trách nhiệm kiểm tra của cấp ủy, các thành viên của cấp ủy; ban hành quy chế làm việc của ủy ban kiểm tra; phân công nhiệm vụ cụ thể cho các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn thuộc phạm vi phụ trách trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra.

Ủy ban kiểm tra các cấp phải chủ động tham mưu cho cấp ủy ban hành các nghị quyết, chỉ thị, quyết định, quy định, chương trình, kế hoạch về công tác kiểm tra, tạo cơ sở pháp lý cho ủy ban kiểm tra các cấp thực hiện nhiệm vụ.

Giao cho ủy ban kiểm tra là vị trí trung tâm phối hợp, thống nhất các lực lượng làm công tác xây dựng, chỉnh đốn đảng và chống tham nhũng, bao gồm cả việc yêu cầu và phối hợp với các cơ quan pháp luật xem xét, xử lý các vụ án, nhất là các vụ án lớn có liên quan đến cán bộ, đảng viên của Đảng.

3- Đối mới nhiệm vụ, nội dung công tác kiểm tra.

Xác định rõ cấp ủy các cấp có nhiệm vụ lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra các tổ chức đảng và đảng viên chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng và thi hành kỷ luật đối với tổ chức đảng và đảng viên vi phạm quy định của Điều lệ Đảng.

Thường xuyên nghiên cứu bổ sung, sửa đổi nhiệm vụ, nội dung kiểm tra cho phù hợp. Xác định nội dung và phạm vi kiểm tra của cấp ủy rất rộng, với tính chất ngày càng phức tạp.

Hiện nay, có ý kiến cho rằng nội dung kiểm tra của Đảng nêu trong Chỉ thị số 29-CT/TW là quá rộng, nhất là nội dung kiểm tra trong lĩnh vực kinh tế,.. chưa phù hợp. Cấp ủy, ủy ban kiểm tra chỉ nên kiểm tra về nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, giữ gìn đoàn kết nội bộ; còn kiểm tra về kinh tế, pháp luật, để các cơ quan chức năng của Nhà nước thực hiện thanh tra, kiểm tra, điều tra, khi kết luận có vi phạm thì thông báo cho tổ chức đảng có thẩm quyền xử lý kỷ luật đảng thì hợp lý hơn. Theo chúng tôi quy định như Chỉ thị 29 là phù hợp. Tuy nhiên, các cấp ủy, trước hết là Bộ Chính trị, Ban Bí thư cần quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, nội dung kiểm tra của các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn để giúp các tổ chức đảng đó có cơ sở, điều kiện thực hiện nhiệm vụ kiểm tra có hiệu quả.

Có ý kiến cho rằng, ủy ban kiểm tra các cấp không nên thực hiện nhiệm vụ kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm vì thực hiện nhiệm vụ này rất khó, nên chuyển sang kiểm tra chấp hành, vừa dễ vào, dễ kiểm tra. Theo chúng tôi, việc quy định ủy ban kiểm tra thực hiện nhiệm vụ kiểm tra đảng viên và tổ chức đảng cấp dưới khi có dấu hiệu vi phạm như Điều lệ Đảng hiện nay quy định là phù hợp với tổ chức bộ máy; lực lượng và năng lực cán bộ kiểm tra hiện nay; cần quan tâm nghiên cứu, chỉ đạo nhiều hơn để có biện pháp chỉ đạo thực hiện có hiệu quả.

Cũng có ý kiến cho rằng nên quy định thực hiện nhiệm vụ kiểm tra tài chính của cơ quan tài chính cấp ủy cùng cấp cho ủy ban kiểm tra cấp trên làm sẽ khách quan hơn, hiệu quả hơn. Nhưng cũng có ý kiến đề nghị giữ nguyên như hiện nay là phù hợp. Mặt khác, giao cho UBKT kiểm tra cả tài chính cấp ủy cùng cấp, vì nhiệm vụ này chưa được thực hiện. Theo chúng tôi, việc quy định ủy ban kiểm tra thực hiện nhiệm vụ kiểm tra tài chính của cơ quan tài chính cấp ủy cùng cấp như Điều lệ Đảng hiện nay quy định là phù hợp. Nếu giao UBKT cấp trên kiểm tra tài chính của cơ quan tài chính cấp ủy cấp dưới về nguyên tắc và thực tế thì thuận lợi hơn, nhưng có khó khăn là dồn công việc lên UBKT cấp trên quá nhiều, trong khi đó, UBKT cấp trên biên chế lại có hạn, không đủ lực lượng để thực hiện nhiệm vụ như hiện nay, thì không thể thực hiện thêm được nhiệm vụ kiểm tra tài chính cơ quan tài chính cấp ủy cấp

dưới. Cần nghiên cứu có thể giao cho UBKT các cấp kiểm tra tài chính của cấp ủy cấp mình, đồng thời có cơ chế phối hợp chặt chẽ để UBKT cấp trên chỉ đạo, hướng dẫn và hỗ trợ cùng UBKT cấp dưới thực hiện nhiệm vụ này (khi UBKT cấp dưới có yêu cầu).

Có ý kiến cho rằng, việc quy định không giải quyết thư tố cáo giấu tên, mạo tên là hạn chế mở rộng dân chủ, hạn chế việc giải quyết tố cáo đảng viên và tổ chức đảng có vi phạm; tạo điều kiện cho cán bộ, đảng viên có sai phạm không bị phát hiện, kiểm tra xử lý kịp thời, hạn chế hiệu quả công tác kiểm tra. Quy định như vậy là để nâng cao ý thức trách nhiệm của người tố cáo, ngăn ngừa hiện tượng tố cáo với mục đích xấu. Cần có quy định về cơ chế giám sát, bảo vệ người tích cực, dũng cảm tố cáo, đấu tranh với cán bộ, đảng viên và tổ chức đảng có vi phạm. Tuy nhiên, vấn đề này cần được nghiên cứu thêm.

4- Đổi mới quy trình, phương pháp kiểm tra.

Hiện nay, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và cấp ủy các cấp chưa có quy trình công tác kiểm tra. Vì vậy, cấp ủy cấp trên, trước hết là Bộ Chính trị, Ban Bí thư cần ban hành quy trình công tác kiểm tra cho Bộ Chính trị, Ban Bí thư, quy trình xem xét, giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng của đảng viên và tổ chức đảng, quy trình xem xét, xử lý kỷ luật của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị Ban Bí thư. Cấp ủy cấp trên cần ban hành quy trình kiểm tra của các loại hình tổ chức đảng và cấp ủy các cấp.

Ủy ban Kiểm tra Trung ương tiếp tục hoàn chỉnh quy trình về công tác kiểm tra để ủy ban kiểm tra các cấp vận dụng thống nhất. Thường xuyên nghiên cứu để cụ thể hoá quy trình kiểm tra cho phù hợp với mọi nhiệm vụ kiểm tra.

Cần ban hành quy định mẫu về phương pháp kiểm tra, tạo cơ sở pháp lý chung để ủy ban kiểm tra các cấp vận dụng thực hiện thống nhất. Nghiên cứu xây dựng tiêu chuẩn đạo đức, bản lĩnh, văn hoá người cán bộ kiểm tra.

Hiện nay, có ý kiến cho rằng để bảo đảm cho hoạt động của ủy ban kiểm tra các cấp cần thiết nên sáp nhập hệ thống Thanh tra Nhà nước vào hệ thống ủy ban kiểm tra của Đảng để nâng cao hiệu quả hoạt động của công tác thanh tra, kiểm tra trong tình hình hiện nay.

Cần xây dựng chế phối hợp chặt chẽ giữa kiểm tra của Đảng với thanh tra của Nhà nước và kiểm tra của các đoàn thể nhân dân, hình thành một lực lượng tổng hợp để đấu tranh chống tiêu cực trong Đảng, trong bộ máy Nhà nước và ngoài xã hội có hiệu quả cao.

Có ý kiến đề nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao cho Ủy ban Kiểm tra Trung ương chủ trì phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương, Ban Cán sự đảng Bộ Nội vụ, Ban cán sự đảng Thanh Tra Nhà nước nghiên cứu thành lập Ủy ban Kiểm tra và Kỷ luật như mô hình của Đảng Cộng Sản Trung Quốc (*một nhà hai cửa*) trên cơ sở sát nhập hệ thống Thanh tra Nhà nước và Ủy ban kiểm tra ở các cấp. Bởi vì, trong điều kiện Đảng cầm quyền, đảng viên vừa là thành viên của tổ chức đảng, vừa là thành viên của bộ máy Nhà nước và tổ chức kinh tế. Đảng viên vi phạm về nguyên tắc đảng và phẩm chất đạo đức cách mạng thường gắn với vi phạm về pháp luật. Khi vi phạm, đảng viên vừa chịu sự kiểm tra và thi hành kỷ luật của tổ chức đảng, vừa chịu sự kiểm tra và thi hành kỷ luật của bộ máy nhà nước, tổ chức kinh tế. Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và thống nhất quản lý cán bộ, bao gồm cả cán bộ các cơ quan đảng, bộ máy Nhà nước và các tổ chức kinh tế, các Đoàn thể nhân dân. Trong khi đó, việc kiểm tra và xử lý kỷ luật của Đảng và Nhà nước lại có hai hệ thống tổ chức, hệ thống ủy ban kiểm tra các cấp của Đảng và hệ thống thanh tra Nhà nước các cấp. Mỗi hệ thống tổ chức hoạt động theo cơ chế riêng.

Đặc điểm trên đòi hỏi hai tổ chức kiểm tra của Đảng và Thanh tra của Nhà nước phải phối hợp chặt chẽ với nhau trong kiểm tra và xử lý kỷ luật đối với đảng viên, cán bộ. Thời gian qua, sự phối hợp này nói chung đã được quan tâm thực hiện, từ cấp tỉnh, thành trở xuống. Chánh thanh tra hoặc phó chánh thanh tra Nhà nước là ủy viên kiêm chức của ủy ban kiểm tra, nhưng sự phối hợp vẫn thiếu chặt chẽ, nhiều trường hợp yêu cầu của ủy ban kiểm tra không được đáp ứng, vẫn có tình trạng nhiều nơi, nhiều việc cơ quan thanh tra nhà nước không thanh tra đối với cấp ủy viên hoặc cán bộ do cấp ủy quản lý có dấu hiệu vi phạm về kinh tế, pháp luật hoặc có thanh tra cũng chỉ kết luận chung, không vạch rõ sai phạm của từng người và không đề nghị hình thức xử lý; ngược lại, ủy ban kiểm tra của Đảng thì không có điều kiện đi sâu xem xét, kết luận những vấn đề về kinh tế, pháp luật; nhiều trường hợp ủy ban kiểm tra của Đảng và thanh tra của Nhà nước ý kiến khác nhau không được giải quyết kịp thời. Do đó, nhiều vụ việc đã bị kéo dài, giải quyết không dứt điểm, không đáp ứng được yêu cầu của công tác cán bộ, thậm chí gây hậu quả xấu.

Vì thế, cần hợp nhất cơ quan ủy ban kiểm tra của Đảng với cơ quan thanh tra Nhà nước theo mô hình sau:

- Nguyên tắc hợp nhất:

+ Hợp nhất những bộ phận có cùng chức năng, nhiệm vụ của hai cơ quan (Văn phòng, các vụ nghiên cứu tổng hợp, tổ chức cán bộ,...).

+ Giữ lại những bộ phận làm công tác nghiệp vụ của từng cơ quan (các vụ khu vực của Ủy ban Kiểm tra Trung ương, các vụ Thanh tra của Thanh tra Nhà nước).

- Tổ chức và mối quan hệ sau khi hợp nhất:

+ Hai cơ quan sau khi hợp nhất sẽ hình thành một bộ máy là việc với tên gọi là : Ủy ban Kiểm tra và Kỷ luật. Ủy ban do một người phụ trách:

Ở Trung ương do một đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị là Chủ nhiệm, đồng thời là Phó Thủ tướng kiêm Tổng thanh tra Nhà nước.

Ở địa phương do một ủy viên thường vụ làm chủ nhiệm Ủy ban kiêm Chánh thanh tra. Các phó chủ nhiệm, ủy viên ủy ban, phó chánh thanh tra đều là thành viên của Ủy ban kiểm tra và Kỷ luật, đồng thời là phó chánh thanh tra.

+ Thực hiện hai chức năng, nhiệm vụ: Nhiệm vụ của Ủy ban Kiểm tra do Điều lệ Đảng quy định và nhiệm vụ thanh tra Nhà nước do Pháp lệnh Thanh tra Nhà nước quy định.

+ Tên gọi theo hai cơ quan, hai danh nghĩa (hai con dấu). Khi thực hiện nhiệm vụ của ủy ban kiểm tra do Điều lệ Đảng quy định thì lấy danh nghĩa ủy ban kiểm tra. Khi thực hiện nhiệm vụ Thanh tra theo Pháp lệnh Thanh tra thì lấy danh nghĩa thanh tra Nhà nước.

+ Ủy ban kiểm tra sau khi hợp nhất với thanh tra làm việc dưới sự lãnh đạo tập trung thống nhất và chịu trách nhiệm toàn diện trước cấp ủy; đồng thời cũng đặt dưới sự lãnh đạo và chịu trách nhiệm trước cơ quan nhà nước (Chính phủ hoặc ủy ban nhân dân các cấp) về công tác thanh tra, theo cơ chế song trùng lãnh đạo.

Theo chúng tôi, không nhất thiết phải như mô hình của Trung Quốc, cần nghiên cứu ban hành cơ chế phối hợp đồng bộ, có hiệu quả giữa cơ quan kiểm tra với các cơ quan bảo vệ pháp luật ở các cấp sẽ bảo đảm thực hiện tốt nhiệm vụ kiểm tra của ủy ban kiểm tra các cấp.

5- Đổi mới điều kiện và phương tiện làm việc.

Cấp ủy các cấp phải ban hành quy chế phối hợp giữa các ban tham mưu của cấp ủy trong việc giúp cấp ủy thực hiện tốt chức năng lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra của cấp ủy; quy chế phối hợp giữa cơ quan kiểm tra của cấp ủy với các cơ quan nội chính trong việc thực nhiệm vụ kiểm tra bảo đảm đạt hiệu quả.

Ủy ban kiểm tra các tỉnh, thành phố nghiên cứu, đề xuất cấp ủy xem xét, chỉ đạo hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân quyết định có chế độ, chính

sách đối với cán bộ kiểm tra cơ sở theo đúng tinh thần của Nghị quyết Trung ương 5 khoá IX, phù hợp với địa phương, đơn vị.

Ủy ban Kiểm tra Trung ương Đề nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét quyết định chế độ tiền lương, phụ cấp trách nhiệm,... cho cán bộ kiểm tra ở các cấp. Nghiên cứu quy định mô hình tổ chức cơ quan giúp việc của uỷ ban kiểm tra các cấp thống nhất trong cả nước. Nghiên cứu từng bước tiêu chuẩn hoá chức danh thành viên uỷ ban và cán bộ kiểm tra ở từng cấp cho phù hợp về năng lực, trình độ, bảo đảm thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ công tác kiểm tra. Có định suất biên chế cán bộ kiểm tra chuyên trách ở cơ sở.

Phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương nghiên cứu đề nghị Ban Bí thư, Bộ Chính trị cho phép thành lập trường đào tạo cán bộ kiểm tra; thành lập Viện Nghiên cứu khoa học kiểm tra. Đề nghị Học viện chính trị Quốc gia cho mở chuyên ngành đào tạo cử nhân kiểm tra.

6- Hoàn chỉnh các quy định của Đảng, tạo điều kiện cho việc thực hiện có chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra và kỷ luật của Đảng trong tình hình hiện nay.

- Đi đôi với đẩy mạnh công tác kiểm tra, cần củng cố tổ chức, nhất là tổ chức cơ sở đảng vững mạnh, tăng cường công tác giáo dục, quản lý cán bộ, đảng viên, bảo đảm sinh hoạt đảng chặt chẽ, đề cao tinh thần tự phê bình và phê bình. đồng thời, nhà nước phải xây dựng và ban hành đồng bộ, hoàn chỉnh các chính sách, quy định về kinh tế - xã hội, khắc phục các sơ hở trong cơ chế và tổ chức chỉ đạo thực hiện nghiêm túc. Vì vậy, đề nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư chỉ đạo các ban đảng ở Trung ương nghiên cứu, tham mưu, trình Bộ Chính trị xem xét, ban hành đồng bộ các quy định, quy chế, về: chế độ tự phê bình và phê bình trong Đảng; quy chế thực hiện dân chủ trong Đảng; quy chế về cơ chế để quần chúng nhân dân tham gia giám sát tổ chức đảng và đảng viên,... Có như vậy, mới có điều kiện mở rộng dân chủ trong Đảng và trong xã hội, chủ động phòng ngừa vi phạm, giữ nghiêm kỷ cương, kỷ luật của Đảng.

- Đề nghị Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị xem xét, ra nghị quyết chuyên đề về việc tăng cường công tác kiểm tra của Đảng. Trong đó, quy định rõ cấp uỷ các cấp tăng cường tổ chức quán triệt, nâng cao nhận thức, quan điểm của Đảng về công tác kiểm tra và kỷ luật của Đảng cho cấp uỷ, các tổ chức đảng, uỷ ban kiểm tra các cấp và toàn bộ cán bộ đảng viên. Trên cơ sở đó, tăng cường công tác kiểm tra của các cấp uỷ đảng về việc thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Công tác này phải được thực hiện một cách có chương trình, có kế hoạch, thành chế độ, nền nếp thường xuyên, tập trung vào những công tác trọng tâm, những đơn vị trọng điểm./.

NHÂN DÂN GIÁM SÁT NHÀ NƯỚC, NHÀ NƯỚC THỰC HIỆN KIỂM TRA, THANH TRA MỘT QUAN ĐIỂM CỦA HỒ CHÍ MINH VỀ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC CỦA DÂN, DO DÂN, VÌ DÂN SỰ VẬN DỤNG CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC TA

PGS. TS Nguyễn Khánh Bật
*Viện trưởng Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ
Đảng và Nhà nước
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh*

I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

Bài viết này, kể cả tên của nó được thực hiện theo đơn đặt hàng của chủ nhiệm đề tài cấp bộ “*Tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác thanh tra*”. Tác giả cho rằng để tạo nên sự thống nhất trước khi đi vào nội dung chính cần làm rõ một số ý:

Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện, sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh là người sáng lập, khai sinh hệ thống chính trị cách mạng Việt Nam. Trong hệ thống chính trị thì Nhà nước giữ vị trí đặc biệt quan trọng. Trong quá trình tồn tại và phát triển của đất nước, công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra phải được đặt ra và ngày càng được quan tâm hơn. Do đó, có thể khẳng định rằng trong tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước có tư tưởng về giám sát, thanh tra, kiểm tra.

Tra cứu Hồ Chí Minh toàn tập chúng tôi thấy từ “*giám sát*” được Hồ Chí Minh sử dụng tất cả 32 lần, lần đầu tiên vào năm 1924. Trong thư gửi đồng chí Pe-tơ-rop, Tổng thư ký Ban Phương Đông, Hồ Chí Minh viết: “*Các chiến sĩ người bản xứ đều bị giám sát, truy nã rất ráo riết tại chính nước họ*”¹⁷. Ở đây, “*giám sát*” được Hồ Chí Minh dùng theo nghĩa theo dõi, bắt bớ. Lần cuối cùng Hồ Chí Minh sử dụng “*giám sát*” là năm 1962 khi Người đề cập đến Ủy ban quốc tế kiểm sát và giám sát việc thi hành Hiệp định Giơ-ne-ve 1954¹⁸.

Từ “*thanh tra*” được Hồ Chí Minh sử dụng 59 lần. Lần đầu tiên là năm 1922, lần cuối cùng là năm 1962. Từ “*kiểm tra*” được Hồ Chí Minh sử dụng 125 lần. Lần đầu tiên là năm 1923, lần cuối cùng 1969. Trong bài “*nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân*”, Hồ Chí Minh vạch rõ để

¹⁷ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb CTQG, H, 1995, tập 2, tr.264

¹⁸ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sdd, tập 10, tr.529

ngăn chặn chủ nghĩa cá nhân “công tác kiểm tra của Đảng phải chặt chẽ”¹⁹. Những điều trình bày trên đây cho thấy giám sát, thanh tra, kiểm tra được Hồ Chí Minh đề cập nhiều lần, kéo dài mấy chục năm.

Theo Đại từ điển Tiếng Việt, giám sát là theo dõi, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ²⁰.

Thanh tra là điều tra, xem xét để làm rõ sự việc²¹.

Kiểm tra là xem xét thực chất, thực tế²².

Theo trích dẫn trên thì giám sát là theo dõi, kiểm tra, còn thanh tra là điều tra, xem xét, trong khi đó thì kiểm tra lại là xem xét thực chất. Như vậy, việc phân biệt giám sát, thanh tra, kiểm tra chỉ là tương đối. Trong nhiều trường hợp chúng có thể thay thế, đổi chỗ cho nhau. Có lẽ vì thế mà trong tư duy lý luận và hoạt động thực tiễn Hồ Chí Minh không phân biệt rạch ròi giữa giám sát với thanh tra, kiểm tra.

Về giám sát, tra cứu Hồ Chí Minh toàn tập chúng tôi thấy khi đề cập đến vai trò của nhân dân đối với Nhà nước, chỉ có một lần duy nhất Người dùng từ giám sát. Trong bài nói chuyện với đại biểu thân sĩ, trí thức, phú hào tỉnh Thanh Hoá, Hồ Chí Minh đề nghị: “Xin đồng bào hãy phê bình, giúp đỡ, giám sát công việc Chính phủ”²³. Những trường hợp còn lại Hồ Chí Minh nói nhân dân có quyền, có nghĩa vụ, trách nhiệm phê bình, kiểm soát, giúp đỡ cán bộ, Nhà nước, chính phủ.

Từ thanh tra Hồ Chí Minh thường gắn với kiểm tra. Trong một số trường hợp, Người cao kiểm tra là một nhiệm vụ của công tác thanh tra: “Năm nay, các ban thanh tra phải chú ý kiểm tra chống lãng phí, tham ô”²⁴.

Từ “kiểm tra” thường được Hồ Chí Minh gắn với đôn đốc và đặt kiểm tra trước đôn đốc. Nói chuyện với cán bộ và đồng bào Hà Đông ngày 30.1.1963, Hồ Chí Minh nhắc nhở: “Tỉnh uỷ và huyện uỷ phải kiểm tra, đôn đốc đi sát, giúp đỡ đồng bào”. Tuy nhiên trong một số trường hợp Hồ Chí Minh đặt đôn đốc trước kiểm tra. Nói chuyện với hội nghị cán bộ công đoàn cơ sở miền Bắc ngày 13/8/1962, Hồ Chí Minh yêu cầu: “Công đoàn các cấp cần phải cải tiến lề lối làm việc, cần đi sát quần chúng, tăng cường đôn đốc, kiểm tra, cần bớt giấy tờ từng đống và họp lu bù”. Liên quan đến vấn đề này, chúng tôi thấy bên cạnh các từ giám sát, thanh tra, kiểm tra, Hồ Chí Minh hơn

¹⁹ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sdd, tập 12, tr 439

²⁰ Đại từ điển tiếng Việt, Nxb Văn hoá thông tin, H, 1999, tr 728

²¹ Đại từ điển tiếng Việt, Nxb Văn hoá thông tin, H, 1999, tr 1529

²² Đại từ điển tiếng Việt, Nxb Văn hoá thông tin, H, 1999, tr 937

²³ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sdd, tập 5, tr 61

²⁴ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sdd, tập 10, tr 81

100 lần sử dụng từ kiểm soát. Nhân ngày giải phóng Thủ đô, cách đây 50 năm, ngày 10.10.1954, Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi: “Chính phủ ta là chính phủ của nhân dân, chỉ có một mục đích là ra sức phục vụ lợi ích của nhân dân. Chính phủ rất mong đồng bào giúp đỡ, kiểm soát và phê bình để làm tròn nhiệm vụ của mình là người đầy tớ trung thành, tận tụy của nhân dân”²⁵. Ở đây kiểm soát về cơ bản cùng nghĩa với giám sát.

Tóm lại, trong hoạt động thực tiễn, trong các tác phẩm, bài nói, bài viết của mình, Hồ Chí Minh rất linh hoạt, sáng tạo, không bị gò bó bởi câu chữ, từ ngữ.

1. Nhân dân giám sát Nhà nước

1.1 Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác- lenin, tư tưởng Hồ Chí Minh, vấn đề cơ bản của mọi cuộc cách mạng là vấn đề chính quyền Nhà nước.

Trong Tuyên ngôn thành lập Hội liên hiệp công nhân quốc tế, Mác viết việc giành chính quyền Nhà nước là nhiệm vụ vĩ đại của giai cấp công nhân. Việc nhân dân Việt Nam giành độc lập dân tộc trong cách mạng tháng Tám 1945 luôn được Hồ Chí Minh khẳng định là sự kiện trọng đại không chỉ đối với lịch sử Việt Nam mà còn với các dân tộc thuộc địa. Hồ Chí Minh chỉ rõ chẳng những giai cấp lao động và nhân dân Việt Nam có thể tự hào mà giai cấp lao động và những dân tộc bị áp bức khác cũng có thể tự hào rằng: Đây là lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng của các dân tộc thuộc địa, một đảng mới 15 tuổi đã lãnh đạo Cách mạng thành công, đã nắm chính quyền trong toàn quốc. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, khối đại đoàn kết toàn dân dưới sự lãnh đạo của đảng là nhân tố quyết định sự thắng lợi của cách mạng nói chung, cách mạng tháng Tám nói riêng. Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, chính quần chúng nhân dân là nhân tố quyết định vấn đề cơ bản của cách mạng: Vấn đề chính quyền Nhà nước. Vì vậy, Nhà nước do lực lượng cách mạng của quần chúng nhân dân làm chủ, Nhà nước là của dân.

Nhất quán và xuyên suốt trong tư duy lý luận và hoạt động thực tiễn của Hồ Chí Minh là xây dựng Nhà nước dân chủ. Theo Hồ Chí Minh, dân chủ có nghĩa là dân làm chủ và nhân dân làm chủ. Về mặt Nhà nước, dân chủ có nghĩa là: “Bao nhiêu quyền hạn đều của dân”²⁶. Tư tưởng trên đây được thể hiện trong Hiến pháp 1946 - Hiến pháp đầu tiên của Nhà nước dân chủ cộng hoà, Hiến pháp do Chủ tịch Hồ Chí Minh làm trưởng ban soạn thảo. Điều 1 -

²⁵ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, tập 7, tr 361-362

²⁶ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, tập 5, tr 698

Hiến pháp 1946 viết: “tất cả quyền bính trong nước là của toàn thể nhân dân Việt Nam không phân biệt giống nòi, gái trai, giàu nghèo, giai cấp, tôn giáo”.

Trong Nhà nước dân chủ, nhân dân là chủ, nắm giữ mọi quyền lực, các cơ quan Nhà nước do dân tổ chức ra thông qua phổ thông đầu phiếu. Hồ Chí Minh khẳng định: “Chính quyền xã từ Chính phủ đến Trung ương do dân cử ra. Đoàn thể từ Trung ương đến xã do dân tổ chức nên. Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân.”

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà nước do dân được thể hiện trước hết ở việc các cơ quan Nhà nước phải do dân bầu ra. Chính vì vậy, ngay trong ngày đầu tiên của chính thể dân chủ cộng hoà, Hồ Chí Minh đã chỉ rõ một nhiệm vụ cấp bách hiện nay là tổ chức tổng tuyển cử càng sớm càng tốt: “Tổng tuyển cử là dịp cho toàn thể quốc dân tự do lựa chọn những người có đức, có tài, những người xứng đáng thay mặt cho mình và gánh vác việc nước. Tổng tuyển cử do toàn dân bầu ra Quốc hội, Quốc hội sẽ cử ra Chính phủ. Chính phủ đó thực là chính phủ của dân.”²⁷

Trong Nhà nước kiểu mới ở Việt Nam, nhân dân là chủ nắm quyền, các cơ quan Nhà nước do dân tổ chức nên, nhân viên Nhà nước là người được dân uỷ quyền có trách nhiệm hết lòng, hết sức phục vụ nhân dân. Nguyên tắc phục vụ nhân dân của cán bộ công chức Nhà nước được Hồ Chí Minh xác định là: Việc gì có lợi cho dân dù nhỏ cũng phải làm, việc gì có hại cho dân dù nhỏ cũng phải tránh, đừng thấy việc lợi nhỏ không làm, đừng thấy việc hại nhỏ không tránh. Hồ Chí Minh tự xác định cho mình: “Bây giờ phải gánh vác chức chủ tịch là vì đồng bào uỷ thác thì tôi phải gắng sức làm cũng như một người lính vâng lệnh quốc dân ra mặt trận. Bao giờ đồng bào cho lui thì tôi rất vui lòng lui”.

Các cơ quan Nhà nước thực chất là các cơ quan thực thi quyền lực Nhà nước được nhân dân trao quyền cho. Do cơ chế hình thức uỷ quyền và việc giám sát, kiểm soát quyền lực nên quan hệ giữa người trao quyền và người được uỷ quyền có thể bị tha hoá. Thực tế cho thấy người được trao quyền vì lợi ích của giai cấp, tập đoàn, bản thân nên có xu hướng tập trung quyền lực quá mức. Quyền lực càng tập trung sức mạnh càng lớn nhưng một khi bị tha hoá thành độc đoán, độc tài, chuyên quyền thì nó ngăn cản tự do dân chủ. Nhiều tai hoạ sẽ xảy ra nếu những người được uỷ quyền sử dụng quyền lực được giao sai mục đích. Để có một xã hội tốt đẹp, nhân phẩm, nhân quyền của mỗi người được tôn trọng, xã hội và mỗi người không phải gánh chịu sự lộng

²⁷ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, tập 4, tr 133

hành của Nhà nước và quan chức Nhà nước, phải có sự giám sát, kiểm soát việc thực hiện quyền lực Nhà nước của nhân dân.

Cách đây hơn 50 năm, ngày 10.1.1946, nghĩa là sau cuộc tổng tuyển cử, bầu Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà được 4 ngày Hồ Chí Minh khẳng định: “Bây giờ ta được độc lập rồi, công việc cấp bách không chỉ là của riêng chính phủ mà là của tất cả mọi quốc dân. Dân chúng có quyền kiểm soát việc để làm để đề phòng những việc những loạn có thể xảy tới.”

1.2 Việc nhân dân giám sát, kiểm soát các cơ quan, cán bộ, công chức Nhà nước được Hồ Chí Minh đặt ra đối với cả lập pháp và hành pháp.

Theo Hồ Chí Minh, nhân dân không chỉ bầu ra Quốc hội, cơ quan quyền lực cao nhất, cơ quan duy nhất có quyền lập pháp mà thông qua giám sát, kiểm soát nếu thấy đại biểu không xứng đáng họ có quyền bãi miễn. Điều 41 Hiến pháp 1946 quy định nhân dân có quyền bãi miễn các đại biểu do mình bầu ra. Nghị viện phải xem xét việc bãi miễn một khi Nghị viện nhận được đề nghị của ¼ tổng số cử tri nơi đã bầu ra đại biểu đó. Hồ Chí Minh chỉ rõ: nhân dân có quyền bãi miễn đại biểu Quốc hội và đại biểu hội đồng nhân dân nếu những đại biểu ấy tỏ ra không xứng đáng với sự tín nhiệm của nhân dân. Đó là một nguyên tắc: “Nguyên tắc ấy bảo đảm quyền kiểm soát của nhân dân đối với đại biểu của mình. Điều 6 dự thảo Hiến pháp (1959-NBK) sửa đổi quy định nhiệm vụ cho tất cả các cơ quan Nhà nước là phải dựa vào nhân dân, liên hệ chặt chẽ với nhân dân, lắng nghe ý kiến và chịu sự kiểm soát của nhân dân”²⁸.

Theo Hồ Chí Minh, nhân dân có toàn quyền quyết định đối với quyền lực nhà nước và toàn quyền kiểm soát, giám sát quyền lực đó. Điều 4 Hiến pháp 1959- Hiến pháp do Hồ Chí Minh làm trưởng ban soạn thảo và thu hút nhiều tâm huyết, trí tuệ của Người viết: “Tất cả quyền lực trong nước Việt Nam dân chủ cộng hoà thuộc về nhân dân. Nhân dân sử dụng quyền lực của mình thông qua Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp do nhân dân bầu ra và chịu trách nhiệm trước nhân dân”. Vai trò của dân đối với cơ quan lập pháp do mình bầu ra được quy định trong Hiến pháp 1959: “Tất cả các cơ quan Nhà nước đều phải dựa vào dân, liên hệ chặt chẽ với nhân dân, lắng nghe ý kiến và chịu sự kiểm soát của nhân dân”. Thông qua sự kiểm soát ấy, nhân dân phát hiện ra đại biểu quốc hội hoặc Hội đồng nhân dân nào tỏ ra không xứng đáng thì sẽ bị “cử tri bãi miễn trước khi hết nhiệm kỳ”²⁹. Để thực hiện được việc đó đòi hỏi phải có cơ chế, có tổ chức, có hệ thống thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm soát từ trên xuống dưới.

²⁸ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, tập 3, tr 591

²⁹ Viện nghiên cứu Nhà nước và pháp luật: Bình luận khoa học Hiến pháp 1992, Nxb KHXH, 1996, tr426

Để tạo điều kiện tốt nhất cho nhân dân có thể tham gia theo dõi, giám sát các hoạt động của Quốc hội, điều 30 Hiến pháp 1946 quy định: “Nghị viện họp công khai dân chúng được vào nghe”. Trong điều kiện của năm 1946, đó là ý tưởng sáng tạo, vượt trước. Sự nghiệp đổi mới và việc phát huy dân chủ hiện nay tạo điều kiện để chúng ta vận dụng tư tưởng trên đây của Hồ Chí Minh.

Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp, cán bộ, công chức của các bộ, ban ngành là lực lượng tác động trực tiếp, nhiều nhất đến mọi mặt của đời sống nhân dân. Có lẽ vì thế nên Hồ Chí Minh rất chú trọng đề cao vai trò của nhân dân trong việc giám sát, kiểm soát các cơ quan, cán bộ, công chức của cơ quan hành pháp. Hồ Chí Minh nhiều lần đề cập đến vấn đề nhân dân giúp đỡ, đôn đốc, kiểm soát, phê bình chính phủ. Không dừng lại đó, Hồ Chí Minh đã từng nói, nếu chính phủ làm hại dân thì dân có quyền “đạp đổ” hoặc “đuổi chính phủ”.

Những năm 20 của thế kỷ XX Hồ Chí Minh viết trong tác phẩm Đường cách mệnh: “Hễ chính phủ nào mà có hại cho dân chúng thì dân chúng phải đạp đổ chính phủ ấy đi và gây nên chính phủ khác”³⁰. Câu này Hồ Chí Minh trích lại trong Tuyên ngôn độc lập của nước Mỹ. Có ý kiến cho rằng trong điều kiện đấu tranh giành độc lập dân tộc, việc Hồ Chí Minh sử dụng câu trên là để kêu gọi quần chúng nhân dân đứng lên lật đổ chế độ thực dân, phong kiến. Khi chính quyền thuộc về tay nhân dân thì không nên nhắc lại càng không thể vận dụng vào điều kiện hiện nay. Có lẽ cách lí giải này không phù hợp với tư tưởng Hồ Chí Minh.

Là người gắn bó chặt chẽ với quần chúng nhân dân, ngay từ những ngày đầu tiên của chính quyền cách mạng, Hồ Chí Minh đã nhìn thấy những cán bộ lợi dụng quyền lực do nhân dân giao phó. Trong thư gửi các đồng chí tỉnh nhà (Nghệ An) ngày 17.9.1945, Hồ Chí Minh đã phê phán những người “lên mặt làm quan cách mạng” độc đoán, lộng hành, lấy của chung làm của riêng, dùng phép công để báo thù tư, làm cho dân oán Đảng và Chính phủ³¹. Trong bối cảnh đó, năm 1947, nghĩa là 20 năm sau khi viết Đường cách mệnh, Hồ Chí Minh nói: Chính phủ dân chủ cộng hoà là đầy tớ của nhân dân. “Nếu chính phủ làm hại dân thì dân có quyền đuổi chính phủ”³². Chính quyền là của nhân dân, quyền lực thuộc về nhân dân, nhân dân có toàn quyền sử dụng quyền lực ấy đối với những cơ quan, cán bộ lạm quyền, lộng quyền. Tuy nhiên, không nên hiểu rằng việc “đuổi” ấy phải gắn với bạo lực hoặc đảo chính. Việc này có thể tiến hành thông qua phê bình, giám sát, bỏ phiếu tín nhiệm như đã ghi

³⁰ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, tập 2, tr 270

³¹ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, tập 4, tr 21

³² Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, tập 5, tr 60

trong Hiến pháp 1946, Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Xin đồng bào hãy phê bình, giúp đỡ, giám sát công việc của chính phủ”. Ở thời điểm 1947, Hồ Chí Minh khuyên nhân dân không nên nôn nóng, vội vàng vì phải nấu cơm phải 15 phút mới chín, một đám ruộng có lúa lại có cỏ, muốn nhổ cỏ phải vài ba tiếng đồng hồ mới xong, sửa một xã hội 80 năm nô lệ không một sớm một chiều.

2. Nhà nước thanh tra, kiểm tra

2.1 Trước hết Hồ Chí Minh khẳng định tính tất yếu, vị trí, tầm quan trọng của các công tác thanh tra, kiểm tra.

Theo Hồ Chí Minh có thể hiểu thanh tra là quá trình “theo dõi, xem xét việc chấp hành đúng đắn đường lối, chính sách, Nghị quyết, chỉ thị của Đảng và Chính phủ”. Nếu như tư tưởng Hồ Chí Minh bao trùm trên nhiều lĩnh vực của đời sống thì Người cũng cho rằng tất cả mọi lĩnh vực công tác, mọi hoạt động của các cấp, các ngành đều cần đến cơ quan thanh tra. Hồ Chí Minh viết: “Các bộ, các ngành, các cấp nhất định phải có cơ quan thanh tra của mình để theo dõi công tác ngay từ đầu, kịp thời uốn nắn, sửa chữa sai lầm, thiếu sót có thể xảy ra”³³.

Với Hồ Chí Minh đường lối, chủ trương, chính sách và thanh tra, kiểm tra có quan hệ chặt chẽ với nhau. Đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng là nguồn gốc của thắng lợi nhưng từ đường lối đúng đến thắng lợi thực sự còn phụ thuộc vào công tác tổ chức, cán bộ và thanh tra, kiểm tra. Hồ Chí Minh viết: “Khi đã có chính sách đúng thì sự thành công hay thất bại của chính sách đó là do nơi tổ chức công việc, nơi lựa chọn cán bộ và do nơi kiểm tra. Nếu ba điều ấy sơ sài thì chính sách đúng đắn mấy cũng vô ích”. Nhấn mạnh tầm quan trọng của công tác thanh tra, kiểm tra đối với việc phát huy ưu điểm, sửa chữa khuyết điểm, Hồ Chí Minh cho rằng có thể nói rằng chín phần mười khuyết điểm của chúng ta là vì thiếu sự kiểm tra³⁴. Hồ Chí Minh nói rõ hơn về tác dụng của thanh tra, kiểm tra: “Có kiểm tra mới phát huy được tinh thần tích cực và lực lượng to tát của nhân dân, mới biết rõ năng lực và khuyết điểm của cán bộ, mới sửa chữa và giúp đỡ kịp thời”. Không chỉ dừng lại ở vấn đề chung chung, hướng về địa phương, về cơ sở, Hồ Chí Minh chỉ ra một cách cụ thể kiểm tra đối với một địa phương là “phải biết rõ sự linh hoạt và cách làm việc của cán bộ và nhân dân địa phương ấy”.

Đối với công tác thanh tra, kiểm tra, Hồ Chí Minh luôn đòi hỏi: “phải có hệ thống”. Ngay từ 1947, Hồ Chí Minh đã viết trong tác phẩm Sửa đổi lối làm việc: “Muốn kiểm soát có kết quả tốt, phải có hai điều. Một là việc kiểm

³³ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, tập 10, tr 275

³⁴ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, tập 5, tr 521

soát phải có hệ thống, hai là người kiểm soát phải là người rất có uy tín”³⁵. Theo Hồ Chí Minh khi đã có chủ trương, đường lối chính sách thì thanh tra, kiểm tra “phải lập tức đốc thúc thực hành” chủ trương, đường lối chính sách ấy. Hồ Chí Minh cho rằng chương trình, kế hoạch công tác của các cấp, các ngành phải thiết thực, gắn bó với công tác kiểm tra. Trong thư gửi Hội nghị thông tin tuyên truyền và báo chí toàn quốc, năm 1949, Hồ Chí Minh chỉ rõ khuyết điểm của ngành là: “Chưa có một chương trình kế hoạch thiết thực và đầy đủ về công tác cũng như về kiểm tra”³⁶.

2.2 Nhiệm vụ cơ bản, quan trọng nhất của các cơ quan, cán bộ làm công tác thanh tra, kiểm tra được Hồ Chí Minh vạch ra là trong phạm vi được phân công, theo dõi, xem xét việc chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách, Nghị quyết của Đảng và Chính phủ.

Đi vào cụ thể, Hồ Chí Minh yêu cầu các tổ chức, cán bộ làm công tác thanh tra, kiểm tra nên tập trung vào một số mặt sau đây:

Chống tham ô, lãng phí, quan liêu. Là một nhà chiến lược nhạy cảm, dự đoán trước tình hình một cách đúng đắn, chống tham ô, lãng phí, quan liêu được Hồ Chí Minh đặt ra ngay từ những ngày đầu tiên của chính quyền cách mạng. Cho tới những ngày cuối cùng của đời mình, những tháng của năm 1969, Hồ Chí Minh vẫn đặt vấn đề phải quyết chống tham ô, lãng phí, quan liêu, Hồ Chí Minh đã từng viết: Muốn lúa tốt phải nhổ cỏ cho sạch nếu không dù cày bừa kỹ, bón phân nhiều lúa vẫn xấu vì lúa bị cỏ lấn át đi. Muốn thành công trong việc tăng gia sản xuất và tiết kiệm cũng phải nhổ cỏ cho sạch, nghĩa là phải tẩy sạch nạn tham ô, lãng phí. Theo Hồ Chí Minh chống tham ô, lãng phí là sự nghiệp của toàn dân nhưng các tổ chức và cán bộ làm công tác thanh tra đóng vai trò quan trọng nhất. Do đó, Hồ Chí Minh yêu cầu các ban thanh tra phải chú ý chống tham ô, lãng phí. Theo Hồ Chí Minh: “Muốn triệt để chống tham ô, lãng phí thì phải kiên quyết chống nguồn gốc của nó là bệnh quan liêu”. Với Hồ Chí Minh quan liêu là những người, những cơ quan lãnh đạo từ cấp trên đến cấp dưới xa rời thực tế, không điều tra, xem xét đến nơi đến chốn công việc phải làm, việc gì cũng không sâu, không nắm vững, chỉ đạo một cách chung chung. Đó còn là sự ra rời quần chúng, sợ tự phê bình và phê bình, thiếu dân chủ, chú trọng hình thức, chỉ biết khai hội, viết chỉ thị, xem báo cáo trên giấy. Về mối quan hệ chặt chẽ giữa tham ô, lãng phí với quan liêu, Hồ Chí Minh viết: vì những người và những cơ quan lãnh đạo mắc bệnh quan liêu, thành thử những người xấu và những người kém tha hồ tham ô, lãng phí. Từ đây, Hồ Chí Minh đặt ra cho các tổ chức và cán bộ làm công

³⁵ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, tập 5, tr 277

³⁶ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, tập 5, tr 389

tác thanh tra, kiểm tra phải chống bệnh quan liêu. Theo Hồ Chí Minh các cơ quan thanh tra chẳng những chống lãng phí, tham ô mà phải chống bệnh quan liêu để giúp các cơ quan Nhà nước cải tiến công tác giữ gìn kỷ luật thực hành dân chủ, góp phần củng cố bộ máy Nhà nước³⁷. Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Muốn chống bệnh quan liêu, bệnh bàn giấy, muốn biết Nghị quyết có được thi hành không, thi hành có đúng không, muốn biết ai ra sức làm, ai làm qua chuyện, chỉ có một cách là theo kiểm tra. Kiểm tra khéo bao nhiêu khuyết điểm lòi ra hết, hơn nữa kiểm tra khéo về sau khuyết điểm nhất định bớt đi”. Quan niệm trên đây của Hồ Chí Minh thể hiện sự trung thành với những nguyên lý của chủ nghĩa Mác- Lênin. Vào năm 1922, Lênin cho rằng trong điều kiện mọi việc đang chìm trong vũng lầy của chủ nghĩa quan liêu, đơ bản thì cần đặc biệt coi trọng công tác kiểm tra. Lênin yêu cầu những người lãnh đạo mỗi ngày phải dành từ một đến hai giờ để đích thân kiểm tra công việc. Lênin kết luận: “Hiện nay, đó là then chốt, nếu không thì tất cả mệnh lệnh, quyết định chỉ là những mớ giấy lộn”³⁸. Một giải pháp khác được Lênin đưa ra để khắc phục tình trạng trên là tăng cường đưa công nhân và nông dân giác ngộ vào công tác ở ban kiểm tra Nhà nước nhằm cải tiến công tác và tẩy trừ nạn quan liêu, lề mề, tệ giấy tờ³⁹.

Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, các tổ chức, cán bộ làm công tác thanh tra, kiểm tra còn có nhiệm vụ xem xét đơn khiếu nại, tố cáo của tập thể và công dân. Hồ Chí Minh cho rằng do có cơ quan và cán bộ tham ô, lãng phí, quan liêu, mất dân chủ nên còn những người bị oan, khiếu nại, tố cáo. Hồ Chí Minh nhìn nhận việc thanh tra, kiểm tra giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo không chỉ vì lợi ích chính đáng của người lao động mà còn vì sự nghiệp lớn hơn: xây dựng mối quan hệ máu thịt giữa nhân dân với Đảng và Nhà nước. Hồ Chí Minh viết: Đồng bào có oan ức, thắc mắc mới khiếu nại, ta giải quyết tốt việc khiếu nại đồng bào thấy Đảng và Chính phủ quan tâm, lo lắng tới họ. Do đó, mối quan hệ giữa quần chúng nhân dân với Đảng và chính phủ được củng cố tốt hơn.⁴⁰

Một yêu cầu cũng là một nhiệm vụ mà Hồ Chí Minh đặt ra đối với các cơ quan, cũng như cán bộ làm công tác thanh tra, kiểm tra là: “Phải làm cho nghiêm chỉnh, cho kịp thời, làm sớm chừng nào hay chừng ấy”. Những vụ, việc đặt ra đối với công tác thanh tra, kiểm tra thường đòi hỏi phải được ngăn chặn hoặc giải quyết ngay. Tham ô, lãng phí, quan liêu, vi phạm kỷ luật Đảng, Nhà nước, đơn thư tố giác, khiếu nại nếu không được giải quyết kịp thời, càng

³⁷ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, tập 10, tr 81

³⁸ V.I Lênin: Toàn tập, NXB Tiến Bộ, H, 1978, tập 44, tr 449

³⁹ V.I Lênin: Toàn tập, Sđd tập 38, tr 316

⁴⁰ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, tập 10, tr 80

để lâu, hậu quả càng lớn, càng khó khắc phục. Hồ Chí Minh còn đòi hỏi các tổ chức và cán bộ thanh tra, kiểm tra không được coi là hết trách nhiệm khi vụ, việc đã có kết luận mà phải tiếp tục theo dõi việc sửa chữa khuyết điểm, thi hành kết luận đó ở những cá nhân và đơn vị được thanh tra, kiểm tra. Qua theo dõi hoạt động của thanh tra, kiểm tra, tháng 2/1961, Hồ Chí Minh đã chỉ ra: “một số khuyết điểm của ngành thanh tra cần sửa chữa”. Đó là cán bộ thanh tra, kiểm tra còn rụt rè, nề nang, cách làm việc còn chậm chạp, giải quyết công việc không kịp thời, buông trôi việc theo dõi sửa chữa khuyết điểm sau khi được kiểm tra. Những khuyết điểm mà Hồ Chí Minh chỉ ra cách đây hơn 40 năm đến nay ngành thanh tra vẫn chưa khắc phục hết.

2.3 Về phẩm chất và năng lực, đức và tài của đội ngũ làm công tác thanh tra, kiểm tra.

Từ vị trí và nhiệm vụ của thanh tra, kiểm tra nêu trên, Hồ Chí Minh khẳng định: “Thanh tra là một nhiệm vụ vẻ vang và quan trọng”. Để hoàn thành nhiệm vụ ấy, Hồ Chí Minh nhấn mạnh cán bộ là gốc của mọi việc “Muôn việc thành công hay thất bại đều do cán bộ tốt hoặc kém. Đó là một chân lý nhất định”. Những tiêu chí mà Hồ Chí Minh đặt ra đối với đội ngũ cán bộ thanh tra, kiểm tra là:

Thứ nhất, phải xem xét, lựa chọn thận trọng trong việc bố trí người vào làm công tác này, theo Hồ Chí Minh chỉ những “Cán bộ nhiều kinh nghiệm và giàu năng lực”⁴¹ mới có thể được phái đi làm công tác thanh tra, kiểm tra. Bởi vì công việc của họ, những kết luận mà họ rút ra trong quá trình thực thi nhiệm vụ góp phần quan trọng vào sự thành bại của đường lối chính trị, Nghị quyết của Đảng và chính quyền các cấp.

Thứ hai, những người làm công tác thanh tra, kiểm tra “phải kiên quyết chấp hành đúng đắn chính sách của Đảng và chính phủ, phải hết lòng hết sức phục vụ nhân dân”. Hồ Chí Minh kết luận: “Ngành thanh tra phải như vậy”. Nhằm nâng cao trách nhiệm nghĩa vụ của thanh tra viên, Hồ Chí Minh xác định: “Ai đi kiểm tra việc gì, nơi nào có sơ suất thì người ấy phải chịu trách nhiệm”.

Thứ ba, Hồ Chí Minh đòi hỏi các thanh tra viên không chỉ biết báo cáo thanh tra, kiểm tra với cơ quan Đảng và chính quyền mà điều quan trọng là giúp đơn vị, cá nhân được thanh tra, kiểm tra nhanh chóng khắc phục những thiếu sót mắc phải. Điều này đòi hỏi các thanh tra viên không chỉ nắm vững chủ trương, đường lối, nguyên tắc công tác mà còn phải có lòng nhân ái, bao dung, độ lượng có lý, có tình.

⁴¹ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sdd, tập 5, tr 521

Phù hợp với sự phát triển của công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc, công việc do các cán bộ thanh tra, kiểm tra đảm nhiệm ngày một nhiều và phức tạp. Để hoàn thành nhiệm vụ đó, Hồ Chí Minh đòi hỏi trước hết những người làm công tác thanh tra, kiểm tra phải hết sức học tập, thấm nhuần đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước, trau dồi đạo đức cách mạng, nâng cao khả năng chuyên môn, thật thà tự phê bình và phê bình, không thiên vị, không thành kiến.

2.4 Về lãnh đạo, chỉ đạo thanh tra, kiểm tra.

Hồ Chí Minh cho rằng để các tổ chức và cán bộ thanh tra hoàn thành được nhiệm vụ “về vang và quan trọng” do Đảng, Nhà nước giao phó, nhân tố hàng đầu là “lãnh đạo các bộ, các ngành, các cấp nhất định phải trực tiếp chỉ đạo cơ quan thanh tra của mình”, Hồ Chí Minh gắn chặt chức năng lãnh đạo với chức năng kiểm tra, kiểm soát. Theo Người, lãnh đạo đúng nghĩa là phải tổ chức sự kiểm tra, kiểm soát. Hồ Chí Minh nhiều lần đặt vấn đề lãnh đạo các cấp phải coi trọng lãnh đạo thanh tra, kiểm tra, quan tâm hơn nữa tới đội ngũ những người làm công tác này. Năm 1964, Hồ Chí Minh phê phán một số cấp uỷ vẫn chưa chú ý lãnh đạo công tác thanh tra, kiểm tra. Thậm chí còn có tình uỷ viên, huyện uỷ viên chẳng những chưa quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, giúp đỡ, động viên cán bộ thanh tra, kiểm tra mà còn coi họ là những người đi vạch “vạch lá tìm sâu”, làm giảm thành tích của địa phương mình. Hồ Chí Minh khẳng định: “đó là thành kiến sai lầm, cần phải sửa chữa”⁴². Hồ Chí Minh cho rằng do những thiếu sót trong nhận thức và lãnh đạo nêu trên nên công tác thanh tra, kiểm tra còn bị động, nặng nề giải quyết những vụ trước mắt, chưa chủ động giải quyết những vấn đề căn bản, lâu dài. Đáng tiếc là những nhận thức và việc làm chưa đúng đắn đã bị Hồ Chí Minh phê phán từ 40 năm trước đến nay vẫn xuất hiện ở nơi này hay nơi khác.

Chúng ta chưa thể nghiên cứu một cách sâu sắc, toàn diện tư tưởng Hồ Chí Minh về giám sát, thanh tra, kiểm tra nói chung, tư tưởng của Người về nhân dân giám sát Nhà nước, Nhà nước thanh tra, kiểm tra nói riêng. Tuy vậy, những phác thảo ban đầu nêu trên cũng cho thấy vấn đề giám sát, thanh tra, kiểm tra mà Hồ Chí Minh đề cập đến nay vẫn mang tính thời sự, vẫn là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động đối với công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra của nhân dân và hệ thống chính trị trên đất nước ta.

⁴² Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, tập 11, tr 300

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN CỦA DÂN, DO DÂN, VÌ DÂN

ThS. Nguyễn Tuấn Anh
Chuyên viên Vụ II
Thanh tra chính phủ

Khi nghiên cứu về tư tưởng Hồ Chí Minh, mỗi nhà khoa học đều có cách tiếp cận riêng. Việc khẳng định tư tưởng Hồ Chí Minh là điều đương nhiên, nhưng đòi hỏi phải xác định được những đặc thù của tư tưởng ấy nói chung, và tư tưởng của Người về Nhà nước pháp quyền nói riêng. Nhiệm vụ mà Hồ Chí Minh đặt ra là giải phóng dân tộc khỏi ách áp bức, bóc lột của chủ nghĩa đế quốc và chế độ phong kiến, thiết lập một chính quyền thật sự gần dân, thật sự của dân, thật sự do dân và thật sự vì dân; chính quyền đó hoạt động phải có hiệu quả, chăm lo đến ấm no, tự do, hạnh phúc của nhân dân, làm cho ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành.

Hồ Chí Minh đã nói “tìm đường cứu nước, cứu nguy dân tộc” là rất đặc thù đối với Người. Người đã trải qua một quá trình tìm tòi, để dẫn cả dân tộc đi theo con đường Người đã chọn.

Khi tìm đường cứu nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh phải giải quyết một loạt vấn đề về đường lối chiến lược cách mạng, trong đó có vấn đề rất cụ thể có tính chất nguyên tắc là vấn đề chính quyền. Đây là một trong những vấn đề cơ bản có tầm quan trọng hàng đầu được đặt ra đối với Người ngay từ những ngày đầu dấn thân vào cuộc đời cách mạng và suốt quá trình hoạt động của Người.

Trong khi nghiên cứu về Chủ tịch Hồ Chí Minh, các nhà khoa học thường nhắc tới ba lĩnh vực quan trọng tạo thành nguồn gốc tư tưởng của Người, đó là Chủ nghĩa Mác- Lênin, truyền thống dân tộc, tinh hoa văn hoá thế giới. Cách đề cập trên đây được hiểu là một vấn đề phương pháp luận trong nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh. Nói đến tinh hoa văn hoá thế giới, chúng ta phải đề cập cả những giá trị của văn minh loài người trong tổ chức và thực thi công quyền, trong xây dựng và thực thi hệ thống pháp luật ngày càng hoàn chỉnh để tổ chức tốt cuộc sống cộng đồng. Trong các văn bản của Chủ tịch Hồ Chí Minh để lại có rất nhiều ý tưởng quý giá, chứng tỏ Người không những đã tiếp cận, thâm nhập vào giá trị văn minh tinh thần của nền văn hoá Đông Tây, mà đã tiếp thu, kế thừa theo cách riêng và yêu cầu riêng, trở thành những hoài bão, ý tưởng của chính Người. Còn truyền thống dân tộc cũng in

rất đậm trọng những ý tưởng của Người về xây dựng nhà nước, một nền hành chính pháp chế thân dân, của dân, vì dân. Nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung, tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước và pháp luật nói riêng, chúng ta thấy một nét đặc thù trong phong cách của Người là không thể hiện bằng các chức tác lý luận đồ sộ, thành dạng học thuyết, mà có phong cách riêng, đó là phong cách nói những điều dễ hiểu dễ nhớ, phục vụ nhân dân, cốt làm cho đạo đức và pháp luật thấm sâu trong nhân dân. Từ góc độ của đối tượng nghiên cứu về Nhà nước và pháp luật, chúng ta tìm thấy trong tư tưởng cứu nước của Người là tìm kiếm những phương pháp lật đổ chính quyền thực dân, phong kiến và thành lập một chính quyền của dân, do dân, vì dân. Đó còn là chính quyền thân dân, gần dân. Đây chính là tính ưu việt của một Nhà nước kiểu mới ở Việt Nam.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là người Việt Nam đầu tiên nêu vấn đề nhân quyền như một yêu sách của một dân tộc đang vươn tới khát vọng dân chủ, tự do. Trong phép trị nước của Người, ta có thể thấy Người luôn biết kết hợp giữa “đức trị” và “pháp trị”. Người nói: “tư pháp cần góp phần của mình là thực hiện chế độ pháp trị, giữ vững và bảo vệ quyền lợi nhân dân, bảo vệ chế độ dân chủ của ta”⁴³. Nhưng Người cũng không đối lập pháp trị với đạo đức. Người lưu ý: “Luật pháp phải dựa vào đạo đức, mặt khác luật pháp bảo vệ đạo đức”⁴⁴ và Người đặc biệt lưu ý vấn đề nêu gương của cán bộ, đảng viên đối với nhân dân. Nói chuyện tại Hội nghị Tư pháp toàn quốc tháng 2-1948, Người nhắc nhở: “Các bạn là những người phụ trách thi hành pháp luật. Lễ tất nhiên các bạn phải nêu cao cái gương “phụng công, thủ pháp, chí công vô tư cho nhân dân noi theo”⁴⁵. Trong quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân, một trong những điều được Người thường xuyên căn dặn như một điều tối kỵ là chớ làm cho dân oán, chớ làm cho dân kinh khủng và kịch liệt phê phán thái độ lên mặt làm quan cách mạng, hoặc là độc hành độc đoán, hoặc là dĩ công dinh tư. Người chủ trương một “Chính phủ liêm khiết... hết sức làm gương. Nếu làm gương không xong thì sẽ dùng pháp luật trị những kẻ ăn hối lộ - đã trị, đang trị và sẽ trị cho kỳ hết”. Theo Người điều quan trọng là: “phải gần dân, hiểu dân, giúp dân, học dân. Giúp dân, học dân để giúp mình thêm liêm khiết, thêm công bằng...”. Người còn nhắc nhở điều cốt yếu: “Nghĩ cho cùng, vấn đề tư pháp, cũng như mọi vấn đề khác trong lúc này, là vấn đề ở đời và làm người”.

Ngay từ năm 1922, trong bài Việt Nam yêu cầu ca, Nguyễn Ái Quốc đã viết:

⁴³ Hội Luật gia Việt Nam: Hồ Chủ tịch với pháp chế (1985), NXB TPHCM, tr.93

⁴⁴ Sđd, tr.89.

⁴⁵ Sđd, tr.86

**“Bảy xin Hiến pháp ban hành
Trăm điều phải có thần linh pháp quyền”**

Như vậy, ngay tại thời điểm đó, Nguyễn Ái Quốc đã nhận thức ra ý trong mọi hoạt động của xã hội, của bộ máy nhà nước, phải thể hiện tinh thần pháp luật, thể hiện được sự phù hợp với pháp luật, tôn trọng pháp luật, đáp ứng yêu cầu của pháp luật. Nguyễn Ái Quốc đã biến nhận thức của mình thành yêu sách cho chính quyền: xây dựng Nhà nước pháp quyền, chính đó là yêu cầu cao nhất của xã hội, một Nhà nước quản lý bằng pháp luật, Nhà nước pháp quyền.

Tư tưởng thân dân thể hiện ở lòng tin sâu sắc của Người đối với nhân dân và cả lòng tin của nhân dân đối với Người, đối với chế độ do Người sáng lập và lãnh đạo. Chính vì vậy, Người luôn xây dựng một bộ máy chính quyền trong sạch, vững mạnh để phục vụ nhân dân: “Các công việc của Chính phủ làm phải nhằm vào mục đích duy nhất là mưu tự do, hạnh phúc cho mọi người. Cho nên Chính phủ nhân dân bao giờ cũng phải đặt quyền lợi nhân dân lên trên hết thảy. Việc gì có lợi cho dân thì làm. Việc gì có hại cho dân thì phải tránh”⁴⁶. Chủ tịch Hồ Chí Minh còn giải thích “thân dân tức là phục vụ nhân dân, đặt lợi ích của nhân dân lên trên hết”⁴⁷.

Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, một Nhà nước của dân, do dân, vì dân là một tư tưởng lớn của Hồ Chí Minh. Nói đến Nhà nước là nói đến quyền lực - một phạm trù xã hội rất đặc thù, một thứ sức mạnh, một quyền năng sai khiến cả xã hội, bắt cả xã hội phải phục tùng. Khi nói về quyền lực thuộc về ai, bắt nguồn từ đâu thì vấn đề không chỉ để giải thích một hiện tượng phức tạp của đời sống xã hội mà còn bao hàm một nội dung có ý nghĩa pháp lý cơ bản, đó là trách nhiệm của người thực thi quyền lực. Trong xã hội ta, phù hợp với bản chất của nhân dân, dân chủ của Nhà nước, của chính quyền, các cơ quan cũng như nhân viên nhà nước đều là công bộc của dân, mọi quyền hành, công việc mà cơ quan, nhân viên nhà nước thực hiện là của dân, còn nhân viên, cơ quan nhà nước chỉ là người được giao, được uỷ thác và là người thừa hành, gánh vác, phải có tinh thần trách nhiệm, chỉ được thực thi quyền hành, công việc trong phạm vi, khuôn khổ được giao và phải có tinh thần phụ trách trước nhân dân và họ đều là những người được nhân dân cử ra.

1. Xây dựng nhà nước của dân

Một nội dung hết sức quan trọng trong tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước của dân là Nhà nước được lập ra bằng con đường bầu cử, nhân viên nhà

⁴⁶ Hồ Chí Minh, toàn tập (1995), NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.4, tr.22.

⁴⁷ Hồ Chí Minh, toàn tập (1995), NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.8, tr.215.

nước thực thi, thừa hành quyền hạn thông qua sự uỷ thác của nhân dân. Tiến hành cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên năm 1946 là một minh chứng điển hình về lòng tin của Người đối với chế định rất quan trọng này về quyền làm chủ của nhân dân. Người khẳng định: “Tổng tuyển cử là một dịp cho toàn thể quốc dân tự lựa chọn những người có tài, có đức để gánh vác công việc nước nhà.

Trong cuộc Tổng tuyển cử, hễ là những người muốn lo việc nước thì đều có quyền ra ứng cử; hễ là công dân thì đều có quyền đi bầu cử. Không chia gái trai, giàu nghèo, tôn giáo, nòi giống, giai cấp, đảng phái, hễ là công dân Việt Nam thì đều có hai quyền đó.

Vì lẽ đó, cho nên Tổng tuyển cử tức là tự do, bình đẳng; tức là dân chủ, đoàn kết”⁴⁸.

Một nội dung rất quan trọng thuộc nội hàm của phạm trù “Nhà nước của dân” theo tư tưởng Hồ Chí Minh là quyền của nhân dân trong việc thay đổi, bãi miễn Chính phủ và từng nhân viên Nhà nước khi họ làm hại cho dân. Người viết: “Chính phủ rất mong đồng bào giúp đỡ, đôn đốc, kiểm soát và phê bình để làm tròn nhiệm vụ của mình là người đầy tớ trung thành tận tụy của nhân dân”⁴⁹. Người khẳng định: “Từ Chủ tịch nước đến giao thông viên cũng vậy, nếu không làm được việc cho dân, thì dân không cần đến nữa”⁵⁰.

2. Xây dựng Nhà nước do dân, vì dân.

Hồ Chủ tịch luôn có một niềm tin sâu xa, tuyệt đối vào nhân dân vì Người hiểu nhân dân là một lực lượng vô cùng hùng hậu. Người viết trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân, “lực lượng toàn dân là lực lượng vĩ đại hơn hết”. Từ sự thừa nhận lực lượng của dân là vô địch, Hồ Chí Minh quan tâm giải quyết mối quan hệ giữa Nhà nước và nhân dân. Ngay từ những ngày đầu của chính quyền nhân dân, Hồ Chủ tịch đã viết: “Nếu không có nhân dân thì Chính phủ không đủ lực lượng. Nếu không có Chính phủ thì nhân dân không ai dẫn đường. Vậy nên Chính phủ với nhân dân phải đoàn kết thành một khối”⁵¹. Đây là một quan điểm hết sức cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh về một Nhà nước do dân. Nhà nước được sinh ra không phải để làm thay nhân dân, thay xã hội, vì đó là điều mà không một Nhà nước nào, một Chính phủ nào làm được. Lý do tồn tại của Nhà nước là vai trò người cầm lái, người dẫn đường. Đây là một qui luật muôn đời. Không chỉ trong xã hội ta mà bất kỳ xã hội nào cũng vậy, lực lượng là ở nơi dân, Nhà nước muốn

⁴⁸ Hồ Chí Minh, toàn tập (1995), NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.2, tr.270.

⁴⁹ Hồ Chí Minh, toàn tập (1995), NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.7, tr.361.

⁵⁰ Nguyễn Khắc Mai, Dân chủ - di sản văn hoá Hồ Chí Minh (1997), NXB Lao động, Hà Nội, tr.41

⁵¹ Hồ Chí Minh, toàn tập (1995), NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.4, tr.56.

làm bất kỳ một việc gì đều phải dựa vào sức dân, thông qua việc huy động nhân tài, vật lực của dân.

Đối với Hồ Chí Minh, khi trở thành người đứng đầu Nhà nước, vấn đề Nhà nước do dân không còn chỉ là ý tưởng mà đã trở thành chủ trương, chính sách, phương châm, đối sách trong hoạt động, chỉ đạo thực tiễn hàng ngày. Trong Sửa đổi lối làm việc, Người khẳng định lại một vấn đề có tính nguyên tắc: Đảng không bao biện làm thay dân (và đương nhiên cũng không làm được) mà “phải ra sức tổ chức nhân dân, lãnh đạo nhân dân để giải phóng nhân dân”. Đối với Nhà nước, để thấy được thực chất của “cái do dân” mà nhà nước nào cũng có, là phải căn cứ vào hệ quả của “cái do dân” đó phục vụ lợi ích của ai. Vì vậy, trên thực tế tính do dân của Nhà nước gắn liền một cách hữu cơ, và phải được xem xét trong mối quan hệ với tính vì dân của Nhà nước, vì đây là tiêu chuẩn cơ bản để phân biệt các kiểu nhà nước trong lịch sử. Tư tưởng Hồ Chí Minh thể hiện rất rõ như sau:

“Ngày nay, chúng ta đã xây dựng nên nước Việt Nam dân chủ cộng hoà. Nhưng nếu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có ý nghĩa gì.

Chính phủ ta đã hứa với dân, sẽ gắng sức làm cho ai nấy đều có phần hạnh phúc”⁵². Người còn nhấn mạnh:

“... Việc gì có lợi cho dân, ta phải hết sức làm.

Việc gì hại đến dân, ta phải hết sức tránh”⁵³.

Tính chất vì dân theo ngôn ngữ thông thường là phục vụ nhân dân đặt ra hàng loạt vấn đề cho việc do dân, cho việc huy động và sử dụng sức dân và tất cả những vấn đề đó đều trở thành mối quan tâm, trăn trở của Hồ Chí Minh, nó trở thành những điểm son trong tư tưởng của Người về một “Nhà nước do dân, vì dân”.

3. Nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước của dân, do dân và vì dân.

3.1. Không có gì tốt đẹp, vẻ vang bằng phục vụ nhân dân.

Xuất phát từ quan điểm “Bao nhiêu lợi ích đều vì dân”, “Mọi công việc đều vì lợi ích của dân mà làm”, Hồ Chí Minh xem việc được phục vụ nhân dân là một vinh dự cao quý. Mối quan hệ giữa cơ quan nhà nước, nhân viên nhà nước và nhân dân đã trở thành quan hệ giữa người phục vụ và người được phục vụ. Nói “phục vụ nhân dân” có nghĩa là công việc Chính phủ, nhân viên

⁵² Sđd, t4, tr.56

⁵³ Sđd, t4, tr.57

nhà nước đảm trách là mang lại lợi ích cho nhân dân, vì lợi ích của nhân dân. Nhân dân, chủ thể của quyền lực, đồng thời trở thành đối tượng, khách thể của quyền lực, người phải thực hiện những công việc, những nghĩa vụ đối với nhà nước, Nhà nước của dân đồng thời trở thành Nhà nước do dân là vì vậy.

3.2. Nêu cao tinh thần phụ trách trước dân.

Chủ tịch Hồ Chí Minh rất quan tâm đến việc đề cao tinh thần trách nhiệm, tinh thần phụ trách của cán bộ, nhân viên nhà nước trước dân. Nhân dân là người chủ xã hội, nhưng quyền làm chủ đó nhân dân trao cho Nhà nước. Vấn đề là phải làm thế nào để người được trao quyền sử dụng đúng quyền lực được trao, tránh sự lạm quyền, lộng quyền. Người nói: “phụ trách trước nhân dân nhiều hơn phụ trách trước Đảng và Chính phủ, vì Đảng và Chính phủ vì dân mà làm các việc và cũng phụ trách trước nhân dân”⁵⁴. Tinh thần phụ trách trước nhân dân, phải được thể chế hoá, thành chế độ trách nhiệm của nhân viên nhà nước, của cơ quan nhà nước, chế độ kỷ luật, qui chế công chức, công vụ,...

3.3. Không được hao phí sức dân.

Một căn bệnh của Nhà nước thường mắc phải là huy động và sử dụng phung phí sức dân, dùng sức dân vào những công việc không mang lại lợi ích thiết thực, huy động và sử dụng sức dân vô tội vạ hoặc sai mục đích. Người phê phán mạnh mẽ hiện tượng “Không tiết kiệm đồng tiền, bát gạo là mồ hôi, nước mắt của nhân dân”. Tư tưởng này còn được Chủ tịch Hồ Chí Minh đề cập đến rất nhiều trong các bài phát biểu của mình, tại Hội nghị bàn về cuộc vận động chỉnh huấn mùa xuân năm 1961, Người nói: “Mỗi thứ của cải chúng ta làm ra phải tốn bao nhiêu mồ hôi và sức lao động. Chúng ta chỉ có thể xây dựng chủ nghĩa xã hội bằng cách tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm. Sản xuất mà không tiết kiệm thì khác nào gió vào nhà trống. Cho nên phải biết giữ gìn của công. Tham ô, lãng phí tài sản của Nhà nước, của tập thể, của nhân dân là hành động trộm cắp, mà ai cũng phải thù ghét, phải trừ bỏ. Phải biết quý trọng sức người là vốn quý nhất của ta. Chúng ta cần hết lòng chăm sóc sức khoẻ và sử dụng thật hợp lý sức lao động của nhân dân ta”⁵⁵.

3.4. Phải làm mực thước cho dân.

Một yêu cầu có tính chuẩn mực đạo đức đối với công chức trong quan hệ với dân được Chủ tịch Hồ Chí Minh thường xuyên nhấn mạnh là phải làm gương cho dân noi theo. Người xác định: “Quần chúng chỉ quý mến những người có tư cách đạo đức. Muốn hướng dẫn nhân dân, mình phải làm mực

⁵⁴ Sđd, t.5, tr.294

⁵⁵ Sđd, t.10, tr 313-314.

thước cho người ta bắt chước”⁵⁶. Nói đến tinh thần phụ trách của nhà nước trước nhân dân, trong việc nêu gương, làm mực thước, Chủ tịch Hồ Chí Minh đòi hỏi phải hết sức tránh và phải được ngăn ngừa, đó là không được nêu gương xấu cho dân.

3.5. Phải yêu dân, kính dân để được dân yêu, dân kính.

Trong một Nhà nước vì dân, nơi nhân dân là người chủ, địa vị cao nhất trong xã hội thuộc về dân thì mối quan hệ giữa công chức và nhân dân được xây dựng trên cơ sở tin cậy, yêu quý nhau. Đây là một mối quan hệ hoàn toàn khác không thể có được trong kiểu nhà nước khác, nơi mà mối quan hệ này được xây dựng trên cơ sở của sự nghi ngờ, đố kỵ nhau.

Chủ tịch Hồ Chí Minh thường xuyên giáo dục, rèn luyện công chức tinh thần phục vụ nhân dân vô điều kiện, ý thức xây dựng mối quan hệ với dân trên cơ sở của sự tin cậy nhau, hiểu biết nhau. Mặt khác, Người đòi hỏi một thái độ chủ động, đi trước từ phía công chức: “Chúng ta phải yêu dân, kính dân thì dân mới yêu ta, kính ta”⁵⁷. Công chức phải có thái độ, ý thức chủ động, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhắc nhở: “Phải gần gũi dân, hiểu biết dân, học hỏi dân”⁵⁸. Người kịch liệt phê phán những người: “Miệng thì nói dân chủ, nhưng làm việc thì họ theo lối “quan” chủ. Miệng thì nói “phụng sự quần chúng”, nhưng họ làm trái ngược với lợi ích của quần chúng...”⁵⁹. Người chỉ ra nguyên nhân của hiện tượng đó: “Nguyên nhân bệnh ấy là:

Xa nhân dân... Khinh nhân dân... Sợ nhân dân... Không tin cậy nhân dân... Không hiểu biết nhân dân... Không yêu thương nhân dân...”⁶⁰.

3.6. Không quan liêu, không tham nhũng; chống quan liêu, chống tham nhũng.

Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư là nội dung đạo đức cách mạng mà Hồ Chủ tịch đã suốt đời dày công vun đắp, bồi dưỡng cho từng cán bộ, viên chức nhà nước, đảng viên của Đảng cầm quyền và trước hết, Người tự thể hiện và đòi hỏi phải được thể hiện trong hoạt động của cơ quan hành pháp do Người đứng đầu. Người nhận biết rất sớm bản chất của tệ nạn quan liêu, tham nhũng, tính phức tạp, hoàn toàn không đơn giản của cuộc đấu tranh chống các tệ nạn này. Chủ tịch Hồ Chí Minh coi: “Tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu là kẻ thù của nhân dân”. Tham ô cũng như lãng phí có quan hệ khăng khít với bệnh quan liêu. Người chỉ rõ: “... vì những người và những cơ

⁵⁶ Sđd, t.5, tr.552.

⁵⁷ Sđd, t.4, tr.57.

⁵⁸ Sđd, t.6, tr.90.

⁵⁹ Sđd, t.6, tr.292.

⁶⁰ Sđd, t.6, tr.292.

quan lãnh đạo mắc bệnh quan liêu thành thử có mắt mà không thấu suốt, có tai mà không nghe thấu, có chế độ mà không giữ đúng, có kỷ luật mà không nắm vững. Kết quả là những người xấu, những cán bộ kém tha hồ tham ô, lãng phí⁶¹, và Người nhấn mạnh: "... chống tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu cũng quan trọng và cần kíp như việc đánh giặc trên mặt trận. Đây là mặt trận tư tưởng và chính trị"⁶², đồng thời, Người cũng xem "Chống tham ô, lãng phí, quan liêu là dân chủ".

3.7. Dựa trên sức mạnh đại đoàn kết dân tộc.

Tư tưởng đại đoàn kết dân tộc thể hiện trong thiết chế bộ máy nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hoà tập trung vào những điểm có tính nguyên tắc:

- Đại đoàn kết dân tộc là vấn đề chiến lược, là sự sống còn của cách mạng, chứ không phải là một thủ đoạn chính trị.
- Đại đoàn kết dân tộc là một nhu cầu khách quan của cách mạng mà không phải do ý muốn chủ quan của các nhân áp đặt.
- Dân là gốc, là nền của đại đoàn kết.
- Dân là chủ thể và là sức mạnh của đại đoàn kết.
- Đại đoàn kết có tổ chức, dưới sự lãnh đạo của Đảng tiên phong.

3.8. Dựa trên ý thức làm chủ Nhà nước của công dân.

Tại Hội nghị bàn về cuộc vận động chính huấn mùa xuân năm 1961, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có một bài phát biểu quan trọng, trực tiếp đề cập đến một vấn đề cơ bản trong tư tưởng của Người về Nhà nước: ý thức làm chủ Nhà nước của công dân. Ở đây, Chủ tịch Hồ Chí Minh không nói đến ý thức làm chủ nói chung mà nói đến ý thức làm chủ Nhà nước và quyền làm chủ Nhà nước. Người nói: "Nhà nước ta ngày nay là của tất cả những người lao động... nhân dân lao động ta là những người làm chủ nước ta...Đã là người chủ Nhà nước thì phải chăm lo việc nước như chăm lo việc nhà... Đã là người chủ thì phải biết tự mình lo toan, gánh vác, không ỷ lại, không ngồi chờ. Mỗi người phải ra sức góp công, góp của để xây dựng nước nhà. Chớ nên "ăn cổ đi trước, lợi nước đi sau"⁶³.

Trong quan hệ giữa Nhà nước và công dân, theo tư tưởng của Người, thì quyền lợi luôn luôn đi liền với nghĩa vụ. Người nhấn mạnh: "Nhân dân có quyền lợi làm chủ, thì phải có nghĩa vụ làm tròn bốn phận công dân..."⁶⁴.

⁶¹ Sdd, t.6, tr.490.

⁶² Sdd, t.6, tr.490.

⁶³ Sdd, t.10, tr.310.

⁶⁴ Sdd, t.7, tr.452.

Người lưu ý: “Nhưng vẫn có một số ít người không làm đúng...” bốn phần công dân. “Họ muốn hưởng quyền lợi mà không không muốn làm nghĩa vụ. Thậm chí có những người phá hoại pháp luật...”⁶⁵. Bản chất nhân dân, dân chủ, vì dân của Nhà nước ta được thể hiện qua sự đóng góp của nhân dân để phục vụ cộng đồng, mỗi công dân có nghĩa vụ công dân, nghĩa vụ đóng góp này không phải vì một tầng lớp, giai cấp khác mà chính là vì mỗi cá nhân trong cộng đồng. Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Trong chế độ ta, lợi ích của Nhà nước, của tập thể cùng lợi ích của cá nhân căn bản là nhất trí. Cho nên trong khi được hưởng những quyền lợi do Nhà nước và tập thể mang lại cho mình thì mọi người công dân phải tự giác làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước, đối với tập thể”⁶⁶. Trong trường hợp này, Nhà nước chỉ đóng vai trò là người điều phối, quản lý các hoạt động của xã hội chứ không phải là người ban ơn, làm phúc. Tư tưởng này đã trở thành quan điểm chỉ đạo cơ bản đối với toàn bộ đường lối cách mạng Việt Nam.

3.9. Nhà nước và nhân dân quan hệ phải công bằng.

Quan hệ giữa Nhà nước với nhân dân là mối quan hệ đa dạng trên nhiều lĩnh vực, phương diện. Một loại quan hệ mang tính quyền lực nhà nước, khi cơ quan nhà nước là người thừa hành, có quyền ra lệnh và công dân là người chấp hành, có nghĩa vụ phải nghiêm chỉnh chấp hành. Tuy nhiên, trong quan hệ giữa cơ quan nhà nước với công dân còn tồn tại mối quan hệ dân sự. Hồ Chủ tịch đã nhắc đến mối quan hệ này tại một cuộc nói chuyện: “... Việc mua bán ấy phải có hợp đồng ký kết giữa Chính phủ và hợp tác xã. Sau khi đã ký hợp đồng, các hợp tác xã phải bảo đảm làm đúng hợp đồng, mà về phía Chính phủ cũng vậy. Như thế mới công bằng”⁶⁷. Ngày nay, trong nền kinh tế thị trường, nguyên tắc này vẫn còn nguyên tính thời sự và là một nguyên tắc không thể thiếu đối với một Nhà nước dân chủ.

3.10. Quản lý xã hội bằng pháp luật.

Tại Bản yêu sách của nhân dân An Nam, Người viết: “Thay chế độ ra các sắc lệnh bằng chế độ ra các đạo luật”. Như vậy, Hồ Chí Minh đã có sự định hình rất sớm về nguyên tắc quản lý xã hội bằng pháp luật trong một xã hội, một nhà nước dân chủ. Khi đề ra yêu sách trên, Người đã mặc nhiên thừa nhận cần phải có pháp luật, nhưng không phải là một thứ pháp luật bất kỳ mà là một thứ pháp luật của chế độ dân chủ, thể hiện được ý chí của đa số bằng một cơ quan đại diện do cử tri bầu ra và ban hành bằng hình thức luật. Ý nghĩa sâu xa của yêu sách này chính là ở nội dung, tính chất dân chủ của pháp luật.

⁶⁵ Sđd, t.7, tr.452.

⁶⁶ Sđd, t.9, tr.593 – 594.

⁶⁷ Sđd, t.10, tr.176.

Tuy nhiên, việc thay đổi hình thức văn bản từ sắc lệnh sang luật chưa nói lên hết bản chất của một nhà nước dân chủ. Để có một nhà nước pháp quyền, một nhà nước dân chủ, thực sự quản lý xã hội bằng pháp luật thì bắt buộc phải có “đạo luật gốc” – đó là Hiến pháp. Chính vì vậy, Người yêu cầu:

“Bây xin hiến pháp ban hành,

Trăm điều phải có thần linh pháp quyền”

Vấn đề được đặt ra ở đây không chỉ thay đổi một hình thức văn bản mà điều còn quan trọng hơn là làm sao để trong “trăm điều” đều phải có “thần linh pháp quyền”. Như vậy, để diễn giải câu thơ trên ta có thể thấy mọi hành vi, mọi hoạt động ở mọi nơi, mọi lúc của các cơ quan, nhân viên nhà nước đều phải thể hiện được thần linh pháp quyền. Ý thức, tinh thần pháp luật phải chi phối, chỉ đạo mọi hành vi, hoạt động của bộ máy, cơ quan Nhà nước.

Hồ Chí Minh đã hình thành rất sớm quan điểm giai cấp về pháp luật. Từ rất sớm, Người đã nhận ra bản chất bóc lột tàn bạo, phản nhân dân, phi nghĩa của pháp luật thực dân. Do vậy, Người thường xuyên quan tâm đến việc xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật. Ngay từ năm 1950, khi nói chuyện với các cán bộ tư pháp, Người lưu ý: “Chúng ta cũng thấy luật pháp của ta hiện nay chưa đầy đủ. Chính các chú có trách nhiệm phải góp phần làm cho luật pháp của ta tốt hơn, càng ngày càng phong phú hơn. Phải cố gắng làm theo luật pháp dân chủ ngày càng nhiều hơn, tốt hơn”.

Chính vì có quan điểm rõ ràng từ khi hoạt động cách mạng, nên khi trở thành người đứng đầu Nhà nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến các yêu cầu cơ bản của chế độ pháp quyền, nguyên tắc pháp chế: tôn trọng, tuân thủ pháp luật. Trong tư duy Hồ Chí Minh, tôn trọng Hiến pháp, tuân thủ pháp luật là nghĩa vụ thiêng liêng, vô cùng cao quý của mọi công dân và trước hết của các nhân viên nhà nước, các đảng viên của Đảng cầm quyền. Người lưu ý: “Trong điều lệ Đảng có nói: đảng viên chẳng những phải giữ kỷ luật sắt, kỷ luật tự giác của Đảng mà còn phải giữ gìn kỷ luật chính quyền, của cơ quan, đoàn thể cách mạng, của nhân dân.

Sự thực nhiều đảng viên, cán bộ chẳng làm đúng như thế, đã không giữ đúng kỷ luật của chính quyền cơ quan, đoàn thể, nhân dân... tưởng là đảng viên thì muốn làm trời làm đất gì thì làm.

Các đảng viên cán bộ đó không biết rằng kỷ luật của chính quyền, của đoàn thể, nhân dân và Đảng cũng là một”⁶⁸.

⁶⁸ Sđd, t.6, tr.31.

Trong thi hành và làm theo pháp luật, Chủ tịch Hồ Chí Minh đòi hỏi đảng viên, cán bộ, những người giữ các trách nhiệm cao phải nêu gương. Người nghiêm khắc phê phán những đảng viên cạy thố là người của đảng, phớt lờ cả kỷ luật và cả cấp trên trong các đoàn thể nhân dân hoặc cơ quan Chính phủ.

Tóm lại, để xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, của dân, do dân và vì dân, chúng ta phải kế thừa, vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và pháp luật. Phải thực hiện đúng những tư tưởng của người: dân là chủ và dân làm chủ để xây dựng một nhà nước thật sự dân chủ. Nhân dân là những người nắm chính quyền và mọi công dân đều tham gia và quản lý nhà nước.

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CÔNG TÁC THANH TRA - MỘT NỘI DUNG QUAN TRỌNG TRONG HỆ THỐNG CÁC QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC CỦA DÂN, DO DÂN, VÌ DÂN

*Trương Quốc Hưng
Viện Khoa học Thanh tra
Thanh tra Chính phủ*

Tư tưởng Hồ Chí Minh là kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam. Đó là tư tưởng về giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người; về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; về xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân; về chống tham ô, lãng phí, quan liêu, thực hành tiết kiệm; về nền văn hóa dân tộc và hiện đại; về đạo đức cách mạng; về đoàn kết trong Đảng, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; về xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh ... Tư tưởng Hồ Chí Minh đã và đang soi đường cho cuộc đấu tranh của nhân dân ta giành thắng lợi. Đó là tài sản tinh thần to lớn của Đảng và dân tộc ta.

Tư tưởng Hồ Chí Minh là một học thuyết cách mạng, cùng với chủ nghĩa Mác - Lê nin, là nền tảng tư tưởng của Đảng, kim chỉ nam cho hành động của cách mạng Việt Nam. Nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh không theo lối tâm chương trích cú mà nghiên cứu một cách hệ thống, nắm vững và vận dụng sáng tạo vào thực tiễn những tư tưởng, quan điểm cốt lõi nhất về những vấn đề cơ bản nhất.

I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC CỦA DÂN, DO DÂN, VÌ DÂN

Xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân là điểm đầu tiên, là điểm cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng nhà nước kiểu mới. Có thể nói, quan niệm về nhà nước của dân, do dân, vì dân đã xuyên suốt quá trình hoạt động cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhất là trong lãnh đạo, chỉ đạo công cuộc xây dựng đất nước.

Nếu vấn đề cơ bản của mọi cuộc cách mạng là vấn đề chính quyền thì

vấn đề cơ bản của một chính quyền là ở chỗ nó thuộc về ai, phục vụ cho quyền lợi của ai. Trong những trang đầu của cuốn “Đường cách mệnh”, Người viết: “Chúng ta đã hy sinh làm cách mệnh, thì phải làm cho đến nơi, nghĩa là làm sao cách mệnh rồi thì quyền giao cho dân chúng số nhiều, chớ để trong tay một bọn ít người. Thế mới khỏi hy sinh nhiều lần, thế dân chúng mới hạnh phúc”⁶⁹.

Theo quan điểm của Hồ Chí Minh, một chính quyền mạnh và sáng suốt phải là một nhà nước pháp quyền của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Tư tưởng về xây dựng một chính quyền mạnh và sáng suốt là tư tưởng nhất quán và liên tục của Hồ Chí Minh. Tư tưởng đó được đúc kết và thể hiện rất rõ trong Hiến pháp 1946 và Hiến pháp 1959 do Người trực tiếp chỉ đạo soạn thảo. Nhân dân lao động theo Hồ Chí Minh bao gồm quần chúng công, nông, binh, trí thức những bộ phận đông đảo, chủ yếu nhất trong xã hội lúc bấy giờ. Nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân là kết tinh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tất cả mọi người dân Việt Nam, không phân biệt gái trai, giàu nghèo, nòi giống, dân tộc, giai cấp, tôn giáo đều là người chủ của Nhà nước, có trách nhiệm xây dựng Nhà nước.

Ngay những ngày đầu nhà nước ta mới giành được độc lập, Người đã khẳng định: “Nước ta là nước dân chủ, Bao nhiêu lợi ích đều vì dân. Bao nhiêu quyền hạn đều của dân... Chính quyền từ xã đến Chính phủ trung ương do dân cử ra... Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân”⁷⁰. Trong nhà nước dân chủ, nhân dân là người có địa vị cao nhất. Hồ Chí Minh đã nhiều lần khẳng định “Trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân”, chỉ có nhân dân, do địa vị tối cao của mình mới có quyền quyết định những vấn đề quan trọng nhất của quốc gia dân tộc và đất nước, chỉ có nhân dân mới trở thành chỗ dựa vững chắc nhất của nhà nước, Người cho rằng: “nếu không có nhân dân thì Chính phủ không có lực lượng, nếu không có Chính phủ, thì nhân dân không ai dẫn đường. Vậy nên Chính phủ với nhân dân phải đoàn kết thành một khối”⁷¹. Nhà nước phải dựa vào nhân dân, sức mạnh của nhà nước bắt nguồn từ sức mạnh của nhân dân, của quần chúng lao động, đó là nguyên tắc quan trọng nhất trong tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước.

Nhà nước của dân, có nghĩa là dân là chủ, còn cán bộ, công chức, người cầm quyền chỉ là người được uỷ quyền, là công bộc của dân, thay mặt dân giải quyết các công việc chung của đất nước. Hồ Chí Minh cho rằng: “các cơ quan của Chính phủ từ toàn quốc cho đến làng, đều là công bộc của dân, nghĩa là để gánh vác việc chung cho dân, chứ không phải để đè đầu dân như trong thời kỳ

⁶⁹ Hồ Chí Minh, Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, H. 2000, tập 2, tr. 270.

⁷⁰ Hồ Chí Minh, Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, H. 2000, tập 5, tr. 698.

⁷¹ Hồ Chí Minh, Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, H. 2000, tập 8, tr. 276.

dưới quyền thống trị của Pháp, Nhật”⁷²

Nhà nước do dân, theo Hồ Chí Minh là một nhà nước tin ở quần chúng nhân dân, thấy được rằng mọi lực lượng ở nơi dân “chính quyền từ xã đến Chính phủ trung ương do dân cử ra. Đoàn thể từ trung ương đến xã do dân tổ chức nên”⁷³. Nhân dân sử dụng quyền lực của mình thông qua cơ quan quyền lực nhà nước ở trung ương và địa phương. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, quyền lực tối cao của nhân dân không chỉ thể hiện ở việc bầu cử Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp mà còn thể hiện ở quyền bãi miễn họ, kiểm soát, giám sát hoạt động của các đại biểu, của bộ máy nhà nước “Nếu Chính phủ làm hại dân thì dân có quyền đuổi Chính phủ”⁷⁴.

Nhà nước vì dân, theo Hồ Chí Minh, chỉ có một nhà nước thực sự của dân, do dân tổ chức, xây dựng và kiểm soát trên thực tế mới có thể là nhà nước vì dân. Đó là một nhà nước phục vụ lợi ích và nguyện vọng của nhân dân, không có đặc quyền đặc lợi, thực sự trong sạch, cần kiệm liêm chính. Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: “cả đời chỉ có một mục đích, là phấn đấu cho quyền lợi Tổ quốc, và hạnh phúc của quốc dân. Những khi tôi phải ẩn nấp nơi núi non, hoặc ra vào chốn tù tội, xông pha sự hiểm nghèo – là vì mục đích đó. Đến lúc nhờ quốc dân đoàn kết, tranh được chính quyền, uỷ thác cho tôi gánh vác việc Chính phủ, tôi lo lắng đêm ngày, nhẩn nhục cố gắng – cũng vì mục đích đó”⁷⁵. Đó là một vị Chủ tịch hoàn toàn vì dân. Người nói: “Việc gì lợi cho dân, ta phải hết sức làm. Việc gì hại đến dân, ta phải hết sức tránh”⁷⁶.

Nhà nước của dân, do dân, vì dân còn bao hàm một nội dung quan trọng, đó là nhân dân có quyền kiểm soát nhà nước, Người viết: “Chính phủ ta là Chính phủ của nhân dân, chỉ có một mục đích là phụng sự cho lợi ích nhân dân. Chính phủ rất mong đồng bào giúp đỡ, đôn đốc, kiểm soát và phê bình để làm tròn nhiệm vụ của mình là người đầy tớ trung thành tận tụy của nhân dân”⁷⁷.

II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CÔNG TÁC THANH TRA - MỘT NỘI DUNG QUAN TRỌNG TRONG HỆ THỐNG CÁC QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC CỦA DÂN, DO DÂN, VÌ DÂN

Nghiên cứu hệ thống các quan điểm và hoạt động thực tiễn của Chủ tịch Hồ Chí Minh về xây dựng, hoàn thiện Nhà nước của dân, do dân, vì dân cho thấy Hồ Chí Minh luôn luôn quan tâm và coi trọng không những công tác kiểm

⁷² Hồ Chí Minh, Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, H. 2000, tập 4, tr. 56.

⁷³ Hồ Chí Minh, Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, H. 2000, tập 5, tr. 698.

⁷⁴ Hồ Chí Minh, Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, H. 2000, tập 5, tr. 60.

⁷⁵ Hồ Chí Minh, Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, H. 2000, tập 5, tr. 60.

⁷⁶ Hồ Chí Minh, Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, H. 2000, tập 5, tr. 56, 57.

⁷⁷ Hồ Chí Minh, Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, H. 2000, tập 7, tr. 361.

tra của Đảng, mà thường xuyên quan tâm và coi trọng công tác kiểm tra thanh tra của Chính phủ, của chính quyền các cấp và việc kiểm tra, giám sát của nhân dân đối với hoạt động của bộ máy nhà nước và cán bộ, công chức nhà nước, cũng như việc thực hiện phối, kết hợp giữa thanh tra, kiểm tra của Nhà nước với kiểm tra, giám sát của nhân dân nhằm xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân ngày một hoàn thiện.

Sau khi lãnh đạo Cách mạng giành chính quyền thì vấn đề xây dựng và củng cố chính quyền nhân dân được đặt lên hàng đầu. Vấn đề giành chính quyền là vấn đề cơ bản của mọi cuộc cách mạng. Nhưng với Hồ Chí Minh cách mạng không chỉ giành chính quyền mà quan trọng hơn nữa là phải xây dựng chính quyền đó thực sự là của dân, do dân và vì dân, đó mới chính là mục tiêu cao nhất của Người “Chính phủ là công bộc của dân vậy. Các công việc của Chính phủ làm phải nhằm một mục đích duy nhất là mưu tự do hạnh phúc cho mọi người. Cho nên Chính phủ nhân dân bao giờ cũng phải đặt quyền lợi dân lên trên hết thảy. Việc gì có lợi cho dân thì phải làm. Việc gì có hại cho dân thì phải tránh”⁷⁸ “Muốn cho dân yêu, muốn được lòng dân, việc gì có lợi cho dân phải hết sức làm, việc gì có hại cho dân phải hết sức tránh... Nói tóm lại, hết thảy những việc có thể nâng cao đời sống vật chất tinh thần của dân phải được ta đặc biệt chú ý”⁷⁹.

1. Sự hình thành các tổ chức thanh tra nhà nước - một công cụ quan trọng trong quá trình xây dựng, hoàn thiện nhà nước của dân, do dân, vì dân.

Ngay từ những ngày đầu tiên của chính quyền dân chủ nhân dân mới được thành lập, Đảng và Hồ Chủ tịch đã có những chủ trương quan trọng về tổ chức và hoạt động ban đầu của bộ máy nhà nước, trong đó có hoạt động kiểm tra, thanh tra của chính quyền dân chủ nhân dân các cấp. Một trong những chủ trương quan trọng ban đầu đối với tổ chức và hoạt động của nhà nước ta là *Ủy ban nhân dân cấp trên phải đi củ soát các Ủy ban nhân dân cấp dưới*. Chủ trương chính quyền cấp trên phải đi củ soát chính quyền các cấp dưới đã được ghi trong “Nghị quyết án” - một văn kiện quan trọng của Đảng - do “Hội nghị cán bộ Bắc Kỳ của Đảng Cộng sản Đông Dương” họp vào trung tuần tháng 9 năm 1945.

Là người lãnh đạo cao nhất của Đảng và Chính phủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn quan tâm, hướng dẫn, giao nhiệm vụ và chỉ đạo những người đứng đầu cơ quan chính quyền các cấp từ trung ương đến cơ sở thực hiện chức trách thanh tra, đốc suất, củ soát các công việc và nhân viên. Hồ Chủ tịch yêu cầu:

⁷⁸ Hồ Chí Minh, Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, H. 2000, tập 4, tr. 22, 23.

⁷⁹ Hồ Chí Minh, Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, H. 2000, tập 4, tr. 47, 48.

“Các Bộ trưởng có thể chia nhau mỗi người đi thanh tra một khu gần Hà Nội, Bộ Nội vụ khảo cứu và lập một chương trình về việc này. Có nhiều việc thụt kết ở một vài công sở. Mỗi Bộ có trách nhiệm điều tra và đề nghị với Chính phủ nghiêm trị những người làm bậy”⁸⁰

Trong tình hình đất nước mới giành độc lập, thù trong giặc ngoài, nhưng Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dành nhiều thời gian bàn về công tác kiểm tra, thanh tra. Trong hơn 10 cuộc họp của Chính phủ tại Hà Nội dưới sự chủ trì của Hồ Chủ tịch, Chính phủ đã thảo luận về sự cần thiết, về nhiệm vụ, quyền hạn, về nhân sự ... của tổ chức thanh tra. Sau nhiều lần thảo luận về sự cần thiết, về nhiệm vụ, quyền hạn, về nhân sự... Chính phủ đã nhất trí phải thành lập Ban Thanh tra đặc biệt. Sau khi được Hội đồng chính phủ thảo luận, thông qua, ngày 23 tháng 11 năm 1945 Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký sắc lệnh số 64/SL thành lập Ban Thanh tra đặc biệt có uỷ nhiệm *đi giám sát tất cả các công việc và các nhân viên của các Uỷ ban nhân dân và các cơ quan của Chính phủ*. Điều này có ý nghĩa quan trọng về lý luận và thực tiễn, ngay từ khi thành lập Ban thanh tra đặc biệt, tiền thân của ngành thanh tra, Đảng và Hồ Chủ tịch đã xác định cơ quan thanh tra là công cụ của cơ quan quản lý nhà nước.

a) Vị trí, vai trò của công tác thanh tra

Vị trí, vai trò quan trọng của công tác thanh tra được thể hiện trong nhiều bài viết, bài nói, chỉ thị của Hồ Chủ tịch. Tại Hội nghị tổng kết thanh tra toàn miền Bắc tháng 4 năm 1957, Hồ Chủ tịch căn dặn “cán bộ thanh tra giúp trên hiểu biết tình hình địa phương và cấp dưới, đồng thời cũng giúp cho các cấp địa phương kịp thời sửa chữa, uốn nắn nếu làm sai, hoặc làm chậm. Cho nên trách nhiệm của công tác thanh tra là quan trọng”⁸¹.

Vai trò của các cơ quan thanh tra được thể hiện ngay từ Sắc lệnh số 64/SL ngày 23 tháng 11 năm 1945 thành lập Ban Thanh tra đặc biệt. Tại Sắc lệnh này quy định Ban Thanh tra đặc biệt có toàn quyền “nhận các đơn khiếu nại của nhân dân; điều tra, hội chứng, xem xét các tài liệu giấy tờ của UBND hoặc các cơ quan của Chính phủ cần thiết cho công việc giám sát; đình chức, bắt giam bắt cứ nhân viên nào trong UBND hay của Chính phủ đã phạm lỗi”.

Cùng với việc phát hiện và xử lý các vi phạm pháp luật, thanh tra còn đóng vai trò như một biện pháp phòng ngừa hữu hiệu các vi phạm pháp luật. Thanh tra cùng với các phương thức kiểm tra, giám sát luôn là hiện thân của

⁸⁰ Biên bản họp Hội đồng Chính phủ ngày 13.11.1945, Bản gốc biên bản họp Hội Đồng Chính phủ lưu tại trung tâm lưu trữ Quốc gia III, bản sao chụp tại Trung tâm Nghiên cứu khoa học – Thông tin Thanh tra, nay là Viện Khoa học Thanh tra, Thanh tra Chính phủ.

⁸¹

kỷ cương pháp luật; công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát dù được thực hiện được bất cứ hình thức nào, cũng luôn có tác dụng hạn chế, răn đe những hành vi vi phạm pháp luật của các đối tượng quản lý. Mặt khác, các giải pháp được đưa ra từ hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát không chỉ hướng vào việc xử lý các hành vi vi phạm pháp luật, mà còn có tác dụng khắc phục các kẽ hở của chính sách, pháp luật, ngăn ngừa tận gốc mầm mống phát sinh những vi phạm pháp luật.

“Thanh tra là tai mắt của trên, là người bạn của dưới”

Lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh phản ánh một cách đầy đủ chính xác và sâu sắc về vị trí, vai trò của tổ chức thanh tra, của cán bộ, thanh tra viên. Như Đảng đã ghi nhận: “Tổ chức thanh tra chuyên nghiệp là tai mắt của cơ quan lãnh đạo các cấp”. Có thể nói, thanh tra, kiểm tra - theo quan điểm của Hồ Chủ tịch như một chiếc cầu nối giữa lãnh đạo cơ quan cấp trên và cơ quan cấp dưới, giữa cơ quan ban hành chính sách và cơ quan thực hiện chính sách, giữa trung ương và địa phương, giữa người lãnh đạo, chỉ đạo và người thực hiện. Hồ Chủ tịch cho rằng, thanh tra giúp lãnh đạo cấp trên “hiều thấu” cấp dưới và cấp dưới “hiều thấu”, lãnh đạo cấp trên. Người nói: “Nếu như Trung ương đảng, Chính phủ có nghị quyết, chỉ thị đưa về các ngành, các địa phương, kết quả thế nào không có thanh tra khó mà biết được địa phương làm tốt, làm vừa, làm xấu, có làm hay không làm trên không biết; địa phương nhiều khi tự mình cũng không biết; trên không thấu dưới, dưới không thấu trên”⁸².

b) Kiểm tra, thanh tra phải kịp thời, cụ thể, khách quan

Về biện pháp, phương pháp thanh tra, Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng cách tốt nhất, có hiệu quả nhất là phải kiểm tra, thanh tra có hệ thống, thường xuyên. Người khẳng định: “Muốn chống bệnh quan liêu, bệnh bàn giấy; muốn biết các nghị quyết có được thi hành không; thi hành có đúng không; muốn biết ai ra sức làm, ai làm qua chuyện, chỉ có một cách, là khéo kiểm soát. “Kiểm soát khéo, bao nhiêu khuyết điểm lòi ra hết, hơn nữa kiểm soát khéo về sau khuyết điểm nhất định bớt đi”, Người viết tiếp: “Song muốn kiểm soát có kết quả tốt, phải có hai điều: một là việc kiểm soát phải có hệ thống, phải thường làm. Hai là người đi kiểm soát phải là những người rất có uy tín. Kiểm soát cách nào? Cố nhiên, không phải cứ ngồi trong phòng giấy mà chờ người ta báo cáo, mà phải đi tận nơi, xem tận chỗ”.

Kiểm soát phải có hệ thống, phải thường làm, có nghĩa là: Không phải ngày nào cũng kiểm tra mà khi đã có nghị quyết, thì phải lập tức đốc thúc sự

⁸² Hồ Chủ tịch huấn thị về công tác thanh tra tại Hội nghị cán bộ thanh tra toàn miền Bắc lần thứ I ngày 19 tháng 4 năm 1957. Chủ tịch Hồ Chí Minh với công tác thanh tra, Thanh tra nhà nước, 2002, tr 71

thực hành nghị quyết ấy, phải biết rõ sự sinh hoạt và cách làm việc của cán bộ và nhân dân địa phương ấy. Có như thế mới kịp thời thấy rõ những khuyết điểm và tìm cách giúp đỡ, vượt qua mọi sự khó khăn”. Người viết tiếp: “Tổ chức việc kiểm tra cho chu đáo thì cũng như có ngọn đèn pha. Bao nhiêu tình hình bao nhiêu ưu điểm và khuyết điểm, bao nhiêu cán bộ chúng ta đều thấy rõ. Có thể nói rằng, chín phần mười khuyết điểm trong công việc của chúng ta là vì thiếu sự kiểm tra. Nếu tổ chức sự kiểm tra được chu đáo, thì công việc của chúng ta nhất định tiến bộ gấp mười, gấp trăm”.

Trong thực tiễn chỉ đạo công tác thanh tra thanh tra, Hồ Chủ tịch đã thể hiện “kiểm soát phải có hệ thống, phải thường làm”. Chỉ hơn hai tháng sau khi ký Sắc lệnh số 20/SL ngày 12 tháng 2 năm 1950 về tổng động viên nhân lực, vật lực, tài lực trong nhân dân chuẩn bị cho tổng phản công, ngày 1 tháng 5 Người ký Sắc lệnh thành lập Phái đoàn thanh tra của Chính phủ đi thanh tra việc thực hiện tổng động viên ở Liên khu Việt Bắc, đã nghe báo cáo kết quả thanh tra việc thực hiện huy động nhân tài, vật lực ở Liên khu IV và có những quyết định xử lý kịp thời, thấu lý đạt tình sau thanh tra.

c, Công tác thanh tra phải biết dựa vào quần chúng, phát huy tinh thần làm chủ của nhân dân

Hồ Chủ tịch có những chỉ thị và luôn luôn nhắc nhở lãnh đạo chính quyền các cấp không những phải thực hiện đúng đường lối quần chúng, mà phải hoan nghênh quần chúng nhân dân kiểm tra, giám sát, phê bình và tiếp thu, sửa chữa những khuyết điểm mà quần chúng nhân dân đã phê bình cơ quan và cán bộ nhà nước. Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn khẳng định, trong chế độ dân chủ, quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân, nhân dân là chủ, người chủ thật sự, vì vậy người dân có quyền kiểm tra, giám sát mọi hoạt động của Nhà nước, mọi hành vi của cán bộ, công chức, có quyền phê bình cán bộ nếu cán bộ làm sai. Trong buổi tiếp nông dân và điền chủ tỉnh Hưng Yên. Hồ Chủ tịch nói: “Dân chúng có quyền kiểm soát việc làm để đề phòng những việc những lạm có thể xảy tới”⁸³. Bác Hồ viết: “Dân phải biết quyền hạn của mình, phải biết kiểm soát cán bộ để giúp cán bộ thực hiện chữ Liêm”⁸⁴. Hồ Chủ tịch hướng dẫn: “Quần chúng và cán bộ kiểm soát sự sai lầm của người lãnh đạo và bày tỏ cái cách sửa chữa sự sai lầm đó. Cách này là cách tốt nhất để kiểm soát các nhân viên”⁸⁵.

d, Kết hợp giữa thanh tra của nhà nước và sự giám sát của nhân dân

Trong tác phẩm “Sửa đổi lối làm việc” Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề cập

⁸³ Hồ Chí Minh, Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, H. 2000, tập 4, tr. 154.

⁸⁴ Hồ Chí Minh, Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, H. 2000, tập 5, tr. 641.

⁸⁵ Hồ Chí Minh, Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, H. 2000, tập 5, tr. 288.

đến hai cách kiểm soát: *một là*, kiểm soát của người lãnh đạo từ trên xuống đối với kết quả những công việc của cán bộ; *hai là*, kiểm soát từ dưới lên của quần chúng, cán bộ đối với những sai lầm của người lãnh đạo và bày tỏ cách sửa chữa sự sai lầm đó. Người cho rằng cách kiểm soát từ dưới lên của quần chúng và cán bộ là cách tốt nhất để kiểm soát cán bộ lãnh đạo và công chức, nhân viên nhà nước. Hồ Chủ tịch viết: “Kiểm soát có hai cách: một cách từ trên xuống. Tức là người lãnh đạo kiểm soát kết quả những công việc của cán bộ mình. Một cách nữa là từ dưới lên. Tức là quần chúng và cán bộ kiểm soát sự sai lầm của người lãnh đạo và bày tỏ cái cách sửa chữa sự sai lầm đó. Cách này là cách tốt nhất để kiểm soát các cán bộ lãnh đạo”

Có thể thấy rất rõ ràng, quan điểm của lãnh tụ Hồ Chí Minh về Nhà nước thực hiện thanh tra, kiểm tra; nhân dân kiểm tra, giám sát Nhà nước và thực hiện phối, kết hợp giữa hai loại hình thanh tra, kiểm tra, giám sát ấy trong việc xây dựng hoàn thiện Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà - Nhà nước của dân, do dân, vì dân, là thống nhất, là một. Đó là một luận điểm quan trọng trong hệ thống những quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về xây dựng, hoàn thiện Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, nay là nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, một Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trương và xác định, lãnh đạo đảng và chính quyền các cấp không những có trách nhiệm tổ chức, thực hiện việc kiểm tra, thanh tra nhà nước, mà còn đồng thời có trách nhiệm tổ chức, hướng dẫn, giáo dục, tạo mọi điều kiện thuận lợi, và vận động quần chúng nhân dân làm công tác kiểm tra, giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước và hành vi của cán bộ, công chức, nhân viên nhà nước, nhất là ở cơ sở. Cơ sở ở đây được hiểu không chỉ gồm các đơn vị hành chính cấp cơ sở như xã, phường, thị trấn, mà bao gồm cả cơ quan quản lý nhà nước cơ quan hành chính các cấp, các ngành và các đơn vị sự nghiệp doanh nghiệp Nhà nước.

e, Kiểm tra, thanh tra là một biện pháp quan trọng góp phần tích cực phòng, chống bệnh quan liêu, nạn tham ô, lãng phí

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn cho rằng lãnh đạo, quản lý mà thiếu kiểm tra, thanh tra thì đó chính là một biểu hiện bệnh quan liêu. Hồ Chủ tịch đã nhận định về bệnh quan liêu: “Ai cũng biết bệnh quan liêu mệnh lệnh là nguy hiểm. Nhưng trong công tác thực tế, như trong việc tạm vay thóc chiêm vừa rồi, nhiều cán bộ ta còn mắc bệnh ấy. Miệng thì nói dân chủ, nhưng làm việc thì họ theo lối quan chủ. Miệng thì nói phụng sự nhân dân, nhưng họ làm trái ngược với lợi ích của nhân dân, trái ngược với phương châm, chính sách của Đảng và Chính phủ”, “có nơi, bệnh quan liêu mệnh lệnh trầm lắng đến nỗi cán

bộ lừa phỉnh dân, dọa nạt dân”. Người cho rằng, bệnh quan liêu là nguyên nhân, là nguồn gốc làm nảy sinh và ngày một trầm trọng hơn của các bệnh nguy hiểm khác như tham ô, lãng phí...

Hồ Chủ tịch viết: “Những người và những cơ quan lãnh đạo mắc bệnh quan liêu thành thử có mắt mà không thấy suốt, có tai là không nghe thấu, có chế độ mà không giữ đúng, có kỷ luật mà không nắm vững. Kết quả là những người xấu, những cán bộ kém tha hồ tham ô, lãng phí. Thế là bệnh quan liêu đã ấp ủ, dung túng, che chở cho nạn tham ô, lãng phí”⁸⁶.

Về bệnh quan liêu Người chỉ rõ: Quan liêu là cán bộ xa rời thực tế không điều tra, nghiên cứu đến nơi đến chốn những công việc cần phải làm, việc gì cũng nắm không vững, chỉ đạo một cách đại khái, chung chung. Quan liêu là xa rời quần chúng, không đi sâu đi sát, không hiểu rõ lai lịch, tư tưởng và công tác của cán bộ mình. Không lắng nghe ý kiến của quần chúng. Sợ phê bình và tự phê bình. Tác phong của những “ông quan liêu” là thiếu dân chủ, không giữ đúng nguyên tắc lãnh đạo tập thể, phân công phụ trách.

Vì vậy bệnh quan liêu là nguồn gốc sinh ra lãng phí, tham ô. Kinh nghiệm chứng tỏ rằng: ở đâu có bệnh quan liêu thì ở đó chắc có tham ô, lãng phí; nơi nào bệnh quan liêu càng nặng thì nơi đó càng nhiều lãng phí, tham ô. Cho nên, muốn triệt để chống tham ô, lãng phí thì phải kiên quyết chống nguồn gốc của nó là bệnh quan liêu.

Về biện pháp chống nạn tham ô lãng phí chống bệnh quan liêu, cũng như để thấu hiểu được cán bộ và mọi tình hình thực thi chính sách, pháp luật Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng cách tốt nhất, có hiệu quả nhất là phải kiểm tra, thanh tra có hệ thống, thường xuyên. Người khẳng định: “Muốn chống bệnh quan liêu, bệnh bàn giấy; muốn biết các nghị quyết có được thi hành không; thi hành có đúng không; muốn biết ai ra sức làm, ai làm qua chuyện, chỉ có một cách, là khéo kiểm soát. “Kiểm soát khéo, bao nhiêu khuyết điểm lỗi ra hết, hơn nữa kiểm soát khéo về sau khuyết điểm nhất định bớt đi”.

Người viết tiếp: “Song muốn kiểm soát có kết quả tốt, phải có hai điều: một là việc kiểm soát phải có hệ thống, phải thường làm. Hai là người đi kiểm soát phải là những người rất có uy tín. Kiểm soát cách nào? Cố nhiên, không phải cứ ngồi trong phòng giấy mà chờ người ta báo cáo, mà phải đi tận nơi, xem tận chỗ”.

f, Yêu cầu đối với cán bộ thanh tra

Chủ tịch Hồ Chí Minh rất quan tâm đến đội ngũ cán bộ làm công tác thanh tra, Người chỉ rõ tầm quan trọng của công tác cán bộ nói chung: “cán bộ

⁸⁶ Hồ Chí Minh, Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, H. 2000, tập 6, tr 490.

là cái gốc của mọi công việc (...) công việc thành công hoặc thất bại đều do cán bộ tốt hay kém”⁸⁷. Người đặt ra nhiều yêu cầu đối với người cán bộ, công chức làm việc trong bộ máy nhà nước làm công bộc cho nhân dân. Đối với người cán bộ thanh tra, bên cạnh yêu cầu chung cần phải có của người cán bộ cách mạng, Người đã đặt ra các yêu cầu riêng thể hiện ở những chữ vàng vĩnh dự: “Cán bộ thanh tra như cái gương cho người ta soi mặt, gương mờ thì không soi được”. Cán bộ thanh tra phải là những người có năng lực và đạo đức cách mạng.

Tìm hiểu quan điểm của Người có thể nhận thấy rằng yêu cầu chung của Người đối với cán bộ, công chức là họ phải là những người năng lực và liêm khiết. Người luôn đòi hỏi mỗi người, nhất là người cán bộ, công chức phải có đạo đức cách mạng, phải kết hợp chặt chẽ phẩm chất và năng lực, hồng và chuyên, đức và tài, trong đó đức là gốc. Người coi đạo đức là cội nguồn của người cán bộ, công chức: “Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân”⁸⁸.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ những phẩm hạnh về đạo đức của người cán bộ, công chức cần phải có, đó là: “Cần, Kiệm, Liêm, Chính, Chí công vô tư”. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn cán bộ phải chống những biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân. Đối với người cán bộ thanh tra thì đạo đức cách mạng là một yêu cầu quan trọng, Người nói: “Cán bộ thanh tra như cái gương cho người ta soi mặt, gương mờ thì không soi được. Vì thế cán bộ thanh tra phải rèn luyện đạo đức cách mạng”. Mỗi cán bộ thanh tra phải thật sự là tấm gương mọi mặt cho quần chúng noi theo, “một tấm gương sống còn có giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền”⁸⁹.

Bàn về tấm gương về đạo đức cách mạng của người cán bộ thanh tra, người chỉ rõ: “Thường vì cơ quan, địa phương, bộ phận hay công việc nào có chỗ không đúng, chỗ sai lầm mới cần thanh tra (cũng có khi thanh tra cái tốt, nơi tốt, nhưng thường là như vậy) cho nên phẩm chất của người cán bộ thanh tra là phải tự mình nghiêm chỉnh, phải có đạo đức cách mạng. Thí dụ: Phái anh tham ô đi thanh tra tham ô thì không được, phải người lười đi thanh tra công việc người khác thì cũng không được. Cán bộ thanh tra phải có đạo đức cách mạng, phải hiểu nhân tình thế cố đã đành, nhưng tự mình còn phải gương mẫu cho người khác”⁹⁰. Để phấn đấu trở thành một tấm gương sáng về

⁸⁷ Hồ Chí Minh, Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, H. 2000, tập 5, tr. 269, 273.

⁸⁸ Hồ Chí Minh, Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, H. 2000, tập 5, tr. 252, 253.

⁸⁹ Hồ Chí Minh, Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, H. 2000, tập 5, tr. 287.

⁹⁰ Một số văn kiện về công tác thanh tra, tr. 7-10

đạo đức cách mạng thì cán bộ thanh tra phải luôn rèn luyện, tu dưỡng đạo đức.

Bên cạnh phẩm chất, năng lực, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng đòi hỏi người cán bộ thanh tra phải giàu bản lĩnh, kinh nghiệm và có uy tín cao. Khi nói về trách nhiệm của người lãnh đạo là phải kiểm tra công việc của các cơ quan, của các cán bộ cấp dưới, Người chỉ rõ: “Không thể gặp ai cũng phải đi kiểm tra. Người lãnh đạo phải tự mình làm việc kiểm tra mới đủ kinh nghiệm và uy tín. Nhưng người lãnh đạo cần phải có một nhóm cán bộ nhiều kinh nghiệm và giàu năng lực để giúp mình đi kiểm tra” và có ý thức tự phê bình sửa mình để tiến tới sự hoàn thiện làm “cái gương” cho người ta soi, học tập. Người chỉ rõ: “muốn kiểm soát có kết quả tốt, phải có hai điều: một là việc kiểm soát phải có hệ thống, phải thường làm. Hai là người đi kiểm soát phải là những người rất có uy tín”.

III. HỌC TẬP, VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CÔNG TÁC THANH TRA TRONG GIAI ĐOẠN MỚI NHẪM XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA CỦA DÂN, DO DÂN, VÌ DÂN

Xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân là một trong những nhiệm vụ chủ yếu của cách mạng nước ta trong giai đoạn hiện nay. Văn kiện Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII khẳng định: “Tiếp tục xây dựng và từng bước hoàn thiện nhà nước pháp quyền Việt Nam. Đó là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, quản lý mọi mặt đời sống xã hội bằng pháp luật, đưa đất nước phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam được xây dựng trên cơ sở tăng cường, mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân, lấy liên minh giữa giai cấp công nhân với nông dân và tầng lớp trí thức làm nền tảng do Đảng ta lãnh đạo”⁹¹.

Trong công cuộc xây dựng nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân hiện nay, công tác thanh tra càng trở nên quan trọng. Hoạt động thanh tra phải làm cho bộ máy hành chính nhà nước hoạt động tốt hơn, hiệu quả hơn. Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba (khóa VIII) của Đảng đã xác định “tăng cường tổ chức và hoạt động thanh tra, kiểm tra, coi đó là công cụ quan trọng và hữu hiệu để đảm bảo hiệu lực quản lý nhà nước, thiết lập kỷ cương xã hội”.

Hoạt động thanh tra, kiểm tra là một chức năng thiết yếu của cơ quan quản lý, là một khâu quan trọng trong quá trình quản lý. Để thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình bản thân ngành thanh tra phải có những tìm tòi, sáng tạo, tự đổi mới cả về tổ chức và hoạt động để nâng cao hiệu quả, hiệu lực công

⁹¹ Đảng cộng sản Việt Nam: Văn kiện Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII, tháng 1-1994, tr.56.

tác thanh tra. Đổi mới hoạt động, tổ chức của thanh tra cần phải quán triệt đầy đủ quan điểm của Đảng về đổi mới và tăng cường công tác thanh tra, đồng thời cũng phải thấu suốt, chủ động vận dụng sáng tạo quan điểm, tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác thanh tra. Trong mỗi giai đoạn phát triển của cách mạng, ở từng hoàn cảnh cụ thể của tình hình đất nước, Hồ Chí Minh luôn quan tâm tới việc đổi mới tổ chức và hoạt động thanh tra. Đổi mới công tác thanh tra có nhiều nội dung, nhưng cần chú trọng học tập, vận dụng hệ thống các quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về những vấn đề cơ bản sau:

1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác giám sát hành chính.

Nhằm kiểm soát việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm thi hành công vụ của cơ quan hành chính nhà nước và công chức nhà nước nhằm tăng cường kỷ cương pháp luật. Thông qua công tác thanh tra, chú trọng đến việc phát hiện những sơ hở, yếu kém trong cơ chế, chính sách, pháp luật và trong công tác quản lý. Cải cách thủ tục thanh tra theo hướng nhanh gọn, rút ngắn thời gian thanh tra; nâng cao chất lượng báo cáo, kết luận thanh tra; đề xuất, kiến nghị các biện pháp xử lý thích hợp nhằm đảm bảo ổn định tình hình chính trị, đúng người, đúng tội và đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật. Tổ chức tốt việc kiểm tra, đôn đốc, giám sát việc thực hiện các kết luận thanh tra, đảm bảo gắn chặt công tác thanh tra với hoạt động quản lý ở từng cấp, từng ngành, phục vụ trực tiếp và thiết thực cho hoạt động quản lý của bộ máy hành chính Nhà nước.

Hoàn thiện cơ chế phối, kết hợp với các cơ quan khác có chức năng thanh tra, kiểm tra, giám sát nhằm tạo sức mạnh chung của hệ thống kiểm sát hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước. Hạn chế tình trạng chồng chéo, trùng lặp trong thực thi nhiệm vụ của các cơ quan từ việc xây dựng thể chế pháp luật đến xây dựng và thực hiện chương trình công tác. Chú trọng đến mối quan hệ với các cơ quan giám sát của các tổ chức đoàn thể và nhân dân để vừa có điều kiện thực hiện tốt hơn nhiệm vụ, đồng thời thông qua các tổ chức này để có thêm kênh thông tin đánh giá về hiệu lực, hiệu quả hoạt động và phẩm chất, năng lực của đội ngũ cán bộ, thanh tra viên.

2. Đổi mới cơ chế giải quyết khiếu nại.

Quyền khiếu nại, tố cáo là một trong những biện pháp để công dân thực hiện quyền làm chủ của mình trong việc thanh gia xây dựng bộ máy Nhà nước trong sạch, vững mạnh; là một trong những công cụ quan trọng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân khi bị xâm hại. Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn quan tâm đến việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của dân. Tại Sắc lệnh 64/SL ngày 23/1 1/1945 quy định một trong những nhiệm vụ của Ban Thanh tra đặc biệt và nhận đơn khiếu nại của nhân dân. Tại Hội nghị cán bộ

thanh tra toàn miền Bắc ngày 5/3/1960, Người căn dặn: “Đồng bào có oan ức mới khiếu nại, hoặc vì chưa hiểu rõ chính sách của Đảng và Chính phủ mà khiếu nại. Ta phải giải quyết nhanh, tốt, quan hệ giữa nhân dân với Đảng và Chính phủ càng được củng cố tốt hơn”. Đó là những định hướng quan trọng trong việc xây dựng, bổ sung, hoàn thiện từng bước cơ chế giải quyết khiếu nại, tố cáo của bộ máy Nhà nước ta những năm qua.

3. Thực hiện tốt việc gắn kết công tác giải quyết tố cáo với chống tham nhũng.

Chống tham ô, lãng phí, làm trong sạch bộ máy Nhà nước là vấn đề được Chủ tịch Hồ Chí Minh hết sức quan tâm và theo quan điểm của Người, thanh tra có vai trò hết sức quan trọng trong thực hiện công tác này. Một trong những nhiệm vụ của Ban Thanh tra Chính phủ được quy định tại Sắc lệnh số 138B-SL/QĐ ngày 18//2/1949 là: Thanh tra các uỷ viên Uỷ ban kháng chiến hành chính và viên chức về phương diện liêm khiết. Sắc lệnh số 261/SL ngày 28/3/1956 xác định một trong những nhiệm vụ của Ban Thanh tra Trung ương của Chính phủ là “Thanh tra việc thực hiện kế hoạch nhà nước, việc sử dụng, bảo quản tài sản nhà nước, chống phá hoại, tham ô và lãng phí”.

Trong tư tưởng của Hồ Chí Minh, chống tham nhũng là một nhiệm vụ quan trọng của bộ máy Nhà nước, và để thực hiện được nhiệm vụ này thì không thể coi nhẹ vai trò của nhân dân. Nhân dân tích cực tham gia và công tác chống tham nhũng, chống những biểu hiện tiêu cực của bộ máy công quyền bằng nhiều hình thức khác nhau, trong đó có một hình thức quan trọng là qua công tác khiếu nại, tố cáo. Qua việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, nhiều thông tin, phát hiện của nhân dân đã giúp các cơ quan Nhà nước phát hiện được những hành vi tham nhũng, quan liêu, tiêu cực của cán bộ, công chức trong bộ máy công quyền, để từ đó có những biện pháp xử lý hữu hiệu, kịp thời. Để các cơ quan thanh tra nhà nước thực hiện tốt nhiệm vụ chống tham nhũng, phải có những phương thức phù hợp và các yếu tố đồng bộ như xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật, có các cơ chế, chính sách phù hợp, chú trọng đến việc bố trí đội ngũ cán bộ làm công tác thanh tra, đảm bảo về phương tiện, quyền hạn làm việc của cán bộ thanh tra. Đó là những định hướng quan trọng cho việc xác định những chủ trương, biện pháp để thực hiện thành công việc gắn kết giải quyết khiếu nại tố cáo với nhiệm vụ chống tham nhũng của các cơ quan thanh tra nhà nước trong giai đoạn hiện nay.

Tóm lại: Theo quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh, quyền lực nhà nước bắt nguồn từ nhân dân nhưng nếu không có những cơ chế giám sát, kiểm soát, quyền lực đó rất dễ bị tha hoá, Chính phủ từ chỗ là của dân sẽ trở thành Chính phủ cai trị dân, cán bộ đảng viên từ chỗ là công bộc của dân nếu không

biết tự rèn luyện thường xuyên và không được kiểm soát tốt sẽ trở thành các quan cách mạng chỉ lo “vinh thân phì gia”, “xung quanh các Ủy ban nhân dân, một vài nơi tiếng phàn nàn oán thán nhiều hơn tiếng khen. Những Ủy ban đó không những không được dân yêu còn bị dân khinh, dân ghét là khác nữa”⁹². Ngay từ những ngày đầu giành chính quyền Hồ Chủ tịch đã tìm ra một cơ chế thích hợp để giám sát các cơ quan thực hiện quyền lực nhà nước. Điều đầu tiên của Sắc lệnh số 64/SL là “Chính phủ sẽ thành lập ngay một Ban thanh tra đặc biệt có uỷ nhiệm là đi giám sát tất cả các công việc và các nhân viên của các Ủy ban nhân dân và các cơ quan của Chính phủ”. Toàn bộ những nhiệm vụ của Ban thanh tra đặc biệt đều thống nhất trong một mục tiêu duy nhất là bảo đảm các cơ quan nhà nước và cán bộ, nhân viên nhà nước thực hiện đúng trách nhiệm của mình, bảo đảm sự liêm chính và phục vụ nhân dân.

Tăng cường tổ chức và hoạt động thanh tra, kiểm tra, đó chính là công cụ quan trọng và hữu hiệu để đảm bảo hiệu lực quản lý nhà nước, thiết lập kỷ cương xã hội, một trong những yếu tố quan cơ bản, then chốt để xây dựng, hoàn thiện nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa, của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân theo tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại.

⁹² Báo cứu quốc số 65, ngày 12 tháng 10 năm 1945

QUAN ĐIỂM CỦA HỒ CHỦ TỊCH VỀ CÔNG TÁC THANH TRA VỚI SỰ THÀNH LẬP BAN THANH TRA ĐẶC BIỆT

*Nguyễn Thị Ánh Tuyết
Phó Trưởng phòng Tổng hợp
Thanh tra Chính phủ*

Chúng ta, những người làm công tác thanh tra không ai không nhớ lời dạy của Bác Hồ *“thanh tra là tai mắt của trên, là người bạn của dưới”*. Đó vừa là lời căn dặn các thế hệ thanh tra Việt nam nhưng ở tầm cao hơn nó thể hiện quan điểm, tư tưởng của Bác Hồ về vị trí, chức năng và nhiệm vụ của ngành thanh tra.

Khi nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác thanh tra, có một điều dễ nhận thấy đó là hệ thống quan điểm Hồ Chí Minh về công tác thanh tra gắn liền với tư tưởng Hồ Chí Minh về việc xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân, *“tất cả quyền bính thuộc về nhân dân”* (Hiến pháp năm 1946). Công tác thanh tra là yêu cầu tất yếu của việc thực hiện tư tưởng đó bởi vì thông qua việc thực hiện chức năng giám sát việc thực hiện quyền lực nhà nước với nhiệm vụ cụ thể là thanh tra, xét giải quyết khiếu nại, tố cáo và đấu tranh chống tham nhũng nó có sứ mạng quan trọng là góp phần hoàn thiện bộ máy nhà nước xã hội chủ nghĩa.

Quan điểm tư tưởng đó của Hồ Chủ tịch về công tác thanh tra đã được thể hiện qua nhiều bài nói, bài viết của Người cũng như thông qua nhiều văn bản pháp luật về công tác thanh tra do Người chỉ đạo soạn thảo đích thân ký ban hành. Một trong những văn bản đó chính là Sắc lệnh số 64 SL thành lập Ban thanh tra đặc biệt ngày 23/11/1945. Đây là văn bản khai sinh ra ngành thanh tra nhưng điều cực kỳ có ý nghĩa là những qui định của nó đã xác định vị trí, vai trò và nhiệm vụ chủ yếu của ngành thanh tra Việt nam mà cho đến nay vừa tròn 60 năm trưởng thành và hoạt động vẫn giữ nguyên giá trị mang tính định hướng đó của Người.

Quan điểm tư tưởng của Người về công tác thanh tra, về vị trí vai trò của thanh tra trong bộ máy nhà nước được thể hiện qua quá trình hình thành ý tưởng thiết lập ban thanh tra đặc biệt cũng như bản thân các qui định của bản Sắc lệnh số 64 lịch sử đó.

I/ SỰ THÀNH LẬP BAN THANH TRA ĐẶC BIỆT VÀ Ý TƯỞNG CỦA HỒ CHỦ TỊCH VỀ MỘT CƠ CHẾ KIỂM SOÁT NHẪM BẢO ĐẢM VIỆC THỰC HIỆN QUYỀN LỰC NHÂN DÂN

Ban thanh tra đặc biệt ra đời chỉ chưa đầy hai tháng sau khi chúng ta thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á. Trong bối cảnh nhà nước mới ra đời còn hết sức non trẻ, sự hình thành các cơ quan nhà nước hay các ngành, lĩnh vực công tác trước hết xuất phát từ nhu cầu cấp bách của tình hình. Chúng ta xây dựng chính quyền trong một hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, cả trong nước và quốc tế.

Cách mạng tháng 8 thành công mang lại độc lập cho đất nước, tự do cho mọi người nhưng chúng ta lại đang đứng trước nguy cơ thực dân Pháp quay trở lại xâm lược nước ta một lần nữa. Giặc đói, giặc dốt, giặc ngoại xâm đe dọa sự sống còn của chính quyền. Hơn lúc nào hết bảo vệ chính quyền là mục tiêu hàng đầu của cả dân tộc, vấn đề cơ bản của mọi cuộc cách mạng là vấn đề chính quyền, giành chính quyền đã khó giữ chính quyền còn khó hơn rất nhiều, nhất là phải giữ cho bản chất chính quyền đó thực sự là chính quyền dân chủ nhân dân.

Quán triệt sâu sắc nguyên lý đó Đảng ta và Hồ Chủ tịch, với lập trường cách mạng kiên định đã một mặt bình tĩnh giải quyết những khó khăn chống chất, tập hợp lực lượng chuẩn bị cho cuộc đấu tranh lâu dài gian khổ đồng thời từng bước xây dựng và chăm lo củng cố chính quyền dân chủ nhân dân.

Với nhãn quan cách mạng sáng suốt, ngay từ đầu Hồ Chủ tịch đã thấy trước nguy cơ của căn bệnh quyền lực và cùng với việc hình thành bộ máy chính quyền từ trung ương đến địa phương là việc hình thành cơ chế thanh tra kiểm tra giám sát hoạt động của bộ máy chính quyền và các cán bộ công chức làm việc trong bộ máy đó để bảo đảm xử lý kịp thời các hành vi vi phạm, trừng trị những biểu hiện sai trái của những người lợi dụng danh nghĩa cách mạng để "muru vinh thân, phì gia" như cách nói của Hồ Chủ tịch, lên mặt quan cách mạng ức hiếp quần chúng nhân dân. Người hiểu rằng chỉ có chăm lo củng cố để chính quyền thực sự là của dân được dân tin yêu thì chính quyền đó mới có được sức mạnh vượt qua mọi khó khăn thử thách. Nhu cầu về sự hiện hữu của một tổ chức và hoạt động thanh tra để kiểm soát bộ máy và giải quyết khiếu kiện của dân xuất phát từ thực tiễn khách quan đó.

Ngày 4 tháng 10 năm 1945 Chủ tịch Hồ chí Minh chủ trì họp Hội đồng Chính phủ. Lần đầu tiên Chính phủ đã nêu yêu cầu phải thành lập một tổ chức thanh tra. Trong lúc chờ đợi có một Sắc lệnh thành lập ban Thanh tra, Chính phủ giao cho lãnh đạo cấp trên được quyền xử lý lỗi lầm của cấp dưới,

giao cho Bộ Nội vụ lập một Ủy ban thanh tra hành chính có nhiệm vụ điều tra công việc hành chính của các địa phương

Đầu tháng 10 năm 1945 Hồ Chủ tịch viết bài: "Sao cho được lòng dân", với bút danh Chiến Thắng đăng trên báo Cứu quốc số 65 ngày 12/10/1945 trong đó có đoạn: "Muốn cho dân yêu, muốn cho được lòng dân, việc gì có lợi cho dân phải hết sức làm, việc gì có hại cho dân phải hết sức tránh. Phải chú ý giải quyết hết các vấn đề dầu khó đến đâu cũng mặc lòng, những vấn đề quan hệ tới đời sống của dân. Phải chấp đơn, phải xử kiện cho dân mỗi khi người ta đem tới"

Có thể nói đó là những quan điểm hết sức cơ bản thể hiện sự trăn trở của Người và đó có thể được coi là sự thể hiện tư tưởng cho sự ra đời của Ban thanh tra đặc biệt với những nhiệm vụ đặc biệt sau này.

Ngày 13 tháng 11 năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh dự họp Hội đồng Chính phủ, nghe báo cáo về tình hình Nam Bộ, các vấn đề Tổng tuyển cử...và tổ chức thanh tra. "Về vấn đề thanh tra, Hội đồng Chính phủ đã nhất trí với đề nghị của ông Phạm Ngọc thạch về việc tổ chức Ban thanh tra của Chính phủ để phái đi các tỉnh. Ban Thanh tra có quyền đưa những người làm lỗi ra trước Toà án đặc biệt... Hội đồng Chính phủ thảo luận:

- Ban Thanh tra (thuộc Bộ nội vụ) đã được thành lập. Bộ nội vụ cần phải tìm thêm người. Ban thanh tra sẽ có toàn quyền khen thưởng những người làm tốt và xử phạt những người làm sai.

- Các Bộ trưởng đề nghị mỗi Bộ sẽ có một Ban thanh tra; ban thanh tra sẽ đặt dưới quyền viên thanh tra hành chính do Bộ Nội vụ cử...

Cuối cùng về vấn đề thanh tra, Chủ tịch Hồ Chí Minh phát biểu "*Các Bộ trưởng có thể chia nhau mỗi người đi thanh tra một khu vực gần Hà nội, Bộ Nội vụ sẽ khảo cứu và lập một chương trình về việc này. Có nhiều việc thụt két ở một vài công sở. Mỗi Bộ có trách nhiệm điều tra và đề nghị với Chính phủ nghiêm trị những người làm bậy*"

Như vậy có thể thấy, Hồ Chủ tịch lúc đó đã thấy sự cần thiết phải có hoạt động thanh tra và một tổ chức thanh tra trong các cơ quan Chính phủ đồng thời xác định trách nhiệm của các thành viên Chính phủ trong công tác thanh tra.

Ngày 21 tháng 11 năm 1945 trong phiên họp Chính phủ, nhiệm vụ của Ban thanh tra đặc biệt đã được xác định rõ hơn là "*Ban Thanh tra đặc biệt có nhiệm vụ đi giám sát tất cả các công việc và các nhân viên của các uỷ ban nhân dân và các cơ quan của Chính phủ*".

Ngày 23 tháng 11 năm 1945 Hồ Chủ tịch ký hai sắc lệnh: Sắc lệnh số 63 thành lập Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính để thực hiện chính quyền nhân dân địa phương, vừa thay mặt cho dân, và đại diện cho Chính phủ và Sắc lệnh số 64 thành lập Ban thanh tra đặc biệt. Đây cũng là điều hết sức đặc biệt nhưng hoàn toàn không phải ngẫu nhiên: cùng với việc thành lập cơ quan thực hiện quyền lực nhà nước thì Hồ Chủ tịch cũng đồng thời thiết lập ngay một cơ quan và cơ chế để kiểm soát việc thực hiện quyền lực đó bảo đảm cho các cơ quan nhà nước và các cán bộ nhân viên nhà nước thực sự là công bộc của nhân dân. Đó là biểu hiện cụ thể nhất của một nhà nước mà ở đó *"tất cả quyền bính là của nhân dân"* như sau này qui định trang trọng ngay tại điều 1 của Hiến pháp năm 1946.

Rõ ràng là việc hình thành cơ chế và tổ chức thanh tra nhằm kiểm soát hoạt động của các cơ quan nhà nước là vấn đề mà Đảng ta và Hồ Chủ tịch đã tiên liệu từ trước nhưng việc thành lập Ban thanh tra đặc biệt với những quyền hạn và nhiệm vụ đặc biệt là một sự linh hoạt có tính chất sáng tạo trong bối cảnh bộ máy nhà nước ta còn hết sức sơ khai, các cơ quan nhà nước đang dần dần hình thành. (Cơ quan công tố khi đó chưa được hình thành và chỉ có các thẩm phán công tố viên trong cơ cấu của Tòa án.) Vì vậy ngay tại Sắc lệnh thành lập Thanh tra đặc biệt, Điều thứ VII cũng đã ghi rõ: *"Ban thanh tra đặc biệt và toà án đặc biệt do Sắc lệnh này lập ra chỉ có tính cách tạm thời"*.

Về nhiệm vụ quyền hạn: Ngay tại điều 1 của Sắc lệnh số 64 đã xác định *"Ban thanh tra đặc biệt có uỷ nhiệm là đi giám sát tất cả các công việc và nhân viên của các Ủy ban nhân dân và các cơ quan của Chính phủ"*. để thực hiện nhiệm vụ này, Ban thanh tra có những quyền hạn hết sức đặc biệt là:

- Điều tra, hỏi chứng, xem xét các tài liệu giấy tờ của các Ủy ban nhân dân hoặc các cơ quan của Chính phủ cần thiết cho cho công tác giám sát;
- Đình chức, bắt giam bất cứ nhân viên nào trong nhân dân hay của Chính phủ đã phạm lỗi trước khi mang ra Hội đồng Chính phủ hay Tòa án đặc biệt xét xử;
- Tịch biên hoặc niêm phong những tang vật và dùng mọi cách điều tra để lập một hồ sơ mang một phạm nhân ra Tòa án đặc biệt;
- Ban thanh tra có thể truy tố cả việc đã xảy ra trước ngày ban bố Sắc lệnh này.

Như đã phân tích ở trên thanh tra đặc biệt có cả quyền hạn của cơ quan điều tra và công tố (nay thuộc chức năng của Viện Kiểm sát nhân dân) và cũng chính trong Sắc lệnh này Toà án đặc biệt đã được thiết lập để "*xử những nhân viên của Uỷ ban nhân dân hay các cơ quan của Chính phủ do Ban thanh tra truy tố*". Như vậy có thể thấy quyền hạn của Ban thanh tra đặc biệt là rất cụ thể và có hiệu lực thực hiện rất cao. Trên cơ sở truy tố của Ban thanh tra, "*Toà án đặc biệt có toàn quyền ấn định, có thể tuyên án tử hình. Những án tuyên lên sẽ thi hành trong 48 giờ*".

Chính vì có những quyền hạn đặc biệt như vậy cho nên Ban thanh tra đặc biệt đã hoàn thành được sứ mạng của mình của mình trong bối cảnh khó khăn của tình hình lúc đó, góp phần đưa cách mạng Việt Nam vững bước tiến lên.

II/ NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA BAN THANH TRA ĐẶC BIỆT-SỰ THỂ HIỆN QUAN ĐIỂM CỦA HỒ CHỦ TỊCH VỀ VỊ TRÍ VAI TRÒ VÀ MỤC ĐÍCH CỦA CÔNG TÁC THANH TRA.

Việc thành lập Ban thanh tra đặc biệt đã đánh dấu sự ra đời của ngành thanh tra với tư cách là một hoạt động không thể thiếu trong hoạt động quản lý của bộ máy nhà nước ta. Nhưng điều có ý nghĩa hết sức quan trọng là ngay trong Bản Sắc lệnh đó dù còn hết sức vắn tắt và sơ khai nhưng đã chỉ ra những định hướng quan trọng cho sự phát triển của thanh tra Việt Nam qua việc xác định những chức năng nhiệm vụ cơ bản của thanh tra mà cho đến nay, qua hơn nửa thế kỷ tồn tại và phát triển đã luôn được giữ vững và phát triển và thực sự đã trở thành truyền thống của thanh tra Việt Nam. Đó là công tác thanh tra kiểm tra hoạt động của bộ máy nhà nước, công tác xét giải quyết khiếu nại của dân và đấu tranh chống tham nhũng tiêu cực trong bộ máy nhà nước. Đồng thời qua công tác thanh tra, có những kiến nghị kịp thời để khắc phục những khiếm khuyết từ đó không ngừng hoàn thiện bộ máy nhà nước, thực sự là Nhà nước của dân, do dân và vì dân.

1/ Nhiệm vụ xét giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân:

Tại Điều II Sắc lệnh "*Ban Thanh tra đặc biệt có toàn quyền: Nhận các đơn khiếu nại của nhân dân;*" đây là nhiệm vụ gắn bó chặt chẽ với tổ chức và hoạt động của thanh tra từ trước đến nay. Trong hầu hết các văn bản về công tác thanh tra từ trước đến nay đều có ghi nhận nhiệm vụ này và điều đó được tiếp tục thể hiện trong hệ thống văn bản pháp luật hiện hành: Luật thanh tra năm 2004, Luật khiếu nại, tố cáo.

Trên thực tế khi nói đến công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực hành chính không thể không nói đến vai trò và vị trí cũng như trách nhiệm của cơ quan thanh tra. Công tác giải quyết khiếu nại của dân có ý

nghĩa hết sức quan trọng và được Hồ Chủ tịch thể hiện một cách cô đọng khi căn dặn cán bộ ngành thanh tra *“Đồng bào có oan ức mới khiếu nại hoặc vì chưa hiểu rõ chính sách của Đảng và Chính phủ mà khiếu nại. Ta phải giải quyết nhanh, tốt thì đồng bào thấy rõ Đảng và Chính phủ quan tâm lo lắng đến quyền lợi của họ, do đó mối quan hệ giữa nhân dân với Đảng và Chính phủ càng được củng cố tốt hơn..”*.

2. Về công tác thanh tra:

Điều 1 của Sắc lệnh đã chỉ rõ đối tượng và phạm vi tiến hành thanh tra là *“Tất cả các công việc và các nhân viên của Ủy ban nhân dân và các cơ quan của Chính phủ”* đây thực chất là việc thanh tra kiểm tra chấp hành chính sách pháp luật nhiệm vụ được giao của các cơ quan nhà nước và được thể hiện trong hầu hết các văn bản về tổ chức và hoạt động thanh tra, đặc biệt là trong Pháp lệnh thanh tra năm 1998 và Luật thanh tra năm 2004. Cần nói rằng đây là nhiệm vụ có tính chất truyền thống của ngành thanh tra. Nó chính là nhiệm vụ thanh tra hành chính được qui định trong Luật thanh tra hiện nay với ý nghĩa là nhằm kiểm soát bộ máy.

Hoạt động thanh tra chuyên ngành phát triển trong thời gian gần đây và được ghi nhận trong hoạt động Luật thanh tra thực chất là hoạt động gắn với hoạt động kiểm tra, một công việc có tính chất thường xuyên của người quản lý. Nghiên cứu về phương diện lịch sử, đã có lúc có sự phân biệt giữa thanh tra và kiểm tra. Trong cuộc họp Hội đồng Chính phủ đầu tháng 10 năm 1949, Chính phủ cho rằng *“Phân biệt công việc kiểm tra là công việc thường xuyên của những người phụ trách và công việc thanh tra có tính cách đứng trên mà xem xét công việc của một bộ phận”*. Vậy nên Bác Hồ mới căn dặn *“Thanh tra là tai mắt của trên, là người bạn của dưới”*

Hiện nay, vấn đề thanh tra chức trách công vụ nhiệm vụ của các cơ quan hành chính nhà nước và các cán bộ, công chức nhà nước đang được đặc biệt nhấn mạnh trong Nghị quyết của Đảng cũng như trong chương trình công tác của Chính phủ chính là sự thể hiện mối quan tâm lo lắng của Đảng và Nhà nước ta ngay từ buổi đầu xây dựng chính quyền của dân do dân và vì dân.

Về vấn đề này, ngày 01 tháng 10 năm 1946, Hồ Chủ tịch đã ký Sắc lệnh số 191 thành lập Nhà thanh tra hành chính và chính trị tại Bộ Nội vụ *“có nhiệm vụ giám sát các Ủy ban hành chính và các cơ quan chuyên môn từ cấp kỳ trở xuống, trừ quân đội và các toà án (từ sơ cấp trở lên)”* (Điều 4)

Tại điều 5 bản Sắc lệnh này qui định:

“Về việc giám sát các Ủy ban hành chính, các viên thanh tra có nhiệm vụ:

a/ Giám sát tất cả các công việc của Ủy ban hành chính cấp kỳ và cấp tỉnh và giám sát ít nhất một năm một lần;

b/ Giám sát bất thường các ủy ban hành chính từ cấp kỳ đến cấp xã hay công việc của những uỷ viên trong các Ủy ban ấy mỗi khi nhận thấy cần hay có đơn tố giác;

c/ Trông nom việc thi hành luật lệ; khi gặp trường hợp cần kíp có quyền quyết định ngay nhưng phải tường trình lên Bộ nội vụ để duyệt y...

d/ Thảo luận cùng các Ủy ban hành chính để chỉ dẫn, giải thích, và giải quyết giúp các trường hợp khó khăn, có thể xảy ra khi thi hành luật lệ...”

Đây chính là điểm đặc biệt thể hiện tư tưởng Hồ Chí Minh và cụ thể hoá câu nói của người, “thanh tra...là người bạn của dưới” một sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa những giá trị pháp quyền của phương tây với triết lý pháp quyền Á đông rất Việt Nam. Việc xác định thanh tra là công cụ quan trọng của quản lý không phải là phát hiện mới, người Pháp đã từng nói “Thanh tra là lỗ tai, con mắt của người quản lý”. Bác Hồ đã không những đã thể hiện tư tưởng đó bằng một phong cách thật Việt Nam mà còn hoàn thiện hơn khi không chỉ coi thanh tra là công cụ của người quản lý cai trị, của “cấp trên” mà còn là người có thể tháo gỡ khó khăn vướng mắc cho chính những người thi hành, những người “cấp dưới”. Với một mục đích chung là tất cả vì lợi ích của nhân dân thì thanh tra coi đối tượng thanh tra cũng chính là bạn của mình.

Một điều hết sức đặc biệt nữa là ngay trong bản Sắc lệnh ngăn ngừa và cô đọng đó, Hồ Chủ tịch đã chỉ ra một trong những nhiệm vụ vô cùng quan trọng của công tác thanh tra, đó là “*Ban Thanh tra có quyền đề nghị lên Chính phủ những điều cần sửa đổi trong các cơ quan*”. Quy định này thể hiện quan điểm nhất quán của Đảng và Nhà nước ta về công tác thanh tra. Với tính chất là một công cụ cực kỳ quan trọng trong lãnh đạo quản lý, thanh tra vừa giúp cho các cơ quan lãnh đạo phát hiện ra những sai lầm, khuyết điểm của các đối tượng quản lý để kịp thời khắc phục vừa hướng vào việc tìm ra nguyên nhân của các sai lầm khuyết điểm đó, đặc biệt là các nguyên nhân từ bản thân cơ chế chính sách pháp luật, những sơ hở trong các qui định những yếu kém trong các khâu lãnh đạo quản lý để kiến nghị với Đảng và nhà nước kịp thời có các chủ trương, biện pháp và quyết sách đúng đắn đáp ứng yêu cầu của tình hình thực tiễn.

Quan điểm nêu trên của Bác Hồ về công tác thanh tra đã được thể hiện rất rõ qua tinh thần và lời văn của Pháp lệnh thanh tra năm 1990 và nhất là tại Luật Thanh tra năm 2004 khi nói về mục đích thanh tra là: "...*phát hiện những sơ hở trong cơ chế quản lý, chính sách pháp luật để kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền các biện pháp khắc phục*"

3. Nhiệm vụ đấu tranh chống tham nhũng:

Có thể nói nhiệm vụ chống tham nhũng luôn gắn bó chặt chẽ với công tác thanh tra và công tác giải quyết khiếu nại tố cáo. Tham nhũng là căn bệnh cố hữu của quyền lực, của bộ máy nhà nước. Tham nhũng như cách nói của Hồ Chủ tịch là bất liêm, "tham tiền của, tham địa vị, tham danh tiếng, tham ăn ngon... cán bộ cậy quyền thế mà đục khoét nhân dân, ăn củ đút hoặc trộm của công làm của tư"

Hồ Chủ tịch đã từng gọi tham nhũng là "*kẻ thù bên trong*". Trong tác phẩm "*Chống bệnh quan liêu tham ô, lãng phí*" đăng trên báo Nhân dân số ra ngày 31/7/1952, Người chỉ rõ: "*Tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu, dù cố ý hay không cũng là bọn đồng minh của thực dân phong kiến*" "*những kẻ tham ô, lãng phí và quan liêu thì phá hoại tinh thần, phí phạm sức lực, tiêu hao của cải của Chính phủ và nhân dân. Tội ấy nặng như tội Việt gian, mật thám*" "*Trộm cắp tiền bạc của nhân dân, làm tổn hại kinh tế của Chính phủ cũng là mật thám, phản quốc, nếu không phải là tệ hại hơn.*"

Sắc lệnh đã trao cho Ban thanh tra những quyền hạn rộng lớn để có đủ điều kiện để thực hiện chức trách của mình đồng thời cũng thể hiện một thái độ kiên quyết đấu tranh chống kẻ tham nhũng. "*Đình chức, bắt giam bất cứ nhân viên nào trong Ủy ban nhân dân hay Chính phủ đã phạm lỗi trước khi mang ra Hội đồng Chính phủ hay Tòa án đặc biệt để xét xử... dùng mọi cách để lập một hồ sơ mang một phạm nhân ra Tòa án đặc biệt...có thể truy tố cả việc đã xảy ra trước ngày ban bố sắc lệnh này...*". Trên thực tế nhiều vụ việc tham nhũng đã được phát hiện, xử lý kịp thời nghiêm khắc củng cố lòng tin của nhân dân vào chính quyền cách mạng. Nó cũng thể hiện thái độ không khoan nhượng của Đảng và Nhà nước ta đối với loại tệ nạn này. Hồ Chủ tịch từng nói: "*Pháp luật phải thẳng tay trừng trị những kẻ bất liêm, bất kỳ kẻ ấy ở địa vị nào*". Câu nói đó của Người chẳng phải đã trở thành một trong những nguyên tắc của Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005 mà ngành thanh tra có trọng trách giúp Nhà nước ban hành đó sao? "*Người có hành vi tham nhũng ở bất kỳ cương vị, chức vụ nào phải bị xử lý nghiêm minh*"

Trong quá trình nghiên cứu lịch sử hình thành và phát triển pháp luật về chống tham nhũng, nhiều ý kiến khẳng định rằng Sắc lệnh thành lập Ban thanh tra đặc biệt chính là văn bản pháp lý đầu tiên của Nhà nước ta về chống

tham nhũng. Chính vì vậy khi nói đến đấu tranh chống tham nhũng, vai trò của công tác thanh tra luôn được đề cao. Trong hầu hết các văn bản pháp luật về tổ chức và hoạt động thanh tra từ trước đến nay, chống tham nhũng luôn là một trong những nhiệm vụ của ngành thanh tra Việt nam. Luật thanh tra năm 2004 đã khẳng định lại một lần nữa điều này khi qui định các tổ chức thanh tra Nhà nước có nhiệm vụ phòng, chống tham nhũng. Thanh tra cũng là ngành duy nhất cho đến nay mà chống tham nhũng được coi là một nhiệm vụ chính thức được qui định trong luật. Mới đây nhất tại Luật phòng, chống tham nhũng một mặt qui định Thanh tra Chính phủ có đơn vị chuyên trách chống tham nhũng, mặt khác qui định cho thanh tra nhiệm vụ, quyền hạn tiến hành thanh tra việc thực hiện các qui định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng. Đó chính là để tiếp tục phát huy truyền thống vẻ vang mà vinh dự được Bác Hồ giao cho ngay từ khi thành lập Ban thanh tra đặc biệt

Tóm lại, nếu như Sắc lệnh 64 đã đi vào lịch sử đánh dấu sự ra đời của ngành thanh tra Việt Nam thì ở một phương diện khác các qui định của Sắc lệnh số 64 cũng thể hiện một cách cụ thể nhất rõ nét nhất quan điểm, tư tưởng của Hồ Chủ tịch về công tác thanh tra. Đó cũng là định hướng cho quá trình phát triển và trở thành truyền thống của Thanh tra Việt Nam hơn nửa thế kỷ qua cần tiếp tục phát huy trong tình hình và điều kiện mới của đất nước.

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHỐNG THAM Ô LÃNG PHÍ, QUAN LIÊU, NHỮNG BIỆN PHÁP, KIẾN NGHỊ VẬN DỤNG TRONG TÌNH HÌNH HIỆN NAY

PGS.TS. Lưu Văn Sùng
*Viện trưởng Viện Khoa học chính trị
Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh*

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng Hồ Chí Minh rất quan tâm đến chống tham ô, lãng phí, quan liêu, vì nó là vấn đề hệ trọng có quan hệ đến vận mệnh của cách mạng, của công cuộc xây dựng chế độ mới.

Ở nước ta hiện nay quan liêu tham nhũng đang là "quốc nạn", một trọng bệnh của cơ quan nhà nước, là vấn đề bức xúc được sự quan tâm giải quyết của toàn Đảng, toàn dân. Nếu không đẩy lùi được quan liêu tham nhũng là nguy cơ nghiêm trọng và có thể trở thành tình huống chính trị phức tạp.

Nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề này để làm cơ sở cho việc giải quyết những nhiệm vụ hiện nay của nước ta thực sự là cần thiết. Từ đó giúp chúng ta kiên định hơn, cả quyết hơn và bình tĩnh hơn trong việc xử lý một vấn đề phức tạp và nan giải hiện nay.

Nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh rất phong phú, có thể tập trung vào ba nội dung chính sau đây:

1. Kết tội nhà nước thực dân phong kiến, làm cách mạng để xây dựng nhà nước trong sạch sáng suốt, thực sự của dân, do dân, vì dân.
2. Tác hại của tham ô, lãng phí, quan liêu.
3. Những giải pháp, chống tham ô, lãng phí, quan liêu.

I. KẾT TỘI NHÀ NƯỚC THỰC DÂN PHONG KIẾN, LÀM CÁCH MẠNG ĐỂ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC TRONG SẠCH SÁNG SUỐT THỰC SỰ CỦA DÂN, DO DÂN, VÌ DÂN

Nhà nước của giai cấp bóc lột vốn là công cụ để tước đoạt của cải của nhân dân, đàn áp nhân dân, là bộ máy ăn bám "ký sinh trùng" của xã hội, quan chức nhà nước là một bầy sâu mọt ăn bám. Sự bản thù tội tệ ấy biểu hiện đầy đủ nhất trong nhà nước thực dân phong kiến ở nước ta trước đây. Nguyễn ái Quốc đã vạch trần nó trong "Bản án chế độ thực dân Pháp".

Tệ tham nhũng trầm trọng trong bộ máy cai trị. "Hết hành vi điên rồ này đến hành vi điên rồ khác đã phung phí đồng tiền mà người dân An Nam

khốn khổ đã phải đổ mồ hôi nước mắt mới kiếm được". Chỉ cho con Ròng tre (vua An Nam) sang ngao du bên Pháp tốn hàng triệu phrăng; triển lãm ở Mác xây mời ba chục viên chức cao cấp ở thuộc địa về, ăn chơi phè phỡn; riêng Đông Dương phải bỏ ra 12 triệu phrăng cho cuộc triển lãm này; chỉ cho đi lại của quan toàn quyền bằng xe hơi, xe buýt chưa đủ còn có một toa xe lửa đặc biệt, một chiến hạm dành riêng cho sự đi lại của cụ lớn; chỉ cho hoạt động của nhà kinh tế; chỉ cho công việc thanh tra; chỉ cho đón tiếp các phái đoàn...; tốn kém mỗi lần, mỗi việc hàng triệu phrăng mà người dân An Nam phải gánh chịu.

Quan toàn quyền chưa vừa ý với những lâu đài tráng lệ của ngài ở Sài Gòn và Hà Nội, còn phải thêm cho ngài một biệt thự ở bãi biển. Ngân sách Đông Dương è lưng ra gánh chịu. Còn các quan cai trị đều là các ông vua con, đi xe hơi, xe ngựa sang trọng, còn có nhiều kẻ hầu người hạ, những cuộc giải trí văn chương... đều do ngân sách gánh chịu. Ngoài ra ngân sách còn phải chi học bổng cho các cậu ấm, kẻ hầu người hạ cho các bà lớn...

Một cựu nghệ sĩ thăm thuộc địa về, đã phải thốt lên "So với bọn viên chức thuộc địa thì những tên cướp đường còn là những người lương thiện".

Còn hội đồng quân hạt cũng như vậy. "Có thể nói một số phiên họp của hội đồng quân hạt chỉ là để bàn việc cướp giết công quỹ một cách có phương pháp. Riêng một ông Chủ tịch nào đó của hội đồng đã được lãnh thầu những công việc trị giá hai triệu phrăng rồi. Ông đồng lý sự vụ nọ, đại diện cho Chính phủ trong hội đồng, đã xin tăng lương mình lên gấp đôi và được chấp thuận. Việc làm một con đường kéo dài năm này qua năm khác chẳng ai kiểm tra đem lại cho một vị thứ ba những món lợi thường xuyên đều đặn. Chức vụ thầy thuốc của các viên chức Đông Dương đem lại cho vị thứ tư một khoản lương khá lớn. Vị thứ năm được bổ làm thầy thuốc các công sở thành phố. Vị thứ sáu nhận cung ứng giấy và in tài liệu cho Chính phủ. Cứ thế, vân vân và vân vân".

"Một cựu toàn quyền Đông Dương, một hôm đã tự thú nhận rằng thuộc địa này đầy rẫy những viên chức ăn hại ngân sách mà thường chẳng được tích sự gì".

"Một người thực dân viết: quá nửa số viên chức ấy, từ các quan đầu tỉnh đến các quan chức khác, đều không đủ tư cách cần thiết của những người được giao phó những quyền hạn rộng rãi và ghê gớm như thế".

Bản án chế độ thực dân Pháp đã phản ánh đầy đủ, sâu sắc nhất bộ mặt thật của bộ máy cai trị thực dân phong kiến - bộ máy cướp đoạt của dân gồm những quan nài tham nhũng, ăn bám, vô tích sự. Vì vậy phải làm cách mạng đập tan bộ máy cai trị ấy, để thành lập chính quyền của nhân dân. Hồ Chí

Mình đã viết: "Non hai tháng trước đây, trước cuộc khởi nghĩa 19-8-1945, nói tới hai chữ Chính phủ người ta nghĩ ngay tới một bọn đảng cướp nguy hiểm. Trái lại, ai ai với Chính phủ nhân dân hiện nay cũng đều có một tình cảm thân mật xen lẫn với một tôn kính sâu xa".

Được như vậy bởi vì "... Nước ta là nước dân chủ. Bao nhiêu lợi ích đều vì dân. Bao nhiêu quyền hạn đều của dân. Công việc đổi mới, xây dựng là trách nhiệm của dân. Sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc là công việc của dân. Chính quyền từ xã đến Trung ương do dân cử ra. Đoàn thể từ Trung ương đến xã do dân tổ chức nên. Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân". "Nhân dân là bốn giai cấp: công, nông, tiểu tư sản, tư sản dân tộc. Dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân và của Đảng, các giai cấp này đoàn kết lại bầu ra Chính phủ của mình". "Nhân dân là ông chủ nắm chính quyền, nhân dân bầu ra đại diện thay mặt mình thi hành chính quyền ấy". "Làm cán bộ tức là suốt đời làm đầy tớ trung thành của nhân dân".

Làm cách mạng đập tan bộ máy nhà nước ăn bám, quan liêu tham nhũng và xây dựng nhà nước của nhân dân cũng đã được các nhà sáng lập Chủ nghĩa xã hội khoa học quan tâm nghiên cứu và nêu ra những luận điểm đặc biệt quan trọng. Tổng kết những bài học kinh nghiệm của công xã Paris, C.Mác đã chỉ rõ "Nhà nước ăn bám chỉ phát triển đầy đủ nhất dưới thời Đế chế II. Quyền lực của Chính phủ, với quân đội thường trực của nó, với chế độ quan lại có quyền vạ nã của nó, với giới tăng lữ ngu dân và với hệ thống cấp bậc tòa án nô lệ của nó, đã trở nên độc lập đối với chính ngay xã hội tới mức một kẻ phiêu lưu tầm thường đến nực cười, đứng đầu một bầy phiêu lưu tham lam, cũng đủ để thực hành quyền lực đó". Công xã Paris "bằng việc thành lập công xã, nhân dân đã tự mình nắm lấy quyền lực thực sự lãnh đạo cuộc cách mạng và đồng thời trong những trường hợp thành công, đã tìm được cách mạng duy trì quyền lãnh đạo ấy trong tay bản thân nhân dân, bằng cách thay thế bộ máy nhà nước, bộ máy cai trị của giai cấp thống trị bằng bộ máy cai trị của mình". "Công xã không phải là một cuộc cách mạng chống lại hình thức này hay hình thức khác của chính quyền nhà nước, chính thống, lập hiến, cộng hòa hoặc bảo hoàng. Mà đó là một cuộc cách mạng chống lại bản thân nhà nước, cái quái thai siêu tự nhiên ấy của xã hội; đó là việc nhân dân vì lợi ích của bản thân mà đoạt trở lại đời sống xã hội của bản thân mình. Đó không phải là một cuộc cách mạng để chuyển giao quyền lực ấy từ tay một bộ phận của giai cấp thống trị này sang tay một bộ phận khác, mà là cuộc cách mạng để đập tan chính ngay bộ máy ghê tởm đó của sự thống trị giai cấp". "Công xã loại bỏ hoàn toàn hệ thống đẳng cấp chính trị và thay thế những ông chủ ngạo mạn của nhân dân bằng những đầy tớ luôn có thể bị bãi miễn; thay thế một trách nhiệm tưởng tượng bằng một trách nhiệm thực sự vì những người được

ủy nhiệm này luôn luôn hành động dưới sự kiểm soát của nhân dân". V.I. Lênin lãnh đạo Cách mạng tháng Mười thành công và xây dựng nhà nước công nông đầu tiên trên thế giới. Người đã áp dụng nhiều giải pháp chống quan liêu, tham nhũng, khắc phục sự thoái hóa của cán bộ cầm quyền.

Song, những tư tưởng trên chưa thực sự thành công trong thực tiễn. Công xã Paris tồn tại 74 ngày những tiêu cực của nó chưa nảy sinh. Còn nhà nước Xô Viết công nông tồn tại gần 74 năm đã bộc lộ những khuyết tật; so với các loại hình nhà nước khác tham nhũng không lớn, nhưng quan liêu lãng phí rất trầm trọng. Bởi vì nhà nước Xô Viết trực tiếp điều hành kinh tế xã hội (phi thị trường), mà kinh tế xã hội thì luôn sống động phát triển, còn nhà nước vốn là tổ chức quan liêu, để điều hành được thì bộ máy nhà nước phải phình to ra, càng phình to ra thì càng quan liêu bất lực. Bộ máy hành chính của Liên Xô (trước đây) gần 18 triệu người, nhưng không điều hành được kinh tế- xã hội. Chi tiêu cho bộ máy ấy rất tốn kém, chưa kể đến lãng phí do nền kinh tế kế hoạch hóa, chế độ phân phối bao cấp...

Ở nước ta, sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, cả nước bước vào cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp, ngay thời kỳ đó cũng đã nảy sinh tham ô, lãng phí, quan liêu, tuy chưa trầm trọng. Sau năm 1954, miền Bắc được giải phóng thực hiện công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, miền Nam tiếp tục đấu tranh chống Mỹ Ngụy tiến tới thống nhất đất nước. Mặc dù trong điều kiện miền Bắc vừa là hậu phương lớn chi viện cho tiền tuyến lớn miền Nam, vừa trực tiếp đánh trả chiến tranh phá hoại của giặc Mỹ, khí thế cách mạng sục sôi, nhưng tham ô, lãng phí, quan liêu vẫn nảy sinh. Chúng ta đã tìm cách đẩy lùi nó bằng các cuộc vận động cải tiến vòng 1, vòng 2, vòng 3 trong hợp tác xã nông nghiệp, cuộc vận động 3 xây, 3 chống trong các xí nghiệp quốc doanh, tuy có giảm đi nhưng về cơ bản vẫn chưa khắc phục được. Rồi đến năm 1975 cả nước được hoàn toàn giải phóng, trải qua 10 năm trấn trở tìm đường đổi mới, đến năm 1986 công cuộc đổi mới được triển khai toàn diện. Thực hiện công cuộc đổi mới gần 20 năm qua, thành tựu phát triển kinh tế rất lớn lao và quan liêu tham nhũng cũng rất trầm trọng. Vì sao lại như vậy? Trước hết cần thấy rõ nguồn gốc của quan liêu tham nhũng.

Thứ nhất, quan liêu tham nhũng có nguồn gốc từ bản chất giai cấp của nhà nước. Nhà nước của giai cấp bóc lột là công cụ tước đoạt của nhân dân, quan lại là bọn "cướp ngày". Còn nhà nước của nhân dân do chính đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo là công cụ đảm bảo quyền làm chủ của nhân dân; cán bộ, nhân viên của các cơ quan nhà nước là "đầy tớ" của nhân dân, thừa hành quyền lực của nhân dân. Chính phân định rõ bản chất này, khi nói đến nhà nước thực dân phong kiến ở nước ta, Hồ Chí Minh đã dùng thuật ngữ "tệ

tham nhũng" khi nói đến nhà nước của nhân dân sau Cách mạng tháng Tám, lại dùng khái niệm "nạn tham ô", "bệnh lãng phí", "bệnh quan liêu".

Thứ hai, quan liêu tham nhũng có nguồn gốc từ tổ chức và phương thức hoạt động của nhà nước. Nhà nước là bộ máy hành chính được tổ chức nhiều bộ phận, nhiều tầng nấc, nhiều khâu trung gian, thực hiện chức năng công quyền bằng pháp luật, chỉ thị, mệnh lệnh. Do vậy mà nảy sinh quan liêu, tạo kẽ hở cho người cầm quyền lợi dụng quyền lực để mưu lợi cho mình, "một người làm quan cả họ được nhờ"; Có quyền để có tiền, để vinh thân phi gia".

Thứ ba, quan liêu tham nhũng có nguồn gốc từ quyền lực nhà nước chưa được kiểm soát. Sự hình thành thể chế quân chủ lập hiến, đặc biệt là sự hình thành thể chế cộng hòa có sự phân công và kiểm soát lẫn nhau giữa lập pháp, hành pháp và tư pháp, dùng quyền lực nhà nước để kiểm soát quyền lực nhà nước, tuy đã có những kết quả nhất định, nhưng cũng chưa thực sự kiểm soát được quyền lực nhà nước. Chừng nào chưa kiểm soát được quyền lực thì bộ máy cầm quyền, người nắm giữ quyền còn vô trách nhiệm, còn lợi dụng quyền lực để mưu lợi cho mình. Do vậy mà còn quan liêu tham nhũng.

Thứ tư, quan liêu tham nhũng có nguồn gốc từ phẩm chất, năng lực của những quan chức trong cơ quan nhà nước. Những người cầm quyền có trình độ hiểu biết, có phẩm chất đạo đức tốt thường ít quan liêu tham nhũng vì họ biết rõ trách nhiệm của mình và biết trọng danh dự. Còn ngược lại thì vô trách nhiệm, vụ lợi, trở thành những con sâu mọt trong bộ máy nhà nước.

Bệnh quan liêu, lãng phí trong nhà nước Xô Viết trước đây và bệnh quan liêu, nạn tham nhũng trong bộ máy nhà nước ta hiện nay không phải thuộc bản chất của Nhà nước. Bởi vì nó là nhà nước của dân, do dân, vì dân dưới sự lãnh đạo của chính Đảng của giai cấp công nhân với mục tiêu mọi lợi ích, mọi quyền lực thuộc về nhân dân, ngoài ra Đảng không có mục tiêu nào khác.

- Nguyên nhân cơ bản của tệ nạn ấy là tổ chức bộ máy công kênh, nhiều tầng nấc, nhiều khâu trung gian, quyền hạn và trách nhiệm không rõ ràng giữa các cơ quan nhà nước và giữa các viên chức nhà nước; là chưa có thể chế kiểm soát quyền lực có hiệu quả, nảy sinh sự lạm quyền, lợi dụng quyền lực để tham nhũng; là đội ngũ cán bộ năng lực và phẩm chất yếu kém...

Song, nếu bệnh quan liêu và tệ tham nhũng không được đẩy lùi thì có thể làm tha hóa Đảng và nhà nước, trở thành xa lạ đối lập với nhân dân.

II. TÁC HẠI CỦA THAM Ô, LÃNG PHÍ, QUAN LIÊU

Lúc sinh thời, Hồ Chí Minh trực tiếp xây dựng, lãnh đạo chính quyền nhà nước của nhân dân, bệnh quan liêu, tệ tham ô, lãng phí đã xuất hiện,

nhưng chưa trầm trọng. Có lẽ vì vậy khi đó Người chưa dùng khái niệm tham nhũng. Hơn nữa chính quyền nhà nước của nhân dân, do Đảng Cộng sản lãnh đạo ngờ đâu lại phát sinh quan liêu tham nhũng trầm trọng như hiện nay. Nhưng ngay từ những năm kháng chiến chống Pháp căn bệnh trên đã nảy sinh và Hồ Chí Minh đã đặc biệt quan tâm chống lại căn bệnh nan y này. Người đã chỉ rõ:

Trong lúc cuộc kháng chiến gay go quyết liệt cần phải phá tan âm mưu địch "dùng người Việt đánh người Việt, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh". Muốn làm tròn những nhiệm vụ nói trên thì chúng ta phải chống những gì trở ngại chúng ta.

- Một là chống bệnh quan liêu. Bệnh quan liêu là bệnh giấy tờ, bệnh hình thức, không thực tế, xa cách quần chúng, không theo đường lối quần chúng, làm không đúng chính sách của Chính phủ và của đoàn thể.

- Hai là chống nạn tham ô. Tham ô là lấy của công làm của tư. Là gian lận tham lam. Là không tôn trọng của công. Là không thương tiếc tiền gạo do mồ hôi nước mắt của đồng bào làm ra, do xương máu cả chiến sĩ làm ra.

- Ba là chống bệnh lãng phí. Tuy không trộm cắp của công như tham ô, nhưng lãng phí cũng làm cho nhân dân và Chính phủ thiệt thòi, hao tổn, kết quả thì lãng phí cũng có tội như tham ô.

Tham ô lãng phí đều do bệnh quan liêu mà ra. Vì vậy từ nay, toàn thể đồng bào, toàn thể chiến sĩ, toàn thể cán bộ phải xem quan liêu, tham ô, lãng phí là những tội lỗi đối với Tổ quốc, đối với đồng bào".

Có tham ô lãng phí là "Vì cán bộ phụ trách lãnh đạo các cấp, các ngành quan liêu không đi sát công việc, cán bộ, quần chúng nhân dân. Có thể nói bệnh quan liêu là chỗ gieo hạt vun trồng cho tham ô, lãng phí nảy nở được".

Quan liêu chủ yếu thể hiện ở phong cách, đạo đức, trình độ cán bộ. Chứng bệnh ấy tỏ ra bằng các mâu vè.

"Đối với người.

Cấp trên đối với cấp dưới, cán bộ đối với nhân dân, quân quan đối với binh sĩ, bộ đội đối với dân chúng - chỉ biết dùng mệnh lệnh. Không biết giải thích, tuyên truyền. Không biết làm dân chúng tự giác và tự động.

Đối với công việc

Chỉ biết khai hội, viết nghị quyết, ra chỉ thị. Chứ không biết điều tra, nghiên cứu, đôn đốc, giúp đỡ, khuyến khích, kiểm tra.

Đối với mình.

Việc gì cũng kèn càng, chậm rãi, làm cho qua chuyện. Nói một đường làm một nẻo.

Chỉ biết lo cho mình, không quan tâm đến nhân dân, đến đồng chí.

Một vẻ quan liêu nữa là: Chỉ biết ăn sang, diện cho keng; chẳng những không lo phụng sự nhân dân, mà còn muốn nhân dân phụng sự mình.

Tham ô, hủ hóa. Trước mắt dân chúng thì lên mặt "quan cách mạng".

Đó là mấy vẻ chính của bệnh quan liêu".

Theo Hồ Chí Minh tham ô được xem xét cả hai phía cán bộ và nhân dân.

- Đứng về phía cán bộ mà nói, tham ô là:

Ăn cắp của công làm của tư

Đục khoét của nhân dân

Ăn bớt của bộ đội.

Tiêu ít mà khai nhiều, lợi dụng của chung của Chính phủ để làm quỹ riêng cho địa phương mình, đơn vị mình, cũng là tham ô.

- Đứng về phía nhân dân mà nói, tham ô là:

Ăn cắp của công, khai gian, lậu thuế".

"Còn lãng phí có nhiều cách

- Lãng phí sức lao động...

- Lãng phí thời giờ...

- Lãng phí tiền của...

Mà có nạn tham ô và lãng phí là vì bệnh quan liêu.

Vì những người và những cơ quan lãnh đạo từ cấp trên đến cấp dưới không sát công việc thực tế, không theo dõi và giáo dục cán bộ, không gần gũi quần chúng. Đối với công việc thì trọng hình thức mà không xem xét hết mọi mặt, không đi sâu vào vấn đề. Chỉ biết khai hội, viết chỉ thị, xem báo cáo trên giấy, chứ không kiểm tra đến nơi, đến chốn.

Nói tóm lại, vì những người và những cơ quan lãnh đạo mắc bệnh quan liêu thành thử có mắt mà không thấy suốt, có tai mà không nghe thấu, có chế độ mà không giữ đúng, có kỷ luật mà không nắm vững. Kết quả là những người xấu, những cán bộ kém tha hồ tham ô lãng phí.

Thế là bệnh quan liêu áp ủ, dung túng, che chở cho nạn tham ô, lãng phí. Vì vậy, muốn trừ sạch nạn tham ô, lãng phí, thì trước mắt phải tẩy sạch bệnh quan liêu".

Hồ Chí Minh kết tội nạn tham ô lãng phí và bệnh quan liêu.

"Tham ô lãng phí và bệnh quan liêu là kẻ thù của nhân dân, của bộ đội và của Chính phủ.

Kẻ thù khá nguy hiểm, vì nó không mang gươm mang súng, mà nằm trong các tổ chức của ta, để làm hỏng công việc của ta.

Tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu, dù cố ý hay không, cũng là bạn đồng hành của thực dân phong kiến. Vì nó làm chậm trễ công việc kháng chiến và kiến quốc của ta. Nó làm hỏng tinh thần trong sạch và ý chí khắc khổ của cán bộ ta. Nó phá hoại đạo đức cách mạng của ta là cần, kiệm, liêm, chính.

Để kháng chiến thắng lợi, để xây dựng nước nhà, chiến sĩ thì hy sinh xương máu, đồng bào thì hy sinh mồ hôi nước mắt để đóng góp. Mà những kẻ tham ô, lãng phí và quan liêu thì phá hoại tinh thần, phí phạm sức lực, tiêu hao của cải của Chính phủ và của nhân dân. Tội lỗi ấy cũng nặng như tội lỗi vi phạm, mật thám". "Tham ô, lãng phí, quan liêu là một thứ "giặc ở trong lòng".

Như vậy, Hồ Chí Minh đã nêu rõ khái niệm tham ô, lãng phí, quan liêu; nguồn gốc và những tác hại của căn bệnh này.

Nhưng hiện nay quan liêu, tham nhũng đã trở thành quốc nạn, một trọng bệnh. Nếu không đẩy lùi có hiệu quả thì căn bệnh này đặt chế độ ta vào một nguy cơ - nó phá vỡ sự ổn định chính trị - xã hội, tổn hại kinh tế, suy thoái, băng hoại đạo đức...

Quan liêu tham nhũng ở nước ta hiện nay không chỉ do phong cách, đạo đức, trình độ của cán bộ yếu kém, hoặc do phương thức hoạt động của tổ chức kém hiệu quả, mà còn do thể chế kinh tế và thể chế chính trị đã được thiết lập không phù hợp với tiến trình phát triển của kinh tế - xã hội.

Chế độ công hữu về tư liệu sản xuất được thiết lập trong toàn bộ nền kinh tế là căn nguyên sâu xa phát sinh quan liêu tham nhũng. Bởi vì nó không xác định được chủ sở hữu đích thực như tư nhân, có lúc dường như nó vô chủ, do vậy tư liệu sản xuất, của cải sử dụng lãng phí hư hại. Chuyển sang cơ chế thị trường thì lại càng không kiểm soát được, bởi vì những công cụ quản lý nền kinh tế công hữu như tài chính, ngân hàng, kế hoạch, giá cả... mất tác dụng. Những kẻ tham lam vụ lợi tha hồ cướp đoạt của cải của Nhà nước và tập thể. Các thể chế về tài chính, ngân hàng, giá cả... của nền kinh tế bao cấp càng duy trì trong nền kinh tế thị trường lại càng tạo điều kiện cho tham nhũng. Vì

dụ như cứ duy trì thể chế cấp phát "xin cho" thì khó tránh khỏi tham nhũng. Trong khi đó luật pháp và những công cụ quản lý, điều tiết nền kinh tế thị trường chưa được xác lập và hoàn thiện thì tệ buôn gian bán lận, "rút túi ăn cắp" trở thành bệnh dịch xã hội. Sự cấu kết giữa bộ phận thoái hóa trong cơ quan nhà nước với bộ phận thoái hóa trong các doanh nghiệp, giữa người nắm giữ quyền lực với bọn cầm đầu trong "xã hội đen" làm cho tình hình càng trở nên trầm trọng. Tham nhũng đến mức độ nhất định sẽ hình thành ma-phi-a trong đời sống xã hội.

Về thể chế chính trị, ở nước ta đã thiết lập thể chế chính trị nhất nguyên do Đảng Cộng sản lãnh đạo trong nhiều năm, hệ thống chính trị cơ bản theo mô hình của Liên Xô trước đây. Hệ thống này thiếu cơ chế cân bằng và kiểm soát quyền lực có hiệu quả. Do vậy, người cầm quyền sẽ lạm quyền, chuyên phát và lợi dụng quyền lực mưu lợi cho mình. Trong cơ chế hành chính bao cấp dễ nảy sinh độc tài chuyên chế. Còn trong cơ chế thị trường dễ nảy sinh dùng quyền để kiếm ra tiền, mua quan bán chức, kinh doanh chính trị. Những ngày hiếu, hi, lễ, tết..., hàng trăm triệu tự động "đội nón" đến các nhà quan chức. Nền văn minh lúa nước Việt Nam đang chuyển sang "nền văn minh phong bì". Ai cũng lên án tham nhũng, nhưng ít ai thoát khỏi vòng xoáy của nạn tham nhũng dưới nhiều hình thức nếu như vẫn là quan chức nhà nước.

Một khi thể chế kinh tế còn nhiều sơ hở, thể chế chính trị chưa hạn chế được người cầm quyền lợi dụng quyền lực để mưu lợi cho mình thì nạn quan liêu tham nhũng tất yếu nảy sinh. Và như vậy sẽ dẫn đến suy thoái, băng hoại đạo đức đội ngũ cán bộ cầm quyền. Không ít người vốn là cán bộ trưởng thành trong chiến đấu, được nhân dân nuôi dưỡng, đùm bọc, che chở; không ít người đã được đào tạo dạy dỗ dưới mái trường xã hội chủ nghĩa; khi trở thành cán bộ họ luôn được học tập là "đầy tớ nhân dân", thừa hành quyền lực của nhân dân...; nhưng họ vẫn trở thành kẻ tham nhũng. Hàng nghìn tù nhân trong nhà tù hiện nay vốn là cán bộ nhà nước - Có lẽ cũng còn hàng nghìn kẻ tham nhũng đang sống đàng hoàng trong cơ quan nhà nước - những con sâu mọt đang hủy hoại xã hội. Nếu chúng ta không đẩy lùi và đánh bại cái nạn "giặc nội xâm" này thì hậu quả ra sao?

Đây là một thử thách, một vấn đề có ý nghĩa sống còn đối với vận mệnh của Đảng, Nhà nước và dân tộc ta.

Trước hết, là không đẩy lùi được quan liêu tham nhũng thì không đảm bảo phát triển bền vững của kinh tế. Những vụ tham nhũng hiện nay không phải là nhỏ mà rất lớn hàng nghìn tỷ đồng, nếu tính cả lãng phí thất thoát trong xây dựng cơ bản và các lĩnh vực khác thì lại càng lớn. Có lẽ phải bằng 2% GDP hàng năm của nước ta. Hơn nữa hàng nghìn tỷ đồng tham nhũng lãng phí

ấy lại được tính vào tăng trưởng GDP, do vậy tỉ lệ tăng trưởng hàng năm ít nhiều mang tính chất giả tạo. Do tham nhũng thất thoát mà các công trình xây dựng không đảm bảo chất lượng, đường sá mau hỏng, cầu, cống, nhà cửa mau xuống cấp, trước mắt là thành tích tăng trưởng, nhưng lâu dài là sự phá hoại. Cũng do tham nhũng thất thoát mà chi tiêu của ngân sách nhà nước rất lớn, nguồn thu dựa vào thuế, mức thuế cao hạn chế tích lũy tái sản xuất mở rộng của các doanh nghiệp. Nguồn thu ngân sách nhà nước hiện nay 50% là từ dầu khí. Như vậy một nửa chi tiêu ngân sách của Nhà nước là tài nguyên quốc gia. Có nghĩa là chúng ta chi tiêu của cả đời con đời cháu. Mặt khác, cộng đồng quốc tế không thể tiếp tục viện trợ giúp đỡ, nếu chúng ta không đẩy lùi quan liêu tham nhũng. Quan liêu tham nhũng đã hạn chế, triệt tiêu nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội, gây hậu quả lâu dài cho xã hội.

Thứ hai, là nếu không đẩy lùi được quan liêu tham nhũng thì có thể dẫn đến những tình huống chính trị phức tạp. Vì nó gây nên bất bình, khinh bỉ, căm ghét của nhân dân đối với những kẻ cầm quyền quan liêu tham nhũng và có thể dẫn tới khiếu kiện, biểu tình, chống đối, phát sinh các điểm nóng xã hội hoặc điểm nóng chính trị xã hội. Điểm nóng ở tỉnh Thái Bình năm 1997 - 1998, ở huyện Giao Thủy (tỉnh Nam Định) năm 1998 - 2002 và nhiều nơi khác là từ chống quan liêu tham nhũng. Điểm nóng ở các tỉnh Tây Nguyên năm 2001 và 2004 không phải không có nguyên nhân từ quan liêu tham nhũng. Nếu chúng ta không xa dân, không bỏ trống buôn làng để bọn phản động xâm nhập, nếu chúng ta thực hiện tốt các chính sách, các chương trình trợ giúp của Nhà nước với đồng bào dân tộc Tây Nguyên thì có lẽ tình hình không phức tạp như vậy. Mặt khác, quan liêu tham nhũng tất yếu sẽ dẫn đến mất đoàn kết trong nội bộ những người cầm quyền và có thể dẫn đến hình thành những phe cánh chống đối lẫn nhau. Và khi nhân dân chống đối, nội bộ mất đoàn kết thì kẻ thù sẽ lợi dụng phá hoại. Hậu quả khôn lường.

Thứ ba, là nếu không đẩy lùi được quan liêu tham nhũng thì sẽ dẫn đến tha hóa biến chất Đảng và nhà nước. Mục tiêu lý tưởng của Đảng ta là mọi lợi ích, mọi quyền lực đều thuộc về nhân dân, ngoài ra Đảng ta không có mục tiêu nào khác. Chúng ta đang xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân. Song quan liêu tham nhũng làm cho Đảng và Nhà nước xa rời mục tiêu ấy. Bởi vì nó làm phai nhạt lý tưởng của cán bộ nắm quyền lực, không chỉ ở cấp thấp mà cả ở cấp cao. Một khi đã là kẻ quan liêu tham nhũng thì sao lại có thể vì lợi ích của nhân dân và đảm bảo quyền lực của nhân dân. Cán bộ tha hóa biến chất thì sẽ dẫn đến phai nhạt lý tưởng, hậu quả của nó là đề ra đường lối sai lầm, và từ đường lối sai lầm dẫn đến phản bội. Đó là bài học chúng ta đã thấy từ sự sụp đổ của Liên Xô trước đây. Sự phản bội lý

tương mục tiêu xã hội chủ nghĩa lại nảy sinh từ Tổng bí thư và một số ủy viên bộ chính trị mà trước đó là sự tha hóa của cán bộ và sai lầm về đường lối.

Quan liêu tham nhũng tuy là căn bệnh kinh niên của Nhà nước, của hệ thống chính trị, nhưng khi nó trầm trọng sẽ trở thành tình huống chính trị gây hủy hoại ngay bên trong hệ thống chính trị. Quan liêu tham nhũng là "giặc nội xâm", "tội lỗi cũng nặng như tội lỗi Việt gian, mật thám". Lời chỉ dẫn của Hồ Chí Minh vẫn còn nguyên giá trị.

III. NHỮNG GIẢI PHÁP CHỐNG THAM Ô, LÃNG PHÍ QUAN LIÊU

Chống tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu đã được Hồ Chí Minh thực hiện trong những năm kháng chiến chống Pháp; được xác định là một nhiệm vụ quan trọng và cần kíp như đánh giặc trên mặt trận; muốn thắng lợi ở mặt trận này, ắt phải có chuẩn bị, kế hoạch, tổ chức, ắt phải có lãnh đạo và trung kiên. Trong điều kiện lúc đó Hồ Chí Minh nêu ra ba bước: bước đầu là đánh thông tư tưởng; bước hai nghiên cứu tài liệu; bước ba kiểm thảo và sửa chữa khuyết điểm. Người cũng nêu ra những kinh nghiệm của Liên Xô (phát biểu của Xtalin tại Hội nghị cán bộ Đảng ở Leningrát), để chống tham ô, lãng phí, quan liêu cần: đặt kế hoạch công nghệ cho đúng và hợp lý; cần nâng cao năng suất và tinh giảm số người trong cơ quan; cần chống nạn lãng phí, chi tiêu bừa bãi tiền của của nhân dân; phải chống nạn ăn cắp của công.

Đến đầu những năm 60, thực hiện công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, nạn tham ô, lãng phí, bệnh quan liêu bắt đầu nảy sinh trong đời sống xã hội, cuộc vận động 3 xây gắn liền với 3 chống. Ba xây là: nâng cao tinh thần trách nhiệm; tăng cường quản lý kinh tế tài chính; cải tiến kỹ thuật. Ba chống là: Chống tham ô, lãng phí, quan liêu. Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: "3 xây" và "3 chống" quan hệ chặt chẽ với nhau. Làm "3 chống" triệt để đảm bảo cho công việc "3 xây" thành công, "3 xây" phát triển mạnh mẽ thì đối tượng "3 chống" sẽ được xóa bỏ tận gốc. Để thực hiện tốt cuộc vận động, cần chú ý mấy điểm sau:

- Phải kết hợp chặt chẽ cuộc vận động với phong trào thi đua yêu nước.
- Phải liên hệ chặt chẽ giữa cấp trên với cấp dưới, giữa cán bộ, đảng viên với quần chúng.
- Cán bộ (trước hết là cán bộ phụ trách), đảng viên, đoàn viên phải gương mẫu, xung phong, thật thà tự phê bình và thành khẩn tự phê bình, có khuyết điểm thì quyết tâm sửa chữa.
- Phải mạnh dạn phát động quần chúng, lắng nghe ý kiến của quần chúng.

- Đảng ủy các cấp phải lãnh đạo chặt chẽ cuộc vận động. Thủ tướng các ngành phải thật sự phụ trách cuộc vận động.

- Toàn thể cán bộ, đảng viên, đoàn viên, công nhân, viên chức phải hăng hái tham gia cuộc vận động với tinh thần phấn khởi và chí khí quyết thắng.

- Đây là cuộc vận động to lớn, một cuộc vận động cách mạng. Nó sẽ đưa lại sự chuyển biến mạnh mẽ và sâu sắc về tư tưởng và tổ chức, về chính trị và kinh tế. Cuộc vận động này kết quả tốt sẽ góp phần to lớn vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc thành công và đấu tranh thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà thắng lợi.

Quan liêu tham nhũng là trọng bệnh trong bộ máy nhà nước, đẩy lùi nó là nhiệm vụ quan trọng và cần kíp như "đánh giặc trên mặt trận" - Hồ Chí Minh đã khẳng định trước đây, thì nay nó lại càng quan trọng và cần kíp để đẩy lùi một nguy cơ, ngăn ngừa một tình huống chính trị phức tạp. Vấn đề đặt ra là hiện nay chúng ta cần xây cái gì để chống quan liêu tham nhũng.

Trước hết, cần xây dựng thể chế để hạn chế đi đến loại bỏ quan liêu tham nhũng, bao gồm cả thể chế kinh tế và thể chế chính trị.

- Về kinh tế cần khắc phục tính chất "vô chủ" trong kinh tế nhà nước. Do vậy cần đẩy nhanh cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước để tạo ra cơ chế kiểm soát ngay bên trong doanh nghiệp nhà nước. Những doanh nghiệp không cổ phần hóa được như doanh nghiệp công ích thì áp dụng triệt để chế độ khoán, hoặc cho thuê. Sao cho vốn của doanh nghiệp sử dụng có hiệu quả, không phải là "công quỹ", "tiền chùa" để chi tiêu phung phí. Hoàn thiện luật pháp về kinh tế và những công cụ quản lý kinh tế, điều tiết vĩ mô của Nhà nước về kinh tế như tài chính, ngân hàng, kiểm toán, thanh tra... phù hợp với cơ chế thị trường; khắc phục triệt để những tàn dư của thể chế hành chính bao cấp trước đây. Hoàn thiện chế độ tiền lương, tiền thưởng, bảo hiểm, trợ cấp thất nghiệp, điều tiết thu nhập... phù hợp với nền kinh tế thị trường.

- Về chính trị, cần xây dựng thể chế kiểm soát quyền lực trong cơ quan nhà nước, trong Đảng và trong hệ thống chính trị.

Xây dựng nhà nước pháp quyền với nguyên tắc pháp luật là tối thượng, không một cá nhân nào dù là người đứng đầu quốc gia, không một tổ chức nào dù là đảng cầm quyền được trên pháp luật và ngoài pháp luật, tất cả đều phải tuân thủ pháp luật; mọi công dân bình đẳng trước pháp luật, bình đẳng với cả cơ quan nhà nước trước pháp luật, nhân dân khiếu kiện cơ quan nhà nước, viên chức nhà nước phải được xét xử công khai trước Tòa án hành chính; có sự phân công rõ ràng và kiểm soát lẫn nhau giữa cơ quan lập pháp,

hành pháp và tư pháp. Đồng thời với việc xây dựng nhà nước pháp quyền là xây dựng thể chế dân chủ: Dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện; dân chủ bầu cử, dân chủ ra quyết định, dân chủ quản lý và dân chủ kiểm tra. Thực hiện cải cách hành chính xác định rõ quyền hạn, trách nhiệm của từng cơ quan, từng công chức và xây dựng quy chế thi hành công vụ.

Xây dựng hệ thống giám sát trong nội bộ Đảng, Ban kiểm tra Đảng do Đại hội Đảng bầu ra và có quyền kiểm tra cả Tổng Bí thư, Bộ Chính trị và Ban chấp hành Trung ương. Xây dựng quy chế giám sát công tác quy hoạch, đào tạo, luân chuyển, đề bạt, sử dụng cán bộ Đảng, nhà nước và đoàn thể.

Xác định rõ vị thế các đoàn thể chính trị của nhân dân, ủy ban mặt trận Tổ quốc các cấp trong hệ thống chính trị. Trên cơ sở sinh hoạt dân chủ, tập hợp ý kiến của nhân dân, các tổ chức này giữ vị trí là cơ quan phản biện đối với mọi hoạt động của Đảng và Nhà nước.

Xây dựng thể chế giám sát, kiểm soát trong kinh tế và chính trị là giải pháp cơ bản lâu dài để đẩy lùi quan liêu tham nhũng.

Thứ hai, là tạo dư luận xã hội lên án, kết tội quan liêu tham nhũng. Đó là hành vi xấu xa nhất của con người, "... là bạn đồng minh của thực dân phong kiến", "Tội lỗi ấy cũng nặng như tội lỗi của Việt gian, mật thám".

Tham ô, tham nhũng là tội ác, là thứ trộm cắp xấu xa. Nhưng trong thực tế quan niệm của không ít người còn chưa đúng. "Có thứ trộm cắp xấu xa, kín đáo, có thứ trộm cắp "đường hoàng"... Đáng chú ý là những người xung quanh biết nó là kẻ trộm, chẳng những không chống nó, mà lại vỗ vai nó, khen ngợi nó, xem nó như là một người anh hùng.

Đó là một điều đáng chú ý, một điều rất nguy hiểm.

Khi bắt được một tên mật thám, một tên phản quốc thì quần chúng rất căm giận, đòi phải xử bắn nó. Song khi tên giặc hoạt động trước mắt mọi người, thì quần chúng lại hiền lành với nó, vỗ vai nó, khen ngợi nó.

Trộm cắp tiền bạc của nhân dân, tổn hại kinh tế của Chính phủ, cũng là mật thám phản quốc, nếu không phải là tệ hơn nữa.

Cuối cùng tên kẻ trộm "đường hoàng" kia đã bị bắt. Nhưng bắt được một tên trộm ấy, có nghĩa lý gì, vì còn có hàng nghìn hàng vạn tên giặc như nó. Cần có biện pháp khác, biện pháp nghiêm ngặt hơn... để trừng trị chúng. Biện pháp ấy là gây nên một đạo đức để ngăn ngừa trộm cắp, gây nên một phong trào quần chúng góm ghét, bao vây lũ giặc ấy. Biện pháp ấy là gây nên một cuộc vận động trong công nông chống trộm cắp; làm cho lũ trộm cắp "đường hoàng" cũng như trộm cắp kín đáo - không sống còn được".

Hiện nay ở nước ta kẻ tham nhũng "rất đáng hoàng" còn "hãnh diện", chưa thấy tham nhũng là vết nhơ, nỗi nhục không chỉ cho bản thân mình mà cho cả đời con, đời cháu. Mặt khác, không ít người trong nhân dân còn khen ngợi những kẻ tham nhũng, cho là người "khôn ngoan", "tài giỏi", "thức thời", "một tý tuổi đầu mà đã có nhà cao cửa rộng". Những ai không tham nhũng, chỉ sống bằng sức lao động của mình thì không giàu sang, không có nhà cao cửa rộng lại cho rằng họ "khờ dại", "không thức thời" "bôn quá"... Như vậy, quan liêu tham nhũng ở nước ta đã làm băng hoại đạo đức, làm đảo lộn chân giá trị. Cần thiết lập lại các chuẩn mực đạo đức, các chân giá trị để tạo cơ sở cho chống quan liêu tham nhũng.

Thứ ba, là xác định người chủ trì chống quan liêu tham nhũng và hình thành tổ chức chống quan liêu tham nhũng. Quan liêu tham nhũng gắn liền với thể chế kinh tế, thể chế chính trị, căn bệnh này phần lớn ở những người đương chức, đương quyền, nắm giữ quyền lực chính trị, quyền lực nhà nước. Trong thể chế chính trị đa nguyên (có đảng đối lập trong hệ thống chính trị), khi quan chức của đảng cầm quyền mắc bệnh quan liêu tham nhũng, thì đảng đối lập lợi dụng khoét sâu vấn đề, kích động quần chúng lật đổ đảng cầm quyền. Với thể chế chính trị ở nước ta (thể chế nhất nguyên) thì không diễn ra như vậy, để chống quan liêu tham nhũng lại đòi hỏi chủ động tự giác của Đảng cầm quyền. Do vậy, Đảng ta cần có quyết tâm chiến lược, người đứng đầu Đảng và nhà nước phải là người tiên phong nhất, kiên định nhất, cả quyết nhất trong chống quan liêu tham nhũng. Nếu Tổng bí thư và 64 Bí thư Tỉnh ủy, Thành ủy của Đảng ta như vậy chắc có lẽ đẩy lùi được quan liêu tham nhũng. Chúng ta chưa như vậy nên quan liêu tham nhũng ngày càng trầm trọng. Chính từ đây mà nảy sinh ý kiến cho rằng "cần đa đảng mới chống được quan liêu tham nhũng". Để chống quan liêu tham nhũng phải thay đổi thể chế, thanh lọc cán bộ, trong thể chế nhất nguyên chỉ khi người đứng đầu kiên định, cả quyết mới thực hiện được.

Chống quan liêu tham nhũng phải bằng cả sức mạnh của hệ thống chính trị. Nhưng căn bệnh này lại ở ngay trong hệ thống chính trị. Vậy thì ai chống ai và làm thế nào để chống được? Trước hết người đứng đầu trong hệ thống ấy phải biết dựa vào lực lượng tích cực chống tham nhũng trong từng bộ phận của hệ thống. Mặt khác phải hình thành tổ chức chuyên trách giúp người đứng đầu thực hiện nhiệm vụ. Tổ chức chuyên trách này cùng với lực lượng tích cực trong từng bộ phận của hệ thống chính trị, dưới sự chỉ huy của người đứng đầu, là lực lượng chống quan liêu, tham nhũng. Mặt khác, như Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: "Phải mạnh dạn phát động quần chúng, lắng nghe ý kiến của quần chúng". Nhưng chỉ có những cán bộ, tiên phong, tích cực chống tham nhũng mới phát động được quần chúng, mới lắng nghe ý kiến của quần chúng.

Và nếu ngược lại thì không phát động được quần chúng và quần chúng sẽ không nói đúng chính kiến của mình, nếu có nói thì cũng không ai nghe và cũng không được giải quyết. Vì vậy để đẩy lùi được quan liêu tham nhũng cần có người đứng đầu kiên định, cả quyết, cần có đội ngũ cán bộ chuyên môn hăng hái tiên phong và có sự tham gia tích cực của đông đảo quần chúng nhân dân. Có như vậy chống quan liêu tham nhũng mới thực chất, mới đưa lại kết quả, không phải là sự kêu gọi chung chung, có tính chất giả tạo, hình thức.

Thứ tư, là cần phải kiên quyết trừng trị kẻ quan liêu tham nhũng và bảo vệ, tôn vinh những người chống quan liêu tham nhũng. Những năm gần đây đã xét xử nghiêm minh một số vụ tham nhũng nghiêm trọng có liên quan đến nhiều tổ chức, nhiều cán bộ, có cả cán bộ cao cấp của Đảng và Nhà nước. Điều đó chứng tỏ quyết tâm chiến lược của Đảng và Nhà nước ta không khoan nhượng với tham nhũng. Nhưng quan liêu, lãng phí gây tổn hại lớn hơn cả tham nhũng lại chưa được trừng trị. Những quy hoạch, kế hoạch sai lầm, những dự án đầu tư phát triển thiếu căn cứ khoa học thực tiễn, sự vô trách nhiệm của các cơ quan, của cán bộ, chỉ tiêu lãng phí công quỹ... trong những năm qua đã gây lãng phí biết bao của cải của Nhà nước và nhân dân. "Lãng phí tuy không lấy của công dứt túi, song kết quả cũng rất tai hại cho nhân dân, cho Chính phủ. Có khi tai hại hơn nạn tham ô".

Song, việc chống tham nhũng cũng cần kiên định, cả quyết hơn nữa vì những việc làm trong những năm qua chưa đẩy lùi được tham nhũng. Có lẽ một trong những tiêu chuẩn tuyển lựa, đề bạt cán bộ là kiên quyết chống tham nhũng. Có phải chăng các ủy viên Trung ương trong Đại hội X cũng cần có tiêu chuẩn ấy. Mặt khác những người chống tham nhũng phải được bảo vệ, bởi vì những kẻ tham nhũng không từ một thủ đoạn nào để ám hại những người chống lại họ. Những người có thành tích trong chống tham nhũng phải được khen thưởng, nếu xứng đáng phải được tặng thưởng huân chương, phong tặng danh hiệu anh hùng. Chúng ta tặng thưởng nhiều huân chương, phong tặng nhiều anh hùng trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, trong công cuộc đổi mới, nhưng chưa có huân chương, anh hùng chống tham nhũng, có lẽ giấy khen cũng chưa có. Theo Hồ Chí Minh "chống tham ô, lãng phí, quan liêu là cách mạng", "là chống giặc nội xâm". Vì vậy, cần phải tôn vinh những người dũng cảm, đi tiên phong trong sự nghiệp ấy.

Quan liêu tham nhũng là một nguy cơ, là quốc nạn, là trọng bệnh trong xã hội ta. Đảng, Nhà nước và nhân dân ta không khoan nhượng với tệ nạn này và là vấn đề hệ trọng có quan hệ đến vận mệnh của Đảng, Nhà nước và dân tộc. Trên cơ sở tư tưởng Hồ Chí Minh, phân tích cụ thể tình hình hiện nay, tìm ra những giải pháp đẩy lùi quan liêu tham nhũng là yêu cầu cấp thiết hiện nay.

TÌM HIỂU TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHỐNG THAM Ô, LÃNG PHÍ, CHỐNG BỆNH QUAN LIÊU

*Nguyễn Vũ Quỳnh Lâm
Viện khoa học thanh tra
Thanh tra Chính phủ*

Trong hơn 15 năm tiến hành công cuộc đổi mới đất nước, từ năm 1986, chúng ta đã thu được nhiều bài học quý báu. Một trong những bài học chủ yếu, quan trọng nhất đó là “trong quá trình đổi mới phải kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng tư tưởng chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh”⁹³. Với tư cách là kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu những tinh hoa của nhân loại. Tư tưởng Hồ Chí Minh là cơ sở, nền tảng cho những thắng lợi của Cách mạng Việt Nam trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc. Trong thời kỳ mới, thời kỳ xây dựng đất nước tiến lên chủ nghĩa xã hội, tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục là kim chỉ nam cho sự nghiệp cách mạng của toàn Đảng, toàn dân, của toàn bộ hệ thống chính trị. Chỉ thị số 23-CT/TW ngày 27 tháng 3 năm 2003 của Ban Bí thư về đẩy mạnh nghiên cứu, tuyên truyền, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn mới khẳng định: “Để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ cách mạng Việt Nam trong thời kỳ phát triển mới, cần thấm nhuần sâu sắc, vận dụng sáng tạo những nguyên lý và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh để giải quyết vấn đề thực tiễn trong tất cả lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội, văn hoá, an ninh, quốc phòng, đối ngoại”⁹⁴.

Ở nước ta hiện nay, tệ quan liêu, tham nhũng đang diễn biến theo chiều hướng khá nghiêm trọng, cả về số lượng, quy mô của tham nhũng. Tham nhũng tràn lan trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, len lỏi vào bộ máy Nhà nước, thậm chí ăn sâu vào tư tưởng, tác phong của một bộ phận cán bộ, công chức. Tham nhũng gây thiệt lớn về tài sản của Nhà nước, xói mòn lòng tin của nhân dân vào Đảng và Nhà nước. Nguy hiểm hơn nữa, tham nhũng cùng với quan liêu, lãng phí là nguy cơ lớn đe dọa sự sống còn của chế độ ta.

Với nhận thức sâu sắc về những hậu quả nguy hại mà tham nhũng có thể gây ra, Đảng và Nhà nước ta đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách,

⁹³ Đảng Cộng Sản Việt Nam-Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX, NXB Chính trị Quốc Gia, tr.81

⁹⁴ Đảng Cộng sản Việt Nam- Chỉ thị số 23-CT/TW ngày 27/3/2003 của Ban Bí thư về đẩy mạnh nghiên cứu, tuyên truyền, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn mới, tr.2

pháp luật nhằm phát động, đẩy mạnh cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng. Theo đó, công cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng cần huy động sự tham gia tích cực của toàn bộ hệ thống chính trị, từ trung ương đến cơ sở, toàn thể quần chúng nhân dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng. Đấu tranh chống tham nhũng cần tiến hành trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội: chính trị, tư tưởng, văn hoá, kinh tế, khoa học, giáo dục...; cần áp dụng đồng bộ các biện pháp lâu dài cũng như trước mắt, các biện pháp phòng ngừa cũng như các biện pháp cưỡng chế. Một vấn đề mang tính nguyên tắc, cần được quán triệt sâu sắc, đó là, cần phải đẩy mạnh công tác nghiên cứu, học tập, vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào chỉ đạo công cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng hiện nay. Văn kiện Đại hội Đảng IX chỉ rõ: “Toàn Đảng nghiêm túc học tập chủ nghĩa Mác Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Mỗi cấp uỷ, mỗi chi bộ có kế hoạch định kỳ kiểm điểm việc thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh về nâng cao đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân. Chống tư tưởng cơ hội, thực dụng”⁹⁵.

Tê tham nhũng trong bộ máy cai trị⁹⁶

Từ rất sớm, Nguyễn Ái Quốc đã có những bài viết, bài nói thể hiện quan niệm của Người về những tệ nạn, thói xấu, sự tham lam, suy thoái của “bọn quan cai trị” dưới chế độ thực dân, phong kiến, sự bóc lột, chiếm đoạt phung phí của chúng đối với tài sản, công sức, xương máu của người dân lao động nước ta. Người gọi đó là “tham nhũng”. Ngay từ năm 1925, Nguyễn Ái Quốc đã dành hẳn một chương lên án tệ tham nhũng của bọn cai trị thực dân, phong kiến. Đó là chương VI, cuốn Bản án Chế độ thực dân Pháp - Tệ tham nhũng trong bộ máy cai trị. bằng sự phân tích sắc sảo và hàng loạt dẫn chứng là những con số thất thoát, thiệt hại cụ thể mà bọn thực dân cai trị gây ra, Nguyễn Ái Quốc đã vạch trần “tệ tham nhũng” của bộ máy cai trị thực dân phong kiến. Theo Người, tham nhũng là bản chất, đặc trưng của chế độ cũ. Việc cướp giết, ăn hại ngân sách, bóc lột nhân dân lao động để phục vụ cho lợi ích bản thân dường như là chức năng hoạt động của các ngài “viên chức thuộc địa”, thậm chí là hoạt động duy nhất. Nguyễn Ái Quốc viết: “Có thể nói một số phiên họp của Hội đồng quản hạt chỉ là để bàn việc cướp giết công quỹ một cách có phương pháp”⁹⁷. Ngay cả các công chức trong bộ máy Nhà nước Pháp ở chính quốc cũng như thuộc địa cũng phải thừa nhận sự hoành hành của “tệ tham nhũng” trong bộ máy cai trị thuộc địa. Một cựu nghị sĩ sau khi đi thăm thuộc địa về, đã phải kêu lên: “So với bọn viên chức thuộc địa thì những

⁹⁵ Đảng Cộng Sản Việt Nam-Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX, NXB Chính trị Quốc Gia, tr.139

⁹⁶ Hồ Chí Minh toàn tập- NXB Chính trị Quốc gia (xuất bản lần thứ 2, Hà Nội, 1995-1996), tập 2, tr.68

⁹⁷ Sdd, tập 2, tr.69

tên cướp đường còn là những người lương thiện”⁹⁸. Một cựu toàn quyền Đông Dương cũng đã phải thú nhận: “thuộc địa này đầy rẫy những viên chức ăn hại ngân sách mà chẳng được tích sự gì cả”⁹⁹. Trong bài viết của mình, Nguyễn Ái Quốc đã nêu lên những khoản tiền khổng lồ mà bọn thực dân cai trị đã tham nhũng, phung phí của nhân dân thuộc địa nghèo khổ. Trong những khoản tiền đó, có những khoản tiền bị tiêu tốn một cách hết sức vô lý, như: “77.600 phrăng trả tiền ăn ở tại Macxây cho lính khổ xanh dùng để “bồng súng chào” Cụ lớn và Hoàng thượng”¹⁰⁰. Người viết: “Hết hành vi điên rồ này đến hành vi điên rồ khác đã phung phí đồng tiền mà người dân An Nam khốn khổ đã phải đổ mồ hôi nước mắt mới kiếm được”¹⁰¹. Bọn thực dân cai trị xúm vào bóc lột người dân thuộc địa tới tận xương tủy. Chúng sống xa hoa, lãng phí, “sống một đời đế vương” bằng tài sản ăn cướp, bóc lột được của những người dân thuộc địa khốn khổ. Nguyễn Ái Quốc coi các hành vi đó đều là tham nhũng. Người vạch trần các thủ đoạn cướp đoạt tài sản của bọn thực dân cai trị, cả những thủ đoạn cướp tài sản của bọn thực dân cai trị, cả những thủ đoạn bóc lột trắng trợn đến các thủ đoạn tinh vi, kiểu như: “Kho bạc có vơi đi chút ít thì đã có những quý quan làm cho nó đầy lại một cách nhanh chóng. Với quyền hành sẵn có, họ sức cho dân bán xứ biết Nhà nước cần một khoản tiền bao nhiêu đó, rồi họ phân bổ cho các làng đóng góp. Và các làng lo vội vàng tuân lệnh để khỏi bị trừng phạt ngay lập tức”, hoặc “Khi một viên khâm sứ cần thanh toán một khoản tiền gì đó thì ngài phát hành các bằng sắc để bán. Người ta kể lại ở một tỉnh nọ, một vụ kinh doanh kiểu ấy đã thu được tới 10.620 phrăng. Mà những vụ như thế không phải hiếm”

Tư tưởng Hồ Chí Minh về chống tham ô, lãng phí; chống bệnh quan liêu

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh rất quan tâm đến vấn đề phòng, chống tham nhũng, quan liêu, lãng phí. Người cho rằng đó chính là “tàn dư”, “nọc xấu” của “tham nhũng”. Theo Người, tham nhũng là bản chất, gắn liền với chế độ thực dân, phong kiến. Dưới chế độ cách mạng- chế độ dân chủ nhân dân, tham nhũng không còn tồn tại, chỉ còn tàn dư của tham nhũng là tham ô, quan liêu, lãng phí. Đó chính là ba thứ giặc nội xâm nguy hiểm không kém “giặc ngoại xâm”; nếu toàn Đảng, toàn dân không kiên quyết đấu tranh phòng, chống tham nhũng thì sẽ dẫn đến những suy thoái, đổ vỡ không thể lường trước hết được. Hồ Chủ Tịch đã có nhiều bài nói, bài viết chỉ rõ bản chất,

⁹⁸ Sdd, tập 2, tr.69

⁹⁹ Sdd, tập 2, tr.70

¹⁰⁰ Sdd, tập 2, tr.68

¹⁰¹ Sdd, tập 2, tr.68

nguyên nhân, phân tích tác hại của tham ô, quan liêu, lãng phí. Người cũng đề ra các chủ trương, biện pháp phòng, chống tham nhũng. Người cho rằng việc thực hiện các chủ trương, biện pháp đó là nhiệm vụ rất quan trọng cần được Đảng và Nhà nước, toàn thể quần chúng nhân dân tiến hành thường xuyên, liên tục.

1. Tham ô, lãng phí là gì?*

Chống tham ô, lãng phí, chống bệnh quan liêu là mối quan tâm lớn, thường xuyên của Hồ Chủ Tịch. Người coi tham ô, lãng phí là “tội lỗi tệ nhất trong xã hội”. Người chỉ rõ bản chất của tham ô: “là lấy của công làm của tư. Là gian lận tham lam”, “tham ô là trộm cướp”. Người nêu ra một khái niệm khái quát, làm rõ bản chất tham ô:

“Tham ô là gì?

- Đứng về phía cán bộ mà nói, tham ô là:

Ăn cắp của công làm của tư

Đục khoét của nhân dân

Ăn bớt của bộ đội

Tiêu ít mà khai nhiều, lợi dụng của chung của Chính phủ để làm quỹ riêng cho địa phương mình, đơn vị mình cũng là tham ô.

- Đứng về phía nhân dân mà nói, tham ô là:

Ăn cắp của công, khai gian, lậu thuế”¹⁰²

Một điểm đặc trưng của hành vi tham ô theo Hồ Chủ Tịch chính là việc biến “của công” thành “của tư”. Nhưng hiểu thế nào là “của công”, thế nào là “của tư”? “Của công” chính là tài sản của nhân dân, do nhân dân đóng góp, phục vụ mục đích chung là giải phóng dân tộc, xây dựng đất nước. “Của tư” không chỉ là tài sản riêng của một cán bộ công chức nào. Tài sản chung khi không dành phục vụ mục đích chung, chỉ dành làm của riêng, quỹ riêng cho một tập thể, một địa phương cũng bị coi là “của tư”.

Bất cứ hành vi nào lấy “của công” làm “của tư” cũng đều bị Hồ chủ Tịch coi là hành vi tham ô. Đây chính là hành vi tham ô tinh vi, rất khó nhận thấy trong cuộc sống đời thường, đó là “tham ô gián tiếp”: một cán bộ, Chính phủ, nhân dân trả lương hàng tháng đều cho, nhưng lại kém lòng trách nhiệm, đứng núi này, trông núi nọ, làm việc chậm chạp, ăn cắp của Chính phủ, của nhân dân”¹⁰³. Đây là một hình thức tham ô đặc biệt. Tuy không nhanh chóng

¹⁰² Sdd, tập 6, tr.488

¹⁰³ Sdd, tập 6, tr.436

gây hậu quả nghiêm trọng như những hành vi trực tiếp chiếm đoạt tài sản công, nhưng “tham ô gián tiếp” xảy ra hàng ngày, thường xuyên, liên tục, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động đúng đắn của bộ máy Nhà nước, hiệu lực của quản lý Nhà nước, là một trong những mối nguy hại lớn đối với sự nghiệp cách mạng của đất nước.

Cùng với tham ô, lãng phí cũng bị Hồ Chủ Tịch coi là một tội lỗi đối với đất nước, đối với nhân dân. Lãng phí là những việc làm của cán bộ cơ quan Nhà nước, quân đội, xí nghiệp và nhân dân làm hao tổn, tổn kém vô ích sức lao động, thời giờ, tiền của. Người nói: “Có người lại nói tham ô mới có tội, còn lãng phí lại không có tội. Thực ra việc khác nhau nhưng kết quả vẫn hao tổn của công, của Chính phủ, của nhân dân”¹⁰⁴. Không những thế, có khi lãng phí còn hại nhiều hơn tham ô, vì “lãng phí rất phổ biến: lãng phí của cải, thì giờ, lực lượng nhân dân, của chính phủ”. Hồ Chủ Tịch chỉ ra các loại lãng phí: “lãng phí sức lao động”, “lãng phí thời giờ”, “lãng phí tiền của”. Mỗi loại lại có những hình thức rất khác nhau, trên các lĩnh vực rất khác nhau: nông nghiệp, công nghiệp, vận tải, tài chính... Tất cả đều dẫn đến một hậu quả, “có khi còn tai hại hơn tham ô”, đó là gây thiệt hại, gây thất thoát tài sản của Nhà nước, của nhân dân, ảnh hưởng đến công cuộc kháng chiến kiến quốc.

2. Do đâu mà có tham ô, lãng phí?*

Tham ô, lãng phí là những căn bệnh nguy hiểm. Muốn chống tham ô, lãng phí có hiệu quả, cần phải tìm hiểu nguồn gốc, nguyên nhân của chúng. Hồ Chủ Tịch đã nói: “Tham ô, lãng phí đều là do bệnh quan liêu mà ra”¹⁰⁵. Người chỉ rõ tệ quan liêu chính là căn nguyên sâu xa, nguyên nhân trực tiếp, là điều kiện của tham ô, lãng phí. Người khẳng định nơi nào có tệ quan liêu thì ở đó có tham ô, lãng phí; mà quan liêu càng nặng thì tham ô, lãng phí còn nhiều.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có rất nhiều bài nói, bài viết bàn về tệ quan liêu. Người phân tích cặn kẽ, chỉ ra bản chất, nguyên nhân, biểu hiện cụ thể của bệnh quan liêu. Theo Hồ Chủ Tịch, quan liêu là “bệnh giấy tờ, bệnh hình thức, không thực tế, là xa cách quần chúng, không theo đường lối quần chúng, làm không đúng chính sách của Chính phủ và của Đoàn thể”¹⁰⁶. Quan liêu là cán bộ phụ trách xa rời thực tế, không đi sâu đi sát công việc, việc gì cũng không nắm vững, chỉ đạo một cách đại khái chung chung. Quan liêu là xa rời quần chúng, không nắm rõ lai lịch, tư tưởng và công tác của cán bộ mình, không lắng nghe ý kiến của quần chúng nhân dân, sợ phê bình và tự phê bình.

¹⁰⁴ Sđd, tập 6, tr. 436

¹⁰⁵ Sđd, tập 6, tr. 394

¹⁰⁶ Sđd, tập 6, tr. 394

Tác phong của người cán bộ mắc bệnh quan liêu là thiếu dân chủ, không giữ đúng nguyên tắc lãnh đạo tập thể, phân công phụ trách.

Người nêu và lên án mạnh mẽ các biểu hiện của bệnh quan liêu. Theo Hồ Chí Minh, người cán bộ mắc bệnh quan liêu là những người mang nặng tính cá nhân, luôn chỉ nghĩ tới lợi ích của bản thân, coi thường lợi ích của nhân dân, của Nhà nước. Bệnh quan liêu có các biểu hiện: đối với công việc không nắm rõ, không tường tận nội dung công việc, chậm chạp thiếu ý thức đối với công việc, chỉ làm “cho qua chuyện”; đối với cấp dưới, đối với nhân dân thì chỉ biết ra “mệnh lệnh”, không biết giải thích, khuyến khích, giáo dục cấp dưới, không biết động viên, làm cho dân chúng tự giác, lại càng không biết lắng nghe ý kiến của cấp dưới, phê bình, góp ý của nhân dân. Nhưng cũng chính những người cán bộ quan liêu đó, đối với bản thân thì lại quá dễ dãi, không chịu tu dưỡng, phấn đấu, học tập để tiến bộ, ngại khó, ngại gian khổ, chỉ lo vun vén, chỉ biết hưởng thụ, chỉ chăm lo cho bản thân, lúc nào cũng muốn “nhân dân phụng sự mình”, trước mặt nhân dân thì lên mặt “quan cách mạng”.

Theo Hồ Chủ Tịch, người cán bộ mắc bệnh quan liêu còn có biểu hiện “đối với công việc thì trọng hình thức, mà không xem xét mọi mặt, không vào sâu vấn đề. Chỉ biết khai hội nghị, viết chỉ thị, xem báo cáo trên giấy *chứ không kiểm tra đến nơi, đến chốn*”¹⁰⁷. Khi triển khai thực hiện công việc của bản thân, giao nhiệm vụ cho cấp dưới mà không biết kiểm tra thì sẽ không có điều kiện giải thích, hướng dẫn đôn đốc cấp dưới, không kịp thời phát hiện, chấn chỉnh hay xử lý vi phạm, điều này sẽ dẫn đến công việc không hiệu quả, gây thiệt hại về tài sản, tiền bạc, công sức của Nhà nước, của nhân dân.

Theo Hồ Chủ Tịch, vì những người, những cơ quan lãnh đạo mắc bệnh quan liêu thành thử có mắt mà không thấy suốt, có tai mà nghe không thấu, có chế độ mà không giữ đúng, có kỷ luật mà không nắm vững. Kết quả là những người xấu, những cán bộ kém tha hồ tham ô, lãng phí. Điều đó dẫn đến hậu quả là không những người bản thân cán bộ mắc bệnh quan liêu có hành vi tham ô, lãng phí để chiếm đoạt của công thành của tư, thoả mãn lợi ích của cá nhân mà việc buông lỏng quản lý, điều hành, giáo dục cán bộ không đến nơi đến chốn, bao che, ô dù dẫn đến việc xảy ra tham ô, lãng phí của cán bộ cấp

¹⁰⁷ Sdd, tập6, tr.489

dưới, gây thiệt hại, gây thất thoát tài sản của Nhà nước, thời giờ, công sức của nhân dân.

3. Tai hại do tệ tham ô, lãng phí, quan liêu gây ra.

Hồ chủ Tịch khẳng định quan liêu, tham ô, lãng phí là “bạn đồng minh của thực dân, phong kiến”, “kẻ thù của nhân dân, của bộ đội, của Chính phủ”¹⁰⁸. Bởi vì, tham ô, lãng phí có tác hại rất lớn. Trước hết và trực tiếp, nó gây thiệt hại cho tài sản của Nhà nước, của nhân dân. Cán bộ được giao quản lý tài sản của Nhà nước, của nhân dân, tài sản do những nước bạn đóng góp, giúp đỡ để phục vụ cho kháng chiến, kiến quốc, nâng cao đời sống của nhân dân. Do chủ nghĩa cá nhân, do tư lợi một số cán bộ đã tham ô, chiếm đoạt của công, biến của công thành của tư, xâm phạm đến của công của Nhà nước, của tập thể, làm hại đến sự nghiệp xây dựng nước nhà, có hại đến công việc cải thiện đời sống của nhân dân. Cùng với tham ô, lãng phí cũng gây thiệt hại, thất thoát một lượng lớn tài sản công. Do mắc bệnh quan liêu, mệnh lệnh, do thiếu tinh thần trách nhiệm, một số cán bộ đã lãng phí rất nhiều tiền bạc, công sức, thời giờ của Nhà nước, của nhân dân. Không trực tiếp trộm cắp của công làm của riêng nhưng lãng phí diễn ra thường xuyên, dưới nhiều hình thức, cũng gây tổn hại nghiêm trọng cho Nhà nước, cho nhân dân không kém tham ô.

Tham ô, lãng phí còn làm tha hoá, suy thoái đạo đức cách mạng của cán bộ, phá hoại tinh thần trong sạch, ý chí vượt khó của cán bộ, nhân dân, làm xói mòn lòng tin của nhân dân vào Đảng, Nhà nước. Hồ Chủ Tịch khẳng định: phần đông cán bộ, đoàn viên, đảng viên, công nhân viên chức ta đều trong sạch, tận tụy, đều là mang bản chất, đạo đức cách mạng là cần, kiệm, liêm, chính. Họ không ngại gian khổ, hy sinh vì cách mạng, vì nhân dân. Nhưng vẫn còn một bộ phận cán bộ do tham ô, quan liêu, lãng phí, do mưu lợi cá nhân, chỉ nghĩ đến hưởng thụ đã tha hoá biến chất, không giữ được đạo đức cách mạng. Điều này làm giảm sức chiến đấu của Đảng, giảm lòng tin của nhân dân vào Đảng, Nhà nước, làm hại đến sự nghiệp cách mạng.

Trong công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng đất nước tiến lên chủ nghĩa xã hội, cả nước phải huy động được mọi nguồn lực: của cải, vật chất, công sức, tinh thần... Vì sự nghiệp cách mạng của đất nước “chiến sỹ thì hy sinh xương máu, đồng bào thì hy sinh mồ hôi nước mắt để đóng góp”¹⁰⁹. Những kẻ tham ô, lãng phí đã chiếm đoạt, đã phí phạm, huỷ hoại những nguồn lực ấy. Điều này dẫn đến một hậu quả nguy hại lớn hơn nữa, đó là sự cản trở,

¹⁰⁸ Sđd, tập 6, tr.490

¹⁰⁹ Sđd, tập 6, tr.490

phá hoại sự nghiệp cách mạng, “làm chậm trễ công cuộc kháng chiến và kiến quốc của ta”.

4. Phải tẩy sạch nạn tham ô, lãng phí, bệnh quan liêu

4.1 Ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác phòng, chống tham ô, lãng phí

Tham ô, lãng phí, quan liêu là nguy cơ đe dọa sự nghiệp cách mạng mà toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đang xây dựng. Hồ Chủ Tịch chỉ thị: “phải tẩy sạch nạn tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu”. Tham ô, lãng phí là một thứ “giặc nội xâm”, “giặc trong lòng” nguy hiểm không kém giặc ngoại xâm. Vì vậy, công tác phòng, chống tham ô, lãng phí là rất quan trọng và cần thiết. Bác Hồ cho rằng phòng, chống tham ô, lãng phí cũng là mặt trận – “mặt trận tư tưởng và chính trị”. Người nêu bật ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác phòng, chống tham ô, lãng phí.

Chống tham ô, lãng phí là cách mạng*

Sự nghiệp cách mạng do toàn thể hệ thống chính trị, toàn thể quần chúng nhân dân tiến hành, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Bác Hồ. Đấu tranh giành độc lập dân tộc, tiêu diệt chế độ thực dân, phong kiến, xây dựng đất nước tiến lên chủ nghĩa xã hội là nội dung, mục tiêu cách mạng. Hồ Chủ Tịch khẳng định: “tham ô, lãng phí, quan liêu là những xâu xa của xã hội cũ”¹¹⁰, tham ô là đặc trưng gắn liền với thực dân, phong kiến. Đấu tranh chống thực dân, phong kiến, xây dựng xã hội mới phải bao hàm cả đấu tranh chống tham ô, lãng phí, quan liêu. Cách mạng không thể thành công hoàn toàn nếu vẫn còn tham ô, lãng phí. Vì vậy, chống tham ô, lãng phí là một nội dung, nhiệm vụ rất quan trọng của cách mạng.

Tham ô, lãng phí, quan liêu ngăn trở, phá hoại sự nghiệp cách mạng. Tài sản của Nhà nước, của cải, công sức của nhân dân bị chiếm đoạt, lãng phí. Đội ngũ cán bộ cách mạng bị tha hoá, suy thoái đạo đức, sút giảm tính chiến đấu. Đó là hậu quả nguy hại tham ô, lãng phí, quan liêu gây ra, đe dọa cách mạng. Do vậy, đấu tranh chống tham ô, lãng phí chính là để loại bỏ những trở lực của cách mạng, phục vụ cho sự nghiệp cách mạng.

Chống tham ô, lãng phí là dân chủ*

Nhà nước ta là Nhà nước của dân, do dân, vì dân. Quyền lực thuộc về nhân dân. Tất cả là tài sản của nhân dân. Nhân dân đóng góp mồ hôi xương máu, tiền của cho công cuộc kháng chiến, xây dựng đất nước. Vì

¹¹⁰ Sđd, tập 6, tr.494

vậy, bảo vệ của công, chống tham ô, lãng phí là bảo vệ tài sản của nhân dân, bảo vệ quyền dân chủ của nhân dân.

Hồ Chủ tịch chỉ rõ: “phong trào chống tham ô, lãng phí, quan liêu ắt phải dựa vào lực lượng quần chúng thì mới thành công”¹¹¹. Dân chủ tức là nhân dân làm chủ, cán bộ là người được giao quản lý tài sản để thực hiện các nhiệm vụ do nhân dân giao phó. Vì vậy, nhân dân có quyền giám sát, phê bình cán bộ, đấu tranh chống mọi biểu hiện quan liêu, tham ô, lãng phí.

Sự tham gia của quần chúng quyết định sự thành công của công cuộc đấu tranh phòng, chống tham ô, lãng phí. Quần chúng tham gia tích cực, đông đảo thì cuộc đấu tranh càng mang lại hiệu quả cao. Bác Hồ khẳng định: “Quần chúng nhân dân tham gia càng đông, thành công càng đầy đủ mau chóng”¹¹².

4.2. Quan điểm chỉ đạo công tác phòng, chống tham ô, lãng phí

Công tác chống tham ô, lãng phí rất quan trọng, phải được tất cả các cấp các ngành quan tâm và tiến hành thường xuyên. Cũng như các mặt trận khác, muốn giành thắng lợi trên mặt trận chống tham ô, lãng phí, chúng ta phải nắm được các quan điểm chính chỉ đạo cuộc đấu tranh trên mặt trận đó. Hồ Chí Minh nêu rõ: “phải có chuẩn bị, có kế hoạch, có tổ chức, ắt phải có lãnh đạo và trung kiên”¹¹³. Đấu tranh chống tham ô, lãng phí cần phải bằng hệ thống các biện pháp đồng bộ, cả trước mắt và lâu dài, kết hợp chặt chẽ giữa “xây” và “chống”. Cùng với việc xây dựng cơ chế phòng, chống, tấn công tham ô lãng phí trên tất cả các lĩnh vực, cần xác định và tập trung vào các lĩnh vực trọng tâm và các biện pháp chủ yếu. Yếu tố quan trọng, quyết định hiệu lực, hiệu quả của cuộc đấu tranh phòng, chống tham ô, lãng phí chính là công tác lãnh đạo. Cũng như trong tất cả các hoạt động khác của cách mạng nước ta, sự lãnh đạo tập trung thống nhất của Đảng, thông qua các chủ trương chính sách mang tính chỉ đạo, thông qua các tổ chức, các cấp uỷ Đảng chính là mấu chốt, quyết định sự thành bại của cuộc đấu tranh chống tham ô, lãng phí, chống bệnh quan liêu.

Hồ Chủ tịch luôn nhấn mạnh trong cuộc đấu tranh chống tham ô, lãng phí phải kết hợp chặt chẽ giữa tuyên truyền, giáo dục và cưỡng chế, trong đó lấy giáo dục, tuyên truyền là nền tảng cơ sở. Người nói: “Trong phong trào chống tham ô, lãng phí, quan liêu, giáo dục là chính, trừng phạt

¹¹¹ Sđd, tập 6, tr.495

¹¹² Sđd, tập 6, tr.495

¹¹³ Sđd, tập 6, tr.490

là phụ”¹¹⁴. Việc tuyên truyền giáo dục cần được đặc biệt coi trọng, làm cho cán bộ hiểu được sự nguy hại, xấu xa của tham ô, lãng phí, từ đó có các hành động tích cực nhằm phòng, chống. Đồng thời qua công tác tuyên truyền, giáo dục sẽ giúp nêu gương tốt, lên án các hành vi tham ô, lãng phí, góp phần vào việc ngăn chặn nạn tham ô, lãng phí. Nhưng khi cần thiết, đối với những kẻ đã suy thoái về đạo đức, không chịu rèn luyện, ăn năn hối cải, cố tình tư lợi, chiếm đoạt tài sản của Nhà nước, của nhân dân, phá hoại sự nghiệp cách mạng, phải trừng trị thẳng tay, đúng pháp luật để bảo vệ sự nghiêm minh của pháp luật và để răn đe, làm gương.

4.3. Các biện pháp phòng, chống tham ô, lãng phí, quan liêu

Trên cơ sở nhận thức sâu sắc sự nguy hiểm, tìm ra bản chất, nguyên nhân của tham ô, lãng phí, quan liêu, Hồ Chủ Tịch đã nêu ra hàng loạt biện pháp nhằm đấu tranh phòng, chống tham nhũng. Trong các biện pháp, Hồ Chủ Tịch đặc biệt chú trọng biện pháp phát động tư tưởng của quần chúng. Người nói: “làm cho quần chúng khinh ghét tệ tham ô, lãng phí, quan liêu; biến hàng ức, hàng triệu con mắt, lỗ tai cảnh giác của quần chúng thành những ngọn đèn pha soi sáng khắp mọi nơi, không để cho tệ tham ô, lãng phí, quan liêu còn chỗ ẩn nấp”¹¹⁵. Quần chúng là lực lượng chính của cách mạng, sự tham gia tích cực của quần chúng quyết định sự thành bại của cách mạng. Trong cuộc đấu tranh phòng, chống tham ô, lãng phí, quan liêu, quần chúng nhân dân giám sát cán bộ, công chức, kịp thời phát hiện sai phạm, phê bình, lên án các biểu hiện tiêu cực của cán bộ. Sự giám sát gắt gao của quần chúng nhân dân đối với cán bộ, công chức Nhà nước, thông qua các hình thức khác nhau là một cơ chế ngăn ngừa tham ô, lãng phí hữu hiệu. Đồng thời, sự giám sát chặt chẽ, với các phản ánh, kiến nghị kịp thời của nhân dân sẽ giúp các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền sớm phát hiện các hành vi tham ô, lãng phí, từ đó có các biện pháp xử lý phù hợp.

Tham ô, lãng phí, quan liêu là biểu hiện của sự tha hoá, suy thoái đạo đức của cán bộ, công chức Nhà nước. Vì vậy, Hồ Chủ Tịch luôn chú trọng các biện pháp nhằm trong sạch hoá, nâng cao phẩm chất đạo đức cách mạng đối với đội ngũ cán bộ công chức Nhà nước.

Người cho rằng tệ tham ô, lãng phí do chủ nghĩa cá nhân, bệnh quan liêu gây ra. Đó là chỉ lo thu vén, hưởng thụ, không quan tâm đến rèn luyện, tu dưỡng, thiếu trách nhiệm với công việc, không quan tâm tới tâm

¹¹⁴ Sdd, tập 6, tr.493

¹¹⁵ Sdd, tập 10, tr.576

tự, nguyện vọng của cấp dưới, của nhân dân, sợ sự giám sát, phê bình. Đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, bệnh quan liêu chính là biện pháp phòng ngừa tham ô, lãng phí hữu hiệu nhất. Để đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân hiệu quả, Người chỉ thị: “Đảng ta phải ra sức tăng cường giáo dục toàn Đảng về lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, về đường lối, chính sách của Đảng, về nhiệm vụ và đạo đức của người đảng viên”¹¹⁶. Người cán bộ cần xác định đúng vai trò của mình là công bộc của nhân dân, nhiệm vụ của mình là phục vụ sự nghiệp cách mạng, đặt lợi ích của cách mạng, của Đảng, của nhân dân lên trên hết, luôn đi sâu, đi sát công việc, gần gũi quần chúng, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, nâng cao tinh thần tập thể, ý thức kỷ luật. Người cán bộ phải không ngừng tu dưỡng phấn đấu, luôn luôn học hỏi, học trong sách vở, học hỏi cấp trên, cấp dưới và nhân dân.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là người khởi xướng, phát động, chỉ đạo và hướng dẫn phong trào phê bình và tự phê bình trong đội ngũ cán bộ, đảng viên. Người chỉ đạo: “bộ đội, cơ quan, đoàn thể, nhân dân phải tổ chức một phong trào thật thà tự phê bình và phê bình từ cấp trên xuống, từ cấp dưới lên”¹¹⁷. Trong phong trào này, mỗi cán bộ, đảng viên phải luôn ý thức tự phê bình và phê bình, không phải để đả kích, hạ bệ nhau mà để cùng nhau nhận thức các sai lầm, khuyết điểm và cùng bàn cách khắc phục, sửa chữa để thực hiện chức trách, công vụ tốt hơn. Tự phê bình và phê bình phải hướng tới sự đoàn kết của cán bộ, đảng viên, hướng đến sự nâng cao tinh thần trách nhiệm, tinh thần vượt khó để hoàn thành các nhiệm vụ của cách mạng. Hồ Chủ tịch nêu quan điểm chỉ đạo đối với việc tự phê bình và phê bình, theo đó, cán bộ, đảng viên “tự kiểm thảo và kiểm thảo người khác phải thật thà, phải dựa vào sự thực, phải đào tận gốc rễ những khuyết điểm. Không nên thoa vẽ, che giấu. Không nên “ít thớt ra nhiều”, càng không nên nói việc nhỏ bỏ việc lớn, nói việc cũ quên việc mới”¹¹⁸. Người nêu các bước thực hiện tự phê bình và phê bình ở các “tiểu hồ”. Sau đó, cơ quan triển khai kiểm thảo chung. Phê bình và tự phê bình phải tiến hành từ trên xuống, từ dưới lên, phải làm thường xuyên, liên tục, phải có báo cáo, điều tra, hướng dẫn việc kiểm thảo. Sau khi công khai, thật thà tự phê bình và phê bình, cán bộ, đảng viên phải kiên quyết sửa đổi những sai lầm, khuyết điểm.

¹¹⁶ Sđd, tập 12, tr.439

¹¹⁷ Sđd, tập 6, tr.395

¹¹⁸ Sđd, tập 6, tr.492

Theo Hồ Chủ Tịch, người cán bộ phải là tấm gương sáng về sự trong sáng, lòng tận tụy, ý chí vượt khó, về phẩm chất đạo đức cách mạng; phải luôn luôn thực hiện “Cần, kiệm, liêm, chính”. Người dạy rằng: “Muốn giữ vững nhân cách, tránh khỏi hủ hoá thì phải luôn thực hành 4 chữ mà Bác thường nói. Đó là: Cần, Kiệm, Liêm, Chính”¹¹⁹. Bác Hồ có rất nhiều bài nói, bài viết về Cần, kiệm, liêm, chính. Hồ Chủ Tịch phân tích, giải thích cụ thể, căn kẽ thế nào là Cần, Kiệm, Liêm, Chính. Người nói: “Cần tức là tăng năng suất trong công tác, bất kể công tác gì. Kiệm là không lãng phí thì giờ, của cải của mình và của nhân dân. Liêm tức là không tham ô và luôn luôn tôn trọng, giữ gìn của công và của nhân dân. Chính là việc phải thì dù nhỏ cũng phải làm, việc trái thì dù nhỏ cũng tránh”¹²⁰. Người yêu cầu, hướng dẫn cán bộ, công chức thực hành Cần, Kiệm, Liêm, Chính. Người cho rằng đó là phẩm chất cần phải có của người cán bộ cách mạng. Thực hành Cần, Kiệm, Liêm, Chính là theo “phe thiện”, “phe dân chủ hoà bình” chống lại tham ô, lãng phí, quan liêu là “phe ác”.

Hồ Chủ Tịch coi giáo dục, thuyết phục, các biện pháp về tư tưởng, về phòng ngừa là chính, là nền tảng cho cuộc đấu tranh chống tham ô, lãng phí, quan liêu. Đồng thời, Người luôn nhấn mạnh việc nghiêm trị các hành vi tham ô, lãng phí. Việc trừng trị nghiêm khắc các hành vi tham ô, lãng phí phải theo đúng quy luật của pháp luật, không được nể nang người có chức vụ, địa vị, với mục đích bảo vệ công lý, đảm bảo sự nghiêm minh của pháp luật, răn đe hoặc làm gương cho những kẻ đáng hoặc có ý định tham ô. Người chỉ thị: “Pháp luật phải thẳng tay trừng trị những kẻ Bất Liêm, bất kỳ kẻ ấy ở địa vị nào, làm nghề nghiệp gì”. Cùng với rất nhiều bài nói, bài viết, bác Hồ đã có những hành động rất cụ thể chứng minh rằng Bác luôn nhân từ, coi giáo dục, thuyết phục là chính, nhưng Người cũng rất nghiêm khắc với những kẻ tham ô, tư lợi, phá hoại sự nghiệp cách mạng. Đại tá Trần Dụ Châu, Cục trưởng Cục Quân nhu, vốn là người có công với cách mạng nhưng đã có hành động tham ô tài sản của Nhà nước. Toà án kết án Trần Dụ Châu tử hình. Gia đình Trần Dụ Châu đã làm đơn gửi Bác Hồ xin được ân giảm. Nhưng Bác Hồ bác đơn xin ân giảm đó. Và

¹¹⁹ Sdd, tập 7, tr.347

¹²⁰ Sdd, tập 7, tr.392

hình phạt đã được thi hành. Đây chính sự thể hiện sinh động, cụ thể, rõ nét quan điểm, sự nghiêm khắc của Bác Hồ với hành vi tham ô, lãng phí.

5. Các cơ quan thanh tra Nhà nước chẳng những kiểm tra chống lãng phí, tham ô mà còn phải chống bệnh quan liêu, mệnh lệnh*

Trong công cuộc đấu tranh chống tham ô, lãng phí, đấu tranh chống bệnh quan liêu, các cơ quan thanh tra Nhà nước đóng vai trò quan trọng, Hồ Chủ Tịch huấn thị: “các ban thanh tra phải chú ý kiểm tra chống lãng phí, tham ô, chẳng những cần báo cáo với Trung ương và Chính phủ biết và giải quyết mà còn giúp các cấp lãnh đạo địa phương tìm ra những biện pháp để tích cực chống lãng phí, tham ô”¹²¹.

Như vậy, thanh tra, kiểm tra không những để phát hiện vi phạm, phát hiện tham ô, lãng phí để xử lý. Quan trọng hơn, qua kiểm tra, các cơ quan thanh tra Nhà nước tìm hiểu nguyên nhân tham ô, lãng phí, tìm ra biện pháp chống tham ô, lãng phí, từ đó kiến nghị với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, với bản thân các cơ quan là đối tượng thanh tra, kiểm tra để có các giải pháp hữu hiệu nhằm chống tham ô, lãng phí có hiệu quả.

Bệnh quan liêu, mệnh lệnh là nguyên nhân, là nguồn gốc của nạn tham ô, lãng phí. Vì vậy, các cơ quan thanh tra Nhà nước chẳng những kiểm tra chống lãng phí, tham ô, chống bệnh quan liêu, mệnh lệnh để giúp các cơ quan Nhà nước cải tiến công tác, giữ gìn kỷ luật, thực hành dân chủ, góp phần củng cố bộ máy Nhà nước.

Cơ quan thanh tra Nhà nước là cơ quan được Đảng, Chính phủ được tin nhiệm giao trọng trách chống tham ô, lãng phí, chống bệnh quan liêu. Để thực hiện tốt, có hiệu quả nhiệm vụ của mình, cơ quan thanh tra Nhà nước phải tự chống tham ô, lãng phí, bệnh quan liêu trong nội bộ cơ quan mình trước. Hồ Chủ Tịch yêu cầu người cán bộ thanh tra phải tự mình nghiêm chỉnh, phải có đạo đức cách mạng, tự mình phải gương mẫu cho người khác. Người chỉ thị rõ ràng: “phải anh tham ô đi thanh tra tham ô thì không được, phải người lành đi thanh tra công việc của người khác cũng không được”¹²². Người cán bộ thanh tra khi đi thanh tra chống quan liêu thì trước hết bản thân mình không được quan liêu. Thanh tra muốn

¹²¹ Sđd, tập 10, tr.81

¹²² Thanh tra Nhà nước - Chủ tịch Hồ Chí Minh với công tác thanh tra, tr.73

biết, muốn thấy, muốn hiểu rõ sự thực ở cơ quan, địa phương nào đây phải đến tận nơi, nghe ngóng, tìm hiểu, chịu khó. Quan liêu sẽ không làm được nhiệm vụ.

Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về chống tham ô, lãng phí, quan liêu vào công cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng hiện nay:

Thực hiện lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng và Nhà nước ta đã đề ra nhiều chủ trương, chính sách, biện pháp, ban hành nhiều văn bản pháp luật, tiến hành nhiều hoạt động, bước đi cụ thể nhằm đấu tranh phòng, chống tham nhũng.

Nghị quyết số 14/CT-TW của Bộ Chính trị (khoá VII) ngày 15/5/1995 về lãnh đạo cuộc đấu tranh chống tham nhũng để thực hiện sự quán triệt sâu sắc các quan điểm về phòng, chống tham ô, lãng phí, quan liêu của Hồ Chủ Tịch. Nghị quyết đã chỉ ra một trong những nguyên nhân chủ yếu nhất của tệ tham nhũng hiện nay chính là sự suy thoái, tha hoá về đạo đức, phẩm chất của một bộ phận cán bộ, đảng viên và sự yếu kém trong công tác giáo dục, quản lý cán bộ, đảng viên của các tổ chức đảng và cơ quan Nhà nước. Do vậy, quan điểm và biện pháp cần nắm vững và thực hiện là tăng cường công tác quản lý, giáo dục cán bộ, đảng viên, nâng cao sức chiến đấu của các tổ chức Đảng. Nghị quyết 14 nêu ra các quan điểm chủ yếu trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng đó là: “Trong đấu tranh chống tham nhũng phải kết hợp giữa “xây” và “chống”, tích cực chủ động phòng ngừa”, “Huy động và phối hợp chặt chẽ mọi lực lượng đấu tranh chống tham nhũng”, “đấu tranh chống tham nhũng là nhiệm vụ lâu dài, phải tiến hành kiên quyết, kiên trì và thận trọng”. Đây cũng chính là những quan điểm mà lúc sinh thời, Hồ Chủ tịch đã chỉ đạo toàn Đảng, toàn dân trong cuộc chiến chống tham ô, lãng phí.

Quán triệt tư tưởng của Hồ Chủ Tịch về chống tham ô, lãng phí, bệnh quan liêu; thể chế hoá sự chỉ đạo của Đảng, ngày 26/2/1998, Ủy ban thường vụ Quốc hội đã ban hành Pháp lệnh Chống tham nhũng, tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động phòng ngừa và đấu tranh chống tham nhũng. Pháp lệnh quy định về các hành vi tham nhũng, các nguyên tắc trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, các biện pháp phòng ngừa, phát hiện và xử lý hành vi tham nhũng, trách nhiệm và mối quan hệ phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức trong việc phòng ngừa và xử lý người có hành vi tham nhũng.

Cùng với Nghị quyết 14/CT-TW, Pháp lệnh Chống tham nhũng 1998; Chỉ thị số 10/CT-TW của Bộ Chính trị (khoá VIII) về tăng cường

việc tổ chức thực hiện Nghị quyết số 14/CT- TW ngày 4/1/1997, Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) khoá VIII về một số vấn đề cơ bản và cấp bách trong công tác xây dựng Đảng, Pháp lệnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 1998, các văn bản hướng dẫn thi hành... đã góp phần tích cực vào công cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng. Nhiều vụ án tham nhũng lớn, nghiêm trọng đã bị phát hiện, nhiều cán bộ, công chức, thậm chí cán bộ lãnh đạo cao cấp có hành vi tham nhũng đã bị xử lý nghiêm khắc, một lượng lớn tài sản bị tham nhũng đã được phát hiện và thu hồi.

Tuy nhiên, cơ chế phòng ngừa và đấu tranh chống tham nhũng ở nước ta hiện nay vẫn còn rất nhiều hạn chế. Hệ thống văn bản pháp luật về phòng, chống tham nhũng thiếu đồng bộ, chưa tạo thành cơ sở pháp lý đầy đủ và vững chắc cho hoạt động phòng, chống tham nhũng. Cơ chế phối hợp và trách nhiệm giữa các cơ quan có chức năng phòng ngừa và đấu tranh chống tham nhũng chưa rõ ràng, dẫn đến tình trạng thiếu tích cực, dậm dề, đùn đẩy trong việc thực hiện nhiệm vụ. Đặc biệt, chúng ta chưa xây dựng được một cơ chế phòng ngừa tham nhũng rộng rãi và mạnh mẽ. Hồ Chủ Tịch đã chỉ ra rằng, trong cuộc đấu tranh phòng, chống tham ô, lãng phí, quan liêu, phòng ngừa là chính, giáo dục thuyết phục là nền tảng. Vì vậy, việc xây dựng và hoàn thiện cơ chế phòng ngừa tham nhũng đóng vai trò rất quan trọng. Trên thực tế, chúng ta chưa thực hiện hoặc thực hiện chưa tốt các biện pháp phòng ngừa tham nhũng như: tuyên truyền, giáo dục về tác hại của tham nhũng, tính sống còn của cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng; quản lý chặt chẽ đội ngũ cán bộ công chức ở tất cả các khâu: tuyển dụng, đào tạo, sử dụng...; kiểm soát biến động tài sản của đội ngũ cán bộ, công chức; ngăn ngừa xung đột lợi ích.

Thực trạng trên dẫn đến việc tệ tham nhũng diễn tiến theo chiều hướng ngày càng nghiêm trọng. Tham nhũng tràn lan trong bộ máy Nhà nước, gây thiệt hại về tài sản, xói mòn lòng tin của nhân dân. Điều này đặt ra yêu cầu cấp bách đối với Đảng, Nhà nước ta cần phải đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng bằng hệ thống các biện pháp đồng bộ, kết hợp chặt chẽ giữa “xây” và “chống”, các biện pháp trước mắt cũng như lâu dài. Trong đó, việc tiếp tục tăng cường nghiên cứu, học tập, vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh – kim chỉ nam cho nhận thức và hành động - về phòng, chống tham ô, lãng phí, quan liêu vào cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng hiện nay đóng vai trò quan trọng, quyết định sự thành bại của cuộc đấu tranh.

Đối với các cơ quan thanh tra Nhà nước, được Nhà nước giao nhiệm vụ phòng ngừa và đấu tranh chống tham nhũng, việc quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn hoạt động phòng, chống tham nhũng là yêu cầu cấp thiết. Nghiên cứu và vận dụng sáng tạo, đúng đắn các quan niệm của Hồ Chủ Tịch về vai trò, nhiệm vụ của cơ quan thanh tra trong đấu tranh chống tham ô, lãng phí... sẽ giúp các cơ quan thanh tra Nhà nước nhận thức đúng đắn về nguyên tắc, mục đích, yêu cầu trong hoạt động phòng, chống tham nhũng hiện nay, từ đó, thực hiện tốt các nhiệm vụ phòng ngừa và đấu tranh chống tham nhũng theo các quy định của pháp luật.

TÌM HIỂU TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CÔNG TÁC GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỔ CÁO

*Ths. Đinh Văn Minh
Phó Viện trưởng Viện KHTT
Thanh tra Chính phủ*

“Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm lý luận chính trị toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của Cách mạng Việt Nam, là kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lê Nin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa của nhân loại”

Đó là sự đánh giá có tính chất khái quát nhất và sâu sắc nhất về tư tưởng của Người. Trên bất cứ vấn đề gì, trong bất cứ lĩnh vực nào, chúng ta cũng thấy tư tưởng đó thể hiện một cách sâu sắc mà cụ thể, cho chúng ta cả nhận thức toàn diện và quan điểm vững vàng trên cơ sở một thế giới quan cách mạng, khoa học và nhân sinh quan cộng sản, sự kết hợp giữa chủ nghĩa yêu nước chân chính và chủ nghĩa quốc tế vô sản.

Cốt lõi trong tư tưởng văn hoá Hồ Chí Minh, xuất phát điểm con đường Cách mạng mà người đã giành trọn đời mình phấn đấu hy sinh đó là tinh thần yêu nước thương dân, tất cả vì dân, vì nước. Người nói “Nghĩ cho cùng, mọi vấn đề... là vấn đề ở đời và làm người, ở đời và làm người là phải thương nước, thương dân ...”¹²³.

Với tinh thần đó người đã ra đi tìm đường cứu nước và lãnh đạo thành công cách mạng Việt Nam, mang lại độc lập dân tộc và cơm no áo ấm cho đồng bào. Cũng với tinh thần đó người đã luôn quan tâm và giành nhiều công sức xây dựng một chính quyền nhà nước của dân, do dân và vì dân.

Ngày đầu tiên của Hiến pháp năm 1946 do Hồ Chí Minh chỉ đạo soạn thảo đã trang trọng ghi nhận: “Tất cả quyền bính đều thuộc về nhân dân”, Người nhìn thấy lực lượng to tát của cách mạng là nhân dân, thấm nhuần sâu sắc truyền thống ông cha “đẩy thuyền là dân, lật thuyền cũng là dân” để từ đó giáo dục cán bộ, đảng viên luôn trung thành tận tụy, lắng nghe phục vụ nhân dân, thực sự là công bộc của dân.

¹²³ Hồ Chí Minh: Nhà nước và pháp luật Việt Nam, NXB Pháp lý, Hà Nội, 1990, trang 174

Tinh thần đó, quan điểm đó được thể hiện cụ thể qua quá trình xây dựng nhà nước và một nền pháp chế dân chủ, vì dân. Chỉ mấy tháng sau khi giành được độc lập, trước muôn ngàn khó khăn, thù trong, giặc ngoài, Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh số 64/SL ngày 23 tháng 11 năm 1945 thành lập Ban Thanh tra đặc biệt mà một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu là: Tiếp nhận các khiếu nại của nhân dân. Dù ra đời trong hoàn cảnh vô cùng khó khăn lúc đó nhưng việc tiếp nhận và giải quyết các nỗi oan khuất của đồng bào là một sự cổ vũ lớn lao, củng cố niềm tin yêu vào chính quyền non trẻ và người dân thấy chính quyền đó thực sự là chính quyền của dân, cán bộ từ Chính phủ đến địa phương đều là đầy tớ của nhân dân và sự tồn tại của nó không có gì khác hơn là để phục vụ nhân dân. Niềm tin và mối quan hệ máu thịt giữa nhà nước và nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng đã trở thành một nguồn sức mạnh vô địch để chúng ta chiến thắng kẻ thù, làm nên Điện Biên Phủ: *“lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu”* và chiến thắng vĩ đại mùa xuân năm 75 đã mang lại non sông gấm vóc trọn vẹn cho đất nước.

Trong toàn bộ sự nghiệp cách mạng của Người tinh thần yêu nước thương dân đã thấm đượm và trở thành tư tưởng chỉ đạo trong mọi hành động của người. Người luôn quan tâm lo lắng đến việc nắm bắt, tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của nhân dân, chia xẻ những, hiểu những nỗi oan ức của dân, nhắc nhở động viên cán bộ đảng viên hết lòng vì dân.

Dù bận trăm công ngàn việc Hồ Chủ tịch vẫn dành thời gian đến với ngành thanh tra, đến với những người mà Hồ Chủ tịch thường coi: *“là tai mắt của trên, là người bạn của dưới”*. Có lẽ không ai làm công tác thanh tra, công tác tiếp nhận và giải quyết khiếu nại, tố cáo của dân lại không nhớ đến lời dặn dò sâu sắc của người *“Đồng bào có oan ức mới khiếu nại hoặc vì chưa hiểu rõ chính sách của Đảng và Chính phủ mà khiếu nại. Ta phải giải quyết nhanh, tốt thì đồng bào thấy rõ Đảng và Chính phủ quan tâm lo lắng đến quyền lợi của họ, do có mối quan hệ giữa nhân dân với Đảng và Chính phủ càng được củng cố tốt hơn ...”*¹²⁴

Lời huấn thị đó của Người đã thể hiện rõ nét quan điểm sâu sắc và tính nhân văn cao cả của Người về công tác xét, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân cũng như khẳng định rõ tầm quan trọng của công tác này. Theo quan điểm đó thì giải quyết khiếu nại, tố cáo là một biện pháp quan trọng và thiết thực để củng cố lòng tin của nhân dân vào Đảng và Nhà nước.

¹²⁴ Hồ Chí Minh toàn tập, tập 10, trang 81 - 82

Trong lời Huấn thị trên đây của Hồ Chủ tịch đã thể hiện một cách nhìn nhận sâu sắc về bản chất và ý nghĩa của công tác này

1. Trước hết khi nói về người khiếu nại và việc khiếu nại

Người nói đồng bào có oan ức hoặc chưa hiểu rõ chính sách của Đảng và Chính phủ mà khiếu nại. Câu nói đó thể hiện sự chia xẻ và quan điểm vì dân, luôn luôn đứng về phía người dân của Người. Dù công việc khiếu nại là công việc phức tạp nhưng phải luôn luôn thấu triệt cách nhìn nhận và đánh giá đúng thì mới có một thái độ đúng đắn trong khi tiếp nhận và giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân.

Hơn ai hết, Hồ Chủ tịch hiểu rõ con người Việt Nam cần cù, chịu thương chịu khó. Nhiều năm bị ách đô hộ phương Bắc chế độ phong kiến đè nén và ảnh hưởng của đạo giáo phương đông khổ hạnh đã thấm sâu vào tâm lý con người Việt Nam. Chính vì vậy, người dân thường cam chịu thiệt thòi. Cách mạng về đã làm cho họ trở thành người chủ thực sự của đất nước nhưng tâm lý đó vẫn còn hằn khắc trong mỗi con người. Sự e ngại chính quyền, không ưa phiền phức vẫn còn ngự trị mặc dù đã có sự động viên khích lệ và nhà nước dân chủ cố gắng để người dân nói lên tiếng nói của mình, nhất là khi bị thiệt thòi về lợi ích.

Vì vậy, Hồ Chủ tịch mới nhắc nhở: đồng bào có oan ức.... thì mới khiếu nại. Có lẽ đây là điều căn dặn mà mỗi người cán bộ, công chức nói chung và cán bộ thanh tra viên làm công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo nên luôn phải suy ngẫm.

Người còn nói: *đồng bào chưa hiểu chính sách của Đảng và Chính phủ mà khiếu nại*, đó là một cách nhìn toàn diện, sâu sắc và khách quan về một vấn đề tưởng chừng như đơn giản. Nhà nước ta là nhà nước của dân do dân và vì dân. Mọi chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước ban hành cũng nhằm tạo điều kiện phát triển đất nước đem lại hạnh phúc ấm no cho nhân dân. Quyền lợi của mỗi người dân và lợi ích của Nhà nước là nhất trí. Làm tốt chủ trương chính sách của Đảng, thực hiện nghiêm chỉnh pháp luật của nhà nước vừa là quyền, vừa là nghĩa vụ của mỗi người dân.

Đó cũng chính là yêu cầu đòi hỏi đặt ra cho các cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức nhà nước phải làm cho nhân dân hiểu rõ. Nhất là trong hoàn cảnh cụ thể của nước ta, sau bao năm sống trong cảnh lầm than nô lệ, nghèo nàn, tối tăm khi trình độ dân trí còn chưa cao, sự hiểu biết nói chung và pháp luật nói riêng còn hạn chế trong khi đó chúng ta còn thiếu các phương tiện truyền thông có thể mang lại những thông tin thiết thực đến cho người dân.

Cho nên đôi khi người dân không hiểu hay chưa hiểu rõ việc làm của chính quyền mà sinh ra khiếu nại, thắc mắc.

Nhìn ở một khía cạnh khác, bản thân các chủ trương, chính sách của chúng ta không phải lúc nào cũng rõ ràng đầy đủ. Bao nhiêu năm qua, chúng ta đã cố gắng để xây dựng một hệ thống pháp luật để điều chỉnh mọi quan hệ xã hội. Các văn bản thường xuyên được sửa đổi bổ sung đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của một nhà nước pháp quyền. Sự nắm bắt, cập nhật thường xuyên và nhất là hiểu đúng tinh thần và lời văn của những qui định pháp luật hoàn toàn không dễ dàng.

Các qui định đó, mặc dù không có gì khác hơn là việc cụ thể hoá định hướng và mục tiêu xây dựng nhà nước pháp quyền của dân, do dân và vì dân, tất cả vì lợi ích nhân dân, không phải đã được mọi người dân hiểu rõ và trong không ít trường hợp sự mâu thuẫn giữa quyền lợi của từng cá nhân với lợi ích chung có thể nảy sinh trong quá trình thực hiện sẽ là những nguyên nhân gây khiếu kiện, thắc mắc, nguyên nhân của việc “*vì chưa hiểu chính sách của Đảng và Chính phủ mà khiếu nại*”.

Những điều căn dặn của Hồ Chủ tịch không chỉ thể hiện một cách nhìn khách quan, toàn diện mà hơn thế nữa nó là biểu hiện cụ thể tư tưởng của Người. Đó là dù bất luận thế nào, việc của người dân cũng thuộc về trách nhiệm của nhà nước. Nhà nước sinh ra để phục vụ nhân dân, cán bộ đảng viên phải là công bộc của dân. Dân bị oan ức là do cán bộ, chính quyền làm sai; dân chưa hiểu là do cán bộ, chính quyền chưa làm cho họ hiểu. Vì vậy chính quyền có trách nhiệm tiếp nhận và giải quyết các khiếu nại, thắc mắc đó.

2. Về trách nhiệm giải quyết khiếu nại, tố cáo

Chúng ta đều hiểu rằng giải quyết khiếu nại, tố cáo là hình thức biểu hiện trực tiếp của mối quan hệ giữa nhân dân với nhà nước. Khi người dân có điều gì oan ức mà khiếu nại và những khiếu nại đó được các cơ quan nhà nước có trách nhiệm xem xét, giải quyết kịp thời và thoả đáng thì người dân sẽ cảm thấy mình được tôn trọng, mình là người chủ thực sự của Nhà nước, họ sẽ thấy gần gũi, gần bó, tin yêu chính quyền.

Hồ Chủ tịch luôn nhắc nhở trách nhiệm của nhà nước trong việc tiếp nhận và giải quyết khiếu nại cho dân. Người đưa yêu cầu rất cao cho công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo của dân. Không những phải tiếp nhận và giải quyết kịp thời mà các cấp chính quyền, các cán bộ, công chức “phải giải quyết nhanh, tốt” các khiếu nại đó. Với Hồ Chủ tịch, lợi ích của nước, của dân là trên hết, việc của dân là việc hàng đầu, những khiếu nại cần phải được xem xét, thậm chí người dân không kêu nài cũng phải chủ động kiểm tra để xem ý kiến người dân thế nào, có thiệt thòi, thắc mắc gì không.

Trong Huấn thị về công tác thanh tra tại Hội Nghị cán bộ thanh tra toàn miền Bắc ngày 19 tháng 4 năm 1957, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: “Trong lúc này, có những cán bộ, đảng viên khác mà kêu, cán bộ thanh tra cũng phải xem xét kịp thời, *chống chùng nào hay chùng ấy*. Đối với nhân dân việc kêu nài, có lúc không kêu nài đi chăng nữa, cán bộ thanh tra cũng phải thăm dò ý kiến nhân dân”.

Đề cao trách nhiệm của các cơ quan chính quyền trong việc giải quyết tranh nhanh chóng và có hiệu quả các khiếu nại, tố giác của nhân dân là biểu hiện cụ thể của một nhà nước vì dân mà Hồ Chủ tịch luôn nhấn mạnh. Tinh thần đó được thể hiện qua nhiều văn bản của Nhà nước ta. Thông tư số 463/TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 13/9/1958 qui định trách nhiệm, quyền hạn, nhiệm vụ, tổ chức của các cơ quan chính quyền trong việc giải quyết các loại đơn thư khiếu nại, tố giác của nhân dân đã chỉ rõ: *“Nghiên cứu và giải quyết các việc khiếu nại và tố giác của nhân dân là một trách nhiệm quan trọng của tất cả các cơ quan nhà nước và các cấp trước nhân dân. Giải quyết tốt, kịp thời thư khiếu tố của nhân dân là biểu hiện tinh thần phụ trách của các cơ quan nhà nước trước nhân dân, là thiết thực bảo đảm quyền tự do dân chủ của nhân dân, thoả mãn những yêu cầu thiết thân của nhân dân, nhờ đó mối liên hệ giữa Nhà nước và nhân dân sẽ được tăng cường”*.

Một vấn đề nữa thể hiện quan điểm của Hồ Chủ tịch về vấn đề giải quyết khiếu nại “sớm chùng nào, hay chùng ấy” là cần giải quyết khiếu nại ngay từ cơ sở, phát sinh khiếu nại của dân. Điều đặc biệt là đối với khiếu nại được gửi lên Trung ương mà hiện nay vẫn bị coi là loại đơn thư vượt cấp, người vẫn thể hiện sự nhất quán trong tư tưởng “*đồng bào có oan ức mà khiếu nại*” khi tại Hội nghị công tác thanh tra toàn miền Bắc ngày 5/3/1960 Người căn dặn “*Các cô, các chú phải làm thế nào đừng để nhiều thư khiếu nại gửi thẳng đến Bác, vì các địa phương giải quyết không tốt nên họ phải đưa đến Bác*”. Lời căn dặn đó là vô cùng thấm thía và cũng đáng để cho chúng ta suy nghĩ xem xét để có cái nhìn đúng đắn về tình trạng đơn thư vượt cấp hiện nay.

Trong thời gian gần đây có nhiều người lên Trung ương khiếu nại, đặc biệt là có nhiều đoàn đông người đến khiếu nại tại các trụ sở, thậm chí đến nhà riêng các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước ở Hà Nội. Mặc dù cũng có một số trường hợp người khiếu nại có những đòi hỏi thiếu căn cứ hoặc do bị kích động, lôi kéo nhưng phải thấy rằng đa số trường hợp họ bị thiệt thòi, thậm chí quá oan ức.

Trong lĩnh vực hành chính thì là những người khiếu nại về đền bù, giải toả có nhiều bất công, cán bộ lợi dụng chức quyền ăn tiền, trong lĩnh vực tư pháp thì tình trạng bắt giam, xét xử oan không công bằng, vi phạm pháp luật,... Người dân bị thiệt thòi oan ức đã kêu đủ các cửa nhưng tất cả đều vô vọng, họ cực chẳng đã phải bỏ nhà cửa kéo lên trung ương, vạ vật các nơi để tìm mọi cách gặp được người có trách nhiệm cao nhất của đảng, nhà nước mới hy vọng được giải oan.

Trên thực tế họ đã ở bước đường cùng, sự thiếu trách nhiệm của các cơ quan chính quyền địa phương, của các cấp các ngành là nguyên nhân chủ yếu của tình trạng khiếu nại vượt cấp lên trung ương. Trong mọi trường hợp phải thấy rằng để xảy ra tình trạng đó trách nhiệm chủ yếu thuộc về cơ quan nhà nước, thuộc về chính quyền cơ sở nơi phát sinh khiếu kiện. *“Vi các địa phương không giải quyết tốt cho nhân dân nên họ phải đưa đến”*.

Trong Thông tư số 436/TTg ngày 13 tháng 9 năm 1958 của Thủ tướng Chính phủ qui định về trách nhiệm, quyền hạn và tổ chức của các cơ quan chính quyền trong việc giải quyết các loại đơn thư khiếu nại, tố giác của nhân dân đã chỉ rõ: *“Trách nhiệm giải quyết các vụ khiếu nại hoặc tố giác chủ yếu thuộc về cơ quan nơi phát sinh vấn đề và trước hết là trách nhiệm của thủ trưởng cơ quan. Trường hợp nhân dân khiếu tố lên cấp trên thì tùy tính chất của vấn đề, tùy từng trường hợp cụ thể, cấp trên có thể điều tra và giải quyết hoặc chuyển đến cơ quan nơi phát sinh vấn đề để giải quyết”*.

Đồng thời mỗi khi người dân phát hiện ra việc làm sai trái của cán bộ, của chính quyền thì họ tố giác, tố cáo. Sự tố cáo đó thể hiện tinh thần trách nhiệm cao của công dân, họ bức xúc, phản ứng với những điều sai trái. Bởi họ cho rằng chính quyền là của nhân dân, là nơi người dân có thể trông cậy, tin tưởng những người cán bộ, đảng viên là do nhân dân tín nhiệm cử ra để lo toan việc của dân, của nước, chính quyền đó phải trong sạch, cán bộ, đảng viên đó phải là người mẫu mực. Họ không chấp nhận những biểu hiện sai trái trong hoạt động của chính quyền hay những biểu hiện sách nhiễu, của quyền, hách dịch, tham ô, lãng phí kiểu quan cách mạng như Hồ Chủ tịch từng phê phán. Hồ Chủ tịch không dung tha cho những kẻ lợi dụng danh nghĩa chính quyền nhân dân để mưu lợi cá nhân, đục khoét nhân dân. Khi bị người dân tố cáo, phát giác những kẻ đó phải bị trừng trị thích đáng. Ngay những ngày đầu lập nước, Hồ Chủ tịch đã nhận thức đầy đủ nguy cơ về sự thoái hoá của những người nắm quyền lực và đã kiên quyết đấu tranh với chúng.

Khi chuẩn bị thành lập Ban Thanh tra đặc biệt, Hội đồng Chính phủ do Bác Hồ làm Chủ tịch đã *“nhất trí với đề nghị của ông Phạm Ngọc Thạch về việc tổ chức Ban Thanh tra của Chính phủ để phái đi các tỉnh ... có quyền đưa*

*những lỗi lầm ra xét xử ...” và “có nhiều việc thụt kết ở một vài công sở. Mỗi bộ có trách nhiệm điều tra và đề nghị với chính phủ nghiêm trị những người làm bậy”.*¹²⁵ Bác Hồ coi tội tham ô là ăn cắp của nhân dân và *“trộm cắp tiền bạc của nhân dân, làm tổn hại kinh tế của Chính phủ cũng là một tham, phản quốc”*¹²⁶

Lịch sử vẫn nhắc lại vụ án Trần Dụ Châu như là lời cảnh tỉnh cho những kẻ tha hoá và cũng nói lên thái độ kiên quyết của Bác Hồ trước những con sâu mọt của chính quyền, đã mất phẩm chất, xa rời lý tưởng. Vì vậy, cũng như khiếu nại, các tố cáo cần phải được xem xét và giải quyết kịp thời, kẻ vi phạm phải bị xử lý nghiêm khắc.

3. Về ý nghĩa của công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo:

Hồ Chủ tịch là người chỉ rõ ý nghĩa lớn lao của công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo của người dân. Tại Hội nghị thanh tra toàn miền Bắc ngày 5/3/1960, Hồ Chủ tịch đã nói: *“Việc xét và giải quyết khiếu nại, tố giác, các Ban Thanh tra từ đầu năm 1958 lại đây đã đã giải quyết trên 3.800 vụ, do đó đã góp phần ổn định tư tưởng cho cán bộ, công nhân viên và đồng bào”*.

Trong Huấn thị về công tác thanh tra tại Hội nghị cán bộ thanh tra toàn miền Bắc ngày 19/4/1957, Hồ Chủ tịch đã chỉ rõ: *“Trong lúc này, có những cán bộ, đảng viên vì việc này, việc khác mà kêu, cán bộ thanh tra phải xét kịp thời, chóng chừng nào hay chừng ấy. Đối với nhân dân, có lúc kêu nài, có lúc không kêu nài đi nữa, cán bộ thanh tra cũng phải đi thăm dò ý kiến nhân dân”*. Đặc biệt quan tâm đến nguyên tắc này trong việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, Hồ Chủ tịch trong một lần khác, tại Hội nghị cán bộ thanh tra toàn miền Bắc ngày 5/3/1960 đã tiếp tục khẳng định: *“về công tác xét và giải quyết các khiếu nại, tố giác, nhiệm vụ của các Ban Thanh tra là phải làm cho nghiêm chỉnh, kịp thời, làm sớm chừng nào hay chừng ấy”, “...Ta phải giải quyết nhanh, tốt thì đồng bào mới thấy rõ Đảng và Chính phủ luôn quan tâm lo lắng đến quyền lợi của họ, do đó mối quan hệ giữa nhân dân với Đảng và Chính phủ càng được củng cố tốt hơn”*.

Mối quan hệ mà Hồ Chủ tịch nói ở đây chính là nguồn gốc sức mạnh, nguyên nhân sự thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Nó thể hiện tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng phải dựa vào sức mạnh toàn dân, “có dân là có tất cả”. Và thể hiện mục tiêu cao cả mà Người phấn đấu là “làm sao cho nhân dân đủ ăn, đủ mặc, ngày càng sung sướng, ai nấy được đi học, ốm đau có thuốc, già không lao động được thì nghỉ,...”¹²⁷, Hồ Chủ tịch cũng đã từng khẳng

¹²⁵ Chủ tịch Hồ Chí Minh với công tác thanh tra, Thanh tra Nhà nước, Hà Nội năm 2002, trang 103

¹²⁶ Hồ Chí Minh, “Chống bệnh quan liêu, tham ô, lãng phí”. Báo nhân dân, ngày 31 tháng 7 năm 1952

¹²⁷ Hồ Chí Minh toàn tập, tập 10, trang 591

định: “Trong bầu trời này không gì quý bằng nhân dân, trong thế giới này không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân”¹²⁸. Chính vì vậy Người luôn quan tâm đến việc củng cố niềm tin của nhân dân vào chế độ, phát huy sức mạnh đoàn kết toàn dân và coi đó là nguồn sức mạnh vô địch đánh thắng mọi kẻ thù tệ hại nhất và như vậy thì phải hết lòng vì công việc của dân.

Tóm lại, như một cách thể hiện dung dị khác của Người: “Muốn làm cho dân yêu, muốn được lòng dân, việc gì có lợi cho dân phải hết sức làm, việc gì có hại cho dân phải hết sức tránh. Phải chú ý giải quyết hết các vấn đề dầu khó đến đâu mặc lòng, những vấn đề quan hệ đến đời sống của nhân dân phải chấp đơn, phải xử kiện cho dân mỗi khi người ta đem tới”¹²⁹.

Từ một khía cạnh khác, Hồ Chủ tịch luôn nhấn mạnh đến việc phát huy vai trò của người dân trong việc kiểm soát các cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức nhà nước, coi đó là phương thức kiểm soát có hiệu quả nhất giải quyết khiếu nại, tố cáo cũng chính là một cách gián tiếp thực hiện quyền giám sát của công dân đối với nhà nước. Hồ Chủ tịch nói: “Kiểm soát có hai cách: một là cách từ trên xuống, tức là người lãnh đạo kiểm soát kết quả những công việc của cán bộ mình. Một cách nữa là từ dưới lên, tức là quần chúng và cán bộ, kiểm soát sự sai lầm của người lãnh đạo và bày tỏ cái cách sửa chữa sự sai lầm đó. Cách này là cách tốt nhất để kiểm soát...”¹³⁰.

Sự kiểm soát đó cũng là giúp chính quyền khắc phục được sai lầm khuyết điểm để thực sự là chính quyền vì dân, dân là chủ. “Dân là chủ thì chính quyền phải là đầy tớ, khi dân dùng đầy tớ làm việc cho mình thì phải giúp đỡ Chính phủ. Nếu Chính phủ sai thì phải phê bình, phê bình không phải là chửi, ... trong nhân viên có nhiều khuyết điểm...Xin đồng bào hãy phê bình, giúp đỡ giám sát công việc của Chính phủ”¹³¹. Có lẽ không có một lời lẽ nào chân tình và cầu thị hơn của một người đứng đầu quốc gia trước quốc dân đồng bào, tự đặt mình dưới sự phê bình, giám sát của nhân dân, đó cũng là thái độ mà mỗi người cán bộ đảng viên phải có trước những lời phàn nàn, thắc mắc, những điều khiếu nại, tố cáo của nhân dân trước những việc làm sai trái của mình hay của cấp dưới của mình để mà bình tĩnh lắng nghe và xem xét thấu tình đạt lý.

KẾT LUẬN

Nguyên tắc Nhà nước của dân, do dân, vì dân, tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân được trang trọng ghi nhận tại Hiến Pháp được thể

¹²⁸ Hồ Chí Minh toàn tập, tập 48, trang 276

¹²⁹ Hồ Chí Minh toàn tập, tập 4, trang 47,48

¹³⁰ Hồ Chí Minh toàn tập, tập 5, trang 287 - 288

¹³¹ Hồ Chí Minh toàn tập, tập 5, trang 60 - 61

hiện đầy đủ và rõ nét trong quan điểm tư tưởng của Hồ Chủ tịch đối với công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân. Bao nhiêu năm qua, những lời căn dặn của người vẫn giữ nguyên giá trị và mỗi cán bộ thanh tra viên phải luôn học tập và thấm nhuần. Trước mỗi khó khăn, vất vả trong công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của dân đều phải nhớ rằng: ***“Đồng bào có oan ức hoặc vì chưa hiểu chính sách của Đảng và Chính phủ mà khiếu nại...”***.

VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG CỦA HỒ CHÍ MINH VÀO CÔNG TÁC THANH TRA, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO VÀ CHỐNG THAM NHŨNG

Vũ Văn Chiến

*Phó Tổng Biên tập Tạp Chí Thanh tra
Thanh tra Chính phủ*

Tư tưởng của Hồ chủ tịch về công tác thanh tra là hệ thống các quan điểm của Người về vai trò vị trí chức năng nhiệm vụ của ngành thanh tra cũng như những phương diện hoạt động của ngành qua quá trình phát triển mấy chục năm qua. Những quan điểm đó luôn đã được các thế hệ thanh tra Việt Nam quán triệt sâu sắc và thể hiện trong qua trình hoạt động thực tiễn và càng cần phải quán triệt và nhận thức sâu sắc để vận dụng sáng tạo quan điểm tư tưởng của Người trong tình hình và hoàn cảnh mới của cách mạng Việt Nam.

“Bước sang thế kỷ XXI, đất nước ta có cơ hội lớn nhưng đang đứng trước những thách thức không nhỏ, tình hình thế giới ngày càng diễn biến phức tạp khó lường. Để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ cách mạng Việt Nam trong thời kỳ phát triển mới, cần thấm nhuần sâu sắc, vận dụng sáng tạo những nguyên lý và phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh để giải quyết những vấn đề thực tiễn trong tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, an ninh quốc phòng, đối ngoại, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị, trong đó việc học tập tư tưởng Hồ Chí Minh là nhiệm vụ mấu chốt của công tác tư tưởng của đảng, cần được toàn đảng thực hiện chặt chẽ, chất lượng, có hiệu quả” (Chỉ thị số 23-CT/TW ngày 27 tháng 3 năm 2003 của Ban Bí thư về đẩy mạnh nghiên cứu, tuyên truyền giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh trong giải đoạn mới...). Rõ ràng việc học tập và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác thanh tra vừa là yêu cầu chính trị vừa là yêu cầu đặt ra từ thực tiễn thực hiện nhiệm vụ của ngành thanh tra trong thời kỳ mới.

I. VỀ CÔNG TÁC THANH TRA

Trước hết chúng ta cần quán triệt tư tưởng của Bác Hồ về vai trò và vị trí của công tác thanh tra trong việc xây dựng Nhà nước của dân, do dân và vì dân của Hồ Chủ tịch. Với mục tiêu xây dựng một nhà nước dân chủ *“tất cả quyền bính thuộc về nhân dân”* (Điều 1 Hiến pháp năm 1946) thì với Hồ Chủ tịch Chính phủ phải là công bộc của dân. Các công việc của Chính phủ phải nhằm vào một mục đích duy nhất là mưu tự do hạnh phúc cho mọi người. Cho

nên Chính phủ nhân dân bao giờ cũng phải đặt lợi ích dân lên trên hết thảy. Việc gì có lợi cho dân thì làm. Việc gì có hại cho dân thì phải tránh. Và để có một Chính phủ như vậy thì luôn phải có sự kiểm soát và giám sát. Nhiệm vụ của Ban Thanh tra đặc biệt do Sắc lệnh mà Chủ tịch Hồ Chí Minh ký ban hành chính là để nhằm kiểm soát bộ máy và các cán bộ, công chức trong bộ máy nhà nước. Hoạt động thanh tra chính là một cơ chế để bảo đảm sự hoạt động của bộ máy đó thực sự có hiệu quả. Vậy thì theo quan điểm của Hồ chủ tịch thì chính là công tác thanh tra phải hướng vào phục vụ cho sự vận hành của bộ máy nhà nước qua câu nói nổi tiếng của Người: *"Thanh tra là tai mắt của trên, là người bạn của dưới"*. Câu nói đó của Bác thể hiện tâm tư tưởng và quan điểm của Hồ Chủ tịch về công tác thanh tra, không những Người khẳng định vai trò vô cùng quan trọng của công tác thanh tra mà còn thể hiện bản chất của hoạt động thanh tra là giải quyết mối quan hệ *"trên dưới"* làm cho bộ máy nhà nước ngày càng trong sạch vững mạnh, hoạt động có hiệu quả thể hiện đúng bản chất nhà nước Việt nam là nhà nước của dân, do dân và vì dân. Ở đây Bác không nói đến quan hệ giữa nhà nước và nhân dân hay với xã hội nói chung vì với Bác dân không bao giờ là *"dưới"*, Người luôn răn dạy: cán bộ là công bộc của dân. Nói đến thanh tra là tai mắt của trên, là người bạn của dưới là Bác muốn nói đến quan hệ giữa cấp trên và cấp dưới trong bộ máy chính quyền, thanh tra giúp cho trên hiểu rõ bản thân chủ trương chính sách của mình đúng hay không đúng còn điều chỉnh, trên *"biết được địa phương nào làm tốt, làm vừa, làm xấu, có làm hay không làm, trên không biết, địa phương tự mình cũng không biết; trên không thấu dưới, dưới không thấu trên"*.

Vì vậy cán bộ thanh tra giúp trên hiểu biết tình hình địa phương và cấp dưới, đồng thời cũng giúp cho cấp địa phương kịp thời sửa chữa uốn nắn nếu làm sai, hoặc làm chậm". Có thể nói, thanh tra, kiểm tra - theo quan điểm của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, như một chiếc cầu nối giữa lãnh đạo cơ quan cấp trên và cơ quan cấp dưới, giữa cơ quan ban hành chính sách và cơ quan thực hiện chính sách, giữa trung ương và địa phương, giữa người lãnh đạo, chỉ đạo và người thực hiện.

Điều đó khẳng định hoạt động thanh tra không có mục đích tự thân mà là để phục vụ cho công tác quản lý điều hành của nhà nước ngày càng có hiệu quả, hiệu lực, phục vụ nhân dân ngày càng tốt hơn. Chính vì vậy công tác thanh tra phải hướng vào việc đánh giá các cơ chế chính và việc thực hiện các cơ chế chính sách đó trong thực tiễn cuộc sống. Trong cơ chế pháp luật liên quan đến nhiệm vụ quyền hạn của thanh tra cũng như trong thực tiễn tiến hành các cuộc thanh tra thì đây phải được coi là ưu tiên hàng đầu. Điều này càng trở nên cực kỳ quan trọng khi chúng ta đang trong quá trình đổi mới toàn diện đất nước, trọng tâm là đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, sự đánh giá

cơ chế chính sách qua các kiến nghị của thanh tra là vô cùng cần thiết. Chúng ta đang sống trong một thời kỳ phát triển hết sức sôi động từ bản thân quá trình phát triển nền kinh tế thị trường với sức tăng trưởng đáng kể do mọi tiềm năng được phát huy. Thêm vào đó là sự hội nhập của Việt nam vào đời sống kinh tế chính trị của thế giới. Trong bối cảnh đó, các tiêu chí đánh giá luôn có sự biến động. Bản thân các văn bản pháp luật cũng được thay đổi thường xuyên nhưng nhiều khi vẫn không phản ánh hết được thực tiễn mà cuộc sống cần sự điều chỉnh của xã hội. Chính vì vậy ngành thanh tra và cụ thể là những người đi thanh tra phải có quan điểm đúng và nhìn nhận các vấn đề với nhãn quan biện chứng, trong sự vận động và phát triển của sự vật hiện tượng để đánh giá chính xác các vấn đề mà mình thanh tra. Từ đó đưa ra các kiến nghị xác đáng để xử lý bản thân những vấn đề đó đồng thời các giải pháp hoặc dự kiến cho tương lai. Thanh tra lấy pháp luật làm chuẩn mực nhưng hơn thế nữa phải thấy được mục đích tối thượng trong quản lý nhà nước là hiệu quả quản lý, tính phục vụ nhân dân để xem xét đánh giá đúng sai, công và tội... Một việc làm nào đó mà chưa đúng với qui định của pháp luật những lại có lợi cho nước, cho dân thì chính qui định đó cần phải được thanh tra kiến nghị sửa đổi. Như vậy thanh tra ngoài việc xem xét việc làm của đối tượng thanh tra còn phải xem xét chính chủ trương chính sách có đúng không có phù hợp với thực tiễn hay không. Đây cũng là vấn đề rất phức tạp đòi hỏi người làm công tác thanh tra phải thật sự có năng lực, có thể chỉ ra nguyên nhân của các sai lầm khuyết điểm của đối tượng thanh tra để giúp họ khắc phục, sửa chữa *“thanh tra không phải chỉ đi xem địa phương thực hiện chỉ thị nghị quyết thế nào. Nếu họ làm sai hay gặp khó khăn, còn giúp đỡ họ làm cho đúng với nghị quyết, chỉ thị của trên đưa xuống”*. Làm được như vậy thanh tra mới thực sự là *“người bạn của dưới”*. Hiện nay không ít cán bộ trong và ngoài ngành thanh tra cho rằng quyền lực thanh tra ngày càng bị hạn chế, rằng công tác thanh tra không được coi trọng vì thanh tra chủ yếu là “kiến nghị”, không có quyền xử lý mạnh mẽ như trước kia. Hiểu như vậy là chưa đầy đủ và chưa thấy hết được ý nghĩa quan trọng và vai trò to lớn của thanh tra trong việc đóng góp vào quá trình hoàn thiện cơ chế chính sách thông qua việc thực hiện quyền kiến nghị. Vấn đề là ở chỗ quyền kiến nghị đó được thực hiện như thế nào và cơ chế nào để quyền kiến nghị đó được xem xét một cách nghiêm túc. Điều này cần xuất phát từ cả hai phía:

Một là cơ quan thanh tra cần phải có những kiến nghị thật xác đáng (kể cả kiến nghị về sửa đổi cơ chế chính sách và kiến nghị về xử lý qua thanh tra), có căn cứ pháp luật và phù hợp với thực tiễn cuộc sống.

Hai là cần xây dựng cơ chế để phát huy hiệu quả hiệu lực của các kiến nghị của thanh tra. Trong đó cần qui định trách nhiệm của các cơ quan nhà

nước trong việc xem xét và xử lý một cách nghiêm túc những vấn đề mà thanh tra kiến nghị và có cơ chế để thực hiện vấn đề này một cách có hiệu quả.

Chỉ có như vậy thanh tra mới phát huy được vai trò của mình, mới thực sự là *“tai mắt của trên, là người bạn của dưới”* như quan điểm của Bác Hồ.

Một vấn đề nữa mà hiện nay chúng ta cần nhìn nhận lại để vận dụng đúng tư tưởng của Hồ Chủ tịch về công tác thanh tra, mục đích thanh tra đã được xác định là làm cho *“trên thâu dưới, dưới thâu trên”*, đối tượng của hoạt động thanh tra là việc thực thi công vụ, nhiệm vụ của cơ quan nhà nước và công chức nhà nước, điều mà được thể hiện rất rõ trong nội dung của Sắc lệnh số 64 SL ngày 23/11/1945 thành lập Ban Thanh tra đặc biệt. Qua quá trình phát triển và cùng với sự thay đổi cơ chế quản lý, chúng ta đã có những hoạt động thanh tra ra bên ngoài xã hội (thường được gọi là thanh tra chuyên ngành) thực chất là hoạt động kiểm tra thường xuyên nhằm phát hiện và xử lý vi phạm của các đối tượng bị quản lý. Tại các Hội thảo khoa học nhiều ý kiến cho rằng hiện nay khái niệm thanh tra đã bị lạm dụng, bị *“thanh tra hoá”*. Từ đó gây nên một quan niệm không hay về hoạt động thanh tra, cho rằng thanh tra hiện nay là tràn lan, chồng chéo, gây khó dễ cho công dân và doanh nghiệp.

Trong cuộc họp Chính phủ đầu năm 1949, Chính phủ cho rằng: *“Phân biệt công tác kiểm tra là công việc thường xuyên của người phụ trách và công việc thanh tra có tính đứng trên mà xem xét công việc của một bộ phận”*. Vì vậy trong quá trình đổi mới tổ chức và hoạt động thanh tra cần nghiên cứu để thanh tra trở lại đúng vị trí của nó là *“tai mắt của trên”*. Tổ chức thanh tra phải gọn nhẹ hơn, tập trung hơn. Hoạt động thanh tra phải có trọng tâm trọng điểm và coi trọng các cuộc thanh tra diện rộng để đánh giá cơ chế chính sách... Có sự phân biệt giữa thanh tra với các hoạt động kiểm tra thường xuyên của cơ quan quản lý với mục đích bảo đảm trật tự quản lý và xử lý vi phạm hành chính. Vấn đề này đã bước đầu được xử lý khi chúng ta xây dựng luật thanh tra và cần phải tiếp tục theo định hướng đó trong quá trình hoàn thiện pháp luật về thanh tra những năm tới.

II. VỀ CÔNG TÁC GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI TỐ CÁO

Hồ Chủ tịch từng nói *“Đồng bào có oan ức mới khiếu nại hoặc vì chưa hiểu rõ chính sách của Đảng và Chính phủ mà khiếu nại. Ta phải giải quyết nhanh, tốt thì đồng bào thấy rõ Đảng và Chính phủ quan tâm lo lắng*

đến quyền lợi của họ, do đó mối quan hệ giữa nhân dân với Đảng và Chính phủ càng được củng cố tốt hơn..”¹³²

Lời huân thị đó của đã thể hiện rõ nét quan điểm sâu sắc và tính nhân văn cao cả của Người về vấn đề khiếu nại tố cáo cũng như tư tưởng của Người về công tác xét, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân. Theo quan điểm đó thì giải quyết khiếu nại, tố cáo là một biện pháp quan trọng và thiết thực để củng cố lòng tin của nhân dân vào Đảng và Nhà nước.

Trong lời huân thị trên đây của Hồ Chủ tịch đã thể hiện một cách nhìn nhận sâu sắc về bản chất và ý nghĩa của công tác này.

Người nói *đồng bào có oan ức hoặc chưa hiểu rõ chính sách của Đảng và Chính phủ mà khiếu nại*. Câu nói đó thể hiện sự chia sẻ và quan điểm vì dân, luôn luôn đứng về phía người dân của Người. Điều này đòi hỏi cán bộ công chức phải có một thái độ đúng đắn trong khi tiếp nhận và giải quyết khiếu nại của công dân.

Hồ Chủ tịch hiểu rõ tâm lý người Việt Nam thường cam chịu, e ngại chính quyền, không ưa phiền phức ngay cả khi bị thiệt thòi về lợi ích.

Vì vậy Hồ Chủ tịch mới nhắc nhở: *đồng bào có oan ức...thì mới khiếu nại*. Đây là điều căn dặn mà mỗi người cán bộ, công chức nói chung và cán bộ thanh tra viên làm công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo nên luôn phải suy ngẫm.

Người lại nói: *đồng bào...chưa hiểu chính sách của Đảng và Chính phủ mà khiếu nại*. Nhà nước ta là nhà nước của dân, quyền lợi của mỗi người dân và lợi ích của nhà nước là nhất trí. Làm tốt chủ trương chính sách của Đảng, thực hiện nghiêm chỉnh pháp luật của nhà nước và là quyền, vừa là nghĩa vụ của mỗi người dân.

Đó cũng chính là yêu cầu đòi hỏi đặt ra cho các cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức nhà nước phải làm cho nhân dân hiểu rõ. Nhất là trong hoàn cảnh cụ thể của nước ta, sau bao năm sống trong cảnh lầm than nô lệ, nghèo nàn, tăm tối, khi trình độ dân trí còn chưa cao, sự hiểu biết nói chung và pháp luật nói riêng còn hạn chế trong khi đó chúng ta còn thiếu. Cho nên đôi khi người dân không hiểu hay chưa hiểu rõ việc làm của chính quyền mà sinh ra khiếu nại, thắc mắc.

Những điều căn dặn của Hồ Chủ tịch không chỉ thể hiện một cách nhìn khách quan, toàn diện mà hơn thế nữa nó là biểu hiện cụ thể tư tưởng của Người. *Đó là dù bất luận thế nào, việc của người dân cũng thuộc về trách*

¹³² Hồ Chí Minh toàn tập, tập 10, trang 81-82

nhệm của nhà nước. Nhà nước sinh ra để phục vụ dân, cán bộ đảng viên phải là công bộc của dân. Dân bị oan ức là do cán bộ, chính quyền làm sai; Dân chưa hiểu là do cán bộ, chính quyền chưa làm cho họ hiểu. Vì vậy chính quyền có trách nhiệm tiếp nhận và giải quyết các khiếu nại, thắc mắc đó.

Về trách nhiệm giải quyết khiếu nại, tố cáo:

Giải quyết khiếu nại, tố cáo là hình thức biểu hiện trực tiếp của mối quan hệ giữa nhân dân với Nhà nước. Khi người dân có điều gì oan ức mà được các cơ quan nhà nước có trách nhiệm xem xét, giải quyết kịp thời và thoả đáng thì người dân sẽ cảm thấy mình nhận được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, thấy mình được tôn trọng, mình là người chủ thực sự của Nhà nước, họ sẽ thấy gần gũi gắn bó, tin yêu chính quyền.

Hồ Chủ tịch luôn nhắc nhở trách nhiệm của nhà nước trong việc tiếp nhận và giải quyết khiếu nại cho dân. Người đưa yêu cầu rất cao cho công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo của dân. Không những phải tiếp nhận và giải quyết kịp thời mà các cấp chính quyền, các cán bộ, công chức “phải giải quyết nhanh, tốt” các khiếu nại đó. Với Hồ Chủ tịch, lợi ích của nước, của dân là trên hết, việc của dân là việc hàng đầu, những khiếu nại cần phải được xem xét, thậm chí người dân không kêu nài cũng phải chủ động kiểm tra để xem ý kiến người dân thế nào, có thiệt thòi, thắc mắc gì không.

Trong huấn thị về công tác thanh tra tại Hội nghị cán bộ thanh tra toàn miền Bắc ngày 19/4/1957, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: “Trong lúc này, có những cán bộ, đảng viên vì việc này, việc khác mà kêu, cán bộ thanh tra cũng phải xét kịp thời, chóng chừng nào, hay chừng ấy. Đối với nhân dân việc kêu nài, có lúc không kêu nài đi chẳng nữa, cán bộ thanh tra cũng phải thăm dò ý kiến nhân dân”.

Đề cao trách nhiệm của các cơ quan chính quyền trong việc giải quyết nhanh chóng và có hiệu quả các khiếu nại, tố giác của dân là biểu hiện cụ thể của một nhà nước vì dân mà Hồ Chủ tịch luôn nhấn mạnh. ***Giải quyết tốt, kịp thời thư khiếu tố của nhân dân là biểu hiện tinh thần phụ trách của các cơ quan nhà nước trước nhân dân, là thiết thực bảo đảm quyền tự do dân của nhân dân, thoả mãn những yêu cầu thiết thân của nhân dân, nhờ đó mới liên hệ giữa Nhà nước và nhân dân sẽ được tăng cường***”.

Một vấn đề nữa thể hiện quan điểm của Hồ Chủ tịch về vấn đề giải quyết khiếu nại “sớm chừng nào, hay chừng ấy” là cần giải quyết khiếu nại ngay từ cơ sở, phát sinh khiếu nại của dân. Điều đặc biệt là đối với khiếu nại được gửi lên Trung ương mà hiện nay vẫn bị coi là loại đơn thư vượt cấp, người vẫn thể hiện sự nhất quan trong tư tưởng “*đồng bào có oan ức... mà khiếu nại*” khi tại Hội nghị công tác thanh tra toàn miền Bắc ngày 5/3/1960

Người căn dặn “*Các cô, các chú phải làm thế nào đừng để nhiều thư khiếu nại gửi thẳng đến Bác, vì các địa phương giải quyết không tốt nên họ phải đưa đến Bác*”. Lời căn dặn đó là vô cùng thâm thúy và cũng đáng để cho chúng ta suy nghĩ xem xét để có một cái nhìn đúng đắn về tình trạng đơn thư vượt cấp hiện nay.

Trong thời gian gần đây có nhiều người lên Trung ương khiếu nại, đặc biệt là có nhiều đoàn đông người đến khiếu nại tại các trụ sở, thậm chí đến nhà riêng các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước ở Hà Nội. Mặc dù cũng có một số trường hợp người khiếu nại có những đòi hỏi thiếu căn cứ hoặc do bị kích động lời kéo nhưng phải thấy rằng đa số trường hợp họ bị thiệt thòi, thậm chí quá oan ức.

Trên thực tế họ đã ở bước đường cùng, sự thiếu trách nhiệm của các cơ quan chính quyền địa phương, của các cấp các ngành là nguyên nhân chủ yếu của tình trạng khiếu nại vượt cấp lên trung ương. Trong mọi trường hợp phải thấy rằng để xảy ra tình trạng đó trách nhiệm chủ yếu thuộc về cơ quan nhà nước, thuộc về chính quyền cơ sở nơi phát sinh khiếu kiện. “*Vì các địa phương không giải quyết tốt cho nhân dân nên họ phải đưa đến*” các cơ quan Trung ương. Đó mới là quan niệm đúng thể hiện tinh thần trách nhiệm cao của một chính quyền vì nhân dân.

Vì vậy chúng ta cần làm tốt hơn nữa công tác này với những định hướng cụ thể sau đây:

+ Đề cao trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong công tác giải quyết khiếu nại: Đây là vấn đề cực kỳ quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân. Thực tiễn cho thấy cùng một hệ thống pháp luật như nhau và với những vấn đề nảy sinh như nhau nhưng ở nơi nào, cấp uỷ đảng và chính quyền quan tâm đề cao trách nhiệm trước dân, lắng nghe và quan tâm đầy đủ đến công tác giải quyết khiếu nại tố cáo thì ở đó hiệu quả của công tác này sẽ cao, nhân dân tin tưởng và tình hình kinh tế xã hội ổn định. Ngược lại những nơi nào cấp uỷ và chính quyền thiếu trách nhiệm thì tình hình khiếu nại tố cáo sẽ phức tạp, thậm chí xảy ra điểm nóng, gây bất ổn về chính trị, uy tín của chính quyền giám sát. Vừa qua, Luật khiếu nại, tố cáo sửa đổi đã có qui định xử lý đối với người thiếu trách nhiệm trong việc giải quyết tố cáo khiếu nại, của công dân nhằm đề cao trách nhiệm của thủ trưởng các cấp các ngành trong công tác này.

+ Tập trung giải quyết tốt, nhanh khiếu nại ngay từ cơ sở: Đây cũng là một điểm quan trọng trong quan điểm của Hồ Chủ tịch về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo. Thực tiễn tổng kết cho thấy điều đó hoàn toàn đúng đắn. Tuyệt đại đa số các vụ việc khiếu nại, tố cáo đều phát sinh từ cơ sở. Nếu

được giải quyết ngay từ đầu thì hiệu quả sẽ rất cao không phát sinh phức tạp. Chính vì vậy, trong quá trình nghiên cứu nhằm đổi mới phương thức giải quyết khiếu nại, tố cáo thì điều hết sức quan trọng là phải tạo ra nhiều cơ chế để buộc cấp chính quyền cơ sở phải quan tâm giải quyết các khiếu nại, tố cáo từ khi mới phát sinh

+ Coi trọng đối thoại trong quá trình giải quyết khiếu nại để giải thích hướng dẫn cho dân hiểu chính sách pháp luật và chấp hành nghiêm chỉnh quyết định giải quyết khiếu nại; Đây cũng là một vấn đề hết sức quan trọng thể hiện sự vận dụng quan điểm của Bác trong công tác giải quyết khiếu nại tố cáo và thực tế đã chứng minh tác dụng hết sức to lớn của việc đối thoại. Một mặt nó vừa taêr hiện tính dân chủ công khai trong công tác này mặt khác nó cũng tạo điều kiện để các cơ quan nhà nước nắm bắt được tâm tư nguyện vọng của người dân để giải quyết việc khiếu nại một cách nhanh chóng và có hiệu quả.

III. VỀ ĐẤU TRANH CHỐNG THAM NHŨNG:

Hồ Chủ tịch luôn có thái độ nghiêm khắc đối với các hành vi tiêu cực, lợi dụng chức quyền để mưu lợi cá nhân. Người kịch liệt phê bình chủ nghĩa cá nhân. Người luôn nhắc nhở làm cách mạng không phải là *“để làm quan phát tài”* mà là để *“giải phóng dân tộc, làm cho tổ quốc giàu mạnh, đồng bào sung sướng”*. Chính vì vậy Người coi tham ô lãng phí quan liêu là kẻ thù của nhân dân, coi tham ô cũng giống như phản quốc. Người từng nói: *“Nếu cần có một đảng phái thì sẽ là đảng dân tộc Việt Nam. Đảng sẽ chỉ có một mục đích làm cho dân tộc ta hoàn toàn độc lập, đảng viên của đảng đó sẽ là tất cả quốc dân Việt Nam, trừ những kẻ phản quốc và những kẻ tham ô ra ngoài”*. Chính vì vậy Người coi *“chống tham ô, lãng phí, quan liêu cũng cần kíp như việc đánh giặc trên mặt trận”*.

Quan điểm tư tưởng của Hồ Chủ tịch về chống tham nhũng thể hiện ở các mặt sau đây:

Thứ nhất chống tham nhũng *phải gắn liền với chống lãng phí và bệnh quan liêu*. Hồ Chủ tịch từng nói: *“Vì đâu mà có lãng phí và tham ô?”*

Vì cán bộ phụ trách lãnh đạo các cấp các ngành quan liêu, không đi sát công việc, cán bộ, quần chúng nhân dân. Có thể nói bệnh quan liêu là chỗ gieo hạt vun trồng cho tham ô, lãng phí nảy nở được.

Vì thế muốn chống tham ô, lãng phí, phải chống bệnh quan liêu”¹³³. “...i tham ô là trộm cướp. Lãng phí tuy không lấy của công đứt túi song kết quả

¹³³ Hồ Chí Minh toàn tập, Tập 6, tr.435-438

cũng rất tai hại cho nhân dân, cho Chính phủ. Có khi tai hại hơn nạn tham ô. Mà có nạn tham ô, lãng phí là vì bệnh quan liêu.

Vì những người và những cơ quan lãnh đạo từ cấp trên đến cấp dưới không sát công việc thực tế, không theo dõi và giáo dục cán bộ, không gần gũi quần chúng. Đối với công việc thì trọng hình thức mà không xem xét mọi mặt, không vào sâu vấn đề. Chỉ biết khai hội, viết chỉ thị, xem báo cáo trên giấy, chứ không kiểm tra đến nơi, đến chốn.

Nói tóm lại: vì những người, vì những cơ quan lãnh đạo mắc bệnh quan liêu thành thử có mắt mà không thấy suốt, có tai mà không nghe thấu, có chế độ mà không giữ đúng, có kỷ luật mà không nắm vững. Kết quả là những người xấu, những cán bộ kém tha hồ tham ô, lãng phí. Thế là bệnh quan liêu đã áp ủ, dung túng, che chở cho nạn tham ô, lãng phí. Vì vậy muốn trừ sạch nạn tham ô, lãng phí, thì trước mắt phải tẩy sạch bệnh quan liêu” Theo Hồ Chủ tịch thì tham ô lãng phí là do người lãnh đạo thiếu trách nhiệm, thiếu kiểm tra, thanh tra, không coi trọng kỷ cương kỷ luật. Có thể thấy rõ để chống quan liêu thì công tác thanh tra kiểm tra được Hồ Chủ tịch đặc biệt coi trọng vì “thanh tra là tai mắt của trên là người bạn của dưới”

Hai là trong đấu tranh chống tham nhũng, Hồ Chủ tịch **đề cao biện pháp phòng ngừa**. Người nói *“Trong phong trào chống tham ô, lãng phí, quan liêu, giáo dục là chính, trừng phạt là phụ”*. Muốn như vậy “phải luôn kiểm soát cán bộ” bởi vì “giao công việc mà không kiểm tra, đến lúc thất bại mới chú ý đến. Thế là không biết yêu cầu cán bộ”. Người còn nói: khéo kiểm soát bao nhiêu khuyết điểm lòi ra hết và lại khéo kiểm soát về sau khuyết điểm nhất định sẽ bớt đi. Rõ ràng theo quan điểm của Người thì biện pháp phòng ngừa là quan trọng nhất và trong phòng ngừa thì việc chủ động thanh tra kiểm tra, kiểm soát là biện pháp hàng đầu.

Ba là **phải xử lý thật nghiêm kẻ tham nhũng**: Không cần phải nhắc lại thái độ nghiêm khắc của Người đối với kẻ tham ô. Thực tiễn đã chứng minh Hồ Chủ tịch với tấm lòng nhân ái cao cả những khi cần vẫn hết sức kiên quyết trừng trị nghiêm khắc những kẻ tham nhũng bởi vì theo Người đó là những kẻ hại nước hại dân, xấu như bọn Việt gian, mật thám, là kẻ thù của nhân dân. Việc xử bắn Trần Dụ Châu, một đại tá quân đội đã từng có công trong kháng chiến là ví dụ điển hình. Người đã trải qua những đêm trắng và cũng thật xót xa khi phải xử bắn người đã từng là đồng chí của mình. Người dẫn lời Lênin khi Toà án nhân dân Mạc Tư khoa xử nhẹ một vụ án hối lộ, Lê nin không bằng lòng, đã viết: *“Không xử bắn lũ ăn của đút, mà xử một cách pha trò, mềm mỏng nhẹ nhàng như vậy- đó là điều đáng xấu hổ cho những đảng viên cộng sản, cho những người cách mạng. Cần phải nêu những đồng chí ăn hối*

lộ ra để dư luận quả trách và cần phải đuổi họ ra khỏi đảng". Rõ ràng với Người tham nhũng là điều đáng lên án nhất và cần phải trừng trị nghiêm khắc vì nó tổn hại đến lợi ích của nhân dân, thanh danh uy tín của Đảng. Trừng trị nghiêm khắc chính là để bảo vệ chế độ, bảo vệ thanh danh của Đảng. đây chính là điều đáng suy nghĩ khi chúng ta soi xét lại việc xử lý tình trạng tham nhũng hiện nay. Trong một số trường hợp không phải không có lúc, có nơi chúng ta xử lý thiếu kiên quyết, không công khai những người có chức quyền hạm tội tham nhũng vì sợ làm mất uy tín của đảng và nhà nước, sợ bị "địch lợi dụng". Nhưng điều đó đã phản tác dụng vì nó gây mất lòng tin của nhân dân vào đảng, vào chế độ.

IV. VỀ CÁN BỘ THANH TRA

Công tác thanh tra là công tác cực kỳ quan trọng nên phải do những người có phẩm chất đạo đức tốt và có uy tín, đặc biệt là những người đứng đầu ngành thanh tra. Khi thành lập Ban Thanh tra đặc biệt trong lời căn dặn ông Cù Huy Cận, Bác đã nói *"Bản thân thanh tra không cần nhiều người, lúc này hai người là đủ, một vị cao tuổi và là vị quan có tiếng là liêm khiết của triều đình cũ, là cụ Bùi; một người thanh niên hăng hái, mà trong nước ai cũng biết tiếng là chú"*. Tại cuộc họp Hội đồng Chính phủ ngày 16 tháng 6 năm 1949, một trong những nội dung họp là xem xét quá trình thực hiện công tác thanh tra trong những năm qua, bàn về việc thành lập Ban thanh tra Chính phủ thay thế Ban thanh tra đặc biệt. Hội đồng Chính phủ đề nghị người đứng đầu tổ chức thanh tra, tức Tổng Thanh tra phải là người có tên tuổi, uy tín và danh vọng. Bác Hồ từng nói: *"Cán bộ thanh tra như cái gương cho người ta soi mặt, gương mờ thì không soi được"*. Người đòi hỏi rất cao về đạo đức của người làm công tác thanh tra *"Cán bộ thanh tra phải có đạo đức cách mạng, phải hiểu nhân tình thế thái đã đành, những tự mình phải gương mẫu cho người khác"*

Lịch sử ngành thanh tra đã từng được vinh dự lãnh đạo bởi những vị lãnh đạo đạo đức, có tiếng về sự công minh, chính trực và liêm khiết, những người đã có bề dày cống hiến cho cách mạng từng giữ những các chức vị quan trọng của Đảng và Nhà nước: Cụ Bùi Bằng Đoàn, Cụ Tôn Đức Thắng, các đồng chí Nguyễn Lương Bằng, Nguyễn Thanh Bình, Nguyễn Văn Trân, Nguyễn Văn Chính (Chín Cắn)... Do vậy, có thể kết luận rằng tiêu chuẩn đầu tiên đối với người cán bộ thanh tra, nhất là người đứng đầu ngành thanh tra phải là chữ "Liêm". Uy tín và năng lực người lãnh đạo ngành thanh tra thể hiện sự quan tâm của Đảng đối với công tác thanh tra và có ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả, hiệu lực của công tác thanh tra.

Lịch sử thanh tra đã chứng kiến nhiều sự thay đổi về tổ chức và hoạt động thanh tra qua các thời kỳ, nhưng có thể khẳng định những định hướng cơ bản cho hoạt động thanh tra vẫn luôn được duy trì, đó là công tác thanh tra; công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân; công tác đấu tranh chống tham nhũng và các hiện tượng tiêu cực trong hoạt động của bộ máy nhà nước. Trong suốt chiều dài lịch sử của mình, các thế hệ cán bộ thanh tra luôn học tập và rèn luyện theo lời dạy của Bác để thực sự là tai mắt của trên, là người bạn của dưới, thực sự là nơi gửi gắm niềm tin và hy vọng của người dân mỗi khi có oan ức, thiệt thòi, là lực lượng quan trọng trong cuộc đấu tranh chống tham nhũng tiêu cực, góp phần làm trong sạch bộ máy nhà nước để có một nhà nước thực sự là của dân, do dân và vì dân. Chính vì vậy mà thanh tra luôn nhận được sự ủng hộ bà tin cậy của Đảng và nhân dân

Điều này càng được khẳng định trong giai đoạn hiện nay, thanh tra luôn giữ vai trò quan trọng trong các công tác này và thể hiện rõ nét ở việc đảng và Nhà nước giao cho ngành thanh tra nghiên cứu và giúp nhà nước xây dựng và kiểm tra đôn đốc việc thực hiện các văn bản pháp luật về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng. Những năm qua, các đạo luật Thanh tra, Luật Khiếu nại, tố cáo, Luật phòng, chống tham nhũng được ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung hoàn thiện càng thể hiện những đóng góp lớn lao mà ngành thanh tra đối với quá trình dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Những quan điểm tư tưởng của Hồ Chủ tịch về công tác thanh tra, công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo và đấu tranh chống tham nhũng mãi mãi soi rọi bước đường của từng cán bộ thanh tra cũng như sự phát triển đi lên của toàn ngành thanh tra để xứng đáng với sự tin cậy của Đảng và sự mong đợi của nhân dân./.

TƯ TƯỞNG CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỀ YÊU CẦU ĐỐI VỚI CÁN BỘ THANH TRA - NHỮNG BIỆN PHÁP KIẾN NGHỊ TRONG TÌNH HÌNH HIỆN NAY

*Nguyễn Khắc Hương
Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ
Thanh tra chính phủ*

Nhân tài là nguyên khí của Quốc gia, là rường cột của đất nước, trải qua hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước, ông cha ta luôn quan tâm đến việc đào tạo, bồi dưỡng nhân tài. Chính vì vậy các triều đại phong kiến Việt Nam từ thời Đinh, Lê, Lý, Trần đến Trịnh, Nguyễn đều quan tâm đến đào tạo nhân tài để bổ nhiệm vào bộ máy chính quyền các cấp từ Trung ương đến địa phương. Những nhân tài đó đã cống hiến tài năng, trí tuệ của mình cho đất nước, cho dân tộc.

Kế thừa truyền thống của ông cha ta, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn quan tâm đến việc đào tạo nhân tài, bồi dưỡng cán bộ để có đủ lực lượng tham gia vào chính quyền cách mạng nói chung và ngành Thanh tra nói riêng. Người đã dạy: “vì lợi ích mười năm phải trồng cây, vì lợi ích trăm năm phải trồng người”. Điều đó chứng tỏ Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn tâm huyết đến công tác đào tạo, quản lý và sử dụng cán bộ. Người luôn đòi hỏi ở cán bộ, công chức, viên chức nhà nước, người cán bộ thanh tra phải có đủ đức, tài để đảm đương nhiệm vụ của cách mạng.

Thanh tra là một chức năng thiết yếu của cơ quan quản lý nhà nước; là phương thức bảo đảm pháp chế, tăng cường kỷ luật trong quản lý Nhà nước, thực hiện quyền dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhằm phát huy nhân tố tích cực, phòng ngừa, xử lý các vi phạm, góp phần thúc đẩy hoàn thành nhiệm vụ, hoàn thiện cơ chế quản lý, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức và công dân. Hoạt động thanh tra mang tính tổng hợp và đa dạng, luôn phải tiếp xúc với mặt trái, mặt tiêu cực của xã hội. Do đó cán bộ thanh tra phải có bản lĩnh vững vàng, am hiểu pháp luật, công minh, khách quan, phải có chuyên môn nghiệp vụ để thực hiện nhiệm vụ được giao, đặc biệt là trong phòng chống tham nhũng càng cần phải dũng cảm, dám đương đầu với thử thách.

I. QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG VÀ CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỀ QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG CÁN BỘ.

Công tác cán bộ là một lĩnh vực khoa học và nhạy cảm, nó liên quan đến sự hưng thịnh hoặc suy vong của một quốc gia, nó liên quan đến sự phát triển hoặc suy thoái của một ngành, nó liên quan đến tiền đồ phát triển hoặc thoái hóa của cán bộ. Công tác cán bộ bao gồm nhiều khâu có liên quan mật thiết với nhau đó là: Tìm nguồn cán bộ, đào tạo cán bộ, đề bạt cán bộ, sử dụng cán bộ, kiểm tra cán bộ, bồi dưỡng thường xuyên để cán bộ có đủ trình độ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

1. Tìm nguồn cán bộ

Quan điểm của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh sự nghiệp cách mạng là sự nghiệp của quần chúng. Do đó, cán bộ được tìm ở nguồn từ quần chúng dân nhân. Điều đó được thể hiện ở lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến năm 1946 của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Người không phân biệt già trẻ, nam nữ, tôn giáo, giai cấp... miễn là người Việt Nam yêu nước đều đứng lên kháng chiến cứu quốc. Ngay từ ngày đầu cách mạng thành công, chính quyền còn non trẻ chưa có nhiều kinh nghiệm về quản lý, điều hành đất nước, cán bộ thiếu thốn, người đã trọng dụng những nhân sĩ yêu nước, những quan lại có tài năng, đức độ ở chế độ cũ, tham gia vào chính quyền cách mạng (cụ Phan Kế Toại, cụ Bùi Bằng Đoàn), Chủ tịch Hồ Chí Minh còn kêu gọi các trí thức yêu nước, được đào tạo ở nước ngoài, trở về phục vụ tổ quốc (ông Phạm Ngọc Thạch, ông Trần Đại Nghĩa, ông Lương Đình Của). Hưởng ứng lời kêu gọi của Bác Hồ, nhiều nhân sĩ, trí thức yêu nước, nhiều cán bộ là con em nhân dân lao động tham gia vào chính quyền cách mạng, đóng góp trí tuệ cho đất nước và đã trở thành cán bộ nòng cốt của Đảng, của Chính phủ. Đối với ngành thanh tra, sau khi ký sắc lệnh thành lập Ban thanh tra Đặc biệt, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cử cụ Bùi Bằng Đoàn nguyên Chánh thất Tòa án Thượng thẩm Hà Nội làm Trưởng ban Thanh tra Đặc biệt, sau đó cử cụ Hồ Tùng Mậu làm Tổng Thanh tra Chính phủ, cử đồng chí Nguyễn Lương Bằng làm Tổng Thanh tra Trung ương của Chính phủ. Những cán bộ đứng đầu ngành thanh tra nói trên đều được Bác Hồ tìm tòi từ các nguồn khác nhau và đều được Bác trọng dụng, tin tưởng.

2. Đào tạo cán bộ

Sau khi đã có nguồn cán bộ, việc tiếp theo là phải đào tạo cán bộ, trang bị tri thức cho họ, để họ có đủ trình độ đảm đương nhiệm vụ. Quan điểm của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh là yêu cầu cán bộ cách mạng phải có phẩm chất đạo đức cách mạng, có năng lực công tác, trình độ chuyên môn để đảm đương nhiệm vụ cách mạng giao cho. Hay nói một cách khác, cán bộ cách

mạng phải có “hồng thẩm, chuyên sâu”. Chính vì vậy phải đào tạo cán bộ về phẩm chất đạo đức cách mạng, tức là phải đào tạo về lý luận chủ nghĩa Mác – Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Phải giáo dục cán bộ có lối sống lành mạnh, cần kiệm, liêm chính, chí công, vô tư và phải tuyệt đối trung thành với sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc. Về chuyên sâu, tùy theo từng lĩnh vực cán bộ được đảm trách mà đào tạo về nghiệp vụ chuyên môn cho họ một cách có hệ thống, gắn liền lý luận với thực tiễn theo một quy trình khoa học.

Thanh tra là cơ quan bảo vệ pháp luật, góp phần giữ vững kỷ cương phép nước, ổn định chính trị xã hội. Hoạt động thanh tra mang tính đặc thù luôn phải tiếp xúc với mặt trái, mặt tiêu cực của xã hội. Thanh tra kinh tế - xã hội, cán bộ thanh tra phải đối mặt với người quản lý có hành vi vi phạm pháp luật, khi giải quyết khiếu nại cán bộ thanh tra phải bảo vệ quyền lợi hợp pháp của công dân. Do đó cán bộ thanh tra có quan điểm lập trường vững vàng trung thực, thẳng thắn, khách quan, chí công vô tư, am hiểu chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước. Chính vì vậy các tổ chức thanh tra phải bồi dưỡng chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, kiến thức về quản lý kinh tế, tài chính, văn hóa - xã hội, đào tạo nghiệp vụ thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo cho cán bộ thanh tra của toàn ngành.

Chủ tịch Hồ Chí Minh rất quan tâm đến công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, Người chỉ rõ “công việc thành công hoặc thất bại đều do cán bộ tốt hay kém. Vì vậy, Đảng phải nuôi dạy cán bộ, như người làm vườn phải vun trồng những cây cối quý báu, phải trọng nhân tài, trọng cán bộ, trọng mỗi một người có ích cho công việc chung của chúng ta. Đảng ta là một đoàn thể đấu tranh trong cuộc tranh đấu thường hao tổn một số cán bộ quý báu. Vì vậy, chúng ta càng phải quý cán bộ, phải bổ sung cán bộ, phải giữ gìn cán bộ cũ và đào tạo cán bộ mới...”

3. Đề bạt, bổ nhiệm cán bộ

Đề bạt và bổ nhiệm cán bộ là một khâu quan trọng trong công tác quản lý. Do đó việc đề bạt, bổ nhiệm cán bộ, phải đảm bảo nguyên tắc tập trung, dân chủ, công khai. Người được bổ nhiệm phải có phẩm chất đạo đức, năng lực, trình độ và được quần chúng tín nhiệm. Chính vì vậy, Bộ Chính trị đã ban hành Quyết định số 51-QĐ/03/05/1999 về việc ban hành Quy chế bổ nhiệm cán bộ.

Từ khi chính quyền mới thành lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã quan tâm tới việc cất nhắc, bổ nhiệm cán bộ. Người nói: “cất nhắc cán bộ là một công tác cần kíp, nhưng phải cất nhắc cán bộ một cách cho đúng”. Người chỉ rõ: “khi cất nhắc một cán bộ, cần phải xét rõ người đó có gần gũi quần chúng, có được quần chúng tin cậy và mến phục không. Lại phải xem người ấy xứng với

việc gì. Nếu người có tài mà dụng không đúng tài của họ cũng không được việc. Nếu cất nhắc không cẩn thận, không khỏi đem người bỏ lộ, ba la, chỉ nói mà không biết làm, vào những địa vị lãnh đạo. Như thế rất có hại”

4. Sử dụng cán bộ

Ngạn ngữ có câu: “Dụng nhân như dụng mộc” dùng người cũng như sử dụng gỗ. Gỗ tốt phải được đóng bàn, đóng tủ, làm nhà... mới có hiệu quả. Người có trình độ, năng lực phải được giao nhiệm vụ quan trọng, họ mới phát huy được khả năng, sở trường, tính năng động, sáng tạo của mình trong công việc. Cơ quan quản lý phải luân chuyển cán bộ để giúp họ thay đổi môi trường, đổi mới tư duy, thích ứng với nhiệm vụ được giao.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhắc nhở cán bộ lãnh đạo, quản lý: “phải khéo dùng cán bộ... không có ai cái gì cũng tốt, cái gì cũng hay. Vì vậy chúng ta phải khéo dùng người sửa chữa những khuyết điểm cho họ, giúp đỡ ưu điểm của họ. Thường chúng ta không biết tùy tài mà dùng người. Ví dụ: thợ rèn thì bảo đi đóng tủ, thợ mộc thì bảo đi rèn dao. Thành thử hai người đều lúng túng. Nên biết tùy tài mà dùng người thì hai người đều thành công.... Phải dùng người đúng chỗ, đúng việc. Phải luôn luôn dùng lòng nhân ái mà giúp đỡ, lãnh đạo cán bộ. Giúp họ sửa chữa những chỗ sai lầm. Khen ngợi họ lúc họ làm được việc và phải luôn luôn kiểm soát cán bộ”

5. Kiểm tra cán bộ

Khi đã có chính sách đúng, nhưng việc triển khai thành công hoặc thất bại còn phụ thuộc vào công tác lựa chọn cán bộ, cách tổ chức công việc và công tác kiểm tra. Nếu ba khâu ấy thiếu quan tâm thì chính sách đúng mấy cũng vô ích. Muốn biết trình độ, năng lực và hiệu quả công việc của cán bộ đến mức nào thì phải kiểm tra. Có kiểm tra mới phát huy được tinh thần tích cực và lực lượng to lớn của quần chúng, mới biết rõ năng lực, sở trường của cán bộ, mới giúp họ sửa khuyết điểm và tiến bộ kịp thời.

Người chỉ rõ công tác kiểm tra cần kết hợp ba nội dung sau đây:

“+ Kiểm tra phải có hệ thống, nghĩa là khi có nghị quyết, thì phải lập tức đốc thúc sự thực hành nghị quyết ấy, phải biết rõ sinh hoạt và cách làm việc của cán bộ và nhân dân địa phương ấy. Có như thế mới kịp thời thấy rõ những khuyết điểm và những khó khăn, để sửa đổi các khuyết điểm và tìm cách giúp đỡ vượt qua mọi khó khăn.

+ Kiểm tra không nên chỉ căn cứ vào các tờ báo cáo, mà phải đi đến tận nơi.

+ Kiểm tra phải dùng cách thức thật thà tự phê bình và phê bình, để tỏ rõ hết mọi khuyết điểm và tìm cách sửa chữa những khuyết điểm ấy. Như thế, thì cán bộ càng thêm trọng kỷ luật và lòng phụ trách”

Người nhắc nhở việc lựa chọn cán bộ đi kiểm tra:

“Không thể gặp ai cũng phải đi kiểm tra. Người lãnh đạo phải tự mình làm việc kiểm tra mới đủ kinh nghiệm và uy tín.

Người lãnh đạo cần phải có một nhóm cán bộ nhiều kinh nghiệm và giàu năng lực để giúp mình đi kiểm tra. Ai đi kiểm tra việc gì, nơi nào nếu có sơ xuất thì người ấy phải chịu trách nhiệm.

Nếu tổ chức việc kiểm tra cho chu đáo thì cũng như có ngọn đèn “pha”. Bao nhiêu tình hình, bao nhiêu ưu điểm và khuyết điểm, bao nhiêu cán bộ chúng ta đều thấy rõ. Có thể nói rằng: Chín phần khuyết điểm trong công việc của chúng ta là thiếu sự kiểm tra.

Nếu tổ chức kiểm tra được chu đáo thì công việc của chúng ta nhất định tiến bộ gấp mười, gấp trăm”

6. Bồi dưỡng thường xuyên cho cán bộ

Bồi dưỡng thường xuyên cho cán bộ là một chủ trương lớn của Đảng, nhằm bồi dưỡng cho cán bộ những chủ trương chính sách mới của Đảng, pháp luật của Nhà nước được sửa đổi, bổ sung, chỉ thị, nghị quyết của ngành. Thông qua việc bồi dưỡng thường xuyên sẽ cung cấp cho cán bộ những thông tin mới về khoa học kỹ thuật, văn hóa, xã hội, giúp họ không bị tụt hậu về tri thức khi thực hiện nhiệm vụ. Việc bồi dưỡng thường xuyên được kết hợp qua nhiều khâu và có mối liên hệ mật thiết với nhau, từ khâu: chỉ đạo, nâng cao, kiểm tra, giúp đỡ. Bác Hồ đã nhắc nhở các cấp chính quyền về công tác bồi dưỡng, quản lý cán bộ như sau:

+ Chỉ đạo: thả cho họ làm, thả cho họ phụ trách, dù sai lầm chút ít cũng không sợ. Nhưng phải luôn luôn tùy theo hoàn cảnh mà bày vẽ cho họ về phương hướng công tác, cách thức công tác, để họ phát triển năng lực và sáng kiến của họ, đúng với đường lối của Đảng.

+ Nâng cao: luôn luôn tìm cách cho họ học thêm lý luận và cách làm việc, làm cho tư tưởng, năng lực của họ ngày càng tiến bộ.

+ Kiểm tra: không phải ngày nào cũng kiểm tra. Nhưng thường thường kiểm tra để giúp họ rút kinh nghiệm, sửa chữa khuyết điểm. Giao công việc mà không kiểm tra, đến lúc thất bại mới chú ý đến, thế là không biết yêu cầu cán bộ.

+ Cải tạo: khi họ sai lầm thì dùng cách “thuyết phục” giúp cho họ sửa chữa. Không phải một sai lầm to lớn, mà đã vội cho họ là “cơ hội chủ nghĩa”, đã “cảnh cáo”, đã “tạm khai trừ”. Những cách quá đáng như thế đều không đúng.

+ Giúp đỡ: phải cho họ điều kiện sinh sống đầy đủ để làm việc. Khi họ đau ốm phải có thuốc thang. Tuỳ theo hoàn cảnh mà giúp họ giải quyết việc gia đình. Những điều đó rất quan hệ với tinh thần cán bộ và thân ái đoàn kết trong đảng”

Thấm nhuần quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Ban Bí thư Trung ương (khóa V) yêu cầu các cấp uỷ đảng cần lực chọn các cán bộ có đủ tiêu chuẩn về phẩm chất đạo đức và năng lực công tác, có kinh nghiệm trong quản lý điều hành, được đảng viên và quần chúng tín nhiệm để lãnh đạo tổ chức thanh tra. Các tổ chức thanh tra cần được tăng cường về số lượng và chất lượng cán bộ. Cán bộ thanh tra phải có phẩm chất đạo đức tốt, có trình độ năng lực công tác và kinh nghiệm trong hoạt động thanh tra.

II. YÊU CẦU ĐỐI VỚI CÁN BỘ THANH TRA QUA CÁC GIAI ĐOẠN LỊCH SỬ.

Người cán bộ thanh tra trước hết phải có những tiêu chuẩn chung của người công chức Nhà nước, phải có đức, có tài, trong đó đức là gốc; phải tuyệt đối trung thành với sự nghiệp cách mạng. Đây là đội ngũ những người ăn lương của nhà nước, vì thế trung thành là một yêu cầu đầu tiên cán bộ phải có. Trong quá trình phát triển của cách mạng Việt Nam, tuỳ theo đặc điểm thực tế của từng giai đoạn lịch sử mà yêu cầu cán bộ thanh tra phải có những tiêu chuẩn cụ thể để đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ nhà nước và ngành giao cho. Tuỳ theo đặc điểm tình hình và yêu cầu nhiệm vụ, sự phát triển và giác ngộ của quần chúng từng thời kỳ mà đặt ra yêu cầu đối với cán bộ. Nhìn lại chặng đường cách mạng vẻ vang của Đảng 75 năm qua và 60 năm Đảng lãnh đạo chính quyền càng thấy rõ điều đó.

1. Yêu cầu đối với cán bộ thanh tra từ năm 1945 đến năm 1954

Sau khi cách mạng tháng tám năm 1945 thành công, Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa đã phải đối phó với thù trong, giặc ngoài. Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng suốt xây dựng khối đoàn kết dân tộc, chấn chỉnh, củng cố chính quyền dân chủ nhân dân để lãnh đạo toàn quốc kháng chiến. Đó là nguyên nhân, là lý do Ban thanh tra đặc biệt ra đời thực hiện nhiệm vụ quan trọng mà Bác Hồ giao cho.

- *Thời gian 1945 – 1946:* Khi lựa chọn cán bộ vào Ban thanh tra đặc biệt, quan điểm của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh là phải chọn người hiểu

được cơ cấu bộ máy chính quyền các cấp, nguyên tắc làm việc hành chính Nhà nước có kinh nghiệm hoạt động trong ngành tư pháp và có uy tín để xử lý các vụ việc khi tiến hành thanh tra. Chính vì vậy, sau khi ký Sắc lệnh số 64/SL thành lập Ban thanh tra Đặc biệt, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 80/SL cử cụ Bùi Bằng Đoàn và ông Cù Huy Cận vào Ban thanh tra Đặc biệt. Được sự quan tâm của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Ban thanh tra Đặc biệt đã góp phần xứng đáng vào việc chấn chỉnh chính quyền non trẻ, củng cố được lòng tin của nhân dân với Đảng, với chính quyền cách mạng.

- **Thời gian 1946 – 1949:** Ngày 19/12/1946 Thực dân Pháp trắng trợn xâm lược nước ta. Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi toàn quốc kháng chiến, đây là cuộc kháng chiến lâu dài trường kỳ gian khổ. Để lãnh đạo cuộc kháng chiến thắng lợi Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trương tổ chức, kiện toàn bộ máy chính quyền các cấp cho phù hợp với tình hình mới. Các tổ chức thanh tra cũng được kiện toàn và mở rộng phạm vi hoạt động (Thanh tra các bộ, thanh tra các miền cũng được thành lập), các đặc phái viên, các đặc uỷ đoàn được Chính phủ cử đến các địa phương để thanh tra. Ngày 18/7/1947 Chính phủ ra sắc lệnh bổ nhiệm đồng chí Lê Thiết Hùng phụ trách Thanh tra Quân đội quốc gia Việt Nam. Ngày 04/8/1947 Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh cử cụ Tôn Đức Thắng một cán bộ lão thành tiêu biểu cho đạo đức liêm khiết và lòng tận tụy trong công việc cách mạng sung chức Thanh tra đặc biệt toàn quốc.

Do thiếu kinh nghiệm quản lý đất nước, thiếu hệ thống pháp luật điều chỉnh nên chính quyền một số địa phương đã vi phạm chủ trương chính sách của Đảng và Chính phủ. Một số cán bộ lạm dụng chức vụ, quyền hạn xâm phạm quyền lợi của nhân dân. Những sự việc phát sinh trên phải được thanh tra, xử lý kịp thời để củng cố lòng tin của nhân dân đối với Chính phủ.

Yêu cầu đội ngũ cán bộ thanh tra giai đoạn này phải nêu cao tinh thần yêu nước, nắm vững chủ trương, chính sách của Đảng để vận dụng vào công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo đạt hiệu quả. Đối với thanh tra ở các bộ, ngành, cán bộ thanh tra phải nắm vững nhiệm vụ chính trị, nghiệp vụ chuyên môn của ngành mình để vận dụng vào hoạt động thanh tra.

- **Thời gian 1950 – 1954:** Dưới sự lãnh đạo của Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh toàn quân, toàn dân mở các chiến dịch đánh Pháp để hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Nhiệm vụ thanh tra lúc này rất nặng nề, Ban thanh tra Đặc biệt không đáp ứng được nhiệm vụ của cách mạng. Ngày 18/12/1949 Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 138/SL thành lập Ban Thanh tra Chính phủ trực thuộc Thủ tướng. Ban Thanh tra Chính phủ được tổ chức chặt chẽ, có hệ thống. Quan điểm và phương châm của thanh tra

củng cố, xây dựng là chủ yếu, chấn chỉnh, sửa chữa, xử lý là cần thiết. Nhiệm vụ của các Ban thanh tra lúc này là: thanh tra chính sách ruộng đất, chính sách thuế nông nghiệp, công tác chuẩn bị các chiến dịch, trong đó đáng chú ý là chiến dịch Điện Biên phủ, thanh tra việc chi tiêu tài chính, quản lý ngân sách... Từ kết quả thanh tra, giúp cho Chính phủ nắm được những việc làm sai trái của chính quyền các cấp để chấn chỉnh kịp thời, xử lý nghiêm minh những cán bộ vi phạm chính sách của nhà nước. Công tác thanh tra đã góp phần củng cố lòng tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng và Chính phủ, làm nên chiến thắng Điện Biên Phủ lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu.

Do đó, yêu cầu của cán bộ thanh tra phải trung thực, khách quan tìm ra sự thật, phân biệt rõ đúng sai, thấy rõ ưu điểm, khuyết điểm, giải quyết kịp thời các vụ việc khiếu nại, tố cáo của cán bộ, chiến sỹ, của nhân dân. Hệ thống pháp luật chưa đầy đủ, cơ sở pháp lý của thanh tra chủ yếu là dựa vào Sắc lệnh thành lập và nhiệm vụ Chính phủ giao từng thời kỳ cụ thể. Cán bộ thanh tra phải phát huy tính độc lập, tự chủ, tìm tòi, suy nghĩ để tìm ra những phương pháp, biện pháp, có tính nghiệp vụ, dần dần hình thành hệ thống lý luận, phương pháp luận cho ngành thanh tra Việt Nam.

2. Yêu cầu đối với cán bộ thanh tra từ năm 1955 đến năm 1975

Hiệp định Giơnevơ được ký kết đất nước ta tạm chia làm hai miền, miền Bắc được hoàn toàn giải phóng từng bước xây dựng xã hội chủ nghĩa, miền Nam còn bị đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai thống trị, đồng bào tiếp tục đấu tranh để giải phóng đất nước. Tuy nhiệm vụ hai miền có khác nhau nhưng đều phấn đấu thực hiện một mục tiêu là: Hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ, thống nhất tổ quốc.

- **Thời gian 1955 – 1964:** Miền Bắc vừa thoát ra khỏi cuộc chiến tranh, gặp muôn vàn khó khăn, hạ tầng cơ sở công, nông nghiệp bị tàn phá, kinh tế văn hóa xã hội còn nghèo nàn, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn. Trước tình hình đó, Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh đề ra kế hoạch ở miền Bắc là “Đẩy mạnh và hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục, phát triển kinh tế, văn hóa, nâng cao mức sống vật chất và tinh thần của nhân dân, tiến tới công nghiệp hóa nước nhà”.

Song song với việc củng cố và phát triển kinh tế, văn hóa xã hội, Đảng và Nhà nước tiến hành kiện toàn bộ máy chính quyền các cấp, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc triển khai thực hiện chính sách, pháp luật của nhà nước. Trước yêu cầu thực tiễn của việc quản lý nhà nước và thực hiện chủ trương của Đảng, ngày 28/3/1956 Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ký Sắc lệnh số 261/SL thành lập Ban Thanh tra Trung ương của Chính phủ. Ngày 29/9/1961 Hội đồng Chính phủ ban hành Nghị định số 138/NĐ thành

lập Ủy ban Thanh tra của Hội đồng Chính phủ thay cho Ban Thanh tra Trung ương của Chính phủ. Ngày 24/8/1963 Thủ tướng Chính phủ ra Chỉ thị số 87/CT kiện toàn Ban Thanh tra ở các ngành, các địa phương. Như vậy hệ thống tổ chức thanh tra được hình thành hoàn chỉnh từ Trung ương đến địa phương. Cùng với sự lớn mạnh của đất nước, ngành Thanh tra Việt Nam có bước trưởng thành vượt bậc cả về số lượng và chất lượng.

Nhiệm vụ của các tổ chức thanh tra giai đoạn này là: Thanh tra việc thực hiện chính sách pháp luật của Nhà nước, thanh tra công tác quản lý kinh tế xã hội của các bộ, ngành và các địa phương, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác thanh tra.

Để thực hiện được nhiệm vụ của ngành, yêu cầu cán bộ thanh tra phải nắm vững chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước, có kiến thức quản lý kinh tế xã hội vận dụng vào công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo có hiệu quả.

- **Thời gian 1965 –1975:** Đế quốc Mỹ ồ ạt ném bom miền Bắc. Ngày 25/3/1965 Hội nghị Ban chấp hành Trung ương đã nhận định cả nước có chiến tranh. Miền Bắc phải chuyển hướng về tư tưởng và tổ chức, chuyển hướng xây dựng kinh tế và tăng cường lực lượng quốc phòng cho phù hợp với thời chiến; đồng thời tích cực chi viện cho miền Nam đánh thắng đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, thống nhất tổ quốc.

Nhiệm vụ của ngành thanh tra giai đoạn này là thanh tra việc thực hiện chính sách pháp luật của nhà nước, công tác quản lý kinh tế của các bộ, ngành và các địa phương, việc huy động nhân tài, vật lực cho chiến trường miền Nam, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân.

Yêu cầu cán bộ thanh tra của toàn ngành là phát huy tinh thần yêu nước, nâng cao trình độ nghiệp vụ, nắm vững chủ trương chính sách, pháp luật của Nhà nước để thực hiện nhiệm vụ thanh tra có kết quả.

3. Yêu cầu đối với cán bộ thanh tra từ năm 1976 đến năm 2005

Sau chiến dịch mùa xuân năm 1975 miền Nam được hoàn toàn giải phóng. Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước thắng lợi, cách mạng Việt Nam chuyển sang giai đoạn mới, cả nước độc lập, thống nhất, cùng đi lên chủ nghĩa xã hội.

- **Thời gian 1976 –1989:** Nhiệm vụ cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới là: “Hoàn thành thống nhất nước nhà, đưa cả nước tiến nhanh tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội; miền Bắc tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ

nghĩa; miền Nam đồng thời tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội”.

Đất nước được hoàn toàn giải phóng, trong 10 năm thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược: Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, chúng ta cũng gặp nhiều khó khăn. Các nguồn viện trợ cho chiến tranh bị cắt, cơ chế quản lý mệnh lệnh thời chiến không còn phù hợp. Một số bộ phận cán bộ say sưa với chiến thắng, công thần địa vị. Một số cán bộ tha hóa biến chất, tham ô, cửa quyền... Đất nước lâm vào tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội nghiêm trọng.

Trước tình hình trên Đảng và Nhà nước có chủ trương khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục kinh tế, chấn chỉnh lại công tác quản lý và kiên quyết xử lý những cán bộ thoái hóa biến chất, vi phạm kỷ luật, phát huy những nhân tố tích cực, từng bước đổi mới, phát triển kinh tế đất nước

Nhiệm vụ ngành thanh tra lúc này rất nặng nề đó là tăng cường công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý nghiêm minh cán bộ vi phạm pháp luật, lập lại trật tự kỷ cương, ổn định chính trị, xã hội.

Yêu cầu đối với cán bộ thanh tra ngoài việc nâng cao trình độ nghiệp vụ chuyên môn, phải nâng cao phẩm chất chính trị, xác định quan điểm lập trường vững vàng để thực hiện nhiệm vụ mà Nhà nước và ngành giao cho.

- **Thời gian 1990 – 2005:** Thực hiện chủ trương đổi mới của Đảng và Nhà nước các bộ, ngành, các địa phương tiến hành đổi mới để phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội. Do phương pháp làm việc từ cơ chế quản lý tập trung quan liêu bao cấp sang cơ chế thị trường có sự điều tiết của nhà nước; bên cạnh những thành quả đạt được các bộ, ngành, các địa phương không tránh khỏi bờ ngõ, mắc phải sai lầm. Một số cán bộ lợi dụng chức vụ, quyền hạn tham nhũng gây mất lòng tin của quần chúng. Một số cán bộ cố ý làm sai chính sách của Đảng và Nhà nước để vụ lợi, xâm hại đến quyền và lợi ích của nhân dân.

Nhiệm vụ của ngành thanh tra là tiến hành các cuộc thanh tra để ngăn chặn, phòng ngừa, xử lý kịp thời những hành vi vi phạm pháp luật của các bộ, ngành, địa phương. Thanh tra các cấp, các ngành tăng cường công tác quản lý nhà nước về công tác thanh tra, tổ chức phúc tra các vụ việc còn có đơn khiếu nại, tố cáo, tiến hành công tác thanh tra trách nhiệm đối với các bộ, ngành, các địa phương.

Yêu cầu của cán bộ thanh tra phải có phẩm chất chính trị, quan điểm lập trường vững vàng. Về năng lực, trình độ, nghiệp vụ của cán bộ thanh tra ở từng cấp cũng có những yêu cầu khác nhau.

Cán bộ thanh tra ở cấp cơ sở (quận, huyện, xã, phường) không đòi hỏi trình độ nghiệp vụ cao, nhưng phải đa năng, thực hiện được nhiều công việc (tiếp dân, xử lý đơn thư, thanh tra kinh tế - xã hội, giải quyết khiếu nại, tố cáo...) mới hoàn thành được nhiệm vụ đơn vị giao cho.

Cán bộ thanh tra ở cấp tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương đòi hỏi phải có trình độ nghiệp vụ chuyên môn hóa, đảm bảo đủ khả năng phúc tra, thanh tra trách nhiệm và hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ cho thanh tra cấp dưới.

Cán bộ thanh tra ở các bộ, ngành phải nắm được nhiệm vụ chính trị, các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của ngành và phải có kiến thức nghiệp vụ chuyên môn của ngành đó để vận dụng vào công tác thanh tra đạt hiệu quả.

Cán bộ thanh tra ở cơ quan Thanh tra Chính phủ đòi hỏi phải có trình độ chuyên môn hóa cao, có khả năng soạn thảo các văn bản pháp luật về thanh tra, có khả năng hướng dẫn nghiệp vụ chuyên môn cho cán bộ thanh tra các cấp.. Như vậy mới đáp ứng được yêu cầu về chức năng quản lý nhà nước của ngành thanh tra.

III. YÊU CẦU VỀ TIÊU CHUẨN CỦA NGƯỜI CÁN BỘ THANH TRA

(Những yêu cầu cụ thể về tiêu chuẩn của người cán bộ, công chức nhà nước, theo quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh)

Như trên đã trình bày, người cán bộ thanh tra trước hết phải có những tiêu chuẩn chung của người công chức nhà nước, phải có đức, có tài; phải tuyệt đối trung thành với sự nghiệp cách mạng. Nghị định số 117/NĐ – CP ngày 10/10/2003 của Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn, nghĩa vụ và tiêu chuẩn các ngạch công chức nhà nước. Cán bộ thanh tra dù ở giai đoạn nào, cấp nào, ngành nào cũng phải đảm bảo những yêu cầu sau đây:

“- Thành thạo công việc. Làm bất cứ việc gì, làm bất cứ ở đâu mà không thành thạo sẽ gây ra tác hại. Đặc biệt là trong bộ máy nhà nước, hoạt động của nó liên quan đến toàn bộ đời sống xã hội, sự không thành thạo việc sẽ dẫn đến tác hại khôn lường

- Cán bộ công chức Nhà nước phải có mối liên hệ mật thiết với nhân dân. Đây là yêu cầu có tính chất nguyên tắc sống còn của tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng một nhà nước của dân, do dân, vì dân.

- Người cán bộ, công chức nhà nước phải dám phụ trách, dám quyết đoán, dám chịu trách nhiệm, nhất là trong những tình huống khó khăn; thất bại không hoang mang, thắng lợi không kiêu ngạo.

- Phải trung thực, luôn có chí tiến thủ, luôn luôn tự phê bình và phê bình, biết người, biết việc, không thành kiến, không bao che....”.

Tuy nhiên, do tính chất của thanh tra, Chủ tịch Hồ Chí Minh còn nhấn mạnh yêu cầu riêng đối với cán bộ thanh tra: “thanh tra phải như tấm gương cho người ta soi mặt, gương mờ thì không soi được”. Tấm gương được thể hiện trên các mặt:

1. Cán bộ thanh tra phải có đạo đức cách mạng

Đạo đức cách mạng là một yêu cầu quan trọng với cán bộ thanh tra. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: “cán bộ thanh tra như cái gương cho người ta soi mặt, gương mờ thì không soi được. Vì thế cán bộ thanh tra phải rèn luyện đạo đức cách mạng”. Người lý giải: Thường vì cơ quan, địa phương, bộ phận hay công việc nào có chỗ không đúng, chỗ sai lầm mới cần thanh tra (cũng có khi thanh tra cái tốt, nơi tốt, nhưng thường là như vậy) do đó phẩm chất của người cán bộ thanh tra là phải tự mình nghiêm chỉnh, phải có đạo đức. Nói một cách khác “cán bộ thanh tra phải có đạo đức cách mạng, phải hiểu nhân tình thế cố đã đành, nhưng tự mình phải gương mẫu cho người khác”.

Theo quan điểm của Bác, phẩm chất đạo đức của người cách mạng, của người cán bộ thanh tra còn thể hiện người cán bộ đó hiểu rõ vinh dự được làm công tác thanh tra, không mắc bệnh cá nhân chủ nghĩa. Người nói: “Đối với cán bộ được làm công tác thanh tra là một vinh dự. Vì sao? Công tác thanh tra là một công tác quan trọng, Đảng, Chính phủ có tin cậy mới giao cho làm nhiệm vụ ấy. Có thể nói cán bộ thanh tra là tai, mắt của Đảng và Chính phủ, tai mắt có sáng suốt thì người mới sáng suốt”. Bác cũng phê bình: “Một số cán bộ chưa an tâm công tác, cho làm công tác thanh tra không tiến bộ, thắc mắc về tiền đồ, đứng núi này trông núi nọ, muốn xin đi công tác khác. Như thế là không hiểu rõ nhiệm vụ của mình, không hiểu vinh dự của mình, là mắc bệnh cá nhân chủ nghĩa”.

2. Cán bộ thanh tra phải có năng lực, kinh nghiệm, uy tín.

Theo quan điểm của Đảng, Nhà nước và Chủ tịch Hồ Chí Minh thì công tác thanh tra có tầm quan trọng đặc biệt. Tuy nhiên, lựa chọn ai làm công tác thanh tra cũng là một vấn đề quan trọng, nó quyết định đến hiệu lực, hiệu quả của công tác thanh tra. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy: “Khi có chính sách đúng, thì sự thành công hay thất bại của chính sách đó là do cách tổ chức công việc, nơi lựa chọn cán bộ và nơi kiểm tra. Nếu ba điều ấy sơ sài, thì chính sách đúng cũng vô ích”. Khi nói về trách nhiệm của người lãnh đạo là phải kiểm tra công việc của các cơ quan, của các cán bộ cấp dưới, Bác đã chỉ rõ: “Không thể gặp ai cũng phải đi kiểm tra. Người lãnh đạo phải tự mình làm việc kiểm tra

mới đủ kinh nghiệm và uy tín. Nhưng người lãnh đạo cần phải có một nhóm cán bộ nhiều kinh nghiệm và giàu năng lực để giúp mình đi kiểm tra”.

Chính vì vậy, sau khi ký sắc lệnh số 64/SL ngày 23/11/1945 thành lập Ban Thanh tra đặc biệt, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký sắc lệnh số 80/SL ngày 31/12/1945 cử cụ Bùi Bằng Đoàn, nguyên Chánh nhất của Toà Thượng thẩm Hà Nội - một nhân sĩ nổi tiếng và ông Cù Huy Cận, Bộ trưởng Bộ Canh nông thành viên Chính phủ lâm thời - một trí thức trẻ có năng lực, có phẩm chất đạo đức và uy tín vào Ban thanh tra đặc biệt.

Khi giao nhiệm vụ cho cụ Bùi Bằng Đoàn và ông Cù Huy Cận Bác căn dặn: “Ban thanh tra không cần nhiều người, lúc này hai người là đủ, một vị cao tuổi là vị quan có tiếng liêm khiết của triều đình cũ là cụ Bùi, một thanh niên hăng hái, mà trong nước cũng biết tiếng là chú. Người già, người trẻ dựa vào nhau mà làm việc, nhất định việc thanh tra sẽ tốt và cần làm ngay”.

3. Cán bộ thanh tra phải cố gắng học tập, trau dồi đạo đức cách mạng, nâng cao trình độ lý luận, chuyên môn nghiệp vụ.

Xuất phát từ vị trí, vai trò, tính chất của công tác thanh tra cho nên yêu cầu đối với người cán bộ thanh tra về phẩm chất, năng lực, trình độ, kinh nghiệm và uy tín đòi hỏi rất cao. Trong thực tế không ai một lúc có thể đáp ứng được đầy đủ những yêu cầu đó. Tại Hội nghị cán bộ thanh tra toàn miền Bắc năm 1957, sau khi nêu lên những yêu cầu đối với người cán bộ thanh tra, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã huấn thị: “...Nói như thế có phải là làm cán bộ thanh tra khó khăn không, có phải thần thánh mới làm được thanh tra không? Vì ai cũng có ưu, cũng có khuyết, nhưng cán bộ nào được chọn đi làm việc thanh tra là Đảng và Chính phủ có tin mới chọn mình, mình phải rèn luyện, học tập, cố gắng sửa chữa khuyết điểm, phát huy ưu điểm”. Bác còn căn dặn: “Rèn luyện đạo đức cách mạng có khó không? Khó. Nhưng cố gắng học tập, sửa đổi, cố phát huy ưu điểm, sửa chữa khuyết điểm; công việc của cán bộ thanh tra đòi hỏi cái đó hơn cán bộ khác. Các cô, các chú cũng là cán bộ cách mạng, quyết tâm rèn luyện, học hỏi nhất định làm tròn nhiệm vụ. Nhưng phải quyết tâm... như cái dao bây giờ chưa sắc nhưng cần phải chặt, nên phải cố mài cho sắc”.

Bác còn thẳng thắn phê phán những biểu hiện sai trái của một số ít cán bộ thanh tra như: Kèn cựa địa vị, chưa thật đoàn kết, đối với công việc chưa đi sâu, đi sát, thậm chí có khi còn ra oai, dọa dẫm những người bị kiểm tra. Bác cho rằng, những cán bộ thanh tra này phải tự thanh tra mình và sửa chữa khuyết điểm. Bác căn dặn: “Cán bộ thanh tra phải cố gắng học tập, học cái hay, tránh cái dở, trau dồi đạo đức cách mạng, nâng cao trình độ lý luận, trình độ nghiệp vụ và trình độ chuyên môn để làm việc cho tốt”.

Thanh tra là chức năng thiết yếu của công tác quản lý, là công cụ chủ yếu của chính quyền Nhà nước. Thanh tra góp phần giữ vững kỷ cương, pháp luật của Nhà nước, ổn định chính trị, công bằng xã hội, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Chính vì vậy, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh rất chăm lo tới độ ngũ cán bộ làm công tác thanh tra. Người yêu cầu cán bộ thanh tra phải có đủ đức, tài và tuyệt đối trung thành với sự nghiệp cách mạng.

Quá trình hình thành và phát triển của ngành thanh tra Việt Nam trong 60 năm qua, đã có sự đóng góp to lớn của các thế hệ cán bộ thanh tra từ Trung ương đến địa phương. Đó là những cán bộ ưu tú của Đảng, được Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh tin tưởng. Họ đã đóng góp trí tuệ, sức lực của mình vào sự nghiệp cách mạng Việt Nam.

Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào hoàn cảnh hiện nay:

Người cán bộ thanh tra trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, trong cơ chế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa phải có quan điểm lập trường vững vàng, phải đối mặt với thực tế yêu cầu trình độ quản lý cao nhưng năng lực cán bộ lại có hạn. Nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần có sự đan xen giữa những lợi ích diễn ra rất phức tạp, mặt trái của cơ chế thị trường còn để lại nhiều khuyết tật như nạn tham nhũng đang là quốc nạn, một trong bốn nguy cơ tồn vong của chế độ. Từ những thực tế trên đòi hỏi người cán bộ thanh tra phải có trình độ cao về quản lý kinh tế tài chính, pháp luật, khoa học kỹ thuật, ngoại ngữ, tin học....để hoàn thành nhiệm vụ được giao./.

YÊU CẦU ĐỐI VỚI CÁN BỘ THANH TRA

*Nguyễn Lê Thanh
Viện Khoa học Thanh tra
Thanh tra Chính phủ*

I. QUAN ĐIỂM CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỀ CÁC YÊU CẦU CHUNG ĐỐI VỚI CÁN BỘ, CÔNG CHỨC.

Hiện nay, nước ta đang xây dựng Nhà nước pháp quyền trong sạch, vững mạnh, của dân, do dân và vì dân. Việc xây dựng một đội ngũ cán bộ liêm khiết, năng lực làm việc trong bộ máy nhà nước là một yêu cầu tất yếu để đạt được mục tiêu trên. Nghiên cứu và vận dụng một cách sáng tạo các quan điểm và nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về cán bộ và công tác cán bộ là một việc làm cần thiết và có tính chỉ đạo trong việc tìm ra các kế hoạch, chương trình chiến lược về công tác cán bộ ở nước ta trong giai đoạn hiện nay.

Sinh thời Chủ tịch Hồ Chí Minh không những là một tấm gương sáng về người cán bộ cách mạng mà người còn để lại nhiều quan điểm khoa học và tâm huyết về công tác cán bộ. Những tâm huyết ấy đã thể hiện rõ trong các bài nói, bài viết và trong các tác phẩm của Người. Đó là những khuôn vàng thước ngọc mà Đảng và Nhà nước cần nghiên cứu, quán triệt trong việc xây dựng và thực hiện chiến lược cán bộ trong mọi giai đoạn của cuộc cách mạng tiến lên chủ nghĩa xã hội, nhất là trong giai đoạn hiện nay, khi mà có một số bộ phận đảng viên, cán bộ, công chức tham ô, tham nhũng, suy thoái về tư tưởng, đạo đức, lối sống. Những con sâu một đó có lúc, có nơi làm nhức nhối dư luận xã hội, làm mất niềm tin của nhân dân vào Đảng và Chính quyền. Đồng thời, những di bút của Người về cán bộ là những điều mà mọi cán bộ, công chức làm công bộc cho nhân dân cần đào sâu, nghiên cứu để tiếp thu, học tập, tự phê bình, chỉnh đốn và nhìn lại chính mình, chỉ có như vậy thì họ mới thực hiện tốt trách nhiệm mà nhân dân tin tưởng, trao phó.

Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ tầm quan trọng của công tác cán bộ, người nói: “cán bộ là cái gốc của mọi công việc”¹³⁴, “công việc thành công hoặc thất bại đều do cán bộ tốt hay kém”⁽¹³⁵⁾. Người đặt ra nhiều yêu cầu đối với người cán bộ, công chức làm việc trong bộ máy nhà nước làm công bộc cho nhân dân. Đối với người cán bộ thanh tra, do tính chất đặc thù của công tác thanh

¹³⁴ Xem: “Sửa đổi lỗi làm việc. Tháng 10 năm 1947. HCM Toàn tập, t5, tr 269, 273.

¹³⁵ Sách đã dẫn, tr. 273, 275

tra, bên cạnh yêu cầu chung cần phải có của người cán bộ cách mạng, Người đã đặt ra các yêu cầu riêng thể hiện ở những chữ vàng vĩnh dự: “*Cán bộ thanh tra như cái gương cho người ta soi mặt, gương mờ thì không soi được*”. Cán bộ thanh tra phải là những người có năng lực và đạo đức cách mạng, đây là yêu cầu chung đối với cán bộ, công chức, bên cạnh đó họ còn phải đáp ứng các yêu cầu riêng phù hợp với đặc thù của nghề thanh tra. Việc phân tích, đề cập quan điểm chung của Hồ Chí tịch về người cán bộ, công chức là một việc làm cần thiết trước khi muốn tìm hiểu quan điểm cụ thể của Người về những yêu cầu riêng đối với cán bộ thanh tra. Làm rõ cái chung trước khi đi vào tìm hiểu cái bộ phận, cụ thể là một phương pháp luận khoa học cần thiết.

Tìm hiểu quan điểm của Người có thể nhận thấy rằng yêu cầu chung của Người đối với cán bộ, công chức là họ phải là những người ***năng lực*** và ***liêm khiết***. Người luôn đòi hỏi mỗi người, nhất là người cán bộ, công chức phải có đạo đức cách mạng, phải kết hợp chặt chẽ phẩm chất và năng lực, hồng và chuyên, đức và tài, trong đó lấy ***đức*** làm gốc. Người coi đạo đức là cội nguồn của người cán bộ, công chức: “Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân”¹³⁶.

Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng, xuất phát từ bản chất hướng thiện, con người luôn hướng tới sự hoàn thiện, hướng tới chân, thiện, mỹ. Đạo đức hình thành nhân cách, mục tiêu, động cơ, ý chí phấn đấu của mỗi người. Đạo đức giúp người cán bộ, công chức rèn luyện lương tâm trong sáng, tận tâm đem hết sức lực, nhiệt tình phục sự tổ quốc, phục sự nhân dân. Vậy, đạo đức thể hiện ở những phẩm hạnh nào? Người đã chỉ rõ những phẩm hạnh về đạo đức của người cán bộ, công chức cần phải có, đó là: “***Cần, Kiệm, Liêm, Chính, Chí công vô tư***”

Cần là cần cù, mẫn cán, không ngừng trau dồi kiến thức, kinh nghiệm để làm tốt công việc. ***Kiệm*** là tiết kiệm, không lãng phí, xa xỉ, Người nói: *có kiệm mới liêm được, Vì xa xỉ mà sinh tham lam*. ***Chính*** là chính đáng, không làm điều không phải trái với tập quán, đạo lý truyền thống của dân tộc, vi phạm chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. Người cán bộ, công chức trong sinh hoạt hàng ngày tại cơ quan, tổ chức, đoàn thể, láng giềng phải luôn giữ gìn lương tâm trong sáng, làm theo những luân thường, đạo lý, tập quán ứng xử tốt đẹp của dân tộc, thấy điều bất chính thì không theo. Hơn nữa, cán bộ, công chức còn phải luôn chấp hành tốt chính sách, pháp luật và tuyệt đối

¹³⁶ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.5, tr. 252, 253

trung thành với Đảng và Nhà nước, không phản bội lý tưởng cách mạng, phản bội tổ quốc và nhân dân.

Người cán bộ, công chức còn phải *Chí công vô tư*, vì lợi ích chung, không chỉ chú trọng lợi ích riêng của mình. Những người nào không thực hành đức chí công vô tư thì sinh ra thói ích kỷ, hẹp hòi...là căn bệnh của chủ nghĩa cá nhân. Thối tư lợi xuất phát từ chủ nghĩa cá nhân. Đó là quan điểm ích kỷ, hẹp hòi, chỉ nghĩ đến mình mà không nghĩ đến người khác, chỉ chăm lo lợi ích riêng mà không chăm lo cho lợi ích chung. Cán bộ, công chức là nạn nhân của chủ nghĩa cá nhân thì khi làm việc gì cũng xuất phát từ lòng ham muốn danh lợi, địa vị cho cá nhân mình chứ không nghĩ đến lợi ích giai cấp, nhân dân. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn cán bộ phải chống những biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân, Người cho rằng chủ nghĩa cá nhân trái ngược với đạo đức cách mạng, *“là mẹ đẻ ra mọi tính hư tật xấu”*. Người đã vạch rõ các biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân đó là: hám lợi, tư túi, địa phương chủ nghĩa, óc bè phái, óc hẹp hòi, ích kỷ, hủ hoá. Người gọi coi chủ nghĩa cá nhân là *“giặc nội xâm”* mà mỗi cán bộ, công chức phải đấu tranh, loại bỏ.

Khi bàn về đức *Liêm* của người cán bộ, công chức, Hồ Chủ tịch nói: *“Liêm là trong sạch, không tham lam.*

Ngày xưa, dưới chế độ phong kiến, những người làm quan không đục khoét dân, thì gọi là Liêm, chữ Liêm ấy chỉ có nghĩa hẹp.

Cũng như ngày xưa trung là trung với vua. Hiếu là hiếu với cha mẹ mình thôi.

Ngày nay, nước ta là Dân chủ Cộng hoà, chữ Liêm có nghĩa rộng hơn; là mọi người đều phải liêm...Tham tiền của, tham địa vị, tham danh tiếng, tham ăn ngon, sống yên đều là bất Liêm...

Dìm người giỏi để giữ địa vị, danh tiếng của mình là đạo vị (đạo là trộm).

Gặp việc phải, mà sợ khó nhọc nguy hiểm, không dám làm, là tham vật uỷ lao.

Gặp giặc mà rút ra, không dám đánh là tham sinh uỷ tử.

Đều làm trái với chữ Liêm.

Do bất Liêm mà đi đến tội ác trộm cắp. Công khai hay bí mật, trực tiếp hay gián tiếp, bất liêm tức là trộm cắp.

Cụ Khổng Tử nói: *“Ai cũng ham lợi, thì nước sẽ nguy”*. Để thực hiện chữ Liêm, cần có tuyên truyền và kiểm soát, giáo dục và pháp luật, từ trên xuống dưới, từ dưới lên trên.

Trước nhất là cán bộ các cơ quan, các đoàn thể, cấp cao thì quyền to, cấp thấp thì quyền nhỏ, Dù to hay nhỏ, có quyền mà thiếu lương tâm là có dịp đục khoét, có dịp ăn của đút, có dịp “đĩ công vi tư”.

Vì vậy, cán bộ phải thực hành chữ Liêm trước, để làm kiểu mẫu cho dân.

“Quan tham vì dân đại”. Nếu dân hiểu biết, không chịu đút lót, thì “quan” dù không liêm cũng phải hoá ra Liêm.

Vì vậy dân phải biết quyền hạn của mình, phải biết kiểm soát cán bộ để giúp cán bộ thực hiện chữ Liêm”.

Pháp luật phải thẳng tay trừng trị những kẻ bất liêm, bất kỳ kẻ ấy ở địa vị nào, làm nghề nghiệp gì.

Mỗi người phải nhận rằng tham lam là một điều rất xấu hổ, kẻ tham lam là có tội với nước, với dân.

Cán bộ thi đua thực hành liêm khiết, thì sẽ gây nên tính liêm khiết trong nhân dân.

Một dân tộc biết cần, kiệm, biết liêm, là một dân tộc giàu về vật chất, mạnh về tinh thần, là một dân tộc văn minh, tiến bộ.

Dân tộc ta đang kháng chiến và kiến quốc, đang xây dựng một đời sống mới trong nước Việt Nam mới, Chẳng những chúng ta phải cần kiệm, chúng ta còn phải thực hành chữ Liêm”⁽¹³⁷⁾.

Trên đây là sự phân tích sâu sắc của Người về chữ Liêm. Người đã giảng giải về chữ Liêm một cách thâm thúy, bao quát được đầy đủ ngữ nghĩa của từ Liêm. Đối với đội ngũ cán bộ, công chức làm việc trong bộ máy công quyền, họ càng phải nhận thức rõ, nhận thức hết nội hàm của từ Liêm mà Hồ Chủ tịch đã dẫn dạy. Đức Liêm hiểu theo Người là đức tính quý nhất, lớn nhất là phẩm hạnh mà mọi cán bộ, công chức phải luôn tu dưỡng, thực hành trong quá trình thực thi chức trách, nhiệm vụ mà Đảng, Nhà nước và nhân dân tín nhiệm, giao phó. Nhà nước ta hiện nay là Nhà nước pháp quyền, của dân, do dân và vì dân. Nhà nước là tổ chức quyền lực do nhân dân lập ra và giám sát hoạt động, do vậy nhân dân có quyền cao nhất trong việc lựa chọn những cán bộ ưu tú, xứng đáng vào làm việc tại các cơ quan công quyền. Những người do nhân dân lựa chọn vào làm việc trong bộ máy nhà nước trước hết phải là người có phẩm chất thanh liêm, trong sạch, không tham ô, tham nhũng, thương dân, yêu dân, hết lòng tận tụy nhân dân. Khi nói về nền hành chính, người nói: *“Chính phủ Cộng hòa Dân chủ là gì? Là đày tớ chung thành của*

¹³⁷ Liêm, Tháng 6 năm 1949, Toàn tập, tập 5, tr. 640, 641

dân... Dân là chủ thì Chính phủ phải là đầy tớ, Làm việc ngày nay không phải là để thăng quan, phát tài. Nếu Chính phủ làm hại dân thì dân có quyền đuổi Chính phủ... ”⁽¹³⁸⁾. Như vậy, người đã chỉ rõ vị trí thực sự của người cán bộ, công chức là làm công bộc của nhân dân. Nhân dân tín nhiệm trao cho họ quyền đại diện, thay mình quản lý các công việc nhà nước, xã hội và nhân dân cung cấp mọi nguồn lực để họ có đủ điều kiện sinh hoạt và làm việc. Để làm tốt sự tín nhiệm đó, người cán bộ, công chức phải thực sự thanh liêm, trong sạch. Mọi cán bộ, công chức đều liêm khiết, trong sạch, không tham ô, tham nhũng thì sẽ tạo ra một đội ngũ cán bộ công quyền liêm chính, trong sạch, trách nhiệm. Tóm lại, cán bộ, công chức có Liêm thì họ mới thực sự là công bộc, là đầy tớ trung thành của nhân dân.

Trên đây là những yêu cầu của Chủ tịch Hồ Chí Minh về đạo đức của người cán bộ, công chức. Đạo đức là nền tảng, nhưng chỉ có phẩm chất đạo đức không thôi thì chưa đủ vì Người đã chỉ rõ: *có đức mà không có tài sẽ thành người vô dụng*. Câu nói đó của Người thể hiện tư tưởng yêu trọng người tài và đề cao khả năng, trí tuệ của con người. Tư tưởng đó đồng nhất với truyền thống lâu đời của dân tộc ta là hiếu học, coi trọng người tài vì *“hiền tài là nguyên khí của quốc gia”*.

Hồ Chủ tịch luôn coi trọng, đề cao tài năng, trí tuệ của các bậc đại trí thức, nho sĩ trong xã hội xưa về những đóng góp của họ cho sự phát triển và chấn hưng đất nước. Người có chủ trương khôi phục cái cũ, phát huy cái mới. Đó là một tư tưởng hợp lý.

Nhìn lại quá khứ, ta thấy sở dĩ nhà Lý xây dựng được chính quyền vững mạnh, liêm khiết và một xã hội phồn thịnh, ổn định là họ dựa vào trí tuệ siêu việt của các đại trí thức trong giới cao tăng, đạo sư và nho sĩ. Dưới triều đại nhà Lý, vua Lý Công Uẩn nổi tiếng là người yêu chuộng hiền tài, đặc biệt là các bậc cao tăng. Ông thường rất gần gũi và kính cẩn tiếp kiến các bậc cao tăng để học Phật và học hỏi kế sách định an xã hội. Vị vua này đã xây dựng một nhà nước và xã hội trên cơ sở tiếp thu các tinh túy của ba nền triết học: Phật, Nho, Lão để tổ chức xã hội. Tức là xã hội Nho, Tâm linh Phật, thiên nhiên đạo. Tổ chức xã hội một cách hài hoà, ổn định: dựa vào Nho học để xây dựng kỷ cương, phép nước làm giường cột cho các quan hệ xã hội; dựa vào nguyên lý tâm linh của Phật học để định lại cái tâm cho con người, tức là cái tâm an định, phẳng lặng hướng con người vào các hạnh từ, bi, hỷ, xả, vô ngã vị tha và tránh xa các dục vọng, tham, sân, si là đầu mối gây ra nỗi khổ cho chúng sinh; dựa vào nguyên lý của Lão học để xây dựng sự chung sống hoà

¹³⁸ Xem: “Bài nói chuyện với các đại biểu trí thức, phú hào tỉnh Thanh hoá, ngày 20/02/1947. Toàn tập, tập 5, tr. 60, 61

hợp giữa con người và con người, con người với thiên nhiên, vũ trụ. Triều đại yêu quý và sử dụng hiền tài đã xây dựng một xã hội thực sự phồn vinh, ổn định. Dưới triều đại đó, thần dân tận tâm phục hưng đất nước, triều đình hết lòng vì dân vì nước. Thử hỏi trong lịch sử cổ kim của nhân loại đã có mấy nhà nước xây dựng được một xã hội như vậy?

Hồ Chí Minh đòi hỏi ở mỗi cán bộ, công chức những tài năng nhất định, phẩm chất có năng lực theo Người là một đòi hỏi không thể thiếu đối với đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước. Một nước mạnh hay yếu, thịnh hay suy là ở năng lực của bộ máy công quyền. Tài được hiểu là gì? Tài là tài năng hay các khả năng về trí tuệ của con người. Tài năng do bẩm sinh hoặc do rèn luyện, học tập mà có. Đó là các khả năng về khoa học-kỹ thuật, nắm vững lý luận chính trị hoặc kiến thức chuyên môn nghiệp vụ, khả năng nghiên cứu, sáng tạo v.v... Nói cho cùng thì năng lực của cán bộ, công chức là khả năng nắm bắt và áp dụng thuần thục kiến thức sâu rộng về chuyên môn nghiệp vụ, hiểu biết khá sâu sắc các vấn đề xã hội mà họ đang sống, am hiểu sâu rộng về chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, giỏi về các quan hệ hành chính và khả năng giải quyết tốt các quan hệ xã hội một cách minh bạch, công tâm theo đúng Hiến pháp, pháp luật và không trái với đạo lý truyền thống của dân tộc.

II. YÊU CẦU ĐỐI VỚI CÁN BỘ THANH TRA

1. Cán bộ thanh tra phải có đạo đức cách mạng, phải gương mẫu

139

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đặt ra các yêu cầu chung đối với người cán bộ, công chức như đã phân tích ở trên. Riêng đối với người cán bộ thanh tra, người nhấn mạnh các yêu cầu riêng do tính chất đặc thù của công tác thanh tra. Một trong các yêu cầu riêng đó là: *Cán bộ thanh tra phải có đạo đức cách mạng, phải gương mẫu.*

Bàn về đạo đức cách mạng, trong tác phẩm “Đạo đức cách mạng” được công bố lần đầu tiên trên tạp chí “*Học tập*” số 12 (12/1958), Người viết: “*Người cách mạng phải có đạo đức cách mạng làm nền tảng mới hoàn thành được nhiệm vụ cách mạng vẻ vang... Nói tóm tắt thì đạo đức cách mạng là quyết tâm suốt đời đấu tranh cho Đảng, cho Cách mạng. Đó là điều chủ chốt nhất.*” Như vậy, có thể hiểu rằng yếu tố cách mạng trong đạo đức hình thành phạm trù đạo đức cách mạng. Đạo đức cách mạng không chỉ thể hiện ở các phẩm hạnh: Cần, Kiệm, Liêm, Chính, Chí công vô tư như đã đề cập chi tiết ở trên mà còn là tư tưởng, lập trường chính trị, lý tưởng, quyết tâm suốt đời đấu

¹³⁹ Hồ Chủ tịch huấn thị về công tác thanh tra tại Hội nghị cán bộ thanh tra toàn miền Bắc năm 1957

tranh cho Đảng, cho Cách mạng. Người nói: “Đạo đức cách mạng không phải trên trời sa xuống. Nó do đấu tranh, rèn luyện bền bỉ hàng ngày mà phát triển và củng cố. Cũng như ngọc càng mài càng sáng, và càng luyện càng trong.” (tạp chí “*Học tập*” số 12, 12/1958). Tìm hiểu quan điểm của người trong tác phẩm trên có thể thấy rằng đạo đức cách mạng là tuyệt đối trung thành với Đảng, với nhân dân, quyết tâm suốt đời đấu tranh cho Đảng, cho cách mạng, bất kỳ khó khăn nào cũng kiên quyết làm đúng chính sách, nghị quyết của Đảng, làm gương cho quần chúng, hoà mình với quần chúng thành một khối, tin quần chúng, hiểu quần chúng, lắng nghe ý kiến của quần chúng, thực hiện cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư.

Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng đạo đức là nhân tố quyết định giúp người cách mạng hoàn thành nhiệm vụ được giao; đạo đức của cán bộ, đảng viên, công chức phải được xem xét toàn diện trong mọi lĩnh vực hoạt động, từ đời công đến đời tư như sinh hoạt, học tập, lao động, chiến đấu, lãnh đạo, quản lý... Người chỉ rõ: “*Làm cách mạng để cải tạo xã hội cũ thành xã hội mới là một sự nghiệp rất vẻ vang, nhưng nó cũng là một nhiệm vụ rất nặng nề, một cuộc đấu tranh rất phức tạp, lâu dài, gian khổ. Sức có mạnh mới gánh được nặng và đi được xa. Người cách mạng phải có đạo đức cách mạng làm nền tảng, mới hoàn thành được nhiệm vụ cách mạng vẻ vang*”⁽¹⁴⁰⁾.

Đối với người cán bộ thanh tra thì đạo đức cách mạng lại càng là một yêu cầu quan trọng, Người nói: “*Cán bộ thanh tra như cái gương cho người ta soi mặt, gương mờ thì không soi được. Vì thế cán bộ thanh tra phải rèn luyện đạo đức cách mạng*”. Đó là câu nói nổi tiếng của Người về nghề thanh tra cũng như người làm công tác thanh tra. Có thể ví câu nói đó như “khuôn vàng thước ngọc” mà bất kỳ người cán bộ thanh tra nào đều phải lĩnh hội, làm thước ngắm để tu dưỡng, cố gắng học tập sửa đổi, cố phát triển ưu điểm sửa chữa khuyết điểm, đó cũng là đòi hỏi đối với người cán bộ thanh tra hơn những cán bộ khác. Là những người cán bộ làm công tác đặc biệt – công tác kiểm tra, phát hiện, làm sáng tỏ ngọn nguồn lạch sông... – nên bản thân người làm công tác thanh tra phải tự mình gương mẫu vì việc làm của họ luôn luôn được nhân dân theo dõi, coi là khuôn mẫu. Mỗi cán bộ thanh tra phải thật sự là tấm gương mọi mặt cho quần chúng noi theo, có như vậy thì người được thanh tra mới “tâm phục khẩu phục” việc thanh tra của họ. Người so sánh “*một tấm gương sống còn có giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền*”⁽¹⁴¹⁾.

Bàn về tấm gương về đạo đức cách mạng của người cán bộ thanh tra, người chỉ rõ: “*Thường vì cơ quan, địa phương, bộ phận hay công việc nào có*

¹⁴⁰ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tập 9, tr. 283

¹⁴¹ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.5, tr. 287

chỗ không đúng, chỗ sai làm mới cần thanh tra (cũng có khi thanh tra cái tốt, nơi tốt, nhưng thường là như vậy) cho nên phẩm chất của người cán bộ thanh tra là phải tự mình nghiêm chỉnh, phải có đạo đức cách mạng. Thí dụ: Phải anh tham ô đi thanh tra tham ô thì không được, phải người lười đi thanh tra công việc người khác thì cũng không được. Cán bộ thanh tra phải có đạo đức cách mạng, phải hiểu nhân tình thế cố đã đành, nhưng tự mình còn phải gương mẫu cho người khác” (142).

Thanh tra là một công việc đặc biệt, chính vì vậy, người cán bộ thanh tra phải là một điển hình mẫu mực về đạo đức cách mạng, phải “*như cái gương cho người ta soi mặt*”. Nhưng không phải người cán bộ thanh tra nào cũng đều hoàn thiện vì ai cũng có ưu, có khuyết. Để phấn đấu trở thành một tấm gương sáng về đạo đức cách mạng thì cán bộ thanh tra phải luôn rèn luyện, tu dưỡng và có ý thức tự phê bình sửa mình để tiến tới sự hoàn thiện làm “*cái gương*” cho người ta soi, học tập, Người nói: “... *có phải thần thánh mới làm được thanh tra không? Vì ai cũng có ưu, cũng có khuyết, nhưng cán bộ nào được chọn đi làm việc thanh tra là Đảng và Chính phủ có tin mới chọn mình, mình phải rèn luyện, học tập, cố gắng sửa chữa khuyết điểm, phát huy ưu điểm...Rèn luyện đạo đức cách mạng có khó không? Khó. Nhưng cố gắng học tập sửa đổi, cố phát triển ưu điểm sửa chữa khuyết điểm dần dần; công việc của cán bộ thanh tra đòi hỏi cái đó hơn cán bộ khác. Các cô, các chú cũng là cán bộ cách mạng, quyết tâm rèn luyện, học hỏi nhất định làm tròn nhiệm vụ. Nhưng phải quyết tâm. Không phải nghe Bác nói như thế rồi kiểm điểm thấy mình còn khuyết điểm lại bi quan. Như cái dao bây giờ chưa sắc nhưng cần phải chặt, nên phải cố mài rồi cũng sắc*” (143).

Như vậy, người đã chỉ ra cách thức làm thế nào để trở thành “*cái gương cho người ta soi mặt*”. Đó chính là ý thức tự phê bình: dám nhìn thẳng vào sự thật, không né tránh, tiếp thu phê bình, can đảm sửa chữa khuyết điểm, phát huy ưu điểm. Ý thức tự kỷ, biết mình để sửa mình đó là điều quan trọng. Với tình thần thương yêu, giữ gìn cán bộ, người nói: “*Không có ai cái gì cũng tốt, cái gì cũng hay. Vì vậy, chúng ta phải khéo dùng người, sửa chữa những khuyết điểm cho họ, giúp đỡ ưu điểm của họ*”. Đó cũng chính là cách thức đúng đắn nhất trên con đường rèn luyện tính người nói chung và tu dưỡng đạo đức cách mạng *sáng như gương* của người cán bộ thanh tra nói riêng.

Theo quan điểm của người, phẩm chất đạo đức cách mạng của người cán bộ thanh tra còn thể hiện ở việc người cán bộ đó hiểu rõ vinh dự được làm

¹⁴² Một số văn kiện về công tác thanh tra, tr. 7-10

¹⁴³ Sách đã dẫn

công tác thanh tra, không mắc bệnh cá nhân chủ nghĩa. Người nói: *“Đối với cán bộ, được làm công tác thanh tra là một vinh dự. Vì sao? Vì công tác thanh tra là một công tác quan trọng, Đảng và Chính phủ có tin cậy mới giao cho làm nhiệm vụ ấy. Có thể nói cán bộ thanh tra là tai, mắt của Đảng và Chính phủ, tai mắt có sáng suốt thì người mới sáng suốt”*⁽¹⁴⁴⁾. Người cũng phê bình: *“Một số cán bộ chưa yên tâm công tác, cho làm công tác thanh tra không tiến bộ, thắc mắc về tiền đồ, đứng núi này trông núi nọ, muốn xin đi công tác khác. Như thế là không hiểu rõ nhiệm vụ của mình, không hiểu vinh dự của mình, là mắc bệnh cá nhân chủ nghĩa”*⁽¹⁴⁵⁾.

2. Cán bộ thanh tra phải có năng lực, kinh nghiệm và uy tín⁽¹⁴⁶⁾

Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ công tác thanh tra có tầm quan trọng đặc biệt. Do đó, việc lựa chọn ai làm công tác thanh tra là một vấn đề quan trọng, nó sẽ quyết định đến hiệu quả, hiệu lực của công tác thanh tra. Như Người đã nói ở trên: *“Vì công tác thanh tra là một công tác quan trọng, Đảng và Chính phủ có tin cậy mới giao cho làm nhiệm vụ ấy. Có thể nói cán bộ thanh tra là tai, mắt của Đảng và Chính phủ, tai mắt có sáng suốt thì người mới sáng suốt”*. Để làm được tai mắt cho Đảng, cho Chính phủ, cán bộ thanh tra phải là những người thực sự có năng lực, kinh nghiệm và uy tín. Thực tế cho thấy để làm được các công việc quan trọng nhưng khó khăn và phức tạp, nhất là các công việc đòi hỏi hiểu biết sâu sắc về lý luận chính trị, kiến thức chuyên môn khoa học - kỹ thuật, thì thực sự đòi hỏi khả năng về trí tuệ của con người.

Công tác thanh tra đòi hỏi đội ngũ cán bộ có năng lực. Người làm việc có năng lực thì công việc mới đem lại hiệu quả, cũng giống như trên cơ thể con người, đầu óc - trung tâm nhận thức – đòi hỏi tai, mắt sáng suốt thì mới có khả năng nhận thức sáng suốt, minh mẫn. Khi nói về tài và đức, Hồ Chủ tịch đã dạy: *có đức mà không có tài sẽ thành người vô dụng*. Đối với công tác thanh tra, câu nói đó của người lại càng xác đáng. Thanh tra là một nghề đặc biệt, người làm nghề thanh tra phải có khả năng, kiến thức đặc thù cũng như phải giàu bản lĩnh và kinh nghiệm. Người cán bộ thanh tra có năng lực, kinh nghiệm là người không chỉ nắm vững công việc mà họ phải làm, tức là tinh thông nghiệp vụ, giỏi về chuyên môn nghiệp vụ thanh tra, mà họ còn hiểu biết khá sâu sắc về các vấn đề xã hội mà họ đang sống, giỏi về các mối quan hệ hành chính, am hiểu luật pháp, giải quyết các mối quan hệ xã hội một cách minh bạch, công tâm theo đúng pháp luật và không trái với tập quán, đạo lý truyền thống của dân tộc... Xuất phát từ đặc thù của công tác thanh tra là:

¹⁴⁴ Hồ Chủ tịch huấn thị về công tác thanh tra tại Hội nghị cán bộ thanh tra toàn miền Bắc ngày 5/3/1960

¹⁴⁵ Hồ Chủ tịch huấn thị về công tác thanh tra tại Hội nghị cán bộ thanh tra toàn miền Bắc ngày 5/3/1960

¹⁴⁶ “Một việc mà cơ quan lãnh đạo cần thực hành ngay”, Hồ Chí Minh toàn tập, NXB Chính trị Quốc gia, 1995, tập 5, trang 520-521

“...theo dõi, xem xét việc chấp hành đúng đắn đường lối, chính sách, nghị quyết, chỉ thị của Đảng và Chính phủ”⁽¹⁴⁷⁾, tức là công tác kiểm tra, phát hiện, “đi đến ngọn nguồn, lạch, sông, cho nên người làm công tác thanh tra phải càng thực sự năng lực và sáng suốt. Chẳng hạn, bản về năng lực của người cán bộ thanh tra thể hiện ở phương pháp thanh tra đúng đắn, Người chỉ rõ phương pháp thanh tra khoa học đó là: *thanh tra phải kịp thời; “thanh tra phải đến tận nơi, xem tận chỗ”*⁽¹⁴⁸⁾; *“thanh tra phải cẩn thận, khách quan”*⁽¹⁴⁹⁾, *“thanh tra phải dùng cách thức phê bình và tự phê bình”*⁽¹⁵⁰⁾.

Bên cạnh phẩm chất có năng lực, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng đòi hỏi người cán bộ thanh tra phải giàu bản lĩnh, kinh nghiệm và có uy tín cao. Khi nói về trách nhiệm của người lãnh đạo là phải kiểm tra công việc của các cơ quan, của các cán bộ cấp dưới, Người chỉ rõ: “*Không thể gắp ai cũng phải đi kiểm tra. Người lãnh đạo phải tự mình làm việc kiểm tra mới đủ kinh nghiệm và uy tín. Nhưng người lãnh đạo cần phải có một nhóm cán bộ nhiều kinh nghiệm và giàu năng lực để giúp mình đi kiểm tra*”. Thanh tra là một công việc phức tạp, nhất là khi vụ việc thanh tra có liên quan đến nhiều ngành, nhiều cấp hoặc khi đối tượng thanh tra là những cán bộ cao cấp thì càng đòi hỏi bản lĩnh, kinh nghiệm của người đi thanh tra. Bản lĩnh đó thể hiện tinh thần thẳng thắn kiểm tra, phát hiện các sai phạm, đấu tranh phê bình đối với mọi đối tượng. Kinh nghiệm của người cán bộ thanh tra có được là do học hỏi, tôi luyện, đúc rút từ thực tế, đó là sự thuần thục chuyên môn, sắc sảo, khôn ngoan trong xử lý mọi vấn đề, các quan hệ phát sinh trong quá trình thanh tra. Thực tế, khi thanh tra các vụ việc phức tạp, kinh nghiệm sẽ giúp cán bộ thanh tra làm tốt công việc, họ sẽ bóc tách mọi vấn đề, đi đến ngọn nguồn, lạch, sông, có phương sách đúng đắn với các hành vi, thủ đoạn không tích cực của một số đối tượng thanh tra nhằm che đậy các sai phạm.

Người cán bộ thanh tra phải có uy tín cao, Người đã chỉ rõ: “*Cán bộ thanh tra như cái gương cho người ta soi mặt, gương mờ thì không soi được*”. Đúng vậy, để làm gương cho người ta soi thì cán bộ thanh tra phải thực sự có tài năng và tấm gương đạo đức cách mạng trong sáng. Năng lực và đạo đức là hai phẩm chất tạo ra uy tín cho người cán bộ thanh tra. Sự tinh thông nghiệp vụ thanh tra, hiểu biết sâu rộng về chính sách, pháp luật cộng với các tấm gương trong sáng về đạo đức cách mạng cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư của cán bộ thanh tra sẽ làm cho đối tượng thanh tra “tâm phục khẩu phục”, thành khẩn sửa chữa khuyết điểm, tiếp thu phê bình để hoàn thành tốt

¹⁴⁷ Bài nói chuyện tại Hội nghị cán bộ thanh tra toàn miền Bắc, ngày 6/02/1961. Toàn tập, tập 10, tr. 275,276

¹⁴⁸ Hồ Chí Minh huấn thị tại Hội nghị cán bộ thanh tra toàn miền Bắc, năm 1957

¹⁴⁹ Hồ Chí Minh huấn thị tại Hội nghị cán bộ thanh tra toàn miền Bắc, năm 1957

¹⁵⁰ Một việc mà các cơ quan lãnh đạo cần thực hành ngay, Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 1995, t. 5, tr. 520, 521

hơn chức trách, nhiệm vụ của mình. Hồ Chủ tịch có yêu cầu cao đối với cán bộ thanh tra, Người chỉ rõ: *“...muốn kiểm soát có kết quả tốt, phải có hai điều: một là việc kiểm soát phải có hệ thống, phải thường làm. Hai là người đi kiểm soát phải là những người rất có uy tín”*.

Quan điểm của Hồ Chủ tịch về cán bộ thanh tra có năng lực, kinh nghiệm và uy tín đã thể hiện qua việc người cần trọng lựa chọn, đề bạt những người cán bộ có đầy đủ phẩm chất như đã nói ở trên.

Sau khi thành lập Ban Thanh tra đặc biệt ngày 23/11/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh cử Cụ Bùi Bằng Đoàn, nguyên Chánh nhất của Toà thượng thẩm Hà Nội - một nhân sĩ nổi tiếng và ông Cù Huy Cận, Bộ trưởng Bộ Canh nông - một trí thức trẻ có năng lực vào Ban Thanh tra đặc biệt (Sắc lệnh số 80/SL ngày 31/12/1945).

Khi giao nhiệm vụ cho Ban Thanh tra đặc biệt, Người căn dặn ông Cù Huy Cận: *“Ban Thanh tra không cần nhiều người, lúc này hai người là đủ: một vị cao tuổi và là vị quan có tiếng liêm khiết của Triều đình cũ là cụ Bùi; một thanh niên hăng hái, mà trong nước cũng biết tiếng là chú. Người già, người trẻ dựa vào nhau mà làm việc, nhất định việc thanh tra sẽ tốt, và cần làm ngay”*.

Người còn trực tiếp viết giấy giới thiệu ông Cù Huy Cận là Đặc phái viên của Chính phủ với các địa phương để tạo thêm uy tín cho Ban Thanh tra đặc biệt (giấy giới thiệu được viết thành hai bản, một bản bằng chữ quốc ngữ và một bản bằng chữ Hán, do Hồ Chủ tịch ký tên và đóng dấu Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà).

3. Cán bộ thanh tra phải cố gắng học tập, trau dồi đạo đức cách mạng, nâng cao trình độ lý luận, nghiệp vụ, chuyên môn⁽¹⁵¹⁾.

Thanh tra là một công việc đặc biệt, chính vì vậy, người cán bộ thanh tra phải là một điển hình về năng lực và đạo đức cách mạng, phải *“như cái gương cho người ta soi mặt”*. Nhưng không phải người cán bộ thanh tra nào cũng đều hoàn thiện vì ai cũng có ưu, có khuyết. Để phấn đấu trở thành một tấm gương sáng về đạo đức cách mạng thì cán bộ thanh tra phải luôn rèn luyện, tu dưỡng và có ý thức tự phê bình sửa mình để tiến tới sự hoàn thiện làm *“cái gương”* cho người ta soi, học tập, người nói: *“... có phải thần thánh mới làm được thanh tra không? Vì ai cũng có ưu, cũng có khuyết, nhưng cán bộ nào được chọn đi làm việc thanh tra là Đảng và Chính phủ có tin mới chọn mình, mình phải rèn luyện, học tập, cố gắng sửa chữa khuyết điểm, phát huy*

¹⁵¹ Hồ Chủ tịch huấn thị về công tác thanh tra tại Hội nghị cán bộ thanh tra toàn miền Bắc năm 1960; Một số văn kiện chủ yếu của Đảng và Nhà nước về công tác thanh tra - Ủy ban Thanh tra của Chính phủ, 1977

ưu điểm...Rèn luyện đạo đức cách mạng có khó không? Khó. Nhưng cố gắng học tập sửa đổi, cố phát triển ưu điểm sửa chữa khuyết điểm dần dần; công việc của cán bộ thanh tra đòi hỏi cái đó hơn cán bộ khác. Các cô, các chú cũng là cán bộ cách mạng, quyết tâm rèn luyện, học hỏi nhất định làm tròn nhiệm vụ. Nhưng phải quyết tâm. Không phải nghe Bác nói như thế rồi kiểm điểm thấy mình còn khuyết điểm lại bi quan. Như cái dao bây giờ chưa sắc nhưng cần phải chặt, nên phải cố mài rồi cũng sắc” (152).

Xuất phát từ quan niệm “nhân vô thập toàn”, Hồ Chủ tịch đưa ra quan điểm rất biện chứng và đúng đắn trong việc nhìn nhận cán bộ, Người chỉ rõ: *“Không có ai cái gì cũng tốt, cái gì cũng hay. Vì vậy, chúng ta phải khéo dùng người, sửa chữa những khuyết điểm cho họ, giúp đỡ ưu điểm của họ”*. Tình thần câu nói đó đã thể hiện quan điểm yêu quý, giữ gìn và đào tạo cán bộ. Tài năng và đạo đức của con người không phải tự trên trời rơi xuống, nó phải luôn luôn được trau dồi, rèn luyện và phát triển. Tài năng của con người có được chủ yếu là nhờ học tập và rèn luyện, học là một công việc liên tục suốt đời như V. I. Lênin đã dạy: “học, học nữa, học mãi”.

Nêu rõ tầm quan trọng của việc học tập, nâng cao kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ, và trau dồi đạo đức cách mạng của người cán bộ thanh tra, Hồ Chủ tịch căn dặn: *“Cán bộ thanh tra phải cố gắng học tập, học cái hay, tránh cái dở, trau dồi đạo đức cách mạng, nâng cao trình độ lý luận, trình độ nghiệp vụ và trình độ chuyên môn để làm việc cho tốt”*.

Đúng như Người đã dạy, để làm việc cho tốt thì cán bộ thanh tra phải có đạo đức cách mạng và có năng lực. Chúng chỉ có được nhờ không ngừng học tập, trau dồi. Trau dồi đạo đức cách mạng không chỉ là tu dưỡng đạo đức Cần, Kiệm, Liêm, Chính, Chí công vô tư, mà còn là không ngừng học tập, nắm vững tư tưởng và các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; không ngừng cập nhật, nắm bắt, thấm nhuần các chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. Học tập được như vậy, thì đạo đức cách mạng mới được trau dồi, phát triển và cán bộ thanh tra sẽ trở thành “cái gương cho người ta soi mặt”.

Học tập là một vấn đề chủ chốt trong việc tăng cường năng lực của cán bộ thanh tra. Người cán bộ thanh tra làm tốt công việc là những người có năng lực và không ngừng học tập nâng cao năng lực. Người cán bộ thanh tra có năng lực là người không chỉ nắm vững công việc mà họ phải làm, tức là tinh thông nghiệp vụ, giỏi về chuyên môn nghiệp vụ thanh tra, mà họ còn hiểu biết khá sâu sắc về các vấn đề xã hội mà họ đang sống, giỏi về các mối quan hệ hành chính, am hiểu luật pháp, giải quyết các mối quan hệ xã hội một cách

¹⁵² Sách đã dẫn

minh bạch, công tâm theo đúng pháp luật và không trái với tập quán, đạo lý truyền thống của dân tộc.

Cán bộ thanh tra phải không ngừng trau dồi, nâng cao nghiệp vụ thanh tra: đó là các kiến thức chuyên ngành về kinh tế, tài chính; chỉ tiêu, chế độ; chính sách, pháp luật; ngoại ngữ, tin học v.v... Chỉ làm được như vậy thì cán bộ thanh tra mới theo kịp yêu cầu của quản lý nhà nước là công tác thanh tra phải thật sự hiệu lực, hiệu quả, luôn thích ứng với sự phát triển của các quan hệ, vấn đề xã hội là nội dung và đối tượng của thanh tra.

Công tác thanh tra trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước chỉ thực sự phát huy hiệu quả khi có đội ngũ cán bộ ngang tầm, có đủ bản lĩnh chính trị, phẩm chất cách mạng, năng lực trí tuệ và tổ chức thực tiễn. Như vậy, ở mọi lúc mọi nơi, nhất là trong giai đoạn hiện nay khi nước ta đang bước sang thời kỳ đổi mới đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá thì lời căn dặn của Hồ Chủ tịch về tinh thần không ngừng học tập, trau dồi đạo đức cách mạng, nâng cao kiến thức chuyên môn nghiệp vụ thật sự là một yếu chỉ mà mọi cán bộ thanh tra phải học tập, quán triệt.

III. SỰ VẬN DỤNG QUAN ĐIỂM CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỀ YÊU CẦU ĐỐI VỚI CÁN BỘ THANH TRA TRONG CÔNG TÁC TỔ CHỨC CÁN BỘ CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ.

1. Sự vận dụng của Đảng và Nhà nước

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng (năm 1991) đã khẳng định “Đảng ta lấy chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng và kim chỉ nam cho hành động”. Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác cán bộ, Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khoá VIII) bàn về chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước (với chiến lược cán bộ đến năm 2020) đã khẳng định rằng: Cán bộ là nhân tố quyết định sự thành bại của cách mạng, gắn liền với vận mệnh của đất nước và chế độ; “là cái gốc của mọi công việc”.

Đảng ta nhiều lần xác định: phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt. Trong xây dựng Đảng thì công tác cán bộ là một lĩnh vực quan trọng nhất, là khâu then chốt của vấn đề then chốt.

Hội nghị lần III, Ban chấp hành Trung ương Đảng đã đề ra những tiêu chuẩn chung cho đội ngũ cán bộ về cả ba mặt: phẩm chất chính trị; đạo đức, lối sống; trình độ, kiến thức, năng lực. Các tiêu chuẩn chung đối với cán bộ là:

- *Một là*, có tinh thần yêu nước sâu sắc, tận tụy phục vụ nhân dân, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, phấn đấu thực hiện có kết quả đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước.

- *Hai là*, Cần, Kiệm, Liêm, Chính, Chí công vô tư. Không tham nhũng và kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng. Có ý thức tổ chức kỷ luật. Trung thực, không cơ hội, gắn bó mật thiết với nhân dân, được nhân dân tín nhiệm.

- *Ba là*, có trình độ hiểu biết về lý luận chính trị, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; Có trình độ văn hoá, chuyên môn, đủ năng lực và sức khoẻ để làm việc có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

Căn cứ vào đường lối cơ bản trên đây của Đảng về tiêu chuẩn chung đối với cán bộ trong thời kỳ mới, chúng ta có thể khẳng định rằng Đảng đã cụ thể hoá, tiếp thu, phát triển đúng đắn quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về tiêu chuẩn đối với đội ngũ cán bộ. Các tiêu chuẩn chung đó có quan hệ mật thiết với nhau. Coi trọng cả đạo đức và năng lực, tức là cả đức và tài, đức là gốc. Nhưng đức là gốc không có nghĩa là coi nhẹ tài, coi tài là phụ. Bởi vì không xây dựng được đội ngũ cán bộ có tài, có năng lực thì cũng không thể thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Bản lĩnh chính trị vững vàng là sự thống nhất giữa đức và tài, người có bản lĩnh chính trị vững vàng là người có cả đức và tài, “các tiêu chuẩn có quan hệ mật thiết với nhau, coi trọng cả đức và tài, đức là gốc”.

Xuất phát từ nhận thức, quan điểm trên đây về tiêu chuẩn chung đối với cán bộ trên cơ sở tiếp thu, thẩm nhuần quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng và Nhà nước đã quán triệt và xây dựng tiêu chuẩn cụ thể đối với người cán bộ thanh tra. Ban Bí thư Trung ương (khoá V) yêu cầu “các cấp uỷ đảng cần lựa chọn những đồng chí có đủ tiêu chuẩn về phẩm chất và năng lực, có kinh nghiệm, được cán bộ, đảng viên và quần chúng tín nhiệm để lãnh đạo tổ chức thanh tra, “có đủ số lượng cán bộ thanh tra có phẩm chất, đạo đức tốt, có kiến thức, kinh nghiệm”⁽¹⁵³⁾.

Các văn bản pháp luật về công tác thanh tra cũng đã thể chế hoá những tiêu chuẩn cụ thể đối với cán bộ thanh tra. Điều 31, Luật thanh tra quy định về ***Tiêu chuẩn chung của Thanh tra viên quy định:***

“ 1. Người được bổ nhiệm vào ngạch thanh tra phải có đủ các tiêu chuẩn sau đây:

¹⁵³ Chỉ thị số 38/CT-TW ngày 20/2/1984 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (Khoá V) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh tra

a) *Trung thành với Tổ quốc và Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; có phẩm chất đạo đức tốt, có ý thức trách nhiệm, liêm khiết, trung thực, công minh, khách quan;*

b) *Tốt nghiệp đại học, có kiến thức quản lý nhà nước và kiến thức pháp luật; đối với Thanh tra viên thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành còn phải có kiến thức chuyên môn về chuyên ngành đó;*

c) *Có nghiệp vụ thanh tra;*

d) *Có ít nhất hai năm làm công tác thanh tra đối với người mới được tuyển dụng vào ngành thanh tra (không kể thời gian tập sự); nếu là cán bộ, công chức công tác ở các cơ quan, tổ chức khác chuyển sang cơ quan thanh tra nhà nước thì phải có ít nhất một năm làm công tác thanh tra..."*

Ngày 21/10/1993, Bộ trưởng-Trưởng ban tổ chức cán bộ Chính phủ đã ban hành Quyết định số 818/QĐ/TCCP-VC ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch công chức ngành Thanh tra. Theo đó, mỗi ngạch Thanh tra viên đều có những tiêu chuẩn cụ thể về trình độ hiểu biết và yêu cầu cụ thể về trình độ được đào tạo. Ngoài ra, trong thời gian tới sẽ có nhiều văn bản được ban hành quy định về chế độ, chỉ tiêu và tiêu chuẩn đối với các ngạch công chức ngành thanh tra nhằm thực hiện Luật thanh tra sẽ có hiệu lực từ ngày 1/10/2004.

2. Một số kiến nghị về xây dựng và thực hiện tiêu chuẩn cán bộ thanh tra trong thời kỳ hiện nay

Việc xây dựng chỉ tiêu, chế độ, tiêu chuẩn cán bộ thanh tra trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước hiện nay phải dựa trên cơ sở tiếp thu, quán triệt đúng đắn tư tưởng Hồ Chí Minh về tiêu chuẩn đối với cán bộ thanh tra, đồng thời phải vận dụng sáng tạo, tiếp tục phát triển quan điểm đó phù hợp với bối cảnh thực tiễn hiện nay.

Để làm tốt công việc trên đòi hỏi Nhà nước cũng như ngành thanh tra nói riêng phải có chương trình, chiến lược cụ thể và đặt ra các giải pháp dài hạn, ngắn hạn theo một lộ trình thực hiện hợp lý khoa học. Thiết nghĩ về cơ bản chúng ta đã có những nhận thức, sáng kiến đúng đắn nhưng việc hiện thực hoá những nhận thức đó mới thực sự quan trọng và vấn đề then chốt nhất là cần phải tạo ra các cơ chế, cách làm thực sự mạnh mẽ và mang lại hiệu lực, hiệu quả cao. Xin nêu vắn tắt một vài đề xuất dưới đây:

- *Thứ nhất*, phải thể chế hoá một cách hệ thống, đồng bộ các văn bản nhà nước về chỉ tiêu, chế độ, tiêu chuẩn đối với các ngạch cán bộ công chức nhà nước;

- *Thứ hai*, Nghiên cứu các văn bản pháp lý quốc tế liên quan đến vấn đề này mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia và chuyển hoá phù hợp vào pháp

luật Việt Nam như Công ước quốc tế về chống tham nhũng năm 2003, Sáng kiến và Kế hoạch hành động chống tham nhũng của ADB-OECD... Trong các văn bản pháp lý quốc tế đó có đề cập và đặt ra nhiều yêu cầu cũng như các giải pháp trong việc xây dựng đội ngũ công chức liêm khiết, năng lực, tính liêm chính, minh bạch và trách nhiệm trong hoạt động của bộ máy nhà nước. Ngoài ra, cần nghiên cứu, tiếp thu một cách có chọn lọc kinh nghiệm của các nước trong công tác xây dựng đội ngũ cán bộ công chức, chẳng hạn xây dựng bộ quy tắc đạo đức hoặc hành vi của cán bộ công chức như một số nước đã làm;

- *Thứ ba*, thực hiện nghiêm túc chế độ công khai tài sản đối với cán bộ công chức: kê khai, công bố, làm rõ tài sản của cán bộ, công chức trong bộ máy nhà nước nhằm tăng cường tính trong sạch, liêm khiết và đảm bảo sự kiểm soát của Nhà nước đối với tình trạng tham ô, tham nhũng trong đội ngũ cán bộ, công chức;

- *Thứ tư*, tăng cường năng lực và nâng cao tính liêm khiết cho cán bộ thanh tra: xây dựng kế hoạch, chương trình tập huấn, đào tạo chuyên sâu về nghiệp vụ thanh tra; làm tốt công tác tổ chức các lớp bồi dưỡng về chính trị lý luận; Đối với việc nâng cao tính liêm khiết, đạo đức của cán bộ thanh tra, cần nghiên cứu tổ chức các loại hình hoạt động như: Tạo ra các diễn đàn chuyên đề trên báo, tạp chí chuyên ngành, tổ chức các hội thảo, các buổi nói chuyện chuyên đề, khuyến khích việc xuất bản và lưu hành rộng rãi các ấn bản chuyên đề. Làm tốt việc khen thưởng, tuyên dương những gương điển hình về đạo đức và năng lực người cán bộ thanh tra... ./.

MỘT SỐ NỘI DUNG TRONG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ THANH TRA

*Ths. Nguyễn Sĩ Giao
Viện Khoa học Thanh tra
Thanh tra Chính phủ*

Với mục tiêu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân, phục vụ công cuộc đổi mới ở Việt Nam nhằm xây dựng một nền hành chính trong sạch, vững mạnh, nâng cao hiệu lực, hiệu quả và môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội, phù hợp với xu hướng hội nhập kinh tế thế giới, Đảng và Nhà nước ta đang nỗ lực hoàn thiện hệ thống pháp luật, tăng cường kỷ luật chấp hành với nguyên tắc hiến định: “quản lý nhà nước theo pháp luật”. Cùng với các cơ quan bảo vệ pháp luật, ngành thanh tra có vai trò, vị trí quan trọng trong hệ thống bộ máy nhà nước, là công cụ quản lý hữu hiệu, góp phần to lớn trong đấu tranh phòng ngừa, ngăn chặn vi phạm pháp luật, xứng đáng với niềm tin của Đảng, Nhà nước và nhân dân giao phó. Trước những yêu cầu nhiệm vụ mới đặt ra trong quá trình cải cách hành chính, những người làm công tác thanh tra phải tiếp tục quán triệt, thấm nhuần sâu sắc hơn nữa quan điểm của Đảng, Nhà nước và của Chủ tịch Hồ Chí Minh để thực hiện công tác thanh tra trong thời kỳ mới.

Trong bối cảnh còn nhiều khó khăn phải đương đầu với thù trong, giặc ngoài khi Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà non trẻ mới ra đời và để xây dựng một bộ máy chính quyền trong sạch, thật sự là chính quyền của dân, do dân và vì dân, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhận thức được rõ tầm quan trọng của công tác thanh tra, là chức năng thiết yếu của quản lý, là phương thức bảo đảm cho các chủ trương, chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước được thi hành nghiêm chỉnh và là công cụ quan trọng trong công tác phòng, chống quan liêu, tham nhũng cũng như các hành vi vi phạm khác trong hoạt động quản lý.

I. THANH TRA LÀ CHỨC NĂNG THIẾT YẾU CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ, NÓ PHỤC VỤ THIẾT THỰC CHO SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG, SỰ QUẢN LÝ CỦA NHÀ NƯỚC, ĐẢM BẢO CHO CÁC CHỦ TRƯỞNG, CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC ĐƯỢC THI HÀNH NGHIÊM CHỈNH.

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác thanh tra, phát biểu về vấn đề thanh tra tại phiên họp Hội đồng Chính phủ ngày 13/11/1945, Chủ tịch Hồ

Chí Minh nhấn mạnh: “Các Bộ trưởng có thể chia nhau mỗi người đi thanh tra một khu gần Hà Nội ... Có nhiều việc thụt kết ở một vài công sở. Mỗi bộ có trách nhiệm điều tra và đề nghị với Chính phủ nghiêm trị những kẻ làm bậy”¹⁵⁴. Tại Hội nghị cán bộ Thanh tra toàn miền Bắc tháng 4 năm 1957, Người chỉ rõ: “Nếu như Trung ương, Chính phủ có Nghị quyết, Chỉ thị đưa về các ngành, các địa phương, kết quả thế nào không có thanh tra khó mà biết được địa phương nào làm tốt, làm vừa, làm xấu; có làm hay không làm, trên không biết, địa phương nhiều khi tự mình cũng không biết; trên không thấu dưới, dưới không thấu trên. Thanh tra là để theo dõi xem các kế hoạch, Chỉ thị, chính sách đó các địa phương đã chấp hành như thế nào.

Vì vậy, cán bộ thanh tra giúp trên hiểu biết tình hình của địa phương và cấp dưới, đồng thời cũng giúp cho các cấp địa phương kịp thời sửa chữa uốn nắn nếu làm sai hoặc làm chậm”¹⁵⁵. Quan điểm của Bác có thể thấy, công tác thanh tra không có mục đích nào khác là phục vụ cho quản lý tốt hơn. Hoạt động thanh tra không mang mục đích tự thân mà là hoạt động gắn liền với quản lý nhà nước hướng vào giám sát tất cả công việc và nhân viên của Ủy ban nhân dân và các cơ quan của Chính phủ để xem xét sự thi hành chính sách, chủ trương của Chính phủ. Hơn thế nữa, theo quan điểm của Hồ Chủ tịch, thanh tra là chiếc cầu nối giữa cấp trên và cấp dưới, giữa cơ quan ban hành chính sách và địa phương, giữa người chỉ đạo và người thực hiện. Người nói: “Thanh tra không phải chỉ đi xem địa phương thực hiện Nghị quyết, Chỉ thị thế nào. Nếu họ làm sai hay gặp khó khăn, còn giúp đỡ họ làm cho đúng với Nghị quyết, Chỉ thị của trên đưa xuống”¹⁵⁶. Rõ ràng lời Huấn thị của Bác cho chúng ta hiểu rằng, qua hoạt động thanh tra là để có các kiến nghị khắc phục những sơ hở, yếu kém, đề xuất những biện pháp đổi mới và nâng cao hiệu quả quản lý, sửa đổi cơ chế, chính sách nhằm quản lý tốt hơn, hiệu quả hơn. Quản lý nhà nước mà không có thanh tra là quản lý suông, dễ quan liêu và xa rời thực tiễn. Thanh tra làm cho chu trình quản lý nhà nước khép kín, các hoạt động ban hành và tổ chức thực hiện quyết định quản lý được gắn bó chặt chẽ hơn, từ việc xem xét, đánh giá, kiểm chứng việc thực hiện các chủ trương, chính sách của đối tượng quản lý, đến việc đề xuất các biện pháp hoàn thiện chủ trương, chính sách, nâng cao hiệu quả quản lý của chủ thể. Hơn thế nữa, thanh tra là phương thức bảo đảm trật tự, kỷ cương trong quản lý, góp phần tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa. Với chức năng giám sát hoạt động của các đối tượng bị quản lý, bao gồm giám sát việc chấp hành chính sách pháp luật, chức trách, nhiệm vụ của cơ quan hành chính nhà nước và công chức nhà nước; việc chấp hành chính sách, pháp luật của các tổ chức, cá

¹⁵⁴ Xem Biên bản Hội đồng Chính phủ lưu tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III.

¹⁵⁵ Huấn thị của Hồ Chủ tịch về công tác thanh tra tạo Hội nghị cán bộ thanh tra toàn miền Bắc tháng 4/1957

¹⁵⁶ Huấn thị của Hồ Chủ tịch về công tác thanh tra tạo Hội nghị cán bộ thanh tra toàn miền Bắc tháng 4/1957

nhân và các đối tượng khác chịu sự quản lý của nhà nước; thanh tra kịp thời phát hiện những sai phạm và có biện pháp xử lý.

Việc phát hiện, xử lý kịp thời, nghiêm minh các hành vi sai phạm của cá nhân, cơ quan có trách nhiệm, của các cá nhân, tổ chức là đối tượng bị quản lý sẽ bảo đảm trật tự, kỷ cương pháp luật trong hoạt động quản lý. Mặt khác, việc tìm ra những sơ hở, yếu kém trong công tác quản lý, phát hiện những nội dung chưa phù hợp với yêu cầu thực tế khách quan, từ đó có các biện pháp sửa đổi, bổ sung, khắc phục kịp thời có ý nghĩa tích cực trong việc củng cố trật tự, kỷ cương, hoàn thiện cơ chế quản lý. Tuy nhiên cũng phải hiểu rằng chỉ phát hiện, tìm kiếm sai phạm, sơ hở, yếu kém trong quản lý thì chưa đủ, mà thanh tra còn phải phát hiện và khẳng định, đồng thời tạo điều kiện cho những nhân tố mới, cơ chế mới nảy sinh phát triển. Có như vậy thì hiệu quả công tác quản lý mới đáp ứng được yêu cầu phát triển của thực tiễn.

Không dừng ở lại là phương tiện quản lý thiết yếu của Nhà nước, theo quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh, hoạt động thanh tra còn góp phần bảo đảm quyền dân chủ của nhân dân, Bác nói: *“... có những cán bộ, đảng viên vì việc này việc khác mà kêu, cán bộ thanh tra cũng phải xét kịp thời, chóng chừng nào hay chừng ấy. Đối với nhân dân việc kêu nài, có lúc không kêu nài, có lúc kêu nài đi nữa, cán bộ thanh tra cũng phải đi thăm dò ý kiến của nhân dân”*¹⁵⁷. Ở nước ta, quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân, nhân dân là cội nguồn của quyền lực nhà nước. Nhà nước có nghĩa vụ chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nhân dân, tạo mọi điều kiện để nhân dân thực hiện quyền làm chủ của mình, tham gia quản lý nhà nước và quản lý xã hội. Ngoài ra, nhân dân là người giám sát các hoạt động của Nhà nước. Trong Hiến pháp và các văn bản pháp luật, Nhà nước ta không chỉ ghi nhận mà còn có các cơ chế bảo đảm thực hiện các quyền, nghĩa vụ của công dân thông qua hình thức dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện. Việc kiểm tra, giám sát đối với các cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức nhà nước là phương thức thực hiện quyền dân chủ trực tiếp của nhân dân. Nhân dân thực hiện quyền kiểm tra, giám sát thông qua hoạt động của các cơ quan nhà nước do mình bầu ra, thông qua việc khiếu nại, tố cáo những hành vi vi phạm pháp luật, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Quan điểm trên của Người đã được thể hiện trong các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng. Chỉ thị số 50/CT – TW ngày 4/7/1962 của Ban bí thư trung ương nhấn mạnh: Thanh tra là “công tác quan trọng và có tính chất thường xuyên của cơ quan lãnh đạo và chỉ đạo”.

¹⁵⁷ Huấn thị của Hồ Chủ tịch về công tác thanh tra tại Hội nghị cán bộ Thanh tra toàn miền Bắc tháng 4/1957

Năm 1970, Ban bí thư Trung ương ra Chỉ thị số 176/CT – TW, trong đó có nhấn mạnh vai trò của thanh tra là góp phần “bảo đảm đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước được chấp hành nghiêm chỉnh; bảo vệ sự đoàn kết thống nhất, dân chủ và kỷ luật trong Đảng, cơ quan nhà nước; tăng cường mối liên hệ giữa Đảng, chính quyền và quần chúng”¹⁵⁸.

Trong Chỉ thị số 38/CT – TW ngày 20/2/1984 của Ban Bí thư TW có khẳng định: “trước mắt cũng như lâu dài, công tác thanh tra có tác dụng quan trọng trực tiếp đối với việc thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, giữ gìn pháp luật của nhà nước”.

Năm 1984 Ban Bí thư TW Đảng (khoá V) xác định “Mục đích của thanh tra là đánh giá chính xác những mặt làm đúng, những mặt làm sai trong việc chấp hành nghị quyết, chỉ thị của Đảng, pháp luật, nhiệm vụ, kế hoạch của Nhà nước”¹⁵⁹. Chỉ thị này cũng yêu cầu “lãnh đạo các cấp uỷ đảng, các đồng chí lãnh đạo chính quyền các cấp cần nhận rõ các tổ chức thanh tra là công vụ đặc lực của Đảng, của chính quyền trong việc kiểm tra, thanh tra sự chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật, nhiệm vụ, kế hoạch của Nhà nước, qua đó nắm sát tình hình, đánh giá đúng phẩm chất và năng lực đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng, cán bộ, nhân viên Nhà nước”¹⁶⁰.

Bước sang thời kỳ cải cách hành chính mạnh mẽ, một lần nữa quan điểm của Đảng về công tác thanh tra được khẳng định trong các nghị quyết Hội nghị lần thứ 3, lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII và Nghị quyết Đại hội IX. Trong đó nhấn mạnh:

- Đổi mới và tăng cường công tác thanh tra của Chính phủ và các cơ quan hành pháp; củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động của cơ quan Thanh tra nhà nước; có cơ chế phù hợp về kiểm tra, kiểm soát, thanh tra của nhà nước đối với doanh nghiệp; kiểm tra, kiểm soát, thanh tra mọi hoạt động kinh doanh theo qui định của pháp luật, chống buôn lậu, làm hàng giả, gian lận thương mại; thanh tra, kiểm tra, kiểm kê, kiểm soát bảo đảm tính minh bạch trong việc sử dụng ngân sách nhà nước, tài sản công, tài chính đảng, đoàn thể, tài chính các doanh nghiệp nhà nước, các quỹ do người dân đóng góp và do nước ngoài tài trợ.

¹⁵⁸ Chỉ thị số 176/CT – TW ngày 18/4/1970 của Ban Bí thư TW Đảng (khóa III) về tăng cường công tác kiểm tra, kiểm sát, thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố giác.

¹⁵⁹ Chỉ thị số 38/CT – TW ngày 20/2/1984 của Ban Bí thư TW Đảng về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh tra.

¹⁶⁰ Chỉ thị số 38/CT – TW ngày 20/2/1984 của Ban Bí thư TW Đảng về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh tra.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra cần tiến hành đồng bộ với cải cách bộ máy nhà nước và trên cơ sở phân định thẩm quyền, trách nhiệm giữa các cấp chính quyền, cơ quan quản lý nhà nước theo ngành và lĩnh vực, giữa các cơ quan có chức năng thanh tra, kiểm tra, kiểm sát, điều tra ở các cấp Trung ương và địa phương.

- Đổi mới tổ chức và hoạt động thanh tra phù hợp với quá trình đổi mới cơ chế từ kế hoạch hoá tập trung bao cấp sang cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phù hợp với chức năng quản lý nhà nước trong điều kiện mới; phát triển mạnh các tổ chức thanh tra trong việc thực hiện thể chế về từng lĩnh vực trong toàn xã hội. Xây dựng cơ chế tự thanh tra, kiểm tra trong nội bộ cơ quan, tổ chức nhà nước; đề cao trách nhiệm thanh tra, kiểm tra của cấp trên đối với cấp dưới, của các cấp chính quyền đối với mọi cơ quan, tổ chức trên địa bàn và lãnh thổ.

- Thiết lập hệ thống tổ chức Thanh tra tinh gọn, có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn rõ ràng; tăng thẩm quyền xử lý hành chính, kinh tế tại chỗ đối với các hành vi vi phạm pháp luật; bảo đảm cho hoạt động thanh tra chỉ tuân theo pháp luật; kết hợp lãnh đạo tập trung thống nhất theo ngành với chỉ đạo của cấp uỷ và chính quyền địa phương đối với các tổ chức Thanh tra nhà nước.

- Xây dựng đội ngũ công chức thanh tra có phẩm chất đạo đức, có năng lực, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong thời kỳ mới; xây dựng hệ thống pháp luật về thanh tra, khiếu nại, tố cáo phù hợp với tiến trình cải cách hành chính nhà nước.

Thể chế hoá quan điểm của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, gần 60 năm qua, nhà nước ta đã ban hành nhiều văn bản pháp luật trong đó qui định về công tác thanh tra. Sắc lệnh số 64/SL ngày 23/11/1945 có qui định nhiệm vụ của Ban Thanh tra đặc biệt là “đi giám sát tất cả các công việc và các nhân viên của Ủy ban nhân dân và các cơ quan của Chính phủ” (điều 1 Sắc lệnh số 64)

Sắc lệnh số 138b/SL ngày 18 /12/1945 về việc thành lập ban Thanh tra Chính phủ có qui định một trong những nhiệm vụ hàng đầu của Ban Thanh tra Chính phủ là “xem xét sự thi hành chính sách, chủ trương của Chính phủ”.

Năm 196, để đáp ứng yêu cầu của công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội ở miền bắc sau khi cuộc kháng chiến chống Pháp thắng lợi, chuẩn bị cơ sở vật chất, xây dựng hậu phương cho cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam, Ban Thanh tra trung ương của Chính phủ ra đời thay thế cho Ban Thanh tra Chính phủ. Sắc lệnh số 261/SL ngày 28/3/1956 của Chủ tịch nước khẳng định việc thành lập Ban Thanh tra Trung ương của Chính phủ nước

Việt nam Dân chủ cộng hoà là “để đảm bảo việc chấp hành nghiêm chỉnh đường lối, chính sách và mệnh lệnh của Chính phủ, để giữ gìn pháp luật và bảo hộ tài sản của Nhà nước”.

Năm 1962, Ủy ban Thanh tra của Chính phủ theo Nghị quyết số 136/CP ngày 29/9/1961. Nghị định có qui định trọng trách của Ủy ban Thanh tra của Chính phủ là “giữ gìn kỷ luật Nhà nước, bảo đảm chấp hành nghiêm túc các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước bằng cách thường xuyên thanh tra việc chấp hành các chủ trương, chính sách ấy trong các cơ quan thuộc Hội đồng Chính phủ, các Ủy ban hành chính địa phương, các cơ quan chuyên môn, sự nghiệp, các xí nghiệp quốc doanh, công tư hợp doanh, các hợp tác xã”.

Ngày 15/2/1984, Hội đồng Bộ trưởng ra Nghị quyết số 26/HĐBT về việc tăng cường tổ chức thanh tra và nâng cao hiệu lực hoạt động thanh tra “phát huy mặt đúng, ngăn ngừa, sửa chữa cái sai; làm cho chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật và Nhà nước được chấp hành nghiêm chỉnh và có hiệu quả thiết thực”. Nghị quyết còn nhấn mạnh “thanh tra là một khâu không thể thiếu trong công tác lãnh đạo” và “tổ chức thanh tra phải là một công cụ có hiệu lực của Nhà nước chuyên chính vô sản”.

Năm 1990, Hội đồng Nhà nước ban hành Pháp lệnh Thanh tra qui định về tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các tổ chức thanh tra. Trong đó Điều 1 Pháp lệnh Thanh tra năm 1990 là sự cụ thể hoá nhuần nhuyễn quan điểm của Đảng, Nhà nước và Chủ tịch Hồ Chí Minh về công tác thanh tra: “Thanh tra là một chức năng thiết yếu của cơ quan quản lý Nhà nước; là phương thức bảo đảm pháp chế, tăng cường kỷ luật trong quản lý nhà nước, thực hiện quyền dân chủ xã hội chủ nghĩa”.

Trước những hạn chế của Pháp lệnh thanh tra, những khó khăn vướng mắc nảy sinh từ thực tiễn công tác thanh tra cũng như những yêu cầu đổi mới trong quản lý phù hợp với tiến trình cải cách hành chính và yêu cầu hoàn thiện của hệ thống pháp luật theo tinh thần của Nghị quyết Trung ương 8 (khóa VII), Nghị quyết Trung ương 3 (Khóa VIII) và trong Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ IX, trong đó vấn đề đổi mới tổ chức và hoạt động thanh tra, hoàn thiện thể chế pháp luật về thanh tra, nâng cao hiệu quả, hiệu lực công tác thanh tra là một nội dung quan trọng. Quốc hội khoá XI, kỳ họp thứ 5 đã thông qua Luật Thanh tra. Đây là văn bản pháp luật hết sức quan trọng đánh dấu sự phát triển của công tác thanh tra, tạo cơ sở pháp lý cho quá trình đổi mới tổ chức và hoạt động thanh tra, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác thanh tra, góp phần nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước. Luật Thanh tra năm 2004 kế thừa

những kinh nghiệm thu được trong quá trình 14 năm thực hiện Pháp lệnh Thanh tra năm 1990, đưa ra một khung pháp lý mới đầy đủ, toàn diện, tạo nền tảng vững chắc cho công tác tổ chức và hoạt động thanh tra trong thời kỳ mới. Theo tinh thần của Luật Thanh tra, hoạt động thanh tra nhằm phòng ngừa, phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật; phát hiện những sơ hở trong cơ chế quản lý, chính sách, pháp luật để kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền các biện pháp khắc phục; phát huy nhân tố tích cực; góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả của hoạt động quản lý nhà nước; bảo vệ lợi ích của nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

II. THANH TRA GÓP PHẦN PHÒNG, CHỐNG BỆNH QUAN LIÊU, THAM Ô, LÃNG PHÍ; PHÁT HUY DÂN CHỦ, PHÒNG NGỪA VÀ XỬ LÝ NHỮNG HÀNH VI VI PHẠM PHÁP LUẬT; GÓP PHẦN BẢO VỆ TÀI SẢN NHÀ NƯỚC, QUYỀN VÀ LỢI ÍCH HỢP PHÁP CỦA CÔNG DÂN.

Trong bối cảnh thù trong, giặc ngoài cầu kết phá hoại cách mạng Việt Nam một cách trực tiếp, trắng trợn và nguy hiểm, Nhà nước Công – Nông đầu tiên ở Đông Nam Á mới chưa đầy 7 tuổi nhưng Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phát động phong trào tẩy trừ bệnh quan liêu, tham ô, lãng phí làm cho bộ máy chính quyền trong sạch, thật sự là chính quyền của dân, do dân và vì dân.

Trong tác phẩm **“Thực hành tiết kiệm, chống tham ô, lãng phí, chống bệnh quan liêu”**¹⁶¹ Bác viết: *“tham ô là trộm cướp. Lãng phí tuy không lấy của công đứt túi, song kết quả cũng rất tai hại cho nhân dân, cho Chính phủ. Có khi tai hại hơn nạn tham ô”*.... *“Mà có nạn tham ô và lãng phí là vì bệnh quan liêu”, “... vì những người và những cơ quan lãnh đạo mắc bệnh quan liêu thành thử có mắt mà không thấy suốt, có tai mà không nghe thấu, có chế độ mà không giữ đúng, có kỷ luật mà không nắm vững. Kết quả là những người xấu, những cán bộ kém tha hồ tham ô, lãng phí. Thế là bệnh quan liêu đã ấp ủ, dung túng, che chở cho nạn tham ô, lãng phí. Vì vậy, muốn trừ sạch nạn tham ô, lãng phí thì trước mắt phải tẩy sạch bệnh quan liêu”*.

Không những thế, Người cho rằng: *“Tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu là kẻ thù của nhân dân”*. Bác khẳng định đây là: *“kẻ thù khá nguy hiểm, vì nó không mang gươm mang súng, mà nó nằm trong các tổ chức của ta, để làm hỏng công việc của ta”* và *“... dù cố ý hay không cũng là bạn đồng minh của thực dân và phong kiến”, “tội ấy cũng nặng như tội lỗi Việt gian, mật thám”*. Sự phá hoại của chúng là toàn diện *“...phá hoại tinh thần, phí phạm sức lực, tiêu hao của cải của Chính phủ và của nhân dân”*. Cho nên chống tham ô, lãng

¹⁶¹ Hồ Chí Minh toàn tập, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, t6, tr 484 – 502 (những phần trích dẫn tiếp theo không có chú thích chính là từ tác phẩm này)

phí và bệnh quan liêu cũng quan trọng và cần kíp như việc đánh giặc trên mặt trận. Bác chỉ rõ: “Đây là mặt trận tư tưởng và chính trị”.

Nhận thức rõ được mối nguy cơ đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ ra rằng: lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, quản lý mà thiếu sự kiểm tra, thanh tra thì đó chính là nguyên nhân của bệnh quan liêu, dẫn đến tham ô, lãng phí. Trong bài nói chuyện với Hội nghị cán bộ thanh tra toàn miền Bắc năm 1960, Người chỉ rõ: “*Lãng phí, tham ô là kết quả, mà nguyên nhân là bệnh quan liêu, mệnh lệnh. Bệnh quan liêu, mệnh lệnh trong các cơ quan nhà nước, trong các cán bộ lãnh đạo còn nhiều. Ví dụ như dùng người không cẩn thận, dùng ẩu, không biết rõ lý lịch tốt xấu, nên một số phần tử xấu chui vào cơ quan ăn trộm, ăn cắp tài sản của Nhà nước, của nhân dân. Một số cán bộ phụ trách làm việc như “ông quan” ngày xưa, chỉ ngồi bàn giấy, không đi sát thực tế, không hiểu tình hình của cái trong kho còn thừa thiếu bao nhiêu, thứ nào bị hư hỏng, thứ nào còn dùng được; không hiểu rõ cán bộ, nhân viên của mình làm việc tốt hay xấu để khen thưởng, cất nhắc người tốt, giáo dục người kém, tẩy trừ những phần tử xấu xa*”. Để chống bệnh quan liêu, mệnh lệnh, Người cho rằng chỉ có một cách, đó là phải kiểm tra, kiểm soát. Người khẳng định, lãnh đạo phải “*Kiểm soát kết quả công việc của cán bộ của mình*”. Trong tác phẩm “Sửa đổi lỗi làm việc” Người viết, đối với người lãnh đạo “*Giao công việc mà không kiểm tra, đến lúc thất bại mới chú ý đến. Thế là không biết yêu cầu cán bộ*”. Người còn khẳng định: “*Muốn chống bệnh quan liêu, bệnh bàn giấy; muốn biết các nghị quyết có được thi hành hay không, thi hành có đúng không; muốn biết ai ra sức làm, ai làm cho qua chuyện, chỉ có một cách là khéo kiểm soát*” và “*Kiểm soát khéo, bao nhiêu khuyết điểm lôi ra hết, hơn nữa kiểm tra khéo về sau khuyết điểm nhất định bớt đi*”. Ngày 30/11/1948, Người viết bài “Một việc mà các cơ quan lãnh đạo cần thực hành ngay” đăng trên báo Sự thật. Trong đó Người viết: “*Hiện nay, nhiều nơi cán bộ lãnh đạo chỉ lo khai hội và thảo Nghị quyết, đánh điện và gửi Chỉ thị, sau đó thì họ không biết gì đến những nghị quyết đó đã thực hành đến đâu, có những sự khó khăn, trở ngại gì, dân chúng có ra sức tham gia hay không. Họ quên mất kiểm tra. Đó là một sai lầm rất to*”. Người cho rằng: “*có kiểm tra mới huy động được tinh thần tích cực và lực lượng to tát của nhân dân, mới biết rõ năng lực và khuyết điểm của cán bộ, mới sửa chữa và giúp đỡ kịp thời*”.

Trong bài nói chuyện tại Hội nghị thanh tra toàn miền Bắc năm 1960, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “... Các Ban Thanh tra phải chú ý kiểm tra chống lãng phí, tham ô chẳng những cần báo cáo với Trung ương và Chính phủ mà còn phải giúp các cấp lãnh đạo địa phương tìm ra được những biện pháp tích cực chống lãng phí, tham ô.

Nạn lãng phí, tham ô là do bệnh quan liêu, mệnh lệnh trong công tác của các cấp lãnh đạo ở các cơ quan nhà nước gây ra... Vì vậy, các cơ quan thanh tra chẳng những kiểm tra chống lãng phí, tham ô mà còn phải chống bệnh quan liêu, mệnh lệnh để giúp các cơ quan nhà nước cải tiến công tác, giữ gìn kỷ luật, thực hành dân chủ, góp phần củng cố bộ máy Nhà nước”.

Quan điểm đó của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã được thể hiện xuyên suốt trong các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, trong các văn bản pháp luật của Nhà nước từ năm 1945 đến nay. Kể từ khi thành lập, ở mỗi giai đoạn lịch sử đều có những sự điều chỉnh về chức năng, nhiệm vụ cho phù hợp, nhưng ngành thanh tra và công tác thanh tra luôn có một vai trò quan trọng trong công tác phòng, chống tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động quản lý. Ngay trong Sắc lệnh số 64/SL ngày 23/11/1945 đã có qui định về quyền hạn của Ban Thanh tra đặc biệt trong việc “*đình chức, bắt giam bất cứ nhân viên nào trong Ủy ban nhân dân hay Chính phủ đã phạm lỗi*” và “*sẽ thiết lập ngay tại Hà Nội một Tòa án đặc biệt để xử những nhân viên của các Ủy ban nhân dân hay các cơ quan của Chính phủ do Ban Thanh tra truy tố*”. Những qui định đó thể hiện rõ quyền năng, thể hiện rõ vai trò của thanh tra trong việc phát hiện xử lý những vi phạm của nhân viên Nhà nước trong quá trình thực thi công vụ. Tiếp đó, Sắc lệnh số 138b ngày 18/12/1949 về việc thành lập Ban Thanh tra Chính phủ có qui định một trong những nhiệm vụ của Ban Thanh tra là “*thanh tra các uỷ viên Ủy ban kháng chiến hành chính và viên chức về phương diện liêm khiết*”. Trong Sắc lệnh số 261/SL ngày 28/3/1956 về thành lập Ban Thanh tra Trung ương, Chính phủ còn qui định rõ hơn, Ban Thanh tra Trung ương của Chính phủ có nhiệm vụ “*thanh tra việc thực hiện kế hoạch Nhà nước, việc sử dụng, bảo quản tài sản Nhà nước, chống phá hoại, tham ô và lãng phí*”.

Tháng 6 năm 1978, Ban Bí thư Trung ương ra Thông tri số 44 về công tác chống quan liêu, cửa quyền, tham ô, lãng phí, trong đó nhấn mạnh “*tổ chức thanh tra ở các cấp, các ngành được giao nhiệm vụ là cơ quan thường trực phụ trách theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, tổng hợp tình hình, nghiên cứu các biện pháp chỉ đạo và chủ trì phối hợp với những cơ quan có liên quan để xử lý những vụ việc được phát hiện*”.

Ngày 10/11/1979, Ban Bí thư đã ra Chỉ thị số 81/CT – TW về nhiệm vụ chống tiêu cực. Bản Chỉ thị nêu rõ “*các cấp thanh tra chính quyền là một lực lượng quan trọng trong cuộc đấu tranh này, phải lấy nhiệm vụ chống tiêu cực làm trọng tâm cấp bách*”.

Ngày 21/5/1988, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ra Chỉ thị số 38/CT – TW về việc tiến hành đợt thanh tra tài chính trong toàn bộ nền kinh tế quốc

dân nhằm thực hiện Nghị quyết số 11/NQ – TW ngày 2/5/1988 của Bộ Chính trị. Trong bản Nghị quyết này, sau khi đánh giá tình hình và nguyên nhân của tình trạng lạm phát do lãng phí, tham ô, trộm cắp và quản lý lỏng lẻo, Bộ Chính trị ra quyết định “phải tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, đặc biệt là thanh tra tài chính nhằm lập lại trật tự, kỷ cương trong quản lý kinh tế, tài chính, đấu tranh bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa, chống mọi biểu hiện tiêu cực, tham ô, lãng phí”.

Tháng 6 năm 1978, Ban Bí thư Trung ương ra Thông tri số 44 về công tác chống quan liêu, cửa quyền, tham ô, lãng phí, trong đó nhấn mạnh “tổ chức thanh tra ở các cấp, các ngành được giao nhiệm vụ là cơ quan thường trực phụ trách theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, tổng hợp tình hình, nghiên cứu các biện pháp chỉ đạo và chủ trì sự phối hợp với những cơ quan có liên quan để xử lý những vụ việc được phát hiện”.

Ngày 10/11/1979 Ban Bí thư đã ra Chỉ thị số 81/CT – TW về nhiệm vụ chống tiêu cực. Bản Chỉ thị nêu rõ “các cấp thanh tra chính quyền là một lực lượng quan trọng trong cuộc đấu tranh này, phải lấy nhiệm vụ chống tiêu cực làm trọng tâm cấp bách”.

Ngày 21/5/1988 Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ra Chỉ thị số 38/CT – TW về việc tiến hành đợt thanh tra tài chính trong toàn bộ nền kinh tế quốc dân nhằm thực hiện nghị quyết số 11/NQ – TW ngày 2/5/1988 của Bộ Chính trị. Trong bản Nghị quyết này, sau khi đánh giá tình hình và nguyên nhân của tình trạng lạm phát do lãng phí, tham ô, trộm cắp và quản lý lỏng lẻo, Bộ Chính trị ra quyết định “phải tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, đặc biệt là thanh tra tài chính nhằm lập lại trật tự, kỷ cương trong quản lý kinh tế, tài chính, đấu tranh bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa, chống mọi biểu hiện tiêu cực, tham ô, lãng phí”.

Trong Pháp lệnh Thanh tra năm 1990, vai trò của thanh tra trong công tác đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí và chống các biểu hiện vi phạm khác trong các cơ quan, đơn vị đã thể hiện qua các qui định về chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các tổ chức Thanh tra nhà nước. Điều 9 của pháp lệnh Thanh tra có qui định cho các tổ chức Thanh tra nhà nước có một số quyền như: đình chỉ việc làm nếu xét thấy gây hại cho Nhà nước, tập thể và công dân; cảnh cáo, tạm đình chỉ công tác của nhân viên nhà nước có hành vi vi phạm pháp luật,... Những quyền hạn đó phục vụ trực tiếp cho việc thực hiện chức năng đấu tranh chống những hành vi vi phạm trong quản lý nhà nước.

Năm 1998, Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua Pháp lệnh chống tham nhũng. Tại điều 27 và 28 Pháp lệnh này có qui định về vai trò, trách

nhiệm và quyền hạn của các cơ quan thanh tra nhà nước trong đấu tranh chống tham nhũng. Theo đó trong quá trình thanh tra, thủ trưởng các cơ quan thanh tra nhà nước có quyền áp dụng các biện pháp như: yêu cầu người có thẩm quyền đình chỉ công tác của người có hành vi tham nhũng; Niêm phong tài liệu; kê biên tài sản của cơ quan, tổ chức đã được xác định có liên quan đến tham nhũng,... Các cơ quan thanh tra cũng có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xử lý kỷ luật người có hành vi tham nhũng và thu hồi tài sản đã bị chiếm đoạt; khi nhận được yêu cầu của thanh tra, các cơ quan, tổ chức phải thực hiện trong thời hạn 30 ngày, nếu không thực hiện thì phải nêu lý do bằng văn bản,... Ngoài ra, Pháp lệnh chống tham nhũng còn qui định Thanh tra nhà nước các cấp đóng vai trò là đầu mối trong việc kiểm tra, đôn đốc, theo dõi và chủ trì phối hợp với các cơ quan hữu quan để đấu tranh chống tham nhũng trong phạm vi thẩm quyền của Chính phủ (Điều 32).

Kể từ Hội nghị toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII của Đảng năm 1994 tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, đặc biệt tại Nghị quyết Trung ương 6 (2) khoá VIII khẳng định “trong Đảng đang bộc lộ một số yếu kém: sự suy thoái về tư tưởng chính trị; tình trạng tham nhũng, quan liêu, lãng phí của một bộ phận cán bộ, đảng viên có chiều hướng phát triển nghiêm trọng hơn. Việc thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ không nghiêm, bộ máy tổ chức của Đảng, Nhà nước chậm được củng cố và đổi mới”¹⁶² và Nghị quyết Đại hội IX, Đảng ta đã tiếp tục nhấn mạnh “Tình trạng tham nhũng, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống ở một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên là rất nghiêm trọng. Nạn tham nhũng kéo dài trong bộ máy của của hệ thống chính trị và trong nhiều tổ chức kinh tế là một nguy cơ lớn đe dọa sự sống còn của chế độ ta. Tình trạng lãng phí, quan liêu còn khá phổ biến”¹⁶³. Đảng ta coi tham nhũng là một quốc nạn mà toàn Đảng, toàn dân, toàn bộ hệ thống chính trị nói chung, các cơ quan Nhà nước nói riêng, trong đó có các cơ quan thanh tra, phải có những nỗ lực to lớn hơn nữa để đẩy lùi, tiến tới ngăn chặn và loại bỏ nguy cơ này khỏi đời sống xã hội. Với nhận thức chính trị đúng đắn, sâu sắc và quyết tâm cao trong việc đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, Quốc hội đã luật hoá nhiệm vụ phòng, chống tham nhũng cho các cơ quan thanh tra nhà nước bằng việc ban hành Luật Thanh tra 2004 thay thế cho Pháp lệnh Thanh tra năm 1990. Điều này kế thừa qui định của Pháp lệnh chống tham nhũng năm 1998 và Nghị định số 46/2003/NĐ – CP ngày 9/5/2003 của Chính phủ qui định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra Nhà nước. Có thể nói, với việc luật hoá nhiệm vụ phòng chống tham nhũng, các cơ quan thanh tra Nhà nước, bên cạnh nhiệm vụ thanh

¹⁶² Văn kiện Hội nghị lần thứ 6 (lần 2) Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII. NXB Chính trị Quốc gia. Hà Nội. 1999. tr 24

¹⁶³ Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX. NXB Chính trị Quốc gia. Hà Nội. 2001. tr 76

tra kinh tế - xã hội và giải quyết khiếu nại, tố cáo đã nhận thêm một sứ mạng mới trước Đảng, Chính phủ và nhân dân.

Rõ ràng, theo qui định của pháp luật hiện hành, Thanh tra tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong công tác đấu tranh chống tham nhũng và các hành vi vi phạm pháp luật khác.

Ngày nay, tham nhũng, quan liêu chẳng những là một nguy cơ mà đã thực sự trở thành một hiểm họa trong thực tế. Nó không những đã trở thành quốc nạn mà còn là nguyên nhân số một của các nguy cơ khác và điều đáng lo sợ nhất là “diễn biến hoà bình từ nội bộ Đảng ta”.

Trước những vụ, việc đã và đang được phơi bày ra ánh sáng gần đây, đọc lại và suy ngẫm Tư tưởng của Bác về chống tham ô, lãng phí, chống bệnh quan liêu, chúng ta cần làm tốt mấy vấn đề chính yếu, như sau:

- **Một là**, phải kiên quyết tiếp tục thực hiện triệt để cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng đã được phát động từ 19/5/1999 theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ 6 (lần 2) Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII, để thực sự làm cho cuộc vận động này trở thành nền nếp, thường xuyên thực hiện Di chúc của Bác, nhằm nâng cao đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân trong cán bộ, đảng viên, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức Đảng.

- **Hai là**, nhiệm vụ phòng chống tham nhũng đòi hỏi Thanh tra Chính phủ phải có sự phối hợp chặt chẽ, hiệu quả hơn với các Bộ, ngành khác. Với tư cách là cơ quan tham mưu, tổng hợp của Chính phủ về phòng chống tham nhũng, chúng ta phải xây dựng được một cơ chế phối hợp công tác, cung cấp thông tin, lưu trữ, sử dụng hồ sơ phối hợp xử lý các hành vi vi phạm tốt hơn trước đây. Phải có sự phối hợp đồng bộ giữa các cơ quan chức năng để nâng cao hơn nữa công tác kiểm tra, công tác đào tạo, tuyển chọn và sàng lọc cán bộ của Đảng. Quyết không để lọt vào bộ máy của Đảng và Nhà nước những phần tử cơ hội chính trị, thoái hoá, biến chất. Thực tế cho thấy, các vụ, việc tiêu cực vừa qua phần nhiều là do nhân dân và công luận phát hiện, kịp thời báo cáo với tổ chức đảng và các cơ quan hữu trách từ đó lần ra manh mối, trong khi việc nắm bắt các luồng thông tin, phát hiện vụ việc tiêu cực của một số cơ quan chức năng lại rất hạn chế.

- **Ba là**, nhất quyết không sợ vì đấu tranh quyết liệt chống tệ tham nhũng, quan liêu và xã hội đen sẽ làm mất cán bộ như một số người lo ngại. Nhân tài trong nhân dân không bao giờ thiếu, điều cốt yếu là làm gì và làm như thế nào để người hiền tài đứng ra cùng với Đảng, với dân, góp phần gánh vác trọng trách xây dựng đất nước theo mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Trong cuộc đấu tranh chống tham nhũng, quan

liều chúng ta có thể mất “một bộ phận không nhỏ” cán bộ, đảng viên nào đó, nhưng Đảng và Nhà nước ta sẽ lấy lại được niềm tin yêu của quần chúng nhân dân, và từ đó dẫn dắt quần chúng nhân dân đưa sự nghiệp cách mạng đi tới thắng lợi cuối cùng.

- **Bốn là**, chủ động hợp tác với cộng đồng quốc tế trong vấn đề phòng, chống tham nhũng. Tất cả các quốc gia trên thế giới, các tổ chức quốc tế và khu vực đều rất quan tâm đến vấn đề phòng chống tham nhũng trên phạm vi toàn cầu cũng như trong mỗi quốc gia. Chính vì vậy, cộng đồng Quốc tế trong những năm vừa qua đã gia tăng các nỗ lực hợp tác, phối hợp giữa các quốc gia và các tổ chức quốc tế nhằm đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng trên phạm vi toàn thế giới. Theo chủ trương của Đảng và Nhà nước ta, Thanh tra Chính phủ cần có sự chủ động hợp tác với các nước và các tổ chức quan tâm tới vấn đề phòng, chống tham nhũng. Hợp tác quốc tế trong vấn đề phòng, chống tham nhũng phải phù hợp với lợi ích của các cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam, đồng thời nâng cao uy tín chính trị của đất nước ta trên trường Quốc tế, đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng, đảm bảo sự ổn định chính trị của đất nước. Mặt khác, còn phải nhận thấy rằng, trong quá trình hội nhập Quốc tế, một loại tội phạm xuyên quốc gia như rửa tiền, buôn bán ma túy cũng đã xâm nhập vào Việt Nam. Vì vậy, sự hợp tác quốc tế để đấu tranh có hiệu quả với loại tội phạm này là rất cần thiết.

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ NGUYÊN TẮC, PHƯƠNG PHÁP THANH TRA, KIỂM TRA

*Phạm Quốc Khánh
Viện Khoa học Thanh tra
Thanh tra Chính phủ*

Chủ tịch Hồ Chí Minh - vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc Việt Nam, là một tấm gương thanh liêm cho bao lớp cán bộ noi theo. Với tài đức của mình, suốt cuộc đời người đã dành hết sức lực và trí tuệ cho cách mạng giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước. Suốt cuộc đời, người luôn đau đáu trong lòng một điều là “làm thế nào để dân ta có cơm ăn, áo mặc, cả nước được hoàn toàn độc lập, tự do”. Với trí tuệ và đạo đức cao cả của mình, Người đã đưa những lý luận của Chủ nghĩa Mác – Lê vào sự nghiệp cách mạng Việt Nam, đưa những lý luận chính trị, nghệ thuật xây dựng và bảo vệ tổ quốc mang tính khoa học cao vào công tác quản lý đất nước. Mặc dù Người đã ra đi, nhưng trí tuệ sáng ngời và đạo đức cách mạng cao cả của Người vẫn sống mãi trong lòng dân tộc Việt Nam, trở thành tấm gương thanh liêm, đạo đức, mẫu mực và trách nhiệm đối với bao lớp cán bộ trong những năm kháng chiến chống Mỹ và thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội ngày nay. Một trong những nghệ thuật trị quốc của mình là người đi sâu tìm hiểu công tác thanh tra, kiểm tra, luôn kêu gọi các cán bộ phải biết thanh tra, kiểm tra những công việc mình nhận đảm trách và các cán bộ phải có trách nhiệm cao trong khi làm nhiệm vụ của mình. Hơn thế nữa các cơ quan, đoàn thể và cá nhân phải biết kiểm tra, giám sát lẫn nhau để cho công việc chung ngày một hoàn thiện hơn, tránh được những sai sót, hồ đồ mang nặng tính cửa quyền và vị kỷ cá nhân. Lãnh đạo phải biết kiểm tra cấp dưới và ngược lại cấp dưới hay quần chúng nhân dân phải biết giám sát cấp trên vì ở vị trí lãnh đạo người ta hay mắc phải căn bệnh quan liêu, cửa quyền, hách dịch.

Ngay từ những ngày đầu của chính quyền cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ tầm quan trọng của công tác kiểm tra. Người viết “khi đã có chính sách đúng thì sự thành công hoặc thất bại của chính sách đó là do nơi cách tổ chức công việc, nơi lựa chọn cán bộ và do nơi kiểm tra. Nếu ba điều ấy sơ sài thì chính sách mấy cũng vô ích”.

1. Kiểm tra, thanh tra từ trên xuống, tức là người lãnh đạo kiểm soát kết quả những công việc của cán bộ mình; và kiểm tra từ dưới lên, tức là quần chúng, cán bộ kiểm soát sự sai lầm của người lãnh đạo và bày tỏ cái cách sửa sai lầm đó – cách bày tỏ là tốt nhất để kiểm soát các nhân viên.

+ Trong đề nghị sửa đổi lề lối làm việc, Bác có đưa ra vấn đề “*cấp trên phải kiểm soát cấp dưới*”, chỉ có kiểm soát được thì cấp trên mới có thể hiểu rõ ràng và tường tận được công việc của cấp dưới và tình hình của quần chúng nhân dân để chỉ đạo cho đúng để khẳng định được tầm quan trọng của cấp trên giám sát cấp dưới, không những hiểu được cấp dưới mà cấp trên còn có thể truyền tải những thông tin về pháp luật, chính sách xuống cho người dân, cấp dưới một cách nhanh chóng, thông suốt và kịp thời nhất. Và chính việc kiểm tra, giám sát thường xuyên đã giúp cho cấp trên thấu hiểu những tâm tư, nguyện vọng của cấp dưới, của quần chúng nhân dân thông qua hoạt động khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, yêu cầu từ phía cấp dưới và quần chúng nhân dân.

Trong công tác Đảng, Bác dặn dò tổ chức Đảng “*phải nghiêm ngặt kiểm tra, các địa phương phải kiên quyết thực hành những nghị quyết của Đảng. Kiên quyết chống lại cái thói nghị quyết một đường, thi hành một nẻo*” cho thấy Bác rất tâm đắc việc kiểm tra, giám sát thật sát sao của Đảng Cộng sản đối với các nghị quyết đã ban hành, làm sao để tổ chức Đảng cấp dưới và nhân dân thống nhất thực hiện cho đúng.

+ Nhận thấy tầm quan trọng của việc kiểm tra, giám sát từ dưới lên trên của quần chúng, đồng bào. Trong bài nói chuyện với các Đại biểu tri thức, phú hào tỉnh Thanh Hoá ngày 20/2/1947 Hồ Chủ tịch có nói “*xin đồng bào hãy phê bình, giúp đỡ giám sát công việc của Chính phủ*” thể hiện sự quan tâm của Bác đối với công việc giám sát và phê bình của quần chúng nhân dân và Bác rất tâm đắc với công tác giám sát của nhân dân đối với Chính phủ, các cơ quan, cán bộ Nhà nước. Công tác giám sát của nhân dân là rất quan trọng là vì chính quần chúng nhân dân là tầng lớp gần gũi và chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi những quyết sách của Chính phủ. Quần chúng là những người gần gũi với cán bộ và thụ hưởng những chế độ chính sách mà Đảng và Chính phủ dành cho. Vậy nên, những việc làm của các cán bộ Nhà nước có đúng mực hay không, họ có thực sự là “*công bộc*” của dân hay không thì chính quần chúng là những người thấu hiểu hơn cả.

Hơn nữa, cán bộ nhà nước thời kỳ bấy giờ hầu hết là xuất thân từ tầng lớp công nhân và nông dân và một bộ phận nhỏ trí thức yêu nước, những tầng lớp và giai cấp này hoàn toàn gần gũi với quần chúng nhân dân vì vậy dễ đánh

giá một cán bộ có vững vàng lập trường cách mạng hay có năng lực không thì dưới lăng kính của quần chúng nhân dân sẽ rất sáng tỏ.

Sự gần gũi ấy đã tạo điều kiện thuận lợi cho công tác giám sát và kiểm tra của quần chúng nhân dân đối với các cán bộ nhà nước, vì vậy Bác đã kêu gọi nhân dân giám sát cán bộ là rất khoa học và thể hiện được tính chuyên nghiệp trong nghệ thuật quản lý cán bộ của Bác thời đó.

Theo Bác, quyền lực trong Nhà nước ta không phải là quyền lực của cá nhân hay của bộ máy, mà là của toàn thể nhân dân. Cơ quan Nhà nước các cấp chỉ là người chấp hành mệnh lệnh của quốc dân, chấp hành ý chí của nhân dân. Bộ máy chính quyền nhà nước là do nhân dân bầu ra, vì vậy, *phải do nhân dân kiểm soát*. Bác đã khẳng định tầm quan trọng của việc nhân dân giám sát, kiểm soát các cơ quan nhà nước, các cán bộ do mình cử ra, kể cả những công việc mà Đảng, Nhà nước trao cho các cán bộ, cơ quan này nhân dân cũng có quyền kiểm soát, có thể mới thấy được cái đúng, sai trong công tác của người cán bộ, của các cơ quan Nhà nước, vì xét cho cùng mọi hoạt động của Nhà nước cuối cùng đều phục vụ cho nhân dân.

Kế thừa tinh thần của Bác, Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam cũng có một điều nói về “quyền làm chủ” và “quyền giám sát” các cơ quan Nhà nước của quần chúng nhân dân. Tại điều 8 Hiến pháp 1992 có nói “các cơ quan Nhà nước, cán bộ, viên chức Nhà nước phải tôn trọng nhân dân, tận tụy phục vụ nhân dân, liên hệ chặt chẽ với quần chúng nhân dân, lắng nghe ý kiến và chịu sự giám sát của nhân dân; kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí và mọi biểu hiện quan liêu, hách dịch, cửa quyền” thể hiện thấm nhuần tư tưởng của Bác về tầm quan trọng của quần chúng nhân dân trong việc kiểm tra, giám sát các cán bộ, cơ quan Nhà nước xem các cơ quan, cán bộ này đã mẫu mực chưa? có tận tụy phục vụ nhân dân hay không, có vi phạm pháp luật, đục khoét tài sản của Nhà nước, có tham ô, hối lộ, tham nhũng, những nhiều dân chúng hay không. Để nắm thật minh bạch toàn bộ hoạt động của các cơ quan Nhà nước cũng như các cán bộ Nhà nước có làm việc tận tụy, chuẩn mực hay không, ngoài các cơ quan chuyên ngành như Thanh tra, Kiểm toán, các đơn vị tổ chức cán bộ,... thì quần chúng nhân dân với tư cách là người làm chủ đất nước, là người thụ hưởng trực tiếp các dịch vụ mới có thể thấu hiểu một cách tường minh nhất. Nhân dân là người bầu ra những cán bộ có năng lực và tư cách đạo đức mà mình thấy tín nhiệm, vì vậy trách nhiệm giám sát và kiểm tra tính hiệu quả công việc của các cán bộ đó cũng như đạo đức tác phong nghề nghiệp không ngoài ai khác đó là quần chúng nhân dân.

Một khi những người cán bộ được dân cử xác định rằng mình được nhân dân tín nhiệm bầu vào chức vụ nào đó thì trong công tác của mình người cán bộ đó phải làm việc hết sức mình để phục vụ cho tập thể quần chúng, còn quyền lợi cá nhân phải xác định là mục tiêu thứ yếu mới khẳng định được tinh thần dân tộc thời kỳ bấy giờ. Vậy nên, theo Bác, việc kiểm tra, giám sát của quần chúng nhân dân đối với cán bộ nhà nước cũng như đối với việc vận hành của bộ máy nhà nước là rất cần thiết và quan trọng.

Trong đề nghị sửa đổi lề lối làm việc của Bác vào tháng 10/1947 có đoạn viết *“phải luôn luôn do nơi quần chúng mà kiểm soát những khẩu hiệu và chỉ đó có đúng hay không”* đã minh chứng cho tính hiệu quả của nhân dân giám sát, nếu không có quần chúng nhân dân giám sát và phản hồi tính hiệu lực và hiệu của các quyết định, nghị quyết, chỉ thị,... pháp luật thì các cơ quan Nhà nước, Chính phủ hay các Bộ, ngành không thể có đầy đủ thông tin để sửa chữa hay thay đổi chính sách pháp luật cho phù hợp với thực tế cuộc sống. Đối với công tác thanh tra cũng không nằm ngoài qui luật này, các văn bản pháp luật về thanh tra, kiểm tra, chống tham nhũng cũng sẽ không thể hoàn thiện hay phù hợp với thực tế cuộc sống nếu như không có sự giám sát, phản hồi thường xuyên và tích cực của quần chúng nhân dân. Ví dụ như việc làm Luật Khiếu nại, tố cáo nếu không có các đơn từ khiếu kiện của quần chúng nhân dân từ các địa phương, các ban, các ngành trong cả nước gửi lên thì Ban Soạn thảo khó có thể tổng hợp để khẳng định tính cấp thiết để ban hành Luật này. Hơn nữa, việc phản hồi thông tin từ quần chúng nhân dân về Pháp lệnh này đã cũng không còn phù hợp nữa, cần phải thay thế Pháp lệnh Thanh tra thành Luật Thanh tra cho phù hợp với nền kinh tế thị trường với vô vàn các mối quan hệ kinh tế - chính trị - xã hội đan xen, phức tạp, với các vi phạm pháp luật về kinh tế liên quan các cơ quan và cán bộ Nhà nước ngày càng nhiều, thủ đoạn vi phạm ngày càng tinh vi.

Trên mặt trận đấu tranh phòng chống tội phạm kinh tế và chức vụ nếu thiếu đi tai mắt của quần chúng nhân dân thì các vụ án lớn như Lã Thị Kim Oanh; Tăng Minh Phụng; Mường tè – Lai Châu; Tổng công ty dầu khí Việt Nam Petro, Cụm Liên hợp thể thao Mỹ Đình – Hà Nội, Tổng Công ty VNPT,... khó có thể bị phát hiện và nhà nước khó có thể thu hồi hàng nghìn tỷ đồng do các cá nhân, tổ chức vi phạm hoặc phạm tội mà có.

Có quần chúng nhân dân, việc các cá nhân phạm tội tâu tán tài sản do phạm tội mà có cũng được phát hiện mặc dù các cá nhân này rất tinh vi trong việc che giấu, tâu tán tài sản.

Thiết nghĩ, lời của Bác nhắc nhở cán bộ cách đây đã hơn 50 năm nhưng nó vẫn còn nguyên giá trị cách mạng và khoa học. Chúng ta vẫn có thể ghi nhận và học tập, phát huy.

+ Về mối quan hệ giữa cấp trên, người kiểm tra thanh tra và cấp dưới, quần chúng nhân dân. Trong bài về Sửa đổi lối làm việc Bác có viết *“phải tổ chức kiểm soát, mà muốn kiểm soát đúng thì có quần chúng giúp mới được”* đã khẳng định tầm quan trọng không thể thiếu được của quần chúng nhân dân trong công tác kiểm tra, thanh tra của lãnh đạo cấp trên cũng như của cán bộ làm công tác thanh tra, kiểm tra.

Theo Bác, những người lãnh đạo chỉ trông thấy một mặt của công việc, của sự thay đổi của mọi người, trông từ trên xuống. Vì vậy sự trông thấy có hạn. Trong khoa học về quản lý cũng cho thấy, người lãnh đạo của bất kỳ đơn vị nào khó có thể bao quát hết được các hoạt động của đơn vị mình. Hơn nữa, nắm bắt một cách chi tiết toàn bộ công việc và các bộ phận vận hành cụ thể như thế nào thì quả thực rất khó khăn, vì vậy người lãnh đạo phải có các kênh thông tin từ phía cơ sở, đó là các cán bộ cấp dưới cung cấp thông tin về hoạt động của đơn vị, về năng lực của cán bộ, những mặt mạnh, yếu của từng cán bộ thì ở từng đơn vị cơ sở thường nắm rất rõ. Cấp trên sẽ có đủ thông tin nếu như luôn luôn giữ chặt mối quan hệ với cấp dưới, với quần chúng nhân dân, chịu lắng nghe ý kiến của cấp dưới, của quần chúng. Trong thời kỳ cách mạng hay thời bình, tư tưởng này đều tỏ ra hữu hiệu và cần thiết, mà nếu thiếu thì việc tiến hành cách mạng hay tổ chức quản lý sản xuất cũng rơi vào chủ nghĩa chủ quan và quân phiệt mà thôi.

Trong công tác thanh tra của ngành thanh tra đã chứng minh tính đúng đắn không thể thiếu được của tư tưởng này. Đó là, nếu thiếu đi các kênh thông tin từ cơ sở, từ dân chúng, nếu không có các chân rết như thanh tra ngành, thanh tra cơ sở, các công tác viên là những người nắm được rất nhiều thông tin và làm những người trực tiếp thấu hiểu các sự vụ, thì khó có thể phát hiện ra các sai phạm, các hành vi vi phạm pháp luật nghiêm trọng. Vì vậy có thể nói muốn công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra đạt hiệu quả cao, tổ chức thanh tra cấp trên phải biết liên hệ chặt chẽ với các đơn vị thanh tra cấp dưới và không được quên quần chúng nhân dân chính là tai, mắt của mình.

+ Bác khẳng định nếu Đảng hay các cơ quan cấp trên, lãnh đạo các đơn vị mà *“cách xa dân chúng, không liên hệ chặt chẽ với dân chúng, cũng như lơ lửng giữa trời, nhất định thất bại”* là rất khoa học và chuẩn xác. Hơn nữa, Bác còn kêu gọi *“lãnh đạo phải liên hợp với quần chúng thì việc kiểm soát nhất định đạt kết quả tốt”*. Vì không liên hệ thường xuyên với quần chúng có nghĩa là lãnh đạo hay cấp trên không có đầy đủ *“tai, mắt”*, vì vậy khó có thể quản lý

được đơn vị của mình, không thể dẫn dắt quần chúng làm cách mạng hay xây dựng tổ quốc hiệu quả được.

Trong công tác tiếp nhận khiếu nại, tố cáo của Thanh tra Chính phủ những năm qua cho thấy, việc khiếu kiện của nhân dân thường xuyên là chính xác, nó phản ánh tình hình biến động xã hội tại các địa phương về các vấn đề như: tranh chấp đất đai, tham ô, tham nhũng,... và những nhiễu của các cơ quan hành chính ở địa phương. Việc khiếu tố của quần chúng nhân dân đã giúp cho Thanh tra Nhà nước cũng như các cơ quan Kiểm sát, Công an phát hiện và xử lý hàng trăm vụ việc và vụ án, tạo được niềm tin cho quần chúng nhân dân vào các cơ quan Đảng và Nhà nước.

+ Tuy nhiên, để công tác kiểm tra đạt được kết quả như mong đợi, theo Bác vấn đề người đi kiểm tra cũng phải được chọn lựa kỹ càng, công tác kiểm tra phải do đích thân lãnh đạo đơn vị đi kiểm tra và chỉ đạo công tác kiểm tra thì mới có kinh nghiệm và uy tín. Để tránh tình trạng lãnh đạo bị thiếu thông tin, bị cấp dưới báo cáo thông tin không đầy đủ, sai lệch thì người lãnh đạo phải biết tự mình thường xuyên đi kiểm tra, thị sát, nắm tình hình công việc chung và hoạt động thường nhật của tổ chức, đơn vị mình là rất khoa học và nên làm. Làm được điều này lãnh đạo có thể hiểu tường tận và minh bạch toàn bộ hoạt động của đơn vị mình, mới có thể đưa ra những quyết sách đúng đắn được. Tư tưởng này của Bác vẫn còn nguyên giá trị, có thể áp dụng trong các đơn vị, cơ quan Nhà nước, các ngành và kể cả những đơn vị hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh.

+ Trong lời kêu gọi của Bác về chống bệnh kiêu ngạo, Bác viết *“chúng ta phải tuyệt đối chống bệnh kiêu ngạo, phải luôn luôn khiêm tốn. Mọi công tác phải dựa hẳn vào quần chúng, hoan nghênh quần chúng đôn đốc và kiểm tra.... Khiêm tốn là một đạo đức mà mọi người cách mạng phải luôn trau dồi”*. đã thể hiện được tinh thần của Bác về khuyến khích quần chúng nhân dân kiểm tra và giám sát hoạt động của cán bộ, cơ quan Nhà nước, vì nhân dân càng giám sát chặt chẽ bao nhiêu thì bộ máy Nhà nước, cán bộ Nhà nước càng được hoàn thiện bấy nhiêu. Trong thực tiễn cuộc sống cũng vậy, nhân dân càng quan tâm, giám sát các cơ quan nhà nước, cán bộ nhà nước thì những hành vi tham ô, nhũng nhiễu, cửa quyền,... của các cán bộ Nhà nước sẽ dần bị triệt tiêu. Vì vậy, Đảng và Nhà nước cần khuyến khích quần chúng nhân dân tham gia nhiều hơn nữa vào công tác giám sát và kiểm tra các cán bộ, cơ quan Nhà nước từ cấp trung ương đến cấp phường xã, không thể tách rời hoạt động giám sát của quần chúng nhân dân với cán bộ và cơ quan Nhà nước. Để làm được điều này thì các cán bộ, cơ quan Nhà nước phải tạo điều kiện và tuyệt đối không được có những hành động ngăn cản hay trù dập những người đã phát hiện và góp ý xây dựng đối với những cán bộ và cơ quan có hành vi vi

phạm pháp luật và làm trái trong cương vị mà mình đang đảm trách. Làm được như vậy mới có thể phát huy được tính tích cực của quần chúng nhân dân tham gia sâu rộng vào hoạt động kiểm tra, giám sát này.

2. Thanh tra phải đến tận nơi, xem tận chỗ

Trong thư Bác gửi các đồng chí Bắc bộ ngày 1/3/1947 có đoạn Bác dặn dò các đồng chí cán bộ về việc chống thói làm việc theo lối bàn giấy: *“thích làm việc bằng giấy tờ thật nhiều. Ngồi chỉ tay năm ngón không chịu xuống địa phương kiểm tra công tác và để chỉ vạch ra những kế hoạch thi hành chỉ thị, nghị quyết của Đoàn thể cho chu đáo. Những Chỉ thị, Nghị quyết cấp trên gửi xuống có thực hiện hay không, các đồng chí cũng không biết đến. Cái lối làm việc như vậy rất có hại. Nó làm cho chúng ta không đi sát phong trào, không hiểu rõ được tình hình bên dưới, cho nên phần nhiều chủ trương của chúng ta không thi hành được đến nơi, đến chốn”*.

Chỉ một câu nói này thôi đã khẳng định được tầm quan trọng của việc đi sâu, đi sát vào công việc làm cán bộ đảm nhận.

Trong tác phẩm “Lề lối làm việc” có đoạn Bác viết *“kiểm soát cách thế nào? cố nhiên, không phải cứ ngồi trong phòng giấy mà chờ người ta báo cáo, mà phải đi tận nơi, xem tận chỗ”* có đến tận nơi thì mới biết được cán bộ của mình tốt hay xấu, là người có năng lực trình độ hay là không. Có đến tận nơi thì lãnh đạo mới có thể biết được tổ chức của mình hoạt động có hiệu quả hay không, các đơn vị trực thuộc làm việc như thế nào?

Trong nghiệp vụ của công tác thanh tra cũng vậy, việc đến tận nơi, xem tận chỗ là rất quan trọng, không thể thiếu được, việc này quyết định tính hiệu quả và chính xác trong công tác thanh tra, kiểm tra đến 80%, vì nếu Đoàn thanh tra, hay các tổ chức thanh sát không đến tận nơi để kiểm tra, nắm bắt tình hình thì những tư liệu và chứng cứ cũng chỉ là những con số ma, con số không có thật mà thôi. Chỉ có đến tận nơi tìm hiểu và đối chứng chứng từ, các con số và tìm hiểu những công việc ở đơn vị bị thanh tra, kiểm tra thì Đoàn thanh tra mới có thể phát hiện những con số vênh so với báo cáo trên chứng từ.

Có kiểm tra thường xuyên tại các cơ quan là đối tượng bị thanh tra khi phát hiện thấy có vấn đề cần làm rõ thì cơ quan thanh tra mới có thể nắm bắt được những sai phạm của các cơ quan này. Việc kiểm tra tận nơi thường xuyên này cũng khiến cho các đơn vị đã vi phạm cũng sẽ không dám vi phạm nữa. Ví dụ như việc thanh tra chuyên ngành thanh tra việc gian lận của ngành xăng dầu nói chung và các trạm xăng nói riêng tại thành phố Hà Nội đã phát hiện và xử lý hàng chục trường hợp, thu tiền phạt vi phạm cho Nhà nước

không nhiều tỷ đồng cũng có thể minh chứng rõ tầm quan trọng của việc đến tận nơi và xem tận chỗ một cách thường xuyên của thanh tra chuyên ngành.

Trong thời kỳ cách mạng hay thời hoà bình, việc cán bộ xuống tận nơi đã mang lại tính hiệu quả rất cao, không những người dân có thể hiểu tường tận được các chính sách, nghị quyết của Đảng và Nhà nước mà tình cảm quân và dân, cán bộ với nhân dân gắn bó sâu sắc và bền chặt hơn. Hơn nữa, những ý kiến phản hồi lại của quần chúng nhân dân rất có giá trị, vì chỉ có những người trực tiếp thụ hưởng cũng như chịu sự tác động của các nghị quyết, quyết định của Đảng và Nhà nước mới có thể thấu hiểu tính hiệu quả hay không của các quyết định, chỉ thị đó.

Chỉ có xuất phát từ sự tận tâm, trách nhiệm không quản vất vả, không ngại khó, ngại đường xa cán bộ mới có thể xuống tận nơi để đưa nghị quyết, chỉ thị, pháp luật xuống cho nhân dân.

Chỉ có đến tận nơi thì chúng ta mới có thể tìm hiểu được các mối quan hệ đã tồn tại ở cơ sở bị thanh tra, kiểm tra, mới có thể tìm hiểu được thông tin qua các kênh như cán bộ tại cơ sở bị thanh tra, các đối tượng đã ký kết hợp đồng với các đơn vị này để tìm ra tính xác thực của các con số và các báo cáo có chính xác và đúng pháp luật hay không. Ví dụ như vụ án Mường tè,, nếu không có thông tin của quần chúng phản ánh, không đưa cán bộ thanh tra xuống tận nơi để trực tiếp kiểm tra các con đường liên xã thì khó có thể phát hiện ra tính sai phạm của những gói thầu xây dựng đường xá cho nhân dân miền núi và phát hiện được những hành vi tham nhũng, tham ô của các cán bộ Nhà nước được giao nhiệm vụ thi công những công trình xây dựng này.

3. Kiểm tra thanh tra phải kịp thời có hệ thống

Trong bài viết “Một việc mà các cơ quan lãnh đạo cần thực hành ngay” về các kiểm tra có đoạn viết “*Kiểm tra là phải có hệ thống nghĩa là khi có nghị quyết, thì phải lập tức đốc thúc sự thực hành nghị quyết ấy, phải biết rõ sự sinh hoạt và cách làm việc của cán bộ và nhân dân địa phương. Có như thế mới kịp thấy rõ những khuyết điểm và những khó khăn để sửa đổi các khuyết điểm và tìm cách giúp đỡ để vượt qua mọi khó khăn*” đã khẳng định được tính tất yếu và quan trọng của việc kiểm tra phải kịp thời, có hệ thống là rất quan trọng. Vì công tác thanh kiểm có những đặc thù riêng của nó. Công tác thanh kiểm mà không làm việc có hệ thống và kịp thời thì công tác thanh tra không thể hoàn thiện và chính xác được, đối tượng thanh tra kiểm tra có thể lợi dụng sự luộm thuộm, cầu thả, chậm trễ để lẩn tránh và che dấu những hành vi vi phạm pháp luật của mình. Và có khi suốt cả quá trình thu thập thông tin, điều tra về đối tượng thanh tra bao năm ròng chỉ vì việc thanh kiểm không có hệ thống, không kịp thời gây rò rỉ thông tin làm đối tượng bị thanh tra xoá hết các

dấu vết và kẽ hở gây khó khăn và đổ bể toàn bộ thành quả. Vì vậy, công tác thanh kiểm phải hết sức gọn gàng, có hệ thống, khi tiến hành thanh kiểm đối tượng phải hết sức kín đáo và kịp thời, không để đối tượng có đủ thông tin và thời gian để sửa đổi sổ sách, chứng từ, lập hiện trường giả, khai báo sai lệch thông tin thì công tác thanh kiểm mới có thể đạt được kết quả như mong đợi.

+ Để công tác thanh tra, kiểm tra được hiệu quả thì công tác tổ chức thanh kiểm *“phải thật chu đáo”*. Nghĩa là từ khâu tiếp nhận thông tin, phân loại đối tượng cần thanh tra, cho đến việc chuẩn bị các tài liệu, phương tiện, thời điểm tiến hành thanh tra, kiểm tra phải thật kỹ càng, chuyên nghiệp chứ không để rơi vào tình trạng thụ động, chậm trễ, thiếu thông tin, hoặc thông tin không chuẩn xác về đối tượng bị thanh tra, kiểm tra.

4. Thanh tra phải cẩn thận, khách quan

Trong bài phát biểu của Bác tại Hội nghị giám tô và cải cách ruộng đất năm 1955 Bác có nói đến các kỹ năng cũng như tính đặc thù của công tác thanh tra, kiểm tra. Có đoạn *“cán bộ phải thế nào? ... Phải đi sâu, xét kỹ, phải luôn luôn kiểm tra công tác, chấp hành chính sách phải coi trọng từ việc to đến việc nhỏ, phải nhớ rằng sai một ly đi một dặm ...”*. Qua lời dặn dò của Bác đối với cán bộ làm công tác thanh tra và cán bộ nói chung, ta thấy được ý nghĩa sâu sắc trong lời dặn của Bác và Bác rất quan tâm đến tính cẩn thận và chi tiết trong công tác thanh tra, kiểm tra cũng như trong công tác đào tạo cán bộ. Nếu không thực hiện tốt kỹ năng xem xét kỹ lưỡng mọi vấn đề trong công tác thanh tra thì người cán bộ đó rất dễ mắc sai lầm, và công tác thanh tra kiểm tra cũng không đem lại hiệu quả một cách tuyệt đối. Vì vậy, việc xem xét và chuẩn bị cho công tác thanh tra phải hết sức kỹ lưỡng. Phải tính trước được các vấn đề sẽ nảy sinh trước khi thực hiện một cuộc thanh tra, kiểm tra. Tránh xảy ra trường hợp không có sự chuẩn bị kỹ càng, không tiên lượng được đầy đủ các tình huống sẽ xảy ra khiến cho cuộc thanh tra, kiểm tra thất bại hoặc khiến cho các đối tượng bị thanh kiểm có cơ hội lẩn tránh khỏi sự trừng trị của pháp luật. Vì vậy Bác có ví *“sai một ly đi một dặm”* là rất chính xác, đặc biệt trong công tác thanh tra, kiểm tra.

Trong Văn kiện về công tác thanh tra tháng 7, Bác có dặn dò các cán bộ thanh tra cũng như Bác muốn lưu ý các cơ quan thanh tra về công tác thanh tra, kiểm tra, có đoạn viết *“Thái độ của người thanh tra là kiểm tra phải cẩn thận. Nghe không được thiên lệch, nghe một bên, nên nghe người này, nghe người kia. Phải khách quan, chớ do ý muốn và suy đoán chủ quan của mình”*. Qua lời dặn dò trên của Bác chúng ta càng thấy rõ được tầm quan trọng của tính cẩn thận và kỹ lưỡng của cán bộ trong công tác thanh tra, kiểm tra, mà nếu thiếu phẩm cách này thì công tác thanh tra khó có thể thực hiện một cách

nhuần nhuyễn và hiệu quả được. Chỉ vì chủ quan mà không đánh giá toàn diện và chi tiết được toàn bộ công việc sớm muộn cũng gây ra những hậu quả tai hại. Trong công tác thanh tra tài chính, kế toán chủ yếu cán bộ phải làm chuẩn xác từng con số, nếu một cán bộ thanh tra kiểm tra sổ sách ẩu, gây nhầm lẫn về con số, thì sẽ gây ra những sai lệch không đáng có, gây ảnh hưởng cho đối tượng bị thanh tra cũng như làm giảm uy tín của ngành thanh tra. Vì vậy, tính cẩn thận và kỹ lưỡng là những đức tính cũng như kỹ năng không thể thiếu được của các cán bộ làm công tác thanh tra. Vì vậy, cần phải phát huy phẩm chất này một cách thường xuyên và có hệ thống trong công tác đào tạo và tập huấn cho cán bộ ngành thanh tra.

5. Thanh tra phải dùng cách thức phê bình và tự phê bình.

Trong Đề nghị sửa đổi lề lối làm việc của Bác tháng 10 năm 1947 khi bàn về vấn đề phê bình và tự phê bình của các cán bộ, Đảng viên Bác có viết *“Mục đích phê bình là cốt để giúp nhau sửa chữa, giúp nhau cùng tiến bộ. Cốt để sửa đổi cách làm việc cho thật tốt hơn. Cốt để đoàn kết và thống nhất nội bộ. Vì vậy, phê bình mình cũng như phê bình người phải thật ráo riết, triệt để, thật thà, không nể nang, không thêm bớt. Phải vạch rõ cả ưu điểm và khuyết điểm. Đồng thời chớ dùng những lời mỉa mai, chua cay, đâm thọc. Phê bình việc làm, chớ không phê bình người. Những người phê bình thì phải vui lòng nhận xét để sửa đổi, không nên vì bị phê bình mà nản chí, hoặc oán ghét”*.

Lời nói trên của Bác rất cô đọng, thể hiện được toàn bộ ý nghĩa sâu sắc của việc phê bình và tự phê bình. Đó là việc *phê bình cốt để giúp nhau cùng tiến bộ* chứ phê bình ở đây không có nghĩa là các cán bộ phê bình để vui dập nhau, không phải là hành động anh em trong nhà tương tàn chém giết lẫn nhau mà phê bình ở đây là tìm ra những khiếm khuyết sai sót trong công tác, công việc, yếu kém trong năng lực, trình độ để giúp nhau cùng khắc phục, sửa chữa những khuyết điểm đó để công việc chuyên môn, công tác chung ngày một chuẩn, chính xác và hiệu quả hơn.

Bác luôn luôn đề cao tính dân chủ và hoạt động phê bình và tự phê bình trong mỗi cán bộ, Đảng viên. Bác viết *“Phải luôn luôn dùng cách thật thà tự phê bình và thẳng thắn phê bình, nhất là phê bình từ dưới lên. Phải kiên quyết chống cái thói cá vú lấp miệng em, ngăn cản quần chúng phê bình”*. Không những trong đơn vị tự phê bình lẫn nhau mà rộng hơn theo Bác quần chúng phê bình cũng là một công tác rất quan trọng cần phải chú ý. Chỉ có thể duy trì được chủ trương mở rộng dân chủ nếu như người lãnh đạo cơ quan chịu phê bình của cả quần chúng nhân dân, vì quần chúng nhân dân là người chịu sự tác động trực tiếp bởi các quyết định của người lãnh đạo trong ngành, lĩnh vực nào đó. Vì vậy, những lời phê bình thẳng thắn của quần chúng nhân dân

thường là chuẩn xác và rất hữu ích nếu như người lãnh đạo biết tiếp thu và sửa chữa cho mình hay cho chính đơn vị của mình để hoàn thiện mình và cơ quan cho ngày một tốt hơn.

Hơn nữa, các cấp lãnh đạo không được ngăn cản quần chúng nhân dân phê bình mình. Thật sai lầm khi các cấp lãnh đạo không những không tiếp thu sự phê bình của quần chúng mà còn đàn áp và bịt miệng công luận để đến một ngày kia các cấp lãnh đạo đi từ sai lầm này đến sai lầm khác. Và khi mọi việc đã đổ bể thì mới nhận ra sự phê bình của quần chúng là đúng đắn.

Việc phê bình theo Bác là phải thật triệt để chứ không phải phê bình mang tính hình thức, bội ra để cho phải phép, cho đúng thủ tục.

Phê bình phải đúng với sự thật chứ không được thêm bớt làm sai sự thật làm oan cho anh em Đảng viên trong cùng đơn vị, cùng chi bộ Đảng.

Trong công tác thanh tra và trong ngành thanh tra, việc phê bình và tự phê bình cũng đã được quán triệt sâu sắc, vì với đặc thù của ngành là thường xuyên phải tiếp xúc với đối tượng bị thanh tra đó là các đơn vị sự nghiệp, các Bộ, ngành, các tổng công ty,... nên công tác phê bình và tự phê bình lại càng quan trọng và phải thấm nhuần sâu sắc hơn. Tiếp xúc với các đối tượng bị thanh tra, các cán bộ Đảng viên trong ngành thanh tra không thể tránh khỏi những cảm xúc vật chất, những sức ép về tâm lý, đe dọa về tính mạng và sức khoẻ. Vậy làm sao có thể sáng suốt, vững vàng và công minh trong công tác của mình. Nên có thể nói hoạt động phê bình và tự phê bình trong ngành thanh tra là vô cùng cần thiết để không những tìm ra những khiếm khuyết của đồng nghiệp, khiếm khuyết của chính bản thân mình làm còn tạo điều kiện, giúp đỡ nhau cùng khắc phục, sửa chữa, tránh được những rủi ro lúc nào cũng tiềm ẩn bên cạnh khi thực hiện nhiệm vụ mà cơ quan, Nhà nước và Đảng giao cho. Ví dụ như một cán bộ nào đó đã chót mắc sai lầm, nếu có sự phê bình, góp ý chân thành của anh em trong đơn vị mà biết nhận khuyết điểm và sửa chữa thì có lẽ sẽ thoát ra được vũng lầy của sự cảm dỗ. Tuy nhiên, khó có thể nhận khuyết điểm khi sự phê bình diễn ra trong một không khí thanh trừng lẫn nhau, không có sự chân thành, thân thiện. Và đáp lại đó là sự lấp liếm, che dấu, xoá dấu vết. Và có lẽ người bị phê bình có thể còn dấn sâu hơn nữa vào vũng lầy phạm pháp. Vì vậy, Bác nhấn mạnh tính chân thành, đóng góp ý kiến một cách thân thiện, không mĩa mai, chua cay và góp ý để xây dựng tập thể cho tốt và vững mạnh.

Đối với Đảng viên và Bác cũng đã rất quan tâm đến việc phê bình và tự phê bình, đó là *“Đảng không che dấu những khuyết điểm của mình, không sợ phê bình. Đảng phải nhận khuyết điểm của mình mà tự sửa chữa, để tiến bộ, và để dạy bảo cán bộ và Đảng viên”*. Theo Bác mặc dù Đảng lãnh đạo cả dân

tộc Việt nam trong cách mạng giành và giải phóng dân tộc cũng như trong thời bình xây dựng đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, thì Đảng luôn luôn phải biết phê bình và tự phê bình chứ Đảng viên hay Đảng không thể tự cho mình là người lãnh đạo thì muốn làm gì cũng được, nếu có khuyết điểm thì phải tự nhận khuyết điểm và sửa chữa khuyết điểm chứ không được che giấu, lấp liếm khi có sự góp ý từ phía các Đảng viên hay cán bộ khác. Đối với công tác thanh tra, mỗi cán bộ thanh tra có là Đảng viên hay không đều phải ghi nhận những lời dặn dò chí tình của Bác đó là nếu cán bộ thanh tra có khuyết điểm thì phải nhận khuyết điểm, bởi vì mỗi cán bộ trong công tác của mình có một lúc nào đó có thể cũng mắc khuyết điểm khi làm việc trong một ngành hoàn toàn đặc thù và phức tạp đó là thanh tra, kiểm tra những hành vi trái pháp luật.

Yêu cầu đối với các Đảng viên, Bác có viết *“Phải đòi hỏi mỗi Đảng viên trước hết là mỗi cán bộ, phải thật thà tự phê bình, tự sửa chữa những khuyết điểm của mình. Đặt lợi ích của Đảng, của cả dân tộc lên trên hết. Kiên quyết chống bệnh tự mãn tự túc, tự tư tự lợi, kiêu ngạo, ba hoa. Phải thực hành khẩu hiệu chí công vô tư, cần, kiệm, liêm, chính”*. Đây là lời dặn dò rất chân thành của Bác không những các cán bộ là đảng viên cũng cần mà phải coi đây là những đức tính rất cần thiết cho toàn thể cán bộ công chức nhà nước trong mọi thời kỳ.

Trong lời kêu gọi nhân ngày thủ đô giải phóng tháng 10 năm 1954 có đoạn viết *“Chính phủ của nhân dân, chỉ có mục đích là phụng sự lợi ích của nhân dân, Chính phủ rất mong đồng bào giúp đỡ, đôn đốc kiểm soát và phê bình để làm tròn nhiệm vụ của mình là người đầy tớ trung thành tận tụy của nhân dân”*. Lời lẽ trên của Bác cho ta thấy một cảm nhận thật sự cầu thị đối với nhân dân từ phía Bác. Bác mong cho quần chúng giám sát và phê bình chính phủ mới thật nhiều cốt để cho Chính phủ nhận ra những sai sót, khuyết điểm của mình để sửa chữa ngày càng tiến bộ, cho thấy việc phê bình thường xuyên, triệt để là rất cần thiết và không thể thiếu được. Đối với Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa hiện nay cũng vậy, việc phê bình và giám sát của quần chúng nhân dân không kể trực tiếp hay gián tiếp đều là rất quan trọng, cần thiết. Tư tưởng của Bác vẫn còn nguyên vẹn chân giá trị mặc dù đã bao năm đi qua, Việt Nam đã thay đổi, qua nhiều biến động xã hội và ngay cả cơ chế xã hội thay đổi thì nguyên tắc phê bình và tự phê bình vẫn thể hiện được vai trò quan trọng không thể thiếu được, mà nếu thiếu nó Việt Nam cho đến nay vẫn chưa thoát khỏi được cơ chế bao cấp, nặng nề, cồng kềnh và đầy chất hành chính mệnh lệnh, chứ đất nước không thể phát triển, văn minh và hiện đại như hiện nay.

QUÁN TRIỆT QUAN ĐIỂM, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CÔNG TÁC THANH TRA TRONG ĐỔI MỚI TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN THANH TRA NHÀ NƯỚC

*Trần Đức Lượng
Vụ trưởng Vụ II
Thanh tra Chính phủ*

I/ QUAN ĐIỂM, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẶC ĐIỂM, VAI TRÒ CỦA CÔNG TÁC THANH TRA.

Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, là kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác Lê Nin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại. Trong phong trào cách mạng Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh luôn soi đường, chỉ lối cho các cuộc cách mạng của nhân dân ta giành thắng lợi. Chính vì vậy, Đảng cộng sản Việt Nam đã khẳng định, cùng với Chủ nghĩa Mác Lê Nin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng và cách mạng Việt Nam.

Trong hệ thống các nội dung của tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Người về xây dựng Nhà nước của nhân dân, do dân và vì dân về xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, là những nội dung quan trọng. Nhiều bài viết, bài nói, những lời căn dặn, dặn dò,... với cách đặt vấn đề rất dễ hiểu, giản dị của Chủ tịch Hồ Chí Minh là những định hướng quan trọng trong việc xây dựng, hoàn thiện tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của nhiều ngành, lĩnh vực, trong đó có các cơ quan Thanh tra Nhà nước. Đó cũng là những nội dung cụ thể với mục tiêu chung là góp phần xây dựng tổ chức Đảng, bộ máy nhà nước trong sạch, vững mạnh.

Ngay từ những ngày đầu lập nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã rất chú ý tới việc sử dụng, phát huy vai trò công tác thanh tra. Tại cuộc họp Chính phủ ngày 13/11/1945, Hồ Chủ tịch đề nghị “*các Bộ trưởng có thể chia nhau đi thanh tra một khu vực gần Hà Nội. Bộ Nội Vụ sẽ khảo cứu và lập một chương trình về việc này*”. Ngày 23/11/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh 64/SL thành lập Ban Thanh tra đặc biệt, có nhiệm vụ giám sát tất cả công việc và các nhân viên của Ủy ban nhân dân và các cơ quan của Chính phủ.

Vị trí, vai trò quan trọng của công tác thanh tra còn được thể hiện trong nhiều bài viết, bài nói, chỉ thị của Hồ Chủ tịch ở nhiều lúc, nhiều nơi. Tại Hội nghị tổng kết thanh tra toàn miền Bắc tháng 4 năm 1957, Hồ Chủ tịch căn dặn “cán bộ thanh tra giúp trên hiểu biết tình hình địa phương và cấp dưới, đồng thời cũng giúp cho các cấp địa phương kịp thời sửa chữa, uốn nắn nếu làm sai, hoặc làm chậm. Cho nên trách nhiệm của công tác thanh tra là quan trọng”.

Tính chất quan trọng của công tác thanh tra là một nội dung khách quan, xuất phát từ vai trò, đặc điểm công tác thanh tra trong mối quan hệ với quản lý nhà nước.

Quản lý Nhà nước và thanh tra đều là những hoạt động nhân dân quyền lực Nhà nước tác động lên các đối tượng quản lý, nhằm đạt được mục tiêu quản lý hoặc mục tiêu thanh tra. Nhưng khi xem xét trên phương diện cơ cấu, chức năng của quản lý thì thanh tra là công cụ, phương tiện để thực hiện quản lý nhà nước. Quản lý nhà nước giữ vai trò chủ đạo, chỉ phối hoạt động thanh tra; thanh tra là việc xem xét, đánh giá, xử lý của cơ quan quản lý nhà nước đối với thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng quản lý.

Thanh tra là chức năng thiết yếu của quản lý Nhà nước. Thực tiễn điều hành quản lý nói chung và quản lý nhà nước nói riêng đòi hỏi phải thường xuyên thực hiện kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các quyết định quản lý để có các điều chỉnh, bổ sung, sửa đổi kịp thời. Trong nhiều trường hợp, khi việc thực hiện các quyết định quản lý không đạt được mục tiêu đề ra đòi hỏi phải tìm ra những nguyên nhân chủ quan, khách quan, từ đó có những kiến nghị cụ thể để có biện pháp giải quyết những tồn tại, bất cập. Do vậy, trong quá trình thực hiện chức năng quản lý Nhà nước, các cơ quan trong bộ máy nhà nước nhất thiết phải tiến hành hoạt động thanh tra đối với việc thực hiện các quyết định mà mình đã ban hành.

Thanh tra góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước. Công tác thanh tra không chỉ hướng đến việc xem xét, đánh giá kết quả thực hiện một quyết định quản lý cụ thể mà còn hướng đến xem xét kết luận, đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu, chương trình, nhiệm vụ của các cơ quan quản lý nhà nước và hoạt động cụ thể của cơ quan quản lý nhà nước thông qua các yếu tố: cơ cấu tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền, năng lực, uy tín, phong cách của cán bộ,...

Thanh tra là một phương thức bảo đảm pháp chế xã hội chủ nghĩa. Mục đích của thanh tra là phát huy nhân tố tích cực, phòng ngừa, xử lý những vi phạm, bảo đảm để các cơ quan, tổ chức và cá nhân tuân thủ và chấp hành chính xác, đầy đủ pháp luật Nhà nước. Vai trò của các cơ quan thanh tra trong

việc bảo đảm pháp chế xã hội chủ nghĩa bằng các hình thức xử lý nghiêm khắc và mạnh mẽ đã được thể hiện ngay từ Sắc lệnh số 64/SL ngày 23 tháng 11 năm 1945 thành lập Ban Thanh tra đặc biệt. Tại Sắc lệnh này quy định Ban Thanh tra đặc biệt có toàn quyền “nhận các đơn khiếu nại của nhân dân; điều tra, hội chứng, xem xét các tài liệu giấy tờ của UBND hoặc các cơ quan của Chính phủ cần thiết cho công việc giám sát; đình chức, bắt giam bất cứ nhân viên nào trong UBND hay của Chính phủ đã phạm lỗi”.

Sự vi phạm pháp luật đã, đang và sẽ còn là một thực tế với nhiều lý do khác nhau. Để giải quyết vấn đề này, chủ thể quản lý có thể áp dụng nhiều biện pháp từ giáo dục, thuyết phục đến cưỡng chế. Các biện pháp đó đều có thể thực hiện thông qua công tác thanh tra. Qua thanh tra có thể đánh giá được một cơ quan, tổ chức, cá nhân nào đó chấp hành pháp luật như thế nào, có vi phạm hay không, vi phạm ở mức độ nào,... từ đó đề ra những biện pháp xử lý thích hợp. Do vậy, thanh tra là một phương thức bảo đảm pháp chế xã hội chủ nghĩa.

Công tác thanh tra cũng là một biện pháp quan trọng trong việc ngăn ngừa, phát hiện và xử lý những hành vi vi phạm pháp luật. Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, quản lý mà thiếu sự kiểm tra, thanh tra thì sẽ dẫn đến bệnh quan liêu, tham ô, lãng phí và chỉ có tăng cường kiểm tra, kiểm soát thì mới chống được các tệ nạn này. Người nói *“muốn chống bệnh quan liêu, bệnh bàn giấy; muốn biết các nghị quyết có được thi hành không, thi hành có đúng không; muốn biết ai ra sức làm, ai làm cho qua chuyện, chỉ có một cách là khéo kiểm soát”*.

Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX đã xác định một trong những biện pháp đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống tham nhũng là phải “tăng cường thanh tra, kiểm tra, kiểm kê, kiểm sát, bảo đảm tính minh bạch trong việc sử dụng ngân sách nhà nước, tài sản công, tài chính Đảng, đoàn thể, tài chính các doanh nghiệp Nhà nước, các quỹ do nhân dân đóng góp và do nước ngoài tài trợ”.

Cùng với việc phát hiện và xử lý các vi phạm pháp luật, thanh tra còn đóng vai trò như một biện pháp phòng ngừa hữu hiệu các vi phạm pháp luật. Thanh tra cùng với các phương thức kiểm tra, giám sát luôn là hiện thân của kỷ cương pháp luật và công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát dù được thực hiện được bất cứ hình thức nào, cũng luôn có tác dụng hạn chế, răn đe những hành vi vi phạm pháp luật của các đối tượng quản lý. Mặt khác, các giải pháp được đưa ra từ hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát không chỉ hướng vào việc xử lý các hành vi vi phạm pháp luật, mà còn có tác dụng khắc phục các kẽ hở của

chính sách, pháp luật, ngăn ngừa tận gốc mầm mống phát sinh những vi phạm pháp luật.

Trong hệ thống chính trị nước ta, Đảng cộng sản lãnh đạo toàn diện mọi mặt của đời sống xã hội và công tác thanh tra, cùng với các hình thức kiểm tra, giám sát khác, là một trong những nội dung, phương thức thực hiện sự lãnh đạo của Đảng.

Trong cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ, Đảng lãnh đạo Nhà nước thông qua những phương thức sau đây:

- Hoạch định chính sách và những giải pháp lớn để định hướng cho tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước. Nhà nước thể chế hoá bằng pháp luật các chính sách của Đảng và tổ chức thực hiện các chính sách đó.

- Đào tạo đội ngũ cán bộ, công chức, định ra chủ trương, biện pháp để xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức; giới thiệu những đảng viên hoặc người có phẩm chất, có năng lực, uy tín để nhân dân bầu hoặc để Nhà nước bổ nhiệm giữ các chức vụ trong bộ máy nhà nước.

- Kiểm tra việc thực hiện đường lối, chính sách của Đảng; kiểm tra các tổ chức Đảng, các đảng viên trong bộ máy Nhà nước trong việc thực hiện nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát của các cơ quan nhà nước là để nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và như vậy, xét cho đến cùng, đó chính và việc hướng tới mục tiêu bảo đảm cho các đường lối, chính sách của Đảng được thực hiện nghiêm túc. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát giúp Đảng thấy được đường lối, chính sách của mình được thể chế hoá thành pháp luật ra sao? Việc thực hiện có gì vướng mắc không? Từ những thông tin phản hồi đó, Đảng sẽ tiếp tục có những chủ trương, chính sách phù hợp với thực tiễn phát triển của đất nước, đáp ứng được nguyện vọng của nhân dân.

Tại Hội nghị cán bộ thanh tra toàn miền Bắc lần thứ nhất ngày 19/4/1955, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói " *nếu Trung ương Đảng, chính phủ có nghị quyết, chỉ thị đưa về các ngành, các địa phương, kết quả thế nào không có thanh tra khó mà biết được địa phương nào làm tốt, làm vừa, làm xấu; có làm hay không làm trên không biết; địa phương nhiều khi tự mình cũng không biết; trên không thấu dưới; dưới không thấu trên. Thanh tra là để theo dõi xem các kế hoạch, chỉ thị, chính sách đó, các địa phương đã chấp hành thế nào*".

Xuất phát từ vị trí, vai trò của công tác thanh tra là một nội dung, một phương thức thực hiện sự lãnh đạo của các cấp uỷ Đảng và sự chỉ đạo, điều

hành của chính quyền các cấp, do vậy sự lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên của các cơ quan lãnh đạo Đảng và Nhà nước có ý nghĩa quyết định đến hiệu lực, hiệu quả thanh tra. Thực tiễn công tác thanh tra thời gian qua cho thấy, địa phương nào, ngành nào chú trọng đến công tác thanh tra thì địa phương đó, ngành đó thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước, ít có khiếu nại, tố cáo; ngược lại nơi nào không chú trọng đúng mức đến công tác thanh tra, kiểm tra thì nơi đó không thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị của mình.

Thanh tra là một khâu của chu trình quản lý, do vậy những kết luận, kiến nghị thanh tra phải phát huy được vai trò làm tăng cường hiệu lực, hiệu quả của quản lý. Muốn đạt được yêu cầu đó phải đáp ứng được hai yếu tố. Thứ nhất, bản thân kết luận, kiến nghị thanh tra phải chính xác, khách quan, đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật và có tác dụng thiết thực đối với nâng cao chất lượng công tác quản lý. Thứ hai, các cấp lãnh đạo Đảng, Nhà nước phải quan tâm chỉ đạo thực hiện kịp thời, đầy đủ, nghiêm túc các kết luận, kiến nghị thanh tra. Nếu kết luận, kiến nghị thanh tra là đúng đắn, kịp thời nhưng không được lãnh đạo cơ quan Đảng và Nhà nước quan tâm, chỉ đạo thực hiện kịp thời thì chắc chắn vai trò công tác thanh tra sẽ bị ảnh hưởng, hiệu lực, hiệu quả thanh tra bị giảm sút. Hệ quả tất yếu của tình trạng này là công tác thanh tra không đáp ứng được yêu cầu là một phương thức thực hiện sự lãnh đạo của Đảng là chức năng thiết yếu của Nhà nước.

Thanh tra là công tác quan trọng, vì vậy Đảng và Nhà nước phải chú trọng đến công tác xây dựng tổ chức và bố trí cán bộ làm công tác thanh tra, nhằm đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra. Cần phải quán triệt sâu sắc các quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về bố trí cán bộ và về tổ chức đối với công tác thanh tra.

Hồ Chủ tịch khẳng định tăng cường công tác tổ chức, cán bộ thanh tra cả về số lượng và chất lượng, đặc biệt là chất lượng, là một yêu cầu cần thiết để công tác thanh tra phát huy được vai trò của mình. Tại Hội nghị cán bộ thanh tra toàn miền Bắc năm 1960, Hồ Chủ tịch huấn thị *"Một số ban thanh tra chưa được củng cố, cán bộ còn thiếu vì các cấp lãnh đạo địa phương chưa nhận rõ công tác thanh tra là quan trọng, nên chưa chú ý tăng cường cán bộ đúng mức, chưa giúp đỡ, lãnh đạo nó một cách chặt chẽ"*.

Củng cố tổ chức, đáp ứng đủ số lượng cán bộ làm công tác thanh tra là một yêu cầu quan trọng, tuy nhiên điều quan trọng hơn là phải nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ thanh tra. Lựa chọn, bố trí người làm công tác thanh tra đáp ứng được các yêu cầu về phẩm chất, năng lực, kinh nghiệm là yêu cầu tiên quyết để nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác thanh tra. Cần phải thấm nhuần quan điểm của Hồ Chủ tịch về bố trí cán bộ làm công tác thanh tra " *Không*

thể gặp ai cũng phải đi kiểm tra. Người lãnh đạo phải tự mình làm việc kiểm tra mới đủ kinh nghiệm và uy tín. Nhưng người lãnh đạo cần phải có một nhóm cán bộ nhiều kinh nghiệm và giàu năng lực để giúp mình đi kiểm tra".

Để đáp ứng được yêu cầu công việc, cán bộ thanh tra phải cố gắng học tập, trau dồi đạo đức cách mạng, nâng cao trình độ. lý luận, chuyên môn nghiệp vụ. Hồ Chủ tịch chỉ rõ, phải phê phán những biểu hiện sai trái của một bộ phận nhỏ cán bộ thanh tra như kèn cựa địa vị, chưa thật đoàn kết, chưa đi sâu đi sát công việc, thậm chí có khi ra oai, dọa dẫm những người bị kiểm tra. Đối với những cán bộ này, theo Hồ Chủ tịch, phải chú trọng đến công tác tự phê bình để sửa chữa khuyết điểm nhằm đáp ứng được yêu cầu đặt ra đối với người cán bộ thanh tra.

Theo quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh, vì thanh tra là công tác quan trọng của cơ quan lãnh đạo Đảng và Nhà nước, do đó phải được tiến hành thường xuyên. Công tác thanh tra nếu không được tiến hành thường xuyên tất yếu sẽ dẫn tới bệnh quan liêu, mệnh lệnh và từ đó sẽ tiếp tục gây ra những tác hại to lớn khác cho sự nghiệp cách mạng. Trên thực tế có không ít lãnh đạo địa phương, đơn vị chưa coi trọng vai trò công tác thanh tra, kiểm tra dẫn tới kỷ luật không được thi hành nghiêm túc, dân chủ không được bảo đảm, khiếu kiện của nhân dân dai dẳng, phức tạp. . . làm tổn rất nhiều tiền của và công sức của các cơ quan Nhà nước để giải quyết.

Thông qua công tác thanh tra, kiểm tra mới biết chủ trương, nghị quyết của Đảng, cơ chế, chính sách của Nhà nước đi vào cuộc sống ra sao? Có được thực hiện đầy đủ hay không? Cũng qua việc thường xuyên thanh tra, kiểm tra mà các nhà lãnh đạo, quản lý có được những thông tin phản hồi từ thực tế cuộc sống, đó là những dữ liệu quan trọng để đề ra những chủ trương, chính sách sát hợp với đòi hỏi của thực tiễn. Hồ Chủ tịch nói: *"Muốn chống bệnh quan liêu, bệnh bàn giấy; muốn biến các Nghị quyết có được thi hành không, thi hành có đúng không; muốn biết ai ra sức làm, ai làm cho qua chuyện, chủ có một cách là khéo kiểm soát "*, *"có kiểm tra mới huy động được tinh thần tích cực và lực lượng to tát của nhân dân, mới biết rõ năng lực và khuyết điểm của cán bộ, mới sửa chữa và giúp đỡ kịp thời "*.

Thanh tra thường xuyên là một yêu cầu không thể thiếu nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước. Thực tiễn chỉ ra rằng: Hiệu lực quản lý của Nhà nước phần lớn tùy thuộc vào nội dung, chất lượng và biện pháp tổ chức thực hiện các quyết định quản lý. Hiệu lực quản lý của Nhà nước bị ảnh hưởng nếu quyết định quản lý không đảm bảo tính giai cấp, tính Đảng, tính

pháp luật; không dựa trên những luận cứ khoa học, không phù hợp nguyện vọng của quần chúng và không đáp ứng được nhu cầu của xã hội. Hiệu lực quản lý Nhà nước cũng bị ảnh hưởng ngay cả khi nội dung, chất lượng quyết định quản lý đáp ứng được các yêu cầu cơ bản, nhưng lại thiếu biện pháp bảo đảm cho quyết định đó được thực hiện.

Để quyết định quản lý Nhà nước được các cơ quan, tổ chức và cá nhân chấp hành một cách chính xác, đầy đủ thì các cơ quan, cá nhân đã ban hành quyết định phải đề ra quy trình thực hiện quyết định. Trong quy trình đó không thể thiếu được hoạt động thanh tra, kiểm tra. Thanh tra, kiểm tra là để đánh giá, nhận xét tình hình và kết quả thực hiện quyết định quản lý; để kiểm nghiệm lại chính nội dung và chất lượng quản lý; khi cần thiết phải bổ sung, sửa đổi, thậm chí phải huỷ bỏ một phần hay toàn bộ quyết định quản lý.

Muốn đảm bảo tính thường xuyên của công tác thanh tra, yêu cầu cần thiết đặt ra là người lãnh đạo, quản lý phải tạo điều kiện cho tổ chức thanh tra hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn. Hoạt động thanh tra phải được bảo đảm tính độc lập tương đối, thanh tra phải tuân theo pháp luật, chỉ tuân theo pháp luật và không ai được cản trở hoạt động thanh tra. Tính thường xuyên trong hoạt động thanh tra do chính đặc điểm, tính chất của hoạt động chấp hành, điều hành trong quản lý hành chính Nhà nước quyết định và có mối quan hệ chặt chẽ với yêu cầu kịp thời của việc ra các quyết định lãnh đạo, quản lý. Thực tế đã chứng minh trong nhiều tình huống, các biện pháp quản lý nếu được áp dụng kịp thời thì sẽ giải quyết được những vấn đề, nhưng cũng với biện pháp đó, nếu chậm được áp dụng thì sẽ không giải quyết được tình huống, thậm chí còn phản tác dụng. Đích thân Hồ Chủ tịch, sau khi nghe báo cáo của cán bộ thanh tra, đã có thư xin lỗi gửi đồng bào liên khu IV về việc cán bộ ở một vài nơi làm sai Chỉ thị của Chính phủ và đường lối của Đoàn thể trong quan hệ với người dân. Đó là một minh chứng sinh động cho việc người lãnh đạo kịp thời xử lý những vấn đề do thanh tra đề xuất, kiến nghị.

Tóm lại, trong quan điểm Hồ Chí Minh, công tác thanh tra phục vụ thiết thực cho sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước đối với đời sống xã hội, do vậy công tác thanh tra có vai trò rất quan trọng và có tính chất thường xuyên của cơ quan lãnh đạo của Đảng và Nhà nước. Đây là một trong những nội dung cơ bản trong tư tưởng của Người về công tác thanh tra và những nội dung này phải được quán triệt đầy đủ trong quá trình xây dựng hệ

thống các cơ quan Thanh tra Nhà nước trong điều kiện phát triển đất nước hiện nay.

II/ ĐỔI MỚI TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN THANH TRA NHÀ NƯỚC.

1. Thực trạng về tổ chức và hoạt động và những vấn đề đặt ra.

1.1- Về tổ chức thanh tra nhà nước.

Pháp lệnh Thanh tra được ban hành ngày 01/04/1990 là cơ sở pháp lý quan trọng cho việc củng cố và xây dựng các tổ chức thanh tra, tạo ra sự chuyển biến mạnh mẽ đối với hoạt động thanh tra trong phạm vi cả nước nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý trong giai đoạn đầu của công cuộc đổi mới đất nước. Từ đó đến nay hoạt động thanh tra đã góp phần tích cực vào quá trình phát triển kinh tế xã hội; phát huy dân chủ, củng cố và hoàn thiện bộ máy nhà nước; phòng ngừa, phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác; tăng cường kỷ cương, pháp luật, bảo đảm chính sách, pháp luật được thực hiện có hiệu quả, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Tuy nhiên, trong giai đoạn hiện nay, khi tình hình kinh tế, xã hội của đất nước đã có những yêu cầu mới đặt ra đối với công tác quản lý nhà nước nói chung, công tác thanh tra nói riêng, thì nhiều quy định của Pháp lệnh Thanh tra không còn phù hợp và đòi hỏi phải có những sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện và phát triển.

Ngày 26/5/2004, tại kỳ họp thứ 5, Quốc hội khoá XI đã thông qua Luật Thanh tra nhằm đáp ứng yêu cầu trong thời kỳ mới. Luật Thanh tra có hiệu lực thi hành từ 1/10/2004 và hiện nay các cơ quan chức năng đang triển khai xây dựng các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Thanh tra. Do vậy, những vấn đề về thực trạng tổ chức và hoạt động được đề cập đến trong chuyên đề này, phần lớn là từ kết quả trong hơn 14 năm thực hiện Pháp lệnh Thanh tra.

Theo Pháp lệnh Thanh tra 1990, hệ thống tổ chức thanh tra nhà nước bao gồm: Thanh tra Nhà nước; Thanh tra bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Thanh tra tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Thanh tra sở, ban, ngành của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thanh tra huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh. Chức năng thanh tra nhà nước ở xã, phường, thị trấn do Ủy ban nhân dân cùng cấp đảm nhiệm.

Mặc dù theo quy định của Pháp lệnh Thanh tra, các tổ chức thanh tra nhà nước được tổ chức theo nguyên tắc "song trùng trực thuộc"; các tổ chức thanh tra chịu sự chỉ đạo về tổ chức, công tác và nghiệp vụ của tổ chức thanh tra nhà nước cấp trên, nhưng trên thực tế, tổ chức thanh tra nhà nước các cấp, các ngành gần như lệ thuộc hoàn toàn vào cơ quan hành chính nhà nước cùng

cấp về mọi mặt như: tổ chức, biên chế, chương trình kế hoạch, kinh phí, cán bộ. . .

Chức năng thanh tra ở xã, phường, thị trấn hầu như bị buông lỏng, không phát huy được hiệu quả. Thực tế trong các năm qua, Ủy ban nhân dân cấp xã chưa hoàn thành nhiệm vụ của mình về công tác thanh tra, tỷ lệ giải quyết khiếu nại, tố cáo đạt thấp, thời gian giải quyết thường kéo dài, nhiệm vụ thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật hầu như không thực hiện, nếu thực hiện thì chất lượng không cao vì thành viên hầu như không có nghiệp vụ.

Xuất phát từ yêu cầu thực tiễn, để phù hợp với chủ trương cải cách hành chính, đổi mới tổ chức bộ máy nhà nước, Luật Thanh tra đã phân định rõ ràng hai loại tổ chức cơ quan thanh tra là tổ chức thanh tra theo cấp hành chính và tổ chức thanh tra theo ngành, lĩnh vực. Trên cơ sở đó, Luật qui định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa hai loại cơ quan thanh tra này. Luật Thanh tra không qui định chức năng thanh tra nhà nước ở cấp xã do UBND cấp xã thực hiện như trong Pháp lệnh Thanh tra vì cấp hành chính này vừa là cấp tổ chức thực hiện vừa là đối tượng chịu sự kiểm tra, thanh tra của cơ quan nhà nước cấp trên.

Ngoài các tổ chức thanh tra nhà nước được hình thành theo Pháp lệnh Thanh tra 1990, những năm gần đây còn xuất hiện các tổ chức thanh tra nhà nước chuyên ngành (Thanh tra chuyên ngành), được tổ chức và hoạt động trên cơ sở nhiều văn bản Luật, Pháp lệnh, Nghị định về từng lĩnh vực. Đây là nội dung cần thiết do chính yêu cầu đổi mới cơ chế quản lý kinh tế đặt ra. Tuy nhiên, trước khi Luật Thanh tra được ban hành thì thanh tra chuyên ngành được tổ chức rất khác nhau, có những bộ hoạt động thanh tra chuyên ngành do tổ chức Thanh tra bộ đảm nhiệm như: Bộ Y tế, Bộ Văn hóa thông tin. Một số bộ thành lập tổ chức thanh tra chuyên ngành độc lập với Thanh tra bộ như Bộ Giao thông vận tải, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Cũng có bộ thành lập tổ chức thanh tra chuyên ngành, nhưng vẫn chịu sự chỉ đạo của Thanh tra bộ như Bộ Khoa học và Công nghệ.

Để giải quyết một bước tình trạng không thống nhất trong các quy định về tổ chức và phạm vi hoạt động của các tổ chức thanh tra chuyên ngành, Điều 23 Luật Thanh tra xác định trong một Bộ chỉ có một tổ chức thanh tra là Thanh tra bộ, trong đó bao gồm thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành.

1.2 Về hoạt động thanh tra nhà nước.

Theo quy định pháp luật, có thể khái quát hoạt động thanh tra trên mấy điểm cơ bản sau: Thanh tra về kinh tế, xã hội; thanh tra việc giải quyết hay

kiến nghị giải quyết khiếu nại, tố cáo; quản lý Nhà nước về thanh tra và tham gia đấu tranh chống tham nhũng, buôn lậu.

Trong hoạt động thanh tra kinh tế xã hội, hàng năm toàn ngành đã tiến hành hàng ngàn cuộc thanh tra trên mọi lĩnh vực quản lý nhà nước, tập trung chủ yếu trên các lĩnh vực kinh tế, tài chính, văn hóa xã hội, an ninh quốc phòng, đầu tư xây dựng, quản lý và sử dụng đất đai. Qua đó đã phát hiện nhiều sai phạm, đưa ra nhiều kiến nghị khắc phục sửa chữa, giúp các cấp lãnh đạo đánh giá đúng thực trạng chấp hành chính sách, pháp luật của nhiều cơ quan, tổ chức, cá nhân trong từng thời kỳ phát triển. Nhiều cuộc thanh tra diện rộng, thanh tra theo chuyên đề đã phát huy được kết quả to lớn đối với việc sửa đổi, bổ sung, ban hành mới cơ chế chính sách, chấn chỉnh những vi phạm, nâng cao tính nghiêm minh của pháp luật.

Đối với mảng công tác thanh tra giải quyết khiếu nại, tố cáo. Từ khi Luật Khiếu nại tố cáo được ban hành và có hiệu lực từ năm 1999, mỗi năm, ngành thanh tra đã giúp thủ trưởng cơ quan hành chính tiến hành giải quyết được hàng chục ngàn vụ việc khiếu nại, tố cáo, góp phần đáng kể vào việc tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước, phát huy quyền dân chủ của nhân dân và ổn định tình hình chính trị - xã hội, thúc đẩy kinh tế phát triển.

Thanh tra các cấp, các ngành đã tiến hành kiểm tra trách nhiệm của thủ trưởng các cấp, các ngành trong việc thi hành Luật Khiếu nại, tố cáo tại nhiều cơ quan, đơn vị. Qua đó giúp cho các đơn vị được kiểm tra phát huy những ưu điểm, kết quả đạt được và đưa công tác giải quyết khiếu nại tố cáo đi vào nề nếp, có hiệu lực, hiệu quả hơn.

Trong quản lý nhà nước về công tác thanh tra, các tổ chức thanh tra có nhiệm vụ hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra về công tác, tổ chức, hoạt động thanh tra cho cấp dưới và thanh tra chuyên ngành, thanh tra của thủ trưởng và các cơ quan, tổ chức.

Hoạt động thanh tra kinh tế-xã hội và giải quyết khiếu nại, tố cáo của các tổ chức thanh tra nhà nước có ý nghĩa quan trọng trong việc phòng ngừa và phát hiện các hành vi tham nhũng. Qua thực hiện nhiệm vụ chống tham nhũng, hàng năm các tổ chức thanh tra phát hiện hàng ngàn vụ việc tham nhũng; kiến nghị thu hồi số lượng tiền và tài sản thất thoát không nhỏ về nhà nước; đồng thời kiến nghị xử lý kỷ luật những cán bộ, công chức có sai phạm, sa sút về phẩm chất, góp phần làm trong sạch bộ máy Nhà nước.

Qua 14 năm thực hiện Pháp lệnh Thanh tra, nhìn chung hoạt động thanh tra đã có những chuyển biến tích cực và đạt được những thành tích nhất định. Tuy nhiên, hiệu quả, hiệu lực của công tác thanh tra chưa cao; tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, phương thức hoạt động còn nhiều điểm bất hợp

lý. Có sự chồng chéo, trùng lặp trong hoạt động giữa các cơ quan trong hệ thống thanh tra với nhau, đặc biệt giữa thanh tra cấp và thanh tra ngành; giữa các cơ quan thanh tra với các cơ quan khác có chức năng kiểm tra, giám sát. Hiệu lực các kết luận, kiến nghị thanh tra chưa có vì các tổ chức Thanh tra chỉ có quyền kiến nghị xử lý những sai phạm được phát hiện qua thanh tra, còn việc có xử lý những sai phạm ra sao lại phụ thuộc rất nhiều vào quyết định của người có thẩm quyền xử lý. Trên thực tế có chẳng ít các vụ việc thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo đã được các tổ chức thanh tra làm rõ, có kiến nghị cụ thể, đúng đắn để xử lý những sai phạm kinh tế, hành chính nhưng chậm được thực hiện, việc xử lý của cấp có thẩm quyền không triệt để, không dứt điểm, làm giảm tính nghiêm minh của pháp luật, làm giảm hiệu lực, hiệu quả của công tác thanh tra. Đây cũng là một trong những nguyên nhân cơ bản dẫn đến khiếu nại, tố cáo kéo dài, vượt cấp, hình thành các "điểm nóng" về khiếu nại, tố cáo. Thực tế cũng cho thấy việc không thực hiện nghiêm túc các kiến nghị thanh tra hay việc các cấp có thẩm quyền không xử lý kịp thời, đúng mức những sai phạm đã phát hiện qua thanh tra dẫn đến tình trạng có những đơn vị, tổ chức, cá nhân sau thanh tra lại mắc những sai phạm trầm trọng hơn, kỷ cương pháp luật bị coi thường.

1.3 Về đội ngũ thanh tra viên, cán bộ thanh tra

Trong toàn hệ thống thanh tra nhà nước hiện nay có hơn 9.500 cán bộ, thanh tra viên, trong đó có gần 7.000 thanh tra viên, những năm qua, công tác tiêu chuẩn hóa đội ngũ thanh tra viên đã từng bước được chú trọng. Do đặc thù của ngành, yêu cầu đặt ra đối với đội ngũ thanh tra viên, cán bộ thanh tra là phải có năng lực chuyên môn, phải thường xuyên cập nhật và nắm vững những kiến thức về pháp luật, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước và có kinh nghiệm thực tiễn, có khả năng vận dụng kiến thức tổng hợp để thực hiện nhiệm vụ. Với những đòi hỏi khách quan này, đội ngũ thanh tra viên trong hệ thống thanh tra nhà nước hiện nay còn bất cập. Vì vậy, việc xây dựng đội ngũ thanh tra viên đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng để đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ là một đòi hỏi hết sức cấp bách, có ảnh hưởng rất lớn đến hiệu lực, hiệu quả công tác của ngành thanh tra nói riêng và công tác quản lý nhà nước nói chung.

Theo quy định hiện hành, thanh tra viên thuộc hệ thống các cơ quan thanh tra nhà nước hưởng lương theo bảng lương riêng, thuộc hệ thống tiền lương các cơ quan hành chính. So với bảng lương của các ngạch chuyên viên hành chính thì hệ số lương các ngạch thanh tra viên không cao hơn (Thanh tra viên cao cấp) hoặc nhỉnh hơn không đáng kể (Thanh tra viên chính và Thanh tra viên). Ngoài tiền lương, thanh tra viên không được hưởng một phụ cấp này, cũng không được trích thưởng như một số chức danh thanh tra viên

chuyên ngành và cán bộ mặt số ngành khác. Ngoài những bất cập chung về tiền lương và thu nhập của đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước, xét theo tính chất, đặc điểm công việc hiện tại và những yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới, chế độ tiền lương và phụ cấp của thanh tra viên hiện nay có nhiều điểm bất hợp lý, không tương xứng với yêu cầu, nhiệm vụ. Chế độ tiền lương thấp trong khi công việc nặng nề, phức tạp là *một* trong những nguyên nhân dẫn đến việc khó thu hút được cán bộ có năng lực, trình độ về công tác trong ngành thanh tra.

2. Định hướng và nội dung đổi mới tổ chức, hoạt động thanh tra.

2.1 Định hướng đổi mới tổ chức hoạt động thanh tra:

Từ những vấn đề được nêu trên đây cho thấy việc đổi mới tổ chức và hoạt động thanh tra là một yêu cầu cấp thiết.

Thanh tra là chức năng thiết yếu của quản lý nhà nước, vai trò của công tác thanh tra rất quan trọng. Với tư cách là một khâu của chu trình quản lý, mục đích của công tác thanh tra không thể nằm ngoài các mục đích của công tác quản lý nhà nước. Đó là các mục đích phát triển nền kinh tế, bảo đảm sự ổn định, trật tự, an toàn xã hội, thực hiện dân chủ, công bằng xã hội, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, đảm bảo sự nghiêm minh của pháp luật. Vì vậy việc đổi mới công tác thanh tra phải đặt trong quá trình cải cách tổng thể bộ máy hành chính nhà nước.

Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước là một nội dung rất lớn, được đề cập đến trong nhiều Nghị quyết của Ban chấp hành Trung ương các khoá VII, VIII, IX.

Nghị quyết Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 8, khoá VII xác định "Xây dựng một nền hành chính trong sạch, có đủ năng lực, sử dụng đúng quyền hạn và từng bước hiện đại hoá để quản lý có hiệu lực và hiệu quả công việc của Nhà nước, thúc đẩy xã hội phát triển vững mạnh, đúng hướng, phục vụ đắc lực đời sống nhân dân, xây dựng nếp sống và làm việc theo pháp luật trong xã hội. . .".

Định hướng chung của cải cách tổng thể bộ máy hành chính nhà nước là xây dựng bộ máy nhà nước và đội ngũ cán bộ công chức tinh gọn, trong sạch, có đủ phẩm chất và năng lực phục vụ nhân dân. Việc đổi mới tổ chức và hoạt động của bộ máy quản lý hành chính nhà nước phải đảm bảo tăng cường quản lý nhà nước trong điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật và đảm bảo pháp chế xã hội chủ nghĩa. Cải cách và hoàn thiện nền hành chính Nhà nước gắn liền với xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo

của Đảng đối với Nhà nước. Nền hành chính phải được tổ chức thành một hệ thống ổn định, hoạt động thông suốt, trên cơ sở phân công, phân cấp về chế độ trách nhiệm rành mạch; các cơ quan hành chính và cán bộ, công chức chịu sự giám sát chặt chẽ của nhân dân. Các chủ trương, giải pháp cải cách hành chính phải gắn liền với lộ trình đổi mới kinh tế, với yêu cầu phát triển đất nước trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế.

Để phù hợp với định hướng và nội dung của cải cách tổng thể bộ máy hành chính nhà nước, việc đổi mới tổ chức và hoạt động thanh tra phải nhằm xây dựng hệ thống các cơ quan thanh tra tinh gọn, trong sạch, vững mạnh; xác định rõ ràng vai trò, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng tổ chức trong hệ thống thanh tra.

Xây dựng và hoàn thiện pháp luật thanh tra phải được thực hiện trong tổng thể chương trình xây dựng pháp luật của nhà nước, để vừa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ trước mắt, lâu dài, vừa đồng bộ, thống nhất với các văn bản pháp luật khác. Việc xây dựng và thông qua Luật thanh tra vừa qua là một nội dung quan trọng trong công tác xây dựng pháp luật về thanh tra, tuy nhiên cần phải khẩn trương xây dựng các văn bản hướng dẫn thi hành Luật và có sự rà soát để sửa đổi những quy định không phù hợp với Luật Thanh tra, hiện đang tồn tại ở các văn bản pháp luật khác.

Đổi mới tổ chức, hoạt động thanh tra phải được đặt trong cải cách tổng thể về cơ chế thanh tra, kiểm tra, giám sát. ở nước ta, quyền lực Nhà nước là thống nhất, công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát nói chung, do nhiều cơ quan, tổ chức tiến hành, được thực hiện bởi nhiều phương thức với tư cách là biện pháp thực thi quyền lực Nhà nước. Tuy nhiên, trong tổ chức bộ máy Nhà nước có nguyên tắc pháp lý chung *“những vấn đề đã thuộc thẩm quyền của cơ quan này thì sẽ không đồng thời thuộc thẩm quyền của cơ quan khác”*. Vì vậy, cần có sự phối hợp hiệu quả, nhịp nhàng giữa các cơ quan Nhà nước trong việc thực hiện các quyền lực nhà nước nói chung và thực hiện chức năng thanh tra, kiểm tra, giám sát nói riêng. Do vậy, việc hoàn thiện các thiết chế thanh tra, kiểm tra, giám sát phải được tiến hành đồng bộ. Những thiết chế này có mối quan hệ rất chặt chẽ với nhau. Nếu chỉ điều chỉnh riêng lẻ từng thiết chế thì sẽ dẫn tới hoặc là không khắc phục được sự chồng chéo, trùng lặp với các thiết chế khác; hoặc dẫn tới xu hướng thứ hai là bỏ trống, bỏ sót đối tượng phải chịu sự kiểm soát. Mà suy đến cùng cả hai xu hướng này đều dẫn tới việc làm giảm tính hiệu lực, hiệu quả của quản lý Nhà nước, làm yếu quyền lực của Nhà nước trong quản lý xã hội.

Cần phải quán triệt đầy đủ quan điểm của Đảng về đổi mới và tăng cường công tác thanh tra, đồng thời cũng phải thấu suốt quan điểm, tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác thanh tra. Trong mỗi giai đoạn phát triển của cách mạng, ở từng hoàn cảnh cụ thể của tình hình đất nước, Hồ Chí Minh luôn quan tâm tới việc đổi mới tổ chức và hoạt động thanh tra. Chỉ từ năm 1945 đến 1956, đích thân Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký 3 sắc lệnh (64; 138b) nhằm đổi mới tổ chức và hoạt động thanh tra cho phù hợp với diễn biến của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Nghiên cứu sự điều chỉnh tổ chức, chức năng, phương thức hoạt động được thể hiện ở những sắc lệnh này cho thấy rõ vai trò cực kỳ quan trọng của thanh tra và càng thấu hiểu sự gắn kết của thanh tra với quản lý, phục vụ đắc lực cho quản lý, bảo đảm cho quản lý thực hiện được mục tiêu của mình. Quán triệt và phát triển tư tưởng, quan điểm Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam đã khẳng định: Tăng cường tổ chức và hoạt động thanh tra, kiểm tra coi đó là công cụ quan trọng hữu hiệu đảm bảo hiệu lực quản lý nhà nước, thiết lập kỷ cương xã hội; đổi mới tổ chức và hoạt động thanh tra phải phù hợp với chức năng quản lý nhà nước trong điều kiện mới, phát triển mạnh tổ chức thanh tra việc thực hiện thể chế về từng lĩnh vực trong toàn xã hội; nghiên cứu tăng thẩm quyền cho các cơ quan thanh tra trong xử lý hành chính, phân định rõ hơn trách nhiệm của các cơ quan thanh tra, toà án hành chính trong việc giải quyết khiếu nại hành chính; đẩy mạnh công tác tự thanh tra, kiểm tra trong nội bộ cơ quan quản lý nhà nước, đề cao trách nhiệm thanh tra, kiểm tra của cấp trên đối với cấp dưới, của chính quyền đối với mọi cơ quan tổ chức, trên địa bàn lãnh thổ; có quy chế thuận lợi để người dân thực hiện quyền tố cáo, tăng cường giám sát của cấp trên đối với việc giải quyết khiếu tố của cấp dưới. Những nội dung này có thể được hiểu như là sự phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò rất quan trọng của công tác thanh tra trong điều kiện hiện nay.

2.2 Nội dung đổi mới tổ chức hoạt động thanh tra.

a, Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác giám sát hành chính

Trong quan điểm của chủ tịch Hồ Chí Minh, đối tượng của công tác thanh tra là cả bộ máy công quyền. Sắc lệnh số 64/SL ngày 23/1/1945 xác định Ban Thanh tra đặc biệt có nhiệm vụ " đi giám sát tất cả các công việc và các nhân viên của các Ủy ban nhân dân và các cơ quan của Chính phủ"; Sắc lệnh số 138B-SL/QĐ ngày 18/12/1949 quy định phạm vi thanh tra của Ban Thanh tra Chính phủ là các cơ quan của Chính phủ và Ban Thanh tra Chính phủ có quyền chất vấn các Ủy viên Ủy ban kháng chiến hành chính và viên chức, đòi hỏi tài liệu và sổ sách cần thiết cho công việc thanh tra; Sắc lệnh số 26//SL ngày 18/3/1956 xác định Ban Thanh tra Trung ương của Chính phủ có

nhệm vụ thanh tra công tác các Bộ, các cơ quan hành chính và chuyên môn các cấp, các doanh nghiệp của nhà nước. . .

Như vậy, ngay từ những bước phát triển đầu tiên, nhệm vụ của ngành thanh tra được xác định rõ ràng, đó là xem xét sự thi hành chính sách, chủ trương của Chính phủ của các cơ quan và cán bộ trong bộ máy công quyền. Thanh tra thực hiện việc kiểm soát hoạt động bộ máy công quyền, đó chính là công tác giám sát hành chính. Trong điều kiện nhà nước pháp quyền, giám sát hành chính tức là buộc bộ máy công quyền, công chức phải làm đúng luật, phải bảo vệ cả lợi ích của Nhà nước, cả quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan.

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác thanh tra để thực hiện tốt vai trò là cơ quan giám sát hành chính, là một yêu cầu quan trọng trong xác định phương hướng đổi mới về tổ chức thanh tra. Khi bộ máy quản lý Nhà nước được cải cách theo hướng tinh gọn, trong sạch, vững mạnh, từ đó nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước, thì yêu cầu đặt ra là phải có cơ chế thanh tra, kiểm tra hữu hiệu, phù hợp với hoạt động của bộ máy hành chính. Phải phát huy mạnh mẽ vai trò thanh tra cấp hành chính trên những phương diện chủ yếu sau:

Thứ nhất, kiểm soát việc thực hiện chức năng, nhệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm thi hành công vụ của cơ quan hành chính nhà nước và công chức nhà nước nhằm tăng cường kỷ cương pháp luật.

Các cơ quan thanh tra theo cấp hành chính tập trung làm tốt thanh tra việc thực hiện chức trách nhệm vụ của các cơ quan hành chính nhà nước, công chức nhà nước, thanh tra việc chấp hành chính sách, pháp luật liên quan đến trách nhiệm quản lý của nhiều ngành, nhiều lĩnh vực, nhiều cấp quản lý, những việc do thủ trưởng cơ quan quản lý cùng cấp hoặc thủ trưởng cơ quan.

Thứ hai, công tác thanh tra theo cấp hành chính tập trung vào những vấn đề nổi cộm, bức xúc phát sinh trong công tác quản lý và dư luận xã hội quan tâm, đặc biệt ở những địa phương tồn tại nhiều vụ việc khiếu kiện gay gắt, phức tạp, kéo dài. Thông qua công tác thanh tra, chú trọng đến việc phát hiện những sơ hở, yếu kém trong cơ chế, chính sách, pháp luật và trong công tác quản lý. Cải cách thủ tục thanh tra theo hướng nhanh gọn, rút ngắn thời gian thanh tra; nâng cao chất lượng báo cáo, kết luận thanh tra; đề xuất, kiến nghị các biện pháp xử lý thích hợp nhằm đảm bảo ổn định tình hình chính trị, đúng người, đúng tội và đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật. Tổ chức tốt việc kiểm tra, đôn đốc, giám sát việc thực hiện các kết luận thanh tra, đảm bảo gắn chặt công tác thanh tra với hoạt động quản lý ở từng cấp, từng ngành, phục vụ trực tiếp và thiết thực cho hoạt động quản lý của bộ máy hành chính Nhà nước.

Thứ ba: Hoàn thiện cơ chế phối-kết hợp với các cơ quan khác có chức năng thanh tra, kiểm tra, giám sát nhằm tạo sức mạnh chung của hệ thống kiểm sát hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước. Hạn chế tình trạng chồng chéo, trùng lặp trong thực thi nhiệm vụ của các cơ quan từ việc xây dựng thể chế pháp luật đến xây dựng và thực hiện chương trình công tác. Chú trọng đến mối quan hệ với các cơ quan giám sát của các tổ chức đoàn thể và nhân dân để vừa có điều kiện thực hiện tốt hơn nhiệm vụ, đồng thời thông qua các tổ chức này để có thêm kênh thông tin đánh giá về hiệu lực, hiệu quả hoạt động và phẩm chất, năng lực của đội ngũ cán bộ, thanh tra viên.

Trong tổ chức các cơ quan thanh tra theo cấp hành chính thì Thanh tra Chính phủ (Thanh tra Nhà nước hiện nay) có vai trò rất quan trọng. Khoản 1, Điều 14 Luật Thanh tra quy định "*Thanh tra Chính phủ là cơ quan của Chính phủ, chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về công tác thanh tra và thực hiện, nhiệm vụ, quyền hạn thanh tra trong phạm vi quản lý nhà nước của Chính phủ*". Với vị trí quan trọng như trên, thì việc tập trung củng cố tổ chức và hoạt động của Thanh tra Chính phủ, là một yêu cầu cả về trước mắt và lâu dài. Phương hướng chung là phải kiện toàn từng bước tổ chức, xác định rõ chức trách, nhiệm vụ và cơ chế phối, kết hợp của các Vụ, đơn vị trong cơ quan; quy hoạch, xây dựng đội ngũ cán bộ đồng đều về chất lượng, tinh gọn, được đào tạo cơ bản và có phẩm chất đạo đức tốt, đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn đặt ra đối với nhiệm vụ được phân công. Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước với những nội dung cơ bản như xây dựng và hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ, về thực hiện chương trình, kế hoạch thanh tra; về công tác đào tạo, bồi dưỡng, công tác thi đua khen thưởng, quy hoạch, bố trí cán bộ lãnh đạo trong hệ thống thanh tra. . .

b, Phát triển mạnh hoạt động của các tổ chức thanh tra chuyên ngành:

Thanh tra chuyên ngành là công cụ không thể thiếu phục vụ công tác quản lý Nhà nước trong các ngành, lĩnh vực. Sự hình thành và phát triển của các tổ chức thanh tra chuyên ngành xuất phát từ nhu cầu quản lý đất nước, quản lý xã hội. Ngay từ những ngày đầu xây dựng đất nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhận thấy tầm quan trọng của các tổ chức thanh tra chuyên ngành và Người rất quan tâm phát triển các tổ chức thanh tra trong một số ngành, lĩnh vực cụ thể như Quân đội, Tài chính, Lao động. Ngày 25/1/1948, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 119 đổi Phòng kiểm tra thuộc Bộ Tổng chỉ huy Quân đội quốc gia Việt Nam thành Cục Tổng Thanh tra Quân đội Quốc gia Việt Nam. Sắc lệnh số 159/ SL ngày /4/4/1948 quy định về nhiệm vụ của Nha Tổng Thanh tra Tài chính. Sắc lệnh số 95/SL ngày / 3/9/1949 thành lập và quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn 2 ngạch thanh tra và kiểm soát lao động. Có

thể nhận thấy, với những Sắc lệnh nêu trên đã đặt tiền đề pháp lý cần thiết cho việc thành lập và phát triển các tổ chức thanh tra chuyên ngành sau này.

Cùng với sự phát triển mạnh mẽ của đất nước, hoạt động quản lý nhà nước ngày càng trở nên đa dạng, phức tạp hơn, mỗi ngành, mỗi lĩnh vực có những đặc thù riêng nên tất yếu phải phát triển mạnh hoạt động của các tổ chức thanh tra chuyên ngành. Đặc điểm của thanh tra chuyên ngành là chủ yếu tập trung vào việc kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các quy định về quy trình, quy phạm liên quan đến chuyên môn, kỹ thuật, kịp thời phát hiện và xử phạt đối với các hành vi vi phạm của các đối tượng bị quản lý của ngành, lĩnh vực góp phần phòng chống vi phạm pháp luật, tăng cường trật tự, kỷ cương quản lý.

Thanh tra chuyên ngành là công cụ quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực, có vai trò quan trọng giúp cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền riêng quản lý chặt chẽ các đối tượng bị quản lý, kịp thời phát hiện các sai phạm, có biện pháp xử lý, khắc phục hữu hiệu. Thanh tra chuyên ngành còn giúp phát hiện những chồng chéo, bất hợp lý trong quản lý giữa các ngành, lĩnh vực, lãnh thổ...

Với vai trò quan trọng như vậy nên việc phát triển mạnh các hoạt động của các tổ chức thanh tra chuyên ngành là một yêu cầu cấp thiết. Trước hết, phải xây dựng và cụ thể hoá những quy định chung về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của thanh tra chuyên ngành. Trên cơ sở đó, các Bộ, ngành tiếp tục có những bổ sung cần thiết tùy theo đặc điểm của từng ngành, lĩnh vực. Theo quy định của Luật Thanh tra, thanh tra Bộ và thanh tra Sở là đầu mối chung, vừa thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn thanh tra hành chính, vừa thực hiện thanh tra chuyên ngành trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp. Phải có cơ chế phối hợp, kết hợp giữa các bộ phận trong thanh tra bộ, thanh tra sở; phối kết hợp hoạt động giữa thanh tra cấp, thanh tra ngành và giữa các tổ chức thanh tra bộ, ngành với nhau trong xây dựng và thực hiện chương trình công tác hàng năm. Đó là một nội dung quan trọng để khắc phục tình trạng chồng chéo, trùng lặp trong hoạt động thanh tra, kiểm tra và nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống thanh tra nhà nước.

Vấn đề xây dựng đội ngũ cán bộ, thanh tra chuyên ngành đáp ứng đủ về số lượng và chất lượng, cũng là nội dung rất quan trọng. Hoạt động thanh tra chuyên ngành là được tiến hành thường xuyên và tính độc lập của thanh tra viên chuyên ngành rất cao. Chính vì thế, thanh tra viên chuyên ngành không những phải am hiểu về ngành, lĩnh vực mà mình được giao nhiệm vụ thanh tra, mà còn phải có phẩm chất đạo đức tốt, có tính cương quyết và khả năng

thuyết phục cao. Cần có những quy định cụ thể để tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra đối với lực lượng thanh tra viên chuyên ngành khi thực thi công vụ nhằm hạn chế đến mức thấp nhất việc lạm quyền, lộng quyền. Xử lý nghiêm minh đối với các trường hợp lợi dụng nhiệm vụ để nhũng nhiễu cơ quan tổ chức và nhân dân.

c, Đổi mới cơ chế giải quyết khiếu nại:

Quyền khiếu nại, tố cáo là một trong những biện pháp để công dân thực hiện quyền làm chủ của mình trong việc thanh gia xây dựng bộ máy Nhà nước trong sạch, vững mạnh; là một trong những công cụ quan trọng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân khi bị xâm hại. Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn quan tâm đến việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của dân. Tại Sắc lệnh 64/SL ngày 23/1 1/1945 quy định một trong những nhiệm vụ của Ban Thanh tra đặc biệt và nhận đơn khiếu nại của nhân dân. Tại Hội nghị cán bộ thanh tra toàn miền Bắc ngày 5/3/1960, Người căn dặn: "*Đồng bào có oan ức mới khiếu nại, hoặc vì chưa hiểu rõ chính sách của Đảng và Chính phủ mà khiếu nại. Ta phải giải quyết nhanh, tốt, quan hệ giữa nhân dân với Đảng và Chính phủ càng được củng cố tốt hơn*". Đó là những định hướng quan trọng trong việc xây dựng, bổ sung, hoàn thiện từng bước cơ chế giải quyết khiếu nại, tố cáo của bộ máy Nhà nước ta những năm qua.

Thực trạng công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo nhiều năm qua cho thấy đây là một lĩnh vực hết sức phức tạp, có quan hệ sâu sắc đến sự ổn định của hệ thống chính trị và mọi mặt của đời sống xã hội. Chính vì thế giải quyết tốt khiếu nại, tố cáo là nhiệm vụ đặt ra cho cả bộ máy Nhà nước các cấp.

Mặc dù thời gian qua các cấp, các ngành đã có nhiều cố gắng trong giải quyết khiếu nại, tố cáo, nhưng dường như tình hình khiếu nại, tố cáo của nhân dân vẫn tiếp tục gia tăng, thậm chí một số nơi khiếu kiện xảy ra gay gắt, kéo dài.

Một trong những nguyên nhân chính của tình trạng khiếu nại, tố cáo tiếp tục gia tăng là cơ chế, chính sách của nước ta đang trong quá trình hoàn thiện, thiếu nhất quán, thiếu tính đồng bộ; hệ thống pháp luật chưa đầy đủ, nhiều lĩnh vực còn bỏ trống, các văn bản pháp luật trong một số lĩnh vực lại thiếu sự thống nhất... Bên cạnh đó, cơ chế giải quyết khiếu nại, tố cáo chưa hợp lý, đặc biệt là cơ chế giải quyết khiếu nại.

Hiện nay, cơ chế giải quyết khiếu nại ở nước ta là cơ chế hỗn hợp, có sự tham gia của cả cơ quan quản lý nhà nước và toà án hành chính. Toà án hành chính chỉ thụ lý những vụ việc khiếu nại đã được cơ quan hành chính giải quyết lần đầu mà người khiếu nại không nhất trí hoặc quá thời hạn giải quyết mà không được giải quyết và người khiếu kiện không tiếp tục khiếu

kiện theo con đường hành chính. Mặt khác, pháp luật quy định việc tham gia giải quyết khiếu kiện hành chính của toà án hành chính mới chỉ dừng lại ở 10 nhóm vụ việc khiếu kiện hành chính.

Có thể nhận thấy cơ chế hỗn hợp trong giải quyết khiếu kiện hành chính ở nước ta hiện nay mang nặng tính quá độ. Trước khi có Toà án hành chính (1995), các khiếu kiện hành chính chỉ do các cơ quan hành chính nhà nước giải quyết, chính vì thế người khiếu kiện chưa có thói quen đề nghị giải quyết khiếu kiện thông qua con đường khởi kiện ra toà án. Về phía Nhà nước, tuy áp dụng song song hai hình thức giải quyết khiếu nại hành chính, nhưng việc hạn chế thẩm quyền của toà án hành chính, cũng như những hạn chế, vướng mắc khác về tổ chức, cán bộ của toà án hành chính, đã không phát huy được vai trò của toà án hành chính trong giải quyết khiếu kiện hành chính. Ngược lại, các cơ quan hành chính Nhà nước luôn bị quá tải trong giải quyết khiếu kiện hành chính. Với thực tế này, trong mối quan hệ khiếu nại-giải quyết khiếu nại thì cơ quan hành chính nhà nước vừa là người bị kiện, vừa là người xử kiện. Nhưng trong quản lý hành chính nhà nước thì mối quan hệ giữa công dân - là đối tượng quản lý, với các cơ quan quản lý hành chính nhà nước, là mối quan hệ phục tùng - quyền uy. Do vậy, các cơ quan hành chính nhà nước có thẩm quyền giải quyết khiếu nại dễ rơi vào tình trạng thiếu vô tư, thiếu khách quan trong khi giải quyết khiếu nại.

Để khắc phục những bất cập nêu trên, về lâu dài cần phải có cơ chế giải quyết khiếu nại hành chính theo hướng nâng cao vai trò, thẩm quyền của toà án hành chính trong giải quyết khiếu nại hành chính, không hạn chế ở 10 loại vụ việc khiếu kiện hành chính như hiện nay. Các cơ quan quản lý hành chính nhà nước chỉ ra quyết định lần đầu giải quyết khiếu nại hành chính, sau đó nếu người khiếu kiện không đồng ý với quyết định giải quyết lần đầu thì sẽ khởi kiện để toà án hành chính thụ lý giải quyết. Đó là cơ chế giải quyết khiếu kiện phù hợp với tinh thần cải cách tư pháp của Nhà nước ta, phù hợp với mục tiêu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Để cơ chế này phát huy được tác dụng thì nhất thiết phải có sự chuẩn bị khẩn trương những cơ sở pháp lý và điều kiện cần thiết cho hệ thống toà án hành chính các cấp để sẵn sàng đáp ứng được nhiệm vụ.

d, Thực hiện tốt việc gắn kết công tác giải quyết tố cáo với chống tham nhũng.

Chống tham ô, lãng phí, làm trong sạch bộ máy Nhà nước là vấn đề được Chủ tịch Hồ Chí Minh hết sức quan tâm và theo quan điểm của Người, thanh tra có vai trò hết sức quan trọng trong việc thực hiện công tác này. Một trong những nhiệm vụ của Ban Thanh tra Chính phủ được quy định tại Sắc

lệnh số 138B-SL/QĐ ngày 18/2/1949 là: *Thanh tra các uỷ viên Uỷ ban kháng chiến hành chính và viên chức về phương diện liêm khiết*. Sắc lệnh số 261/SL ngày 28/3/1956 xác định một trong những nhiệm vụ của Ban Thanh tra Trung ương của Chính phủ là " *Thanh tra việc thực hiện kế hoạch nhà nước, việc sử dụng, bảo quản tài sản nhà nước, chống phá hoại, tham ô và lãng phí*".

Trong tư tưởng của Hồ Chí Minh, chống tham nhũng là một nhiệm vụ quan trọng của bộ máy Nhà nước, và để thực hiện được nhiệm vụ này thì không thể coi nhẹ vai trò của nhân dân. Nhân dân tích cực tham gia và công tác chống tham nhũng, chống những biểu hiện tiêu cực của bộ máy công quyền bằng nhiều hình thức khác nhau, trong đó có một hình thức quan trọng là qua công tác khiếu nại, tố cáo. Qua việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, nhiều thông tin, phát hiện của nhân dân đã giúp các cơ quan Nhà nước phát hiện được những hành vi tham nhũng, quan liêu, tiêu cực của cán bộ, công chức trong bộ máy công quyền, để từ đó có những biện pháp xử lý hữu hiệu, kịp thời. Để các cơ quan thanh tra nhà nước thực hiện tốt nhiệm vụ chống tham nhũng, phải có những phương thức phù hợp và các yếu tố đồng bộ như xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật, có các cơ chế, chính sách phù hợp, chú trọng đến việc bố trí đội ngũ cán bộ làm công tác thanh tra, đảm bảo về phương tiện, quyền hạn làm việc của cán bộ thanh tra. Đó là những định hướng quan trọng cho việc xác định những chủ trương, biện pháp để thực hiện thành công việc gắn kết giải quyết khiếu nại tố cáo với nhiệm vụ chống tham nhũng của các cơ quan thanh tra nhà nước trong giai đoạn hiện nay.

Theo quy định của Luật khiếu nại, tố cáo thì công dân có quyền tố cáo với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền về hành vi trái pháp luật của bất cứ cơ quan, tổ chức, cá nhân nào gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức.

Thực tiễn công tác giải quyết tố cáo những năm qua cho thấy các vụ việc tố cáo đúng chiếm tỷ lệ khoảng 70%, đại đa số người tố cáo thực hiện quyền tố cáo của mình chính là để phát hiện cho Nhà nước những hành vi trái pháp luật, thể hiện trách nhiệm của người công dân vì lợi ích chung. Thông qua công tác giải quyết tố cáo, các cơ quan chức năng của Nhà nước đã phát hiện nhiều hành vi tiêu cực, tham nhũng để có biện pháp xử lý kịp thời, nghiêm minh, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức và công dân.

Qua gần hai mươi năm thực hiện công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, bên cạnh những thành tựu to lớn về mọi mặt, thì đời sống kinh tế, xã hội của nước ta cũng gặp những thách thức to lớn. Một trong những thách thức, đó là tham nhũng đã trở thành một vấn đề nhức nhối trong xã hội. Nghị quyết Đại

hội Đảng toàn quốc lần thứ IX nhận định: " tình trạng tham nhũng, suy thoái về tư tưởng, đạo đức, lối sống ở một bộ phận không nhỏ cán bộ, Đảng viên là rất nghiêm trọng. Nạn tham nhũng kéo dài trong bộ máy của hệ thống chính trị và trong nhiều tổ chức kinh tế là một nguy cơ lớn đe dọa sự sống còn của chế độ ta". Do vậy, đấu tranh chống tham nhũng được Đảng ta xác định là một nhiệm vụ có tầm quan trọng đặc biệt, là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, là trách nhiệm của các cấp, các ngành và các tổ chức thanh tra nhà nước có trách nhiệm không nhỏ trong cuộc đấu tranh cam go này. Khoản 8 Điều 15 Luật Thanh tra xác định Thanh tra Chính phủ có trách nhiệm: *"Tổng hợp báo cáo kết quả về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, chống tham nhũng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Chính phủ..."*, điều đó cho thấy, nhiệm vụ chống tham nhũng được qui định như một trong những nhiệm vụ quan trọng của ngành thanh tra.

Công tác giải quyết tố cáo của công dân có mối quan hệ mật thiết với nhiệm vụ chống tham nhũng. Tố cáo của công dân là nguồn thông tin rất quan trọng về việc vi phạm pháp luật của cán bộ, công chức trong bộ máy nhà nước, trong đó có các hành vi tham nhũng. Nhân dân là lực lượng đông đảo nhất, ở mọi nơi, mọi lúc giám sát thường xuyên hoạt động của bộ máy nhà nước. Phần lớn những tố cáo của nhân dân là có cơ sở và thực tế đã cho thấy, có rất nhiều vụ việc tham nhũng được phát hiện đầu tiên từ những tố cáo của công dân và sau đó tiếp tục được các cơ quan chức năng làm rõ, xử lý theo quy định của pháp luật.

Công tác giải quyết tố cáo, nếu được thực hiện tốt, sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện tốt nhiệm vụ chống tham nhũng. Ngược lại, nếu các cấp, các ngành nói chung, hệ thống thanh tra nhà nước nói riêng không làm tốt công tác giải quyết tố cáo của công dân thì công tác chống tham nhũng sẽ gặp rất nhiều khó khăn do thiếu những nguồn thông tin quan trọng và quan trọng hơn, là sự suy giảm lòng tin của nhân dân và quyết tâm chống tham nhũng của Đảng và Nhà nước. Chính vì vậy, việc gắn kết chặt chẽ công tác giải quyết tố cáo của công dân với nhiệm vụ chống tham nhũng, là một yêu cầu cần thiết trong định hướng đổi mới tổ chức và hoạt động của hệ thống thanh tra nhà nước../

KẾT HỢP GIỮA THANH TRA KIỂM TRA CỦA NHÀ NƯỚC VỚI GIÁM SÁT CỦA NHÂN DÂN - MỘT LUẬN ĐIỂM CỦA HỒ CHÍ MINH VỀ XÂY DỰNG, HOÀN THIỆN NHÀ NƯỚC CỦA DÂN, DO DÂN, VÌ DÂN

*Th.S. Nguyễn Đình Quyền
Vụ trưởng Vụ pháp luật
Văn phòng Quốc hội*

I. NHẬN XÉT CHUNG

Qua nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước của dân, do dân và vì dân, bước đầu chúng tôi xin nêu ra mấy nhận xét chung sau đây về luận điểm kết hợp giữa thanh tra, kiểm tra của Nhà nước với giám sát của nhân dân của Người.

Thứ nhất, kết hợp giữa thanh tra, kiểm tra của Nhà nước với giám sát của nhân dân là một luận điểm quan trọng của Hồ Chí Minh về xây dựng và hoàn thiện nhà nước của dân, do dân và vì dân.

Có thể khẳng định như thế bởi đây là một quan điểm có tính chất lý luận ổn định, xuyên suốt của Hồ Chí Minh về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước ở Việt Nam. Quan điểm này của Người đã được hình thành ngay từ khi chúng ta còn chưa giành được chính quyền từ tay thực dân, phong kiến và được Người vận dụng, phát triển liên tục trong suốt quá trình lãnh đạo Đảng, nhân dân ta giành chính quyền, thiết lập và củng cố Nhà nước dân chủ nhân dân ở Việt Nam. Đồng thời, đây cũng là một luận điểm có tính thực tiễn cao bởi nó được Hồ Chí Minh, được Đảng và Nhà nước ta vận dụng thường xuyên trong quá trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước của dân, do dân và vì dân từ khi thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hoà (1945) đến nay.

Thứ hai, luận điểm này là kết quả sáng tạo của quá trình tìm tòi, nghiên cứu lâu dài, bền bỉ các học thuyết, các mô hình nhà nước trên thế giới kết hợp với sự tìm tòi, tiếp thu truyền thống văn hoá dân tộc của Hồ Chí Minh.

Tư tưởng về Nhà nước nói chung của Hồ Chí Minh đã kết hợp được những tư tưởng tiến bộ về dân chủ của aristot, của J.J. Rút-xô với quan điểm về phân quyền, về giám sát quyền lực của Montesquieu, tư tưởng về quyền lực thuộc về nhân dân của Cách mạng tư sản Pháp, của bản Tuyên ngôn độc lập của nước Mỹ, tư tưởng khoa học và cách mạng của học thuyết Mác-Lênin về nhà nước với truyền thống “Lấy dân làm gốc” của dân tộc ta.

Là một luận điểm quan trọng trong tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước, luận điểm về kết hợp giữa thanh tra, kiểm tra của Nhà nước với giám sát của nhân dân không chỉ tiếp thu, kết hợp được các tư tưởng tiến bộ về nhà nước của nhân loại, về truyền thống thân dân, trọng dân của cha ông mà còn phát triển cao hơn nữa. Hồ Chí Minh đã trở thành nhà tư tưởng mà bằng cả lý luận và thực tiễn đã thực tâm và thực sự đưa quần chúng nhân dân từ địa vị bị áp bức dưới hai xiềng xích thực dân và phong kiến vào địa vị đích thực của người làm chủ Nhà nước và giám sát Nhà nước với vị thế đầy đủ của người làm chủ. Nếu tư tưởng phân quyền của Montesquieu với việc chia ra các nhánh quyền lực của Nhà nước để chế ước lẫn nhau để hạn chế sự lạm quyền vẫn chưa thể tạo ra cơ sở tư tưởng vững chắc cho việc bảo đảm quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân thì tư tưởng của Hồ Chí Minh về nhà nước, trong đó có luận điểm về kết hợp giữa thanh tra, kiểm tra của Nhà nước với giám sát của nhân dân có thể coi là nền tảng lý luận vững chắc cho việc xây dựng một nhà nước thực sự của dân, do dân và vì dân.

Thứ ba, luận điểm này có tính thống nhất và quan hệ biện chứng chặt chẽ với các luận điểm khác trong hệ thống luận điểm về nhà nước của Hồ Chí Minh.

Qua nghiên cứu các tác phẩm của Hồ Chí Minh để lại cũng như qua nghiên cứu lại toàn bộ cuộc đời hoạt động của Người, chúng ta có thể rút ra một hệ thống những quan điểm của Người về nhà nước – một nhà nước thực sự là của dân, do dân, vì dân. Đó là các luận điểm cơ bản như: luận điểm lấy dân làm gốc; luận điểm về xây dựng bộ máy nhà nước trong sạch, vững mạnh, hoạt động có hiệu quả vì lợi ích của đông đảo quần chúng nhân dân; luận điểm về phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong việc tham gia quản lý nhà nước; luận điểm về nhà nước pháp quyền... Và, xét về logic, luận điểm về kết hợp giữa thanh tra, kiểm tra của Nhà nước với giám sát của nhân dân của Hồ Chí Minh vừa là sự phái sinh, đồng thời cũng là sự cụ thể hoá, hiện thực hoá những luận điểm cơ bản đó về Nhà nước của Người. Bởi vì, không có sự thanh tra, kiểm tra trong các cơ quan nhà nước thì không thể có nhà nước trong sạch, vững mạnh, giữ vững bản chất là Nhà nước thực sự của dân, do dân và vì dân. Không có sự giám sát chặt chẽ, thường xuyên và có hiệu lực thực sự của dân thì nhà nước được dân trao cho quyền lực sẽ dễ dàng đi tới chỗ xa rời dân, thậm chí là tiếm quyền của dân và phản bội lại lợi ích của dân.

Luận điểm này được thể hiện thường xuyên qua các bài viết, các phát biểu và qua các hoạt động thực tiễn của Hồ Chí Minh trên cương vị là người lãnh đạo Đảng, Nhà nước ta. Ngoài ra, luận điểm này cũng được thể hiện chung trong tổng thể các quan điểm của Đảng, của Nhà nước ta về xây dựng

và hoàn thiện Nhà nước của dân, do dân và vì dân; luôn được Đảng, Nhà nước ta kế thừa, giữ gìn và phát triển.

Thứ tư, luận điểm về kết hợp giữa thanh tra, kiểm tra của Nhà nước với giám sát của nhân dân của Hồ Chí Minh là một luận điểm mở.

Sinh thời, Hồ Chí Minh là một tấm gương về việc vận dụng sáng tạo và phát triển Chủ nghĩa Mác – Lênin trong hoàn cảnh và những điều kiện cụ thể ở nước ta và đây chính là một trong những nguyên nhân quan trọng góp phần đem lại thắng lợi cho Cách mạng Việt Nam.

Nghiên cứu luận điểm của Người về kết hợp giữa thanh tra, kiểm tra của Nhà nước với giám sát của nhân dân, chúng ta thấy: Luận điểm này của Hồ Chí Minh, cũng như mọi luận điểm khác của Người nhìn chung là mang tính cụ thể, được Người đưa ra để áp dụng cho những trường hợp cụ thể, trong những hoàn cảnh cụ thể. Vì vậy, không nên hiểu và vận dụng luận điểm này một cách cứng nhắc mà phải hiểu và áp dụng phù hợp với từng điều kiện và hoàn cảnh lịch sử cụ thể. Đặc biệt, đất nước ta đang thực hiện chính sách mở cửa, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong xu thế toàn cầu hoá hiện nay thì về hoàn cảnh cũng như điều kiện đã có nhiều nhân tố mới mà sinh thời Hồ Chí Minh còn chưa có cho nên khi nghiên cứu và vận dụng luận điểm của Người, chúng ta phải hết sức chú trọng đến những nhân tố mới trong điều kiện hiện nay để hiểu và vận dụng cho đúng.

II. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA LUẬN ĐIỂM

1. Nhà nước thực hiện thanh tra, kiểm tra

Khi nói đến việc bảo đảm và nâng cao chất lượng hoạt động ở bất cứ lĩnh vực hoạt động nào của các cơ quan, tổ chức, kể cả đó là cơ quan nhà nước hay tổ chức đảng, đoàn thể, xí nghiệp, hợp tác xã..., Hồ Chí Minh đều thường xuyên nhấn mạnh đến vai trò của công tác thanh tra, kiểm tra, coi đó là hoạt động không thể thiếu và là một trong những yếu tố quyết định sự thành công hay thất bại trong hoạt động của cơ quan, tổ chức đó.

Không có điều kiện để nghiên cứu cũng như trình bày hết quan điểm của Người về vấn đề thanh tra, kiểm tra của Nhà nước, sau đây chúng tôi chỉ xin đề cập đến một số nội dung có thể coi là cơ bản nhất trong quan điểm của Người về thanh tra, kiểm tra của Nhà nước.

1.1 Thanh tra, kiểm tra là một trong ba yếu tố bảo đảm sự thành công của chính sách và là biện pháp quan trọng bảo đảm cho công tác lãnh đạo, quản lý không bị sai lệch

Theo Người, thanh tra, kiểm tra là một trong ba yếu tố tiên quyết để bảo đảm cho mọi chính sách được thi hành có hiệu quả. Người nói: “Khi đã có

chính sách đúng, thì sự thành công hoặc thất bại của chính sách đó là do nơi cách tổ chức công việc, nơi lựa chọn cán bộ, và do nơi kiểm tra. Nếu ba điều ấy sơ sài, thì chính sách đúng mấy cũng vô ích”¹⁶⁴.

Ở nước ta, từ khi giành được chính quyền đến nay, Đảng, Nhà nước đã ban hành rất nhiều chủ trương, chính sách. Tuyệt đại đa số các chủ trương chính sách đó là đúng đắn và hợp lòng dân. Tuy nhiên, không phải chính sách nào trong số đó cũng đi được vào cuộc sống. Nếu đánh giá một cách khách quan và đúng mức thì dường như sự thất bại của các chính sách đó đều gắn với ba nguyên nhân mà Hồ Chí Minh đã vạch ra ở trên. Đầu vậy, trong đánh giá các nguyên nhân dẫn đến hạn chế hay thất bại của một chính sách trong thực tiễn, chúng ta ít nhận ra trách nhiệm chủ quan của khâu tổ chức công việc, khâu cán bộ (yếu tố con người) và đặc biệt là hầu như ít khi chúng ta nhận ra nguyên nhân do yếu kém trong thanh tra, kiểm tra hoặc nếu có thì cũng chỉ coi đây như một trong nhiều nguyên nhân thuộc khâu tổ chức công việc mà thôi. Vì vậy, đã đến lúc chúng ta cần quán triệt sâu sắc thêm quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò quan trọng của thanh tra, kiểm tra đối với việc thi hành các chính sách, và rộng hơn nữa là đối với mọi chủ trương, đường lối và pháp luật của Nhà nước.

Bên cạnh lòng tin vững chắc vào đội ngũ cán bộ, Hồ Chí Minh vẫn không quên căn dặn những người làm công tác lãnh đạo, quản lý không được lơ là công tác thanh tra, kiểm tra. Người căn dặn: “Phải kiểm tra công tác của cán bộ, nêu chỉ nghe báo cáo, có khi cán bộ báo cáo không đúng thì lãnh đạo sẽ sai lệch”.¹⁶⁵ Như vậy, thanh tra, kiểm tra là biện pháp quan trọng bảo đảm cho công tác lãnh đạo, quản lý không bị sai lệch. Khi quan liêu, tắc trách, làm việc theo lối “cưỡi ngựa xem hoa”, không sâu sát công việc và cán bộ, chỉ quen và chỉ ưa nghe báo cáo, diễn thuyết, hội nghị... đã trở thành căn bệnh trầm kha của đội ngũ cán bộ, công chức lãnh đạo hiện nay thì hơn lúc nào hết, lời căn dặn của Người đối với những người lãnh đạo được giao trọng trách trong bộ máy nhà nước cần phải được nhắc lại, quán triệt lại sâu sắc hơn để thêm một lần nữa khẳng định rõ trách nhiệm của họ.

1.2 Thanh tra, kiểm tra giữ vai trò quan trọng trong việc xây dựng, kiện toàn bộ máy và lề lối làm việc của cơ quan Nhà nước

Theo Hồ Chí Minh, thanh tra, kiểm tra có tác động và ảnh hưởng sâu sắc tới lề lối, kỷ cương hoạt động của cơ quan nhà nước. Người nói: “Các cơ quan Thanh tra nhà nước chẳng những kiểm tra chống lãng phí, tham ô mà

¹⁶⁴ Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 5, NXB Chính trị Quốc gia, H.1995, trang 520

¹⁶⁵ Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 7, NXB Chính trị Quốc gia, H.1996, trang 466

còn phải chống bệnh quan liêu, mệnh lệnh để giúp các cơ quan nhà nước cải tiến công tác, giữ gìn kỷ luật, thực hành dân chủ, góp phần củng cố bộ máy nhà nước”.¹⁶⁶ Như vậy, theo Người, công tác thanh tra, kiểm tra có vai trò đặc biệt quan trọng đối với việc xây dựng, kiện toàn bộ máy Nhà nước, là yếu tố không thể thiếu để bảo đảm bản chất cách mạng và hiệu quả hoạt động của bộ máy đó.

Thông thường, nói đến quan hệ trong cơ quan nhà nước nói chung và trong lĩnh vực thanh tra, kiểm tra nói riêng là nói đến quyền lực hành chính, là nói đến mệnh lệnh và sự phục tùng. Điều này dường như khó có thể dung hoà được với cơ chế và lề lối làm việc dân chủ. Thế nhưng, theo Hồ Chí Minh, thanh tra, kiểm tra chính là một biện pháp để xây dựng, bảo đảm thực hiện; thậm chí, đó còn là một nội dung của cơ chế và lề lối làm việc dân chủ trong cơ quan nhà nước khi được thực hiện trên cơ sở gắn kết với sự giám sát của quần chúng. Quan điểm này thể hiện rõ qua lời Người căn dặn cán bộ, chiến sĩ như sau: “Lề lối làm việc phải dân chủ. Cấp trên phải thường kiểm tra cấp dưới. Cấp dưới phải phê bình cấp trên”.¹⁶⁷ Hơn lúc nào hết, hiện nay chúng ta đã và đang nói nhiều đến dân chủ và yêu cầu phát huy dân chủ ở mọi chỗ, mọi nơi nhưng có lẽ, cái kết quả mà chúng ta mong muốn dường như vẫn còn xa vời. Có nhiều nguyên nhân nhưng trong đó có một nguyên nhân là: cho đến nay, chúng ta vẫn chưa thực sự thực hiện được tốt lời Người căn dặn trong thực tiễn. Trong nội bộ các cơ quan, tổ chức của chúng ta vẫn còn chưa thực sự xây dựng được cơ chế và lề lối làm việc, sinh hoạt dân chủ thì làm sao chúng ta có thể xây dựng được một xã hội dân chủ?...

1.3 Thanh tra, kiểm tra là một trong những biện pháp quan trọng, góp phần xây dựng, kiện toàn đội ngũ cán bộ, công chức trong sạch, vững mạnh

Theo Hồ Chí Minh, thanh tra, kiểm tra là một trong những biện pháp quan trọng, cần phải quan tâm thực hiện thường xuyên để góp phần xây dựng, kiện toàn đội ngũ cán bộ, công chức trong sạch, vững mạnh; hơn thế, thanh tra, kiểm tra chính là thể hiện thái độ chăm lo, “yêu cầu” cán bộ. Người căn dặn: “Kiểm tra - không phải ngày nào cũng kiểm tra. Nhưng thường kiểm tra để giúp họ rút kinh nghiệm, sửa chữa khuyết điểm, phát triển ưu điểm. Giao công việc mà không kiểm tra, đến lúc thất bại mới chú ý đến. Thế là không

¹⁶⁶ Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 10, NXB Chính trị Quốc gia, H.1996, trang 81

¹⁶⁷ Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 6, NXB Chính trị Quốc gia, H.1996, trang 9

biết yêu cầu cán bộ”¹⁶⁸; “Có kiểm tra...mới biết rõ năng lực và khuyết điểm của cán bộ, mới sửa chữa và giúp đỡ kịp thời”¹⁶⁹.

Trong những vụ án nghiêm trọng bị phát giác, xử lý trong thời gian qua, như: vụ Tân Trường Sanh, vụ Vũ Xuân Trường, vụ án Năm Cam, vụ Cửa khẩu Tân Thanh ..., chúng ta thấy trong những khuôn mặt đứng trước vành móng ngựa có không ít những người đã từng đứng trong đội ngũ cán bộ, đảng viên và trong thời gian tới, chắc sẽ còn không ít những khuôn mặt như thế phải cúi gằm trước công lý và nhân dân. Bao bài học về công tác cán bộ đã được rút ra. Nhưng, cho đến nay, câu hỏi “chúng ta đã thực sự làm tốt công tác thanh tra, kiểm tra để góp phần xây dựng, kiện toàn đội ngũ cán bộ, công chức trong sạch, vững mạnh chưa?” có lẽ vẫn chưa thể có câu trả lời trọn vẹn.

1.4 Thanh tra, kiểm tra là biện pháp để phát huy sức mạnh của quần chúng nhân dân

Thanh tra, kiểm tra không chỉ góp phần tăng cường, bảo đảm năng lực nội sinh của bộ máy nhà nước và của đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước mà, theo Hồ Chí Minh, đây còn là một trong những biện pháp quan trọng, là “*Một việc mà các cơ quan lãnh đạo cần thực hành ngay*” - như tên một bài viết của Người - để phát huy tinh thần và lực lượng của quần chúng nhân dân tham gia vào hoạt động của Nhà nước, tham gia vào sự nghiệp cách mạng do Đảng lãnh đạo. Trong bài viết đó, Người cho rằng: “Có kiểm tra mới huy động được tinh thần tích cực và lực lượng to tát của nhân dân”.¹⁷⁰ Đây cũng là điều mà hiện nay trong bộ phận lớn cán bộ, công chức chúng ta dường như vẫn chưa quán triệt được.

Như vậy, theo Hồ Chí Minh, thanh tra, kiểm tra là hoạt động không thể thiếu trong các cơ quan nhà nước và trong mọi lĩnh vực quản lý của Nhà nước. Đây là một trong những yếu tố quan trọng nhất quyết định hiệu quả hoạt động, thậm chí là sự thành công hay thất bại, tồn tại hay không tồn tại của một nhà nước.

2 Nhân dân giám sát Nhà nước

2.1 Nhân dân phải giám sát Nhà nước xuất phát từ bản chất Nhà nước ta

Dưới góc độ lý luận và chính trị, vấn đề nhân dân giám sát nhà nước là vấn đề có ý nghĩa rất lớn và không đơn giản. Tuy nhiên, với Hồ Chí Minh, vấn đề này dường như được đơn giản đi rất nhiều. Người quan niệm rất rõ ràng:

¹⁶⁸ Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 5, NXB Chính trị Quốc gia, H.1995, trang 276

¹⁶⁹ Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 5, NXB Chính trị Quốc gia, H.1995, trang 520

¹⁷⁰ Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 5, NXB Chính trị Quốc gia, H.1995, trang 520

Nhà nước ta là của dân, nhân dân là chủ. Mà nhân dân muốn phát huy được vai trò làm chủ nhà nước thì phải giám sát Nhà nước. Và, giám sát ở đây phải là từ vị thế của *Người chủ*; nhân dân làm chủ Nhà nước chứ không phải là đối tượng chịu sự quản lý của Nhà nước, càng không phải là “*thần dân*” của Nhà nước. Người nói: “Chính phủ Cộng hoà Dân chủ là gì? Là đầy tớ chung của dân, từ Chủ tịch toàn quốc đến làng. Dân là chủ thì Chính phủ phải là đầy tớ”¹⁷¹. Quyền và trách nhiệm của nhân dân – “Người chủ” và Nhà nước - “đầy tớ” ở đây là rất rõ ràng, nhưng cũng rất đơn giản, giản dị như cách nói của Người về một vấn đề hệ trọng vốn là ước vọng ngàn đời của nhân loại và là mục tiêu phấn đấu của biết bao cuộc cách mạng xã hội trên thế giới: “Làm việc ngày nay không phải là để thăng quan, phát tài. Nếu Chính phủ làm hại dân thì dân có quyền đuổi Chính phủ.”¹⁷²

2.2 Nhân dân giám sát hoạt động của Nhà nước với tư cách người làm chủ

Như trên đã trình bày, Nhà nước của dân, do dân, vì dân đồng nghĩa với việc dân làm chủ thực sự đối với Nhà nước. Dân thực sự làm chủ nhà nước thì việc giám sát Nhà nước của nhân dân cũng phải xuất phát từ vị thế của người chủ. Vì vậy, việc giám sát đối với Nhà nước của nhân dân, theo Hồ Chí Minh chính là để “giúp đỡ, đôn đốc, kiểm soát và phê bình (Chính phủ)”¹⁷³ để (Chính phủ) làm tròn nhiệm vụ của mình là người đầy tớ trung thành tận tụy của nhân dân”¹⁷⁴

Trong lĩnh vực nghiên cứu lý luận cũng như trong thực tiễn, chúng ta thường chỉ quan niệm giám sát của nhân dân đối với cơ quan, cán bộ, công chức nhà nước là để các đối tượng này không làm sai, không lạm quyền. Với Hồ Chí Minh thì không chỉ có thế mà cao hơn thế, giám sát còn là cách thức góp phần để nhân dân hiểu, thông cảm và tin yêu hơn bộ máy nhà nước và đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước của mình. Hồ Chí Minh đã nhìn ra vấn đề này. Trong bức Thư gửi Hội nghị công an toàn quốc, ngày 15.1.1950, Người căn dặn cán bộ, chiến sĩ công an như sau: “Phải hoan nghênh nhân dân phê bình công an, để đi đến hiểu công an, yêu công an, và giúp đỡ công an”.¹⁷⁵ Có lẽ, đây mới là cái đích cao nhất, tốt đẹp nhất, lý tưởng nhất đặt ra cho hoạt động giám sát của nhân dân mà Hồ Chí Minh đã nhìn ra và để lại cho chúng ta.

¹⁷¹ Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 5, NXB Chính trị Quốc gia, H.1995, trang 60

¹⁷² Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 5, NXB Chính trị Quốc gia, H.1995, trang 60

¹⁷³ Những chữ trong ngoặc đơn () này là chúng tôi thêm vào để làm rõ ý của Người – T.g

¹⁷⁴ Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 7, NXB Chính trị Quốc gia, H.1996, trang 361-362

¹⁷⁵ Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 6, NXB Chính trị Quốc gia, H.1995, trang 10

2.3 Nhân dân là người đánh giá đúng đắn nhất mọi chủ trương, đường lối và pháp luật của Nhà nước.

Trong tác phẩm *“Sửa đổi lề lối làm việc”*, Hồ Chí Minh viết: “Phải luôn luôn do nơi quần chúng mà kiểm soát những khẩu hiệu và chỉ thị đó có đúng hay không”¹⁷⁶.

Liên hệ tới câu mà Người thường xuyên nhắc về trách nhiệm của Nhà nước ta là phải ra sức phụng sự lợi ích của nhân dân, chúng ta càng thấy rõ thêm ý của Người là: nhân dân là chủ nhân thật sự của Nhà nước, cuộc sống của nhân dân có tốt hay không là thể hiện chất lượng và hiệu quả hoạt động của Nhà nước, thể hiện mức độ đúng đắn trong chính sách và pháp luật của Nhà nước và chính nhân dân cũng là người phán xét cao nhất, đúng đắn nhất đối với hoạt động của Nhà nước.

2.4 Nhân dân giám sát Nhà nước với nhiều hình thức và biện pháp khác nhau

Trong bài viết *“Chớ kiêu ngạo, phải khiêm tốn”*, Hồ Chí Minh từng căn dặn cán bộ, công chức và Đảng viên: “Mọi công tác phải dựa hẳn vào quần chúng, hoan nghênh quần chúng đôn đốc và kiểm tra”¹⁷⁷. Như vậy, theo Người, mọi lĩnh vực công tác, hoạt động của Đảng, Nhà nước đều cần phải có sự đôn đốc, kiểm tra của quần chúng nhân dân.

Đồng thời, tương ứng với sự đa dạng trong các lĩnh vực công tác của bộ máy nhà nước, để phát huy được sức mạnh của mọi lực lượng quần chúng nhân dân trong việc giám sát Nhà nước, Người luôn động viên phát huy mọi hình thức giám sát của nhân dân. Người viết: “ở quần chúng, khai hội, phê bình và bày tỏ ý kiến, bầu cử các uỷ ban, các hội đồng, v.v, đó là những cách quần chúng kiểm soát những người lãnh đạo”¹⁷⁸. Trong nhiều bài viết, Người luôn đề cao sự giám sát của nhân dân trong việc bầu ra các cơ quan quyền lực như Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp để đại diện cho nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước và giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước khác; đồng thời, Người cũng rất quan tâm để các cơ quan này thực sự là các cơ quan đại diện cho nhân dân trong việc thực hiện quyền lực của nhân dân, giám sát có hiệu lực và hiệu quả đối với hoạt động của bộ máy nhà nước.

Theo Người, khiếu nại cũng là một hình thức giám sát của nhân dân. Người căn dặn: “Đồng bào có oan ức, có thắc mắc mới khiếu nại. Ta giải quyết tốt các việc khiếu nại, đồng bào thấy Đảng và Chính phủ quan tâm, lo

¹⁷⁶ Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 5, NXB Chính trị Quốc gia, H.1995, trang 249

¹⁷⁷ Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 7, NXB Chính trị Quốc gia, H.1996, trang 295

¹⁷⁸ Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 5, NXB Chính trị Quốc gia, H.1996, trang 288

lắng đến họ, do đó mối quan hệ giữa quần chúng nhân dân với Đảng và Chính phủ được củng cố tốt hơn”¹⁷⁹.

Đặc biệt, Hồ Chí Minh rất quan tâm đến sự giám sát của quần chúng nhân dân thông qua các phương tiện thông tin đại chúng. Năm 1955, khi đọc mục “*ý kiến bạn đọc*” của Báo Nhân dân, Người đã có bài viết hoan nghênh các ý kiến của nhân dân góp ý phê bình đối với hoạt động của cơ quan, cán bộ công chức đang trong mục này. Bên cạnh việc yêu cầu các cơ quan, tổ chức và cá nhân phải nghiêm chỉnh tiếp thu và thực hiện các ý kiến này, Người còn căn dặn: “Nhà báo, bạn đọc và nhân dân kiểm tra xem những việc ấy đã làm chưa? Làm đến đâu?...Nếu làm được chu đáo, thì báo phải có lời khen ngợi. Nếu làm không chu đáo, thì nhà báo và nhân dân phải tiếp tục phê bình, đấu tranh. Ý kiến bạn đọc là những ý kiến đấu tranh. Cái mới đấu tranh với cái cũ, cái tốt đấu tranh với cái không tốt. Đấu tranh thì phải đấu tranh đến kết quả thắng lợi. Như thế, “*ý kiến bạn đọc*” mới thật có ích.”¹⁸⁰

2.5 Biện pháp tăng cường hiệu quả hoạt động giám sát Nhà nước của nhân dân

Theo Hồ Chí Minh, muốn quần chúng nhân dân thực hiện được tốt quyền giám sát tốt của mình trước hết, những người lãnh đạo, cán bộ, công chức nhà nước phải thường xuyên quan tâm việc tăng cường mối quan hệ với quần chúng nhân dân. Theo Người, cơ quan nhà nước, cán bộ nhà nước mà xa rời quần chúng, không thường xuyên gần gũi quần chúng thì nhất định sẽ thất bại. Người căn dặn cán bộ, Đảng viên: “Người lãnh đạo ắt phải có mối liên hệ chặt chẽ giữa mình với các tầng lớp người, với dân chúng. Giữ chặt mối liên hệ với dân chúng và luôn luôn lắng tai nghe ý kiến của dân chúng, đó là nền tảng lực lượng của Đảng và nhờ đó mà Đảng thắng lợi. Vì vậy, cách xa dân chúng, không liên hệ chặt chẽ với dân chúng, cũng như đứng lơ lửng giữa trời, nhất định thất bại.”¹⁸¹

Để quần chúng nhân dân giám sát được hoạt động của cơ quan, cán bộ và công chức nhà nước thì không đơn thuần chỉ có trao quyền cho dân là xong. Theo Hồ Chí Minh, bên cạnh việc trao quyền cho dân còn phải chú trọng đặc biệt đến khâu tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức cho nhân dân. Quần chúng nhân dân mà hiểu biết thì sẽ buộc cơ quan, cán bộ nhà nước phải hành động đúng, không dám làm sai. Dân hiểu biết thì sẽ giám sát

¹⁷⁹ Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 10, NXB Chính trị Quốc gia, H.1996, trang 81

¹⁸⁰ Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 7, NXB Chính trị Quốc gia, H.1996, trang 433

¹⁸¹ Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 5, NXB Chính trị Quốc gia, H.1995, trang 286

tốt hơn đội ngũ cán bộ nhà nước. Người viết: ““*Quan tham vì dân dại*”. Nếu dân hiểu biết, không chịu đút lót, thì “*quan*” dù không liêm cũng phải hoá ra Liêm. Vì vậy dân phải biết quyền hạn của mình, phải biết kiểm soát cán bộ để giúp cán bộ thực hiện chữ Liêm”¹⁸²

Ngoài ra, theo Hồ Chí Minh, muốn bảo đảm hiệu quả cao của hoạt động giám sát thì trong quá trình giám sát, về phía quần chúng nhân dân cũng phải có phương pháp đúng trên tinh thần xây dựng và phù hợp với thực tiễn. Người cho rằng, nhân dân không chỉ có quyền “đuổi Chính phủ” khi Chính phủ đó đi ngược lại lợi ích của mình mà, trước đó, Người chủ – nhân dân còn có trách nhiệm rất lớn là giúp đỡ Chính phủ đó hoạt động và, kể cả khi Chính phủ đó có sai thì cũng cần có biện pháp phê bình đúng mực, giúp cho Chính phủ đó tiến bộ lên. Người viết: “Khi dân dùng đày tớ làm việc cho mình, thì phải giúp đỡ Chính phủ. Nếu Chính phủ sai thì phải phê bình, phê bình nhưng không phải là chửi”.¹⁸³ Đây là một quan điểm rất nhân văn về quan hệ giữa nhân dân và nhà nước. Quan điểm này đã vượt lên ở một tầm cao tư tưởng mới so với nhiều quan điểm khác, trong đó có các quan điểm dân chủ tư sản về quan hệ giữa người dân – công dân với nhà nước – bộ máy thống trị.

Như vậy, theo Hồ Chí Minh, việc nhân dân giám sát Nhà nước là xuất phát từ bản chất Nhà nước ta, từ vị thế làm chủ đối với Nhà nước của nhân dân ta và đây là hoạt động không thể thiếu nhằm bảo đảm cho Nhà nước ta luôn thực sự là nhà nước của dân, do dân, vì dân và là yếu tố quan trọng để phát huy sức mạnh của nhân dân, tăng cường sự gắn bó mật thiết giữa Nhà nước với nhân dân.

3. Kết hợp chặt chẽ giữa thanh tra, kiểm tra của Nhà nước với giám sát của nhân dân

Như đã trình bày ở trên, Hồ Chí Minh luôn coi trọng hoạt động thanh tra, kiểm tra của Nhà nước cũng như hoạt động giám sát của nhân dân đối với Nhà nước, coi đó là những yếu tố không thể thiếu để xây dựng và hoàn thiện nhà nước của dân, do dân và vì dân. Tuy nhiên, theo Người, hai yếu tố này về bản chất phải kết hợp chặt chẽ với nhau, cộng hưởng với nhau để tạo động lực xây dựng, hoàn thiện và giữ vững bản chất cách mạng của nhà nước. Sau đây là những quan điểm cơ bản nhất của Người về việc phải kết hợp chặt chẽ giữa

¹⁸² Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 5, NXB Chính trị Quốc gia, H.1995, trang 641

¹⁸³ Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 5, NXB Chính trị Quốc gia, H.1995, trang 60

thanh tra, kiểm tra của Nhà nước với giám sát của nhân dân đối với Nhà nước.

3.1 Quan hệ chặt chẽ với nhân dân là sức mạnh, là nguyên nhân thắng lợi của Đảng, Nhà nước và Cách mạng

Cách đây mấy trăm năm, đúc kết truyền thống của dân tộc từ ngàn đời, người anh hùng dân tộc Nguyễn Trãi đã rút ra một chân lý vĩnh hằng: “Chở thuyền, lật thuyền cũng là dân”, “Lật thuyền mới biết dân như nước”.

Tiếp thu truyền thống quý báu trên của dân tộc, Hồ Chí Minh luôn đặc biệt quan tâm tới việc gắn kết giữa cơ quan nhà nước, đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước với nhân dân, gắn kết giữa hoạt động của các cơ quan nhà nước với sinh hoạt của quần chúng nhân dân. Người từng căn dặn: “Người lãnh đạo ắt phải có mối liên hệ chặt chẽ giữa mình với các tầng lớp người, với dân chúng. Giữ chặt mối liên hệ với dân chúng và luôn luôn lắng tai nghe ý kiến của dân chúng, đó là nền tảng lực lượng của Đảng và nhờ đó mà Đảng thắng lợi. Vì vậy, cách xa dân chúng, không liên hệ chặt chẽ với dân chúng, cũng như đứng lơ lửng giữa trời, nhất định thất bại.”¹⁸⁴ Xuất phát từ quan điểm này mà Người luôn chú trọng tới mọi mối liên hệ giữa Nhà nước với nhân dân. Sự kết hợp chặt chẽ giữa thanh tra, kiểm tra của Nhà nước với giám sát của nhân dân, theo Người, chính là một trong những mối liên hệ mang tính chất sống-còn này của Nhà nước ta. Đó có thể coi là một trong những câu trả lời đầu tiên, lý giải cho câu hỏi tại sao phải kết hợp giữa thanh tra, kiểm tra của Nhà nước với giám sát của nhân dân trong luận điểm của Người.

3.2 Giám sát của nhân dân phải được coi như một mặt trong công tác thanh tra, kiểm tra của cơ quan nhà nước

Khi nói về hoạt động thanh tra, kiểm tra của Nhà nước, Hồ Chí Minh thường xuyên nhấn mạnh vai trò giám sát của nhân dân. Theo Người, sự giám sát của nhân dân không phải chỉ là yếu tố bên ngoài tác động vào cơ quan nhà nước, vào hoạt động thanh tra mà nó phải được coi như một yếu tố nội sinh, là một mặt của công tác thanh tra, kiểm tra của cơ quan nhà nước. Thậm chí, Người còn coi đây là cách tốt nhất để thanh tra, kiểm tra đối với đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước. Trong tác phẩm “*Sửa đổi lề lối làm việc*”, Người viết: “Kiểm soát có hai cách: một cách là từ trên xuống. Tức là người lãnh đạo kiểm soát kết quả những công việc của cán bộ của mình. Một cách nữa là từ dưới lên. Tức là quần chúng và cán bộ kiểm soát sự sai lầm của người lãnh

¹⁸⁴ Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 5, NXB Chính trị Quốc gia, H.1995, trang 286

đạo và bày tỏ cái cách sửa chữa sự sai lầm đó. Cách này là cách tốt nhất để kiểm soát các nhân viên”¹⁸⁵

Bên cạnh việc nhấn mạnh những yêu cầu về năng lực, về phẩm chất đạo đức đối với những người làm công tác thanh tra, kiểm tra, Hồ Chí Minh còn thường xuyên nhấn mạnh tới vai trò giám sát của quần chúng nhân dân là biện pháp bảo đảm cho hoạt động thanh tra, kiểm tra đúng đắn. Người căn dặn: “Phải tổ chức sự kiểm soát, mà muốn kiểm soát đúng thì cũng phải có quần chúng giúp mới được. Những người lãnh đạo chỉ trông thấy một mặt của công việc, của sự thay đổi của mọi người, trông từ trên xuống. Vì vậy, sự trông thấy có hạn. Trái lại, dân chúng trông thấy công việc, sự thay đổi của mọi người, một mặt khác: họ trông thấy từ dưới lên nên sự trông thấy cũng có hạn. Vì vậy, muốn giải quyết vấn đề cho đúng, ắt phải hợp kinh nghiệm cả hai bên lại.”¹⁸⁶

3.3 Kết hợp tốt giữa thanh tra, kiểm tra của Nhà nước với sự giám sát của nhân dân sẽ góp phần hạn chế khuyết điểm, phát huy ưu điểm và bảo đảm hiệu quả hoạt động của cơ quan nhà nước

Theo Hồ Chí Minh, kết hợp tốt giữa thanh tra, kiểm tra của Nhà nước với sự giám sát của nhân dân là nhân tố quan trọng để hạn chế khuyết điểm, phát huy ưu điểm và bảo đảm hiệu quả trong hoạt động của hệ thống cơ quan nhà nước. Người viết: “Tôi mong rằng:...Cán bộ cấp trên phải luôn luôn đôn đốc và kiểm tra công việc cán bộ cấp dưới. Nhân dân thì giúp Chính phủ và Đoàn thể kiểm tra công việc và hành vi của các cán bộ. Như vậy, thì chúng ta tránh khỏi nhiều khuyết điểm, phát triển được nhiều ưu điểm”¹⁸⁷

Hiện nay, hoạt động của các cơ quan nhà nước nói chung và hoạt động thanh tra, kiểm tra của các cơ quan nhà nước nói riêng dường như vẫn khép kín trước nhân dân; nhân dân vẫn phải “kính nhi viễn chi” đối với các hoạt động thanh tra, kiểm tra của các cơ quan chức năng. “Tai”, “mất” nhân dân nhìn thấy mọi biểu hiện lành mạnh hay không lành mạnh trong hoạt động của mọi cơ quan, mọi chức danh nhà nước nhưng “Tai”, “mất” ấy vì nhiều lý do vẫn ít khi được cơ quan nhà nước trọng dụng thực sự. Trong các báo cáo tổng kết hoạt động của các cơ quan, tổ chức, khi đánh giá về những nguyên nhân khách quan và chủ quan tác động tới kết quả và hiệu quả công việc, chúng ta khó có thể gặp được những dòng nào đánh giá về vai trò, ảnh hưởng của nhân

¹⁸⁵ Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 5, NXB Chính trị Quốc gia, H.1995, trang 288

¹⁸⁶ Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 5, NXB Chính trị Quốc gia, H.1995, trang 286

¹⁸⁷ Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 6, NXB Chính trị Quốc gia, H.1996, trang 66

dân, của quần chúng. Đây cũng là vấn đề mà chúng ta hiện nay cần phải suy nghĩ một cách nghiêm túc.

3.4 Phải trân trọng và cầu thị đối với sự giám sát của nhân dân

Một điều cực kỳ quý trong luận điểm của Hồ Chí Minh về việc kết hợp giữa thanh tra, kiểm tra của Nhà nước với giám sát của nhân dân là thái độ trân trọng của một người đứng đầu Đảng, đứng đầu Nhà nước đối với nhân dân trong việc kêu gọi nhân dân thực hiện quyền giám sát đối với Nhà nước. Chúng ta hãy xem lại cách kêu gọi nhân dân của Người: “Xin đồng bào hãy phê bình, giúp đỡ giám sát công việc Chính phủ”¹⁸⁸; “Chính phủ rất mong đồng bào giúp đỡ, đôn đốc, kiểm soát và phê bình để làm tròn nhiệm vụ của mình là người đầy tớ trung thành tận tụy của nhân dân”¹⁸⁹ Ngay đối với những việc mà Nhà nước chưa đáp ứng được đòi hỏi của nhân dân, Người không đổ lỗi cho khách quan mà thẳng thắn thay mặt Chính phủ nhận lỗi và xin nhân dân lượng thứ: “Còn những việc làm, mà chưa làm được thì xin đồng bào nguyên lượng”¹⁹⁰. Lời lẽ của người đứng đầu đảng cảm quyền, đứng đầu Nhà nước nói với dân rất gần gũi, ấm áp tình người nhưng cũng chứa đựng nặng trách nhiệm như vậy dường như xoá bỏ mọi khoảng cách giữa Người, giữa Đảng và Nhà nước do Người đứng đầu với quần chúng nhân dân. Điều này là hiếm xảy ra ở một nước vốn trải qua hàng ngàn năm phong kiến, nơi mà ý thức hệ phong kiến về đẳng cấp ngay đến thời điểm hiện nay cũng đâu phải đã xoá tan. Đây có lẽ là yếu tố “thần” nhất, cốt lõi nhất, tinh túy nhất trong luận điểm của Người về sự kết hợp giữa thanh tra, kiểm tra của Nhà nước với giám sát của nhân dân, là một trong những yếu tố góp phần tạo nên vóc dáng Hồ Chí Minh trong lòng dân tộc. Theo chúng tôi, để có được thái độ, ý thức đối với nhân dân như của Hồ Chí Minh là điều mà đội ngũ cán bộ, công chức chúng ta còn phải nỗ lực rất nhiều.

Như vậy, theo Hồ Chí Minh, kết hợp chặt chẽ giữa thanh tra, kiểm tra của Nhà nước với giám sát của nhân dân là một yêu cầu tất yếu đặt ra trong quá trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước của dân, do dân và vì dân. Trong một nhà nước thực sự của dân, do dân và vì dân thì thanh tra, kiểm tra của Nhà nước và giám sát của nhân dân đối với nhà nước phải gắn bó chặt chẽ, hoà đồng với nhau, là hai mặt không thể thiếu của một tổng thể và là yếu tố bảo đảm hiệu quả cho nhau. Có kết hợp chặt chẽ thanh tra, kiểm tra của Nhà nước với giám sát của nhân dân thì chúng ta mới có thể xây dựng được Nhà nước thực sự của dân, do dân và vì dân trên thực tế.

¹⁸⁸ Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 5, NXB Chính trị Quốc gia, H.1995, trang 61

¹⁸⁹ Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 7, NXB Chính trị Quốc gia, H.1996, trang 361-362

¹⁹⁰ Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 5, NXB Chính trị Quốc gia, H.1995, trang 61

III. MẤY SUY NGHĨ VỀ VIỆC NGHIÊN CỨU VÀ VẬN DỤNG LUẬN ĐIỂM CỦA HỒ CHÍ MINH

Luận điểm về kết hợp giữa thanh tra, kiểm tra của Nhà nước với giám sát của nhân dân đối với nhà nước là một bộ phận trong hệ thống luận điểm về nhà nước của Hồ Chí Minh, góp phần cấu thành nên tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng và hoàn thiện nhà nước của dân, do dân, vì dân.

Trong thời gian qua, luận điểm này mới chủ yếu chỉ được đề cập đến ở lĩnh vực nghiên cứu, lý luận mà chưa được triển khai vận dụng nhiều trong cuộc sống hoặc nếu có thì cũng còn mang nặng tính hình thức, hiệu quả chưa cao.

Ngay trong lĩnh vực nghiên cứu lý luận thời gian qua cũng như hiện nay, tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề thanh tra, kiểm tra của Nhà nước với giám sát của nhân dân đối với nhà nước dường như còn bị chia tách thành hai đối tượng nghiên cứu riêng biệt mà chưa thấy hết sự gắn kết hữu cơ, mật thiết dường như không thể tách rời giữa chúng trong tư tưởng của Người. Điều này có lẽ đã làm ảnh hưởng nhất định tới việc nhận thức cũng như vận dụng một cách đúng đắn và có hiệu quả tư tưởng Hồ Chí Minh. Do vậy, việc nhận thức đúng đắn sự gắn kết giữa hai vấn đề này vừa có ý nghĩa lý luận, vừa có ý nghĩa thực tiễn to lớn.

Luận điểm của Hồ Chí Minh về kết hợp giữa thanh tra, kiểm tra của Nhà nước với giám sát của nhân dân đối với nhà nước có cơ sở lý luận và thực tiễn sâu sắc. Với tính chất khoa học và tiên bộ của mình, luận điểm này đã và đang phát huy vai trò chỉ đạo có tính nguyên tắc đối với sự nghiệp xây dựng và hoàn thiện Nhà nước của dân, do dân và vì dân ở nước ta. Tuy nhiên, như đã trình bày, chúng ta cần nhận thức sâu sắc rằng: Luận điểm của Hồ Chí Minh là luận điểm mở. Việc nghiên cứu và vận dụng luận điểm này của Người cần phải đặt trong quá trình phát triển đi lên của xã hội, của đất nước và gắn liền với từng điều kiện cụ thể, không thể hiểu và áp dụng một cách cứng nhắc, máy móc.

Sinh thời, Hồ Chí Minh luôn đề cao và yêu cầu mỗi người phải thực hiện tốt phương châm: Lời nói đi đôi với việc làm, lý luận liên hệ với thực tế. Cuộc đời Người cũng là tấm gương mẫu mực của việc thực hiện phương châm đó. Hiện nay, toàn Đảng, toàn dân ta đang thực hiện việc học tập và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh, thiết nghĩ cũng cần thiết phải thấm nhuần phương châm nêu trên, phải biến tư tưởng Hồ Chí Minh thành những hoạt động thiết thực trong công tác hàng ngày của mỗi cán bộ, công chức, mỗi đảng viên, mỗi cơ quan, tổ chức. Có thể nói thực sự là học tập và vận dụng tư tưởng của Người

Tuy nhiên, vận dụng luận điểm của Người vào thực tiễn hiện nay như thế nào là vấn đề không đơn giản. Có những vấn đề chúng ta còn phải tiếp tục nghiên cứu sâu hơn, tìm ra biện pháp và cần phải có quyết tâm thực sự để vận dụng một cách đúng đắn nhưng có sáng tạo vào thực tế hiện nay như:

- Làm thế nào để quần chúng nhân dân không chỉ thực hiện được việc thanh tra tại địa bàn, tại cơ sở mà còn có thể giám sát được hoạt động của các cơ quan, công chức nhà nước từ cơ sở tới các cơ quan quản lý các cấp, từ xã, phường, thị trấn tới các cơ quan trung ương, tức là “từ dưới lên”, như Người đã căn dặn ?

- Làm thế nào để kết hợp và phát huy được vai trò tham gia của nhân dân trong các hoạt động thanh tra, kiểm tra của các cơ quan nhà nước?

- Làm thế nào để động viên được tinh thần và lực lượng tích cực của mọi thành phần quần chúng nhân dân trong việc giám sát Nhà nước?

- Các hình thức giám sát nào của nhân dân cần được phát huy trong tình hình hiện nay?...

Để tìm ra lời giải cho những bài toán trên quả là không dễ dàng. Nhưng, sẽ lại là không khó nếu như Đảng ta, Nhà nước ta và đội ngũ cán bộ, công chức chúng ta thực sự (chứ không phải chỉ là hô hào, khẩu hiệu, phát động phong trào...) thấm nhuần và nỗ lực thực hiện được những điểm cốt lõi trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Đó vẫn là nhiều điều hết sức giản dị như: ý thức công bộc, biết vì hạnh phúc của nhân dân, dám đặt lợi ích của nhân dân lên trên lợi ích cá nhân, lợi ích cục bộ và biết tôn trọng dân, biết dựa vào dân, phát huy sức mạnh của nhân dân. Thấm nhuần được những điều này, mỗi cơ quan, mỗi tổ chức, mỗi cán bộ, công chức sẽ thấy “sáng mắt, sáng lòng”, sẽ thấy mình phải làm gì và làm như thế nào trong mỗi công tác hàng ngày. Lúc đó, chúng ta tin tưởng vững chắc rằng, nhất định sẽ “xây đài thắng lợi trên nền nhân dân”, như Người từng tin tưởng./.

CỦNG CỐ TỔ CHỨC, TĂNG CƯỜNG CHỈ ĐẠO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN THANH TRA NHÂN DÂN, SỰ CỤ THỂ HOÁ VÀ VẬN DỤNG SÁNG TẠO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ NHÂN DÂN GIÁM SÁT NHÀ NƯỚC, CÁN BỘ NHÂN VIÊN NHÀ NƯỚC

Đỗ Duy Thường

*Phó Chủ tịch Ủy ban Trung ương
Mặt trận Tổ quốc Việt Nam*

Trải qua các thời kỳ của Cách mạng Việt Nam trong đấu tranh giành độc lập, xây dựng và bảo vệ đất nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta luôn nắm vững tư tưởng “Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng”, mọi công việc của đất nước phải có quần chúng đóng góp công sức, không có quần chúng thì không làm gì được “dễ mười lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong” và đã nâng lên thành bài học có tính nguyên tắc “Dân là gốc, phát huy vai trò làm chủ của nhân dân”.

Vận dụng bài học này vào giai đoạn cách mạng mới, Đảng ta coi “làm chủ của nhân dân là bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa cần được thể hiện trong mọi lĩnh vực của đời sống”. Mối quan hệ Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý đã trở thành cơ chế chung trong quản lý toàn xã hội. Mở rộng dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy quyền làm chủ của nhân dân được Đảng ta coi là mục tiêu, đồng thời là động lực bảo đảm cho thắng lợi của Cách mạng. Trong dân chủ xã hội chủ nghĩa có dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện. Cơ chế dân chủ đại diện đã được xây dựng và phát triển, từng bước được củng cố và hoàn thiện theo sự phát triển của đất nước. Dân chủ trực tiếp ở nước ta đã được định hướng trong văn kiện Đảng, nhất là từ Đại hội VI đến Đại hội IX trên cơ sở cụ thể hoá và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh, đã từng bước mở rộng, thông qua quyền làm chủ của nhân dân trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội với phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”.

Đảng và Nhà nước ta luôn tôn trọng và không ngừng phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tạo ra sức mạnh to lớn góp phần quyết định vào sự thành công của Cách mạng. Thanh tra nhân dân là sự thể hiện quan điểm cơ bản, sáng tạo của Đảng trong việc tổ chức, động viên, tập hợp sức mạnh của quần chúng nhân dân tham gia giám sát, củng cố để xây dựng nhà nước thực sự của dân, do dân và vì dân; đồng thời tạo điều kiện để nhân dân trực tiếp tham gia vào quá trình thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của các cấp chính

quyền cơ sở, góp phần củng cố, xây dựng chính quyền cơ sở vững mạnh, trong sạch, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Luật Thanh tra được Quốc hội nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XI, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 15 tháng 6 năm 2004, thì thanh tra nhân dân là hình thức giám sát của nhân dân thông qua Ban Thanh tra nhân dân đối với việc thực hiện chính sách, pháp luật; việc giải quyết khiếu nại, tố cáo; việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm ở xã, phường, thị trấn...

Điều 11 của Luật Thanh tra quy định: Ban Thanh tra nhân dân được thành lập ở xã, phường, thị trấn do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, phường, thị trấn hướng dẫn tổ chức chỉ đạo hoạt động.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn có trách nhiệm tạo điều kiện để Ban Thanh tra nhân dân thực hiện nhiệm vụ của mình.

Như vậy, Thanh tra nhân dân là công cụ giám sát của nhân dân ở cơ sở do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã hướng dẫn, tổ chức, chỉ đạo hoạt động nhằm phát huy quyền dân chủ của nhân dân lao động, tạo điều kiện để nhân dân tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nói: Thanh tra là tai mắt của trên, là người bạn của dưới¹⁹¹. Thông qua hoạt động của mình các Ban Thanh tra nhân dân thực hiện quyền lực của nhân dân để giám sát mọi hoạt động của của cơ quan nhà nước và mọi cá nhân ở địa phương trong việc thi hành chính sách pháp luật và những quy định của địa phương. Ban Thanh tra nhân dân không chỉ là chủ thể để tiến hành giám sát phát hiện mà còn là phương tiện để nhân dân tham gia giám sát. Nhiệm vụ hàng đầu của Thanh tra nhân dân là giám sát thường xuyên, tại chỗ việc thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của nhà nước; đồng thời động viên nhân dân tham gia giám sát, phát hiện nhằm xây dựng chính quyền thực sự là chính quyền của dân, do dân, vì dân; tôn trọng và phát huy quyền dân chủ của nhân dân. Chính vì vậy, nhiệm vụ của Ban Thanh tra nhân dân chính là góp phần vào việc xây dựng chính quyền nhà nước và bảo vệ pháp luật, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước ở địa phương. Đúng như lời Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng mong mỏi: “Chính phủ ta là Chính phủ của nhân dân, chỉ có một mục đích là ra sức phụng sự lợi ích của nhân dân. Chính phủ rất mong đồng bào giúp đỡ, đôn đốc, kiểm soát và phê bình để làm tròn nhiệm vụ của mình là người đầy tớ trung thành tận tụy của nhân dân”¹⁹².

¹⁹¹ Chủ tịch Hồ Chí Minh với công tác Thanh tra, Thanh tra Nhà nước, HN.2002, trang 5

¹⁹² Hồ Chí Minh: toàn tập, tập 7, trang 361 - 362

I. VỀ TỔ CHỨC VÀ CÔNG TÁC CÙNG CÓ CÓ TỔ CHỨC CÁC BAN THANH TRA NHÂN DÂN

Khi đề cập đến vai trò của nhân dân giám sát, kiểm tra hoạt động của Nhà nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: *“Phải tổ chức sự kiểm soát, mà muốn kiểm soát đúng thì cũng phải có quần chúng giúp mới xong.*

Nghĩa là, một giây, một phút cũng không thể giảm bớt mối liên hệ giữa ta và dân chúng.

*Nghĩa là phải lắng tai nghe ý kiến của Đảng viên, của nhân dân, của những người “không quan trọng””.*¹⁹³

Ngày 19.3.1990 Hội đồng nhà nước ban hành Pháp lệnh thanh tra, trong đó có quy định về Thanh tra nhân dân và giao cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp có trách nhiệm tổ chức chỉ đạo hoạt động Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn. Để thực hiện những quy định của Pháp lệnh Thanh tra về thanh tra nhân dân, ngày 5.8.1991 Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) đã ban hành Nghị định số 241 quy định “về tổ chức và hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân”. Nhận thức rõ trách nhiệm của mình đối với tổ chức Thanh tra nhân dân xã, ngày 25.11.1991 Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã ban hành Thông tri số 08 hướng dẫn cụ thể, chi tiết về tổ chức và hoạt động của Thanh tra nhân dân nhằm phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong việc giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước, cán bộ viên chức nhà nước, nhất là với cán bộ chính quyền ở cơ sở.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp đã xác định đây là một nhiệm vụ quan trọng của mình nên để triển khai và thực hiện Pháp lệnh Thanh tra, Nghị định 241 và Thông tri số 08, ở hầu hết các tỉnh đã tiến hành thành lập Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn về cơ bản là đảm bảo đúng nguyên tắc thành lập, cụ thể như: Ban công tác Mặt trận giới thiệu danh sách người ứng cử để nhân dân bầu, như vậy Ủy viên TTND sẽ là người được nhân dân ở thôn, xóm, bản, ấp, tổ dân phố bầu trực tiếp từ dưới lên; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã ra quyết định công nhận và thông báo cho Hội đồng nhân dân cùng cấp được biết. Trong thời gian này, hầu hết Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các tỉnh đã mở nhiều đợt tuyên truyền, phổ biến nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ và nhân dân ở địa phương về vai trò, vị trí, chức năng, nhiệm vụ và ý nghĩa của tổ chức Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn. Nhìn chung, từ năm 1991 đến năm 1993 tổ chức Thanh tra nhân dân đã được thành lập ở phần lớn các xã, phường, thị trấn trong toàn quốc và hoạt động đã mang lại những kết quả bước đầu đáng khích lệ.

¹⁹³ Chủ tịch Hồ Chí Minh với công tác Thanh tra, Thanh tra Nhà nước, HN.2002, trang 114

Tuy nhiên, từ năm 1994 đến 1996 về tổ chức và hoạt động của TTND có chiều hướng đi xuống do nhiều nguyên nhân: về nhận thức của các cấp, các ngành ở nhiều địa phương, về cơ chế giám sát và nhất là thiếu những quy định ràng buộc về trách nhiệm của chính quyền trả lời kiến nghị của TTND, về kinh phí thực hiện và đặc biệt là những hạn chế do thiếu kinh nghiệm chỉ đạo của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp ở địa phương. Do vậy, ở nhiều địa phương TTND chưa được quan tâm đúng mức dẫn đến tình trạng nơi TTND đã được thành lập thì hoạt động cầm chừng, thậm chí không hoạt động hoặc chuyển sang làm công tác hoà giải. Những địa phương chưa thành lập được Ban TTND thì dừng lại không thành lập nữa.

Trước tình hình này, năm 1996 Ban thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quyết định các cơ sở xã, phường toàn quốc tổng kết 5 năm thực hiện công tác Thanh tra để khẳng định lại vai trò và tầm quan trọng của công tác TTND; yêu cầu Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các tỉnh, thành phố tham mưu cho cấp uỷ, phối hợp với chính quyền cùng cấp để tiếp tục chỉ đạo kiện toàn, củng cố về tổ chức các ban thanh tra nhân dân, hướng hoạt động các ban này đúng mục đích, có hiệu quả.

Từ năm 1998, sau khi có Chỉ thị 30 của Bộ chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ và Nghị định 29 CP của Chính phủ ban hành Quy chế thực hiện dân chủ ở xã và tiếp theo năm 1999, Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam được ban hành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp đã tăng cường tính chủ động, tích cực đề xuất với cấp uỷ đảng và phối hợp với chính quyền cùng cấp có chỉ thị và kế hoạch để củng cố và kiện toàn tổ chức TTND. Ban Thanh tra nhân dân đã có những chuyển biến hết sức mạnh mẽ trong việc củng cố và kiện toàn lại tổ chức và hoạt động; tiến hành thành lập mới các Ban TTND ở những nơi chưa thành lập hoặc thành lập không đảm bảo đúng nguyên tắc.

Đặc biệt, sau hội nghị tổng kết 10 năm công tác Thanh tra nhân dân xã, phường, thị trấn; nhất là khi có Thông tư liên tịch giữa Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Bộ Tài chính hướng dẫn về kinh phí hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân, đến nay tổ chức và hoạt động của Thanh tra nhân dân đã có nhiều khởi sắc, 100% xã, phường, thị trấn ở 64 tỉnh, thành phố trong cả nước đã có tổ chức Thanh tra nhân dân; tình trạng Ban Thanh tra nhân dân bầu không đúng theo quy định của pháp luật đã được khắc phục; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp đã chủ động đề xuất với cấp uỷ phối hợp với chính quyền cùng cấp tạo ra sự thống nhất về nhận thức đối với tổ chức Thanh tra nhân, trên cơ sở đó mà tổ chức này ngày càng được xác định rõ vai trò, vị trí của mình ở cơ sở, chất lượng về tổ chức và hoạt động được nâng lên rõ rệt.

Về số lượng Ủy viên Thanh tra nhân dân nhìn chung bảo đảm theo hướng dẫn của Trung ương, chất lượng Ủy viên Thanh tra được nâng lên, ngoài việc họ là người gương mẫu trong lao động sản xuất, chấp hành tốt mọi chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước, am hiểu sâu sắc về chính sách, pháp luật và tình hình của địa phương, còn phải được nhân dân tín nhiệm lựa chọn bầu để thay mặt cho nhân dân thực hiện quyền làm chủ của nhân dân. Về thực hiện miễn nhiệm, bổ sung và kết thúc nhiệm kỳ Ủy viên Thanh tra nhân dân đã khắc phục dần những hạn chế, thiếu sót trước đây, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp đã coi trọng công tác củng cố, kiện toàn về tổ chức của Ban TTND, đảm bảo tiêu chuẩn, bầu đúng quy trình, đủ số lượng và bảo đảm dân chủ theo đúng nhiệm kỳ là hai năm, chú trọng đến những người có bản lĩnh và đạo đức cách mạng.

Theo khảo sát, đánh giá năm 2001 (ở 44 tỉnh, thành phố trong toàn quốc), phân loại về chất lượng hoạt động của các Ban TTND như sau:

- 580 Ban hoạt động đạt kết quả tốt = 7,69%
- 2866 Ban hoạt động đạt kết quả khá = 38,01%
- 2887 Ban hoạt động đạt kết quả trung bình = 38,28%
- 1208 Ban hoạt động đạt kết quả yếu = 16,02%

Khảo sát chất lượng hoạt động của Ủy viên Thanh tra nhân dân ở 6 tỉnh cho thấy:

- 3581 Ủy viên hoạt động đạt kết quả tốt = 47,6%
- 3186 Ủy viên hoạt động đạt kết quả trung bình = 42,3%
- 755 Ủy viên hoạt động đạt kết quả yếu = 10,01%

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nói: “Các Ban thanh tra làm việc tốt hay kém, nhanh hay chậm trước hết do bản thân mỗi Ban cố gắng, mỗi cán bộ thanh tra cố gắng nhiều hay ít,... Các cấp lãnh đạo cần quan tâm đến Ban Thanh tra làm việc tốt”¹⁹⁴. Cán bộ thanh tra nhân dân là tai mắt của nhân dân, tai mắt có sáng suốt thì người mới sáng suốt.

Thực tế vận dụng lời dạy này của Người có thể thấy rằng, nơi nào cấp ủy, chính quyền và Mặt trận Tổ quốc quán triệt và thực hiện nghiêm chỉnh những quy định của pháp luật về Thanh tra nhân dân, nhận thức đầy đủ và coi trọng về vai trò, vị trí của tổ chức Thanh tra nhân dân; quan tâm, lãnh đạo, phối hợp chỉ đạo, tạo điều kiện thuận lợi cho thanh tra nhân dân hoạt động và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xác định công tác TTND là một nhiệm vụ của công

¹⁹⁴ Một số văn kiện về công tác thanh tra, trang 11,15.HCM toàn tập, tập 10, trang 81 - 82

tác Mặt trận thì nơi đó, địa phương đó, tổ chức thanh tra nhân dân được phát triển, phát huy và hoạt động có hiệu quả thiết thực, góp phần xây dựng chính quyền cơ sở trong sạch, vững mạnh, tình hình xã hội ổn định, kinh tế phát triển. Có nghĩa là thực hiện triệt để phương châm của Chủ tịch Hồ Chí Minh “cầu đồng tồn dị” lấy cái chung để hạn chế cái riêng, đoàn kết là phải có đấu tranh, đấu tranh để tăng cường đoàn kết.

II. VỀ TĂNG CƯỜNG CHỈ ĐẠO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN THANH TRA NHÂN DÂN

Việc làm này được tập trung chỉ đạo mạnh mẽ từ trung ương đến cơ sở từ năm 1998, sau khi đã kiện toàn, củng cố về tổ chức thành lập Ban TTND ở hầu hết xã phường, thị trấn, công tác tập huấn nghiệp vụ cho Thanh tra viên được Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp chú trọng. Hàng năm tổ chức tập huấn cho người làm công tác TTND với 3 nội dung cơ bản: tổ chức và hoạt động của Ban TTND, nghiệp vụ công tác thanh tra nhân dân và cập nhật kiến thức pháp luật. Nét mới trong công tác tập huấn nghiệp vụ Ban TTND trong những năm gần đây là gắn giữa lý thuyết và thực hành, liên hệ giữa lý luận và thực tiễn, giới thiệu trao đổi kinh nghiệm giải quyết những vụ việc phức tạp để rút kinh nghiệm, phổ biến cách làm hay, đạt hiệu quả cao. Mặt khác, thông qua các cuộc họp giao ban cụm các địa phương đôn đốc kiểm tra thực hiện nhiệm vụ theo chương trình công tác chuyên môn, thường xuyên uốn nắn những sai lệch về tổ chức và hoạt động của Ban TTND góp phần nâng cao hiệu quả trong công tác của TTND.

Hàng năm, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp đã chủ động lên kế hoạch hướng dẫn và chỉ đạo nội dung hoạt động của Ban TTND trên cơ sở bám sát nhiệm vụ chính trị ở địa phương và sự lãnh đạo của Đảng. Hướng hoạt động của Thanh tra nhân dân vào những nội dung bức xúc như: ngoài 3 nội dung cơ bản trong hoạt động giám sát của Ban TTND theo quy định của pháp luật cần tập trung và chú trọng đến việc giám sát thực hiện Quy chế dân chủ, trong đó chú trọng giám sát việc xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước, giám sát việc thực hiện chính sách kinh tế - xã hội ở địa phương, nhất là việc quản lý nhà đất, vấn đề xây dựng hạ tầng cơ sở, giải phóng mặt bằng, các loại quỹ do dân đóng góp; giám sát chính quyền trong việc tiếp dân và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, cố gắng thực hiện tốt phương châm mọi khiếu kiện ở địa phương được chính quyền giải quyết dứt điểm ngay từ cơ sở, không để xảy ra tình trạng khiếu kiện đông người, vượt cấp trở thành điểm nóng. Thông qua giám sát, phát hiện cá nhân, tập thể vi phạm pháp luật, tiêu cực, tham nhũng, kiến nghị Đảng, chính quyền kiểm tra, xử lý và khắc phục ngay những thiếu sót trong công tác quản lý của chính quyền cơ sở. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã phối hợp với Ban TTND thường xuyên lắng nghe ý kiến, kiến nghị của

nhân dân, nắm chắc những vấn đề bức xúc ở cơ sở để phản ánh, kiến nghị với Đảng, chính quyền xem xét, giải quyết kịp thời.

Hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân sau khi được củng cố và kiện toàn về tổ chức, tăng cường chỉ đạo hoạt động đã đạt được những kết quả như sau:

Sau khi được kiện toàn về tổ chức, các Ban TTND đã tiến hành xây dựng chương trình công tác hàng tháng, hàng quý, hàng năm trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của mình và chương trình công tác của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp, nhiệm vụ phát triển kinh tế của địa phương, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân và Quyết định của Ủy ban nhân dân xã. Trong quá trình hoạt động, Thanh tra nhân dân đã chủ động tuyên truyền, vận động nhân dân cùng tham gia giám sát. Khi phát hiện những vụ việc nghiêm trọng, phức tạp, thanh tra nhân dân thận trọng thăm dò, lắng nghe ý kiến của nhiều tổ chức, cá nhân có liên quan đến vụ việc, đồng thời báo cáo lên thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cơ sở, tiến hành xác minh làm rõ mức độ vi phạm và kiến nghị chính quyền xem xét, giải quyết. Nhiều nơi thanh tra nhân dân duy trì chế độ giao ban đều đặn với Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã, theo dõi kết quả giải quyết của chính quyền, các ngành chức năng và thông báo đến nhân dân. Qua hoạt động vai trò của Thanh tra nhân dân được khẳng định, nhân dân tin tưởng, ủng hộ và cung cấp cho Thanh tra nhân dân nhiều nguồn tin quan trọng liên quan đến hoạt động giám sát.

1. Vai trò của Thanh tra nhân dân

Theo quy định của Pháp lệnh Thanh tra, các văn bản pháp luật khác có liên quan và nay thay bằng Luật Thanh tra mới có hiệu lực thi hành, chức năng chủ yếu của Thanh tra nhân dân là giám sát: giám sát việc thực hiện chính sách pháp luật, việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở. Khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật thì kiến nghị người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật và giám sát việc thực hiện kiến nghị đó.

1.1 Giám sát việc thực hiện chính sách – pháp luật ở cơ sở

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ ra: *Dân phải biết quyền hạn của mình, phải biết kiểm soát cán bộ để giúp cán bộ thực hiện chữ Liêm. Để thực hiện chữ Liêm, cần có tuyên truyền và kiểm soát, giáo dục và pháp luật, từ trên xuống, từ dưới lên trên*¹⁹⁵.

Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn là cấp chính quyền cơ sở có nhiệm vụ quản lý kinh tế, văn hoá, xã hội, chấp hành chính sách pháp luật của

¹⁹⁵ Một số văn kiện về công tác Thanh tra, trang 11,15.HCM toàn tập, tập 10, trang 81 - 82

nhà nước ở địa phương theo quy định của pháp luật. Do đó, trong quá trình quản lý, Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân trao quyền thay mặt mình để quản lý xã hội thuộc địa phương mình. Đây là chức năng chính của chính quyền nhà nước. Bản chất nhà nước ta là nhà nước của dân, do dân, vì dân, là sự tập trung mọi quyền lực của nhân dân, thay mặt nhân dân để quản lý xã hội; song với tính chất quyền lực thuộc về nhân dân nên nhân dân có quyền kiểm tra, giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước thông qua tổ chức của mình là Ban TTND.

Thực tế những năm qua cho thấy giám sát là một hoạt động còn mới mẻ và khó khăn. Trong phạm vi nhất định Thanh tra nhân dân đã tập trung vào giám sát việc thực hiện những chính sách pháp luật liên quan đến quyền và nghĩa vụ của công dân, như xoá đói giảm nghèo, đền ơn đáp nghĩa, lao động công ích; giám sát hoạt động của các đại biểu dân cử; việc thu chi, quản lý các loại quỹ từ nhân dân đóng góp; việc thực hiện chính sách pháp luật với người có công, việc quản lý đất đai, trật tự đô thị; các công trình xây dựng, các chính sách kinh tế, xã hội. Qua giám sát Thanh tra nhân dân đã phát hiện và kiến nghị nhiều vụ việc vi phạm, giúp chính quyền và các cơ quan chức năng xử lý nhiều cán bộ vi phạm, thu về cho ngân sách nhà nước hàng chục tỷ đồng, hàng trăm nghìn m² đất, hàng trăm tấn thóc... Đặc biệt là giúp chính quyền cơ sở khắc phục những thiếu sót trong công tác quản lý của mình. Có thể nêu một số ví dụ sau đây:

Hải dương: từ năm 1998 đến năm 2003 các Ban TTND đã giám sát, phát hiện 12.438 vụ việc, đã kiến nghị chính quyền và các ngành chức năng 10.849 vụ, được chính quyền và các ngành giải quyết 9.351 vụ. Riêng năm 2003, TTND ở các địa phương, cơ sở đã giám sát phát hiện 3.832 vụ, kiến nghị chính quyền và các ngành chức năng giải quyết được 3.191 vụ, thu hồi cho tập thể 10.249 kg thóc, 332 triệu đồng, xử lý trên 100 cán bộ và gần 2000 cá nhân vi phạm. ở Lào Cai: Ban TTND huyện Mường KHương đã phát hiện và kiến nghị cơ quan Thanh tra huyện xem xét một số vụ vi phạm nguyên tắc quản lý tài chính, sử dụng vốn sai mục đích. Truy thu về ngân sách tổng 627.642.377 đồng. Ở Thành phố Hà nội: từ năm 1998 đến 2003 Ban Thanh tra nhân dân đã giám sát phát hiện và kiến nghị 7.043 vụ. Thông qua kiến nghị của Mặt trận Tổ quốc và TTND các cơ quan chức năng đã xem xét giải quyết 5.621 vụ, thu hồi 4 tỷ 229 triệu đồng và 151.355m² đất. Ở tỉnh Kontum: Ban Thanh tra nhân dân đã giám sát các chương trình đầu tư hỗ trợ của nhà nước, qua giám sát phát hiện nhiều vụ việc vi phạm, đã có kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý nghiêm minh những vi phạm trong việc sử dụng vốn sai mục đích đầu tư, chất lượng công trình đầu tư ở cơ sở kém, chưa đưa vào sử dụng đã bị hư hỏng 500 công trình, tiền trợ giá, trợ cước không

đến tay người dân, vốn xoá đói giảm nghèo cho vay sai đối tượng (riêng xã ĐăkLong huyện ĐăkGlei cho vay sai đối tượng 700 triệu đồng, các mặt hàng cấp không theo quyết định 168 cấp tùy tiện, sai đối tượng, gạo cứu đói chia đều cho các xã, mua gạo kém chất lượng giá cao để cấp cho dân,...)

1.2 Giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn

Đối với công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng căn dặn: *“Nhiệm vụ của Ban Thanh tra là phải làm cho nghiêm chỉnh, kịp thời, làm sớm chừng nào hay chừng ấy. Giải quyết tốt, kịp thời thư khiếu tố của nhân dân là biểu thị tinh thần của các cơ quan nhà nước trước nhân dân, là thiết thực bảo đảm quyền tự do dân chủ của nhân dân, thỏa mãn những yêu cầu thiết thân của nhân dân, nhờ đó, mối liên hệ giữa nhà nước và nhân dân sẽ được tăng cường”*¹⁹⁶. Người cho rằng giải quyết khiếu nại tố cáo chính là một biện pháp quan trọng và thiết thực để củng cố mối quan hệ giữa nhân dân với Đảng và Nhà nước.

Trong nhiều năm qua, tình hình khiếu kiện trong nhân dân có nhiều bức xúc, có những năm số vụ việc tăng lên rất nhiều, nhiều vụ việc phức tạp, kéo dài, tính chất gay gắt liên quan đến giải quyết tranh chấp đất đai, áp dụng giá đền bù khi giải phóng mặt bằng, môi trường ô nhiễm, tiêu cực, tham nhũng liên quan đến cán bộ, việc điều hành và quản lý ở địa phương... đòi hỏi các cấp các ngành phải nâng cao trách nhiệm của mình trong việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân. Thanh tra nhân dân ở xã, phường đã tích cực giám sát giải quyết khiếu nại, tố cáo ngay từ cơ sở, góp phần hạn chế tình trạng đơn thư vượt cấp, khiếu kiện đông người. Thực tế cho thấy, nơi nào TTND thực hiện tốt chức năng này và có kiến nghị chính quyền kịp thời giải quyết thì nơi đó rất ít đơn thư khiếu nại vượt cấp, tình hình xã hội ổn định. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, TTND đã phân công cụ thể từng ủy viên phụ trách từng địa bàn để thu thập ý kiến, kiến nghị của nhân dân, đặt hòm thư để nhân dân phản ánh ý kiến để kiến nghị chính quyền và các ngành chức năng giải quyết và trả lời đơn thư cho công dân đúng thời hạn quy định, do vậy, việc giải quyết đơn thư khiếu nại của công dân có nhiều chuyển biến tích cực trong những năm gần đây. Nhiều nơi, chính quyền đã mời TTND tham gia tiếp dân và tham gia giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo

Theo cáo cáo tổng kết 10 năm công tác TTND xã, phường, thị trấn, tổng hợp ở 18 tỉnh, thành phố (Hà Nội, Huế, Sơn La, Hà Tây, Bình Phước, Bình Định, Tây Ninh, Nghệ An, Bắc Giang, Lai Châu, Lào Cai, Đắk Lắk, T/p Hồ Chí Minh, Phú Thọ, Nghệ An, Quảng Nam, Hưng yên, Quảng Ninh) TTND

¹⁹⁶ Chủ tịch Hồ Chí Minh với công tác thanh tra, trang 207,208

đã giám sát qua việc tiếp nhận đơn thư Khiếu nại, tố cáo được 97.035 đơn thư, ý kiến phản ánh của nhân dân; kiến nghị chính quyền và cơ quan chức năng xem xét, giải quyết và trả lời 80.147 vụ đạt khoảng 82,60% tổng số vụ việc kiến nghị. T/p Hồ Chí Minh: Từ năm 1999 đến 2004, Mặt trận Tổ quốc 15 phường của Quận 5 phối hợp cùng Ban Thanh tra nhân dân tổ chức giám sát 87 đợt, với hơn 1.817 vụ khiếu nại tố cáo của công dân, tham gia cùng chính quyền hòa giải thành 1.425 vụ việc đúng pháp luật, còn 392 vụ chuyển các ngành chức năng giải quyết góp phần giảm đơn thư khiếu nại lên cấp trên.

Ở tỉnh Lào Cai: từ năm 1999 đến nay, TTND đã tham gia giám sát thông qua tiếp dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của chính quyền. Trong 5 năm cả tỉnh có tổng số vụ việc khiếu nại là 8237, trong đó giải quyết được 6759 đơn đạt 82,1%, để tồn 1473 vụ = 17,80%. Tổng số vụ tố cáo là 784 trong đó tố cáo đúng là 617 = 78,69%, số không đúng là 114 = 14,54%. Kết quả thu hồi ngân sách nhà nước 852.793.000 đ, thu hồi 1635 m² đất làm nhà ở cấp quyền sử dụng đất sai đối tượng, cách chức 1 cán bộ, buộc thôi việc 18 cán bộ, 8 Đảng viên.

Tuy nhiên, ở lĩnh vực giám sát này, TTND chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu, việc tiếp nhận thông tin chưa nhiều, chưa chủ động phát hiện các hành vi vi phạm về khiếu nại tố cáo của chính quyền cơ sở. Nhiều nơi TTND chưa mạnh dạn trong hoạt động giám sát, còn e dè nể nang. Theo quy định, TTND chỉ giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của chính quyền cơ sở, song không ít nơi TTND đã trực tiếp tổ chức tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo. Một số nơi TTND nhận được đơn thư khiếu nại, tố cáo hoặc phát hiện ra những tiêu cực đã tổ chức kiểm tra ngay không thông qua ủy ban Mặt trận Tổ quốc, từ đó làm tình hình phức tạp thêm. Việc trực tiếp tổ chức tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo là một vấn đề phát sinh trên thực tế, sau hội nghị tổng kết 10 năm công tác TTND việc làm này đã được rút kinh nghiệm và uốn nắn nên đến nay đã được khắc phục. Tuy nhiên, vẫn phải thừa nhận việc giám sát giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo còn là một khâu yếu của không ít các Ban TTND, chính vì vậy ở một số nơi sự việc xảy ra không lớn, tính chất không nghiêm trọng nhưng việc khiếu nại, tố cáo của công dân không được chính quyền quan tâm, tôn trọng và giải quyết kịp thời, thỏa đáng, Ban TTND hay ủy ban Mặt trận Tổ quốc né tránh hoặc tuy có kiến nghị nhưng chính quyền không giải quyết thì cũng buông trôi, nên dẫn đến tình trạng một số nơi đơn thư khiếu kiện kéo dài, vượt cấp làm tình hình trở nên phức tạp, gây mất niềm tin ở một bộ phận nhân dân. ,

1.3 Giám sát việc thực hiện Quy chế dân chủ ở xã, phường, thị trấn

Năm 1998, Nhà nước ban hành Quy chế dân chủ ở cơ sở, trong đó quy định rõ vai trò, trách nhiệm giám sát của Thanh tra nhân dân ở các khâu “Dân được biết, dân được bàn và quyết định, Dân tham gia ý kiến để chính quyền quyết định; Dân giám sát, kiểm tra và xây dựng cộng đồng dân cư tự quản ở làng, thôn, bản, ấp. Và cũng từ đây, nhiều cơ chế cụ thể về giám sát của Thanh tra nhân dân được quy định rõ hơn. Do vậy hoạt động của Ban thanh tra nhân dân có nhiều khởi sắc Ban TTND bám vào 10 nội dung quy định trong Điều 11 của Quy chế dân chủ ở xã, phường để giám sát và động viên nhân dân giám sát. Tuy nhiên, trong 10 nội dung giám sát, TTND cũng chỉ mới tiến hành giám sát và đạt kết quả ở một số nội dung như: giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân và quyết định của ủy ban nhân dân, hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân và cán bộ xã, việc nghiệm thu và quyết toán các công trình do dân đóng góp, thu chi các loại quỹ và lệ phí, các khoản đóng góp của nhân dân, việc thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi, giúp đỡ thương bệnh binh, gia đình liệt sĩ, những người và gia đình có công với nước, giám sát việc bầu trưởng thôn, trưởng ấp.

Ví dụ: ở tỉnh Hải Dương năm 2002, nhờ thực hiện quy chế dân chủ, nhân dân được bàn, làm, kiểm tra nên đã tự nguyện đóng góp 101 tỷ đồng bằng 77,7% tổng kinh phí cải tạo, nâng cấp 1.200 km đường giao thông nông thôn, 23 tỷ đồng để nâng cấp xây dựng công trình phúc lợi, 7 tỷ đồng xây dựng 500 km kênh mương kiên cố, hưởng ứng tích cực việc chuyển đổi hơn 1.000 ha cây trồng mang lại hiệu quả cao và cũng ở những nơi này TTND thực hiện tốt việc giám sát về thu chi các loại quỹ đóng góp từ dân, nhờ vậy nguồn thu do nhân dân đóng góp để xây dựng cơ sở hạ tầng, công trình công cộng được công khai, nhân dân tin tưởng, tự nguyện đóng góp sức người, sức của để xây dựng quê hương. Hoạt động giám sát của TTND góp phần làm cho các chủ trương của Đảng, pháp luật của nhà nước, các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của ủy ban nhân dân được nhân dân bàn bạc dân chủ và thực hiện có hiệu quả hơn.

Ngoài những nội dung giám sát có kết quả và thường xuyên nêu trên, Ban TTND bước đầu đã triển khai giám sát việc dự toán và quyết toán ngân sách xã, kết quả nghiệm thu và quyết toán công trình do Nhà nước và tổ chức, cá nhân đầu tư, tài trợ trực tiếp cho xã, việc quản lý, sử dụng đất đai, kết quả thanh tra - kiểm tra giải quyết các vụ việc tiêu cực, tham nhũng của cán bộ xã. Tuy nhiên, kết quả giám sát đối với những nội dung trên còn hạn chế, ở những vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của người dân thì TTND thực hiện tốt chức năng giám sát của mình. Còn những lĩnh vực thuộc trách nhiệm chính quyền và các ngành chức năng khác, do không được tạo điều

kiện và cũng chưa có cơ chế cụ thể nên vai trò giám sát của TTND hạn chế hơn.

Theo quy định mới tại Nghị định 79/2003/NĐ-CP ngày 7/7/2003 của Chính Phủ về việc ban hành Quy chế dân chủ ở cơ sở, TTND đã phát huy trách nhiệm của mình, bám sát vào 11 nội dung giám sát quy định tại Điều 12 của Nghị định. Có thể thấy rằng, qua giám sát triển khai Quy chế dân chủ ở cơ sở cho thấy trách nhiệm của Ban TTND là hết sức quan trọng, giúp chính quyền địa phương khắc phục những thiếu sót trong công tác quản lý, chấn chỉnh những vấn đề tiêu cực của cán bộ địa phương, góp phần xây dựng chính quyền ở cơ sở trong sạch, vững mạnh.

2. Về hoạt động kiểm tra

Theo quy định cũ của Pháp lệnh Thanh tra, thì chỉ khi được tổ chức Thanh tra nhà nước yêu cầu thì Ban TTND mới tiến hành hoạt động kiểm tra. Nghị định 241 quy định cụ thể hơn là khi được tổ chức Thanh tra nhà nước cấp huyện yêu cầu thì Ban TTND mới tiến hành kiểm tra những vi phạm xảy ra ở địa bàn xã, phường. Ngoài ra, TTND còn có nhiệm vụ phối hợp, giúp đỡ tổ chức Thanh tra nhà nước khi thanh tra ở địa phương.

Theo quy định mới của Luật Thanh tra thì trong trường hợp cần thiết Thanh tra nhân dân được Chủ tịch ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn, người đứng đầu cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước giao xác minh những vụ việc nhất định. Việc xác minh này thay cho chức năng thanh tra, kiểm tra trước đây của Thanh tra nhân dân khi có yêu cầu từ ủy ban nhân dân hoặc Thanh tra nhà nước cấp trên. Việc phối hợp với Thanh tra nhà nước cấp trên khi thanh tra tại địa phương mình là điều kiện cần thiết để tiến hành hoạt động thanh tra bảo đảm chính xác, khách quan, công khai, dân chủ và kịp thời. Sự kết hợp giữa thanh tra của nhà nước với sự kiểm tra, giám sát của nhân dân thực sự và sự phối hợp từ trên xuống dưới với sự giám sát từ dưới lên trên trong một cơ chế hỗ trợ cho công tác Thanh tra, kiểm tra của Nhà nước; đồng thời, thông qua sự phối hợp này Thanh tra nhân dân có cơ hội học được những biện pháp nghiệp vụ cần thiết trong thanh tra, kiểm tra và những bước đi, trình tự, thủ tục trong hoạt động thanh tra, vì thế Thanh tra nhân dân được nâng cao trình độ, uy tín và làm tăng niềm tin của quần chúng vào tổ chức thanh tra nhân dân. Về vấn đề này Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng đã từng trích dẫn lời nói của Lê Nin: *"Cần phải dùng nhiều hình thức và phương pháp kiểm tra từ dưới lên, để nhỏ đi, nhỏ lại cho sạch những cở rác bệnh quan liêu"*¹⁹⁷

¹⁹⁷ Hồ Chí Minh toàn tập, tập 6, trang 484 - 502

và Người nói: "Các cơ quan Thanh tra chẳng những kiểm tra chống lãng phí, tham ô mà còn phải chống quan liêu, mệnh lệnh để giúp các cơ quan nhà nước cải tiến công tác, giữ gìn kỷ luật, thực hành dân chủ, góp phần củng cố bộ máy nhà nước. Phát hiện những việc lãng phí, tham ô chẳng những báo cáo với trung ương và Chính phủ biết và giải quyết mà còn giúp cho các cấp lãnh đạo các ngành, các cấp và cán bộ, công nhân viên tìm ra những nguyên nhân của nó, những biện pháp tích cực để khắc phục và cải tiến công tác"¹⁹⁸.

"Cần phải tăng cường hơn nữa việc kiểm tra đôn đốc, để kịp thời phát hiện và phổ biến những kinh nghiệm tốt và kịp thời uốn nắn những nhược điểm, những khuyết điểm"¹⁹⁹.

Theo báo cáo tổng kết công tác Thanh tra nhân dân xã, phường, thị trấn của ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tổng hợp ở 5 tỉnh (Thừa thiên Huế, Sơn La, Nghệ An, Quảng Nam, Lai Châu) trong 10 năm qua đã phối hợp với TTND hoặc tự tiến hành kiểm tra khi được TTND cấp trên yêu cầu được 1.899 vụ. kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý. Điển hình như Thanh tra nhân dân ở Nghệ An trong 10 năm (1991-2001) đã kiểm tra và phối hợp kiểm tra được 552 vụ; kết quả kiến nghị thu về cho nhà nước 1.801.435.555đ, 131.419m² đất và 34,5 tấn thóc...ở tỉnh Lào Cai: TTND các xã, huyện Văn bản phối hợp với TTND cấp huyện kiểm tra thu hồi cho ngân sách nhà nước 299.323.000 đ, kiến nghị xử lý kỷ luật 3 tập thể cơ quan, 01 doanh nghiệp và 25 cá nhân có trách nhiệm từ khiển trách đến cảnh cáo.

Tuy nhiên, nếu so sánh với quy định cũ tại Pháp lệnh thanh tra thì việc bỏ hẳn quy định này trong Luật sẽ làm hạn chế đi nhiều việc phát huy vai trò của Thanh tra nhân dân trong việc thực hiện phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra", vẫn biết rằng ở chức năng kiểm tra, Thanh tra nhân dân làm được chưa nhiều, số vụ việc do Thanh tra nhân dân tiến hành kiểm tra hoặc phối hợp với Thanh tra nhà nước tiến hành kiểm tra còn ít so với chức năng giám sát, nhưng đã mang lại kết quả thiết thực, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi để Thanh tra nhà nước tiến hành kiểm tra ở địa phương và có những kết luận nhanh chóng, chính xác và khách quan hơn; Và lại nếu quần chúng nhân dân được kiểm tra như quy định trước đây sẽ phù hợp hơn với tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh "Kiểm soát có hai cách: một cách từ trên xuống. Tức là người lãnh đạo kiểm soát kết quả những công việc của cán bộ của mình. Một cách nữa là từ dưới lên. Tức là quần chúng và cán bộ kiểm soát sự

¹⁹⁸ Một số văn kiện về công tác Thanh tra, trang 11, 15. HCM toàn tập, tập 10, trang 8/, 82.

¹⁹⁹ HCM toàn tập, tập 10, trang 380

sai lầm của người lãnh đạo và bày tỏ cái cách sửa chữa sự sai lầm đó. Cách này là cách tốt nhất để kiểm soát các nhân viên”²⁰⁰

Tóm lại, bên cạnh những mặt đạt được trong hoạt động giám sát của Thanh tra nhân dân, vẫn còn những tồn tại, hạn chế cần được rút kinh nghiệm:

- Một số nơi nhận thức về quyền giám sát của nhân dân và hoạt động của người làm công tác Thanh tra nhân dân chưa thực sự sâu sắc, một mặt do năng lực, trình độ chuyên môn còn hạn chế, chưa ngang tầm với nhiệm vụ, chưa coi trọng nhiệm vụ giám sát của mình; mặt khác nhiều nơi Ban TTND chưa xây dựng được chương trình giám sát cụ thể nên gặp lúng túng, khó khăn trong việc triển khai công tác giám sát.

- Nhiều nơi, nội dung giám sát không thực hiện được hoặc thực hiện còn hạn chế. Ví dụ về giám sát việc quản lý đất đai và việc nghiệm thu quyết toán các công trình do Nhà nước đầu tư trực tiếp cho xã, dân không được biết, được bàn, được giám sát. Việc trả lời kiến nghị của Ban TTND giám sát giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân do Mặt trận chuyển đến các cơ quan chức năng còn xem nhẹ, chưa được quan tâm, giải quyết.

- Không ít nơi sự quan tâm của cấp ủy Đảng, sự phối hợp giữa Mặt trận với Hội đồng nhân dân, các tổ chức thành viên thiếu thường xuyên, chặt chẽ, mạnh ai nấy làm nên hiệu quả hoạt động giám sát của Ban TTND mang lại không cao. Cấp ủy, chính quyền một số nơi thiếu quan tâm và chưa đầu tư chỉ đạo cho công tác này. Thậm chí có nơi còn ngăn cản, hạn chế hoạt động giám sát của Thanh tra nhân dân.

- Mặc dù đã được kiện toàn về tổ chức và tăng cường chỉ đạo của ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã song người làm công tác Thanh tra nhân dân nhiều nơi còn kiêm nhiệm, không có phụ cấp, kinh phí hoạt động ít ỏi, thời gian giành cho công tác này còn ít nên việc giám sát còn hạn chế.

Từ thực tế nêu trên có thể rút ra một số kinh nghiệm trong hoạt động giám sát của Thanh tra nhân dân như sau:

Thứ nhất, ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp cần phải đặt công tác chỉ đạo hoạt động giám sát của Ban Thanh tra nhân dân nói riêng và của ủy ban Mặt trận Tổ quốc ở cơ sở và dưới cơ sở nói chung là một nhiệm vụ thường xuyên, lâu dài, quan trọng của công tác Mặt trận. Hàng năm, hàng quý, hàng tháng phải có chương trình, kế hoạch cho công tác giám sát một cách cụ thể, trên cơ sở bám sát sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng và gắn liền với thực hiện nhiệm vụ chính trị ở địa phương, cũng như phải kịp thời nắm bắt được tâm tư, nguyện vọng và những bức xúc của các tầng lớp nhân dân. Tăng cường công

²⁰⁰ Chủ tịch Hồ Chí Minh với công tác Thanh tra, trang 6

tác chỉ đạo, hướng dẫn của ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp để Thanh tra nhân dân thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ giám sát của mình theo quy định của pháp luật.

Thứ hai, tăng cường và đẩy mạnh hơn nữa việc củng cố, kiện toàn và nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân. Hàng năm có kế hoạch tập huấn để nâng cao nghiệp vụ, kỹ năng, trình độ và hiểu biết pháp luật cho người làm công tác TTND. Đồng thời làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật rộng rãi trong các tầng lớp nhân dân làm cho mọi người hiểu được quyền và nghĩa vụ của mình, tích cực tham gia thực hiện tốt Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Nghị định 50 CP của Chính phủ, Luật khiếu nại tố cáo, Quy chế dân chủ ở cơ sở, Luật Thanh tra ... góp phần tích cực tham gia giám sát nhằm phát huy cao nhất quyền làm chủ của nhân dân theo quy định của pháp luật.

Thứ ba, người làm công tác Thanh tra nhân dân ngoài những tiêu chuẩn chung còn phải có bản lĩnh, nhiệt tình, có kiến thức nhất định về pháp luật. Có điều kiện để tham gia công tác Thanh tra nhân dân .

Thứ tư sự quan tâm lãnh đạo của Cấp ủy địa phương, đặc biệt là Tỉnh ủy và yếu tố quan trọng nhất để Mặt trận Tổ quốc ở địa phương chỉ đạo công tác TTND hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ do pháp luật quy định

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng khẳng định *"Thanh tra là nhiệm vụ vẻ vang và quan trọng, nó theo dõi, xem xét chấp hành đúng đắn đường lối, chính sách, Nghị quyết, Chỉ thị của Đảng và Chính phủ"*²⁰¹. Vận dụng nhất quán quan điểm của Người về công tác Thanh tra nhân dân, Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc ngày càng coi trọng việc phát huy vai trò và quyền làm chủ của nhân dân trong việc tham gia xây dựng chính quyền, quản lý xã hội. Củng cố tổ chức và tăng cường chỉ đạo hoạt động của ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp đối với tổ chức Thanh tra nhân dân, nhất định Thanh tra nhân dân sẽ thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình trong hoạt động, góp phần hỗ trợ cho công tác thanh tra, kiểm tra của Chính phủ. Điều đó có ý nghĩa to lớn trong việc khơi nguồn động viên và tập hợp sức mạnh của quần chúng nhân dân hăng hái tham gia xây dựng và củng cố chính quyền ở cơ sở thực sự là chính quyền của dân, do dân, vì dân, xây dựng quê hương ở mỗi địa phương ngày càng giàu mạnh, văn minh.

²⁰¹ Chủ tịch Hồ Chí Minh với công tác Thanh tra, trang 143

THANH TRA NHÂN DÂN - SỰ VẬN DỤNG SÁNG TẠO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI QUAN ĐIỂM HỒ CHÍ MINH VỀ “NHÂN DÂN GIÁM SÁT NHÀ NƯỚC” Ở CƠ SỞ

*Phạm Thị Huệ
Viện Khoa học thanh tra
Thanh tra Chính phủ*

I. CỘI NGUỒN CỦA TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VẤN ĐỀ “NHÂN DÂN GIÁM SÁT NHÀ NƯỚC”

Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, là kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác Lê Nin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại. Với cách mạng Việt nam, Chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam luôn soi đường, chỉ lối cho các cuộc cách mạng của nhân dân Việt nam đi đến thắng lợi.

Trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh, nổi bật lên là tư tưởng của Người về độc lập tự do, về xây dựng Nhà nước của nhân dân, do dân và vì dân. Ngay trong những ngày đầu sau khi nước Việt Nam ra đời, Hồ Chí Minh vẫn luôn chú ý đến quan niệm “dân là gốc” (dân vi bản) truyền thống. Không những vậy, theo đánh giá của nhà nghiên cứu Vũ Đình Hoè thì “Hồ Chí Minh đã xây dựng nước Việt Nam dân chủ cộng hoà theo những nguyên tắc “dân chủ đặc sắc” chưa từng thấy ở đâu, đó là Đảng toàn dân, Nhà nước toàn quyền, Pháp quyền toàn dân”. Quả thực, khái niệm “dân” có vị trí rất quan trọng trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh, chính vì vậy, một yêu cầu thiết yếu đặt ra khi nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề “nhân dân giám sát nhà nước” đó là tìm hiểu nguồn gốc tư tưởng của Người, những đặc trưng mang bản sắc Hồ Chí Minh về vấn đề này là gì?

Trước hết, cần khẳng định rằng quan niệm “nước lấy dân là gốc” không phải là sáng tạo của Hồ Chí Minh. Tư tưởng về Nhà nước dân chủ nói chung của Hồ Chí Minh là sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa tư tưởng pháp lý – chính trị dân chủ phương Tây, tư tưởng khoa học và cách mạng của học thuyết Mác-Lênin về nhà nước với tư tưởng tiên bộ trong các học thuyết chính trị phương Đông và truyền thống “lấy dân làm gốc” của dân tộc ta.

Trong hệ tư tưởng chính trị - pháp lý phương Tây từ thời cổ đại đã xuất hiện tư tưởng tiến bộ về dân chủ, về nhà nước pháp quyền của Aristot. Những tư tưởng tiến bộ này được phát triển rực rỡ đạt đến những thành quả to lớn trong giai đoạn cách mạng tư sản với sự thể hiện tư tưởng về phân chia quyền lực, tư tưởng đại diện nhân dân của Montesquieu, và đặc biệt là tư tưởng chủ quyền nhân dân của J.J. Rút-xô, tư tưởng về quyền lực thuộc về nhân dân của Cách mạng tư sản Pháp, của bản Tuyên ngôn độc lập của nước Mỹ. Những tư tưởng tiến bộ của toàn bộ lịch sử khoa học chính trị phương Tây đã được tổng kết lại và phát triển lên thành những tư tưởng khoa học và cách mạng của Học thuyết Mác Lênin về Nhà nước.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về nước lấy dân làm gốc còn là sự kế thừa, phát triển những tư tưởng tiến bộ trong học thuyết chính trị phương Đông truyền thống. Hơn 4000 năm trước đây, từ sự suy vong của các triều đại thời Hạ, Thương, Chu, trong tư duy chính trị đã nảy sinh khái niệm “dân là gốc” (dân bản). “Dân là gốc” trở thành bài học quan trọng bậc nhất đối với sự còn mất của chính quyền. Bài học này sau được Khổng Tử đúc kết như sau: “Đạo đức chính là ở chỗ chính sự được giải quyết một cách thỏa đáng, còn vấn đề cơ bản của chính sự lại ở chỗ lo cái ăn, cái mặc, lo dạy dỗ cho dân”; “...Dân mới chính là gốc của Nhà nước, gốc có vững thì nước nhà mới yên ổn...”. Tuân Tử cho rằng “Vua là thuyền, dân là nước, nước có thể chở thuyền, nước cũng có thể lật thuyền”, câu nói này của Tuân Tử sau được Nguyễn Trãi - nhà chính trị luôn lo cho dân, luôn quan tâm đến việc an dân - tâm đắc và luôn lấy đó để răn bảo Thái tử nhà Lê. Không chỉ có Nguyễn Trãi, trong tư tưởng của các nhà yêu nước Việt nam trước Nguyễn Ái Quốc cũng thể hiện rõ tư tưởng này, Hưng Đạo vương Trần Quốc Tuấn nói: “Khoan thư sức dân làm kế sâu rễ bền gốc”, Phan Bội Châu quan niệm rằng: “Dân vẫn là đại biểu cho trời mà quyền dân vẫn thay được quyền trời, dân tức là trời, đời xưa vẫn đã có như vậy”.

Vậy khái niệm “dân” bắt nguồn từ đâu và vì sao lại đóng vai trò lịch sử to lớn như vậy? Chữ “dân” như vẫn được dùng như ngày nay có nguồn gốc từ chữ triện, đó là hình tượng con mắt bị cái que đâm thủng. Sở dĩ như vậy là vì thời xa xưa khi hai bên đánh nhau, lúc đầu tù binh bị bắt đều bị giết sạch nhưng về sau được giữ lại để làm nô lệ. Vì sợ đám nô lệ này chống đối nên người ta phải làm cho chúng mù mắt. Như vậy, “dân” vốn là nô lệ, là tầng lớp thấp kém nhất trong xã hội. Nhưng bởi vì số lượng đông đảo, lại là nhân tố chủ yếu tạo ra của cái xã hội, cho nên có ảnh hưởng rất lớn đối với tình hình kinh tế - chính trị. Với Việt nam, lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc ta trải qua hơn 4000 năm đã chứng minh, nhân dân là người sáng tạo ra lịch sử, nhân dân là nguồn gốc của quyền lực nhà nước. Những chiến thắng của Hai Bà Trưng, Bà Triệu, đến những chiến công hiển hách tại Bạch Đằng,

Chi Lăng hay Ngọc Hồi, Đống Đa đều được viết lên từ sức mạnh của quần chúng nhân dân. Hồ Chủ Tịch từng nói: Nhân dân ta có một lòng yêu nước nồng nàn, mỗi khi đất nước lâm nguy, lòng yêu nước ấy biết thành ý trí quật cường đập ta mọi kẻ thù xâm lược. Thật vậy, lịch sử dân tộc ta đã ghi nhận vai trò của các tầng lớp nhân dân là hết sức lớn lao và đã được coi như nguồn gốc của sức mạnh đập tan mọi kẻ thù của dân tộc trong suốt quá trình dựng nước và giữ nước mấy nghìn năm của dân tộc ta.

Có thể nhận thấy rằng bài học về "dân" đã được cảm nhận sâu sắc từ hơn ba nghìn năm trước đây, nhưng do hạn chế của lịch sử mà nhân dân dù được coi là nguồn gốc của sức mạnh, dù dưới triều đại phong kiến nào, cho dầu điểm tựa đó là "dân" hay là "vua quan", cho dầu nhà cầm quyền là "cha mẹ" của dân hay là "công bộc" của dân, thực ra "dân" trong xã hội phong kiến cuối cùng cũng chỉ là phương tiện mà thôi, vẫn phải phụ thuộc quyền lực của vua quan phong kiến. Chỉ đến khi nước Việt nam dân chủ cộng hoà ra đời dưới ánh tư tưởng Hồ Chí Minh quan niệm "dân là gốc" (dân vi bản) mới được hiểu và coi trọng đúng với vai trò lịch sử của nhân dân là sáng tạo ra lịch sử. Với sự ra đời của Nhà nước dân chủ, nhân dân ta từ kiếp nô lệ đã trở thành chủ nhân thực sự của đất nước, có quyền quyết định vận mệnh của mình, Nhà nước là công cụ để nhân dân thực hiện quyền làm chủ, đó mới thực sự là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân.

II. Thanh tra nhân dân - một hình thức để "Nhân dân giám sát Nhà nước" và sự thể hiện nguyên tắc "dân chủ đặc sắc" của Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

1. Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân và vấn đề lấy "dân là gốc"

Chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh quan niệm rằng, vấn đề cơ bản của mọi cuộc cách mạng là vấn đề chính quyền Nhà nước và việc giành chính quyền Nhà nước là nhiệm vụ vĩ đại của giai cấp công nhân. Thắng lợi của Cách mạng Tháng tám của dân tộc Việt nam và sự ra đời của Nhà nước Cộng hoà trên nền chế độ phong kiến, thực dân là một minh chứng hùng hồn cho quan điểm đó. Lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng của các dân tộc thuộc địa, một đảng mới 15 tuổi đã lãnh đạo Cách mạng thành công, đã nắm chính quyền trong toàn quốc. Tư tưởng Hồ Chí Minh về khối đại đoàn kết dân tộc dưới sự lãnh đạo của đảng là nhân tố quyết định sự thắng lợi của cách mạng nói chung, cách mạng tháng Tám nói riêng. Người luôn quan niệm cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, chính quần chúng nhân dân là nhân tố quyết định vấn đề cơ bản của cách mạng: Vấn đề chính quyền Nhà nước. Vì

vậy, Nhà nước do lực lượng cách mạng của quần chúng nhân dân làm chủ, Nhà nước là của dân.

Ngay từ khi mới thành lập nước Việt nam dân chủ cộng hoà, Hồ Chủ Tịch luôn chú ý đến quan niệm “dân là gốc” (dân vi bản) truyền thống. Tuy nhiên, quan niệm “dân là gốc” của Người có khác với quan niệm thời phong kiến. Người nhắc lại quan niệm “dân là gốc” không phải chỉ nói theo khẩu hiệu như thời phong kiến mà nhắc lại không những để làm mà còn cần phải chuyển đổi “dân bản” sang “dân chủ” trong xã hội mới trên nền tảng xã hội cũ. Trong nhà nước dân chủ, Nhà nước không còn là bộ máy cai trị của thiểu số bóc lột mà là nhà nước của dân, do dân và vì dân. Nhà nước là công cụ để nhân dân thực hiện quyền làm chủ của mình. Các cán bộ, công chức không còn là tầng lớp quan lại, là “cha mẹ”, là kẻ cai trị dân mà là “công bộc” của dân, phục vụ vì lợi ích của nhân dân. Nhân dân thực sự trở thành nguồn gốc của quyền lực nhà nước. Nhà nước đã trở thành tổ chức quyền lực của nhân dân hay nói khác đi nhà nước chính là quyền lực của nhân dân được tổ chức dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản để phục vụ lợi ích của chính nhân dân. Về đảng cầm quyền Người cho rằng: *"Trong một nước dân chủ thì mọi người đều có tự do tin tưởng, tự do tổ chức. Nhưng vì hoàn cảnh và trách nhiệm, tôi phải đứng ra ngoài mọi đảng phái. Nay tôi chỉ có một tin tưởng vào dân tộc độc lập. Nếu cần có Đảng phái thì sẽ là Đảng dân tộc Việt Nam. Đảng đó sẽ chỉ có một mục đích làm cho dân tộc ta hoàn toàn độc lập. Đảng viên của Đảng đó sẽ là tất cả quốc dân Việt Nam, trừ những kẻ phản quốc và những kẻ tham ô ra ngoài"*.

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, “dân là gốc” không chỉ có nghĩa coi dân là công cụ, là phương tiện cần thiết để đánh đuổi kẻ thù, giành độc lập dân tộc như trong chế độ phong kiến trước đây. Với Người *"...nếu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc, tự do, thì độc lập cũng không có nghĩa lý gì"* để nhân dân thực sự có hạnh phúc, tự do, dân chủ thì phải xây dựng một Nhà nước dân chủ, trong Nhà nước đó dân làm chủ và nhân dân làm chủ, một Nhà nước mà *"Bao nhiêu quyền hạn đều của dân"*. Quan điểm đó thể hiện trên thực tế là nhân dân tổ chức ra các cơ quan nhà nước, trực tiếp hay gián tiếp (thông qua các cơ quan đại diện) thực hiện quyền lực chính trị của mình: *"Chính quyền xã từ Chính phủ đến Trung ương do dân cử ra. Đoàn thể từ Trung ương đến xã do dân tổ chức nên. Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân."* Và do vậy, *"Các cơ quan Chính phủ từ toàn quốc đến các làng đều là công bộc của dân, nghĩa là để gánh vác việc cho dân chứ không phải để đè đầu dân"*. Người cũng khẳng định *"nước ta là nước dân chủ. Bao nhiêu lợi ích đều vì dân. Bao nhiêu quyền hạn đều của dân"* *"Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân"*. Nguyên tắc hoạt động của các cơ

quan Nhà nước là: Việc gì có lợi cho dân dù nhỏ cũng phải làm, việc gì có hại cho dân dù nhỏ cũng phải tránh, đừng thấy việc lợi nhỏ không làm, đừng thấy việc hại nhỏ không tránh.

2. Kiểm tra, giám sát của nhân dân - một cơ chế quan trọng để bảo đảm thực hiện quyền lực Nhà nước thuộc về nhân dân

Hoạt động của các cơ quan Nhà nước thực chất là quá trình thực thi quyền lực Nhà nước đã được nhân dân giao phó. Trong quá trình hoạt động các cơ quan nhà nước luôn có xu hướng dễ bị tha hoá, trở thành độc đoán, độc tài, chuyên quyền và luôn tiềm ẩn nguy cơ ngăn cản tự do, dân chủ do việc sử dụng quyền lực sai mục đích vì động cơ cá nhân. Để có một Nhà nước thực sự lấy có sự chuyển đổi từ “dân bản” thành “dân chủ” tránh được mọi sự lộng hành từ phía cơ quan nhà nước và các công chức nhà nước đòi hỏi phải có sự giám sát, kiểm soát việc thực hiện quyền lực Nhà nước, trong đó, giám sát hoạt động Nhà nước từ phía nhân dân là một kênh thông tin rất quan trọng, bởi người dân trong xã hội dân chủ không phải là đối tượng của sự quản lý nhà nước mà trở thành chủ thể của quá trình thực hiện quyền lực nhà nước. Tư tưởng Hồ Chí Minh về một Nhà nước dân chủ đó là Nhà nước có Đảng là Đảng toàn dân, Nhà nước có toàn quyền và pháp quyền là Pháp quyền toàn dân, đã là pháp quyền toàn dân thì nhân dân phải giám sát hoạt động của nhà nước nhằm bảo vệ “pháp quyền” ấy không bị xâm phạm, về phía nhà nước, hoạt động của các cơ quan nhà nước được tiến hành với phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”. Đây chính là điểm tiến bộ thể hiện sự vĩ đại trong tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề lấy dân làm gốc và là điểm khác căn bản thể hiện quan niệm “dân chủ đặc sắc” trong tư tưởng Hồ Chí Minh.

Nhà nước dân chủ là Nhà nước của dân, do dân và vì dân. Do vậy, nhân dân giám sát nhà nước là thực hiện quyền dân chủ và xuất phát từ vị thế của người làm chủ. Hồ Chí Minh đề nghị “Xin đồng bào hãy phê bình, giúp đỡ, giám sát công việc Chính phủ”, bởi theo Người, giám sát đối với Nhà nước của nhân dân chính là để “giúp đỡ, đôn đốc, kiểm soát và phê bình (Chính phủ)²⁰² để (Chính phủ) làm tròn nhiệm vụ của mình là người đầy tớ trung thành tận tụy của nhân dân”. Với Hồ Chí Minh việc giám sát của Nhân dân đối với hoạt động của Nhà nước không chỉ ngăn chặn những việc làm sai trái, việc lạm quyền của các cơ quan, công chức Nhà nước mà giám sát còn là cách thức để nhân dân hiểu, thông cảm và tin yêu hơn bộ máy nhà nước và đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước của mình, vì vậy, mọi lĩnh vực công tác, hoạt động của Đảng, Nhà nước đều cần phải có sự đôn đốc, kiểm tra của quần chúng nhân dân. Việc được nhân dân giám sát là một vinh dự, một may mắn

của các cơ quan nhà nước , do vậy mọi công tác của các cơ quan này phải dựa hẳn vào quần chúng, hoan nghênh quần chúng đồn đốc và kiểm tra, Trong bức Thư gửi Hội nghị công an toàn quốc, ngày 15.1.1950, Người căn dặn cán bộ: “Phải hoan nghênh nhân dân phê bình công an, để đi đến hiểu công an, yêu công an, và giúp đỡ công an”. Có lẽ, đây mới là cái đích cao nhất, tốt đẹp nhất, lý tưởng nhất trong tư tưởng của Hồ Chí Minh về hoạt động giám sát của nhân dân thể hiện nguyên tắc “dân chủ đặc sắc” của Tư tưởng Hồ Chí Minh về một Nhà nước dân chủ. Quan điểm này của Người còn thể hiện một sự chuyển đổi từ một xã hội “dân bản” sang “dân chủ”.

Đi đôi với việc thực hiện dân chủ trong mọi lĩnh vực hoạt động của Bộ máy nhà nước Hồ Chủ tịch luôn động viên phát huy mọi hình thức giám sát của nhân dân nhằm phát huy được sức mạnh của mọi lực lượng quần chúng nhân dân trong việc giám sát Nhà nước. Người viết: “ở quần chúng, khai hội, phê bình và bày tỏ ý kiến, bầu cử các uỷ ban, các hội đồng, v.v, đó là những cách quần chúng kiểm soát những người lãnh đạo”, vì thế “Người lãnh đạo ắt phải có mối liên hệ chặt chẽ giữa mình với các tầng lớp người, với dân chúng. Giữ chặt mối liên hệ với dân chúng và luôn luôn lắng tai nghe ý kiến của dân chúng, đó là nền tảng lực lượng của Đảng và nhờ đó mà Đảng thắng lợi. Vì vậy, cách xa dân chúng, không liên hệ chặt chẽ với dân chúng, cũng như đứng lơ lửng giữa trời, nhất định thất bại ”. Có thực sự gắn bó với dân, lắng nghe tâm tư nguyện vọng của nhân dân thì mới đảm bảo hoạt động quản lý không đi chệch hướng, không làm hại đến quyền lợi của nhân dân không làm tổn hại đến lòng tin của quần chúng nhân dân vào đảng và Chính phủ.

3. Kiểm tra, giám sát của nhân dân - một trong những cơ chế kiểm tra, giám sát việc thực hiện quyền lực Nhà nước

Vận dụng bài học lấy dân làm gốc theo quan niệm của Hồ Chí Minh, Đảng và Nhà nước ta luôn tôn trọng và không ngừng phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Chúng ta đã hình thành cơ chế kiểm tra, giám sát việc thực hiện quyền lực nhà nước với nhiều phương thức khác nhau phù hợp với yêu cầu kiểm tra, giám sát của từng đối tượng thực hiện quyền lực nhà nước. Bên cạnh các cơ chế kiểm tra, giám sát mang tính quyền lực Nhà nước như: Kiểm tra, giám sát của Quốc hội; Hoạt động kiểm tra, giám sát của các cơ quan quản lý nhà nước; Hoạt động kiểm tra, giám sát của Viện kiểm sát nhân dân; của Tòa án nhân dân. Cơ chế kiểm tra, giám sát của nhân dân là hết sức rộng lớn và có tính chất hỗ trợ cho các cơ chế giám sát mang tính quyền lực nhà nước và để phát huy tinh thần và lực lượng của quần chúng nhân dân tham gia vào hoạt động của Nhà nước. Đảm bảo thực hiện quyền lực Nhà nước

4. Thanh tra nhân dân - Một hình thức nhân dân giám sát nhà nước ở cơ sở

Có nhiều hình thức và mức độ khác nhau để thực hiện quyền kiểm tra giám sát của nhân dân: Giám sát kiểm tra thông qua việc thực hiện quyền khiếu nại tố cáo; giám sát kiểm tra của Mặt trận Tổ quốc và các thành viên của Mặt trận; Giám sát kiểm tra thông qua hoạt động thanh tra nhân dân. Trong đó có thể nói, Thanh tra nhân dân là sự thể hiện quan điểm cơ bản, sáng tạo của Đảng trong việc tổ chức, động viên, tập hợp sức mạnh của quần chúng nhân dân tham gia giám sát hoạt động của Nhà nước góp phần xây dựng nhà nước thực sự của dân, do dân và vì dân. Đồng thời, thông qua việc giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước ở cơ sở, các Ban thanh tra nhân dân sẽ góp phần củng cố, xây dựng chính quyền cơ sở vững mạnh, trong sạch, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả.

Thực thi chính sách của Đảng và Nhà nước, Pháp lệnh Thanh tra trước đây và hiện nay là Luật Thanh tra đã xác định: Thanh tra nhân dân là hình thức giám sát của nhân dân đối với việc thực hiện chính sách, pháp luật; việc giải quyết khiếu nại, tố cáo; việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm ở xã, phường, thị trấn... Điều 11, Luật Thanh tra quy định: Ban Thanh tra nhân dân được thành lập ở xã, phường, thị trấn do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, phường, thị trấn hướng dẫn tổ chức chỉ đạo hoạt động. Đây là cơ sở pháp lý cho tổ chức và hoạt động của các Ban thanh tra nhân dân. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: *“Phải tổ chức sự kiểm soát, mà muốn kiểm soát đúng thì cũng phải có quần chúng giúp mới xong”*. Thông qua hoạt động của các Ban Thanh tra nhân dân, nhân dân có thể thực hiện quyền lực của mình bằng việc giám sát mọi hoạt động của cơ quan, cán bộ, công chức nhà nước trong việc thi hành chính sách pháp luật và những quy định của địa phương. Ban Thanh tra nhân dân không chỉ là chủ thể để tiến hành giám sát, phát hiện mà còn là phương tiện để nhân dân tham gia giám sát. Nhiệm vụ hàng đầu của Thanh tra nhân dân là giám sát thường xuyên, trực tiếp việc thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của nhà nước ở cơ sở; đồng thời động viên nhân dân tham gia giám sát, phát hiện nhằm xây dựng chính quyền thực sự là chính quyền của dân, do dân, vì dân; tôn trọng và phát huy quyền dân chủ của nhân dân. Chính vì vậy, nhiệm vụ của Ban Thanh tra nhân dân chính là góp phần vào việc xây dựng chính quyền nhà nước và bảo vệ pháp luật, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước ở địa phương, như lời Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng mong mỏi: *“Chính phủ ta là Chính phủ của nhân dân, chỉ có một mục đích là ra sức phụng sự lợi ích của nhân dân. Chính phủ rất mong đồng bào giúp đỡ, đôn đốc, kiểm soát và phê bình để làm tròn nhiệm vụ của mình là người đầy tớ trung thành tận tụy của nhân dân”*.